

PATRICK WHITE

NOBEL  
VĂN CHƯƠNG  
1973

# cây người

*tiểu thuyết*

HOÀNG TÚY - MẠNH CHƯƠNG dịch

TAO ĐÀN

tủ sách

Nobel Văn Chương

NHÀ XUẤT BẢN  
HỘI NHÀ VĂN



ALBERT NAMAJIRA

# Cây Người

Patrick White

—★—

Hoàng Túy - Mạnh Chương *dịch*

Nhà xuất bản Hội nhà văn

Tao Đàn *phát hành*

*Tủ sách Nobel Văn chương*

—★—

**ebook@vctvegroup**

*Tặng Manoly*

## PHẦN MỘT

## CHƯƠNG 1

Cỗ xe ngựa chạy giữa hai cây bạch đàn to và dừng lại. Hai cây đó sừng sững giữa một khoảng rừng cây bụi, chúng cao vượt những cây bao quanh, trông đường bệ mà cũng thật mộc mạc. Chiếc xe dừng lại cho ngựa gặm cỏ phía bên kia cây, còn con ngựa, bồm xồm và bình thản như cái cây, thở phì phì rồi đứng yên.

Người đàn ông ngồi trên xe bước xuống. Anh xoa hai tay vào nhau vì trời đã lạnh, mây lạnh tích tụ trên bầu trời nhợt nhạt, còn phía tây rắng màu nâu đỏ như đồng thau. Bầu không khí tỏa ra mùi sương giá. Làn da tê cứng ma sát vào nhau làm không khí lạnh hơn và cảnh yên tĩnh nơi đó càng thêm cô quạnh. Chim ngơ ngác trên cành, còn những con thú giương mắt nhìn xem chuyện gì đang diễn ra. Người đàn ông hạ một bọc xuống khỏi xe. Con chó nhấc chân tè lên một tổ kiến. Con ngựa nhể nhại mồ hôi môi trề xuống.

Sau đó, người đàn ông lấy rìu bổ vào thân cây sợi cốt chỉ để được nghe một âm thanh chứ chẳng vì lý do nào khác. Âm thanh lạnh lẽo và vang vọng. Anh bổ, bổ tiếp cho đến lúc mấy mảnh vỏ cây trắng rơi xuống. Anh nhìn vào vết xước trên thân cây. Im lặng mênh mang. Đây là lần đầu tiên mới có sự việc như vậy xảy ra ở khoảnh rừng này.

Chợt như cố tình xua đi một giấc mơ, anh nhanh chóng tháo càng xe, để lại trên lưng ngựa vết mồ hôi đậm. Anh chằng chặt cặp vó trước của chú ngựa nhỏ chắc mập và đeo túi cỏ vào cái đầu trụ lủi của nó. Anh dùng mấy cái túi và vài cây nhỏ dựng một mái che. Anh nhóm lửa. Cuối cùng, anh thở dài, vì ánh lửa nhỏ đó đã nhen lên trong anh một hơi ấm đầu tiên của niềm thỏa mãn. Của việc được ở một nơi nào đó. Cái mảnh rừng đặc biệt ấy đã trở thành của anh nhờ ánh lửa bập bùng. Nó liếm láp và nuốt trọn nỗi cô đơn.

Lúc này, con chó lông đỏ cũng đến ngồi bên đống lửa, gằn, nhưng không ngay sát người vốn dĩ chẳng thân thiện gì với vật nuôi. Anh không vuốt ve hay nói chuyện với chúng. Chúng có mặt ở đó - cách xa một quãng - là đủ rồi. Con chó đã ngồi đó. Nó đưa mắt hau háu nhìn, vẻ muốn được ăn vì chủ vẫn chưa chịu lấy hộp đồ ăn ở trên xe xuống. Con chó chăm chú nhìn. Cái đói khiến nó phải xếp chân ngay ngắn. Đôi mắt vàng mòn mỏi dán vào chủ trong khi đợi được ăn thịt.

Người đó còn trẻ. Đồi chưa để lại dấu ấn trên khuôn mặt anh. Anh trông dễ ưa; bản thân anh hình như cũng là người tốt. Do chẳng có gì để giấu giếm, nên xem ra cái thể mạnh ấy bị kém một chút. Nhưng đấy lại là sự trớ trêu của lòng trung thực.

Cây cối ở quanh biển mất dần. Trong ánh chiều tối, dưới bầu trời trắng, màu đen của những cành cây, cùng màu đen kịt của rừng cây bụi nhòa trộn vào nhau. Chỉ có đống lửa vẫn cháy. Và trong vòng ánh lửa, khuôn mặt người đó không lộ chút ưu tư trong khi anh xoa thuốc lá sợi trong lòng bàn tay thô ráp một mảnh giấy vuông nheo lại dính ở môi dưới.

Con chó khịt cái mũi. Qua ánh lửa, lông mồm nó sáng lóng lánh. Nó vẫn ngồi theo dõi hành động dằng dai tưởng chừng như không hồi kết.

Mọi chuyện vẫn tiếp diễn, và khói thuốc bắt đầu bay lên.

Người đó đứng dậy. Anh phủi tay. Anh lấy hộp thức ăn xuống.

Con chó lúc ấy mới run rẩy làm sao.

Tiếng đĩa, tiếng nước trà rót vào sắt tây, tiếng bột mì nghe bình bịch. Đâu đó có tiếng nước chảy. Chim ríu rít về tổ. Con ngựa non, sáng lên giữa chùm lông trán, cùng con chó đói bụng, cả hai đều đứng chực con người trẻ đó. Ánh mắt và ánh lửa có một sự hòa đồng.

Lửa hát ánh vàng lên dáng người đang ngồi cắt thịt. Thấy vậy con chó điên cuồng nhảy cẫng lên như con ngựa bất kham. Anh ném thịt cho con chó, nhưng do bản chất, anh làm bộ miễn cưỡng phải làm vậy. Con chó ngón ngấu những tảng thịt béo ngậy, chiếc vòng xích bị đẩy trôi lên phía trên cổ, khiến mắt nó lòi ra. Người đó ăn, miệng nuốt trông đến thô tục do có một mình nên cứ phồng miệng mà nuốt cho trôi, sau đó uống nước trà nóng có pha mùi sắt, cốt để cho trôi hẳn. Hơi ấm dâng lên. Giờ anh thấy tỉnh người. Anh ngửi thấy mùi rơm phảng phất từ cái giỏ thức ăn khi con ngựa đang nhai. Anh ngửi thấy mùi gỗ tươi cháy. Anh gối đầu lên chiếc vòng ẩm ướt thào ở cổ ngựa. Và cái hang lửa to lớn, như một chốn cung mê, cuốn anh vào. Anh dang chân tay, bưng bưng trong ánh lửa, người mỗi lúc một ấm lên, nhưng đột nhiên lại bị tắt ngấm giữa làn khói nhẹ nhẹ và giữa dòng suy tư mệt mỏi.



Tên người đàn ông này là Stan Parker.

Lúc anh chưa ra đời, mẹ anh đã muốn đặt tên con mình là Ebenezer, nhưng rồi anh không phải mang cái tên đó vì ông bố, một con người tục tĩu, có lông bụng, đã cười nhạo. Do đó, bà mẹ không nghĩ đến cái tên ấy nữa. Bà là một phụ nữ không có tính hài hước và hơi sợ sệt. Lúc đẻ anh ra, bà gọi anh là Stanley, vì dấu sao cái tên đó cũng thuộc loại đáng kính trọng. Bà vẫn nhớ đến tên nhà thám hiểm mà bà đã đọc.

Mẹ cậu bé đã đọc khá nhiều qua cặp kính gọng vàng, mỏng mảnh hầu như không ôm được hết cặp mắt xanh ướt át của bà. Bà đọc sách, lúc đầu là để tự vệ trước những nỗi sợ và những chuyện khó chịu. Bà tiếp tục đọc vì, ngoài câu chuyện ra, văn học còn mang lại một vẻ phong nhã mà bà khát khao. Sau đó, bà trở thành nhà giáo. Tất cả những chuyện ấy đã diễn ra trước khi bà lấy chồng. Tên bà là Noakes. Và bà nhớ là mẹ mình đã kể rằng ở quê nhà có một người tên là Noakes đã cưới giáo sĩ của chúa đất.

Bản thân bà không làm điều như vậy. Do sai lầm hoặc do bị quyến rũ bà đã lấy Ned Parker, một anh thợ rèn tại khe Willow, một kẻ nát rượu và đã có lần xung phong trả lời bài giảng của cha xứ, nhưng lại là người có thể uốn cong thanh sắt thành nút thắt đồng tâm. Chuyện đó không có gì hào hoa phong nhã, nhưng ít nhất bà còn được sức mạnh cơ bắp bảo vệ. Vì vậy cô Noakes đã trở thành bà Parker, và về mặt nào đó cũng trở nên sợ hãi nhiều hơn trước.

- Stan - có lần mẹ anh nói - con phải hứa sẽ yêu Chúa và đừng bao giờ đụng đến một giọt rượu nhé.



- Vâng ạ, cậu bé trả lời, vì cậu đâu đã trải qua những cái đó, và mặt trời ánh lên trong đôi mắt cậu.

Trong ánh lửa vọt vờ mà anh nhóm lên, chàng thanh niên nhớ đến bố mẹ và Chúa của mẹ - một hình ảnh dịu dàng lơ nhờ xanh. Anh đã cố hình dung Chúa của mẹ bằng đường nét có thực, nhưng không sao thấy được. Nào, Chúa ơi, anh đã từng bật kêu lên, nằm mở mắt nhìn vào bóng tối. Đôi lúc anh lại nghe thấy bố chửi bới và vắng tục ở phía bên kia cửa.

Bố anh không phủ nhận Chúa. Trái lại. Ông là một thợ rèn, chỉ chăm chăm nhìn vào lò lửa. Ông đập đe và những tia lửa bắn tung tóe. Sức khỏe trong ông bốc cháy, tiếng nhạc kim loại đình tai nhức óc, át đi mùi hôi thối của móng ngựa cháy, nhưng không làm lòng tin của ông mai một. Có lần, lóp ngóp từ dưới mương lên, về nhà sau cơn bí tử, ông thậm chí đã trò chuyện với Chúa, rồi chơi với bầu lầy cánh của thiên thần đang phẫn nộ, trước khi ông say không biết trời đất gì nữa.

Chúa của bố mà cậu bé nhìn thấy, căn bản là một ông Chúa nổi giận, hung hăng, Người xuất hiện giữa những tiếng ợ hơi, ngón tay đầy vết chai vung lên kết tội. Ông là Chúa của những vị Tiên tri. Và đây là vị Chúa mà bản thân cậu bé ngờ vực và sợ hơn là vị Chúa dịu dàng của mẹ mình. Dẫu sao, đấy mới là khởi đầu. Ở khe Willow, Chúa vít những cây tới mức chúng lay phấp phới theo chiều gió như những chùm râu. Chúa đổ mưa xuống những mái nhà lợp tôn, cho đến khi thậm chí những ông già bà cả trở nên trầm tư, nhỏ bé hơn và vàng vọt hơn trước ngọn đèn muội khói, và Chúa đã cắt cổ cụ

Joe Skinner, mà nào cụ có tội tình gì, mọi người quen biết đều thấy cụ là ông già tử tế, thích bẻ vỏ bánh mì vãi cho chim ăn.

Đây là một trong những điều, chàng thanh niên nhớ lại, mẹ anh không cố gắng giải thích. “Đó là một trong những sự việc đã xảy ra”, bà bảo.

Nói vậy, rồi bà lúng túng quay mặt đi. Có nhiều điều bà không có lời giải đáp. Vì lý do đó, bà không hợp lắm với những người đàn bà khác, đa số gần như biết tuốt, còn những gì họ không biết nghĩa là chẳng đáng để biết. Thế nên mẹ của Stan Parker sống cô độc. Bà vẫn tiếp tục đọc; nào là tập thơ của Tennyson đóng bằng khóa móc đồng, bên trong có ép những bông hoa violet, nào là tuyển tập Shakespeare ố lố chỗ vì bị ngập nước, rồi đến những cuốn danh mục sách, niên giám, những sách công thức nấu nướng, một bộ bách khoa toàn thư và cuốn từ điển địa lý, tất cả tạo nên cung cách đọc sách riêng biệt nhằm để che chở cho tâm hồn bà. Bà đọc sách, rồi bà thực hành sự ngăn nắp, tựa như bà có thể sắp xếp mọi thứ trật tự theo cách đó; chỉ có thời gian và một sách phá hủy những nỗ lực của bà cùng linh hồn những con người cố bật khỏi bất cứ cảnh ngộ tù túng nào giam hãm họ.

Chẳng hạn có chàng thanh niên con trai bà - giờ đây nằm bên đồng lửa nhỏ, đầu gối trên chiếc vòng cổ ngựa - đã vượt mọi khuôn khổ. Anh đã bật thoát ra, không chút bứt rứt, anh là người mà ta thường gọi là một anh chàng tốt, kiểu tốt đối với mẹ mình, nhưng vì lý do nào đó anh lại là một sinh vật riêng biệt. A, - mẹ anh bảo, - anh sẽ là thầy giáo, hay người giảng đạo, anh sẽ truyền đạt những vần thơ và lời của Chúa. Với lòng tôn trọng những lời đó, bà nghi ngờ

rằng, trong cảnh mông muội và có thiên ý, lại có thể được giải thích rõ được chúng. Nhưng đối với con bà, người đã đọc vở kịch *Hamlet* của Shakespeare, những đoạn kinh Cựu ước, trong đó con người xuất hiện qua từng lời, anh đã đọc vào ban ngày giữa tiếng ruồi bay vo vo và vào ban đêm, giữa tiếng đất khô nứt nẻ, anh thấy chẳng có vấn đề gì phải giải thích. Dù sao thì cũng chưa phải lúc.

Anh không phải là người giỏi diễn giải. Khi nghĩ đến lời gợi ý về công việc, anh như ngồi trên đống lửa. Anh chẳng là gì cả. Anh chỉ là một con người. Từ trước đến giờ anh vẫn tự nuôi sống được mình. Từ trước tới giờ, sự huyền bí không phải là mối quan tâm của cá nhân anh, những mối hoài nghi mới chỉ là những tiếng âm vang yếu ớt. Đúng là anh có nhìn thấy biển, và cảnh ồn ào hỗn độn ấy đã khoét sâu trong anh một cái hang chứa chất đầy ngỗ ngược và huyệt hẫng. Cả những lời ca lướt đi trong cát bụi và những cây tiêu của một thị trấn vào lúc trời chạng vạng thực sự đã trở thành một cái gì đấy của riêng tư. Và có lần, một người đàn bà nào đó, một gái điếm, chẳng trẻ mà cũng chẳng đẹp, đã dán mặt vào ô kính cửa sổ nhìn chằm chằm ra ngoài, nên Stan Parker nhớ mặt người đó vì anh đã cùng chia sẻ cái xa xăm mà mắt cô ta nhìn vào.

Song, bếp lửa đang lụi dần, anh nhìn thấy, với những nghĩ suy lạnh lẽo ấy. Anh run lên, rồi nhào người khều những cục than đỏ để chúng lại thổi bùng thành ngọn lửa trong đêm tối. Nơi anh nằm hiện tại vẫn tương đối ấm. Con ngựa non đứng chỗ rìa ánh lửa, nó khụy gối, túi cỏ vẫn treo ở trên đầu, lúc này đã hết nhẵn và bị lãng quên. Con chó lông đỏ - từ nãy vẫn nằm tì mõm vào chân - trườn người lên đánh hơi và liếm cổ tay chủ nó, người theo nguyên tắc lại đẩy nó

ra. Trước cửa chỉ ấy, con chó thờ dài. Còn người đó cũng vững dạ trước sự có mặt của chính con vật.

Đêm đã buông xuống cái kén ánh sáng nhỏ bé, đe dọa sẽ phá tan nó. Làn không khí lạnh thổi ào ào qua những cành cây, lao vào những thân cây, rồi nằm chùng chát lạnh lẽo trên mặt mương. Đá rên rỉ vì lạnh. Trong những chiếc đĩa hứng nước lỗ chỗ trên mặt đá, nước đông lại và kêu lách tách.

Người đàn ông vừa ra khỏi giấc ngủ gà ngủ gật liền phàn nàn về cái xó xỉnh khốn khổ giá lạnh, anh cứ quấn chặt hơn các bao tải quanh người.

Nhưng anh biết cũng chẳng làm gì được nữa. Anh biết rằng chiếc xe của mình dừng lại ở đâu, thì mình phải dừng lại ở đó. Chẳng còn cách nào khác nữa. Anh cố gắng tận dụng chiếc túp lều mình đã khóa chặt vào. Khó có thể nói là bước vào túp lều này bởi mấy phần do ý chí, mấy phần do số mệnh. Hay có lẽ số mệnh là ý chí. Dù sao Stan Parker cũng khá ngang bướng.

Anh chẳng phải là thầy giáo cũng chẳng phải là nhà truyền giáo như mẹ anh từng hy vọng, gần như cho đến tận giây phút khi họ đặt bà dưới bãi cỏ vàng hoe ở chỗ rẽ của khe Willow. Anh cũng đã làm thử qua nghề này nghề nọ. Anh đã từng chăn đàn cừu gầy trơ xương, một đàn bò đông lúc nhúc, lông bóng mượt; anh đã đào một chiếc giếng trên đá rắn, xây một ngôi nhà và giết một con lợn; anh đã từng cân đường cho nhà kho ở vùng quê, chữa giày và mài dao. Nhưng anh không theo đuổi nghề nào lâu, do biết mình không chủ định làm.

“Đấy, anh chàng Stan đấy”, mọi người bĩu môi, thở phì và bảo vậy vì họ cảm thấy đây là người có thể tấn công được.

Do khi nhìn qua lối cửa, họ thấy anh - với dáng dấp một cậu bé - đang thổi ống bễ cho bố, nên họ nghĩ rồi ra anh sẽ bám rễ ở đấy thôi.

Bám rễ ở đấy lại đúng là mong muốn của bản thân anh thanh niên Stan Parker; nhưng đứng ở đâu, và làm thế nào mà đứng được? Trên các đường phố, những cánh cửa sổ mở, trên những con đường cát bụi, cây cối bám chắc rễ khiến lòng anh tràn ngập một nỗi buồn khao khát về một sự vĩnh hằng. Nhưng chưa thể có được. Đó là một cuộc vật lộn giữa hai ước vọng. Lúc còn là một cậu bé đứng giữ móng ngựa cho bố, thổi bễ, hoặc cạo những mảnh vụn xám bám quanh vỏ ngựa hoặc vun những đồng phân vàng gọn ghẽ, anh đã ném trải nỗi bất hạnh của những ước vọng đó. Ôi, còn nơi đây với ánh mặt trời và ruồi bay vo ve không lúc nào ngớt, lại là sự thanh bình của vĩnh hằng; mọi hình dáng đó đều quen thuộc, việc nối tiếp việc, ngày tháng trôi đi liên tục. Đứng trong ánh sáng của một ngọn lửa này, thật khó lòng mà mà diễn giải được toàn bộ mọi ngọn lửa. Và lại, anh yêu quý người bố lúc nào cũng ợ hơi, mình đầy lông lá, và khi người thợ rèn đó cuối cùng đã chết vì rượu rum và một cơn đột quy anh đã khóc lóc thống thiết.

Rồi, hơn lúc nào hết, nỗi nhớ sự vĩnh hằng và lòng thèm khát được xê dịch giằng xé trong người cậu bé đúng vào lúc cuộc đời cậu kết thúc và bắt đầu.

- Ít nhất con cũng là niềm an ủi của mẹ Stan ạ, - bà Parker nói, mũi bà trở nên nhỏ đi và đỏ hồng lên, không phải vì sàu muộn nhiều,

mà vì nhớ lại bao sự việc khiến bà thống khổ trong một thế giới chẳng tốt đẹp gì.

Cậu bé nhìn mẹ với lòng kinh hoàng, cậu hoàn toàn không hiểu mẹ định nói gì, nhưng biết chắc mình không thể đáp lại nỗi mong đợi của mẹ.

Những bức tường của căn nhà gỗ đang được dỡ ra. Cây tiêu xòa vào tận gối cậu, thế rồi bụi đường đã ở ngay chân cậu. Vào một sáng sớm, khi sương còn lạnh bên ngoài ửng, cậu đứng dậy ra đi tìm sự vĩnh hằng. Rồi cậu cứ đi, đi mãi trong bấy nhiêu năm, chẳng thu lại được gì nhiều nhận ngoài những cơ bắp, chai sạn trong bàn tay, và những nếp nhăn đầu tiên trên mặt.

- Hừm, Stan, giờ con đã là người lớn rồi đấy, - có lần mẹ anh nói lúc anh đi qua lối cửa ọp ọ của căn nhà ở khe Willow và bắt gặp mẹ đang lục lọi các thứ trong ngăn kéo.

Cứ như thể là lần đầu tiên bà chợt tỉnh ra và ngạc nhiên nhận thấy sự thay đổi.

Cả anh cũng kinh ngạc, vì anh không hề nhận thấy trưởng thành có gì khác biệt.

Hai mẹ con lúng túng một lát.

Sau đó, qua đôi vai và đường gân trên cổ mẹ, Stan Parker biết rằng chẳng bao lâu nữa mẹ sẽ qua đời. Trong phòng còn thoảng mùi những lá thư cũ.

Bà anh bắt đầu nói về tiền trong nhà băng. “Bố con đã để lại một khoảng đất trên vùng đồi phía sau đây đây, mẹ không biết tên nó, với lại nó chẳng hề có tên, bà con cứ gọi đó là đất của ông Parker, ừ, có miếng đất ấy đấy. Bố con đã chẳng coi nó ra gì. Miếng đất đó có được khai phá đâu. Ông ấy nói của vứt đi mà. Song có những chỗ đất tốt lắm. Khi vùng này phát triển chắc nó sẽ có giá trị đôi chút. Đường sắt là một phát minh kỳ diệu, và dĩ nhiên giúp ích cho người có đất. Vì vậy, con giữ lấy mảnh đất đó, Stan ạ, - bà bảo, - cho chắc ăn.”

Giọng bà Parker không còn chút xúc động nào. Nghe trống rỗng và đều đều.

Song hơi thở anh dồn dập hơn, tim anh đập thình thịch bên mạng sườn - đây là giải thoát hay tù đày? Anh không biết. Chỉ có điều mảnh đất bỏ đi, vô danh này sắp trở thành của anh, và như thế là lần đầu tiên cuộc đời anh đang hình thành.

- Thừa mẹ, vâng ạ, - anh nói.

Bao giờ nghe mẹ nói tới những vấn đề quan trọng thì anh cũng vậy. Rồi anh quay mặt đi để che giấu niềm tin chắc chắn của mình.

Ít lâu sau, mẹ qua đời, anh khẽ sờ bàn tay giá lạnh của mẹ, rồi chôn cất mẹ và bỏ đi.

Có người nói anh chàng Stan Parker không có tình cảm gắn bó với mẹ, nhưng thực ra chỉ vì anh không hiểu rõ mẹ mình.

Khi anh thanh niên đó vĩnh viễn bỏ đi trên chiếc xe mua lại của Alby Veitch, cùng con ngựa chưa thuần lông bờm xồm, thì chẳng ai



bạn tâm chú ý cả. Khi xe lăn bánh trên vết đường mòn đã tan băng và gà quang quác chạy tránh đường thì chỉ có một, hai người ngừng tay đập thảm hay nhào bột và nhận thấy Stan ra đi. Ngay sau đó, không còn lý do gì để nhớ đến gia đình Parker từng ở nơi đó. Vì hiện tại đã thắng thế.

Stan Parker đi tiếp qua đầm lầy và sỏi đá, đến những vùng đồi núi có mảnh đất của anh. Suốt hôm đó, chiếc xe cũ kêu lạch cạch và chồm lên, sườn con ngựa khỏe bóng nhẫy mồ hôi. Con chó lông đỏ bước lê bên xe. Cái lưỡi hồng của nó, theo chiều dài của chặng đường thè ra quét cả xuống đất.

Vậy là họ đã đến nơi, ăn và ngủ, sáng ra, giữa sương giá, bên cạnh đồng tro lửa, họ đứng trước một viễn cảnh phải lựa chọn cách sống. Phải làm cho cuộc sống đó có mục đích. Phải vật lộn với sự im lặng, cùng sỏi đá và rừng cây. Sống sao nổi giữa một thế giới lạnh giá.

Thế giới đó, chẳng khác gì những ý đồ của nó, vẫn còn bị giam hãm một cách lạnh lùng, ảm đạm. Đôi lúc cỏ ngầy ngầy dưới răng, giò đây chắc hẳn đã gãy gập, sắc như thủy tinh, sỏi đá chắc hẳn đã thu hình nhỏ lại, vậy mà suốt đêm đó cứ tác oai tác quái. Không khí hút cạn hơi ấm của chim chóc như cổ nút chặt không để chúng bay.

Nhưng không một chú chim nào chịu khuất phục.

Ngược lại chúng tiếp tục khuấy động sự im lặng. Còn chàng trai, sau khi đã thườn thọt thờ dài liền đi thu dọn các túi đồ, trong đó còn nghe nổi lên tiếng rơm rạ lạo xạo và một, hai chú rệp bầu bạn, bèn vùi đầu vào công việc buổi sáng. Không còn cách nào khác.

Anh chẳng còn biết làm việc gì ngoài vét đồng tro, ngoài việc vận động toàn thân dùng rìu đẵn những khúc gỗ xám xịt nằm ngả ở đó, làm giãn huyết mạch; cả mảnh đất đã tan hết tuyết đang trở nên sinh động; những vệt cỏ dài uốn mình nghiêng ngả khi mặt trời đã ló; những tảng đá đấm mình trong ánh dương thanh bình; tiếng nước chảy thoát đầu khe khẽ rì rào, sau nổi rõ ở đâu đó; mặt trời mỗi lúc một lên cao cuốn theo làn khói mảnh mai nhưng đều đều từ đồng lửa anh thanh niên đã nhóm.

Một chú chim nhỏ đuôi dựng đứng thấp thoáng ở đó, một mẩu vụn bánh mì dưới chân anh.

Anh thanh niên nhá mẩu bánh mì cũ. Hàm răng anh đều đặn, chắc khỏe, ánh nắng lung linh quanh cằm. Hệt như bằng vàng.

Ngụm nước trà ấm trôi xuống ngấm dần khắp người, anh thấy sung sướng.

Trời mỗi lúc một rạng. Stan Parker nhồm dậy và sau khi đi loảng quảng một lát, cốt chỉ để ngắm những gì của mình, anh bắt đầu phạt rừng cây bụi. Cây đầu tiên anh phạt, loạt lá rơi xuống phá tan sự im lặng như tờ. Công việc khá ngon. Nhưng đây cũng là cuộc vật lộn vất vả với bụi rậm, bất cứ chỗ nào thao tác cũng cực kỳ chật vật, bất thần xuất hiện từ phía sau, để lại lời cảnh cáo ở ngay trên da thịt những thông điệp bằng máu. Anh đã lột cả cái quần đen nhăn nhúm ra. Thân hình vàng óng của anh quần quai, không phải vì đau đớn, mà vì quá sốt ruột. Mê muội trước viễn cảnh, anh chẳng còn thấy cây cối quất vào da thịt gây vết thương thật sự. Anh làm mãi miết, và mặt trời đã hun khô cả máu.

Nhiều ngày trôi qua như vậy, anh tiếp tục phát quang đất đai của mình. Con ngựa vạm vỡ, lắc lắc chùm lông trán còn nguyên vẹn, kéo căng sợi xích và di chuyển những khúc gỗ. Anh tiếp tục đốn và đốt. Đôi lúc do quá say mê làm việc vì mục đích ma quái, các xương sườn dường như trôi dưới lớp da của anh. Đôi lúc miệng anh đầy tư lự, vốn thường ươn ướt, do khát đã trở nên nghiêm khắc, cứng lại đóng vẩy trắng. Song anh vẫn đốt và đốn cây. Đêm đến, anh nằm trên đồng bao bố và lá cây, trên mảnh đất lúc này đã yên tĩnh, mềm mại, để xương cốt được giãn ra. Anh lăn ra ngủ như chết.

Giữa đám cây bụi cháy loang lổ, còn chưa chịu chấp nhận bộ mặt thay đổi của mình, anh nhanh chóng dựng một căn nhà, hay nói cho đúng hơn, một túp lều. Anh mang về những súc gỗ được tạo hình. Chậm rãi. Anh dựng những thanh gỗ đã đẽo. Từng thanh một. Chặt đóng những thanh gỗ mảnh. Cả những tháng ngày cũng chồng chất lên nhau. Mùa lại mùa tiếp nối đến trên khu đất anh đã khai khẩn. Nếu ngày thổi bùng trong lòng anh cơn giận thì tháng lại làm dịu lắng, vì vậy thời gian đó trôi đi, vừa hình thành vừa làm tan biến.

Song căn nhà vẫn đang được xây giữa những gốc cây đã ngừng chảy nhựa. Đúng là một biểu tượng hơn là một căn nhà. Mấy bức tường gỗ ghép vào nhau là ổn rồi. Nhà có cửa sổ đón ánh sáng lọt vào căn phòng hình chữ nhật, có ống khói, bằng sắt tây uốn theo hình hộp diêm, rớt cuộc cũng có khói bốc lên. Cuối cùng, anh dựng thêm hàng hiên rất thấp, chỉ như một hàng mi nhưng nào ai cấm chứ. Nhìn qua các hàng cây, đó là căn nhà đơn sơ nhưng bình dị mà chàng trai đã xây nên.

Giá có láng giềng, chắc nhìn thấy khói cuộn đều đặn qua ống hình hộp diêm hẳn phải dễ chịu lắm. Nhưng đào đâu ra hàng xóm. Chỉ thỉnh thoảng vào những ngày yên tĩnh hơn mới thấy vọng lại từ một chốn xa thăm thẳm, tiếng rìu bỗ thành thịch như tiếng tim đập mạnh. Chỉ ở rất xa. Xa nữa, có tiếng gà gáy. Tưởng tượng chăng. Xa quá!

Họa hoàn anh đánh chiếc xe cao vồng của mình đến chỗ đó. Cả khu đất trống đầy tiếng con chó lông đỏ sủa và kêu ăng ẳng vì bị cột chặt vào cái cọc ngoài hiên. Rồi khi im lặng trở lại, đôi mắt vàng của nó nhìn theo xe. Một con vẹt bắt chợt bay qua trên khoảng không xanh ngắt. Một chú chuột sáng bóng trên sàn nhà đất. Con chó bị bỏ rơi cuối cùng cũng phải im lặng. Thậm chí tuy bị xích, nó cũng không còn gắn bó với căn nhà mộc mạc của anh nữa.

Lúc nào cũng thấy chàng trai đánh xe đi chở về đủ thứ: một cái bàn và mấy chiếc ghế trầy xước, có ghép gỗ mun, một chiếc giường sắt, to và kêu cọt két, vài thanh chắn song đầu giường bị trẻ con uốn cong để thò đầu qua được. Anh còn mang về cả những nhu yếu phẩm như bột mì, một chai thuốc giảm đau, thịt muối, dầu hỏa, khoai tây giống và gói kim khâu, cùng rơm yếm mạch cho con ngựa bồm xồm, cả trà và đường bị rơi vãi ra sàn nhà khi giã lên cứ kêu lép nhép.

Chiếc vòng cổ của con chó gần như bóp nghẹt đứt cổ nó khi anh ta về, và lần nào nó cũng vui mừng nhảy cẫng lên khi người thấy mùi các thứ mang về.

Rồi có lần anh đã biến mất một thời gian, lâu hơn mọi lần, lúc về mang theo một người đàn bà ngồi cạnh anh trên chiếc xe, tay nắm

tắm ván và chiếc mũ bệt của mình. Lúc chị ta bước xuống xe, con chó được tháo xích ra, ngهنển cổ, vẫn còn ngờ ngợ là mình đã được tự do, ngón chân run lên, im lặng đánh hơi quanh viền váy.

## CHƯƠNG 2

Xuôi dọc theo bờ biển có thị trấn Yuruga, nơi Stan Parker thường đến để thăm một người anh họ của mẹ anh Clarrie Bott. Lúc còn là một chú bé đi đôi ủng to tướng, anh đã biết thành phố đó và thực ra anh cũng đã lao động mấy tháng ở gần Yuruga, trong một trại nuôi bò sữa. Về sau hề đến gần Yuruga, anh liền nhớ đến mùi những con bò vào buổi sáng còn đang ngái ngủ, mùi những thùng đựng sữa ấm áp chờ mang đi thanh trùng, và cảm giác khi sờ vào đầu vú con bò, thoát tiên to và dẻo như cao su, rồi sau đó chúng xệ xuống trống rỗng như cái găng tay ngớ ngẩn.

Thật ra, hồi đó khi đi thăm người anh họ Clarrie của mẹ mình, Stan Parker đã là một thanh niên. Người anh họ làm nghề bán vải, có cái bụng như quả dưa hấu nhỏ dưới cái tạp dề vải trúc bầu, khác với cái bụng tướng của ông bố thợ rèn. Clarrie Bott hoàn toàn khác. Ông chưa phát phì.

Ấy vậy mà người bác bán vải của anh cũng đã có ba cô con gái nghịch ngợm, đó là Alice, Clara và Lily, cả ba đã búi tóc như người lớn và thích thú trò chuyện về cái thời mà Stan Parker đã trải qua. Lúc nào cũng thấy các cô khi làm bánh xốp mềm, khi viết những lá thư nhạy cảm cho bạn bè, khi thêu những miếng vải lót cốc và khăn trải bàn, khi chơi đàn dương cầm, khi bày mấy trò tinh nghịch. Kể

một thanh niên tràn đầy sức lực như Stan Parker mà có bị căn nhà của các cô gái thu hút thì cũng là điều hoàn toàn tự nhiên. Đâu phải vì ý định là một cô gái nhà Bott sẽ lấy con trai người thợ rèn, lấy chính anh, người có bàn tay chai sạn và một túp lều ở trong rừng.Ồ, không đâu. Nhưng bản thân các cô con gái nhà Bott không nề hà gì mà lại chẳng như anh chàng cắn câu, hay sốt ruột nóng lòng chờ anh tỏ dấu hiệu âu yếm. Ba cô Alice, Clara và Lily háo hức đợi dịp để cự tuyệt người em họ Stan của mình, mà nếu thấy không cần phải cự tuyệt thì cũng làm cho anh tan nát cõi lòng. Họ đợi. Như chờ kem tan.

Anh thanh niên Stan chẳng cầu hôn, thậm chí còn không có cả ý định hôn mấy cô chị họ nữa. Tại sao thế, thật khó nói. Anh ngần ngại hay đại loại như vậy. Bởi vì, lẽ ra với cái lưng ong và những ngón tay xinh xắn, cùng tài làm bếp các cô sẽ chắc chắn khiến anh bị rung động. Kết quả là anh trở thành đối tượng bị căm ghét trong gia đình ông Bott. Đặc biệt vào hôm, gần như là chuyến thăm cuối cùng, anh đã đánh vỡ một góc cái giá chậu bằng cẩm thạch ở căn phòng đẹp nhất. Mọi người liền khẳng định ngay rằng Stan Parker rấp tâm làm vậy, do đó họ sẽ không bao giờ mong đợi một điều gì khác ở người con của bác thợ rèn.

Buổi tối Stan Parker đánh vỡ giá chậu lại đúng là buổi tối khiêu vũ để quyên tiền cho quỹ nhà thờ. Một hành động như vậy vào một dịp như thế chắc hẳn gây bàng hoàng cho Stan, vậy mà anh đã đá mảnh cẩm thạch vào một góc cứ như đó là mảnh tôn hay gỗ. Đầu óc hoàn toàn bình tĩnh anh thấy cửa sổ phòng đầy sao.



Suốt đêm hôm đó cây đàn vĩ cầm thao thức cò cữ những điệu valse. Chàng thanh niên mặc một bộ quần áo không thích hợp, anh trầm tư đưa mắt dõi theo trình tự của điệu vũ bốn người. Anh không ngạc nhiên. Những thân hình lấp lánh ánh vàng chụm lại rồi xòe ra, khuôn mặt các cô gái rạng rỡ giữa tiếng cười khúc khích. Đôi mắt trầm tư của anh đã che chở anh trước mọi sự tấn công. Anh hoàn toàn không có gì tự vệ. Nhưng không ai dám.

Một lát sau, lúc anh dường như có thể quan sát kỹ những khuôn mặt của buổi khiêu vũ, sau khi anh thở dài và ngồi vắt chéo chân trong bộ vải xéc nóng ngắt thì bà vợ cha xứ bước qua phòng, người hãy còn hơi ấm của những cái bánh bà nướng, và những chương trình bà đã chép ra, rồi trẻ con được cho ăn, khăn ăn được thay, còn mọi người xô đẩy nhau không biết bao nhiêu lần trong đêm hôm đó, bà - miệng thở không ra hơi, đuôi tóc dính cả vào miệng - đang chuẩn bị sắp xếp một cuộc giao kèo hết sức quan trọng mà tế nhị.

Anh chưa kịp bỏ chân xuống thì bà vợ cha xứ đã biến mất, và nhường chỗ cho một cô gái gầy gò.

Cô gái quay đầu nhìn quanh nhưng không nhìn anh.

- Ngồi xuống đây, - anh bảo cô gái.

Trong lúc ngấm nhìn, đôi bàn chân của anh cứ rê rê trên những phiến đá hoa, vẽ phân vân không rõ nên kính trọng hay tự vệ.

Cô gái ngồi xuống.

Đôi cánh tay cô ta rất gầy.

- Đây là buổi khiêu vũ đầu tiên trong đời em, - cô gái nói.

Đôi bàn tay cô - trông không nuột nà bằng của ba chị em nhà Bott - cứ bầu vào những nếp váy màu xanh. Rõ ràng là chiếc váy quá to, và thực ra là của bà vợ cha xứ, bà Erbey đã lấy ở trong cái hòm bỏ xó từ lâu mang ra cho cô mượn.

Giá như cô ta đừng tới thì hơn, Stan Parker thầm nghĩ.

- Hừm, trời thế mà nóng, - anh nói.

- Bên ngoài lạnh anh ạ, - cô gái trả lời, rồi đưa tay đụng vào một vật gì đấy, như váy mình bị làm sao ấy.

- Thì cả một đám đông người thế này hít thở trong một căn phòng mà lại.

- Anh ạ, - cô gái nói, - bà Erbey có lần kể với em về một người thợ lặn, bà ấy đọc trong một cuốn sách rằng anh thợ lặn đã sử dụng hết cả không khí.

Rồi họ nhìn nhau, giữa biển nhạc. Người da nâu trở nên vàng hơn. Những lúc lặng gió, mái tóc đen của cô chảy xuống như dòng suối.

- Anh không khiêu vũ? - Cô gái hỏi.

- Không, - anh nói.

Cô định thổ lộ một điều gì nhưng đột nhiên lại thôi. Lòng can đảm đã làm cô gái khéo léo hơn. Môi cô nhoẻn một nụ cười.

- Đứng nhìn thế này cũng thú vị lắm rồi, - cô nói.

Trông cô toát lên vẻ xảo trá. Anh thấy cô ta hơi hoảng, thế đã quá đủ rồi.

- Tên anh là gì? - Cô gái hỏi.

- Stan Parker, - anh trả lời.

Cả căn phòng mỗi lúc một vang dội tiếng nhạc và tiếng cười của những người khiêu vũ, vì vậy khó có thể nghe được câu hỏi, nhưng cô biết anh đang hỏi lại mình.

- Tên em ấy à? - Cái miệng mỏng của cô cười.

Sau đó cô cúi đầu và nhanh chóng viết nguệch ngoạc vào một mảnh giấy bằng chiếc bút chì con mà bà Erbey đã đưa cho cô tối hôm đó để ghi tên những người khiêu vũ cùng, rốt lại chẳng có ai cả.

Anh thấy mí mắt trên khuôn mặt hơi cúi xuống của cô ta trở nên tối xẫm, và chút bóng hiện ra dưới hai bên lông quày.

- Đấy, - cô thoáng cười.

- *Amy Victoria Fibbens* à? - Anh chậm rãi đọc, giọng đầy ngờ vực.

- Vâng, đúng đấy. Dẫu sao cũng phải có một cái tên chứ, - cô gái nói.

Chăm chú nhìn vào đôi mí sụp xuống, mắt anh để lộ mình đã quên cái tên đó coi như thứ nhãn mác thừa thãi. Nhưng mí mắt cô không nhận thấy điều đó.

Lúc này Stan Parker sực nhớ lại cô gái gầy gò đó.

- Cô là người nhà Fibbens ở Kellys' Corner hả?

- Vâng, - cô ta nói, mặt tư lự. - Nhưng em không phải con nhà ấy đâu. Bố mẹ em mất cả rồi. Em mồ côi mà anh. Em sống với chú và thím là những người nhà Fibbens ở Kellys' Corner.

Cô xem ra bồn chồn đùa nghịch chiếc váy màu xanh, chiếc dây lưng bị buộc rồi cởi nút không biết bao nhiêu lần.

- À, tôi nhớ ra rồi, - Stan Parker nói.

Như thế thì càng gay hơn.

Vì anh lại nhớ đến cái nhà kho ở Kellys' Corner, nhớ đến những đứa trẻ chơi đùa dưới trời mưa. Gia đình nhà Fibbens có một lô một lốc trẻ con, nên khi đi chơi, chúng kéo rông rần, chân đi đất đập tung bụi hay té bùn chung quanh. Anh nghĩ chắc cô gái này đã từng bị bùn ngập đến cằm chân trần. Anh nhớ chỉ có một lần cô ta đi giày, có lẽ đây là lần đầu tiên cô ta được nâng cao lên, và một dãy trẻ con nhà Fibbens đi theo sau.

- Anh hồi tưởng gì thế? - Cô hỏi, cố nhìn thấy điều đó trên gương mặt anh.

Nhưng không được. Những gì cô nhìn thấy chỉ là gương mặt của một thanh niên và dường như chưa bao giờ giáp sát như thế này.

- Anh hồi tưởng gì thế? - Chiếc miệng ồm ồm của cô nói.

- Nhớ lại cô. Chẳng biết còn có gì nữa không, - anh nói.

Nếu anh chàng này mà bắt lương, - cô ta tự nhủ. - Mình sẽ đi ngay lập tức, không lồi thoi gì cả.

- Như thế nó chưa đủ tồi tệ vậy, - cô gái cười, đung đưa đôi bàn tay.

- Lúc đó tôi đang làm cho Sam Warner, tận Narrawan thỉnh thoảng vào tối thứ Bảy tôi cũng ra thành phố.

- Ông chú của em cũng làm việc cho nhà Warner kiếm tí chút.

- Thế à, ông ấy làm nghề gì? - Anh hỏi.

- Ôi, em quên mất rồi, - cô ta thở dài.

Chẳng qua là vì ông già Fibbens làm nghề hút phân bò dồn vào bao tải. Đúng, chỉ làm để kiếm tí chút, bởi vì về phía ông chú Fibbens mà nói, luôn chỉ là tí chút. Ông ta thích nằm trên một chiếc giường kê dưới tán cây và ngắm nhìn móng chân mình từ xa.

Amy Fibbens chẳng yêu mến gì chú hay thím. Cô cảm thấy chẳng yêu quý bất cứ ai, tuy cô tỏ ra tôn trọng một cách chưa đúng mức đối với bà Erbey, vợ cha xứ, người mà cô đã đến giúp việc vào ban ngày từ lúc cô mới mười sáu tuổi. Ở đây cuộc đời cô cũng chẳng khác mấy so với cuộc sống trong túp lều nhà Fibbens. Cô rửa

mặt mũi cho lũ trẻ con. Cô quấy cả một nồi cháo đặc vào buổi sáng. Thế nhưng cô chỉ được ăn những đầu thừa đuôi thẹo của chiếc bánh pudding. Song cô được đi giày hần hoi.

Vì thế cô thích bà Erbey. Nhưng Amy chưa được ai yêu, trừ mẹ mình, yêu một cách đến là bực mình, trong một thời gian ngắn trước khi mẹ chết. Cô gái gầy gò đã từng mong đợi cái gì đó cuối cùng sẽ xảy ra, bởi vì nó, thường xảy ra, nhưng đây là những mong mỏi rụt rè và hoàn toàn có tính chất lý thuyết.

Sự suy tưởng làm cô im lặng giữa lúc nhạc đang nổi lên, và anh thanh niên, vui vẻ trước những câu hỏi và câu trả lời, đã tiến đến gần hơn một chút, và anh vui sướng.

Stan Parker thấy chưa từng gần gũi một cô gái nào. Thậm chí cả đến miệng người đàn bà không quen biết nọ ngồi khao khát bên ô kính cửa sổ. Cô gái gầy gò trở nên quen thuộc đối với anh lúc họ ngồi bên nhau trong im lặng kéo dài. Tiếng nhạc nghiêng ngả, tiếng cười nói của những người khiêu vũ lắng dần, vững tâm về vẻ đẹp và thông minh của họ. Chỉ có khuôn mặt cô gái - đã mất vẻ ranh mãnh - là không có vẻ tự tin. Stan Parker biết cô gái này. Cũng như tất cả những đồ vật bị quên lãng đã trở nên quen thân và mang cùng một nỗi luyến tiếc quá khứ, như cái cốc bằng sắt tây đặt trên những mảnh vụn bánh mì chưa được quét khỏi mặt bàn kia chẳng hạn. Không gì đáng thêm muốn hơn sự giản dị này.

- Em phải đi đây, - Amy Fibbens nói rồi đứng dậy, trong bộ váy thùng thình.

Không biết anh chàng Stan, mà người ta đổ cả kem trứng vào cánh tay, suốt tối đến giờ ngồi làm gì với cô gái nhà Fibbens nhỉ? - Clara hỏi Lily.

- Đâu đã khuya đến thế, - Stan nói.

- Ồ đúng thế, - cô gái thờ dài. - Em chán mấy thứ này rồi.

Đúng thế, anh biết. Bộ mặt anh nhăn nhó. Anh chỉ đang đợi được cô yêu cầu.

- Anh đừng có vì em mà phải rời chỗ này chứ, - cô gái nói, với vẻ khéo léo như vay mượn ở đâu.

Anh theo cô ta ra khỏi phòng, lưng anh che khuất không cho ai nhìn thấy cô đang đi ra.

Bước chân họ, chứ không phải giọng nói, hòa quyện vào nhau trên những đường phố vắng của thành phố chết. Rèm sắt treo lơ lửng trước cửa các quán rượu tối đèn, mùi bia xông lên nồng nặc. Những giấc mơ vụt ra ngoài cửa sổ. Những con mèo rũ bỏ vẻ thanh lịch giả tạo.

- Chẳng biết thành phố này có còn tồn tại sau một nghìn năm không, - Amy Fibbens vừa nói, vừa ngáp.

Đầu óc anh uể oải, bất định. Anh không hiểu cô định nói gì. Nhưng anh không nghi ngờ về sự vĩnh hằng.

- Nếu thế thật thì em cũng chẳng lo, - cô gái thờ dài.



Giày làm chân cô bị đau, mà những vết bánh xe lún ra đến ngoài ô thành phố lại sâu hơn.

- Sống cả ngàn năm với anh cũng chả vấn đề gì, - đột nhiên anh nói. - Ừ, em sẽ được chứng kiến những sự việc xảy ra. Những sự kiện lịch sử. Và em sẽ chứng kiến cây cối biến thành than đá. Em sẽ có thể nhớ những loại đá hóa thạch, chúng trông như thế nào khi di chuyển.

Trước đây anh chưa bao giờ nói những điều đó.

- Chắc có lẽ sẽ nhiều chuyện xảy ra lắm, - cô gái trả lời. - Chắc cũng có một, hai hóa thạch mà anh không muốn nhớ đến.

Lúc này họ đã ra đến ngoài ô thành phố. Họ vấp phải những con bò lù lù. Có mùi cừu và vũng bùn đang khô. Và chẳng mấy chốc đã đến lối cửa màu vàng của nhà Fibbens nhô ra phía trước, và những vệt ánh sáng vàng lách qua kẽ tường nứt rạn vào bóng tối.

- Hừm, đã đến nơi em phải cởi giày ra rồi. - Cô gái nói.

- Hình như thế, - anh nói.

Anh thắc mắc không rõ cô gái này có phải loại đầy mưu mô không. Cô ta gầy gò và sắc sảo.

Tường nhà cũng không ngăn được tiếng trẻ thức giấc khóc thút thít.

- Amy... y... y phải không?

- Thưa thím vâng ạ, - cô gái trả lời.

Bóng bà Fibbens ngã thành những hình thù mới trên chiếc giường ọp ọp. Đứa con thứ bảy đang quậy trong bụng bà ta.

- Dẫu sao chúng ta cũng đã nói chuyện với nhau. Nói đủ điều, - Amy Fibbens bảo.

Đúng vậy. Họ nói gần như đủ mọi chuyện, vì lời nói thỉnh thoảng gặp dịp để tuôn ra mọi thứ trên đời. Chẳng khác gì bóng tối ùa vào cái gốc cây trắng dưới một tán cây bụi bặm.

- Anh có lại đây nữa không? - Cô gái hỏi.

- Thứ Bảy tuần sau - người thanh niên bản tính chậm chạp nói.

Anh lại rất đổi kinh ngạc.

Dưới cái cây buồn bã, nhiều lá hơn vỏ, bên cạnh khuôn mặt mờ mờ của cô gái với niềm mong mỏi lồ lộ, trong một khung cảnh mờ ảo có tiếng bò thở, cừu nhai anh đã bộc lộ ý định của mình.

- Ồ, - cô gái nói. - Thế thì...

- Amy... y... y! - Thím Fibbens gọi, những bóng người quỵện vào nhau trên cái giường đầy sợ hãi của bà. - Đừng huyền thuyên nữa. Vào đây.

- Vâng ạ, - cô gái nói.

- Người ta đều có thể chết, - bóng người phàn nàn, - và chỉ có những con ruồi mới hiểu nổi. Kể từ khi tôi uống được trà tôi mới đến đây.

Có những người ở nơi đây đã bảo bà Fibbens thô như bao tải.

### CHƯƠNG 3

Stan Parker quyết định sẽ không lấy cô gái nhà Fibbens, nếu quyết định đó chỉ là tính toán thiệt hơn. Anh chỉ biết rằng mình sẽ làm điều đó và vì không có lý do gì trì hoãn tổ chức lễ cưới, nên nó đã được tổ chức rất sớm trong một nhà thờ nhỏ tại Yuruga, trông hơi xiêu vẹo do những bàn tay kém khéo léo hơn kỳ vọng xây cất trên một mảnh đất gồ ghề.

Ông Clarrie Bott đến nhà thờ vì, như ông đã giải thích cho bà vợ khó tính và các cô con gái làm mình mẩy của mình, mẹ của Stan Parker là em họ quá cố, hay nói đúng ra đã qua đời của ông. Chú Fibbens cũng có mặt ở đó - ông đi ủng - cùng một dúm người trong nhà, trừ bà thím, còn đang cho đứa con thứ bảy bú. Lễ cưới được tổ chức thì chỉ bà Erbey là có lợi về mặt tình cảm. Bà rất vui mỗi lần dự đám cưới, nhất là khi bà quen biết cô dâu. Bà đưa Amy Fibbens quyển Kinh Thánh, một chiếc áo gằn như mới (chỉ bị sém một tý ở gằn thắt lưng), và cái nạo hạt nhục đậu khấu nhỏ bằng bạc mà ai đó đã tặng bà tại lễ cưới của chính mình, nhưng bà chẳng biết dùng nó vào việc gì.

Amy Parker mân mê cái nạo bằng bạc trong tay, và cũng thấy có khó khăn tương tự, nhưng đây là vật đẹp nhất cô từng thấy, nên cô đã chân thành cảm tạ bà Erbey.

Hôm đó trời đẹp, nhưng lạnh, trên bậc thềm nhà thờ buồn tẻ, Amy Parker xếp chỗ cho mình và đồ đạc hành lý vào chiếc xe của chồng, chuẩn bị rời Yuruga. Chiếc nạo bằng bạc được nhét vào túi cô, chiếc áo bị sém giấu ở dưới chiếc áo vét, trong tay cô cầm quyển Kinh Thánh và đôi găng bằng bông.

- Tạm biệt Amy, - chú Fibbens lầm bầm.

Gió làm ông chảy nước mắt, và vành mắt rất đỏ. Mấy cô em họ cào kéo.

- Tạm biệt chú, - Amy bình thản nói. - Tạm biệt các em! - Vừa nói cô vừa đưa tay phất nhẹ vào mông một đứa.

Cô hoàn toàn bình tĩnh.

Cùng lúc ấy người bán vải, người đã tặng mấy thước vải trúc bầu, đang bảo chú rể tận dụng cuộc đời, còn anh chàng thanh niên, tập trung vào cái khác, chỉ nheo mắt và gật đầu với cung cách hoàn toàn khác với anh. Mới từ sáng tới giờ mặt anh đã gầy xẹp.

- Cuối cùng chỉ có lòng tôn kính, - người bán vải nói, bộ ria méo xệch đi, - chỉ có lòng tôn kính mới đáng kể.

Người thanh niên đứng gật đầu như một cậu bé khi người bán vải thao thao bất tuyệt về sự khôn ngoan của mình.

Cuối cùng, lúc những đứa bé ném một dúm gạo và bà Erbey đứng nhón chân vẫy tay, khi vỗ nhẹ, khi mỉm cười, khi kéo đuôi tóc ra khỏi miệng, rồi lại vẫy tay, lúc đó chiếc xe chuyển bánh rời nhà thờ thấp lè tè, dưới tán lá kim, lòa xòa đâm cả vào mũ, vợ chồng

Parker, giờ họ đã thành vợ thành chồng, biết rằng thế là xong hoặc thế mới bắt đầu.

Chiếc xe lao đi, lăn bánh trên những vết lún ở đoạn đường đó của thành phố. Con ngựa sặc sỡ hát hát chồm lông trán. Mây nhẹ lửng lơ bay.

- Hừm, ta đi thôi, - tiếng cười âm áp của anh vang lên. - Một chuyến đi dài đấy. Em đừng ngại.

- Có ngại cũng chẳng được. - Chị cầm mũ mỉm cười, ngắm nhìn phong cảnh.

Hai tám thân khác biệt lắc lư theo nhịp xe. Vì họ đã thay đổi, từ cái giây phút khắc khoải thề nguyện trong nhà thờ. Giờ đây họ khác biệt, nhưng là một, họ có thể nhìn vào mắt nhau không khó khăn gì.

Có điều, khi thành phố Yuruga đã khuất, mắt Amy Parker lúc này chỉ dành cho phong cảnh. Những gì chị vừa làm, nhất thời hay thường xuyên, cũng chẳng liên quan đến người khác. Chị chẳng thuộc về ai trong cái thành phố đó. Bà thím béo núc ních chẳng có lấy một giọt nước mắt, mà chị nào có chờ mong. Bản thân chị chẳng bao giờ khóc một con người cụ thể nào. Vậy mà giờ đây chị thấy trong lòng nổi lên một nỗi buồn khi phải vật lộn với sự chuyển động của xe. Như thế, qua cách lăn bánh vun vút và qua phong cảnh lùi lại phía sau, chiếc xe như đang đòi chị phải tuyên bố tình yêu của mình. Nó buộc chị phải công nhận sự âu yếm mà cho đến giờ phút này chị vẫn thận trọng lờ đi.

Chiếc xe lắc lư. Con đường làm chị tan nát cõi lòng, nên lúc này Amy Parker - đau khổ trước cảnh ra đi - từ từ bứt khỏi nơi chị đã gửi gắm tình cảm cuộc đời. Chị đã nhìn thấy những bộ xương bò chết, thậm chí còn có giò bọ bên trong, chị nhớ tới con Bidy của bà Venable có những đầu vú ngắn đã bị chết vì bệnh sốt sữa. Giờ đây chị đã cảm thấy. Cái thung lũng ấy, nó ùa tới chị với giấc ngủ ngắn đã bị mùa đông và cả những cơn thỏ khuấy động. Cảnh chấp vá của thung lũng chẳng bao giờ còn sáng chói nữa, ngay cả dưới những hạt sương của thời thơ ấu. Nhưng cái đã và đang còn là cảnh chiếu sáng với những ngôi nhà quét sơn dưới những hàng cây đứng đưa, với những chiếc xe ngựa chở đầy hộp sắt tây sáng loáng mà nông dân dùng đựng sữa, với những em bé mắt nhìn chăm chăm và với những con vịt vầy nước, với khói xanh cuộn lên từ những bếp lửa ban mai, những con chim ác là mướt lông, và những bà vợ nông dân đang lao nhanh vào thành phố trên những cỗ xe ngựa, thỏ khò khè trong bộ đồ nịt sát người và những bộ khăn lông cáo đồ quần quanh cổ, tất cả đều vĩnh viễn phai mờ tại khúc quanh của con đường.

Amy Parker quay lại nhìn nơi đó lần cuối, tay cầm mũ trong gió. Trên đất có một tấm tôn, bay từ nóc nhà Fibbens trong một cơn lốc, và họ cũng đã luôn miệng nói đến chuyện lợp lại. Ôi, chị không thể nào tìm được. Miệng chỉ chực òa khóc.

Anh cất tiếng tặc tặc giục ngựa, lấy dây quất vào chiếc mông đầy lông của nó.

- Em thấy tiếc hả, - anh nói, quờ tay với dọc theo tấm ván để được chạm nhau.



- Em chẳng có gì để mắt ở Yuruga cả, - chị nói. - Đỉnh tai nhức óc và rầy la suốt ngày.

Chị xì mũi. Chị nhớ đến những viên kẹo bi mình ăn ở dưới cầu, rồi đến tiếng bánh xe chạy lộc cộc trên ván cầu, đến những con én bay vào buổi chiều trống trải đó, đôi cánh chúng như những lưỡi hái cắt ngang ánh nắng. Chị không thể thoát khỏi thời thơ ấu của mình. Từ chiếc khăn tay của chị tỏa ra thoang thoang mùi bạc hà buồn da diết.

Anh ngồi yên bên cạnh chị. Có những nỗi buồn của người khác ta không sao chia sẻ được. Nhưng anh biết rõ rằng chị không hề hối tiếc, mặc dầu chị bị xe nhồi rất mạnh, và anh cảm thấy chị đang phải vật lộn với sự chuyển động của xe. Đúng là có cái gì đó cần phải đấu tranh đến cùng. Vì vậy anh thấy vui lòng.

Đây là một chuyến đi dài. Ngay sau đó là con đường rừng đầy cát không thể nào chịu đựng được. Chiếc xe chồm lên, lắc lư. Còn con ngựa thở mạnh, hiên ngang trút sức lực ra khỏi đôi lỗ mũi hồng của nó. Chắc anh chồng muốn nói cho vợ biết: Chúng mình đang qua Nơi Này, Nơi Nọ, hay chúng mình đã đi cách xa Nơi Đây, Nơi Đó hàng bao dặm. Nhưng anh không sao nói nên lời. Đoạn đường quả là xa thăm thẳm.

Được, nếu cần ta sẽ ngồi suốt đời, chị nhủ thầm khi đã khóc hết nước mắt.

Cô gái ngồi, mắt dán xuống đường. Không như những gì chồng mình e ngại, chị chẳng lo lắng gì trong những giây phút lạ lùng này. Do hoàn toàn không hay biết gì về cuộc đời, và cũng do đã sống

một cuộc đời hoàn toàn nghèo túng, chị không dám chắc, mà chỉ biết mình phải quy phục như vậy, chị cố ngồi thẳng người trong chiếc xe. Có thể cuộc đời là một quãng đường toàn đá sỏi, mặt trời và gió lộng màu cát và đụn điệu. Chị đã mặc rất diện cho ngày cưới, và ở một nơi xa lạ, không có gì nổi bật, chị có thể tin bất cứ điều gì.

Song có lúc họ đi qua một cái hộp sắt tây đóng đinh lên một gốc cây, và trong hộp là một hòn đá và một con thằn lằn chết.

Và có lúc những bánh xe đã lao qua làn nước màu nâu và nước mát dịu tung lên thấm vào da thịt nóng bỏng của chị.

Anh nói, đó là khe Furlong.

Chị cảm thấy mình sẽ nhớ mãi tất cả những điều mà chồng chị đang kể cho chị nghe.

Sau đó chiếc xe trở nên sinh động hơn. Gió thổi tạt cả mồ hôi từ vai con ngựa vào mặt họ. Mùi nồng nồng của da ngựa ẩm ướt và mùi lá úa nát mà gió trút xuống từ những lùm cây ở khu rừng đó. Tất cả đều cuốn tung, cành và lá, đàn ông và đàn bà, bờm ngựa và dây cương trong sự phô diễn mà phong cảnh tạo nên. Nhưng chủ yếu đó là sự phô diễn của gió. Gió lấy lại những gì nó đã cho.

- Thế gió luôn thổi ở những vùng này à? - Chị cười.

Miệng anh cử động. Đó không phải là câu hỏi cần trả lời. Và lại, anh thừa nhận và chấp thuận quyền lực vô hạn của khoảng cách.

Nhưng đây lại là cái chị đã không, và có lẽ sẽ không bao giờ chấp thuận. Chị bắt đầu thấy căm ghét gió, và khoảng cách, cùng

con đường, bởi vì tầm quan trọng của chị có chiều lung lay.

Cũng ngay lúc đó gió đã quật gãy một cành cây và quăng nó khô khốc, đen ngòm và quằn quại - đến nỗi vỏ của nó quật vào má chị, trong chốc lát gieo nỗi khủng khiếp cho con ngựa, rồi bị đập vụn, vô tác dụng, trên con đường họ đã đi qua.

A a a, chị hét to, toát ra một hơi thở nóng, bàn tay chạm vào giày phút sợ hãi đầy ảm đạm, ghê gớm hơn cả vết thương, trong khi đó thân thể của anh dán chặt vào sức mạnh của con ngựa.

Khi cả hai người đã lấy lại hơi, anh nhìn vào vết xước trên má vợ. Đó là cái má của cô gái gầy, với khuôn mặt anh đã quen vào cái đêm vũ hội và là người rõ ràng anh đã lấy làm vợ. Anh thấy đầy lòng biết ơn.

Anh yêu, chị há hốc miệng một cách biết ơn, cảm thấy tấm thân rắn chắc của anh.

Da thịt họ thật dễ chịu. Một nỗi dịu dàng chưa từng thấy.

Trước đây họ không hôn nhau nhiều.

Anh nhìn vào xương gò má chị, vào cổ chị được phô ra một cách tự nguyện cho anh.

Chị nhìn vào miệng anh, đôi môi đầy đặn và chẽ ra, bị gió làm cho thô nhám, vào bộ răng trắng có dính máu từ vết thương nhỏ trên má chị.

Hai người nhìn nhau, trao đổi giây phút đầu tiên linh hồn của họ quện vào nhau. Rồi họ lặng lẽ ổn định lại chỗ và đi tiếp.

Không có sự kiện nào khác khuấy động cảnh đơn điệu của cảm xúc, sự nối tiếp của con đường, sự vô tận của bụi rậm vào cái hôm đầu tiên ấy cho đến tận buổi tối, đúng lúc mặt họ bắt đầu trở nên xám xịt, họ đến khu đất trống mà anh đã tạo ra để sống.

Giờ đây thành quả nho nhỏ của anh đã hoàn toàn được phơi bày. Tiếng chó sủa, nửa hung hãn, nửa tuyệt vọng, vọng vào cảnh im lặng thanh bình.

- Đây rồi, - anh nói, tựa như phải nói khẽ và nhanh mới được.

- Ồ, - chị mỉm cười, then thùng, - đây là nhà anh xây à?

Nó cũng chẳng hơn gì túp lều nhà Fibbens. Chị nhủ thầm. Bầu không khí xung quanh im lặng tới đặc quánh.

- Đúng, - anh lẩm bẩm, nhảy xuống, - em thấy đấy, không phải lúc nào con đường cũng trải toàn hoa hồng.

Chị biết mình có thể thấy rõ, nhưng vẫn cứ phải nói.

- Có lần em nhìn thấy một căn nhà, - chị nói, giọng nghe phần chần, như mơ màng, - có một bụi hồng bạch trồng ở bên, và em luôn tự nhủ nếu mình có một căn nhà, mình sẽ trồng một cây hồng bạch. Đó là hoa thuốc lá, bà chủ nhà bảo vậy.

- Hừm, - anh nói, cười, - em có nhà rồi đó thôi.

- Vâng, - chị vừa nói vừa bước xuống xe.

Không xuống nổi, nên chị với lấy tay anh. Con chó đánh hơi quanh viền váy, khiến chị nhìn xuống, ngại ngùng. Sườn nó run rẩy.

- Tên nó là gì anh? - Chị hỏi.

Anh bảo con chó không có tên riêng nào hết.

- Nhưng nó phải có tên mới được, - chị nói.

Lúc lòng tin đã làm cho xương cốt chị trở nên có sức sống, chị bắt đầu lấy các thứ ở trên xe xuống, rồi sắp xếp đồ đạc vào trong nhà, coi như đây là lẽ tự nhiên. Chị thận trọng đi đi lại lại. Chị tạo ấn tượng như mình không can dự vào những gì đã có ở đây. Thực ra, hầu hết thời gian chị nhìn thẳng về phía trước trong căn nhà của chồng mình, cẩn thận đến mức còn có bao nhiêu thứ chị chưa nhìn thấy.

Nhưng chị biết chúng có ở đây. Để sau xem cũng được.

- Có nước đây, - anh vừa nói, vừa đi đến đặt một xô nước bên trong lối cửa.

Chị đi lại trong cái nơi đang trở thành nhà của mình. Chị nghe tiếng rìu anh bỗ. Chị nhòai người ra ngoài cửa sổ, bên ngoài đó dút khoát chị sẽ trông hồng bạch, và ở cả chỗ sườn dốc hãy còn ngổn ngang gốc cây mới đốn trông lởm chởm.

- Bọt mì để đâu hả anh? - Chị gọi. - Em không sao tìm thấy muối.

- Anh tới đây, - anh vừa nói, vừa thu gọn những thanh củi.

Lúc đó đã tối, bầu trời nhợt nhạt như những thanh gỗ nằm rải rác. Khoảng đất trống trải rộng ra. Hai người và những hoạt động quan trọng của họ chắc cũng không thể lộ rõ hơn được. Không còn nghi ngờ gì về tầm quan trọng đó, vì một đã trở thành hai. Một người đã được làm phong phú lên. Những con đường của họ đan chéo nhau, tách ra, gặp nhau và quện chặt nhau. Tiếng họ đến với nhau qua những vực thẳm. Sự huyền bí về mục đích của họ đã giải được sự huyền bí của im lặng.

- Em sẽ thích nơi này. - Chị mỉm cười, bên những mảnh bánh vụn trên bàn, khi họ đã ăn xong chỗ bánh nướng chị làm, và bên những tàn dư còn sót lại của món thịt bò muối.

Anh nhìn chị. Thật ra sâu trong tâm tưởng anh không hề nghĩ là chị lại không thích nơi của anh. Chưa bao giờ anh nảy ra ý nghĩ rằng cái gì phải như thế mà lại không thế. Cây hồng mà hai người trồng đang bắt rễ bên ngoài cửa sổ căn nhà đơn sơ, những bông hoa đầy đặn của nó rơi xuống sàn nhà, tỏa hương khắp căn phòng với mùi thuốc lá sợi bị vò nát.

Ngay lúc còn bé, anh đã có khuôn mặt của một người tự tin. Vài người bảo anh có khuôn mặt lạnh lùng. Nếu anh không kín đáo như vậy, chắc chắn anh đã khó mà cởi mở được. Trí tuệ và thơ ca chảy trong huyết quản anh, nhưng chôn sâu nên không bao giờ có thể khai thác được nhiều. Anh thường tỉnh dậy, giấc mơ đã làm cho bộ mặt anh trông ngờ ngác, nhưng anh thường không bao giờ thổ lộ cái mình đã nhìn thấy.

Vì vậy nhẽ ra anh kể cho chị nghe những điều ngọt ngào, dẫu sao chẳng phải là của anh, anh lại cầm tay chị bên trên những đồ ăn

thừa của bữa ăn khốn khổ. Xương bàn tay anh là của anh, và có thể diễn đạt được bài thơ bị nhốt kín trong anh và sẽ chẳng bao giờ được giải thoát. Bàn tay anh quen với sỏi đá và sắt thép, với cái khế rùng mình của gỗ. Tuy vậy bàn tay đó vẫn run rẩy đôi chút khi học ngôn ngữ của xác thịt.

Đêm đó đã trở thành bài thơ của ánh trăng, vàng trắng non nguyên sơ cắt cong cong từ nền giấy, làm cho ngôi nhà thô kệch nom vỉnh cửu. Hình dáng ngôi nhà bất khả xâm phạm dưới mảnh trăng giấy đó, còn bản thân mặt trăng thì không xao động.

Rồi cô gái gầy gò, sau khi cởi áo xống, sắp xếp lại giày và cuộn tròn đôi găng mà chị vẫn khư khư cầm nơi tay chứ chưa dùng tới, liếc nhìn gương mặt trăng mà lấy lại lòng can đảm. Đồ đạc, trông to lớn dưới ánh trăng, đã bị những thói quen của con người làm cho xộc xệch, song chúng cũng đã quen với những điều đó. Vì vậy chị chỉ bị hoảng sợ một chút, rồi dễ dàng xua tan.

Da thịt dưới ánh trăng trở nên hùng tráng.

Người đàn ông ôm tấm thân người đàn bà và dạy cho nó không biết sợ. Miệng người đàn bà đặt lên mí mắt người đàn ông nói chuyện với anh từ đáy sâu thẳm đầy an ủi của mình. Người đàn ông áp lên thân người đàn bà cái sức mạnh và lòng vị kỷ đôi lúc đáng sợ của mình. Người đàn bà nuốt chửng thứ không có khả năng tự vệ của người đàn ông. Chị có thể cảm thấy nổi ngờ vực rung rung nơi bắp đùi anh, đúng như chị đã trải qua tình yêu và sức mạnh của anh. Chị không sao moi rút ở mình ra mối tình mà cuối cùng chị có khả năng ban cho một cách mỹ mãn như giấc ngủ hay cái chết.

Sau đó, khi trời đã trở lạnh, và mặt trăng giấy đã lặn, hơi bị tả tơi trong lùm cây, người đàn bà chui vào trong chăn, áp sát vào thân hình một người đàn ông đang ngủ đó là chồng mình. Chị nắm chặt chiếc song sắt ở đầu giường và ngủ thiếp đi.



## CHƯƠNG 4

Cuộc sống tiếp tục trong khu đất trống nơi vợ chồng Parker đã bắt đầu sinh sống. Khu đất trống ngày càng lấn vào cây cối, và những gốc cây bị đẵn bắt đầu biến mất trong tro bụi và khói, hoặc mục ruỗng như những chiếc răng già. Nhưng vẫn còn trơ hai, ba khúc gỗ to tướng, có nhiều mắt, dường như không có giải pháp nào đối với chúng, nhưng người đàn bà đôi lúc vẫn ngồi lên đó dưới ánh nắng, bóc vỏ đậu hoặc hong mái tóc trơn của mình.

Thỉnh thoảng con chó lông đỏ ngồi nhìn người đàn bà, nhưng không chăm chú như nhìn ông chủ. Nếu chị có gọi nó, mắt nó lại nheo lại và coi như không thấy. Nó là chó của ông chủ. Vì lý do đó, chị không bao giờ đặt tên cho nó như đã hứa. Nó luôn là “con chó của anh”. Nó bước cứng ngắc qua những gốc cây và những đám cỏ, nhấc chân một cách cứng nhắc. Nó từng giẫm bẹp cây hoa vân anh nhỏ xinh chị trồng trong bóng râm của căn nhà, chị nổi giận cầm củ cà rốt rắn như gỗ ném nó. Nhưng chị ném không trúng. Nó vẫn không đoái hoài tới chị, thậm chí còn có những lúc cười nhạo chị, lưỡi nó thè ra mỗi lúc một dài. Nhưng không phải đấy là tiếng cười nhạo dành cho người đàn bà. Nó không nhìn chị. Nó liếm chỗ kín của nó hoặc nhìn dọc theo mũi lên trời.

Người đàn ông không bao giờ ở xa con chó khi làm việc. Lúc cầm rìu, cầm hái hay cầm búa. Hay là lúc anh quỳ xuống vun trồng những cây non mà anh đã ươm trong các túi đất ẩm. Lá bắp cải non vươn lên suốt sáng. Đó là những lá thỏ đã không gặm nhấm hết. Vào những buổi sáng trong lành của những năm đầu đó, đối với chị, bắp cải vươn lên rõ rệt hơn hẳn những thứ khác, chúng không tan chảy trong ánh sáng dịu hiền.

Những cây bắp cải non, chẳng bao lâu sẽ là những lá có gân, tàn úa vào những buổi sáng sương giá. Lớp thịt, xanh và đỏ tía chạy cùng với lớp nước óng ánh bạc, với những hạt ngọc của ánh sáng, trong mùi đất ẩm áp. Nhưng luôn luôn cuộn lại. Rồi trong ánh nắng chói chang, những cây bắp cải non là những quả bóng cuộn cuộn cơ bắp rắn chắc, cho đến lúc nào đó chúng trở thành những cây bắp cải to, tươi tốt, và đến giữa buổi đã có mùi hăng.

Khi mặt trời đã mọc sau cơn sương muối, nếu người đàn bà đến bên người đàn ông, lúc nhiệt huyết đã xẹp xuống trong mạch máu, anh sẽ chỉ cho chị cách đập tơi đất giữa các luống bắp cải.

- Không phải như vậy, - anh nói, - vì em phủ lấp cả cỏ dại. Thế này cơ.

Chẳng phải vì chị phải được chỉ dẫn. Cũng chẳng phải buộc chị nghe. Cũng chẳng phải anh không biết điều đó, mà vì anh đã có chị ở bên. Đất mềm mại và mệt mỏi sau cơn sương muối. Sau những đợt tê cóng khủng khiếp, và dùng móng tay cào cào, được ở bên nhau quả là tuyệt diệu. Đặc biệt không phải nghe hoặc nói. Anh có thể cảm thấy hơi ấm của chị. Chị đội một chiếc mũ rơm to đã cũ, bị bong nan vì tuột chỉ, làm mặt chị trông quá nhỏ và trắng. Nhưng

người chị đã đẩy ra đôi chút. Chị không còn rùng mình khi quay người lại, hoặc suýt bị gãy hông. Da thịt chị trở nên nhạy cảm và thơm tho.

- Không phải như vậy, mà thế này cơ, - anh nói.

Anh không chỉ bảo cái này cái nọ, mà hướng dẫn động tác di chuyển khi đi giữa những luống bắp cải. Chị bước từng bước ngắn, do những đống đất anh chất lên để làm luống, nhưng động tác của chị đã tỏa lan khắp tầm nhìn của anh. Anh không hay ngẩng lên nhìn trong lúc đập chỗ đất bị đóng băng, nhưng lúc nào cũng vẫn thấy hình dáng chị.

Như vậy anh cũng được chỉ dẫn. Chị đã in hình vào anh.

Thình thoảng chị lại ngẩng mặt khỏi đĩa thức ăn và nói, sau khi đã cắn bánh mì đầy miệng, gang cả mồm lúc nói, tiếng nghe méo mó. Anh nghe và nhớ giọng nói đó khi ngồi một mình. Giọng chị nghe rất sôi nổi, háo hức. Vì chị đã khá háo hức, với bánh mì, và cả tình yêu của anh như một lần được phát hiện.

Da thịt chị ngấu ngiến món thức ăn tình yêu, và nổi giận trước những âm mưu của cuộc sống muốn cướp nó đi trước khi chị được ăn no. Chị thường nhìn qua cửa sổ vào bóng tối, nghe tiếng kim loại và tiếng roi da quất vun vút, nhìn thấy bóng chiếc xe méo mó chất đầy bắp cải cao chót vót như núi dưới ánh sao.

- Em đổ đầy túi đựng nước rồi đấy, - chị gọi to.

Trong lúc đó anh giằng cái khóa cứng queo, và chiếc dây da lạnh ngắt cưỡng lại tay anh; anh đi lại quanh con ngựa và chiếc xe,

chuẩn bị đi bán bắp cải.

- Có một miếng pate dưới cái sandwich đấy, - chị nói.

Nói để mà nói thôi.

Vì cái lạnh trên vai chị vào buổi sáng, và trong giường khi anh đã đi khỏi, tiếng vó ngựa đang nện những nốt cuối cùng trên sỏi đá, còn chiếc xe cót két khúc vĩ thanh. Chị không thể làm ấm lại thêm hình ảnh trong chiếc giường bỏ không.

Đôi lúc anh đi vắng cả ngày và đêm sau phiên chợ, nếu có việc phải giải quyết hay có những thứ phải mua.

Lúc ấy người đàn bà bị bỏ rơi lại trở thành cô gái gầy gò. Đồ đạc quan trọng của cuộc hôn nhân nom như những que diêm để trong căn nhà trống trải. Cuộc sống mỏng manh, non trẻ của chị thật đáng thương trên cái bãi trống ở khu rừng này. Chị bước quanh quần, vạch những tấm bản đồ trên lớp đường kính rơi rải rác, hoặc trên những bụi cây con thấp lè tè sát mặt đất, nhìn chăm chăm vào con kiến.

Thỉnh thoảng chị lầm rầm những lời học được để nói với Chúa.

Chị cầu xin Chúa Jesus xanh xao, buồn bã ban cho mình đôi dấu hiệu hiển linh. Trên mặt bàn gỗ mun trầy xước mà người đàn ông đã mua đấu giá, chị đặt quyển Kinh Thánh bà vợ cha xứ cho. Chị trân trọng giở những trang sách. Chị cầu nguyện hoặc đọc kinh. Rồi chị chờ đợi sự ấm áp, sự hoàn thiện, sự an toàn của tôn giáo. Nhưng để đạt được điều đó, có lẽ có những điều chị phải làm, những điều mà chị không được dạy bảo, và khi Chúa vắng mặt, chị tuyệt vọng

đứng dậy, tựa như chị có thể có được sự bí mật khi tiến hành công việc nội trợ, hay chỉ để đi lại quanh quẩn. Chị ngờ ngợ, biết đâu Chúa lại ban ân sủng cho đôi tay mình, như một con chim bồ câu thạch cao.

Nhưng chị đâu có nhận được ân sủng của Chúa mà người ta đã nói đến dưới lớp kính màu. Khi cô đọc, chị thấy cô đơn. Nếu không, ánh chớp trên bầu trời cũng cho chị hay đời là cõi tạm. Chúa Jesus buồn là một ông già có râu đã phòng đôi má phị phun ra cái chết. Nhưng tình thương của Chúa là tiếng bánh xe ở vào cuối ngày phiên chợ. Và tình yêu của Chúa là cái hôn nồng nàn trên môi. Chị chứa chan tình yêu của Chúa và coi đó là mặc nhiên, cho đến khi Chúa vắng mặt, chị lại nhớ. Chị quá mỏng manh.

Người đàn bà Amy Fibbens bị hấp thụ trong người đàn ông Stan Parker, người mà chị lấy làm chồng. Và người đàn ông, người đàn ông đã hấp thụ người đàn bà. Đó là điểm khác nhau.

Điều ấy không xảy ra với Stan Parker, trong bộ quần áo cứng queo thường mặc đi ra thành phố, chưa từng nghĩ rằng sức mạnh của mình được tăng lên do ăn thịt người. Anh ngón ngấu, và cũng quên cả bản thân mình, khi có lần anh đã ý thức được điều đó, trước mặt những người đàn ông khác. Mà những lời nói của anh cũng không kìm lại được. Anh vẫn còn chậm chạp, nhưng sự chậm chạp của anh đã trở nên, và sẽ luôn là một thứ đạo đức.

Ở cái thành phố nơi những người đàn ông đến để trao đổi chuyện làm ăn, mua bột mì và đường, say rượu, khoác lác và nôn mửa dưới bao lơn các quán rượu, Stan Parker bắt đầu được mọi người biết đến. Anh không tự khẳng định mình, nhưng phát hoặc

nhận những ý kiến, bất cứ khi nào được hỏi. Mọi người bắt đầu nhận ra anh. Bàn tay anh, khớp ngón sần sượng nổi chai, nhận được sự tôn trọng mỗi khi chìa ra nhận lại tiền thừa.

Đôi khi anh cùng những người khác la cà trong quán rượu, chìm đắm giữa không khí hoài cổ như một tấm chăn nùng ấm men bia, lắng nghe những điều họ kể. Cứ miên man như vậy. Những bộ mặt cứng nhắc, ria mọc tua tủa, hay nhăn nhui, sưng húp, hoặc những bộ mặt trống rỗng với đôi mắt xanh của những con người dạn dày sống vô độ. Bò của họ vú căng sữa. Giăm bông, thịt muối và thịt lợn tươi, thì không đâu ngon bằng. Họ được thử thách qua hạn hán, lụt lội và cháy rừng, cơ bắp cuộn cuộn của những con người đó đã làm nên những chiến công thần kỳ. Họ bắt cá và giết rắn. Họ dồn những con bò mộng thành đàn lớn. Họ túm tai những con ngựa bắt kham. Họ ăn và uống, thua và được, đều hơn người. Tiếng nói của họ quyện vào nhau kể lể đủ điều giữa bầu không khí tối tăm, quay cuồng, ẩm ướt và nhớp nhúa của quán rượu. Đó là bầu không khí của đời thực. Đó là một bầu không khí với khói bay tỏa lan, bảng lảng, chỗ có chỗ không, ngập ngừng rồi tan biến. Nếu khói bắt đầu từ lửa, thì chỉ trong chốc lát, nó sẽ tan biến giữa chốn vô vàn hình mẫu đầy phô trương này.

Stan Parker thỉnh thoảng lắng nghe những tiếng nói của họ trong quán rượu, nhưng thấy không cần thiết phải diễn dịch chính cuộc đời của mình thành những lời nói hùng hồn. Cuộc đời của anh sống như vậy là đủ rồi. Vì thế mỗi khi cánh cửa bật mở trước mặt anh, đôi lúc anh phân vân không hiểu liệu họ có thích mình không, liệu mình có thuộc loại người hay cái kính không. Song Stan Parker bỏ đi

dưới hàng bao lơn có chấn song, và con chó ngồi đợi từ nãy giờ liền đi theo anh.

Cuộc sống ở Bangalay, một thành phố chợ, đã không thuyết phục được Stan, thậm chí ngay cả cái bằng chứng vững chắc là Tòa án màu đỏ và nhà tù màu vàng. Anh đánh xe dọc theo những phố thẳng tắp, nơi đây người ta tự thuyết phục mình, rồi qua những căn nhà đá có những cô gái ngồi dưới những cây tiêu trao gửi những điều tâm sự thầm kín và nhám nháp nước dâu. Thỉnh thoảng anh lại khịt mũi như để đuổi ruồi. Chiếc xe lạo xạo một cách xác xược qua vùng ngoại ô. Anh ngồi thẳng người, thà bị đánh gục còn hơn phải tin vào thành phố này.

Anh mỉm cười về sự tồn tại huyền bí của chính mình, về chi tiết có ý nghĩa nhất, huyền bí nhất, đó là vợ anh.

Một lần một bà cụ đội chiếc mũ nhãn nhúm đã lao ra giữa đường hỏi, xâm phạm đến giây phút riêng tư của anh:

- Anh chỉ hộ nhà Delaney ở đâu? Ở phố Smith hay phố Broad, tôi quên khuấy mất rồi, trí nhớ của tôi tồi quá. Anh ta là tay thầu khoán xây dựng cỡ bự, đã từ Glebe đến ở đây. Con gái ông ta lấy con trai cô em gái tôi.

Anh thanh niên, ít nhất cũng biết mặt Delaney, nhú mày nói:

- Tôi là người lạ ở đây cụ ạ, - anh nói, mặt sa sầm lại. Anh bị bắt ngờ.

Cảm thấy ngượng cho vẻ sống sượng đó.

- À, - bà cụ nói, miệng tỏ ra ngờ vực trước anh chàng râu mọc lờm chờm, - tôi nghĩ là anh cũng biết Delaney cơ đấy. Anh ta nổi lắm mà.

Nhưng anh thanh niên lắc đầu. Anh cảm thấy xấu hổ về điều gì đó. Sau đấy, anh ân hận, rồi lo cho số phận của bà cụ, nhưng anh không nói ra cái điều bí mật mà rốt cục cũng là sức mạnh của anh.

Anh thanh niên đánh xe thẳng về nhà sau phiên chợ giữa sự im lặng dễ chịu, giữa sự mơn trớn của cây cối và giữa mùi da thuộc hăng hắc. Quãng đường đã tràn ngập tâm hồn anh. Anh bắt đầu nhớ lại. Anh nhớ đến nhiều điều đơn giản nhưng đáng kinh ngạc: mẹ anh đã chải tóc bằng một chiếc bàn chải, những người lính trên tường thành ở Elsinore, hơi thở của con bò lang vào buổi bình minh, cái miệng cầu nguyện nhưng lòng chưa thành. Những kỷ niệm phong phú đều được ôn lại vào những buổi sáng tinh mơ.

Anh được nuôi dưỡng giữa lòng súng đao, nhưng anh vẫn chưa cần đến Chúa. Trong bộ quần áo cứng queo, anh khước từ mọi tiềm lực của lời kinh cầu. Anh vẫn còn cường tráng. Anh yêu cái cây nhẵn nhụi to cao mà anh còn để đứng sừng sững ngoài nhà. Anh đã yêu. Anh yêu vợ - người đang từ sau lều bước tới, tay xách xô nước, đầu đội chiếc mũ to có nan trông giống những nan hoa xe, và dưới mũ là khuôn mặt gầy guộc của chị. Anh yêu, và yêu mãnh liệt, nhưng đó vẫn là sức mạnh và tình yêu vật chất.

- Hừm, - anh nói, cố che giấu tình yêu của mình, - có chuyện gì thế? Có ai đến hỏi em?



- Chẳng có gì cả, - chị nói, vẻ rụt rè dưới cái mũ, và phân vân không biết có nên để lộ một dấu hiệu nào chẳng. - Anh chờ đợi gì, - chị nói, - một động cơ hơi nước à?

Giọng chị vang lên thô bạo, phá tan sự im lặng lạnh lùng. Chị đứng đung đưa chiếc quai xô làm nó kêu cọt két, âm thanh này khiến không khí bớt ngại ngùng. Chị cũng cảm thấy xấu hổ trước giọng nói của mình.

Chị xấu hổ vì đã không nói được những điều mình phải nói. Suốt ngày chị lắng nghe tiếng nhạc rung trên cổ bò, tiếng chim vang lên như tiếng cười, sự hiện diện của ngôi nhà yên tĩnh. Những suy nghĩ của chị

từng lải nhải âm ỉ, nhưng giờ đây đã lắng xuống.

Chàng thanh niên, chồng chị, nhảy phịch từ trên xe xuống. Chiếc áo khoác chặt ních, hở cả lưng.

- Áo anh chặt quá, - chị sờ vào và nói.

- Trước sau rồi cũng vậy thôi.

Song anh hôn lên môi chị, và rõ ràng đây là mục đích của anh, còn bất cứ những gì khác: lời nói, bộ yên cương, chiếc xe lách qua những gốc cây xám xịt, thậm chí cả chiếc áo co lên của anh, chỉ là một phần lễ nghi của một con chim quá ư tỉ mỉ.

Chị bỏ đi lòng đầy khoái cảm, miệng còn đem theo hơi thở của anh. Chị đi tìm con bò vàng, nó đứng ở đó từ bao lâu rồi, bụng kiên nhẫn, mồm thè lưỡi xanh lè. Con bò già được người phụ nữ trẻ này

đặt cho cái tên là Julia để tỏ lòng ưu ái bà vợ cha xứ. Trước làn ánh sáng này, con bò duyên dáng của chị lại càng duyên dáng hơn, nó đưa mắt nhìn chị bước tới, hơi thở dịu ngọt để chào đón chị. Chị yêu con bò vàng như ánh đồng trong nắng màu cam của chiều tối. Thế giới mở ra. Cảnh thanh bình rơi vào cái xô. Bàn tay chị mới đây vừa vuốt ve lưng chông, dù có suồng sã, lại phô bày thêm nữa những hành động yêu đương. Mọi thứ mà chị sờ vào đều biến đổi. Chị cúi đầu trước con bò và lắng nghe những âm thanh hòa bình.

Một lần, vào khoảng giờ này, có một người lạ mặt đến, họ nhớ mãi ông ta vì là người khách đầu tiên. Ông ta từ con đường mòn tiến lại phía cây chết chỉ dùng để buộc con bò vàng khi vắt sữa. Tiếng bước chân ông hòa cùng tiếng sữa chảy đều đều. Mãi sau chị mới ngẩng lên. Người khách có cái mũi dài, lưng vác một cái bị.

Ông ta bảo là mình đi Wullunya cách đây khá xa, chỗ có con sông lớn chảy qua.

- Chị đã đến Wullunya chưa? - Ông ta hỏi.

- Chưa, - chị trả lời. - Chưa bao giờ tôi đi xa đến thế.

Xa không tưởng. Chị ngồi kẹp chiếc xô sữa nằm giữa hai đầu gối. Con sông chảy cách chị xa lắm.

- Tôi mới chỉ đến Yuruga và đây thôi, - chị nói. - Ồ, cả Bangalay nữa, độ đôi ba lần.

- Tôi có mặt gần như khắp mọi nơi, - ông khách nói.

Chiếc áo cẩu bẩn của ông ta chứng tỏ ông ta chẳng giàu sang gì, nhưng khuôn mặt chắc đã nhìn thấy nhiều, chiếc mũi cũng để lộ cho thấy điều đó.

- Ông có nhìn thấy những thổ dân chưa? - Chị vừa vắt sữa vừa hỏi, tiếng sữa chảy vang lên trong buổi chiều tối tĩnh mịch.

- Trời, - ông ta cười, - nhìn phát chán. Nhiều nơi còn bị bắt ngờ ăn một mũi tên nữa ấy chứ.

Ông ta tỏ vẻ là người có học.

- Tôi quen một phụ nữ, - chị chua chát nói, - đã kể cho nghe rằng bọn thổ dân ấy lặn xuống đáy biển kiếm cá và bắt được thứ gì thì ngậm vào miệng mang lên.

Đôi mắt chị sáng lên khao khát một cái gì đó mà mình không có, hoặc cứ như chị chưa đi đây đi đó, và có lẽ sẽ chẳng thể đi được, vì cứ phải ngồi bên con bò của mình có những đầu vú chảy xệ trong bàn tay đau như của chị.

- Chị có thích văn học không? - Người đó hỏi, tỏ vẻ mình cũng ham thích.

- Ông bảo sao? - Chị hỏi.

- Ý tôi muốn nói, chị còn trẻ thế liệu có thích đọc sách không?

- Tôi có đọc bốn cuốn, - chị nói. - Và khi còn ở Yuruga, tôi có đọc báo.

- Xem này, - người đó nói, thọc tay vào bị, - sách đấy.

Quả vậy, ông ta có vô khối những cuốn Kinh Thánh bọc bì bóng loáng trong cái bị tưng.

- Có cả tranh, - ông ta nói. - Hai mươi bảy bức tranh khắc kẽm.  
Đây,

- ông ta nói, đây là bức tranh Samson đẩy ngòai điện thờ đồ sụp, còn đây là Job đang tần mẫn xem những nốt mụn nhọt của mình. Có thể ông nhà sẽ mua tặng chị một cuốn Kinh Thánh. Đó là một tặng phẩm hấp dẫn đối với một phụ nữ trẻ thích đọc sách.

- Chúng tôi đã có một cuốn rồi, - chị nói.

- Nhưng không phải cuốn có tranh.

- Không, - chị nói, - mà còn phải gọt khoai tây, may vá, chăm sóc bò và bở củi khi anh ấy không có nhà, đôi lúc tôi cũng cầm cuốc đi làm cỏ mọc bừa bãi sau cơn mưa. Thời giờ đâu mà xem tranh, dù đó là những bức tranh trong Kinh Thánh?

Người đó dụi mũi.

- Chị là một phụ nữ thực tế, - ông ta nói.

Chị đẩy cái hộp cũ kỹ vừa ngòai lên để vắt sữa.

- Tôi chẳng biết mình là gì, - chị nói, - tôi chẳng bao giờ được học hành nhiều.

- Chị đã thấy thứ này bao giờ chưa? - Ông ta hỏi.

Ông lôi trong túi ra một chai cổ rụt, có nhãn hiệu *Nước hấp dẫn chính công Thompson*, thuốc giảm mọi vết đau được bảo đảm an toàn (không nói bịp).

- Đầu tư vào vật này cũng tốt lắm chị ạ.

- Ồ, chồng tôi về rồi kìa - chị nói.

Nói rồi chị đi qua mảnh đất, sửa trắng bản quanh xô. Dứt được ông ta nhẹ cả người vì chị bắt đầu thấy mình thiếu kinh nghiệm sống.

- Anh chàng đó là ai thế? - Chồng chị hỏi.

- Ông ta đi Wullunya, bị đưng đầy Kinh Thánh và cái nước của khỉ gì đó trong một cái chai.

- Còn xa mới đến Wullunya. - Anh nói khi người lạ mặt đang thu nhặt những cuốn sách trong túi, gói chúng vào những tờ giấy nhàu nát mang theo.

Ở bãi trống mà trước đây rất lâu là rừng rậm, bóng nắng tắt rất nhanh. Ngôi nhà của họ trông đến là tạm bợ. Bản thân họ cũng là những người lạ ở ngay nơi mình đang ở. Đèn thấp sáng thì nơi đó mới là của họ.

- Ta nên mời ông ta ăn cái gì đó không? - Stan Parker hỏi.

- Được thôi, - chị nói.

- Ông ta có thể ngủ ở bên ngoài hay ở hiên nhà, trên mấy cái túi ấy,

- người chồng nói.

- Nếu có xảy ra chuyện gì thì em không biết đâu đấy, - chị nói.

Bỗng nhiên chị có vẻ tràn ngập nỗi bực mình. Sự kích động chọc tức chị. Giờ đây chị đẹp. Những hành động quan trọng của chị làm choán ngập cả căn buồng sáng đèn khi chị bàn công việc với người khách đầu tiên.

Còn người khách lạ với những cuốn Kinh Thánh, xoa tay vào nhau khi lòng tham lam đã bắt đầu giảm vì thấy mình thấp hèn và khuây khỏa, khi ông ta đã ngửi thấy mùi thịt mà người phụ nữ trẻ đang nướng ở bếp lò. Có ba dẻ sườn và một quả bầu dục lăn đi lăn lại trên cái vỉ nướng. Thịt xèo xèo mỡ, còn quả bầu dục phồng lên, lấp lánh những giọt máu li ti. Lúc ngồi chờ, trong mắt người khách lạ đầy vẻ buồn vì phải kiên nhẫn đợi hoặc vì lo rằng những miếng sườn tức giận kia cuối cùng có thể bị nổ tung.

- Ô đúng, thức ăn, bổ dưỡng lắm, - người mang cái chai nước hấp dẫn, và là người chưa ăn gì ngày hôm đó liền thốt lên một tiếng thở dài.

- Còn thức uống nữa, - ông ta nói. - Có những người phủ nhận những đặc tính bổ dưỡng của rượu, nhưng rồi chị sẽ đọc, tôi tin vậy, chị là người có suy nghĩ nên thể nào chị sẽ đọc thấy rằng đây cũng là một hình thức, một hình thức, xin lưu ý chị, của món ăn trong sạch.

Người khách lạ nheo mắt như đang nhìn qua một kẽ hở. Điều đó làm tăng thêm sự tinh tế của lập luận. Ông ta hỏi đầu, không hỏi

hắn. Mớ tóc còn sót cố gắng tồn tại trên lớp da đầu màu xanh nhạt. Không đội mũ, bộ mặt rám nắng trông ít kinh nghiệm hơn ông ta thể hiện ra.

- Tôi có một ông chú được tắm bồ như vậy. Hiện nay vẫn được nuôi như thế, - người phụ nữ trẻ nói, rồi đặt xuống bàn mấy chiếc chén trắng dày cộp.

- Đó chỉ là lý thuyết, - người khách lạ khẽ nói.

Song hứng lên, anh chồng đã lấy trên cái chạn khạp khiêng xuống chai rượu mà anh đã giữ bấy lâu dành cho một dịp long trọng, và tại sao lại không phải là dịp này, vì lâu nay họ có khách nào lại chơi đâu. Cả lúc này nữa trong ánh đèn, ngôi nhà này đã được khẳng định là của họ. Mọi giây phút ngò vức còn vương vấn lúc chập tối nay tan biến.

- Được - người thanh niên nói, dù có đồ ăn hay không cũng được, đây là giọt rượu rum ngon lành đấy.

- Cho nó phấn chấn con người, - người khách chêm vào như ta vẫn thường làm trước khi chuyển sang những chủ đề có ý nghĩa. - Nó làm tôi nhớ lại dịp ở bên bờ Biển Vàng của châu Phi, nơi tôi có một việc quan trọng với tù trưởng của một bộ lạc thổ dân.

- Trà của ông đây - người phụ nữ nói, cứ như chị muốn bịt tai lại.

Nhưng chồng chị chắc có lẽ đã nghe được nhiều hơn. Miệng anh sừng sốt trước miếng thịt béo mà họ vừa mới bắt đầu ăn.

- Bờ Biển Vàng hả? - Người chồng trẻ hỏi.

Cứ như sự bền vững của đồ đạc là một điều thần bí. Cứ như những hình ảnh lấp lánh khác mà anh thấy trong con người mình chưa được khám phá giờ đây khuấy động và gần như nổi lên trên bề mặt. Anh thấy ngựa ngáy nơi bàn tọa đang đặt trên ghế gỗ thông. Vợ anh đang thổi ngụi một miếng thịt nóng cắm ngập cái nĩa, chị chỉ muốn đứng dậy và hôn vào hai hốc mắt chồng - để anh rời mắt đi.

Cuối cùng để cái miệng đầy đã có chỗ mà nói, người khách lạ giải thích:

- Lúc đó tôi đã tham gia vào một việc, có thể nói là cả công lẫn tư, nhằm điều tra khả năng mua gỗ mun của bộ lạc Ashanti. Những thổ dân rất khó chơi. Nếu không nhờ có một tù trưởng bị đau lưng thì chắc mọi việc đã chẳng đi đến đâu cả. Tôi bảo đưa ra bao nhiêu là rượu.

- Thế lúc đó ông không chia cái món nước kia ra à? - Người phụ nữ hỏi.

- Món nước nào? - Người khách hỏi, tay đang lật nghiêng cái chai cứ như mình được mời, nhưng đồng thời cũng tỏ ra như không trông thấy.

- À, cái món mà ông mang theo trong túi ấy, - chị nói.

- Ồ, đó là việc khác. Đúng vậy - ông ta nói.

Ông ta mút miếng sườn trơ không còn tí thịt nào, miệng bóng nhẫy, nhưng đã ngậm lại.



Suốt cả buổi Stan Parker bị giày vò giữa vàng, gỗ mun và cuộc sống phàm tục bình yên của mình. Anh không muốn nhắc mũ khởi móc và nói: Xin chào, tôi lên đường đến những miền xa xôi đây. Anh thấy chẳng bỏ công làm việc đó. Anh có niềm khao khát tế nhị hơn. Như thể vẻ đẹp của đời này mọc lên từ giấc ngủ, trong căn buồng bằng gỗ chật ních, và anh có thể cầm nó trong tay. Những gì anh chưa bao giờ diễn tả có thể đột nhiên được nói thành lời. Chứa đựng trong anh là những lời ca ngợi tuyệt vời - về tình yêu và vẻ đẹp ẩn sâu dưới bề mặt nếu có thể tìm thấy.

Nhưng rồi anh chỉ nói vắn vẹn:

- Bờ Biển Vàng hả? - Rồi với tay lấy chai rượu.

Sự bất lực và sức mạnh, tất cả đều cùng chảy trong mạch máu của anh.

- Lúc còn bé, - anh nói, - tôi có đọc những tác phẩm của Shakespeare. Chật vật lắm tôi cũng hiểu đôi chút. Chỉ hiểu đôi chút như mọi chuyện khác thôi.

- Văn học, - người khách lạ nói, - niềm an ủi lớn nhất của con người... Ồ, thật ra có lẽ chỉ có độ một, hai thứ có thể sánh cùng thôi.

- Đây, - người thiếu phụ nói, nhặt những mẫu xương đã gặm hết thịt ném cho con chó ở lối cửa.

Lòng chị trĩu nặng trước nỗi buồn của đêm tối, trước linh hồn đã rời bỏ của hai người lúc này không còn ném xương nữa. Mọi thứ văn thơ nào xuất hiện trong cuộc đàm thoại đều rất riêng tư. Mũi của

người khách ửng đỏ khi nói đến vịnh Ethiopia. Chị có bắt gặp thần tình của chồng mình đôi lần nên đành miễn cưỡng tôn trọng.

- Đúng, - người khách lạ nói. - Nếu đây không phải là niềm an ủi lớn lao nhất thì cũng đáng đề cập đến. Được đọc sách hay cũng có cái thú, chẳng khác gì ai đó căng lồng ngực hát bài thánh ca, hoặc lấy một chai rượu từ trên giá xuống. Rồi anh sẽ thấy thích thôi, tôi nói thực đó - ông ta uống một hơi hết chỗ rượu.

- Mặt khác, các vị được xếp đặt khác hẳn.

Nghe người đó nói thế chị lại cảm thấy như mình là trung tâm của câu chuyện, chị đứng tựa người vào chồng ngồi phía bên kia bàn. Chị đưa tay vuốt lớp lông trên cánh tay anh. Chị thấy khỏe hẳn lại.

- Thế là thế nào? - Chị hỏi.

- Bởi vì đấng Toàn năng chưa ra tay. Chị chưa bị nện vào đầu, đá xuống cầu thang và nhổ vào mặt đấy. Hiểu chưa?

Ông già này không những say rượu, mà có lẽ còn hơi bị thần kinh, Stan Parker cảm thấy thế. Nhưng hơi ấm ở người vợ tỏa trên vai anh làm anh tỉnh táo, tránh được những tình trạng như vậy.

- Cặp vợ chồng trẻ nào cũng đều như loài ăn cỏ vậy, - người khách lạ nói. - Họ không cạnh tranh. Thân phận cỏ nội hoa hèn. Họ chỉ cuộn lấy nhau trên giường thôi.

- Còn ông là loại người thích hợp để đi bán rong sách Kinh Thánh, - người thiếu phụ nói.

- Có đủ loại người, - người khách nhếch miệng ngáp. - Và nói đến Kinh Thánh, chị không thể tin được ngọn lửa trong lòng tôi mãnh liệt như thế nào. Tôi choáng ngợp. Đúng thế. Có điều ngọn lửa đó không được bền.

Tóc ông ta xõa xuống, một vài lọn trông đến thảm hại. Hai vợ chồng ngồi tựa vào nhau. Đúng vậy, họ không xúc động. Mặt họ vàng ánh lên sự thỏa mãn thâm kín.

- Bây giờ được anh chị cho phép, tôi đi ngả lưng ở một chỗ nào đó, - người khách nói, nói quần ra cho đỡ căng. - Lại có cả con quay ở đây kìa. Cái vật nhỏ bé xinh thật.

Ông ta chỉ từ xa vào cái vật trên bệ lò sưởi.

- Đó là cái nạo hạt nhục đậu khấu bằng bạc nhỏ tí tôi được tặng vào ngày cưới ấy mà.

- À, cưới xin à! Chúng ta luôn cố để đảm bảo cho bản thân mình!

Ông ta được bố trí nằm ngoài nhà, trên một, hai cái túi. Ông ta ngủ liền.

Mảnh trăng say đắm nhô lên khỏi ngọn cây bắt tử. Túp lều hình chữ nhật nằm xa xa dưới ánh trăng. Bên trong, lửa đã tàn, ngọn lửa không còn làm ấm da người, dẫn đến hậu quả là cái thứ thi ca mà con người dám mộng đến thật là ngốc nghếch. Thói quen đã ngự trị trong người những ai đang cởi áo xống chuẩn bị đi ngủ. Lưng họ xây vào nhau, nhưng họ biết động tác sắp tới phải làm là gì. Họ biết bàn tay họ đang đáp lại nhau. Họ nhận ra tiếng thờ dài của cái giường.

- Amy em, - Stan Parker nói vào má vợ.

Sự tĩnh lặng thật phức tạp.

- Chắc... chắc..., - chị nói. - Ông già ở ngoài nhà đấy.

Nhưng thân hình anh đang ôm ấp, choán lấy người chị. Họ hòa vào nhau trong bóng tối, tràn trề sung sướng. Những bến bờ âu yếm, vuốt ve mở ra chào đón con tàu của họ. Cơn ngủ ùa ra đón họ, dưới những hàng cây.

Cuối cùng bình minh đến, tràn ngập tiếng chim, tiếng con chó lông đỏ sủa đuổi một con thỏ rừng trong sương sớm và Amy Parker, vẫn người thiếu phụ gầy, mặt còn ngái ngủ, ngồi dậy và nhớ đến ông già bên ngoài nhà.

- Có lẽ ông ta còn ngồi đợi ăn sáng, anh Stan ạ, chờ cái món thịt muối. Lẽ ra em phải ngâm nước nhưng quên mất.

- Ông ta say như chết, chẳng để ý mấy thứ như thịt muối đâu. Để rồi xem, - người chồng hững hờ nói, vì điều mà anh đang quan tâm là hơi ấm của giấc ngủ và hình hài của thân thể họ còn hằn trên chăn đệm.

- Nào, Stan, buông em ra nào? - Chị cười.

Tiếng dép của chị lê trên sàn khi chị mò mẫm tìm áo xống.

- Ô này, - chị nói, khi rũ tóc cho mượt lại, - ô này, chị nói, - anh xem có kỳ lạ không, ông ta bỏ đi rồi.

Đúng vậy. Chỉ còn trơ lại những cái túi ông ta đã ngủ trên đó, trước lúc một vấn đề nào đó thuộc lương tâm đã thôi thúc ông ta ra đi, đến chỗ con sông lớn mà ông định tìm đến.

Lát sau, khi đang quét dọn chỗ ông ta ngủ, người thiếu phụ thấy không tài nào quên được ông ta. Rất ít ai đã đi vào cuộc đời của chị như vậy. Chị nhớ đến những mụn cơm trên những khuôn mặt và màu mắt những người đó. Chắc chị cũng muốn kéo dài những giấc mơ của mình và lôi những hình ảnh đó ra khỏi gương. Vừa hồi tưởng lại cơn mơ và rũ bỏ những ký ức phản xạ khỏi những mặt gương vừa quét sàn hiên chị chợt nhớ mình phải vào nhà xem những đồ đạc của cái còn thật sự ở đó không. Cũng chẳng có gì để chị tự hào nhiều lắm. Chẳng có gì thật sự vô dụng, trừ cái nạo bằng bạc nhỏ tí.

Thế rồi lớp da lạnh của chị nóng bừng bừng.

- Anh Stan, - chị vừa gọi vừa chạy, váy lòa xòa đuổi lũ gà chạy tán loạn. - Anh Stan, - chị chạy, giẫm nát cả những đám cây bạc hà mướt như nhung, - này anh, - chị cố gắng nói thật rõ, - anh có biết lão già đã làm gì không? Lão xoáy mất cái nạo bạc rồi.

Người chồng tay lấm đất. Đất ẩm, đen và dễ chịu.

Anh huyết sáo.

- Thế à? - Anh nói. - Lão già chó chết!

Chị nhìn chiếc cổ trần của anh. Những cây cải bắp xanh ròn vào những buổi sáng như thế này.

- Nó cũng chẳng dùng được vào việc gì, - anh nói.

- Đã đành.

Nhưng những lời nói của chị nghe bực tức và chậm rãi, vang đến tận nhà. Đã đành là chẳng bao giờ dùng đến nó, trừ có mỗi lần cầm nó vào cái buổi sáng hai người lọc cọc trên chiếc xe rời Yuruga qua khu nhà và qua chỗ con bò chết. Hoặc khi những tia lửa từ bếp lò sưởi bắn ra vào buổi chiều tối lúc lão già đi rao bán Kinh Thánh ba hoa thì cái nạo bạc rất cuộc là món kho báu duy nhất của chị, Bờ Biển Vàng của chị, chỉ có điều nó có thực.

Stan Parker, chưa bao giờ có ý định nắm lấy sự thật một cách trọn vẹn, nên ít khi là nạn nhân của sự lừa dối đại loại như vậy. Cái Bờ Biển Vàng của anh vẫn còn lóng lánh trong niềm hứa hẹn mờ ảo khi anh bới cỏ trên mảnh đất của mình, khi anh chặt cây và căng hàng rào kẽm mà anh đặt quanh những gì là của anh. Lúc này mọi thứ đó gần như bị vây kín. Nhưng còn những gì khác là của anh, anh không nói được. Liệu cuộc sống đầy khát vọng của anh có thể tồn tại sau vòng hàng rào kẽm được không? Đôi mắt anh mang vẻ xa vời khi nhìn vào những khoảng xa. Chính vì vậy anh đã bắt tay vào việc với một vẻ sốt ruột, thậm chí đam mê, khi chặt những khúc gỗ vẫn nằm nguyên đó, để rồi cuối cùng quẳng rìu đi, vẻ khinh bỉ, tỏ ra rằng có cái gì đó mà gỗ sẽ không bao giờ tiết lộ. Anh cũng thường lắng nghe những âm thanh quanh mình, những tiếng thì thầm không rõ và vô tận, mà qua đó một chủ đề sẽ đe dọa bùng nổ, một chủ đề sẽ tiếp tục đe dọa.

Trong lúc ấy, anh già đi một chút. Cơ thể anh rắn chắc như những bức tượng có cơ bắp nổi lên cuồn cuộn. Và đối với người

hay suy đoán bình thường, không có dấu hiệu gì tỏ ra rằng cả linh hồn anh cũng cuối cùng sẽ không thể rấn lại thành một hình thù gọn ghẽ và độc lập mà những linh hồn khác cần phải có.

## CHƯƠNG 5

Một số người khác cũng đến ở khu vực này. Thỉnh thoảng họ đi ngang qua, chở bàn ghế và đệm trên những chiếc xe bò, có người ngồi chễm chệ trên xe một ngựa kéo vừa mới sơn đen. Đôi lúc có người lạ vào nhà Parker xin nước đổ vào túi đựng. Nhưng hầu hết họ đều chậm chạp không nhận ra đã có người ở đó, nên gia đình Parker nhìn họ chăm chăm một lúc lâu, mỗi khi họ nhìn ngang nhìn ngửa.

Một người đàn bà, bị váng đầu đến ngồi một lúc ngoài hành lang, lấy khăn tay thấm sưng nước, lau mặt, rồi bảo nơi này sao mà vắng vẻ thế.

Amy Parker không trả lời. Chị chưa biết tới sự vắng vẻ, chị không liên tưởng đến những ngày phiên chợ. Thế rồi mọi người lại bỏ đi, và lập tức sự im lặng lại bao trùm lên nơi có sự hiện diện mỏng manh của họ. Có tiếng gì gần như tiếng những chiếc chuông tĩnh lặng vào cái buổi sáng rực rỡ màu sắc. Chị sung sướng.

Lúc này nhà chị đã có khóm hồng trồng đối diện với hàng hiên, một loại hồng bạch mà chị đã từng nghĩ tới, nói đến và anh đã mang từ thành phố về cho chị. Cây hồng đó nay đã là bụi hồng có cành lá tua tủa, với những bông hồng to cánh mỏng như giấy cuộn vào



nhau, sực mùi thuốc lá. Có vẻ lạnh. Nó thuộc về cái ánh sáng xanh ẩm ướt phía bên kia của căn nhà, nơi có hàng cây dâm bụt, cành lá mỗi ngày mọc một um tùm. Nhưng bụi hồng của Amy Parker hãy còn xanh, căng nhựa sống. Những bông hồng như cẩm thạch cứng cáp dưới ánh trắng. Những bông hồng bạch lấp lánh trước ánh sáng ban trưa chói chang hoặc đung đưa những cánh hoa mỏng tang xuống màu vàng xanh của cây dâm bụt.

- Chị là người sinh ra để trồng hoa đấy, - người đàn bà có chiếc xe ngựa dừng lại đó nói, dù cho chị ta chỉ định nói có một nửa như thế.

- Chỉ có một bụi hồng ấy mà, - Amy Parker nói khẽ.

- Trồng loại cây cảnh thì chẳng có ích gì, - người đàn bà trên xe nói, - nhưng tôi cho là mình thích là được rồi.

Amy Parker không ưa người đàn bà đó, chẳng kém gì trước đây chị ghét bà thím Fibbens, tuy người này còn trẻ.

- Cũng phải làm cái gì chứ. - Amy Parker nói.

-Ồ - người thiếu phụ khịt khịt mũi, và giá chị ta mà là con ngựa cái kéo xe đó, chắc Amy đã đập nhẹ vào đuôi rồi. - Chúng tôi có nuôi lợn, hai con lợn sề trong chuồng, một con lợn đực non trông đẹp lắm, và lại còn những con gà mái tơ nữa, ngoài ra chúng tôi cũng trồng trọt và dù nếu đúng là ta ở vùng trũng sượng muối, mùa xuân này chúng tôi vẫn trồng khoai tây.

Chị ta vừa uốn giọng nghe cho tròn vành gọn tiếng, đầu vừa ngoảnh đi ngoảnh lại, mớ tóc đen cuộn bóng nhảy hai má đỏ ửng,

trông người đàn bà to lớn đó lúc này chẳng khác gì con ngựa kéo xe.

- Vậy không thể nói là không làm gì, - chị ta nói, - trừ hoa hồng ra.

- Tôi sẽ trồng hoa hồng, - Amy Parker nói, giọng bướng bỉnh.

- Chị không cẩu tôi đấy chứ? - Người thiếu phụ hỏi - Ấy là nghĩ sao tôi nói vậy. Nhà tôi cứ bảo đấy là bản tính của đời tôi, nhưng rút cuộc người đàn bà nào cũng phải thờ, mà nếu có đôi lời xen vào hơi thờ như vậy thì đã sao.

Amy Parker bắt đầu thấy thích trò chuyện.

- Song ở đây cô quạnh quá, - người đàn bà thờ dài. - Tôi sinh trong một vùng đầm lầy, đúng như vậy, nhưng đi đâu cũng gặp người đồng đạo.

Amy Parker tựa người vào cổng. Cuộc đời chị chưa bao giờ hoang vắng, nay có lẽ đang lâm vào cảnh đó, có nhiều điều nói lên điều đó, trừ sự việc là hiện nay còn có bà bạn đây đến ở, người đàn bà béo lùn ngồi trong xe kia.

- Chúng tôi ở đây có hai người thôi, - Amy Parker nói.

- À, ra vậy. - Người đàn bà nói.

Nhưng chị ta ngồi có vẻ thẫn thờ. Chị ta ngồi nhìn về phía trước. Bộ mặt vui vẻ trở nên buồn tẻ và đám tóc cuộn bóng nhầy dày cộm dần xõa xuống.

- Thôi, - chị ta nói, cứ như đang giăng lời ấy ra khỏi cái gì đó đang chi phối con người chị, - tôi ra thành phố mang theo vài thứ. Ngày hôm nay, cả ngày mai nữa chồng tôi không có nhà. Anh ấy có một nỗi khổ cực, có thể nói thế, không coi đây là sự tiêu khiển của nhà quý phái cũng được. Đó là đặc quyền của anh ấy, chắc rồi chị sẽ biết, được nát rượu như ông chúa hoặc như thằng con hoang, rồi quẳng những chai rượu đi khiến cho vợ anh ấy thế nào cũng có ngày vỡ mắt cá chân vì cái đám chai lỏng chồng khắp sân ấy.

Chị ta vắn tóc gọn lại như cũ rồi cầm cương giật mạnh.

- Tôi kể chị biết thế thôi, - chị ta nói, - vì xem ra ta đã quen nhau rồi, dẫu sao anh ấy cũng không quá tồi đâu.

Chị ta tặc lưỡi, cầm cả nắm dây cương quật, còn chị ta hích mông trên tấm ván, nếu một con ngựa tốt thì đã phóng đi rồi.

- Ngựa ốm à? - Amy Parker hỏi.

- Con kia mới ốm, - Người bạn mới của chị trả lời. - Con này không ốm. Nó ì thân xác đó.

Dù nói gì thì nói trông nó cứ gầy trơ xương, quanh vòng ngực có một, hai vết sây da do dây cương gây ra, những chỗ đó và cả đôi mắt bị ruồi bâu kín.

- Lúc chạy rồi, nó phi tài lắm, - người đàn bà thở hển hển. - Chỉ có cái nó mà đứng thì cứ lỳ ra đấy. Ê, đi nào! Mày điếc và mất cảm giác hay sao?

Chiếc xe cựa quậy cọt kẹt.

- Như đã nói đấy, bây giờ chúng mình đã quen nhau, coi nhau như láng giềng. Chúng tôi ở cách đây có đôi ba dặm thôi, nơi con ngựa cái màu hạt dẻ nằm chết ở ngay chỗ rẽ ấy. Chị có rãnh xuống chỗ tôi uống trà, nói chuyện thì vui biết mấy. Nhà dễ tìm lắm, thấy ngay vì còn đang làm dở dang. Chị chỉ cần tìm con ngựa già chết nằm trơ ra đó là thấy ngay thôi mà.

Chị ta hú gọi và chiếc xe miễn cưỡng chuyển bánh; vấp vào những hòn đá, lắc lư, còn chị ta ngả người xuống, người khẽ nhại mồ hôi, vất vả nói đôi lời. Những nốt ruồi hiện rõ trên chiếc áo diện nhất và cả chiếc áo vét dẹt mà chị ta làm rơi quả trứng vào hôm đó. Chị ta mỉm cười xinh xắn, người đàn bà hàng xóm ấy. Làn da bóng của chị ta khiến cho bà bạn đứng nghe có thiện cảm.

- À, - chị ta gọi với, - tôi quên mất, tôi là O'Dowd.

Ngay sau khi Amy Parker nói tên mình, rất mạnh dạn vì không phải là tên Fibbens, bà láng giềng liền bỏ đi. Lại chỉ còn cây với cối.

Người thiếu phụ đi vào nhà, vừa đi vừa nghĩ về người bạn của mình. Chị ta đã là bạn của mình, chắc từ trước đến giờ chị ta cũng chưa có một ai làm bạn. Sáng hôm đó, lúc cọ rửa bàn, lúc đập thảm, lúc cọ nôi, chị suy ngẫm những lời của bà bạn láng giềng. Một số đồ vật trong nhà, lúc này qua con mắt nhìn mới mẻ của người thiếu phụ trông trở nên hoàn toàn lạ lẫm. Ví dụ chiếc giường với những nệm đồng to bự phản chiếu lóng lánh vào những cột giường bằng sắt trông xỉn hơn. Vì vậy người thiếu phụ đi quanh nhà và cười với con chó mà chị chưa bao giờ thấy thích, còn nó nhìn thẳng vào chị, cặp mắt ngạc nhiên nhưng không khoan thứ, chỉ mỗi đầu mũi đỏ như miếng gan của nó là khế động đậy.

- Anh Stan, - chị nói với chồng đang ở phía sau con chó không xa lắm, - chúng mình có một lát giềng vừa qua đây. Tên chị ta là O'Dowd, còn anh chồng là một tay nghiện rượu nặng.

- Người Ai-len đã đến đây, - Stan Parker nói, rồi đặt mũ xuống và đổ đầy nước vào chậu, rửa ráy trước khi ăn tối.

- Thế thì sao, - chị nói. - Ở đây cô quạnh quá.

- Kể từ phút này.

- Có người trò chuyện thì cũng tốt thôi.

- Thế còn anh thì sao?

- Ồ, - chị nói, - anh ấy à! - Vừa nói chị vừa xếp thành chồng những củ khoai tây to, còn bốc khói.

Anh không thể giết chết niềm vui nồng nhiệt của chị.

- Điều đó hoàn toàn khác - chị nói.

Chị dọn bữa tối cho anh, mắt cứ nhìn xuống khiến anh thấy khó chịu.

- Em nên để ý đến đồ đạc trong nhà, - anh vừa nói vừa tọng đầy mồm những miếng khoai tây ngon lành.

- Sao cơ, chị ấy là người thật thà đấy chứ, - chị nói, - cứ qua lời ăn tiếng nói thì rõ.

- Cái gã mang Kinh Thánh cũng thế, anh chồng nói với giọng tức giận hơn bởi đang ăn khoai nóng.

Anh ngồi bẻ bánh mì, trông xương cổ tay to đến bất hợp lý.

Chị im lặng không nói nữa. Con gà mái hoa mơ chị thích bước vào nhà mà chị đôi lúc cho phép nó nhặt nhạnh các thứ dưới bàn, và giờ đây trong cảnh yên lặng, tiếng gà mổ vào sàn nhà rần nghe rõ mồn một. Nó tựa như nhịp phách những lời vừa nói.

Nhưng Amy Parker không thể từ bỏ tình bạn, cũng không từ bỏ chồng mình được. Cả hai đều hòa trộn vào nhau trong buổi trưa oi ả này. Một nỗi buồn man mác, dễ chịu xâm chiếm tâm hồn chị, không xót xa gay gắt, mà êm dịu ngọt ngào như chén trà pha đặc khiến đôi mắt chị mơ màng, xa vắng.

Vừa lúc đó người chồng đặt chén xuống đi ra ngoài. Chưa giải quyết được gì. Trong quan hệ của họ đây là lần đầu tiên có điều không ổn, và cái không khí buồn man mác kéo dài suốt cả buổi chiều oi ả đó.

Thì đã sao? Chị tự nhủ, khi bực tức và khó chịu luồn mũi kim qua chiếc tất mà chị đang mạng. - Chẳng có gì quan trọng cả. Cuối ngày thế nào cũng có giông đây. Mồ hôi đọng trên môi chị. Một làn gió nhẹ làm cây xào xạc. Mây đang tích tụ đúng hướng. Do mãi suy nghĩ chị bị kim đâm vào ngón tay, chị mút tay rồi cuộn tròn đôi tất lại. Trong lúc đó, những đám mây lớn cứ chuyển động, dồn nén, xô đẩy nhau. Cơn gió nhẹ, mới đầu thoáng qua, sau trở nên ẩm ướt và ghê sợ hơn. Nó nhắc nhở mọi đồ vật. Người thiếu phụ ở trong nhà đứng dậy đóng cửa cốt để giữ một ảo tưởng về sự an toàn, giá mà

chỉ là một ảo tưởng. Vì những đám mây đen đang bùng nổ trên đầu chị. Rồi gió cuốn tằm len xám xịt của những đám mây bị giằng xé kia trôi trên bầu trời, băng băng hơn máu trong huyết quản, khiến chị bắt đầu thấy ghê sợ.

Gió bắt đầu đập mạnh vào chiếc lều gỗ mà chị bị hãm mình trong đó.

Anh ấy đâu rồi? Chị thầm hỏi, quay vào trong nhìn. Miệng chị há hốc ra vì sợ hãi.

Ngay lúc ấy chồng chị đã xuống chỗ nhà kho nhỏ mà anh đang dựng lên. Tiếng búa của anh lúc đầu nghe còn có vẻ đũa giỡn và gây ấn tượng nay không còn nghe thấy nữa, cây búa cũng chỉ là loại sắt tòi. Nhưng anh đã phá lên cười. Trước cơn bão mỗi lúc một mạnh, anh lại thấy vui. Anh ngẩng mặt nhìn những đám mây trôi băng băng. Anh cười, để lộ răng, vẻ căng thẳng, ngờ vực vào bầu trời. Yết hầu trông lộ hẳn nhưng không có ý nghĩa gì trong cổ họng anh. Và đột nhiên cả con người anh hoàn toàn vô nghĩa. Anh chỉ còn là một vật non nớt măng sữa. Tiếng cười tan đều trong cổ họng anh. Chiếc quần treo lòng thòng bên hông và thối dính chặt lấy đôi cẳng chân như hai cái gậy của anh.

Cả trái đất chuyển mình, gió chuyển động thổi bật cây cối ngã rạp xuống và anh có nguy cơ bị cuốn theo.

Lúc còn bé, anh đã nằm trên chiếc ghế sofa cứng đệm nhồi lông ngựa và bị hút theo cuốn Kinh Cựu ước trên những đợt sóng của khoái cảm và sợ hãi. Còn giờ đây, anh phải quỳ gối, sắp bị quật vào đầu, một tia chớp đã thấp sáng trí nhớ anh. Chúa thổi từ những đám

mây, còn con người sẽ thất tán như lá cây. Không còn có khả năng nói được ai đứng về phía nào. Mà liệu có thể nói được không? Bị vây quanh giữa những vật vô tri vô giác như đất đá và cây cối đang ào ào cuốn trôi đầy giận dữ, anh không tin chắc nữa. Trong tình trạng đó, anh bị một niềm bất hạnh choán lấy, nghiêng về thể xác nhiều hơn, chưa đến mức sợ hãi, song anh cứ thấy thích ngược nhìn lên ngắm bầu trời xem có nét gì thể hiện thiện cảm không.

Nhưng bầu trời mỗi lúc một đen. Một luồng gió thổi đều đều khiến anh bắt đầu thấy sợ.

Bỗng anh thấy vợ mình chạy, tay chân chị vật lộn với gió và với chính ngay quần áo trên người. Nhìn thân hình chị oằn oại như anh chưa từng thấy và bộ mặt hốc hác, phờ phạc đến kỳ lạ, đột nhiên anh cảm thấy đây không phải là cô gái anh đã cưới trong nhà thờ ở Yuruga, đã yêu cũng như đã giận đối nhau, song anh buộc lòng phải loạng choạng chạy lại. Để chạm vào chị.

Hai người đứng ôm nhau trong bão tố.

- Chúng mình làm gì bây giờ? - Chị khóc, miệng vẫn giữ nguyên hình thù kỳ quái đó.

- Chẳng làm được gì nữa, - anh kêu lên, - mong sao cơn bão sẽ tan.

Họ ôm chặt lấy nhau. Họ tìm kiếm khuôn mặt gầy guộc của nhau.

Khi sự đụng chạm làm cho họ tỉnh táo lại, trong giây lát họ lại là mình. Đôi bàn chân họ chênh vênh bám lấy mảnh đất.



- Em sợ, anh Stan ạ, - chị nói.

Nhẽ ra anh phải nói đôi điều để chị an tâm, nhưng vì cũng sợ nên anh đã không nói gì. Tuy vậy, anh vuốt ve chị, nên chị thấy dễ chịu hơn.

Gió vẫn thổi.

Con bò vàng, ưỡn cái bụng căng phồng hết sức theo gió, chạy điên cuồng loanh quanh. Con chó gục xuống bên chân chủ, nằm bẹp gí và trố mắt như đôi mắt cún con. Gà bay toán loạn, hay đứng ra, là những túm lông đang bay. Gió cuốn băng một tấm tôn, nó văng đi và kêu lanh canh như tờ giấy bạc.

- A a a a, - người thiếu phụ ôm cái cổ đã từng vững chắc của chồng và khóc.

Những cây to gãy gục... Hai, ba cây bị quật đổ. Đánh sầm một cái. Nghe như thuốc súng. Cây cối kêu răng rắc, tan tành. Con bò vàng nhảy tránh những cành cây, hất sừng lên. Hai vợ chồng bị thổi lao vào nhau trông nhẹ nhàng như hai thanh củi. Họ nằm, nhìn vào mắt nhau, còn con chó liếm bàn tay họ từ từ, song thô bạo, cứ như nó phát hiện ra một vị mới mẻ.

- Chúng ta hãy còn sống, - người đàn ông cười, vẻ sợ sệt.

Mưa như trút vào miệng anh.

- Tội cho con bò quá, - chị kêu lên.

- Nó có làm sao đâu.

- Vâng em cũng biết thế, - chị thét lên.

Trong cơn mưa như trút nước.

Tấm chăn ướt lạnh bao lấy họ cho đến khi thân thể họ trần trụi, chỉ còn mưa xối xả bám chặt lấy người. Nước mưa chảy xuôi theo rãnh tràn qua những gốc cây lồm chồm và rơi thẳng tuột tựa như gió đã đi qua. Chỉ còn mưa rơi.

- Chúng mình ngồi đây làm gì? - Anh cười, nhìn vào tấm thân trần trụi trẻ trung mới mẻ của mình.

Chị nhìn thấy đầu anh còn xanh với mái tóc ướt bết vào đầu.

- Đúng, hẳn chúng mình hơi điên đấy, - chị nói.

Chị nhìn anh mà cứ thấy ngỡ ngàng, đồng thời lại muốn xin lỗi vì có những hành động hoặc cảm xúc thái quá. Dường như về mặt lý trí nhẽ ra chị không phải sợ hãi đến thế, dẫu cho lúc này ngồi bên những cây bị quật đổ với người thanh niên trần trụi mới mẻ kia. Chị nghĩ mình mà có con trai chắc nó cũng giống thế, với bộ răng bóng loáng, nước da mượt mà, cái đầu sạch và đẹp. Chị muốn hôn, song nó sẽ làm hỏng mất cái thuần khiết hiện tại sau những gì họ đã trải qua. Vì vậy chị vội đứng dậy, vượt lại cái đã từng là cái váy, vì có nhiều điều phải làm, nên không có lý do gì để cho rằng cuộc sống của họ sẽ đổi khác vì lo nghĩ đến nó.

- Mưa bão cuốn sạch sành sanh lán trại cũ. - người chồng nói, - Nhưng để sót lại lán mới, nên ta còn đó.

- Cả con bò già cũng suýt bị cuốn nốt, - người vợ bắt lực nói.

Con chó rũ những gì còn lại của nó, vì giờ đây nó chỉ còn là một bộ xương.

Người đàn ông và người đàn bà tiếp tục đứng trong mưa, ôm lấy nhau, không phải họ cần nương tựa nhau vì gió đã lặng, mà họ đã quen, vả lại họ cũng muốn thế.

- Ít nhất chúng ta sẽ có cái này, Stan Parker nói, và anh nhớ đến những hình ảnh nặng nề trôi qua những trang sách trong thời thơ ấu của mình khi đứng trước nạn hạn hán, nạn đói và chiến tranh, và cả những bãi sa mạc rộng lớn của nỗi bất công trần tục và thần thánh khi anh nằm trên cái ghế sofa đệm nhồi lông ngựa. Và anh đã có mặt ở đây, vẫn còn mò mẫm qua những sự kiện riêng tư hơn. Anh không thể nào lý giải được ánh chớp vạch lên cuộc đời họ.

- Anh đi kiểm xem có được mẩu củi khô nào không, anh Stan, - người vợ nói khi đứng trong ngôi nhà còn nguyên vẹn, và vắt khô tóc.

Anh đi kiểm củi khô, một lát sau trên bếp lửa leo lét, một ngọn lửa nhỏ vừa phải. Và chẳng mấy chốc, bên ngoài xuất hiện những mảng mây xám lửng lơ, và cái ráng chiều màu da cam rực sáng nơi xa xa mang trong nó một điềm báo trước như tia chớp mà lúc này chẳng ai tìm cách lý giải.

Stan Parker bận việc buổi tối nên không thử lý giải làm gì. Anh mệt mỏi. Dưới bầu trời màu da cam anh cũng thấy yên lòng. Những sự việc vừa rồi đã làm anh kiệt sức. Anh chưa học nhìn xa trông rộng, nên qua mức tiến bộ mà anh đạt được, anh đã đi đến kết luận rằng mình là tù nhân trong tâm trí con người mình cũng như trong

huyền bí của thế giới thiên nhiên. Chỉ thỉnh thoảng đôi bàn tay chạm vào nhau, sự im lặng không còn nữa, hình thù một cái cây đột nhiên xuất hiện hoặc một vì sao đầu tiên hiện lên báo sự giải thoát cuối cùng.

Nhưng không phải lúc này. Mà anh cũng không đòi hỏi điều đó.

Đôi bàn chân nặng nề của anh lê bước vào nhà, lòng anh tràn ngập sung sướng khi nghe thấy tiếng vợ mình ngồi xoa mạnh vào da thịt để sưởi ấm bên bếp lửa.

## CHƯƠNG 6

C háng bao lâu sau, dấu vết sét đánh không còn thấy mấy nữa. Ba con gà mái tơ bị đè chết cho chó ăn, ván chuồng đã mục lại được mang ra dùng, và bất cứ những xúc cảm méo mó nào đều được chấn chỉnh lại. Thậm chí cả thân những cây bị quật đổ cũng dần dần được người đàn ông cần mẫn bỏ ra và chất thành đống. Người đàn bà ngắm dõi chồng mỗi lúc nghỉ tay với những nỗ lực của chính mình. Chị thấy anh loạng choạng, nhưng vẫn tiến về phía trước trên mảnh đất gồ ghề. Không còn nghi ngờ gì nữa thể nào cuối cùng anh cũng sẽ hoàn thành được những gì anh đã bắt tay vào làm, chỉ có con đường là khúc khuỷu quanh co, và cái sức khỏe tưởng chừng vô tận của anh nay xem ra cũng có giới hạn.

Đôi lúc, vào những buổi chiều vang vang âm thanh, khi lòng tin bị giảm sút cực độ và nỗi hoang mang lên tới đỉnh điểm nặng nề, con gà trống cất tiếng gáy thỏa chí trong bụi cây tầm ma, còn những con gà mái ấp trứng trong bụi, người đàn ông và người đàn bà ngồi phóng tầm mắt dưới mũ che nắng dõi theo bước hoạt động cần mẫn khác. Xuôi theo lối đi đang dần trở thành một con đường, ngay trong tầm mắt nhìn, dưới rặng cây tiêu và bạch đàn, có một gia đình chuyển tới. Đó là gia đình Quigley. Có cặp vợ chồng già, cụ ông da vàng, râu mọc lờm chớm được đặt nằm trên đệm và nằm nguyên đó, còn cụ bà tỏ ra ngờ ngác nhìn vào những vùng chung quanh,

không hiểu lý do gì run rủi họ tới đây ở tầm tuổi này. Cụ ngồi bên chồng, phân vân suy nghĩ, hai bàn tay hết xòe ra lại nắm vào tựa như định nhặt cái gì đó đã đánh rơi ở nơi khác. Cùng lúc, cụ ngồi bên người chồng nắm một đồng ra đây, giữa những đồng đẽm và đàn gà, cô con gái và những cậu con trai đi lại quanh quần cố tìm những thứ để quên mất đâu đó.

Hai anh con trai nhà Quigley, cánh tay dài, gân guốc, quần mặc trễ hẳn xuống, đang bắt tay xây một căn nhà bằng ván gỗ để bố mẹ ở. Nhưng người ta kể rằng hai anh con trai khéo tay, có thể dùng dây thép, hộp sắt tây hay bao túi sáng chế ra bất cứ một cái gì, sau đó lại trở về Bangalay làm việc trong một nhóm phu làm đường. Nhìn họ chuyển động, nhặt nhạnh và lắp ghép, bà mẹ thấy các cậu con tay dài ngoẵng mà ngỡ ngàng như khi nhìn vào những đồ vật khác, cứ như mình không sinh ra chúng. Sự sống đã khô cạn nơi bà và để bà ngồi trơ giữa những bọc đồ.

- Bố con trông không được khỏe, Doll ạ, - bà nói với cô con gái cao đang thả đàn gà đó.

Người thiếu nữ cao bước đến cúi xuống nhìn bố.

- Trông bố cũng không đến nỗi yếu lắm, - cô nói, lấy bàn tay dài xua ruồi.

Giống như các anh em trai mình, chân tay cô dài ngoẵng. Nhưng người cô lại ngắn. Giống như hai anh em trai mình, cô trông cứ như được đẽo từ gỗ ra. Nhưng các anh thanh niên là những vị thần thô lỗ, còn cô là một totem chưa hoàn chỉnh, mà ý nghĩa vẫn còn tối tăm.

Cũng giống như số phận của các cậu con trai không thể nào phù hợp với cái vòng tròn gia đình, cô Doll chưa hoàn chỉnh đã sinh ra để sống trong cái đó. Bản thân cô không thể tạo cho mình một vòng tròn riêng. Một phẩm chất tự nhiên nào đó đã gắn liền với cô bằng bộ váy vải bông trên người. Nhiều người đã gọi cô là cô Quigley thậm chí cả khi cô đi chân đất và con cái các anh cô, vẫn chưa ra đời, có thể được mang đến thăm cô trên những chiếc xe bò, xe độc mã và cuối cùng trên những chiếc xe ô tô Ford, như một vật đáng tôn kính. Thật khó mà nói được tuổi của Doll Quigley, và dù ít hay nhiều cô vẫn ở nguyên tuổi đó. Cô là một cô gái khô héo, tóc hung hung, loại người mà chẳng mấy chốc đã bị mặt trời tàn phá, và chẳng còn gì để lại cho tuổi tác kịp gieo rắc ác tâm của mình. Lúc còn trẻ cô đã có kiểu chữ viết ngay ngắn, đẹp mà cô học được ở các bà xơ, người nhà cô tự hào về điều đó. Họ mang bút mực lại cho cô viết, và cô ngồi xuống bên bàn gỗ thông trước ngọn đèn, vươn cổ trên mấy hõm sâu nơi xương đòn, rồi duyên dáng lướt tay trên tờ giấy phác nét chữ trong không khí, và cả nhà tự hào, kinh ngạc, đợi cô viết. Cô là bè trên tuy cô không muốn như vậy. Mọi người đến gõ cửa nhà cô yêu cầu được gặp cô Quigley, muốn thổ lộ tâm tình với cô. Dường như cô là người được ký thác niềm tâm sự đáng tin cậy ấy.

Cuối cùng, trong gia đình Quigley còn có cậu Bub, với bộ mặt trẻ con trên thân hình của một thanh niên. Cậu nằm dưới gốc cây và nhai nhai một nhánh cây. Sự giản dị đến tuyệt đối dường như bó gọn trên đường nét khuôn mặt mờ nhạt, dài ngoẵng của cậu. Rõ ràng cậu là người tốt bụng. Đôi mắt xanh, mơ màng mở to. Cái mũi không cương quyết chạy thẳng tắp, nhưng không đến nỗi đáng ghét lắm. Bub Quigley không làm ai phải bồn chồn lo sợ, trừ một đôi

người khác lạ vì cậu như thuận như dòng nước vậy. Và thụ động nữa. Cậu luôn bị người khác đem đở từ chỗ này sang chỗ khác, mà thường là do ý muốn của bà chị Doll.

Gia đình Quigley sống ổn định ở một nơi họ đã chọn, dưới những cây bạch hà và cây bạch đàn, bên cạnh những cây thông. Nhà của họ mới thực là nhà, do sự khéo tay của hai người con trai làm nên, những người trời phú cho cái tài biết làm nhiều thứ. Họ cũng may mắn tìm ra ở ngay đó một con suối, nên Bub Quigley thường ngồi cạnh suối trên một hòn đá giữa những bụi cỏ, nhìn dòng nước tuôn chảy trong khi mọi người bận rộn sắp xếp cuộc sống mà không có cậu. Cậu nhìn mọi người cứ gần như nhìn những con nòng nọc, vậy mà chẳng bao giờ thấy bực dọc. Chỉ khi bà chị Doll bỏ cậu lại sau thì cậu mới cáu kỉnh. Rồi cậu thường chạy ngược, xuôi trên đôi cẳng sếu, quần xắn lên, vừa nhìn vừa khóc, và cảnh cậu tuyệt vọng đến đở mồ hôi hột, mới thật khủng khiếp.

Đôi lúc Doll Quigley dẫn cậu em Bub đến luẩn quẩn ở cửa sau nhà Parker nói chuyện phiếm. Mà nếu chính xác ra họ không nói chuyện liên tục, họ cũng cùng nhau chia sẻ cảnh tĩnh mịch nơi đó, đấy là cách thay đổi không khí tuyệt vời. Amy Parker đành tiếp Doll và Bub vì cũng chẳng còn sự lựa chọn nào. Họ là những người tốt, và chị sa vào những thèm muốn riêng tư có được những quan hệ tình tế cùng những sự kiện không thể đong đếm được, chị cũng không biết tại sao nữa.

- Trước đây có lần tôi nghĩ ước gì mình có một cửa hàng nhỏ, - Doll Quigley nói, chị ngồi trên bậc cửa, chiếc cầm dài tựa trên đầu gối gầy. - Tôi thích bán những khăn lót, khăn tắm, thảm và các thứ,



chị biết đấy, những thứ lờ loẹt mà tôi tự làm ra, và xà phòng v.v... Nào, Bub, làm gì mà dọa cả gà què thế. Chẳng qua tôi học làm nhiều thứ qua các bà xơ, tôi thuê ren cùng những thứ đại loại như vậy. Có một số người học đan giỏ, nhưng tôi không thích.

- Em thích đan giỏ, - Bub Quigley nói, - có đường viền màu đỏ và vàng.

- Thế sao chị không dựng một cửa hàng như chị nói, hả chị Doll?  
- Amy Parker hỏi, bằng một câu hỏi xa vời mà thỉnh thoảng chị vẫn dùng để hỏi mọi người, và đặc biệt để hỏi người nhà Quigley.

- Nhưng việc không theo hướng ấy, - cô Quigley nói, không thêm chi tiết nào, tựa như cô ta đã biết.

Công việc của bản thân mình, Amy Parker cũng chẳng biết sẽ đi theo hướng nào. Đến tận bây giờ, chị vẫn chẳng hề nghĩ đến, nhưng lẽ nào đó là lý do để chị hoảng sợ sao? Một chút sợ hãi làm chị sờn gai ốc. Nơi đây trong căn nhà này, cuộc sống của chị ngưng đọng, một bong bóng xà phòng sắp bị nổ tung.

- Gì thế, chị Parker? - Cô Quigley hỏi và đứng dậy, về uyển chuyển và ân cần mà cô bỗng nhiên có được.

- Chị ấy ốm à? - Bub hỏi.

- Tôi hơi bị khó chịu trong người một chút. Không sao đâu, cô Doll ạ, - Amy Parker nói.

Chị ngồi trên một chiếc ghế thẳng đứng dưới ánh nắng gay gắt. Đến tận lúc này, bản thân chị vẫn chưa bao giờ thấy một cách sâu

sắc ranh giới giữa cái sống và cái chết.

- Chẳng làm sao đâu, - chị nói.

- Nào, - Bub Quigley vừa nói vừa chìa một hình mà cậu vừa dùng sợi dây đan trên các ngón tay, - chị chơi được không?

- Không, - Amy Parker nói - em tài thật, Bub ạ. Nhưng chị không biết chơi.

Chị nhìn đôi bàn tay còn thơ ngây của cậu ta và đột nhiên thấy ghê tởm vì trên đó sợi dây đang căng một hình rắc rối và thô tục. Cậu ta đang lựa đan một hình mới.

- Hình như chị bị chứng buồn nôn thì phải, - Doll Quigley nói.

- Tôi chẳng làm sao đâu, - Amy Parker nói.

Nhưng chị không thể dùng lời nói để tống khứ chị em nhà Quigley. Đôi bàn tay của Bub còn đang đan thêm những hình mới trên cái dây.

- Xem này, đó là cái đệm đấy, - cậu ta nói.

Amy Parker chạy ra bên nhà và bắt đầu nôn ọe.

- Chứng buồn nôn đấy, - Doll Quigley nói dịu dàng mà nghe gai cả người.

- Người ta bảo nếu lấy lá cây chút chút và dán vào trán là nó...

- Sẽ biến ngay, - Amy Parker nói, cố trấn tĩnh.

Mong sao chị em nhà Quigley cũng vậy.

Và họ thấy đã đến lúc phải ra về, bước những sỏi dài, thong thả qua sân có đàn gà bước thủng thỉnh.

Tối hôm đó khi Stan Parker từ khe núi trở về, anh hỏi:

- Sao thế, Amy?

- À, chị em nhà Quigley - chị nói.

Chị tỳ khuỷu tay lên bàn, vì như vậy tay chị sẽ không rung.

- Họ là người tốt đấy, - người chồng nói. - Vô hại mà.

Anh từ từ khuấy đĩa xúp đặc mà anh đã bỏ thêm vào mấy mẩu bánh mì. Sự mệt mỏi về thể xác của bản thân và sự hiện diện của vợ khiến anh thấy hài lòng.

Nhưng Amy Parker lại đang giận dữ xé bánh mì.

- Cái thằng oắt con Bub Quigley làm em phát buồn nôn lên.

- Nó liên quan gì tới em à? Cậu ta vô hại, - người chồng nói.

- Vớ vẩn thật! Anh nói phải đấy! Nhưng em không thể chịu được. Miệng chị đầy bánh mì nhão nóng. Ngọn đèn lay động khiến mắt anh sáng lên khi nhìn chị, gương mặt anh dày dặn, sắp bóng.

Có gì đang xảy ra trong căn phòng kỳ lạ mà mình đang sống này  
- anh tự hỏi.

- Anh Stan ạ, - chị nói, - ban này em nhìn cậu bé cao kều, dài ngoẵng, ngớ ngẩn, em thấy hãi quá. Em không biết nhiều. Em không hiểu cơ sự rồi sẽ ra sao đây. Đấy, cứ lấy bà Quigley làm ví dụ chẳng hạn? Anh Stan, em sắp có con. Bây giờ thì em chắc chắn rồi. Thằng bé đưa em xem những hình nó nghĩ ra, và em bắt đầu cảm thấy chéng choáng, cứ như mình chẳng bầu víu được vào đâu trên cõi đời này. Thế là em sợ quá.

Sau đó chị không sợ nữa. Lúc này ánh đèn đã dịu. Nói ra được thì thấy khuây khỏa. Và khuôn mặt anh đang nhìn chị. Có những giây phút họ nhìn nhau đăm đúi. Rồi hai linh hồn vượt khoảng cách quỵện vào nhau.

- Chẳng việc gì phải sợ, - anh nói, giọng băng quơ. - Em sẽ vượt qua như mọi người khác.

Đi bàn chuyện bà mẹ Quigley đã hoài thai Bub thì dường như vô lý quá.

- Vâng, đúng thế, - chị bình thản nói.

Anh sẵn lòng nói bất cứ điều gì để an ủi chị.

- Chúng mình sẽ phải dựng thêm một buồng, - anh nói. - Mà có lẽ phải xây một căn nhà. Ba người mà đi lại trong cái lều này thì chật quá.

Và thằng bé, bởi vì sẽ phải là như vậy, đứng ở giữa buồng của căn nhà mới, tay cầm đủ mọi thứ, nào quả trứng sáo lốm đốm, nào mảnh thủy tinh trong có bong bóng hoặc một cái gậy giả làm ngựa. Sự tưởng tượng tích cực của Stan Parker thậm chí gán cho đồ đạc

một hình thù nào đó mà vợ anh chưa bao giờ nhận thấy, khiến chị hổ thẹn về sự thiếu lòng tin của mình.

- Có con cái quanh đây thì tuyệt quá, - chị khẽ nói bưng ra đĩa bánh pudding nho khô, mà vì chị em Quigley nên không thành công lắm.

- Bỏ củi hả? Và rửa bát đĩa!

Lần đầu tiên anh cười kể từ lúc nghe vợ báo tin, và nếu miệng anh có mím chặt một chút, chị cũng không để ý hoặc tỏ ra không để ý, vì chị còn đang mãi suy nghĩ rất lung. Nếu trí tưởng tượng của Stan Parker có kém tích cực hơn trước, chính là vì bản thân anh còn có bao nhiêu điều vẫn chưa biết cách tháo gỡ, đây là cuộc sống mới, và toàn bộ cái mớ bòng bong huyền bí nằm trong bụng vợ anh. Nghĩ đến mà sồn gai ốc. Người đàn ông ngồi giữa làn ánh sáng nhỏ, yếu ớt, bản thân anh sáng lóe và mờ đi trong giới hạn của linh hồn anh, có lẽ lại lớn hơn, nhưng cũng kém thỏa đáng hơn người chồng đã tạo ra đứa bé, là người ngồi đưa ra lời khuyên và an ủi bằng sự hiện diện của con người mình khi anh nhai một đĩa đầy bánh pudding nhão và làm những việc cần làm.

Vợ anh cảm thấy không khỏe.

Chị đi đây đi đó. Có lần chị đến thăm nhà Quigley, mà các cậu con trai xây sắp xong, còn cô Doll đưa chị đi xem dốc đồi ở phía sau, mà cô ta khoe là sẽ cày lên để trồng cam, rồi thế là sẽ có cam và gà.

- Tôi rất mừng là chúng tôi đã đến đây, - Doll Quigley nói. - Lúc đầu tôi không muốn. Nhưng nơi này đã là nhà của chúng tôi rồi. Cái lối sinh cơ lập nghiệp nghĩ đến mà buồn cười. Cũng phải yêu thương bà con lối xóm thôi.

Đứng trên cánh đồng, hai tay vụng về đặt trước bụng, trông cô chẳng khác gì một cái cây, mà có cái gì đó đã vô tình làm cho vỏ cây bị xù xì.

Và Bub Quigley đã cho Amy Parker xem những con nòng nọc nó bắt được, song chị không thấy ghê tởm nữa.

Biết bao nhiêu con vẹt nhỏ bé muôn màu tinh cò đến các ngọn đồi vào mùa đó, lượn quanh, rồi đậu xuống, đứng trơ trong đám gốc cây cụt ngùn, cất tiếng kêu vang, phá tan cả bầu không khí tĩnh mịch. Đã đến mùa hoạt động. Vào bao buổi chiều tối, cuộc sống giản dị và rộng lượng. Những cây keo đang trổ hoa. Giờ đây những thân cây đen của chúng bớt tiêu điều, mặt trời chiếu xuyên qua những giọt nhựa keo. Amy Parker đi dưới hàng cây keo sủi nhựa, bẻ những mẫu nhựa trong suốt, dán vào miệng vì nó đẹp và hứa hẹn, nhưng chất nhựa chẳng có gì mấy, chẳng ngọt mà cũng chẳng đặc biệt đáng, chỉ nhạt nhẽo.

Tuy vậy, đó vẫn là mùa của hoạt động và cuộc sống, là lúc diễn ra hầu hết mọi sự kiện, khi vào những buổi tối chị mang thùng đến chỗ con bò đang đờ. Chẳng bao lâu họ bắt tay vào làm nhà mới, làm ngày làm đêm để chỉ ít cũng xong một buồng trước khi chị Parker ở cũ. Buổi tối chị nghe thấy tiếng búa, và tiếng chồng cùng các cậu con trai nhà Quigley đến giúp đỡ. Rồi toàn bộ khung cảnh

như được xây quanh người đàn bà, khiến chị trở nên im lặng và quan trọng.

Những buổi tối đó sao mà yên tĩnh khi gió đã lặng, và tiếng vắt sữa làm cho sự yên tĩnh càng trở nên yên tĩnh hơn. Những cây keo xao động suốt ngày lúc này cũng đứng yên sấm hối. Những đám mây của ánh sáng lụi dần làm vàng óng bóng tối đang ập đến. Cái cây dùng buộc bò để vắt sữa có chỗ nhấn thín do cổ bò cọ vào, nay trông trắng như một cây bằng xương.

Con Julia của họ, do bị viêm một đầu vú, nên họ mua được giá rẻ, nay lại có chữa. Hai bên sườn nặng nhọc đang phập phồng do con bê chưa ra đời. Nó nhai cỏ và thở dài. Chẳng bao lâu họ sẽ vắt cạn sữa của nó. Nhưng con bò vẫn tiếp tục nhai, thở dài, và nhìn, và đứng bên cái cây dùng để cột nó khi vắt sữa, đợi được chăm sóc, và được tham gia vào công việc vắt sữa.

Đó là một con bò đã già.

- Ta nên bán quách nó đi, - Stan Parker nói, - trong khi còn được giá.

- Không đâu, - Amy nói. - Đó là con bò của em. Nó được việc lắm.

Stan Parker không tranh cãi, vì anh chưa thấy cần thiết. Điều ấy lúc này không quan trọng.

Do đó vợ anh lại càng thích con bò hơn, đặc biệt lúc này chị sắp có con. Chị dụi trán vào bên sườn mềm mại của con bò nghe tiếng cựa mình đều đều và ngửi thấy hơi bò dụi dụi. Vào những buổi

chiều tối như thể không khí lắng đọng trong hơi thở của con bò, tựa như cái lưới xanh lè đã phả ra. Con bò già khôn ngoan đứng đợi. Đôi tai bị kéo giật về phía sau, như cảm thấy vui lòng. Đôi mắt nâu tựa hồ ẩn sâu xuống. Trên cái mũi màu đá granit của nó lấm tấm mồ hôi.

Mối quan hệ thanh bình này giữa Amy Parker và con bò vàng lại còn êm ả hơn cả buổi hoàng hôn. Hai tấm thân mềm mại mỗi ngày một to trông hoàn toàn hòa hợp. A, mình sẽ có con gái, Amy Parker thầm nghĩ, và chị vui sướng mỉm cười trước cái bụng đầy thỏa mãn của con bò. Đứa bé ngồi trên phiến gỗ nhẵn nhụi. Nó hồng hào và trắng trẻo như đồ sứ có họa tiết, còn tóc rẽ ngôi giữa, óng ả vào những buổi sáng khi chải bằng bàn chải ướt, hát sang hai bên mái thành những đám tóc xoắn nhỏ vàng óng như những cây keo đang tàn. Ủ, Amy Parker tự nhủ, mình muốn có một đứa con gái. Rồi chị nhớ chồng mình không muốn thế, và chị cúi nhìn thùng sữa.

Đến thời kỳ con bò không còn sữa nữa, nó dưỡng sức trước khi đẻ con thì cũng là lúc người thiếu phụ thấy bồi hồi. Chị thường đi trong những buổi tối giá buốt, từ túp lều đến khung sườn căn nhà mới, và dọc theo bờ ruộng, mặc một chiếc áo khoác cũ mà chị đã đan, có vết mạng ở khuỷu tay trái, xoa hai bàn tay bỗng nhiên khô khốc và mỏng như tờ giấy vì không hoạt động, xương cốt mảnh mai. Rồi việc mang thai cứ trải ra trước mắt chị, kéo dài những ngày nặng nề. Gai của bụi hồng bò lan um tùm, bám vào chiếc áo xanh khi chị đi ngang qua. Một nụ hồng non trông còn trắng và ẻo lả trên cọng.



- Trông em xanh xao quá! - Anh âu yếm nói khi gặp chị trên đường, đôi ủng nặng nề của anh đột nhiên đứng sững lại ngay trước mũi giày nhọn hoắt của chị.

Anh nắm đôi bàn tay lạnh buốt của chị. Từ người anh và cả đôi bàn tay anh nữa - đôi bàn tay vừa dẫn cây xẻ gỗ - toát ra một mùi mùn cưa khiến chị cảm thấy yên tâm.

- Ô anh, - chị cười, nhìn vào mắt anh. - Em chẳng thấy khác gì. Dĩ nhiên anh thì cảm thấy khác. Nhưng em không sao, bình thường thôi. Không xuống được chỗ con bò, em cảm thấy làm sao ấy. Anh xem kia, nó đang đứng đợi em đấy.

Chị nhìn vào mắt anh, mong anh giúp đỡ mình, nhưng đồng thời cũng biết anh không làm nổi.

Anh cảm thấy ngay cả đôi bàn tay chị cũng có lúc trở nên cách biệt. Thậm chí sự huyền bí của sở hữu lại là một sự huyền bí không thể nào chia sẻ được. Và giờ đây, khi hai người đứng trên đường, gần như khám phá ra bên bờ mờ mịt, đứa con như không phải là của họ, và anh chưa gì đã thấy lúng túng trước những thứ anh không thể nào nói được với đứa bé xa lạ.

- Con bò già đó em không phải lo, - anh nói với vẻ mặt hiền lành.

Chị lom khom bước, cảm thấy mình lúc đó quá gầy gò, khô héo để đáp lại lòng tử tế của anh.

Mình có một người chồng tốt, chị thường tự nhủ vậy, chị không nhận ra được mình có điểm nào chưa xứng đáng với chồng, nhưng những điểm chưa xứng đáng ấy rồi từ từ chị sẽ tìm ra.

- Đúng như anh bảo, chẳng có gì phải lo, - chị nói, - chỉ vì con bò già.

Chị chậm rãi bước tiếp, tự bản thân cẩn thận, và màu xanh đến chói mắt trên cái áo khoác len của chị lóa lên giữa những màu sắc chiều tối của khu vườn, màu rêu, gần như báo trước một đêm gở, còn cái váy chị mặc, khi đi ngang qua làm dậy mùi hương ngào ngạt cây hương thảo và cỏ xạ hương, vẫn còn phảng phất ngay cả lúc chị đã đi xa rồi.

Thỉnh thoảng Amy Parker ngồi bên mép giường, cảm giác về tình yêu và niềm vui sướng về đứa bé sắp có đã trở thành một cảm giác buồn rầu và mát mát không tài nào giải thích được.

Chị tự nhủ liệu nó có trôi qua đi nhanh không: mình chẳng hề biết gì, chẳng hề hiểu những cảm giác của cơ thể hay ý nghĩa của mọi vật. Mình thật sự không thể tin vào Chúa. Rồi chị co rúm người lại khi nghĩ đến người đàn ông mà chị cùng chung sống trong căn nhà, người mà sức mạnh hoàn toàn không thay thế được sự thiếu hiểu biết và yếu đuối của chị, người có ham muốn đến thăm khốc. Chị ngồi nghe tiếng lá cây loạt soạt quét vào bức tường gỗ.

- Amy ơi, - cuối cùng Stan Parker nói, - con bò già của em vừa sinh con bê cái đẹp lắm.

Đó dường như là điều tối thiểu anh có thể kể lại cho một đứa bé.

- Ồ, thế nó màu gì? - Chị náo nức hỏi.

Dĩ nhiên điều đó khuấy động tâm trạng thư thái của chị. Thế là mọi việc đã đâu vào đấy. Chị đứng phắt dậy, định đi ngay đến chỗ

con bò.

- Loại bò vá. Mà khỏe lắm em ạ, - anh nói.

Đúng là có con bê đốm nằm cuộn tròn trong bụi dương xỉ, con bò mẹ phồng mũi đứng, xem ra có vẻ ngạc nhiên, tuy đây là con bê thứ bảy nó đẻ ra. Người thiếu phụ bắt đầu lên tiếng cương nựng. Chị muốn vuốt ve con vật quý giá đó. Con bê đứng dậy, chỉ thấy toàn cẳng chân và sợi dây rốn. Nó đứng sáng rực, dung đưa, rồi liếm liếm trong bụi dương xỉ lá cuộn tròn.

- Kúp... kúp.. kuuúp! - Chị gọi. - Bê con yêu quá, anh Stan ơi! Bê con yêu ơi!

Con bò mẹ khịt khịt mũi và ngoe nguẩy đầu, nhưng không có cảm giác, cứ như nó đứng chực sẵn đợi người đến dắt đi. Hai bên sườn bụng hóp sâu hoắm. Nó còn bê bết máu.

- Julia tội nghiệp, - Amy Parker nói. - Chúng ta sẽ gọi nó là Jewel, anh Stan nhé? Jewel! Con bê của Julia!

Chị cười trong buổi sáng rực rỡ. Thế là xong. Chị lại là một cô gái, đứng trong căn nhà ở Yuruga, dang đôi cánh tay gầy guộc đón cuộc sống kỳ diệu.

Suốt sáng hôm đó, chị lảng xăng ngắm nghía, vuốt ve nó, ở bên con bê mới vừa đẻ. Chị cứ thì thầm tạo ra một niềm âu yếm mới mẻ để bày tỏ nỗi khuây khỏa của mình, cho đến khi nó tràn ngập trong lòng chị, những cây đứng đó, ngay cả con bò cùng con bê vụng dại đã giải thoát cho chị. Chị như hòa nhập vào bầu không khí yên bình. Bản thân chị là buổi sáng trời xanh trong đó sự việc trên đã xảy ra.

Đến cuối ngày, khi những hình dáng của sự vật đã rõ nét hơn và chị lại trở về với thực tại cuộc sống, chồng chị đột nhiên bước vào lấy nước nóng ở cái siêu.

- Có chuyện gì thế? - Chị hỏi.

Anh trả lời rằng con bò có chuyện.

- Nhưng nó có sao đâu, - chị nói, gần như tức giận, để giữ cho tâm hồn mình thanh thản.

- Đúng thế, - anh vừa nói, về bực tức, vừa rót nước vào cái chậu sắt cũ. - Nhưng bây giờ nó bị ốm rồi. Hình như bị sốt tấy sữa, - anh nói.

Con bò đúng là bị quy trong bụi dương xỉ, nhưng yên lặng, kín đáo, đôi vai mềm mại của nó nhô ra khỏi bụi cây trông như bức tượng.

- Sao anh biết? - Chị hỏi.

- Mắt nó đỏ ngầu, - anh nói. - Nom nó lờ đờ. Nó không đứng dậy. Đây, em xem này, - anh nói, rồi đá vào mông và xoắn đuôi nó, cứ như nó đã biến thành một đồ vật. Song nó vẫn không đứng dậy.

- Thế còn con bê? - Chị hỏi.

- Chúng ta phải chữa cho con bò này. Cứ rồi tinh lên. - Anh nói. - Lẽ ra phải bán nó đi rồi. Đấy, nuôi bò già khổ thế đấy.

- Lỗi tại em cả, - người vợ nói.

- Anh không đổ lỗi cho em, - anh nói, vắt nước sôi từ một mảnh giẻ.

- Không phải anh đang trách em thì là gì nữa? - Chị nói, bản thân cảm thấy buồn chán, vô tích sự.

Chị nhìn anh cầm miếng vải nóng áp vào bầu vú con bò, con bò cựa mình và rên rỉ, hơi thở nóng rực.

Chị nhìn anh. Chị thấy hình như anh không giận mình. Anh đang chăm chú vào công việc. Anh dồn hết tâm trí vào hai bàn tay nên không còn để ý đến chị. Hai bàn tay đó đã quên rằng chúng từng vuốt ve âu yếm chị. Chị trở nên vô ích và lẻ loi, đứng đó, rồi bắt đầu thấy lo lắng về đứa con.

- Chúng ta phải cho bê ăn anh Stan ạ, - chị nói giọng bình tĩnh lại. - Em lại đằng nhà O'Dowd. Họ bảo em họ có nuôi bò. Chắc vậy họ sẽ có sữa.

- Được, - anh nói cứ như mọi việc là thứ yếu, cứ như toàn bộ con người anh đang dồn mọi sinh lực truyền vào người con bò ốm.

Chị ngoảnh đi không nhìn vào bàn tay mà chị không có quyền sở hữu, chị bám vào mục đích mới của mình. Chị đi đóng xe ngựa.

Trong khi chị lao về nhà O'Dowd, ngòi đằng sau con ngựa nhỏ leng keng tiếng nhạc, nỗi tủi thân của chị rơi rụng. Miệng chị đắng ngắt, nhưng gió lạnh cắt da cắt thịt trên đôi má đánh lại của chị. Chị đánh xe rất quả quyết. Cây cối trải ra trước mặt như không có đường, và chị đang mở đường. Một thoáng sau đã nhìn thấy xương

con ngựa chết đúng như chị hàng xóm nói, và một căn nhà thấp thoáng qua hàng cây bụi.

Thế là Amy Parker đã đến được nhà O'Dowd.

- Đúng rồi, tôi tin chắc thế nào cũng là chị Parker đến mà, - chị hàng xóm nói khi đứng trên bậc cửa quan sát mọi thứ nhưng chẳng thấy gì cả, như thể chị ta phải làm điều gì đó mà chỉ nghĩ tới là đã không chịu nổi.

Nhà O'Dowd như được xây do một loạt ngẫu hứng. Ngoài căn buồng đầu tiên, tất cả đều chứng tỏ cách sinh hoạt rối rắm, những nơi hình thù giống căn buồng, hoặc những chỗ nhô lên bằng ván gỗ, tấm sắt, hay cả vỏ cây. Không có gì hài hòa, trừ cái sắc nâu hoen rỉ như vỏ cây, song cái đó được bố trí trong khung cảnh này cũng tạm ổn, dưới và giữa các lùm cây. Quanh đó, những con gà mái đứng rỉa lông trên một lớp bùn đọng cứng lại. Con lợn nái đồ hung tộ mò chạy lại xem có ai đến, những núm vú của nó đập vào hai bên sườn cứng như da thuộc, đàn lợn con kêu eng éc bên những cây bắp cải. Mấy con bò đứng nhìn chăm chú đám cỏ mới nhú ở chỗ bùn. Có cả mùi vịt.

- Đúng là chị Parker rồi, - chị hàng xóm nói, rồi chạy xuống, hay đúng hơn cái bậc thềm mà chị ta đang đứng đã đẩy chị ta xuống sân.

- Vâng, tôi đây, - Amy Parker nói.

Cái hăm hở đưa chị đến đây đã biến mất, và chị trở lại buồn bã trong cái sân đó.

- Tôi đến mong chị giúp đỡ đây, - chị nói. - Chúng tôi đang gặp rắc rối, chị O'Dowd ạ.

- Chuyện gì thế chị? - Người đàn bà béo lùn hỏi, vẻ sốt sắng.

Hôm nay chị không ăn bận như ngày lễ hội. Đúng là có mấy chỗ, chị lấy kim băng ghim lại gọn gàng, nhưng bộ ngực của chị ta nhấp nhô không kém phần thân thiện, còn máu thì đang dồn lên đôi má nhẵn nhụi.

- Sáng nay một con bò nhà tôi đẻ, - Amy Parker nói. - Đẻ một con bê cái.

- Chị may mắn quá! Những con bê đẹp làm sao!

- Nhưng con mẹ bị quy vì sốt tấy sữa. Nó già rồi mà, - chị nói.

Chị hàng xóm chép miệng.

- Con bò già nào cũng khốn khổ thế cả. Thật đáng thương. Chúng vậy cả đấy chị ạ.

- Nhưng chúng tôi phải nuôi con bê con, chị O'Dowd.

- Đúng là thế rồi.

Chị ta tỏ ra băn khoăn.

- Này! - Chị ta gọi to. - Anh ở đâu đấy? Có một chị khách đến thăm này. Nào anh ra đây một chút nào, vì Chúa, để người ta còn biết tôi có chồng. Ồ, đám đàn ông các anh, lúc nào cũng ra về, thế mà gà què chẳng chịu cho ăn uống gì cả. Nhưng chị ạ, nếu chị cần

sữa, thì chúng tôi có nhiều lắm. Chúng tôi đang tranh thủ vắt hai con bò to, con bò cái tơ khốn kiếp lại sắp đẻ. Được thôi, chị Parker ạ, anh ấy có nói gì cũng mặc, tôi quyết định tất.

- Làm gì mà cô oai oái lên thế? Tìm đôi ủng rồi tôi lại ngay mà! - Người chồng thét to. Và quả anh ta đến ngay.

- Anh ấy đấy, - người vợ nói.

Chị ta ngoảnh đầu về phía cửa sau. Bộ tóc đen của chị đang buông thả, lần này chị lại không vấn tóc.

Anh O'Dowd là một người to bè. Anh ta có hai lỗ mũi đen ngòm, ta có thể nhìn ngược lên được. Người anh ta lông lá và tiếng cười nghe sảng khoái.

- Có chuyện rắc rối với con bò hả? Lại sốt tấy sữa, - O'Dowd nói.

- Không cần phải nhắc lại đâu, - vợ anh ta nói.

Mọi người kinh ngạc, còn chị ta thản nhiên như không.

- Dầu hỏa, - người chồng nói, - không có gì chữa sốt tấy sữa hay bằng dầu hỏa, bất kì bệnh gì khác cũng vậy.

Hơi thở của anh ta là bằng chứng.

- Anh ấy chuyên chữa bằng dầu hỏa, - người vợ nói. - Anh ấy rót dầu hỏa vào bất kỳ con vật nào bị ốm. Cứ người thấy mùi là tôi thấy đến chết khiếp.



- Không gì bằng dầu hỏa đâu, - người chồng nói. - Chị cứ lấy một chai bia, dốc hết bia ra, đổ đầy dầu hỏa vào, đến ngón tay tôi đây này, không hơn không kém, vào khoảng hai phần ba chai, thêm nữa là nguy như nhà anh Paddy Connor quá vội vàng, và con bê nhỏ Jersey xinh đẹp của anh ta quần quại trong bụi cát, nhưng chị nhớ là phải đổ dầu đầy đến vậy nhé, rồi ấn chai vào miệng con vật một cách từ từ cho đến khi hết, dĩ nhiên là con bò nó phản đối đấy, mà lúc ấy thì ghê gớm lắm, song cơn sốt sẽ qua, chị sẽ thấy, nhanh như một buổi sáng Chủ nhật.

- Nhưng chị ấy không cần dầu hỏa đâu, - người vợ nói lưu ý chồng, - mỗi người có một kiểu chữa riêng. Chị ấy cần sữa thôi.

- Nếu không phải dùng dầu hỏa, - người chồng nói, - ít nhất chị ấy cũng biết được một cách chữa không phải tốn tiền.

- Sữa cũng vậy. Một ít cho chú bê con mới đẻ.

- Ồ, sữa không phải trả tiền.

- Vậy anh huyền thuyên gì đến hàng nửa giờ thế?

- Đàn ông phải có ý kiến chứ, - người chồng nói.

Đứng giữa cái sân ngổn ngang, Amy Parker cảm thấy đầu gối đứng không vững, nhưng nhìn đàn vịt đang rúc mỏ vào vũng nước bùn, lòng chị thấy xót xang. Thậm chí cả những cái chai nằm trơ ra đó lúc này xem ra cũng có cái lý của chúng, vì bản thân O'Dowd ném chúng ra ngoài cửa sổ, còn hơn là vứt chúng trong nhà.

- Chị có xô không? - Anh ta hỏi.

Anh ta xách xô và đi ngang qua sân, lòng phấn khởi vì việc làm hào phóng của mình.

- Chị O'Dowd... - Amy Parker cất tiếng.

- Cảnh ngộ chị hôm nay có thể sẽ là của chúng tôi ngày mai, - người bạn hàng xóm nói. - Chắc! Chắc! - Chị ta tặc lưỡi, rút bàn tay nhờn mỡ.

- Chị đừng bận tâm. Có con dê đẻ vào tối hôm thứ Năm, bố là con hoẵng, phải nện vào đầu con vật tội nghiệp. Nhưng chị Parker ạ, chúng tôi để chị lấy con mẹ, nó sẽ cung cấp sữa cho chị, chị sẽ thấy hạnh phúc. Nhà nó ời, - chị ta gọi to, - chị Parker mượn một con dê cái nhé! Bà chị thân mến ạ, không nhờ có những con dê tốt lòng thì ối trẻ con sẽ héo hon gầy mòn. Và cả con bê bé bỏng đáng yêu...

Đôi lúc những hành động tử tế giáng mạnh như một cú đòn. Song Amy Parker hy vọng chị có thể chịu đựng được.

- Chị có con cái gì chưa? - Chị O'Dowd hỏi.

Bầu trời nãy giờ cứ nhạt dần. Giờ đây đã hoàn toàn trắng.

- Không có, - người thiếu phụ da trắng nói, sự trần trụi của chị chỉ để dành cho chồng mình. - Không có, - chị nói. - Tôi không có con.

- Ồ, chắc chưa có thôi, - chị O'dowd nói.

Rồi chị ta khẽ ngâm nga một điệu hát đã ăn sâu vào đầu óc và rung lên kì lạ qua hàm răng.

- Chúng tôi chẳng được trời phú cho, - chị ta nói, - mặc dù không phải không cố gắng.

Sau đó người chồng dẫn con dê đến.

Chị Amy Parker đón lấy con dê đang vùng vẫy về, và liền cho con bê mới đẻ ăn, nó liền mút tròn trụi ngay những ngón tay chị nhúng trong xô. Cái lợi vụng về không sao ăn được nhiều. Trong lúc chị cảm thấy con bê của mình đã khỏe khoắn và vui vẻ, chị cứ muốn quên con bò ốm yếu đang nằm co ro trong đám dương xỉ hai ngày đêm nay rồi, lúc này thật sự là một bức tượng bằng đồng bệnh tật.

- Nhưng nó cũng không tệ đi, - người vợ nói, cố giải thích sự thờ ơ vừa qua của mình. - Chị thật sự mang lòng yêu mến con bò.

- Nó cũng chẳng khá hơn, - Stan Parker nói.

Người chồng vẫn chăm sóc con bò ở khoảng đất bị giày xéo do đứng ngồi quá nhiều. Anh cắm những ống lông vũ vào đầu vú con bò để hút sữa ra rồi mang những bát nước sôi đến với ý định dùng khăn nóng đắp vào vú bò, hy vọng sẽ làm cho nó tỉnh dậy, thoát khỏi trạng thái mê mết. Nhưng ý chí của anh không đủ mạnh. Và lúc ngồi một mình, nhìn chăm chăm vào cặp mắt hiền lành, đang mở trừng trừng của con bò, anh liền đá vào mông nó.

- Đứng dậy! - Anh kêu lên và dùng hết sức bình sinh đá nó. - Nào, dậy đi! Đứng dậy đi!

Anh mệt lả.

Amy Parker lúc đó đã đến chỗ lùm cây, chị không còn hiểu chồng mình nữa. Giọng anh nghe thất thường, cọc cằn.

- Để nó yên một chút, anh, - chị bảo, giày chị vấp phải một hòn đất, như đây là phương diện sống kỳ lạ mà chị vừa mới nhận thấy.

- Em sẽ ở lại bên nó một tí. Trà đã pha rồi đấy. Anh đi nằm đi, anh Stan, sau đó chúng ta sẽ ăn một chút nhé.

Anh nghe lời chị, bỏ đi.

Chị chẳng còn nhớ là trước đây mình đã có quyền lực như vậy không.

Nếu có thì bên cái hố ẩm ướt với con bò ốm yếu, nó làm chị buồn, thấy chồng mình quy phục trước quyền lực của chị. Vì chị là người nhẽ ra lúc này phải khỏe thì lại yếu. Bóng tối tràn đến và những bụi mâm xôi đã thúc ép linh hồn mỏng manh của chị vào cảnh tù túng hơn nữa, còn đưa con trong bụng phản đối, có lẽ nó dự cảm nỗi tuyệt vọng trong tương lai đã nằm sẵn giữa cảnh giam hãm của xương cốt chị.

- Tội nghiệp Julia, - nói rồi, chị tiến lại gần con bò, để tay lên cái cổ không có phản ứng nào của nó.

Giờ đây xem ra chẳng còn thứ gì chị có thể hồi sinh được nữa. Mọi giây phút sung sướng hay cảm thức mà chị đã từng sống qua rất có thể chưa được thể nghiệm. Hiện tại chị chẳng còn gì nữa.

Chị bỏ con bò đấy. Chị bước qua những hàng cây mọc trên mảnh đất đã thuộc về họ. Mặt trăng mờ mờ hiện lên, nhợt nhạt và

bàng bạc giữa cành lá đung đưa. Cùng một lúc trong lòng chị trào dâng một cảm giác xốn xang về gió thoảng cành đưa, mây trôi trắng tãi. Chị cảm thấy trời có lẽ sẽ mưa trong cảnh đời ảm đạm và vô vị chị đã bước vào. Trong đó túp lều nhà chị với cánh cửa sổ đón ánh sáng tràn đầy hy vọng một cách vô lý. Chị nhìn qua cánh cửa sổ của túp lều do bàn tay con người dựng lên này, nhìn người chồng đang nằm ngủ trên giường. Những chiếc nồi đặt trên bếp. Súp khoai tây trào bọt ra khỏi miệng cái xoong đen. Chị nhìn cái thân thể khỏe mạnh của một người đàn ông yếu ớt. Đôi dép của chị nằm ngay ngắn dưới ghế. Chị nhận ra với vẻ khách quan buồn chán, miệng trễ ra, đau đớn rằng mình đang nhìn vào cuộc sống của bản thân.

Đập vào cánh cửa sổ để phá tan giấc mơ này thì quá là đơn giản. Để nói: Anh Stan, nhìn em này.

Nhưng điều đó dường như không thể được.

Vậy là chị buộc phải từ ngôi nhà xót xa đáng thương bước trở vào thế giới cây cối và mây, mà dù muốn hay không cũng là thế giới của chị. Đôi bàn chân chị lướt nhanh trong bụi dương xỉ. Và đứa con mà mình sắp có đây nữa, chị tự nhủ. Mà thân thể chị đang hình thành một cách miễn cưỡng. Ngay cả đứa con chưa ra đời đó là con trai hay con gái cũng do người khác quyết định. Chị hoàn toàn bất lực. Chị bước đi, váy cọ vào lớp vỏ cây xù xì. Mọi thứ chị chạm vào đều trôi tuột khỏi tay chị gần như ngay lập tức, và chị đành cam chịu.

Rồi chị thấy điều đó xảy đến với con bò trong lúc chị đi vắng, thấy cái mà ít nhất chị hy vọng chị không có phận sự khám phá.

Con bò đang nằm bên cạnh chị. Nó nằm sõng soài, trông đen ngòm dưới ánh trăng. Đôi cẳng chân duỗi thẳng. Nó cứng đờ như một cái bàn. Chị lấy chân thúc vào con bò. Con Julia của vợ chồng chị đã chết.

Giờ đây chỉ còn một mình chị với ánh trăng.

Chị bỏ chạy, cuốn theo hơi thở nóng hổi của chính chị. Lá ướt vẩy vào bộ mặt cảm thạch của chị, hoặc biến thành roi, rạch sâu thêm. Chị phải quay về nhà để báo cho chồng, phải để con bò chết đấy mà chạy thục mạng hết mức cổ chân chị và cành lá cho phép. Chị chạy dưới ánh trăng bàng bạc. Bóng tối dữ tợn níu lấy tóc chị. Chị không sao chạy nhanh nổi qua những hàng cây gây đau đớn cho chị để về đến căn nhà tràn đầy ánh sáng mà chị tưởng tượng ra trong óc. Chạy. Nhưng chị càng bỏ xa con bò nằm chết thì càng đến gần những cái mà chị chưa trải qua. Da thịt chị ớn lạnh khi chạy qua những tấm lưới bủa vây lấy chị không còn nghĩ gì hơn là cố thoát ngay khỏi nỗi sợ hãi của chính mình.

Cứ như vậy, dù chưa về đến tận nhà, Amy Parker đã ngã vào cái bóng mà ban ngày là đồng đá vụn, mọi vấn đề thoáng chốc vượt ngoài sự kiểm soát của chị.

Giờ đây còn có mặt trăng.

Khi tỉnh lại, chị thấy vụn vật nằm gọn trong vòng ôm của ánh trăng tàn nhẫn. Mình đang bỏ chạy, mà mình chạy quá nhanh, người thiếu phụ thốt ra qua hai hàm răng, vết đau nhức nhối. Chị khóc rưng rức, buồn cho con bò, buồn vì ánh trăng tỏa trắng, buồn vì tấm thân mềm mại, mệt lả mà chị không điều khiển được. Thật vậy,

chẳng có gì chị điều khiển được, khi chị lại ngã bổ nhào trên đám dương xỉ ướt.

Về đến nhà, chị thấy chồng đang nằm sóng sượt. Anh tỉnh giấc khi ngửi thấy mùi khoai tây đã cháy khét gần như không còn gì, nên anh dậy bỏ chúng ra khỏi bếp. Anh vẫn còn ngái ngủ. Ý thức trách nhiệm chưa xung đột với bản chất lương thiện của anh, nên nếu chị muốn, chắc hẳn chị đã có thể đến bên anh. Nhưng chị không muốn nhìn anh lúc này.

- Sao, anh để khoai tây cháy à? - Chị hỏi như muốn làm to chuyện.

Nhưng anh nhìn vào vai chị và bảo:

- Sao thế, Amy? Có phải chuyện con bò không?

Qua cánh cửa chị để ngỏ, ánh trăng đầy huyền bí tràn khắp không gian.

- Con bò chết rồi, - chị nói, hai môi run run, nên chị mím chặt môi mỗi khi nỗi đau đón trở lại.

Chị không chịu nổi cảnh anh đứng đó. Thân thể chị như trôi tuột khỏi chị, và cả niềm yêu thương trĩu mền đang dâng trào mà chị đã có thể đã ban phát nếu được phép.

- Thôi được, - anh nói, nhìn xuống nền đất. - Vậy... là, thật bậy quá. Nhưng em đừng nên hốt hoảng, Amy. Còn có con bê cái cơ mà. Mà con bò đó cũng già rồi, và không tốt lắm; đầu vú nó không bình thường và còn bao nhiêu bệnh tật nữa.

Ngồi trên mép giường đã nghiêng một bên, anh trầm tư suy đi nghĩ lại, còn chị trông già hẳn đi, nhìn vào đỉnh đầu anh, chỗ xoáy đầu nhỏ lộ rõ giữa đám tóc.

Lúc ấy anh ngẩng lên và chị thấy mình biết kỹ mặt anh quá.

- Còn gì nữa không? - Anh lưỡng lự hỏi, giọng đờ đẫn.

Chị ngồi xuống góc giường gồ ghề ở chỗ xa xa để anh không chạm đến người chị.

- Em muốn anh đi gọi chị O'Dowd, anh Stan. - Giọng chị run lên. Để mặc em, anh ạ, - Chị nói. - Em cho rằng chúng mình sẽ không có con mắt. Nhưng anh hãy đi tìm chị O'Dowd về đây. Có lẽ chị ấy sẽ biết cần phải làm gì.

Nỗi khổ không thể chia sẻ đó cũng là của anh. Anh không thể nói với ai, anh chỉ có thể thắt chặt cái đai lạnh lẽo vào con ngựa, bóng anh trải dài trong đêm sáng trắng.



## CHƯƠNG 7

**T**rong những năm qua đã nhiều lần Amy Parker định có con, nhưng rõ ràng điều đó không có ý định xảy ra.

- Đắt đai ở đây cần cỗi, - chị vừa nói, vừa cười.

Vì cả gia đình Quigley và O'Dowd đều không thấy một ai ra đời, và giờ đây gia đình Parker lại đang giả vờ muốn có một cuộc sống lứa đôi không con không cái. Họ tự động viên nhau rằng ngôi nhà ngăn nắp mà Stan cùng các cậu con trai nhà Quigley xây nên không phải là cái hộp nhốt chặt cuộc đời họ. Dĩ nhiên họ hãy còn trẻ nên sự khờ khạo của họ chưa lộ ra, trừ trong giây lát, và sẽ được bỏ qua như những giấc mơ. Dẫu hoàn cảnh bắt đầu buộc họ phải suy nghĩ, song vẫn còn lộn xộn, trì trệ trước cái mờ bồng bong của suy tư. Họ cũng cầu kinh, khá đều đặn, tùy thuộc vào lúc họ tin hay không tin. Họ yêu, đôi lúc đầy cảm hứng, thỉnh thoảng đầy hần học. Có lẽ họ khao khát gặp nhau ít hơn trước, nâng niu những giây phút yên tĩnh, thậm chí những giây phút đau khổ đã qua. Thỉnh thoảng họ lượng thứ cho nhau.

- Chúng ta có thể sống như thế này, - Stan Parker nói. - Nhưng nếu em có con, sau này chúng có thể trách em về chuyện đó.

Như vậy đấy.

Amy Parker luôn là một thiếu phụ cần cù, thông minh, lúc quét bụi trên hàng hiên, lúc ngồi trên khúc gỗ bóc vỏ đậu. Nếu như trong lòng chị, cuộc sống có lúc dâng lên như những đợt sóng thì nó lại không cuộn trào ở nơi mà chị được tôn trọng và được yêu mến. Chỉ đôi lúc gương mặt chị nhìn như muốn nuốt lấy phong cảnh, hoặc đợi cho mái nhà bị vỡ toang, nhưng chỉ đôi lúc thôi. Vì vậy vợ chồng Parker vẫn được quý trọng ở vùng đó. Chẳng ai có thể đào nổi cái hố chôn cột như Stan Parker, hay dẫn cây, hay nếu cần đóng cả móng ngựa bằng những dụng cụ tự chế trong khoảng thời gian ngắn, dĩ nhiên là anh thừa hưởng từ người bố. Thỉnh thoảng, biết đâu trong đầu anh lại chẳng nảy ra một ý thơ hay hình ảnh Chúa, vì nào ai có để tâm tới chuyện đó đâu, hay đúng hơn không ý thức được mình đang làm chuyện ấy.

Giữa đường đến Bangalay có một nhà thờ đã được xây dựng để bà con vùng lân cận vẫn có thể đi lễ vào Chủ nhật. Một số đã đi lễ. Những câu cầu nguyện, rồi những bài thánh ca du dương vang lên. Ta không thể gọi đó là thờ phụng, mà chỉ coi đó là hành vi thanh nhã, ít nhất cũng đối với hầu hết mọi người. Amy Parker đã đi lễ nhà thờ vì lòng tôn kính những giây phút cao quý đối với sự giáo dục mà chị có được. Hơn nữa, chị thích hát một bài thánh ca buồn. Nếu chị đánh liều mà vượt quá, thì là bởi bờ vai xa cách của chồng. Vậy Stan mặc quần áo lễ đã nghĩ gì trong nhà thờ? Chị phân vân, xua ruồi khỏi mặt như xua đi nỗi tức giận thoáng hiện qua. Chị bực mình trước thể nghiệm cá nhân có trong anh, nó tinh vi hơn chính khát vọng của chị thể hiện qua những bài thánh ca buồn. Giọng chị trầm bổng pha chút khoái cảm. Chị có một chai nước hoa, nên mỗi khi đi lễ nhà thờ vào ngày Chủ nhật chị lại lắc lắc cái chai và vẩy lên áo, khiến mùi lông ngựa và bụi bặm trên người chị cũng thêm chút

hương thơm. Khi đôi môi ướt của chị mấp máy hát, trông chị bóng bẩy, bản chất của chị không thể tranh cãi được. Nhưng ta không thể chỉ ra bất kỳ điều gì liên quan đến Stan.

Bản thân anh cũng không muốn nói gì. Anh lúng túng vì vợ đang nhìn mình, mà những lời cầu nguyện đòi hỏi quá nhiều. Cả thể xác anh mà anh phần nào thấy xấu hổ khiến anh phải quỳ xuống với một vẻ vụng về mà anh không cho là hạ mình. Song anh còn hạ mình hơn thế. Khi anh không vươn lên được tới mục đích tối cao của người cầu nguyện, anh thường xem xét mình, hoặc thờ gỗ trên ghé nhà thờ, thấy từng sai sót không có hy vọng sửa chữa. Tuy nhiên, cũng có những lúc sự thanh bình đến giữa tiếng ngựa nhay nhay hàm thiếc ngoài hàng rào, giữa một lời nào đó đột nhiên ngời sáng, giữa những con chim mang rơm về xây tổ dưới đầu hồi, giữa những lời mang bao hứa hẹn, hẳn phải là ân sủng của Thượng đế.

Vào thời điểm này trong cuộc đời hai vợ chồng Parker, cụ ông Quigley bên hàng xóm qua đời. Vào một buổi sáng sương giá, trên lối ra nhà vệ sinh, ông cụ ngã giữa đám cây chít chít, và nằm đấy mãi đến lúc con cái tìm thấy. Ông cụ đã chết cứng rồi. Các bà thạo việc này đã khâm liệm ông cụ, rồi đưa ông cụ lên xe ngựa, gập ghềnh, đến ngôi mộ trong mảnh đất cỏ mọc cao vút, nơi nghĩa trang của giáo dân ở Bangalay. Cụ bà lúc này chỉ có thể xác ở đó, cắm bó hoa cúc vạn thọ vào một cái bình, mà những con dê đã tha đi ngay trong ngày hôm ấy, mong sao ông cụ thoát khỏi màn thống thiết cuối cùng của những bông hoa màu vàng nâu này.

Cùng tối hôm đó, những người đưa đám trở về khu nhà mình, và mọi người đều quên cụ ông Quigley, trừ cụ bà - già và ngớ ngẩn, cô

con gái - xấu xí nhưng dịu dàng, cùng Stan và Amy Parker đôi lúc băng khuông suy nghĩ. Họ nằm trong bóng tối, trong vòng tay nhau, cùng chống lại khả năng có thể chết. Hơi thở của họ quyện vào nhau, và tinh thần của họ được củng cố. Hai bàn tay họ buộc thể xác của nhau phải sống một cuộc sống tạm bợ.

Ngoài sự khơi gợi về cái chết này, cuộc sống của họ đã vững như bàn thạch. Giờ đây họ đã có một đàn bò, hai con bê cái và một con bò đực béo tốt. Vợ chồng Parker đang chuyển sang nuôi bò. Ánh đèn vàng vọt thấp sáng những buổi mai. Hơi thở trắng như bạc của họ phả ra phía trước thành một đám mây. Người họ cứng queo như cái cán xô đựng sữa kêu lạnh canh bên mình khi họ đi qua cái sân mờ sương đến nơi vắt sữa.

Những lúc khó khăn Stan Parker làm phu làm đường ở Bangalay. Anh về nhà vào những ngày cuối tuần. Lúc đó, anh im lặng hơn, không nói một lời, khắc nghiệt hơn, bụi bặm đã bám vào những đường nét trên mặt anh. Nhưng họ cũng dành dụm được chút ít. Amy Parker vắt sữa bò. Thường sau đó chị mang sữa đến quanh quần những nơi ở phía bắc Bangalay, nơi dân sống ổn định hơn.

Trong nhiều tháng liền Stan làm việc cho ông Armstrong và kiếm được khá tiền. Ông Armstrong là một chủ hàng thịt giàu có đã xây được một căn nhà ở nông thôn. Ông ta làm ăn phát đạt, đã đến lúc trở thành quý phái và củng cố địa vị quan trọng của mình trong ngôi nhà gạch đỏ. Ông ta đã xây ngôi nhà nông thôn của mình cách nhà Parker có khoảng một dặm, giữa những khu vườn và mê cung những hàng rào nguyệt quế và những cây cảnh. Vài cửa sổ có lắp

kính màu. Còn có một bức tượng người đàn bà bằng đá khiếm tốn đưa tay che tấm thân lỏa lồ.

Stan Parker làm một thời gian trong vườn nhà ông Armstrong, và nói chung khắp mọi nơi. Anh chẻ củi, mổ gà, đốt lá, nhổ cỏ trên những luống hoa hồng hình bầu dục và những luống cây chuối hoa hình chữ nhật, trang trí khu vườn giống như một công viên lòe loẹt đến là hơi hợt. Nhưng người bán thịt rất hài lòng. Ông ta đã đạt được sự tráng lệ huy hoàng. Ông ta đi xà cạp và trở thành nhà quý phái nơi thôn dã. Ông ta nói cười vui vẻ, thân ái với những người phục vụ, để tiền vào túi khiến Stan Parker phải cảm thấy xấu hổ, nhưng những người khác đã lợi dụng sự tin cậy đó, trở thành lũ trộm cắp hoặc xác láo. Song, người bán thịt cảm thấy đôi lúc có thể dùng tiền mua được cái đặc quyền bị lừa gạt hoặc bị tổn thương. Khi ông ta thấy Stan Parker không phản ứng theo cách đó, bản thân ông Armstrong thấy lúng túng, hắng giọng nhiều lần và nhìn ngược nhìn xuôi. Nhưng ông ta tôn trọng Parker và nhẽ ra trả công cho anh nhiều hơn nếu như ông dám vượt qua cái giới hạn vốn đã rộng rãi kia.

Khi ông ta không thuê Stan Parker nữa và anh đã trở về làm việc tại trang trại của mình, ông Armstrong đôi lúc thích cưỡi ngựa đến chỗ anh, ngồi nghiêng trên mình con ngựa mập mập, thường bảo cách cắt lúa hay đánh đồng cỏ linh lăng cho người vốn là kẻ làm của ông ta, đồng thời bảo cả ông già người Đức là Fritz đến giúp việc cho vợ chồng Parker dạo ấy. Sau đó ông Armstrong rất hài lòng. Bộ mặt nhẵn nhụi và đôi xà cạp nom rạng rỡ. Qua mép lá, ông ta nheo mắt nhìn khắp khu đất, và thái độ của ông ta biểu thị một sự chiếu cố và đồng tình với người mà sự tiến bộ nhỏ nhoi của anh ta sẽ

không bao giờ sánh kịp ông. Vào những dịp này ông ta đặc biệt hạ cổ và hóm hỉnh mỉa mai với ông già người Đức, một phần là vì ông già là người ngoại quốc và một phần là vì vị trí của ông cụ ở nhà Parker là cái gì đó mà ông chủ cửa hàng thịt không sao đánh giá chính xác được.

Vào một tối, bác Fritz đến mang theo bị quần áo và được cho ngủ nhờ ở nhà ngang, trước đây là túp lều của vợ chồng Parker. Lúc đó bác bị ốm. Bụng sôi khó chịu, vì vậy bác nán lại trong túp lều. Bác lấy cám trộn mật để chữa chứng đau bụng - mà không bao giờ rõ đó là căn bệnh gì - nhưng bác không ngừng cập nhật bệnh trạng. Vợ chồng Parker thường cho bác một, hai đồng, cùng một tảng thịt ước lượng. Họ thích đôi mắt trong sáng của bác, có màu xanh của mắt người Đức và chấp nhận ngay thái độ bền bỉ kiên trì của bác.

- Có cái ghế đây này, bác Fritz ạ, - Amy Parker nói. - Nó hơi lung lay, nhưng bác có thể chữa lại mà dùng.

Bác Fritz làm nhiều thứ. Bác giúp vắt sữa, tráng nước nóng những cái can to và đi đưa sữa cho các nhà. Hầu như bao giờ ngọn đèn của bác cũng thấp sáng đầu tiên bên kia sân. Và tối đến bác mang ghế ra cửa ngòi giữa đám hoa hướng dương nở to mà bác đã trồng, rồi nhả hạt được phơi khô và phun mảnh vỏ những hạt đen nhọn hoắt.

Mọi người thường bảo bác chẳng khác gì một con vẹt chết dẫm.

Rồi họ cười vào hành động ngớ ngẩn nhưng giản dị đang diễn ra trước mắt; và chẳng hề muốn chúng xảy ra, vì tất cả mọi vật tồn tại

hay xảy ra bên ngoài lĩnh vực kinh nghiệm của họ đều không có quyền được diễn ra.

Nhưng ông già người Đức nói:

- Dầu của những hạt này rất tốt cho sức khỏe.

Bác không hề bận tâm. Chẳng ai có thể thử thách lòng tin của bác. Vì vậy, họ bỏ đi, lắc đầu, miệng trề ra khinh bỉ những vỏ hạt hướng dương.

Bác Fritz đến chẳng được bao lâu thì trời đổ mưa. Chưa bao giờ mưa đến thế. Thoạt đầu, mưa cũng bình thường, vẫn những đám mây cuồn cuộn như thường ngày, vẫn có những lúc trời hửng nắng và những tấm chăn được đem ra phơi và những con bò, không còn chịu lép vế trước thời tiết, đang đua nhau gặm cỏ non lạnh buốt.

- Trời sẽ mưa to, - bác Fritz bảo.

- Đúng, đúng là sắp mưa rồi - Stan Parker nói, giọng hời hợt, vì anh vẫn chưa thấy bận tâm đến.

Anh đạp qua một vũng bùn mà đi. Nhưng ông già người Đức lắc đầu lo ngại sẽ còn những cơn mưa khác nữa. Đàn bò giương mắt mờ đục nhìn vào cặp mắt trong suốt của bác.

Khi mưa thật sự bắt đầu, sau tuần trăng mật của những trận mưa rào và những mảnh trời xanh, cuộc sống của người và vật như vừa nhất thời vừa vô nghĩa dưới những đợt mưa liên tục không ngớt, mặc dù ở giai đoạn đầu của trận hồng thủy mưa vẫn là mưa,

thịt da coi nó là nước và tinh thần cầu nhau rằng bao giờ nó mới kết thúc.

Song thật là tồi tệ. Ngôi nhà không còn là ngôi nhà; chỉ còn trơ mái nhọn hoắt đội mưa xối xả. Những người ở trong nhà chẳng có việc gì làm ngoài ngồi tránh về một bên, mặt vàng vố, nghi ngờ từng cử chỉ của nhau khi nghe tiếng mưa rơi lạnh lạnh như sắt thép. Mưa vẫn rơi. Mưa rơi trong lúc họ ngủ. Nó trôi những cơn mơ của người đang say giấc, dâng lên nỗi sợ hãi và bực bội, rồi để họ bồng bềnh trên mặt nước xám của giấc ngủ.

- Này Amy, - Stan Parker nói, khi tỉnh dậy trong đêm, - trong bếp có một chỗ dột mới đấy.

Có tiếng nước rơi vào trong xô họ đặt ở dưới chỗ dột đầu tiên, giờ lại nghe thấy tiếng mưa rơi trên gỗ. Mưa đang tràn vào nhà, lúc đầu còn ít, sau ào ào.

- Còn một vài cái chậu đấy, - Amy Parker cười, nằm trên cái giường không được che chở, tựa vào chồng để hy vọng có thể chống được mưa, nhưng trong bụng không tin lắm.

- Đặt cái xô sắt cũ móp mà em định vứt đi vào đấy, anh Stan ạ. May quá, mình lại không vứt đi. Nó cũng chứa được ồi nước đấy. Để vào đi, anh.

Chị nghe thấy tiếng chân anh trên sàn, một, hai bước, trong lòng thấy dễ chịu, nhưng chẳng được mấy chốc, vì lại nghe thấy tiếng dột ngay.



Chính mưa đã nắm bắt lấy cuộc đời họ, và bỏ rơi bản thân họ. Thân hình họ, dưới những cái bao che mưa, bước qua sân để làm những công việc cần thiết trong ngày. Như thường lệ tay họ trơn tuột giữa những núm vú bò, cổ vắt sữa, nhưng không được mấy, dòng sữa trắng nhọt bên vè lộng lẫy của cơn mưa chắc hạt.

- Ở Wullunya nước sông dâng rất cao - Stan Parker nói vào cái hôm anh từ thành phố trở về; bốn chân mệt mỏi, không chút lông của con ngựa ngâm trong nước, những chiếc dây da phồng lên chõ cái khóa. - China Flat bị cô lập rồi.

- Chúng mình đang ở trên đồi, - người vợ nói.

Chị cố vin vào ngọn đồi của mình, lòng thấy đầy ấm áp và tin tưởng. Chị giơ bàn là sát lên má thử xem đủ nóng chưa. Đó là hôm là quần áo. Chị không nghe thấy nước sông Wullunya.

- Đúng, - người chồng nói. - Chúng ta ở trên đồi. Thế còn những người khốn khổ ở China Flat thì sao?

- Em không muốn điều bất hạnh cho một ai ở China Flat cả, - người vợ nói, giữa làn hơi ẩm khi chị đưa mạnh chiếc bàn là trên tấm khăn trải giường. - Em chỉ muốn nói điều gì đó. Chúng ta ở trên đồi. Em quên không biết ông Armstrong nói là cao mấy trăm bộ nhĩ. Em không bao giờ có thể nhớ được các con số.

Rồi chị lại dồn cả sức nặng của người và của bàn là lên tấm chăn đang bốc hơi. Hay đè lên cơn mưa. Điều đó có nghĩa là như vậy. Mọi hành động và mọi sự việc đều chấm dứt đột ngột với cơn mưa. Mưa vẫn rơi, và sẽ còn rơi. Nước chảy rã ra bên trên đầu họ,

chỗ dốc mái. Nước rẽ và chảy như suối, nhưng chính nhờ một miếng sắt, cái bàn là, mà họ đã sống được dưới màn mưa đó và oán trách ý kiến của nhau.

- Anh đói, Amy ạ, - người chồng nói. - Có gì ăn không?

Anh đứng nhìn qua cửa sổ vào cơn mưa vẫn rơi đều đặn.

- Có, anh ạ, - chị nói - có miếng thịt muối đấy. Và một miếng bánh nhân táo nữa, nhưng đợi em làm xong cái này đã. Rồi em lấy cho.

Trong hơi ẩm dễ chịu bốc lên từ tấm chăn và gian bếp ấm áp, người thiếu phụ lại một lần nữa chiếm hữu chồng; hừm, nếu vợ chồng chị mà có con thì chị cũng không giữ chúng chặt hơn thế được. Vì vậy chị hài lòng.

Nhưng người chồng nhìn ra ngoài mưa. Nếu như chị hiểu thì anh đã thoát khỏi chị rồi. Anh đang đứng trên một mũi đất nhô lên chỗ trước đây là dòng sông ở Wullunya, nơi anh chưa đến nhưng có biết. Anh biết bà cụ mặc tạp dề và hai, ba cô thiếu nữ, cùng cậu bé cao lênh khênh, đàn cừu non, những con bò và những con gà mái mắt vàng, tất cả đều có cùng biểu cảm về tai họa, tụ tập ở trên cù lao cuối cùng. Vì đó là cái mũi đất của họ đã biến thành. Thế rồi cái sừng sáng bóng của đàn bò bơi và chìm trong dòng nước vàng cuộn cuộn, trông không còn là dòng sông nữa. Không sao có thể phân biệt được tiếng kêu gào của những người đàn ông với tiếng rống và tiếng be be của đàn gia súc, trừ có tiếng bà cụ phản kháng Thượng Đế, miệng trợ lợi tu nước ừng ực. Nhưng các cánh tay của những người đàn ông, giống như sừng bò, gần như không phản

được gì khi bị nhấn chìm trong cơn nước lũ màu vàng đã cướp mất cuộc sống khỏi tay họ.

- Sao, - Amy Parker nói khi mang lại một đĩa thịt lợn muối ngon lành và đặt lên bàn ăn, - sao anh không lại ăn đi? Từ lúc em và bác Fritz uống tới giờ trà đã ngấm rồi đấy, anh vẫn thích trà đặc mà.

- Đúng vậy, - anh nói.

Người chồng ngồi xuống bàn, ăn đĩa thịt vợ mang lại.

Chị ngồi sát vào anh để hơi ấm lan tỏa sang người anh, vì rõ ràng anh đang bị lạnh, và anh ngẩng lên nhìn chị, đôi mắt mỉm cười, đó chính là điều chị mong muốn.

Chắc mưa làm anh ấy bất an, - chị nhủ, - chúng ta lúc nào cũng có chuyện để nói, hoặc hầu như thế, toàn những thứ đầu đầu.

Chị nhìn ra mưa và tạm thời thấy bình tâm vì đã coi mưa là lý do đơn giản giải thích cho hành vi của họ.

Nhưng mưa vẫn đổ xuống. Không còn chỗ nào để giấu cái đầu và nói: Này có tôi đây.

Trận mưa đang tuôn ra từ nơi cổ tay của Stan Parker khi anh đi làm việc giờ đây không còn mang tính riêng tư nữa. Đã bao tuần nay rồi, còn hơn thế nữa. Nếu khi ông già người Đức đến nói rằng bò không chịu ăn, chúng chỉ ngủi cỏ, mà không động đến, vì lớp đất phủ sa đã bị cuốn trôi hết, chắc có lẽ Stan Parker không muốn cảm thấy rằng đây là một vấn đề hoặc thậm chí những con bò đó là của

anh. Ý thức trách nhiệm đã bị cuốn phăng khỏi anh mấy tuần nay, nên nếu anh có hành động gì thì cũng chỉ là làm cho người khác.

Rồi có tin báo rằng đang cần những người tình nguyện ở Wullunya để chuyển đồ tiếp tế cho những người bị cắt đứt liên lạc, di chuyển trẻ em và phụ nữ, và giúp đỡ những người cùng khổ. Vì vậy Stan Parker cùng O'Dowd và những người đàn ông khác ở khu vực đã đến sông để đồ sức, đàm tiếu, có thể còn bí tỉ nữa, nhưng dù thế nào đi nữa thì cũng được dòng sông cuốn cuộn giải thoát. Đám đàn ông đi xuống phía sông, vừa hát vừa cười trên một chiếc xe không mui của ông già Peabody, cùng một chai rượu do O'Dowd mang theo.

Nhưng Stan Parker im lặng, vì anh chẳng có gì để nói. Anh ngồi, bó chặt quanh người tấm áo khoác trong mưa, và đợi được nhìn thấy lần đầu tiên con sông hùng vĩ.

Cuối cùng đã đến đó.

Ồ, tất cả mọi người trên xe đều nói, chợt im tiếng.

Cả một khối vàng mênh mông gợn sóng trong màn mưa đục phoi ra trước mắt họ nơi trước đây là đồng bằng. Xung quanh toàn nước là nước. Nước tràn vào các cửa sổ và xoáy dưới chân tháp chuông. Chim chóc đậu trên những ngọn cây chết ngập làm thành những chong chóng chỉ hướng gió.

Khi chiếc xe đến thị trấn Wullunya, viên Thị trưởng trong bộ áo mưa vải dầu đang điều hành công việc, còn cánh phụ nữ choàng áo mưa kín người đang phân phát xúp và bánh mì trong Trường Mỹ

thuật, những người tình nguyện được đưa đến một con thuyền đáy bằng, và sau khi nghe giải thích về địa lý của địa phương, được lái theo hướng Đồi Đỏ nơi người ta cho là có hai trang trại bị ngờ là mất liên lạc.

Cảnh sông nước thật yên tĩnh. Những người chèo thuyền không nói gì vì họ đã nhiễm cái tính ít nói và vì cơ bắp của họ còn ngỡ ngàng trước công việc. Hơi thở đứt đoạn của họ nghe rõ mồn một giữa tiếng mưa rít trên mặt nước, tim họ đập thành thịch theo âm thanh đơn điệu và sự vững chãi của những tay chèo.

- Chúng ta đang đi đâu thế, Mick? - Ossie Peabody hỏi.

- Đâu mà chẳng vậy, - O'Dowd nói, hơi thở của anh ta như tiếng kim loại rớt vào không khí.

Les Docker đánh rắm khiến mọi người cười vang.

Họ cảm thấy dễ chịu hơn khi chèo thuyền qua vùng trước đây là những cánh đồng vùng Illarega và cành lá sum suê khĩa vào mạng sườn căng ra của họ. Những dòng nước ào ào trôi cùng những xoáy nước vàng phù sa đùa giỡn với con thuyền nhỏ chòng chành. Nhưng những người đó vẫn câm lặng chèo chống. Rồi sự việc bỗng trở nên kỳ lạ khi chiếc thuyền trôi băng băng trên dòng nước lũ. Mọi người thấy kỳ lạ, trừ Stan Parker lúc này tự thấy anh có thể đón chờ mọi thứ chứ không nhất thiết phải là bàn tay của Thị trưởng Wullunya chỉ hướng cho con thuyền đáy bằng. Và khi anh chèo, chấp nhận sự kỳ lạ và không thể tránh khỏi của tình thế hiện tại mà anh không sao giải thích nổi - thực ra anh hẳn đã mỉm cười lúng túng với ông thanh tra - cả thế giới bị nhấn chìm một nửa đã trở nên

quen thuộc như chính những suy nghĩ của anh. Anh nhớ đến những điều không bao giờ anh kể ra, song cũng không bao giờ quên. Anh nhớ đến khuôn mặt mẹ mình trước khi an táng, khi cái sọ phơi bày ra điều mà đôi mắt lâu nay giấu kín, nỗi sợ hãi rằng sự bền vững của sự vật quanh bà không được đảm bảo. Nhưng trong cái thế giới mênh mang nước chảy, những cây trôi băng băng, rõ ràng là sự bền vững không thể được đảm bảo. Người chèo thuyền khua mái. Anh lắng nghe hơi thở của họ, nhưng từ xa. Khi chiếc thuyền lướt dưới hàng cây ngập nước, tiếng lá cây xào xạc vào làn da ướt của anh, xem ra gần gũi với anh hơn.

Bất thành linh Ossie Peabody lớn tiếng bảo có một vật tròn trôi bồng bênh va vào tổ kiến phía bên phải. Họ liền cho thuyền lướt nhẹ theo hướng đó, rồi lật ngửa cái xác căng như cao su trong bộ quần áo ngâm nước đen ngòm, mặt trơn nhẵn bị cá rửa.

Chao ôi, những người chèo thuyền kêu lên, khi đặt cái xác xuống dưới đáy thuyền.

Làn da đầy sức sống của họ không tin vào cái chết. Những lỗ mũi đã trở nên trắng nhợt và cứng queo không chấp nhận nó, giống như lỗ mũi các con vật đánh hơi thấy mùi trong lòng đất.

Stan Parker cúi người xuống lấy cái túi phủ lên khuôn mặt cao su đó. Rồi tất cả đều háng giọng, có người khạc nhổ, người khác bắt chước theo, sau đó họ tiếp tục chèo.

Trong khi họ chèo, mặt nước yên tĩnh bị khuấy động, những ngôi nhà với chủ nhân an toàn bên trong làn lướt lướt qua. Có cái ghé không người ngồi, có một mẫu pho mát gặm nham nhỏ, rồi những lá

thư phủ đầy nhện, một chiếc đệm ngồi trong bụi mâm xôi, một chiếc mũ có gài lông ngậm nước, một cái xô của trẻ con, một cuốn Kinh Thánh, mở đến chương Ezekiel. Mọi thứ đến rồi đi. Chỉ có con thuyền là yên tại chỗ. Và cả ngôi nhà mà họ suýt đụng phải.

- Ê! - O'Dowd thò đầu nhìn sát vào cửa sổ và gọi to. - Có ai ở nhà không? Người đưa thư, và cả đội cứu hỏa đến đây này.

Mọi người cười rộ lên, vì lúc này họ đều đồng tâm nhất trí trong mọi việc.

Trong ngôi nhà yên tĩnh, bàn đã dọn sẵn cho bữa ăn. Một con sên bò qua khăn trải bàn. Những chiếc ghế đung xếp quanh trong một vũng nước tràn bữa vào cửa để ngỏ. Nước ít ra cũng biết liên kết. Chỉ có con người là không thấy đâu. Trong hoàn cảnh đó, lúc con thuyền còn quanh quẩn bên ngoài ngôi nhà, O'Dowd thấy mình có thể thò tay vào, liền với lấy một chai rượu ở trên giá, làm một tợp cho máu lưu thông, thậm chí còn để vào trong thuyền nữa.

Có người bảo làm thế là ăn trộm.

- Không phải, - O'Dowd nói, miệng hãy còn ươn ướt. - Mọi người nhìn thấy rõ như ban ngày, cái chai chẳng còn giá trị gì, bỏ lại trên giá, gần như vứt đi rồi.

Mọi người chẳng còn hơi đâu mà trả lời. Ở bên cạnh chậu rửa, trong căn phòng lầy nhầy bùn, một bộ răng giả cắn chặt.

Con thuyền lại lướt đi. Lúc này, họ chỉ còn cánh tay và xương sườn, thân thể đã để lại phía sau. Cũng như dân chúng ở đây đã

phó mặc cửa nhà cho nước lũ, chẳng khác gì những người chèo thuyền chỉ còn lại vận động và hơi thở.

Ở một chỗ Stan Parker thấy thân hình một ông già có râu bị mắc kẹt vào chạc cây. Anh không nói cho mọi người biết. Anh tiếp tục chèo. Con thuyền thô bạo cũng làm ngo. Chẳng mấy chốc vì mãi chèo thuyền và vì trời mưa, anh quên ngay ông lão đã chết, nằm ngửa mặt trên cây, ánh mắt hầu như tuyệt vọng.

Từ căn nhà ở nơi trước đây là gò cao nhưng nay là đảo, một người phụ nữ nhỏ bé, nhanh nhẹn có búi tóc dày chạy vụt xuống mép nước.

- Tôi cho rằng chẳng bao giờ các ông đến, - Chị ta nói to. - Tôi cứ đợi, đợi mãi. Bố tôi đã bị cuốn đi cùng một chiếc thuyền nhỏ mỏng manh do lũ trẻ làm vào mùa hè. Tôi có nói: “Bố điên rồi à, bố đừng làm thế.” Nhưng bố tôi đã nhìn thấy một con cừu đực mắc kẹt ở trên cây.

Chị ta đứng trên bờ, trong bọt nước sủi ngầu và sát ngay những cành cây đâm lồm chồm. Cái miệng háo hức của chị ta đóng vầng trắng.

- Có ai trông thấy bố tôi không? - Chị ta hỏi. - Một ông già râu bạc ấy mà?

Nhưng không ai nhìn thấy cả.

- Thôi đành vậy, tôi biết thế nào cũng có người ở thành phố đến. Tôi đã chuẩn bị các thứ xong xuôi.



Nói xong, chị ta liền chạy đi.

- Thế còn bố tôi? - Chị ta dừng lại trên đường, chân nhón lên.

Mọi người trả lời có lẽ ông cụ tạm trú ở đâu đó.

- Ủ, đúng đấy, - chị ta nói. - Hy vọng là như vậy. Có một cái máy, các ông ạ. Tôi phải mang theo một cái máy.

- Hả, cái gì? - Les Docker hỏi.

- À, cái máy khâu, - chị ta trả lời.

Thế là chị kéo từ hàng hiên ra, căng chân va vào bàn đạp xước cả da.

Tôi chỉ lo có ba thứ, - người đàn bà bé nhỏ nói. - Hai con dê và một cái máy khâu. Dê thì chẳng còn nữa.

- Máy khâu cũng vậy thôi chị ạ. Nếu không, chúng ta cùng chìm xuống đấy, - O'Dowd nói.

- Thế thôi tôi ở lại vậy, - người đàn bà nói, tên chị ta là Wilson.

Chị ta khóc òa lên, tay bấu vào đầu máy khâu. Họ phải lôi chị ta xuống thuyền, cứ như chị ta là cái giỏ mây của chị, có đai buộc quanh trong đó nhồi đủ thứ.

- Các ông không nên làm thế, - chị ta kêu lên. - Tôi không bao giờ nguôi được. Dê rồi, bây giờ đến cái máy khâu.

- Á, - chị ta khẽ nói, khi va phải cái túi ở dưới đáy thuyền. - Gì thế này? Không phải xác người đấy chứ!

Xác người đấy, họ nói, một anh chàng tội nghiệp nào đó mà họ nhặt được ở dưới nước lên.

- Tôi chưa bao giờ nhìn thấy người chết, - chị ta trầm ngâm nói. - Thậm chí cả khi mẹ tôi chết. Lúc đó tôi ở Muswellbrook cùng với người bà con. Chính họ cho tôi cái máy khâu đấy.

Chị ta lại khóc, trộn lẫn với mưa.

Sự có mặt của người đàn bà lúc đang chèo thuyền khiến Stan Parker thoát ra khỏi những suy tư về cái chết và sông nước, và trở về với thực tại. Anh cắn môi, bề ngoài nom như vì ráng sức, nhưng thực tế là vì anh không thể nhắc đến người bố đã chết của chị. Rồi ra anh sẽ báo, anh tự nhủ, nhưng sau này chứ không thể bây giờ. Anh tiếp tục chèo vì tình nghĩa với những người đang chèo và vì lòng trách ẫn đối với người phụ nữ kia. Chị ta mặc chiếc áo sơ mi nâu, có điểm những cành hoa nhỏ đỏ tía. Stan Parker chợt nhớ đến cái hôm nướng bánh mì, anh nhìn thấy những ổ bánh phồng lên, trong khuôn sắt tây, và đôi má hồng của vợ khi chị xăm những ổ bánh. Cả ngày bận chèo thuyền anh không hề nghĩ tới vợ, nhưng bây giờ, nhớ đến, anh cảm thấy vui mừng.

Tối hôm đó, anh có nhắn qua ông già Peabody sắp trở về thị trấn rằng anh sẽ nán lại đôi ba ngày để xem xem có thể giúp gì được không.

Đội quân tình nguyện từ vùng đồi núi đã nghỉ đêm tại một chuồng ngựa, nằm trên nệm rơm còn mới đâm cả vào cổ họ, và tiếng vó ngựa nện thành thịch, cùng tiếng hí khể, nổi lên thâu đêm suốt từ chuồng này sang chuồng kia và suốt cả giấc ngủ của họ. O'Dowd đã tợp được một chút rượu ở quán Cây sồi, giờ nằm ngoài trời, dưới mưa. Anh ta nói muốn hít thở không khí trong lành. Nhưng mọi người đã xốc nách và ôm chân mang anh ta vào nhà. Rồi lại đến giấc ngủ say nồng nàn và những con ngựa cựa mình trong đêm mịn như nhung. Ta quên cái mưa trong khu chuồng ngựa.

Có lần trong đêm, Stan Parker tỉnh dậy và nhớ rằng mình đã không nói về người cha đã chết của người phụ nữ nhỏ bé, ngay cả lúc bạn bè đưa chị ta cùng cái giỏ mây thoát ra khỏi cảnh lũ lụt. Anh không sao mở miệng nổi. Có những điều ta không thể nói ra được. Thế là anh lăn ra ngủ một cách thanh thản, người lún sâu trong đồng rơm ấm vào đêm mưa.

Trời vẫn mưa.

Đó là thảm họa toàn quốc, chị O'Dowd nói thế, các trang trại bị cuốn sạch, còn trơ lại những linh hồn đáng thương không nơi nương tựa, còn bà vợ ngài Thống đốc đi quyên góp khắp nơi, các bà đi bán những đồ trang sức rẻ tiền và những thứ khác mà họ có vô khối vì những kẻ bần cùng và mồ côi không có chút gì trong bụng, thậm chí nếu như các chính trị gia có đi thanh tra cảnh tượng đó, dĩ nhiên trên một chiếc thuyền, thao thao diễn thuyết hứa hẹn sẽ cho phụ cấp và gì gì nữa, thì nên cho một khoanh bánh mì ngon và một đôi giày ấm còn hơn.

- Vì, - chị O'Dowd nói, - ba hoa chẳng bao giờ giúp ích cho cái bụng cả, trừ để khoe mẽ, mà lời nói cũng sẽ chẳng che đậy được nổi cái mông đít, ngay cả mông đít một đứa con hoang.

Nói xong chị ta vắn bộ tóc xoắn lên, và cả nước mưa lẫn bên trong.

Amy Parker nằm trơ trọi một mình trên giường đã ba đêm nay, trần trọc trở mình lúc sang bên chỗ ấm, lúc sang bên chỗ lạnh, hai bàn chân xoa vào nhau, nghe tiếng mưa tí tách từ trần bếp rơi vào chậu và thùng, miệng nói:

- Tôi chán ngấy cơn mưa khốn kiếp này lắm rồi.

- Nay chị Parker, - chị O'Dowd cất giọng ngọt ngào, - hay chúng mình đi xem lụt đi?

- Đi xa thế ấy à? - Amy Parker nói. - Tôi đã bao giờ đến Wullunya đâu.

- Ồ, chỗ đó hay lắm, - chị O'Dowd nói. - Có bốn quán rượu và một cối xay bột mì. Có lần cả một đoàn xiếc về biểu diễn mà bọn tôi đã xem ở trong một cái lều đấy. Ồ, chẳng xa mấy đâu. Có thể mang theo thức ăn. Đi chơi vui lắm. Tội gì phải chôn chân ở đây.

Bụi hồng bên hàng hiên nhà Parker, cây hồng mà họ đánh từ chỗ trồng lúc ban đầu ở phía trước lều, nay trông đến sợ. Mưa xối xả lên những cành cây cứng queo và chảy tẽ ra giữa những gai đen. Những bông hồng chết ngả màu nâu nằm rữa trong mưa.

- Ở đây chẳng còn gì gọi là cuộc sống nữa, - Amy Parker nói, -  
lông bông quanh quẩn, đợi mưa tạnh.

- Giày thì mốc meo, - chị O'Dowd nói, - trong khi chị cứ ngồi một  
chỗ gỡ bấp cải.

- Có thể chúng ta sẽ gặp họ cũng nên, - Amy Parker nói.

- Đó là cái chắc, - chị O'Dowd nói, - họ sẽ là những người quan  
trọng, tất cả những người tình nguyện như họ. Bia uống tha hồ, tôi  
cượng với chị, để thưởng công đã vớt bao linh hồn khốn khổ.

Người thiếu phụ lại da diết nhớ chồng, là người có khuôn mặt  
can đảm nhất. Chị lại thấy anh ngồi trên chiếc xe của Peabody, mắt  
không nhìn vào đâu cả; anh đâu có phải dành cho chị, mà cho cánh  
đàn ông đã phóng xe cùng nhau bỏ đi, cứ như họ thấy gương với  
đám đàn bà.

- Ôi dào, chẳng thành vấn đề nữa, - chị nói, về hy vọng sẽ được  
cứu thoát, - miễn là tôi về kịp để vắt sữa.

- Thế nếu không về kịp thì đã sao, có thiệt gì cho cái lão người  
Đức già kia chỉ ăn thùng nôi và tuột quần ngủ trong lều, chẳng lẽ lão  
không vắt được thêm tý sữa và đi giao sữa hay sao?

Chẳng có gì thêm để nói.

Hai người đang rong ruổi xuôi theo con đường đất đỏ đến  
Wullunya trên chiếc xe có lò xo của O'Dowd, bánh xe lao qua nước  
bắn tung tóe. Con ngựa hất cái bờm mỏng đập cả vào mặt như thể

nó muốn làm thế. Dầu sao mới đi chưa bao lâu nên xương cốt của nó hãy còn dẻo dai. Thậm chí nó còn phi khá là hơn hờ.

- Trong cái gánh xiếc mà tôi kể cho chị nghe ấy, - chị O'Dowd nói, - có một phụ nữ nhảy trên mông hai con ngựa trắng, từ con này sang con kia, qua một cái vòng, có ban nhạc chơi rất hay. Ôi, tôi thích xiếc lắm, để thay đổi mà, ông xã tôi cũng thích, khi anh ấy còn tỉnh táo. Ủ, cái gánh xiếc mà tôi kể cho chị nghe ấy, bọn tôi chỉ trả có ba xu, ngồi trên bãi cỏ - hình như ngồi trên cỏ thì phải, được giảm mịn lắm - bọn tôi ngồi ăn bánh, hồi đó anh ấy rất bạo. Nói khí không phải, anh ấy uống không đến một vại đâu, cùng lắm là hai. - Chị có biết anh ấy ra sao không, anh ấy lại uống cả ở quán Cây sồi đấy, hay là quán Chùm Nho? Không sao. Đấy, anh ấy lại vén quần lên, ra sức thúc cho xe chạy, còn tôi bám chặt lấy cánh tay anh ấy. "Giữ chặt lấy, anh là kẻ bất trị lắm, anh xem xiếc thế không đủ sao? Cả hè nữa?" Tôi nói. "Thế cả những người nhào lộn nữa? Nếu những người đó tình cờ gãy tay, chân, đấy chính là nghiệp của họ. Nhưng em không trả ba xu, anh O'Dowd ạ, để xem chồng em tan ra từng mảnh đâu." Ôi, nhưng tôi đã kể cho chị nghe đấy, khủng khiếp lắm, chị Parker ạ, mà tôi cũng là người phụ nữ biết điều, không bao giờ gây gổ chỗ đông người. Dầu sao họ chơi nhạc hay lắm. Để phân tán sự chú ý mà. Rồi họ cho cô gái Nam Mỹ lên đi trên dây. Chị tưởng tượng xem, cô ta treo người từ trên trần bằng một ngón chân, miệng cô ta ngậm một lồng chim. "Nào" tôi nói với con người ngạo mạn đó, "nhìn kia, chúng ta mất tiền để xem cái đó đấy," nhưng anh ấy đã quá say, chị Parker ạ, lấy sức đâu mà nhìn lên trần khi không còn đủ sức để điều khiển mình trên đất. Sau đó, anh ấy ngã vật ra, còn tôi quạt lấy quạt để đuổi ruồi khỏi mặt anh ấy, trong lúc tôi hưởng nốt

đồng tiền tôi bỏ ra. Dĩ nhiên gánh xiếc ấy hay lắm, tôi không bao giờ quên được mùi voi cùng những con khỉ vào đêm hôm ấy.

Chị O'Dowd đánh xe đến Wullunya, chỉ huy cả quá khứ và hiện tại, vụt roi vun vút vào cảnh quan chung quanh.

Nhưng Amy Parker, người bị chỉ huy, im lặng suốt dọc đường trước những lời ba hoa của chị bạn hàng xóm. Trông chị nhếch nhác, khoác cái áo làm bằng những bao túi cho đỡ ướt. Dưới những cái túi ướt đó, chị nắm chặt bàn tay bồn chồn xúc động. Roi da đập chan chát. Chiếc xe chồm lên đung đưa. Những giọt mưa treo trên hàng rào dây kẽm lướt qua. Bầu trời vằn vữa, chốc lát hé một mảng xanh, nhưng loạng choạng, chắc hẳn sẽ làm cho chuồng chim rơi.

Vào cái giây phút có ánh nắng sặc sỡ xuyên xuống như những lưỡi gươm dữ dội, sườn núi trang nghiêm ngân rào rào những giọt mưa hồi cải. Một dòng nước màu vàng chảy róc rách khắp cả một sườn núi thoải thoải. Từ những kẽ lá bóng loáng, mặt trời như đang tung hứng những quả cam vàng chanh và trong chốc lát, đã biến mất để nhường chỗ cho mưa.

Suốt dọc đường đến Wullunya cây cối ủ rũ, nhưng có vẻ như trông mong có một cuộc sống thú vật nào đó ùa đến.

- Đây, - chị Parker nói, cọ cổ mình vào cái túi ướt, - chị có nghe thấy gì không, chị O'Dowd?

- Hình như có người, - người bạn trả lời.

Vì lúc này thấy có tiếng bánh xe, chạy khá nhanh.

- Người đó chắc phải quất ngựa chạy tối tăm mặt mũi, - chị hàng xóm nói. - Rõ ràng thế. Hẳn anh ta không ăn cướp nhà băng thì chắc chị vợ cũng đang đau đẻ.

Hai người đàn bà đâm sọt ruột đợi chiếc xe chạy khẩn cấp đó. Họ ngồi thẳng người, cổ họ gầy guộc.

Khi xe đến chỗ rẽ cuối cùng, họ ngoái cổ nhìn mới rõ đây là chiếc xe hai chỗ ngồi, chạy vun vút làm nước bắn tung tóe, trên có ba cậu thanh niên ngồi ép chặt vào nhau thành một hàng.

- Chào các chị, - họ cùng nói, khi giảm tốc độ, hay nói đúng ra là anh chàng đang vung chiếc roi lên nói. - Đây có phải là đường đến chỗ bị lụt không, các chị? - Anh ta hỏi. - Có phải ở Wullunya không?

- Khắp vùng bị lụt cả, - chị O'Dowd nói, nhìn về phía trước. - Chỉ còn có mỗi con đường.

- Buồn cười nhỉ - cậu cầm roi nói.

Đó là một thanh niên to lớn, có cái răng vàng ở cửa miệng.

- Hai chị em chúng tôi đây đi chơi ấy mà, - chị O'Dowd nói. - Vui một tí. Hoặc đã từng thế. Cho đến khi gặp các anh đây.

Anh thanh niên phun một tia nước bọt qua kẽ răng vào màn mưa. Một người khác cười.

- Đi tiếp đi, - anh ta nói.

- Tôi cũng đang định thế, - chị O'Dowd nói. - Tôi xin nói thêm, ở tốc độ vừa phải thôi.



- Ủa! - Anh thanh niên nói, thọc vào mạng sườn anh bạn. - Thế chị không nghe thấy bà tôi chết như thế nào à? Chết đuối trước khi họ chèo thuyền đến cứu đấy.

- Ủa! - Chị O'Dowd nói. - Bà nhà anh thì mặc xác nhà anh! Thứ chết rồi là mấy chai bia anh vớt lại kia kia.

Người chị Amy Parker vừa run rẩy vừa thấy phẩn chấn trước sự bạo dạn của chị láng giềng. Chị ngoảnh bên má tươi tắn nhìn chăm chú vào hàng rào dây kẽm có nước mưa chảy lổng tổng.

- Ăn nói với đàn ông thế là thóa mạ, - anh thanh niên nói.

Anh ta mặc một áo khoác dài cũ kỹ màu xanh nhò nhò nên trông to lớn hơn bình thường, mặc dù thực ra anh cũng khá to xác. Và anh ta càng ép chặt bạn mình, một anh chàng vạm vỡ thấp bé, da ngăm ngăm đen, mắt đỏ ngầu, nhưng sáng và tọc mạch, trên bộ mặt cháy xám, dồn thúc cả vào sườn người ngồi ngoài cùng, ép hẳn người đó vào thành xe. Điều đó dường như chẳng quan trọng mấy. Anh ta là người gầy gò, loại người không nói mà chỉ cười lớn hay khúc khích đúng chỗ. Một anh thầy dùi.

- Thóa mạ à? - Chị O'Dowd nói, hươ nhẹ cái roi mảnh. - Thế anh mong đợi gì? Hoa violet, xung quanh quần dải băng chằng?

Amy Parker chỉ mong sao chị không tiếp tục nữa. Cái dây kéo căng mê loạn mà chị hàng xóm đang đi trên đó đã vượt quá sức chịu đựng của chị. Vì vậy chị ngoảnh mặt đi không nhìn.

- Kìa chị, sao ngồi chẳng nói gì thế, - tay bạn thấp bé của gã to lớn lên tiếng, nhòai ra từ phía sau cái áo khoác cồng kềnh khiến mặt

hắn như tách rời, nhọn hoắt và cực kì tọc mạch. - Những dịp thế này mà chị không biết thưởng thức. Hình như tôi gặp chị ở đâu thì phải! Ở Bangalay hả? Có lẽ ở tại Công ty thương mại Dingwall.

- Tôi không đi Bangalay. Mà có thì cũng hiếm.

Chị thấy điếng người. Tuy chị sôi máu lên nhưng chị không dám liều. Chị vụng về và nhút nhát.

- Bạn tôi là người đứng đắn, - chị O'Dowd là sành sỏi nói. - Suốt đời cứ ru rú trong nhà, kín đáo. Bạn tôi không giao du với loại tạp nham đâu.

- Nếu có chị em nào vừa làm dĩ vừa mong được lập miếu thờ thì tôi chẳng thèm cãi nhau làm gì, - anh chàng to lớn nói.

Suốt đoạn đường, những con ngựa không để ý đến nhau, chỉ bước đều đều, ướt đầm và tỏ ra sảng khoái.

- Một thằng cha hỗn xược, - chị O'Dowd thở phè. - Chưa bao giờ tôi gặp một thằng cha trơ tráo thế.

Người ngồi ngoài cùng trên xe cười.

- Nào, - anh chàng mặc áo khoác nói, - tôi có tí rượu ngon để dưới ghế đây. Ta đi tìm chỗ khô ráo ngồi nói chuyện. Đun lại chỗ trà cũ nếu mọi người thích, rồi chúng ta nói chuyện.

- Ôi, - chị O'Dowd nói, điều khiển dây cương, - ầm ướt thế này nói chuyện thế nào được.

- Chị này đôi mắt cừ thật, - anh chàng mắt đờ ngầu thấp người làm bầm nói.

Hắn đưa mắt nhìn hau háu và giảo quyết. Hắn hít hít không khí, mũi dài ngoằng, sừng đờ một bên.

- Ồ, tôi chưa là gì cả, - người đàn bà béo tốt nói. - Chẳng là gì so với những thứ mà các người sẽ lãnh đủ khi chồng tôi đến.

- Chồng là cái thá gì? - Tay thanh niên mắt đờ ngầu bé nhỏ, da ngăm đen hét to lên, còn hung hăng hơn cả bạn mình.

- Tôi có thể nói chi tiết cho các người hay, - chị O'Dowd nói, - nếu tôi có thời gian. Nhưng vì không có nên phải nói vắn tắt. Anh ấy người to lớn, xin nói cho các người biết, bấp thịch trên người anh ấy cuộn cuộn như quả bí ngô, và lỗ mũi phun ra lửa thiêu cháy những kẻ đại loại, như anh. Chồng tôi coi thường mấy kẻ người nhỏ bé, đê tiện, gà què ăn quần cối xay. Lạy Chúa!

Rồi chị quất nhẹ vào con ngựa, để cái tai ướt của nó dựng đứng, đuôi đập vào trục xe, tỏ ý phản đối bằng một cái rắm.

Tiếng cẩu kính hỗn độn vang lên trong chiếc xe có ba tay thanh niên ngồi chen nhau. Chúng tranh cãi nên xử lý bằng lời hay bằng nắm đấm.

- Cho con mụ một trận, - có tên nói.

- Còn chồng mụ! - Tên khác bảo. - Mụ ấy khoe mẽ tên chồng nào không biết nữa?

Trong lúc đó tên ngồi ngoài cười khẩy và chuyển chỗ.

- Nếu các người muốn tôi giới thiệu với ông xã, - chị O'Dowd nói, - viên cảnh sát Halloran của Bangalay sẽ giúp. Chính ông ta đang từ chỗ gò đất lại kia kìa. Cách hàng dặm tôi vẫn nhận ra bộ râu quai nón của ông ta.

Đúng là một viên cảnh sát trẻ cao vồng, có râu quai nón bóng nhẫy, được chải sáp nên không ngấm nước, ngồi lắc lư tấm lưng dài trên mình con ngựa tía đang thong thả bước.

Chiếc xe trở nên giận dữ. Nó chồm lên, rồi nghiêng lao xạo, và sau đó lao đi với tốc độ ban đầu của cỗ chiến xa, trong nháy mắt đã mất hút.

- Xin chào ngài cảnh sát Halloran, - chị O'Dowd nói. - Chúng tôi đi chơi đến chỗ lữ lỵ đây. Cố xem được gì thì xem. Những linh hồn đau khổ cùng những con vật không biết nói. Và tiện thể đón các ông chồng chúng tôi đang giúp một tay ở đây đã hai ngày nay, mà có đến ba ngày rồi thì phải.

Sau khi trò chuyện vui vẻ thêm một lát nữa trong cơn mưa ẩm áp hơn, với anh cảnh sát dễ thương có đôi chân sếu và bộ răng trắng, chiếc xe có hai người đàn bà lại tiếp tục rong ruổi trên con đường lầy lội.

Amy Parker, sau khi được kéo khỏi cuộc sống buồn tẻ nhờ câu chuyện gánh xiếc cùng pha đựng độ nguy hiểm, thấy mừng rỡ và nhẹ nhõm trước cuộc hội ngộ với anh chàng cảnh sát, và đến lúc vào giai đoạn cuối của chuyến đi trên con đường xa lạ, chị lại trở

nên buồn bã. Nếu đoạn cuối này chỉ có cây cối, toàn những cây ướt sũng, xám xịt, chị lại thấy phân vân không hiểu sao mình lại đến đây. Chị cố nghĩ đến bộ mặt của người chồng chất phác mà chị sẽ nhìn thấy và sẽ đón về. Chị cố khơi lại mối thân thiện với người bạn láng giềng trong lúc ngồi lắc lư trên tấm ván bên cạnh chị ta, hãy còn thán phục, chị biết thế, và hãy còn ngỡ ngàng, nhưng cũng liên tu bất tận như chính bản thân chị.

- Chao ôi, - chị vừa nói vừa duỗi tay chân gò bó tù túng trong những cái bao ẩm ướt, - bao giờ chúng mình mới đến nơi, hả chị?

- Một ngày, - chị O'Dowd nói, chị cũng cảm thấy buồn chán.

Họ đi tiếp.

Chị O'Dowd, chui tọt trong cái vỏ giáp bằng bao cứng, như thể đoàn xiếc chưa hề tồn tại vậy.

- Chị sẽ ngạc nhiên, - chị ta nói, - về những điều đã xảy ra. Tôi nhớ cái lần anh ấy bị con ngựa đen to lớn, mắt trắng đã đá vào bụng, mà tôi không bao giờ thích, thế là chúng tôi bán nó đi, cũng không phải ngay lúc đó, trong khi anh ấy sắp sang thế giới bên kia. Tôi nói: "Mời cha cố không?" Suốt đêm chạy, tay ôm những cái đĩa nóng cùng những mảnh vải nóng áp vào bụng nhưng có ích gì, - người anh ấy xanh tái mét nhưng sau đó da anh ấy vàng chưa từng thấy - tôi tưởng chừng sẽ suy sụp, nhưng không, chị thấy đó, tôi chỉ đau đớn và hỏi: "Có mời cha cố không?" Đại loại như vậy. "Mời cha cố à?" Anh ấy hỏi - anh ấy bị lên cơn co thắt. "Suốt bao năm nay tôi có biết đến cha cố đâu. Cứ cho tôi một con dê cỡ bự, mặc gilê, tay cầm một cuốn sách, thế cho nó nhanh. Hơn nữa sẽ không phải chĩa

tay ra mà xin xỏ.” Anh ấy chặt chẽ lắm, chẳng khác gì giấy dán trên tường quanh phòng đâu. Tôi không trách anh ấy. Mất cho cha có chỗ này một vài hào, chỗ khác một vài xu, chỉ một sớm một chiều là mất hàng đồng bạc ngay. Tôi trả lời: “Vâng, thôi được”. Vì tôi biết những nhược điểm của anh ấy. “Rót cho xin một tý rượu rum,” anh ấy nói. “Ta không thể vừa có cha cố lại vừa có rượu được, và nếu phải loại bỏ cha cố thì chẳng có biện pháp nào tốt hơn cả.” Thế rồi anh ấy đau quằn quại đến toát cả mồ hôi, mà hầu như lông tóc không dựng lên nổi. O’Dowd là một con người rậm rạp.

Lúc này đến đoạn đường cây cối mọc san sát, và mây ùn ùn đến mỗi lúc một đen đặc, bủa vây chiếc xe nhỏ đang trườn lên trên ngọn đồi, lẻ loi đơn chiếc.

- Ấy thế mà anh ấy không chết, - chị O’Dowd nói, - mặc dù anh ấy dám hỗn xược với cha cố. Tôi không muốn anh ấy chết. Tôi còn biết dựa vào ai. Mà chị Parker ạ, có người chọn con đường này, có người chọn con đường khác.

- Ý chị định nói gì, chị O’Dowd? - Amy Parker hỏi. Chị không thể và sẽ không giúp được người bạn mình. Cái khăn tay của chị cuộn lại thành một quả bóng.

- Ý tôi định nói là chúng tôi kết hôn trước Chúa, chị O’Dowd trả lời.

- Ý là không có cha cố nào. Cứ xét quan điểm của anh ấy và của tôi mà xem. Hừm, bản thân tôi nào dám hỗn với các cha cố. Có Chúa và cũng có cha cố, tôi luôn nói vậy. Tiết kiệm được mấy hào. Nhưng ai biết được nào, thử hỏi chị ai biết chắc được nào?

- Vậy chị lấy anh O'Dowd không có cưới xin sao? Chị Parker hỏi.

- Vớ vẩn! - Người hàng xóm nói. - Thế theo chị suốt năm phút vừa rồi tôi kể chị nghe những gì vậy, với bao lời đẹp đẽ để lại bị xúc phạm sao!

Như thế cũng đủ để thôi miên người ta rồi. Amy Parker ngồi lặng người đi.

- Ồ, - chị ngập ngừng - Tôi không cho rằng chị có ý gì khác, - chị nói, hay nói dối.

- Ồ, tôi chẳng hối tiếc gì cả, - chị O'Dowd nói. - Nếu chúng tôi có ném vật này nọ vào nhau, chửi bới nhau chẳng qua là vì chúng tôi quen thế. Đám cưới chỉ làm tôi thích thú bởi việc mặc bộ váy xa tanh màu ngà và đội một chiếc mũ thật to.

Nhẽ ra câu chuyện đến đây là kết thúc, thế nhưng không. Vì đối với Amy Parker, nó sẽ không bao giờ kết thúc cả.

Xe họ đi qua một túp lều làm bằng gỗ và tôn, có hai đứa bé ở ngoài nhà đang chân đất lội nước.

- Có lẽ thành phố bắt đầu từ đây, - Amy Parker nói đầy hy vọng.

Giờ người bạn chị đã khác, lẽ ra chị đã ngồi sang bên và nhìn chị ta. Vì chị không thể làm được, chị đang sốt ruột.

- Bao giờ đến thành phố thì tôi sẽ thích lắm, - chị nói. - Tôi chán cảnh này lắm rồi.

Chị O'Dowd không trả lời, mà chỉ liếm cái miệng ướt như có kinh nghiệm về sự vô biên.

Trong khi còn đang nhìn ngang nhìn ngửa để tìm chỗ có thể quăng dây buộc ngựa, chị Parker cũng muốn nói với chị bạn vài lời âu yếm và trấn an nhưng không sao nói ra được. Họ đang ngày một xa cách. Nước tấp vào nan hoa xe. Hai người đàn bà bắt đầu chấp nhận khoảng cách giữa họ. Bánh xe rít lên trong dòng nước chảy. Sau này mình sẽ làm lành, Amy Parker cảm thấy thế. Chị không lạnh lùng mà cũng không tàn nhẫn. Sau này sẽ làm, chị nhủ thầm, bây giờ thì không được. Chị bị cuốn đi xa. Chị đang phải vật lộn với dòng chảy xiết, trong đó người làm xiếc bập bênh, và tấm thân trần trụi của O'Dowd.

Chị O'Dowd hát vì cảm thấy buồn.

Đột nhiên con đường lao tới nơi hiện là hòn đảo Wullunya. Con đường đê trông chắc chắn, trên đó chiếc xe của họ đang lăn bánh qua đàn cừu chạy ngang đường.

Lúc này rõ ràng có hy vọng nhìn thấy các ông chồng.

- Chị có cho rằng chúng mình sẽ tìm thấy họ dễ dàng không? - Amy Parker hỏi. Và lúc cúi người xuống, tay chị dường như níu lấy những cái lưng cừu nhòn như mỡ.

- Đây đâu có rộng lớn gì cho lắm, - chị O'Dowd trả lời.

Đi theo cái mùi len của cừu ấm dễ chịu, hai người đàn bà lại hòa hợp trong niềm hy vọng chung. Khi họ dường như được đưa bằng



trên lưng cừu chụm vào nhau, họ lắng nghe tiếng đạn nổ rời rạc và tiếng éch nhái, rồi thở dài nhẹ nhõm khuây khỏa.

Vậy là họ đã vào đến thành phố, qua xưởng bột mì và cánh đồng trên đó đã từng dựng rạp xiếc, qua cái tháp nhà thờ nhọn nhọn, trong đó chiếc đồng hồ đã đứng. Và phía dưới ai đó đang bị chôn vùi trong bãi cỏ cao sũng nước.

- Này, chị ơi, thật khủng khiếp, - chị O'Dowd vừa nói, vừa ngoảnh đầu đi, nửa muốn nhìn. Da chị sồn gai ốc. Nhớ lại đám tang của nhà mình khiến chị thấy đám ma này trở thành riêng tư.

Còn Amy Parker nhìn những cái ô nhọn của những người bà con người chết như lần đầu tiên chị mới nhìn thấy con đường dẫn đến Wullunya trong trận lũ lụt. Chị chưa thể chết được.

Họ đi vào thành phố có những cửa hàng đầy hàng ngũ kim, găng tay, kem dừa và củ cải đường để héo, nhưng mọi người, thậm chí cả người già, đã đi xuống tận bờ nước.

- Các chị không tưởng tượng được đâu, - một người đàn bà tay xách một con vịt Muscovy, đang từ hẻm phố đi xuống nói vậy, - các chị không tưởng tượng được, chỗ ấy người đông như kiến ấy, nào những người bị nạn, nào những người tình nguyện, cả ông Thống đốc cũng đến. Họ đang hong chăn màn ở quán rượu Cây sồi và thịt hàng đàn gà vịt.

- Chúng tôi đang tìm chồng, - chị O'Dowd nói. - Stan Parker và Mick O'Dowd. Họ ở trong đội cứu trợ. Bà có thấy họ không? - Chị ta hỏi.

Nhưng người đàn bà không nhìn thấy.

- Cả hai người đều to lớn, - chị O'Dowd nói. - Chồng tôi có bộ ria đen.

Nhưng bà ta không nhìn thấy. Đôi mắt bà nom nhìn xa vắng như thể bà đang thu thập đặng sau chúng những mẫu đời mình mà sau khi ghép lại bà sẽ mang tặng hai người khách đến thăm thị trấn của bà.

- Hôm thứ Sáu chúng tôi suýt bị lũ cuốn trôi, - bà ta nói.

Nhưng con vịt bà ta đang xách nghênh cái đầu nhỏ lên kêu quàng quạc, còn chị O'Dowd không phải là người hóng chuyện người khác.

- Ra sông đi đường nào? - Chị ngắt lời.

Bà xoay người và vung cả cánh tay ra chỉ. Bộ tóc nhóp nháp xõa vung theo. Bà ta là một người đưa tin quan trọng.

- Dưới kia kia! - Bà ta nói, tiếng nói lắt léo như bật giữa hai cái răng nanh, vì những răng cửa bị gãy. - Không phải phố đầu, không phải phố thứ hai. Có nhìn thấy cái bao lợn không? Rẽ phải nhé. Ở bãi công cộng ấy.

Con vật màu vàng to lớn đang gặm cỏ.

- Lướt lên nửa đường đến bãi công cộng ấy, - người đàn bà nói. - Nước tràn lên tận nhà Trelawney, vào tận cửa sổ và làm hỏng dây buồng mới.

Chị O'Dowd chặc lưỡi, không hiểu vì đồng cảm hay là gì, nhưng con ngựa nhẩn nhục tiếp tục tiến về chỗ cảnh tượng khủng khiếp đó.

Tất cả mọi người bị cuốn vào cơn lũ Wullunya, hoặc đứng nhìn nước, hoặc giúp một tay hoặc được chỉ dẫn từ những con thuyền đưa họ từ giấc mơ này đến giấc mơ khác. Có một số thậm chí vừa tỉnh giấc và bị cuốn đi. Những kẻ đứng nhìn nói chung đều ngoảnh mặt đi hoặc vì lịch sự hoặc vì sợ phải chứng kiến những bộ mặt trần trụi đó. Chỉ có Bub Quigley đi cùng với cô chị Doll mới có thể chịu đựng được những nụ cười của người chết.

- Ông già kia tốt lắm, - cậu ta nói, khi nhìn vào mặt một ông già với một nụ cười khoái trá. - Chị nhìn thấy chưa? - Cậu ta hỏi. - Ông ấy tốt. Tốt lắm! Nhìn là biết.

Rồi cậu ta sờ vào bộ mặt cười của ông già người ta tìm thấy bị treo ngược trên một cái cây.

Nhiều người, kể cả những người hung hãn, hách dịch cũng phải quay mặt đi vì ghê tởm, nói rằng không được phép làm vậy. Thế là cô chị Doll Quigley suýt cậu em và kéo tay cậu ta lại.

Cậu ta lại tìm thấy một hòn đá tròn, kỳ dị đã bị những cơn lũ trước cuốn đi và mài nhẵn bóng, nên lúc này cậu ta đã kiềm chế mình và đứng nhìn hòn đá đó, vây quanh là những người đứng xem khác. Cậu ta cao lêu đêu, nhưng vẫn nhìn xuống được, mà thế cũng chẳng sao. Cả thế giới đều tập trung trong lòng bàn tay cậu.

Những người đứng nhìn cơn lũ bàn tán xôn xao suốt. Đám đông thể hiện sự xúc động của mình một cách hỗn độn, nhưng cũng có người có giọng nói kể cả và tỏ ra nhiệt tình với việc chung, nét mặt họ như muốn nói rằng họ có thể giải quyết vấn đề. Có người nói họ có thể đào một con kênh lên hướng bắc, nhưng người khác lại nói rõ ràng chỉ có thể đào con kênh như vậy về hướng nam. Có một số đã trải qua lũ lụt lại cho rằng nước sắp rút, xét qua mức nước cố định hiện nay, hướng gió, kết cấu của bầu trời và trực giác của xương cốt.

Còn ngài Thống đốc, được một đoàn quan chức đưa đến, hỏi những câu biểu thị sự thông cảm và lịch thiệp của mình. Ông ta đứng, một bàn chân hơi đưa về phía trước theo chỗ nước lụt, cốt chỉ để đứng cho đỡ khó chịu vì một vết thương xưa của ông, nhưng một số người tự hỏi không hiểu tư thế đứng đó có ý nghĩa đặc biệt nào không. Họ nhìn vào mũi chiếc ủng Anh mảnh mai của ông ta, đợi xem có gì kì lạ sẽ xảy ra. Nhưng ngài Thống đốc vẫn tiếp tục tỏ ra sự khéo léo lịch thiệp, trong cái áo khoác làm bằng loại hàng tốt, cổ nhung. Ông ta có mái tóc chớm hoa râu, miệng ngậm xì gà, làn khói thơm dịu màu ngọc trai vô tình pha lẫn vào tất cả.

- Dĩ nhiên sẽ có những quỹ tài trợ và phân phối quần áo, - ngài Thống đốc nói với viên Thị trưởng và nói cổ áo vừa khít cho dễ thở, làm tăng thêm mối đồng cảm u buồn, trong đôi mắt con nhà giáo của ông. - Nhưng đồng thời, - ông ta nói, giọng hạ thấp một chút, để tỏ lòng tôn trọng cảnh thể lương ở đây, - cũng phải xét xem dân chúng có đủ xúp ăn không?

Viên Thị trưởng cho rằng không thiếu xúp, nhờ có lòng hào hiệp của một số địa chủ, những người bán thịt, và các bà biết lo liệu mọi việc, đặc biệt là vợ của một người bán thịt nào đó, và có một người bán đồ ngũ kim đã cho mượn cái bếp lò. Viên Thị trưởng đứng cạnh ngài Thống đốc, chân dạn ra và gối cong lại. Hai bàn tay ông ta xòe ra như nải chuối.

Suốt thời gian đó, đám đông đứng, hoặc cựa quậy vì xúc động hay vì tò mò đã lôi cuốn họ. Nhiều người khoác bao tải, dĩ nhiên không phải vì nghèo túng mà vì những lý do thực tế: mặc cho khỏi ướt. Đám đông vẫn đứng đó, bàn tay Gothic của họ ôm lấy ngực để giữ những bao tải ướt che thân. Chốc chốc và qua một số tư thế rõ rệt ấy, cảnh đó cho ta ấn tượng là họ đang cầu nguyện. Có người cầu nguyện cho bản thân mình, bằng những đoạn mà họ lẩm bẫm nhớ được khi đi lễ nhà thờ hoặc bằng câu từ trúc trắc của chính họ. Nhưng hầu hết chỉ là để giữ lấy những tấm bao tải ướt. Có mùi bao tải. Thoang thoang mùi cám bốc lên từ vai và ngực một số người.

Khi họ bước đi, nói chuyện, hay đứng tại chỗ, dám nghĩ và dám nhớ, ta có thể mở toang đầu óc họ ra để nhìn thấy bên trong, chứa ngăn nắp hoặc quá nhiều thứ. Có một số tràn trề tình cảm. Ví dụ có bà vợ một người chủ cửa hàng không sao kìm hãm được sự thèm khát của mình đối với một viên cảnh sát. Bao đêm liền bà ta ôm khăn trải giường trong cơn giày vò, miệng sưng lên vì cắn vào nỗi thèm khát đó. Nhưng Doll Quigley không xô dịch mấy trong vũng bùn, trừ lúc ngăn em trai mình lại, cậu muốn nghiêng ngó một người Tàu. Doll, chính cô Doll đứng không đặng đây đó, chứa đặng một ánh đèn leo lét. Khi nước lụt vỡ bập bênh, cô nhớ đến bố mình. Nụ cười mỏng manh, đăm đuối, nhưng được cứu vớt đó của cô ngụ

trên những bộ mặt của những bà xơ, nhờ họ, cô đã biết được bản khắc đồng mà gia đình cô tự hào. Doll Quigley đang ngồi với các bà xơ đang miệt mài thêu thùa. Những khuôn mặt vô danh của họ đang bảo cho Doll biết rõ làn ánh sáng vàng chứa chất trong cô.

Nhưng đám đông nhú mào và nói:

-Ồ chị em nhà Quigley.

Cậu em Bub Quigley cứ nhấp nhồm, nằng nặc đòi xem mặt một người Tàu, hoặc còn tệ hơn, cậu ta đứng nhìn thẳng vào mọi người với vẻ vô tư đến mức rõ ràng như đang hòa cùng những suy tư của họ.

- Cô ta phải bảo được em chứ, - họ nói.

Thế là Doll Quigley buộc phải xua đi sự hồi tưởng về quá khứ và nói với cậu em: “Xuyt, Bub! Mọi người không thích thế đâu. Đứng nguyên đây xem thuyền đang chở ai vào kia.”

- Sẽ tạnh sớm thôi, - nó thở dài.

Đôi mắt trong sáng của cậu ta đong đầy những ý nghĩ mọc mọc mới.

- Kia, chị, - cậu ta nói, - mưa ngừng kia. Sẽ tạnh thôi mà.

Dù mọi người có thảo luận về nước rút và mưa tạnh, nhưng đây chỉ là lý thuyết. Không ai tin rằng điều đó lại xảy ra, và có nhiều người trong thâm tâm chắc không muốn thế. Một số dõi theo ngón tay chỉ của Bub Quigley nhìn lên bầu trời lần thứ hai trong ngày trở

nên xanh, nhưng đó là một màu xanh thẫm và mây xếp lại. Trên trời những con chim màu đen bay thành hình mũi tên. Thậm chí nếu không có chim câu, đội hình của loài chim gợi lên những khả năng, và ngài Thống đốc lại cố pha trò, khiến những người đứng bảo vệ ông ta khỏi bị chen lấn đã cười đến vỡ bụng.

Những bộ mặt trơ trụi trở nên trơ tráo, khi không còn mưa trút xuống bao trùm lấy họ.

- Có lẽ những con thuyền sẽ cập bến ở đây, - chị O'Dowd nói. - Và có thể chúng mình sẽ tìm thấy các anh ấy.

Hai người đàn bà cho xe đỗ phía sau đám đông một đoạn, khóa bánh xe lại và buộc vào miệng ngựa túi đựng cỏ, vài giọt nước đọng từ trước trận lụt nhỏ giọt xuống xuống chân nó thành vệt dài. Họ tiến về phía mép nước trên đôi chân cứng queo, trong bộ quần áo ướt nặng trĩu. Amy Parker thấy buồn cười vì đã đi một đoạn đường dài và vất vả để cuối cùng lấy lại cái vẻ lóng ngóng. Chị giữ bao tải ướt quanh vai, trông bực bội hơn lúc trước.

- Cô có nhìn thấy anh Stan không? Chị hỏi Doll.

- Không, chị Amy ạ. Chúng tôi có đi được khắp nơi đâu.

Vì khiêm nhường nên Doll Quigley coi vẻ bực tức của Amy Parker là hoàn toàn tự nhiên.

Dần dần mọi việc đều trở nên tự nhiên, Amy Parker đứng trong đám đông che giấu sự lóng ngóng của chị, cùng với đám bạn bè dưới ánh nắng đầu tiên e ấp xuất hiện, mỗi lúc một sáng lòa và rõ mồn một. Cây cối đứng trơ trụi trong dòng nước màu nâu lóng lánh

nổ lốp bóp trước làn ánh sáng xanh. Một chiếc cối xay gió vụt xuất hiện xua tan nốt những vẩn mây xám. Rồi một chiếc thuyền bắt đầu tiến lại khiến mọi người đều háo hức xem đây là thuyền gì, pha trò và thậm chí còn đánh cuộc nữa.

Amy Parker bỗng giật thót mình hoảng sợ khi thấy đó là con thuyền, biết ăn nói làm sao đây với chồng trước mặt mọi người. Những bộ mặt xa lạ quanh đây lại không xa lạ hơn nước da của chồng chị, thứ duy nhất chị có thể nhớ về chồng mình lúc này.

- Đó là Ernie, - có người đánh bạo nói, tay chỉ trỏ. - Đúng là Ernie Oakes thật rồi.

- Những anh chàng râu ria như cỏ rậm của chúng ta, - chị O'Dowd nói, - không sao nhận ra họ sau ba ngày không cạo râu, ở khoảng cách nửa dặm đâu.

- Đúng là Ernie Oakes thật rồi, - anh chàng tự tin kia lại nói.

Và Amy Parker biết chắc, tuy hơi khinh miệt, rằng đây là con thuyền. Chị biết chứ. Gió cuốn đuôi tóc chị và thổi xòa vào nụ cười của chị - nụ cười nhận biết. Rồi với niềm tin đó, khuôn mặt của chồng quay về với chị, rõ đến chân tơ kẽ tóc, đúng là khuôn mặt thuộc về chị, chị đang ôm ấp trong tay, đang nuốt chửng nó trong đầu, thấm cả xương cốt, khao khát đến mức chị vội nhìn quanh xem có ai nhìn thấy mình không.

Dĩ nhiên chẳng ai nhìn thấy cả.

Chị O'Dowd cất tiếng bảo:



- Có nhìn thấy không? Các anh ấy đấy, không chồi vào đâu được. Góm, đồ quý nhà anh ấy mà chèo thuyền thì mọi người ngã lộn xuống nước cả thôi.

Con thuyền lái qua bầu không khí nhón nhác, mà chị O'Dowd đã quá lạc quan. Có người nói chuyện này người nhà Tingle và cô bé Mary Hunt đang ôm con mèo mướp. Chính đó là bà cụ Tingle - ta có thể nhìn thấy cái bướu cổ của bà cụ. Song con thuyền vẫn đi tiếp, sau nhiều pha quay cuồng, luồn lách, vật lộn thờ không ra hơi hò hét lái bên này bên kia, cuối cùng đã cập bến nơi mọi người đứng.

Stan Parker ngồi ngẩng lên nhìn, mệt mỏi, và anh đã nhìn thấy vợ. Chị đứng đó quần áo sẫm màu, ẩm ướt, cái bao tải sệ xuống vai và bộ tóc đang hong trước gió. Anh không ngạc nhiên. Anh không vẫy tay và pha trò, như những người đàn ông khác đã làm với bà con quen biết. Anh nhìn xoáy vào chị và thấy hài lòng.

- Thế chị không nói gì với anh ấy à? - Chị O'Dowd hỏi bạn.

Song Amy Parker nhìn đi chỗ khác. Chị đã nhìn xoáy vào anh, nhìn vào mắt anh, và nghĩ chưa bao giờ mình nhìn chồng sâu đến như vậy. Chẳng có gì để nói.

- Kìa, - Amy Parker nói. - Đừng vớ vẩn! Chị cán vào đuôi tóc đang bay lòa xòa vào miệng và nhúu mày.

Như thể khiến Stan Parker nhớ đến lúc mình đi vào buồng nơi chị đứng bên chậu rửa bằng sứ, hát mớ tóc đen ra sau mặt, lớp da trắng ở nơi bắp đùi chị tỏa sáng xanh nhạt. Bên cửa sổ đó, trong ánh nắng hè, ánh sáng xanh nhạt tỏa ra từ những bông hồng bạch.

- Ê, - Oassie Peabody nói và nhoài người ra, - vợ cậu đến đây.

- Ủ. - Stan Parker nói thế để Oassie Peabody không đi sâu hơn nữa vào việc riêng tư của mình.

Có quyết định là đám người đi xe của Peabody từ trên đồi xuống nay phải trở về nhà vào đêm hôm đó. Mọi người mắt dần hứng thú xem lũ lụt. Một số người bắt đầu chỉ trở là nước đã rút, dù chỉ một chút, nhưng như vậy đã là rút lắm rồi. Đứng trong bùn bên bờ nước lụt màu vàng thật là lạnh. Mọi người lục tục nối nhau trở lại thành phố. Một ngọn đèn được thắp sáng bên một cửa sổ. Một người đàn bà đang rót trà, giơ cao chiếc ấm lên trên miệng chén để cho dòng nước đỏ không bắn ra ngoài.

Vợ chồng Parker bước bên nhau trong ánh sáng leo lét.

- Đàn bà thế nào rồi, em? - Stan Parker hỏi, bởi anh cần mở lời.

- Ông cụ trông nom hộ.

Lúc hai người quay trở lại tìm xe của Peabody, trước mặt bạn bè, lời nói của họ trở nên ngượng ngập. Họ đi sát bên nhau, quần áo họ chạm vào nhau. Và lúc ngồi trên xe, đợi lấy một cái chân giò mà họ đã hứa với bà cụ nhà Oassie Peabody, vợ chồng Parker ôm nhau.

- Tạm biệt! - Chị O'Dowd nói, vung roi quất con ngựa.

Chị ta sẽ tách riêng, cùng với chồng, mang theo một vài chai rượu.

- Hẹn gặp bên Killarney nhé, - chị O'Dowd gọi to.

Nói xong, chị ta mắt hút theo tiếng chuông ngựa leng keng vào bóng đêm êm dịu.

Suốt đêm đó đều êm dịu như thế. Ai đó mang theo gói kẹo bạc hà nên họ chuyền tay nhau trên chiếc xe. Rồi hai người lần tìm bàn tay chai sạn khi ngòai đợi lấy chân giò. Amy Parker không quan tâm đến kẹo bạc hà, nhưng cũng cầm lấy, nhần nhần, rồi nhè ra, sau đó đặt cái miếng bị cắn dính dính vào chỗ mà chị biết là miệng chồng mình. Anh hít mùi ngòn ngọt đậm đà, cười vang, mùi bạc hà xông lên tận óc.

- Cháu là con nhà ai? - Có người hỏi.

Có tiếng trẻ con khóc trong bóng tối.

- À, thế này này, - vợ người bán thịt nói, khi bước ra mang theo cái chân giò gói trong trang quảng cáo của báo địa phương, - nó chạy ngược chạy xuôi, kêu gào suốt mấy ngày. “Bố mẹ cháu đâu?” tôi hỏi. Nó không trả lời. Chỉ nhìn thôi. Rồi lại khóc. “Vậy vào đây”, tôi nói. “Bác cho cháu cái bánh thật ngon”. Nhưng nó chỉ khóc. Chạy lên chạy xuống. Tôi bảo sẽ đi tìm cảnh sát để họ quản nó, như một đứa trẻ lạc, chẳng có gì là xấu cả. Các bạn biết đấy, không ai chịu được cảnh đó. “Thế bà không giúp được gì đứa bé à?” - họ nói. Cứ như thể nó là con tôi ấy. Khóc khóc, mếu mếu, cứ như là con chiên cuối cùng còn rơi rớt lại trên trái đất. Này, Oassie, đây là cái chân giò ngon chưa từng thấy, bà cụ anh sẽ thích lắm.

Đứa bé vẫn khóc trong bóng tối.

Có lẽ nó bị lũ cuốn ở đâu đó, họ nói thế trong xe.

Nó sẽ còn trôi giạt xa hơn nữa, nếu nó cứ kêu thét như vậy, đó là ý nghĩ thực thà của con người thứ hai.

Nhưng không có ác ý gì. Trong bóng tối, chỉ có sự thân tình đến mức khoan dung. Họ đang trở về nhà.

Amy Parker bỗng thấy cần nhìn mặt đứa bé. - Cho tôi xuống. Cho tôi nhìn thẳng bé, - chị nói.

Chị phải bước qua sang phía kia xe, như thể một mục đích nào đó đã hình thành trong bóng tối. Chị phải sờ được đứa bé.

- Tên cháu là gì? - Chị hỏi, khi ôm đứa bé trong ánh sáng hắt ra từ hàng thịt đã đóng cửa. Và mặt đứa bé cũng hoàn toàn khép kín. Không thể nào cạy được miệng và mí mắt nó. Chị ôm trong tay thân hình một con chim bị bắt.

- Thế cháu không có tên à? - Chị nói, biết rằng họ đang đợi mình trên xe, chuyển chỗ, ho hắng và xốc lại dây cương.

Song đứa bé vẫn lảng tránh chị, trừ tám thân gầy trơ xương mà chị đang ôm trên tay.

- Nào đi thôi, - mọi người gọi, - kéo trời sáng mắt.

- Lên đi, Amy, - chồng chị gọi.

- Được rồi, vợ chồng cô sẽ đặt tên cho cháu, - chị nói, - khi về đến nhà. Anh Stan, - chị gọi to, - chúng mình sẽ đưa thẳng bé này về theo.

Đứa bé nhìn chị lúc lâu như không tin chuyện đó lại có thể xảy ra. Mà bản thân Amy cũng không chắc.

Chồng chị lâu lâu chẳng biết làm gì với đứa trẻ lạc.

- Ừ, độ một, hai ngày thì được, - anh càu nhàu, - cho đến khi ta biết về gia cảnh của nó.

- Đấy, chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ sung sướng, - chị nói.

Dẫu cho ngay bản thân chị cũng bắt đầu thấy không chắc chắn, giọng nói tươi sáng của chị bao trùm lên sự im lặng. Song chị vẫn cứ ôm đứa trẻ trèo qua đồ đạc cồng kềnh vào trong xe. Anh không phản đối. Cũng chẳng ngồi trên chiếc xe đông nghịt người bắt đầu chuyển bánh rong ruổi trên con đường xa về nhà.

- Em quên băng các vì sao rồi, - Amy Parker nói. Chị thoáng vui. Cả bầu trời u ám yên tĩnh, nhưng ở những khoảng trời mây đã tan, lấp lánh những vì sao như châu báu. Khi chiếc xe lóc cóc lăn trên con đường sỏi đá, ta có thể thờ cùng những ngôi sao lạnh lẽo run rẩy, lấp lánh, thu nhỏ lại và sống động.

- Vâng, mưa đã tạnh. - Một người tên là Ted Fosdick nói, anh đang đi nhờ xe về nhà.

Nhưng Ossie Peabody đập dây cương và nói anh không tin điều đó cho đến mùa khô.

Mọi người bắt đầu kể lại bằng giọng mơ màng trận lụt đã đi vào lịch sử, và kể ra những thứ mà họ lấy được. Bởi vì trong trận lụt, nhiều đồ vật đã sang tay. Chẳng có tội gì cả. Đâu có phải là ăn trộm.

Đó chỉ là thay đổi quyền sở hữu thôi. Bằng cách này, nồi niêu, xoong chảo, pho mát, dây dợ, từ điển địa lý thế giới thậm chí cả thùng tắm cũng đã được chuyển một cách lương thiện cho những người hành khách trên xe Peabody.

“Vợ chồng nhà Parker kiếm được đứa bé mới toanh mà chẳng mất xu nào.”

Mọi người cười vui vẻ, mơ màng, và chuyển sang chủ đề khác.

Nhưng Amy Parker ngồi đưng đứa bé theo các vì sao, còn Stan Parker nhìn vào bóng tối, qua những hàng cây trụi như những bộ xương. Đứa bé ngồi giữa hai người, hình như lắng nghe câu chuyện của các hành khách vô tư.

- Cháu có thấy ấm không? - Chị hỏi đứa bé, giọng ân cần, nghe cứ như cố gắng lắm mới nói được.

Nó không trả lời. Nó ngồi cứng đờ người. Cả ba người đều cứng đờ, đứa bé, người đàn ông và người đàn bà, tách xa những người hành khách kia. Ngồi chen chúc, cơ thể họ lắng nghe nhau. Có lẽ sau đó, khi tạm thôi không ngờ vực nhau, trong cơn buồn ngủ, cơ thể họ sẽ cuốn đi trong yêu thương.

Người Amy Parker lắc lư theo xe. Đầu chị lấp lánh những sự kiện ngày hôm đó, phát triển hay thu hẹp, lảng tránh hay hấp thụ. Vào lúc này, chị thấy tràn trề sức sống, với tất cả những sự kiện chị có trong đầu, bên trong lớp da rục rỡ của mình. Lúc xe xóc nảy người va vào thành xe cứng, chị ngồi cứng đờ trên sàn, con đường mà theo chị phải kết thúc nhanh chóng thì lại trở nên vô tận. Thậm

chỉ những thất bại của chị cũng được đưa bé giải thoát, đưa bé có thể sẽ thuộc về chị.

Họ đi qua cầu gỗ. Lá xòa vào mặt họ, và người tên là Ted Fosdick đang hát một bài hát về chú bé đánh trống.

Stan Parker ngời nhớ đến thời thơ ấu kín đáo, gian khổ của mình trải suốt con đường không thể tránh khỏi. Anh có thể cảm thấy sự hằn học của cậu bé xa lạ ép chặt bên mạn sườn mình. Anh không muốn có đứa bé như vợ anh muốn. Nhưng dẫu anh không có ý định đó thì anh cũng không từ chối. Vì vậy chiếc xe vẫn đưa anh một cách đều đều qua bóng tối đang ủa tới. Chính sinh lực của anh, do kiệt sức, cũng thăng trầm dọc theo những con đường khác, hoặc anh mở cửa và bước vào những căn nhà mà anh quen biết, trong đó những bộ mặt quen thân đang chờ đợi anh hành động theo như họ mong muốn. Song vì anh cũng vậy, tuy bề ngoài nom vững chắc, anh giống như dòng đời cứ trôi tuột, không sao đoán trước được, anh bỏ mặc họ đứng đó với những lời chưa nói hết và hàm răng hé mở. Anh cũng muốn chiều lòng mọi người, nhưng anh không thể làm được. Anh cũng muốn tán đồng với niềm tin của họ về một cái gì cố định, nhưng anh không thể. Anh cũng muốn bộc bạch và tuyên bố có tôi đây. Rồi họ sẽ nhìn vào bên trong và mỉm cười đồng ý khi nhận ra những thèm khát của họ, đứng thành hàng như những đồ vật ở trong cửa hàng ngũ kim. Cứng rắn. Trong khi đó ngôi sao của anh nhấp nháy, và đám mây của anh trôi giạt xác xơ.

Chốc chốc trên đường, những người ngồi trên xe của Peabody trèo xuống, chân tay cứng đờ, trong khi những người khác còn ngủ. Chẳng mấy chốc chỉ còn có Ossie Peabody, vợ chồng Parker và

đưa trẻ bị lạc. Chiếc xe vắng khách trở nên lạnh lẽo và khả năng thoát khỏi nhau thậm chí còn ít hơn.

Vì thế khi Ossie Peabody đưa họ an toàn đến tận cửa nhà thì đưa bé đứng trần trụi tuyệt vọng dưới ánh sao đêm. Nó đứng như thể đợi những ân nhân của mình phán quyết tội hình.

Trong khi đó, mọi người đang bàn tán về cái vật người chồng đang lôi từ chiếc xe ra.

- Cái gì thế? - Người vợ hỏi, vẻ ngờ vực.

- Cái thùng tắm, - người chồng trả lời và vụng về va mạnh vào thành xe trước khi lôi được xuống.

- Để làm gì? - Chị hỏi. Giọng chị đanh lại như thể vấn đề thứ hai này quá sức chịu đựng.

- Để tắm rửa trong đó, - người chồng trả lời.

- Để cho người được thơm tho còn đi lễ nhà thờ vào Chủ nhật chứ, - Ossie Peabody vừa nói vừa nhổ vào bóng tối.

- Em không biết, - người vợ nói, - là chính anh đã mang cái thùng ấy về. Làm thế nào anh lấy được?

- Nó ở đằng ấy, - người chồng nói, lấy ngón chân đá vào cái vật trống rỗng, không chủ tâm làm thế mặc dù thái độ tỏ ra là vậy. - Ở đằng ấy, - anh nói, - chẳng ai tỏ ra muốn lấy cả. Vì vậy anh đã lấy. Sẽ có ích.

-Ồ, - chị nói, giọng ngờ vực.



Trong khi hai người trao đổi, thằng bé bị lạc co dúm một chỗ, như thể trốn tránh ánh sao.

- Dẫu sao chúng ta cũng đã về đến nhà, - người vợ nói, giọng mệt mỏi trước gánh nặng về những thứ mới kiếm về.

- Nào đưa tay đây, - chị bảo thằng bé bằng một giọng phẫn chấn, nhưng có đầy vẻ ra uy quyền cá nhân. - Cháu nhảy xuống được chứ? Cháu lớn lắm rồi đấy.

- Dĩ nhiên là nó làm được, - người chồng nói, và đi lảng xãng, giậm chân và cố tránh cái thùng tắm, - nó lớn rồi.

Thằng bé nhảy về phía hai vợ chồng như được bảo, rồi họ chào tạm biệt, đi vội vào bóng tối, qua những bụi hồng vào trong nhà.

Trong căn buồng, nơi họ vào, lỏng chỏng các thứ và bóng tối dày đặc thiếu không khí vì bị đóng kín, người vợ bỏ tay đứa bé ra. Trước mắt chị chỉ nghĩ đến việc tự mình làm quen với cái vỏ của mình. Chị hít thở bóng tối ấm áp và thấy dễ chịu. Chị tự nhủ mình sẽ nói chuyện với thằng bé sau, và cầm tay nó ngồi bên mép giường, nói chuyện về động vật. Chị đã biết hình dáng khuôn mặt mà chị sẽ nắm trong tay, và có lẽ vì lý do này mà chị thấy đỡ sợ bị mất nó. Trước mắt chị chỉ nghĩ đến việc đi tìm đồ. Những que diêm.

Hai vợ chồng sờ soạng chung quanh.

- Diêm đây rồi, anh Stan ơi, - chị nói.

Anh thắp đèn. Có một cái bàn, một ghế, một bếp lò đen và tro lạnh nằm trong lòng lò sưởi.

- Đây là bếp, - người chồng nói, chốc chốc lại hích khuỷu tay một cách vui vẻ.

Âm điệu không phải của anh. Nhưng anh cảm thấy mình có bổn phận phải nói, phải giải thích đôi điều cho đứa bé.

Sau đó anh đi ra ngoài tiểu, và đặt cái thùng vào nhà kho, cho nó nằm yên vị ở đó. Vợ chồng Parker lúc nào cũng thấy áy náy về cái chậu đó.

Người vợ đi lại quanh nhà, dáng vẻ oai vệ và khoan khoái trong ngôi nhà được phục hồi, sắp xếp cái này, chuyển dịch cái kia, bắt đầu nói chuyện với đứa bé, chưa trực tiếp và âu yếm như bổn phận phải làm, nhưng vẫn là nói.

- Cô chú sẽ làm cho cháu cái giường ở đây, - chị nói. - Chú sẽ kiếm cho cháu cái giường xếp đã có sẵn. Rồi sẽ tìm thêm cái chăn. Nhưng phải kiếm cái gì ăn đã. Có món thịt bò nguội. Cháu thích thịt bò không? - Chị hỏi.

- Có, chú bé nói.

- Có người lại thích ăn thịt cừu.

- Có lần cháu được ăn thịt lợn, - chú bé nói, - da của nó giòn tan.

- Chắc bố cháu nuôi lợn, - người vợ nói, chị cẩn thận xếp đĩa và đĩa lên bàn.

- Đó là con lợn ông Thompson mổ và cho nhà cháu một ít.

- À, - chị nói, lắng nghe. - Ông Thompson cho à?

Nhưng đưa bé lại câm miệng, cố tình. Cứ như nó đã quyết định một khởi đầu mới vào đêm đó, bên ngoài cửa hàng thịt ở Wullunya.

Một thoáng sau họ đều ngồi xuống ăn, mỗi người mang vẻ im lặng riêng. Người vợ và người chồng nhai thức ăn. Họ nhìn đồ đạc bằng con mắt hài lòng, bỏ ngoài tai những sự kiện hoặc quá vui mừng hồ hởi hoặc quá xấu hổ không chịu đựng nổi. Trong phòng này có nhiều thứ do chính tay họ làm ra và sử dụng. Đó là những vật tồn tại.

Nhưng chú bé không có tí gì những thứ đó. Sau khi ngốn ngẫu chỗ thịt và chút khoai tây nguội rán vội cùng với thịt bò, chú ngồi im, trông chú gầy guộc, và một lát sau chú lấy ở trong túi ra một mẫu thủy tinh mà chú kín đáo cầm.

- Gì thế cháu? - Hai vợ chồng hỏi, ra chiều thỏa mãn vì thức ăn ngon.

- Mảnh thủy tinh ạ, - chú trả lời.

Tội nghiệp thằng bé, người vợ tự nhủ, mình sẽ nói chuyện với nó, nhưng để sau.

Chị phải tránh gọi lại những kỷ niệm buồn, ít nhất cũng trong chốc lát.

Còn người chồng nghĩ về những con bò. Nhưng đằng sau những suy tư đó là dòng nước nâu, cùng những cánh cửa nghẽn đầy nước, và nhớ đến cái máy khâu trên hòn đảo.

- Ở này, phải cẩn thận, sắp đến giờ vắt sữa đấy, - anh nói.

Mọi người bắt đầu lên giường. Chú bé vào trong bếp ngủ theo đúng lời chỉ bảo. Chú làm mọi thứ người ta chỉ bảo.

- Chúc anh ngủ ngon, anh Stan, - người vợ nói. - Thật là một ngày vất vả.

Chị hôn lên miệng anh. Chị là vợ anh. Miệng chị hơi ươn ướt, và quen thuộc. Nhưng lúc anh tỳ tay thối tắt nệm, anh nhớ đến hình dáng lạ tối om của người con gái đứng ở phía trên bờ khi anh ngồi trên thuyền, rồi những bóng trắng, xanh nhò nhọ, những bóng bông hồng bạch trên đùi vợ mình lúc anh nhanh chóng bước vào buồng. Anh vội xua đi những suy tư. Anh mệt mỏi nên rất dễ nổi cáu.

- Hừm, - anh ngáp. - Những con người đáng thương đã trôi nhà trôi cửa kia. Và chú bé kia nữa. Em thấy nó ổn cả chứ?

Giờ đây nỗi buồn mà chị không sao tránh khỏi đang ập đến người đàn bà vừa mới hôn chúc ngủ ngon chồng mình. Chị ngửi mùi bắc nệm cháy mà thấy buồn buồn.

- Em không biết nữa, - chị trả lời.

Tư thế của chị trên giường không thể chịu đựng nổi.

- Chính em cứ đòi mang nó về, - anh trách.

Chị không cảm thấy mình đã từng yêu người chồng này. Chị đã quên giây phút bên bờ sông, khi mắt họ bắt gặp nhau. Chị khao khát được cái vĩnh hằng tràn đến xâm chiếm mình.

- Vâng, lỗi tại em. Em đã đưa nó về, nhưng em phải làm thế, -  
chị nằm trong bóng tối nói.

Nhưng chồng chị không nghe thấy, vì anh đã ngủ rồi.

Chị liền trở dậy nhanh chóng và nhẹ nhàng, như đã được quyết  
định từ trước chiều tối hôm đó rằng chị phải hành động vào giây  
phút này, và đi xuyên qua gió lạnh vào nhà bếp.

- Cháu làm gì thế? - Chị khẽ hỏi.

Nhà bếp vẫn sáng. Thằng bé nằm nghiêng, nhìn qua mảnh thủy  
tinh vào đồng than đang lụi dần. Chú không nhìn lên, mặc dù chấp  
nhận sự có mặt của chị.

- Cháu vẫn còn giữ cái đó à, - chị nói và run người trong bộ áo  
ngủ bên cạnh giường.

- Cháu lấy ở nhà thờ đấy, - chú nói.

- Thế cháu ở gần nhà thờ à?

- Không. Sau đó kia. Sau khi cháu bị lạc mọi người. Ở gần rặng  
liều. Cháu cứ nghĩ là mình đã chết, - chú nói.

- Có phải lúc đó cháu ở cùng gia đình không? - Chị hỏi.

- Cháu không thể nhớ được, - chú bé nói liến thoắng, nhìn qua  
mảnh thủy tinh, chị thấy nó làm má chú hồng lên, khi chú di chuyển  
mảnh thủy tinh, da chú là một màu đỏ thắm lướt nhanh.

- Không sao. Nếu cháu muốn thế, - chị nói và sờ vào người chú, nhưng không hy vọng lắm.

- Cô làm gì ở đây thế? - chú hỏi.

- Ồ, - chị nói, - cô sống ở đây. Đây là nhà của cô.

Nhưng da thịt chị lạnh buốt. Chị không dám chắc mình đã có những đồ đạc đó.

Chú bé nhìn bàn tay chị. Bàn tay đó nằm trên cánh tay chị như lạc lõng. Chị vẫn còn phải học những điều chị có thể sẽ nói ra.

- Cô có muốn nhìn qua cái này không? - chú hỏi. - Cháu đập vỡ một cửa kính và lấy mảnh này đây.

- Cháu đập vỡ à!

- Chẳng còn ai cần đến nó cả, - chú nói. - Cháu lại muốn nhìn qua nó.

Rõ ràng nó là của chú.

- Thoạt đầu nó rơi xuống nước. Nhưng cháu mò lên. Cô thấy không, trong nhà thờ cũng có nước đấy.

Chị cầm lấy mảnh thủy tinh và giơ lên trước mặt, và nhìn thấy cả nhà mình nhuốm một màu đỏ thắm, còn than hồng là những khối vàng tan chảy.

- Cháu sẽ kể cô nghe về nhà thờ, - chú nói. - Ở đó có cả chim, chúng bay vào qua những lỗ hổng trên cửa sổ. Suốt ngày cháu ngủ

ở đó, trên ghế, gồi lên cái thứ mà mọi người quỳ lên để cầu nguyện, gọi là cái gối đệm, nhưng đau lắm. Có cá bơi trong nhà thờ. Cháu sờ vào được một con đấy. Còn sách trôi lênh bênh. Nước chảy, cô ạ. Mọi thứ trôi nổi và di chuyển.

- Đúng vậy, - chị nói.

Giờ đây, nước lũ lụt màu hồng tía đó cũng chiếm lĩnh chị, khi chị trườn người vào nằm cùng chú bé trên cái ghế nhà thờ. Có những thứ đã chết. Có một mặt người trôi ngay bên dưới những cây liễu.

- Thế cháu có cầu nguyện không? - chị hỏi khi bỏ miếng kính ra.

- Không, - chú nói. - Trong nhà thờ ấy chẳng có ai cầu nguyện cả, không còn ai nữa.

Họ nhìn nhau. Bỏ cái miếng kính ra, da họ nom trắng bệch.

- Này cháu, - tiếng chị như cứu vãn họ. - Cháu có thể ở lại đây, cháu ạ. Nếu cháu muốn thì đây là nhà của cháu.

- Không, không phải, - chú nói.

Chị đặt miếng kính lên khăn trải giường.

- Thôi, cháu ngủ đi, - chị bảo chú.

Chị trở lại là người thiếu phụ vụng về với vẻ tự tin học được ở kẻ khác. Giọng chị nghe chói tai và hơi hợt, trong khi nhẽ ra nó phải nồng nhiệt, phải xuất phát từ đáy lòng. Vậy mà bằng giọng đó chị bộc bạch mình.

- Thôi để đến sáng hẵng hay. Cháu có đủ ấm không? Cháu cần phải được bồi dưỡng đấy. Cháu gầy lắm. Nhưng ăn uống tốt cháu sẽ lại sức.

Hình như chú bé không muốn nói chuyện với chị nữa. Chú nằm cuộn tròn lại, đầu gối lên cánh tay gập lại. Chị không thể chiếm hữu đứa bé. Vì vậy chị bỏ đi, bước qua ánh sáng màu đỏ thắm vẫn còn bám chặt lấy chị, qua ngọn gió mang lại những lời cầu nguyện đã tắt trong nhà thờ ngập lụt. Chị bước về phòng mình, trần trọc mãi mới ngủ được.

Rồi bỗng nhiên chị nhìn thấy chồng mình đang mặc quần, ánh sáng từ ống thông phong đèn dầu tỏa ra mượt mà vàng chóa.

- Máy giờ rồi, anh? - chị hỏi.

- Đến giờ dậy rồi, - anh nói, nghe rần rori như cú quất dây thắt lưng - Bác Fritz đã đi qua sân rồi.

Thực ra chị đã nghe thấy tiếng xô quen thuộc, rồi tiếng gà trống xé toạc những mảnh vụn cuối cùng của giấc ngủ.

Họ chuẩn bị làm những việc cần thiết, không khí và nước lạnh buốt da thịt, họ đi đi lại lại, người nào biết việc người ấy, dáng trang trọng trong căn phòng, quần tóc hoặc chải tóc, nệm chặt quần áo vào người. Rõ ràng là cuộc đời họ chưa bao giờ bị vỡ ra từng mảnh nhiều màu sắc. Họ ra ngoài qua nhà bếp, nhanh chóng và lặng lẽ đi qua chú bé đang nằm ngủ trên chiếc giường hẹp. Họ chỉ liếc nhìn chú, như ngại sẽ quấy rầy, hoặc vì lí do nào khác.



Những con bò đang đứng chống mõng dưới ánh đèn trong chuồng bên kia sân. Có cả khuôn mặt ông già người Đức còi cọc đứng đợi được thừa chuyện và nghe lời chỉ bảo. Bò đang nhai rơm. Mùi nước dãi và hơi thở của bò xông lên nồng nặc hơn hơi giá lạnh, khi người đàn bà cùng hai người đàn ông ngồi trên súc gỗ, kẹp xô vào hai đầu gối, chuẩn bị bắt đầu nghi thức.

- Mưa tạnh rồi, - ông già người Đức nói, vắt cái vú đầu tiên.

- Ừ, tạnh thật rồi, - Stan Parker nói, treo lên đỉnh cái giẻ lau đầu vú con bò xanh xao.

- Tôi biết là sẽ tạnh mưa mà, - ông già nói.

- Làm thế nào mà biết được, bác Fritz? - Amy Parker hỏi.

- À, - ông ta nói. - Tôi biết chứ. Đoán được mà.

Rồi tiếng rơi thánh thót của sữa.

- Lụt ra sao? - Ông già hỏi.

- Thật khủng khiếp, - Amy Parker nói. - Anh Stan biết nhiều hơn tôi. Nhưng tôi cũng được chứng kiến chút ít. Có người mất hết, không còn gì.

Ông già mút lấy chỗ sữa thơm lành.

- Chúng tôi có mang về một cái thùng tắm, bác Fritz ạ, - Stan Parker kể.

- Stan tìm thấy đấy, - người vợ nói.

Rồi họ tiếp tục vắt sữa phun mạnh từ mấy núm vú mềm như cao su của những con bò trầm tĩnh.

Stan Parker, chân vững chãi trên nền gạch sạch, đợi vợ kể câu chuyện về thằng bé lạc, nhưng hình như câu chuyện sẽ không được kể, hoặc chưa được kể.

Họ ngồi vắt sữa, bọt sữa tràn đầy miệng chiếc xô Amy Parker đang giữ. Sáng hôm đó dường như là một buổi vắt sữa vô tận, và sau đó, khi những người đàn ông còn xách những thùng chậu kêu lanh canh và những con bò còn đang túm tụm ngơ ngác, núm vú lép kẹp của chúng thõng xuống tận chân. Chị bỗng bỏ những xô sữa đó và chạy qua sân. Về nhà. Chạy thục mạng. Giờ chắc thằng bé đã dậy, chị vừa thở vừa tự nhủ. Chị sẽ kể nhiều thứ. Trong ánh sáng ban mai ta có thể hoàn thành được những gì ban đêm ta không làm nổi. Chị sẽ dùng sức mạnh của tình yêu để nhốt thằng bé trong nhà mình.

Nhưng lúc vào đến nhà bếp, chị chậm bước để trông mình không đến nỗi ngớ ngẩn, để nhịp thở không ra hơi biến thành nụ cười, thì chần mản trên chiếc giường hẹp đã bị dồn thành khối bất động, giá lạnh. Vậy là chị cũng chẳng cần gọi. Chị nhìn vào miếng kính màu đỏ thắm bị vỡ tan trên sàn nhà thành những màu đỏ thắm khác.

Một lát sau chồng chị bước vào để ăn vội bữa sáng trước khi mang sữa đi. Chị đã bày sẵn mọi thứ, không chê vào đâu được. Có món trứng rán cùng hồng trà mà anh thích uống đựng trong ấm tráng men xanh.

Anh cắt trứng mà cứ tưởng như đó là một chất gì rắn hơn, hay là do lơ đãng.

- Con Jewel còn hai tháng nữa, - người vợ vừa nói vừa xé những tờ lịch cũ trên quyển lịch cửa hàng gửi biếu. - Đã đến lúc thôi vất vả của nó.

- Thằng bé đâu rồi?

Không có gì trông thảm hại hơn cái món trứng bị bằm ra trên đĩa của người khác.

- Nó không có ở đây. Nó đi rồi.

- Chúng ta không thể giữ nó lại được, - người chồng nói. - Nó không muốn ở lì một chỗ. Em thấy rồi đấy. Nó không phải của chúng ta.

- Vâng, - chị nói.

Dầu cho chị không thể hiểu hết hay giải thích nổi. Chị không thể giải thích được rằng sẽ đến lúc chính bản thân chị phải đưa ra chứng cứ rõ ràng đó về sự huyền bí của cuộc sống. Giờ đây chị đang đi quanh nhà bếp, nước da chị vào ban ngày nom xỉn và khô vì dậy sớm, hai bàn tay làm những việc thô kệch tuyệt nhiên không có liên quan đến những giây phút siêu phàm mà chị đã trải qua. Điều này làm chị nhú mày và đẩy bàn ghế vào đúng chỗ, rồi nhặt một vỏ khoai tây xám từ cái xô rơi xuống từ lúc nãy.

- Amy, - anh nói, cố làm cho giọng mình thích hợp và chạm vào người chị sau khi đã ăn xong, đẩy cái đĩa ra xa. - Sẽ ổn thôi, em ạ.

- Vâng, - chị trả lời, dĩ nhiên là ổn thôi.

Họ gần gũi nhau. Cuộc sống của họ đã phát triển bên nhau. Họ sẽ tiếp tục theo chiều hướng đó bởi vì không thể chia cái thân mình chung của họ ra được.

Giờ đây họ đứng bên cửa sổ, cánh tay chạm vào nhau, hư hư thực thực, chị không khước từ sự tốt đẹp của cuộc sống chung. Qua cảm giác mệt mỏi của buổi ban mai, anh có thể cảm thấy điều đó trong toàn bộ con người anh vốn cũng là thành tựu. Lúc này đàn bò đi nghênh ngang qua hàng cây, đuôi ve vẩy, những cái mũi xanh chạm vào đám cỏ non mới nhú khỏi lớp bùn, hoặc cọ cổ vào lớp vỏ cây keo đen sì. Em có biết cái này không? Chắc anh đã nói thế, và cái này nữa? Cả cái này nữa? Cái mà anh tận mắt nhìn và cảm thấy bằng xương thịt. Nhưng do anh không biết nói những điều đó ra sao, anh đứng bấu vào da bàn tay chị. Mà có lẽ cũng chẳng cần phải nói nên anh bắt đầu cảm nhận bàn tay chị. Chị đã nhận ra hình thù cây cối, những cột trắng, những bóng cây khiêm tốn hơn, bõm xòm động đậy và nghiêng về phía họ trong ánh ban mai. Bầu trời chuyển động với màu xanh rực rỡ trở lại, khiến hai vợ chồng dừng lại bên cửa sổ cũng dường như chuyển động trong giây lát, đứng đưa thân hình, linh hồn xao động và nhận ra những miền quê quen thuộc. Trong giây phút ấy, họ không còn giới hạn.

Sau đó, người chồng quay trở lại với đôi giày cứng queo và nhớ ra việc phải làm. Người vợ bỏ khăn bàn ra, cuộn gấp vào với một vẻ âu yếm. Chị thỏa mãn. Nếu chị có nghĩ đến thằng bé lạc, thì đó cũng chỉ là vì con mắt hơi lác mà chị nhớ đến trong cái đêm sáng lửa.

Còn đối với những bất cập của chính chị, bây giờ chị thấy mình mạnh hơn chúng nhiều.

- Có lẽ chúng ta nên báo cảnh sát, - chị nói.

Anh nói có thể anh sẽ cưỡi ngựa đi Bangalay, nếu có thời gian, vào buổi chiều.

Không ai biết điều gì đã xảy đến với thằng bé mà vợ chồng Parker tìm thấy ở Wullunya trong trận lụt. Sau đó nước rút ngay, để lại một lớp bùn vàng nhom nhóp và rất nhiều rấn màu nâu. Dân chúng sắp xếp lại đồ đạc của mình, và tìm lại một số ít đã thất lạc, rồi dần dần người ta không nhắc đến trận lụt nữa.

Chỉ thỉnh thoảng ở Durilgai người ta lại nhớ đến những chiếc xe chạt ních những người tình nguyện cao quý tới cứu các nạn nhân vùng lụt. Không biết là làm thế nào và tại sao cái quận mà vợ chồng Parker sống lại có cái tên đó, nhưng chính vào thời kỳ lũ lụt nó chính thức có tên Durilgai. Nó có nghĩa là “sung túc”, một người bạn của ông Armstrong, một giáo sư hay cái gì đó, đã nói vậy. Song người dân sống trong quận không thích dùng cái tên đó, suốt một thời gian dài, trừ bưu điện, như có gì đó mong mỏi ở họ mà họ không thể, hoặc không thiết thực hiện.

Amy Parker giảm bớt tốc độ bàn tay khi thoăn thoắt viết, và tự đọc bằng hơi thở tràn ngập tư lự. Chị thường nghiêm sắc mặt khi có người lạ nhắc đến cái tên chính thức đó, và chị tiếp tục nhắc đến cái quận của mình bằng cái tên những người sở hữu đất trong vùng đặt cho. Thỉnh thoảng chị ngồi bên bụi hồng bạch nở to, tay luống cuống

không biết dùng vào việc gì, ở một nơi thuộc về “gia đình Parker” và nhìn vào con đường.

## PHẦN HAI

## CHƯƠNG 8

Cách nhà Parker khoảng một dặm, nơi con đường chia ngã, người ta đã dựng một cửa hàng, và kịp thêm một nhà bưu điện, giúp Durilgai đủ hạ tầng để tồn tại, hai tòa nhà này chứng minh điều đó. Và khi những người dân đã lấy được lòng tin, họ lê bước dọc theo những con đường thẳng đầy bụi bặm đến làng mình và xuôi theo những con hẻm ngoằn ngoèo đầy sỏi đá, đàn bà thì la cà mua sắm, còn đàn ông, chẳng có mấy lý do, chỉ để đi giết thời gian.

Mùa hè là mùa của bụi trắng và cát vàng. Trong ánh chói lòa của bầu trời và sắt thép, trong mùi hương của bạch đàn khô và kiến bị nghiền nát, đám đàn ông xo vai, nheo mắt nhìn khi họ tựa người vào những cột hàng hiên của cửa hàng bách hóa hoặc ngồi thẳng thớm. Một số người phô bày cái trán loang lổ màu sắc trong bóng râm, thà chịu đựng lũ ruồi hơn là đội mũ nỉ ướt. Trên hàng hiên cửa hàng, không khí trở nên khẩn trương sau giờ nghỉ ngơi. Lời nói ba hoa bốc phét, không ai kiểm soát cả, vì thời gian mênh mông; trong khi có những người không nói chuyện, những người im lặng, những người kín đáo hơn, lấy gậy hay roi viết lên bụi hoặc xóa đi, rồi viết bằng những mật mã riêng của mình, sau đó ngược cặp mắt nhợt nhạt nhìn lên.



Vào giai đoạn này của sự tồn tại, bộ mặt đơn giản của cửa hàng ở Durilgai vẫn rực lên màu sơn nâu. Đó là một trò chơi trẻ con làm bằng gỗ và sắt. Nhiều mặt hàng khiêm tốn đứng trang trọng trong tủ kính, xô và bắc đèn, chổi làm từ cây kê, cán rìu và hàng len móc. Không có hàng dễ hư hỏng trong tủ kính là chính sách của người chủ cửa hàng, người đã sắp xếp chúng một cách vất vả. Chúng trông không nhuốm màu thời gian và mang vẻ vĩnh hằng. Chắc hẳn một người thợ vẽ vụng về chưa học được thói đối trá của nghệ thuật, đã vẽ chúng trên mảnh gỗ lót.

Cửa hàng này, hay còn gọi là tiệm tạp hóa, như người ta vẫn gọi, ngay từ đầu thuộc về ông Denyer, một con người hơi đồm dáng, nhưng tốt bụng, cầu nguyện và nuôi gà ri để mua vui. Ông Denyer thích đi giữa đàn gà, nhìn xuống chúng và mỉm cười trước sự gọng gàng của đàn gà qua cặp kính dày cộm. Thực ra ông ta là sự bổ sung cho cửa hàng, được tạo ra một cách đơn giản, thậm chí còn vụng về nữa. Nhưng ông ta sẽ chịu đựng. Ai đi xe từ Durilgai dọc theo con đường đến Bangalay, khi quay lại nhìn đều thấy ông Denyer, đứng lì với thái độ giản dị, bên quầy hoặc bên lối cửa ra vào. Cảnh này lại nằm cố định trong cảnh quang, gồm những ngọn đồi thoải thoải xanh rì, hoặc đến cuối mùa thì thành xơ xác. Bên cạnh cửa sổ có cây liễu bách do chính ông Denyer trồng, đầu mùa hè nó phe phẩy những lá nhạt màu hồng xỉn, nhưng đến cuối mùa hè lại ủ rũ thành từng chùm bám bụi đất màu hồng. Khi thân cây to lên, những chùm lông của loại cây liễu bách thẳng tắp này trở thành một cái gì đó khiến ta phải tìm kiếm. Những người khách lạ thường hỏi ông Denyer cây của ông ta là cây gì, nhưng đó lại là điều ông ta không biết. Ông mỉm cười. Ông ta nói mình mua vì muốn có một cái

cây, nên ông ta phải trồng cái gì đó, và chính vì thế nên có cây kia. Song đôi kính dày cộm của ông ta rõ ràng là hài lòng.

Trong cả quận, tên của các vật không quan trọng mấy. Con người ta sống. Hầu như không ai thắc mắc về mục đích sống. Con người ta sinh ra. Con người ta sống. Hàng đàn trẻ em người Ai-len mũ thò lò, đen nhẻm, và người Scotland tóc hung, ghẻ lở đổ ra từ bụi rậm, ùa ra từ những lối mòn nhập vào những con đường lớn, chẳng bao lâu đã trở thành những nam nữ thanh niên thon thả, đi quanh quẩn, tránh mặt nhau, rồi lại gặp nhau, tay nắm chặt tay, quỵt hơi thở vào nhau trong những buổi tối nóng bức. Những mô hình mới của cuộc sống, của đồng cỏ, sân và vườn cây, còn để lại dấu vết bên sườn đồi và những máng rãnh nhỏ. Nhưng chưa đâu. Đúng lúc. Khoảng thời gian chậm rãi, vào những ngày hè nóng nực.

Ngay cả cái trạm bưu điện ở Durilgai mặc dù chẳng liên hệ mấy với thế giới bên ngoài, hay có hoạt động gì khác, cũng vẫn đứng yên. Trạm bưu điện, đối diện cửa hàng Denyer, bên cạnh biển chỉ đường sắp bị mối xông, không bề thế bằng. Tầm quan trọng của nó chẳng rõ ràng tí nào.

Trạm bưu điện là một căn nhà tranh kê cốt kết, bên cạnh có một cái cửa sập để bà Gage đẩy những bức thư qua hay thò bộ mặt tuyệt vọng của mình ra nói với theo những tấm lưng đang rời khỏi trạm mấy lời nhận xét cuối cùng về thời tiết, chắn giữa bà ta và sự im lặng. Bà đội một cái mũ bẹt, giống như lá cọ khô, và tay áo giấy nâu. Trong văn phòng đó, dĩ nhiên đó là thế, ta cũng có thể nhìn thấy những mô hình người của thợ may, trên đó bà trưởng trạm bưu điện khâu vội những chiếc áo choàng vải bông cho bất cứ ai cần

đến. Những rẻo vụn vút lung tung thành đồng và một củ cà rốt mịn như nhung màu cam bám đầy bụi mài, lại có cả bụi đường bám đầy những lọ mực và dính bê bết mực dấu bưu điện, và bụi phủ cả trên những tờ giấy văn phòng nghe lạo xạo, hoặc bay tứ tung mỗi khi có gió.

Bà Gage lúc nào cũng lảng xảng đi lại, tháo cái dây buộc bó thư hay tìm kiếm cái gì đó. Vào những ngày Chủ nhật, bà đánh xe đi chơi, cổ choàng một bộ lông cáo đỏ và một con chó xanh xám chạy phía dưới chiếc xe, rồi bà ta gò cương ngựa, nói chuyện bằng một giọng đố kị, vô ý làm lộ ra cả hàm răng.

Bà trưởng trạm bưu điện có một ông chồng vô tích sự. Cũng không rõ như thế nào, chỉ biết là ông ta không làm ra tiền, và có lần đã vẽ một bức tranh về một cái hàng rào gỗ lâu năm với vài ba cái cây chết ở đằng sau, khiến người ta thắc mắc. Cách kiếm tiền của ông Gage thì đa dạng và huyền bí. Đôi lúc ông ta ở nhà, đôi lúc không. Ông ta là một cái bóng mặc áo may-ô.

Nếu có ai bắt chuyện, ông ta sẽ ngẩng lên trước khi nghe và nói “À, được, được, để tôi chạy đi tìm bà Gage cho.” Rồi ông ta thực hiện ngay, một cách lén lút cứ như mình là người được làm phước cho ở trọ trong căn nhà ấy. Đó là nhà của bà trưởng trạm bưu điện.

Có lần ông Gage nằm bò ra đất, chăm chú quan sát vào một con kiến đến nổi hai mắt lòi ra, thế là làn sóng nâu bập bênh nuốt chửng lấy ông, hai cánh tay bám vào đất, ở một góc độ cố định, lớp thịt xám xịt của chúng run rẩy. Khi tỉnh lại, có con chim ruồi trong bụi cây rậm rạp, và chị Parker đang đi lại.

- Có chuyện gì thế? - Chị nói.

- Không, - ông ta nói. Tôi đang nhìn con kiến.

- À, - chị nói có vẻ ngờ vực, liếm đôi môi nóng và bụi bặm.

Chị không hạch vấn thái độ của ông ta thêm, khiến ông ta kinh ngạc.

Có lẽ chị bị đãng trí, hoặc có lẽ do nóng nực. Vì bỏ qua cơ hội để hủy diệt người khác là một việc không bình thường. Và nhẽ ra chị có thể lấy chân di nát trạng thái mê loạn còn lại trong cái mẫu xác kiến của ông ta.

Còn ông ta vẫn quỳ đó nhìn chị, thân gầy gò trong chiếc áo may-ô, nhưng sự dữ dội của đôi mắt xuyên thấu bộ mặt vô tri vô giác của chị, vào những nơi tối tăm hơn, như thể cả đây cũng là điều bí ẩn ông ta phải lý giải, giống như linh hồn của con kiến.

Amy Parker, người đang ngập ngừng nửa muốn dừng lại để thỏa mãn nhu cầu chưa thể hiện rõ của con người đang quỳ gối này, nửa lại muốn leo tiếp con dốc, lúc này đã là một người phụ nữ đương độ chín. Bộ mặt nhọn hoắt cùng đôi má xương xương tràn đầy những khát vọng gần được thỏa mãn. Chị có màu da bánh mật vào mùa hè. Đôi cánh tay dần rần rỏi có thể nâng những vật nặng khi không có người đàn ông nào làm, nhưng nhìn đôi cánh tay đó vẫn tóc thì hay hơn. Cả cái lưng khỏe màu bánh mật với đôi cánh tay giơ lên là một bình hoa tròn đầy. Người chị tỏa ra ánh sáng màu mật óng đặc quánh của những ngày hè ngọt ngào.

- Có bà Gage ở đây không ông? - Chị Parker hỏi.

- Có, có, - người chồng bà trưởng trạm bưu điện trả lời. - Bà ấy trong văn phòng hay quanh quần phía sau nhà. Kìa, bà ta kìa kìa. Chắc bà ấy đang lọc thư.

Ông ta bút một lá cỏ vàng.

- Thế ông chưa định đứng dậy à, - Chị Parker hỏi. - Quỳ mãi thế khó chịu lắm.

- Không sao, - ông ta nói.

Rồi ông ta đứng dậy, đi sâu nữa vào trong bụi cây kéo lê cả cọng cỏ vàng.

Sau khi người chồng bà trưởng trạm điện đứng dậy đi rồi, chị Parker tiếp tục leo lên đồi. Nếu có người cùng đi, hẳn chị đã căm tức về thái độ của ông Gage, nhưng đi một mình trong cái nóng của ngày hè, nên ông ta là một đứa bé, một con vật, hoặc một hòn đá, chị chẳng thể oán mình được. Những mảnh đồi mơ màng mà chị đã sống nay nổi lên và trộn lẫn với ánh sáng chói chang. Chị ngẩng lên nhìn mặt trời là chồng chị, nhưng vì bị lóa mắt nên chị không biết rằng bụi cây đã nhìn thấy sự lóa lờ của chị.

Vì vậy chị đi tiếp, sờ tay vào hàng rào có ai đó phơi một cái da rắn kêu leng keng. Đó là hàng rào nhà bưu điện, nhà xí bị gió đánh bật nghiêng, và từ cái cửa sập, mặt bà trưởng trạm bưu điện đang ngó ra.

- Chị Parker, - bà Gage gọi to. - Thế nào, chị Parker, nóng đấy nhỉ? Chẳng có lấy tý gió. Chẳng có dấu hiệu mưa. Cả cái bể chứa

nước đã gần cạn vì tôi dùng để tưới cà chua. Tôi muốn cà chua được tươi tốt.

Không ai trừ bà trưởng trạm bưu điện thấy khốn khổ vì thời tiết. Nét mặt bà thể hiện những ngày này đối với bà thật không thể chịu đựng nổi.

- Có thư từ gì cho chúng tôi không, bà Gage? - Chị Parker hỏi.

- Không có, chị ạ, - bà trưởng trạm bưu điện nói. Hình như không có. Tôi không nhớ nữa. Nhưng để tôi xem.

Rút mũ ra khỏi cái cửa sập, tiếng lá cọ khô nghe sột soạt.

- Ai mà biết, - bà ta nói, - ta có thể quên cái gì. Với cái thời tiết như thế này. Nó làm người ta điên đầu lên được.

Bà trưởng trạm bưu điện tháo dây buộc bó thư một cách vô cùng khéo léo. Liếm ngón tay cái vàng khè, động tác này của bà gần như một nghi thức chứ chẳng phải chỉ vì công việc quy định, nhằm an ủi người khẩn cầu khiêm nhường đang đứng hít mùi xi nóng chảy bốc lên từ điện thờ phía sau. Không lẽ nào một lá thư được nâng tựa bánh thánh ngang tầm mắt của bà trưởng trạm bưu điện lại có thể, về thực chất, thuộc về ai đó. Có nhiều lá thư không bao giờ thuộc về ai cả. Nhưng Amy Parker vẫn tiếp tục ngồi dự nghi thức này vì nó xảy ra trên đỉnh đồi, và thỉnh thoảng người ta gửi đến một quyển catalogue có cả tranh ảnh các đồ vật, có lần cả thư của bà thím Fibbens đọc cho một bà biết chữ viết hộ, về một chuyện bực mình nào đó.

- Không có đâu chị ạ, - bà Gage nói, - đúng như tôi nghĩ mà. Nóng nực thế này chẳng ai ngồi viết thư đâu. Mà lại có cả bão ở bờ biển phía bắc, một chàng trai bị sét đánh ngay trên lưng ngựa. Sét đánh vào bàn đạp sắt. Nghe nói anh ta mới có một đứa con sáu tháng. Anh ta làm nghề đốn gỗ. Chị hiểu chứ?

- Nên hiểu ra sao hả bà Gage? - Chị Amy Parker nói, lúc này cảm thấy mạnh mẽ hẳn lên.

Rồi chị bước đi đủng đỉnh.

Nhưng bà trưởng trạm bưu điện da vàng ệch lại thò đầu qua cửa sập làm xoắn cả mũ, mặt bà ta nom nhăn nhúm tuyệt vọng trước câu chuyện cảnh sét đánh và trước cảnh cô độc sắp xảy đến với chính mình.

- Nhưng cũng có ích cho người khác đấy, - bà ta gọi to. - Chị phải thừa nhận điều đó. Chính cơn mưa. Bể chứa nước khô cạn đến một nửa rồi, người ta nói đến chiều sẽ có gió nam thổi mạnh đấy. Nhưng không có mưa.

Túm chặt chiếc mũ trong làn gió của ngôn từ, người đàn bà tuyệt vọng lại là nạn nhân của chính bản chất của mình. Chắc hẳn bà ta sẽ nói: hỡi sấm sét, hãy giáng vào đầu ta, biến ta thành những ngọn lửa và ánh sáng chói lòa. Nhưng sấm sét là điều khủng khiếp. Vì vậy bà rút đầu vào, nấn lại mũ cho ngay ngắn, nghe sột soạt như những cánh tay áo giấy nâu của bà.

Chị Parker bước đi như được miễn trừ khỏi thời tiết. Vì lý do đó có một số người không quan tâm đến vợ chồng Parker. Nhưng sấm

sét là một vấn đề riêng tư. Chị trù mèn nhớ lại cơn sấm sét ập đến với vợ chồng chị, nhớ lại làm sao họ đã tai qua nạn khỏi, và đồng thời đã cởi mở để thấu hiểu lòng nhau.

Chị rảo bước. Chị muốn về nhà. Chị muốn kể cho chồng nghe mọi điều đơn giản ngay cả khi anh bỏ ngoài tai. Đi khá xa khỏi lời nói của bà trưởng trạm bưu điện, chị đi đến đoạn đường luôn khiến chị cảm thấy lạc lõng. Những bộ mặt trên hàng hiên cửa hàng, dường như đã gắn chặt vào đấy trước đó ít lâu, nhìn chằm chằm vào chị từ những vị trí vĩnh hằng và thách thức chị đến gần.

Có một chiếc xe độc mã bên ngoài cửa hàng, đáng lý ra, không thuộc vào khung cảnh đó. Không có bụi bám vào lớp vécnit bóng lộn của chiếc xe hào nhoáng. Con ngựa không một giọt mồ hôi trên mình, lúc lắc cái mặt sẫm đuôi ruồi, làm rung leng keng một loạt những nhạc đồng, nhấp nhoáng chói lòa, vẻ thách thức. Đại thể ở con ngựa và cỗ xe có cái vẻ táo bạo oai nghiêm khiến chị Parker thấy ngượng. Song chị vẫn cứ đến gần, nhưng quyết định không nhìn, với động tác vụng về, cứng nhắc, giữa cảnh bụi bặm.

Đó là cỗ xe ngựa của ông Armstrong, chị lờ mờ nhận ra do thường thấy anh con trai ông ta vẫn hay đánh xe đi. Lúc này anh ta không có đây, có lẽ anh ta đang ở trong cửa hàng mua mấy thứ lật vặt, vì những gì giá trị đều được mang từ thành phố Sydney về ngôi nhà gạch. Do đó con ngựa đứng đợi, thủng thẳng nện móng thành thịch xuống đất làm rung chuyển chiếc xe trên có hai phụ nữ ngồi.

Amy Parker ngượng nghịu đứng cạnh cây liễu bách, chị hầu như không nhìn thấy, chỉ biết là có chiếc xe ở đấy. Biết rằng hai người kia ngồi lắc lư xe, vừa cười vừa ăn kẹo và quẳng giấy bọc xuống



đường. Chắc không phải họ nhàn rỗi đi chơi, vì không người nào tỏ ra thiếu thận trọng. Họ là chủ của chiếc xe đó, dưới cái dù mà một người cầm che, chiếc dù dung đưa uể oải, và nhuộm hồng da họ.

Ai nói gì mặc họ, chị vẫn thủng thỉnh bước dưới bóng cây liễu bách, chị cũng chẳng buồn nhìn những bộ mặt kia và bộ mặt mình chị cũng thấy quá khó chịu. Lúc này mặt chị đỏ au, có một ít lông tơ bết bết. Chị đội một cái mũ mà có lần chị cho là rất xinh, có đính một chùm anh đào sáng bóng, nhưng giờ chị bỏ mũ ra để giấu sự ngớ ngẩn của mấy quả anh đào trên cái mũ nhàu nát rẻ tiền của chị.

Suốt thời gian ấy, việc đóng cương ngựa xúng xoảng đến kinh khủng, như những lời nói của một cuộc đối thoại từ xa, nghe có vẻ riêng tư, mặc dù không thể hiểu nổi. Hai cô tiểu thư kia cười, xoay cái ô về phía mình và ném giấy bạc xuống đường.

Có mấy người đàn ông bên hiên đang trầm trồ và khó chịu trước cỗ xe ngựa của kẻ giàu có, và buông lời châm chọc khiếm nhã đối với các cô gái. Khi chị Parker đến gần, ông già Peabody nói điều gì đó, như thể ông cảm thấy phải nói, nhưng nói gì thì chị không biết, trong cái cảnh náo động và khốn cùng đó. Với một dải nơ xanh uốn lượn quanh cái ô. Rồi anh chàng con ông Armstrong đi ngược về phía chị, người mà chị biết từ lúc còn là cậu bé có cổ tay khẳng khiu, giờ là một người đàn ông có đôi môi dày.

- Đứng lại, - anh ta nói, dùng khuỷu tay ngăn chị lại và cười vang, tiếng cười nghe ồm ồm trong cổ họng.

Anh ta lúi lúi nhìn chị, như anh ta vẫn nhìn phụ nữ, nhìn vào ngực, một cách vừa phải khiến có người tinh thích. Rồi vào bộ mặt

phát hỏa của chị nhưng nó không cởi mở đối với anh ta. Một luồng gió từ cửa hàng thổi lại tạt vấy vào giữa hai chân thô và xấu của chị.

- Chị Parker đó à, - cuối cùng anh ta nhận thấy, - Xin lỗi nhé, - anh ta cười vang. - Suýt thì nhầm.

Nhưng mặt anh hơi đỏ vì nhớ đến lúc còn bé mình có cái cổ tay khẳng khiu. Anh ta liền chạy xuống bậc thềm trong cái quần lộng lẫy, tới chỗ chiếc xe chật ních các cô gái từ thành phố Sydney đến cho anh ta kén chọn.

- Có người cứ thích vẽ vờì cơ, - ông Denyer nói, cái dây đồng hồ của ông ánh lên trong cảnh trời u ám.

- Ô, đúng đấy, - chị Parker nói, hai bàn tay chấy nắng dựng những bao bột thành một chồng cao.

Chị liền nhớ đến mục đích mình đến đây và điếm lại những thứ vô tội đó một cách hầu như thô bạo, cứ như người ta buộc chúng phải mang một ý nghĩa cao cả hơn. Nhưng những hạt lúa mạch mờ đục và giả tạo đang rơi xuống cái nôi đồng của người chủ cửa hàng tạp hóa. Chị thu vén những gói bột mì tinh khiết, bình dị đó, trả tiền và đi ra.

Dĩ nhiên cỗ xe ngựa đã đi khỏi, nhưng bầu không khí vẫn còn xao động. Mấy người đàn ông bỏ mũ ra, có người đội mũ vào. Một số đang cựa mình trong bộ quần áo và kể chuyện về ngựa, trong khi phần lớn nhớ đến cái cổ của hai cô gái và trầm ngâm chấp nhận sự xắc láo từ làn da trắng muốt của họ.

Và cả Amy Parker cũng bắt đầu chấp nhận, khi chị quay trở lại con đường vắng vẻ. Sự đơn điệu của con đường thật dễ chịu. Giờ đây câu chuyện về cỗ xe ngựa kia chỉ râm ran hết sức mơ hồ trong máu chị. Đôi chân chị bình thản bước trên con đường đã bị những bánh xe làm tung bụi mịn mù.

Trong cảnh bình thản trở lại và tĩnh lặng đến gai người này, chị lại thấy gần gũi với chồng mình, mặc dù anh nói với chị với cái giọng nặng hơn của anh chàng giàu có đó, rồi miệng họ trao đổi thứ khoái lạc uể oải. Chị vờ phá lên cười đồ đả, và chuyển tay cái giỏ. Vì dĩ nhiên đâu có giống như vậy. Mặt chị trở nên tư lự hơn, và gầy đi. Bao nhiêu chuyện đau lòng đáng tiếc, bao kỷ niệm triu mến ập đến khi chị từ trên mỏm cao nhìn xuống cây liễu bách trải dài trên con đập đục ngầu, và căn nhà gỗ của họ thấp thoáng xa xa. Tuy nhà cửa trong vùng đã mọc lên san sát, căn nhà đó vẫn dường như đứng trơ trọi, và chính cái cảnh cô lập, yên tĩnh đó giờ đây chị đang rảo bước trở về; nó gắn khít như làn da trên thân thể chị.

Nhìn quanh, chị cảm thấy mình là chủ của cả những bụi cỏ run rẩy bên ngoài hàng rào. Chị vừa chiếm hữu vừa bị chiếm hữu. Những chiếc lá mát rượi quệt vào mặt chị, và luồng gió đầu tiên nhẹ thổi vào khuỷu tay và gáy chị. Đồng cỏ gợn sóng reo vui trong đó con sếu xanh khệnh khạng bước, con chim te te giản dị nhảy nhót, và các chú bê non vụng về phe phẩy cái đuôi. Chị rảo bước trên đá sỏi, vừa đi vừa chạy. Chạy về nhà mà không có lý do gì thì thật ngớ ngẩn, nên chị phải ôm con mèo ngoài cổng và để cái lưới ráp của nó liếm làn da mặt của mình.

Cuối cùng chị đã về đến nhà, nơi đây không ai mong chị phải tìm những câu trả lời. Trong nhà, vòi nước chảy nhỏ giọt, cành lá lòa xòa sát mái nhà, những âm thanh hòa cùng yên lặng khiến chị thấy mình khỏe khoắn. Vừa ra đến chỗ cái giếng, chị đã thấy chồng đứng đập bàn đập hòn đá mài mà anh mang từ Bangalay về từ những ngày đầu, đôi lấy một cái gì đó mà giờ chị cũng quên mất.

- Ồ, anh, - chị nói, tiến lại chỗ hòn đá mài, và một mùi đá ẩm ướt bốc lên, - Em đã về. Trời nóng như thiêu như đốt. Nhẽ ra anh phải ra xem, anh Stan ạ, ở cửa hàng có một cỗ xe ngựa chở chạt các cô gái mà anh chàng Armstrong đưa về. Toàn các cô quý phái. Có một cái dù trắng. Có cả viền đăng ten. Gớm, lại có cả dù nữa đấy!

Nhưng anh không nhìn lên hoặc nói gì nhiều, mà chị cũng chẳng mong đợi.

Anh giơ lưỡi dao sáng loáng ghé vào mặt phẳng của hòn đá, nó chạy ro ro và vổ vào một lớp nước nâu lầy từ cái chậu nhỏ ở dưới.

Chị thở dài, ngồi lên miệng giếng, da thịt chị uống lấy hơi mát.

Chị nhìn con dao sáng trắng trong tay chồng khi anh ra sức ép nó vào hòn đá. Chị ngẩng cổ lên, trong bóng cây lờ mờ dịu mát bên trên cái giếng, gần như muốn hiến thân cho con dao sáng loáng mà chị sẽ đón nhận với cả tình yêu cuồng nhiệt.

Mài xong, anh lấy ngón tay cái gạt nhẹ lưỡi dao, cuối cùng nhìn vào chị. Anh nhìn chị trong ánh sáng lờ mờ của cây cỏ thụ, cán môi, vẻ nghĩ ngợi. Bên ngoài cái bóng mát của cây là những cánh đồng đã được khai quang, bị ánh nắng hè thiêu trắng, và ngôi nhà anh đã

ghép vội, rồi mở rộng và sửa sang, cuối cùng đã chiếm một vị trí đường hoàng giữa cánh đồng, thậm chí lại còn có vẻ e ấp dưới giàn nho xoắn xít và vô khối những bông hồng. Mọi thứ đều được sắp xếp quanh anh, tỏa sáng từ anh trong ánh nắng chiều rực rỡ. Và Stan Parker cảm thấy hài lòng.

Và anh hài lòng với cái cổ họng khỏe của vợ.

Hình như một công trình bền chắc đã mọc lên tại nhà vợ chồng Parker. Thậm chí trong xương thịt. Dầu cho bản thân Stan Parker có gầy đi chút ít, dầu cho gáy anh có nhăn nheo khi cúi xuống nhặt chiếc rìu lên để mài tiếp, dầu cho đôi mắt anh có sâu hoắm vì ngạc nhiên và chấp nhận, anh đã chống đỡ được đòn quật và sẽ tiếp tục chống đỡ.

Thân thể anh cho thấy rằng nó sẵn sàng nghênh tiếp mọi thứ, đôi vai anh tròn mịn khom khom trên cái bàn mài, bàn chân điều khiển bàn đạp khi kim loại ăn mòn đá và đá ăn mòn kim loại trong tiếng lách cách chát chúa của sự hoàn mỹ. Mọi thứ rồi sẽ ổn nếu vượt qua được cái đận này. Đá nhảy chồm lên và được dây điều khiển kìm lại. Sức mạnh của hai bàn tay anh tạo dáng cho kim loại. Ở vào thời điểm đó, có thể mài hầu hết mọi thứ thành hình ta muốn.

Anh thấy chị có vẻ sốt ruột khi ngồi bên thành giếng, bàn chân vung vẩy, nên anh nói:

- Có lẽ hẳn ta sẽ lấy cô gái trên chiếc xe đó.

- Em chắc là không, - chị nói cộc lốc. - Có hai cô cơ mà.

Chị tung bàn chân như đá vào những gì đã lảng tránh chị, vào thế đứng của anh, vào bộ sọ trơ trơ của anh. Nhưng chị nhìn vào bàn tay anh và vui mừng thấy rằng chồng mình là một người nghèo.

Chị đứng dậy. Ôi, chị cảm thấy lòng bồn chồn, ta làm thế nào để chứng minh anh ấy là người tuyệt vời nhất? Rồi đột nhiên chị thấy vô cùng băn khoăn, trống trải.

- Ta uống một chén trà đi, - anh vừa nói, vừa đưa mắt liếc nhìn lười riu. - Rồi ta đi xuống chỗ đàn bò.

Sau đó khi hai người xách những cái xô từ vườn cây sum suê quanh nhà ra ngoài chỗ nóng hừng hực, chị lại thấy day dứt muốn chứng minh với bản thân một chút gì hoàn hảo. Trong cái nóng lảng lụi đi vào buổi chiều, bóng những cọc hàng rào ngả dài, đàn bò thủng thỉnh bước về phía sân. Mấy con bê non nhảy cẫng lên, rồi chạy, nhưng nổi bật lên tất cả vẫn là những con bò già hơn, bụng căng phồng đang bước chậm rãi. Tất cả đều nặng nề, nhưng rõ ràng là hoàn hảo trong bóng chiều vàng lê thê. Và sự mong đợi. Và những con bò giật giật hai tai. Những con bê non ngó nghiêng.

- Gió đang tràn về đây, - người chồng nói, vốn bị đồng cỏ lúc chiều tà hợp hồn. Lúc nào anh cũng muốn chỉ trở cái này, cái nọ.

Thế nên anh vui mừng có dịp giơ tay lên với cả cái xô quàng vào cổ tay và nói:

- Em xem kìa, đúng là gió rồi!

Ngọn cây uốn rạp mình xuống như cái cần bằng bạc. Bụi cuốn quanh như đùa giỡn, và một con bê nhảy cẫng lên vì sợ hay vì vui

sương, chông mông lên trời và xả rắm.

Chính đó là trận cuồng phong từ phía nam thổi về mà bà trưởng trạm bưu điện dự đoán, giờ đây nó đang quật vào thân hình hai vợ chồng, gột rửa mát rượi, như muốn cuốn phăng những cái xô trong tay họ.

Lúc này ông già người Đức bước ra, mỉm cười, người trắng xóa vì bụi cám bám vào khi bác ta cho những con bò trong chuồng ăn. Họ cùng cười, cùng pha trò với nhau. Họ nhắc lại câu chuyện đàm tiếu quen thuộc về con Tricky, con bò của chị, họ không được động đến nó - chỉ cần động vào sườn nó là nó sẽ đá bất ngờ, rồi lăn mình ra đất ngay.

Tối hôm đó, bên những cái giá đỡ đầu bò, trong gió, thật vui vẻ. Gió ngày càng rít dữ dội nhưng không hiểm độc, hầu như át cả tiếng vắt sữa. Tiếng gió ngày càng hấp dẫn. Đàn bò tiến đến cho sữa và thỏa mãn ra đi. Một lần nữa đây là sự mãn nguyện của sự hoàn hảo tuyệt đối. Cho đến lúc người chồng trầm ngâm. Bản chất của anh rất vững vàng, thậm chí toàn năng, trước đó vài giờ cạnh chiếc bàn mài, bắt đầu giảm sút. Những luồng gió reo vui, giống như nước chảy trong giá lạnh, khiến anh sốt ruột vắt vợi những nùm vú cuối cùng.

- Gì thế anh? - Giờ đến lượt chị hỏi, khi hai người đứng bên nhau trong căn nhà kho họ đã dựng lên, trên sàn ẩm ướt họ vừa mới cọ.

Dĩ nhiên chẳng có gì cả. Trừ khát vọng, không bao giờ được thỏa mãn, nhằm bộc bạch bản thân bằng da thịt hoặc bằng lời.

Buổi tối, sau khi những thùng sữa đã được cọ rửa, bằng nước sôi, rồi những chảo sữa nguyên chất đứng thành hàng và chị xếp nghiêng bát đĩa cho ráo nước, còn anh cũng đã tính toán xong trên mảnh giấy và đã có đáp số cuối cùng, anh ngồi xuống, miệng ngậm mẩu bút chì, chờ đợi để điền vào chỗ trống. Lúc này gió đã lặng mặc dù cái mát lạnh nó mang đến vẫn xoáy tròn, ngập tràn. Vào những đêm nóng bức, ngôi nhà như bị nén xuống, nom tòi tàn. Giờ đây nó mở rộng. Nó không được miễn trừ khỏi cái mệnh mang của đêm mát lạnh. Mái nhà rộng mở, để những ngôi sao nhấp nháy soi bóng vào những chảo sữa, và nhiều sự hài hòa khác, giữa da và lông vũ, cành cây và ghế, không khí và kim khâu len đều được chứng minh.

Vì người vợ đã mang len ra, và chiếc kim mát rượi đang thoăn thoắt đan. Anh ngắm nhìn bàn tay vợ, rồi chiếc bút tắt cũ mà chị giữ trên quả đầu bằng gỗ để mạng. Chị cuộn len lại, ngồi ở trong tâm của bóng đêm. Anh ngắm nhìn, và thật ra họ đúng là trung tâm, nhưng điều ấy rất mong manh, thế nhưng anh lại muốn cho chắc. Điều đó khiến anh ngồi gặm mẩu bút chì con, và chắc chắn đã dẫn đến kết quả cuối cùng, nếu như anh có dịp bộc lộ bản thân trong cuộc sống này. Nhưng lại không có. Trừ phi thỉnh thoảng anh nghĩ ra vài câu cầu nguyện.

Sau đó người vợ đặt chiếc bút tắt xuống vì đã không cưỡng nổi cái đêm êm dịu như những này. Chị đi đến ôm lấy đầu chồng và ghì sát vào người như thể lúc này chị đã chiếm hữu được một cái gì. Chị giụi giụi môi mình vào mí mắt chồng, hôn lấy hôn để lên mặt anh, cho đến khi chị cảm thấy da thịt anh hưởng ứng. Cho đến khi họ quyện vào nhau trong đêm và bàn tay dặt lỏi một cách huyền bí



như lướt trôi vào trong những gian buồng tối, nơi chiếc giường mềm mại đang rộng mở tiếp nhận họ.

Trong cái mát mẻ của cảnh vật được giải thoát, giữa những đồ đạc mơ màng, giữa bụi hồng dồn ép vào buồng, và trần trụi giăng co với họ, hai vợ chồng thắm thì cầu nguyện trên môi nhau được giữ mãi phút giây tuyệt diệu này. Nhưng sự vĩ đại của bóng đêm thật là mênh mông vô tận. Cuối cùng người vợ ngã ra, hầu như nức nở. Còn người chồng lại lui vào thân hình chắc nịch của chính mình. Anh nằm trên giường và sờ vào cái hầu như chỉ là một khung xương, mà linh hồn anh đã bắt đầu chấp nhận.

Cuối cùng là giấc ngủ, và làm việc, và niềm tin ấm áp vào sự hiện diện nào đó. Rồi lại ngủ.

Nhưng người vợ ngồi dậy. Chị đang lấy lại cá tính của mình. Người vợ, Amy Parker, đi ra tựa vào khung cửa sổ, cái khung tiếp nhận thân hình chị. Mọi hình dáng, âm thanh dường như hòa hợp với nhau trong đêm lặng. Đêm không còn mênh mang, mà quen thuộc, bóng đêm di chuyển cùng tiếng những con cú già rử rử, làm tổ cùng một nơi hàng bao nhiêu năm, không khí vuốt ve da thịt cứ như chính bàn tay dễ chịu của chị. Chị đứng đó hồi lâu, ôm lấy thân thể của mình, và có thể cứ đứng đó thâu đêm, phân vân và thỏa mãn. Phân vân không rõ mình có hoài thai đứa con mà chị biết đến chân tơ kẽ tóc hay không. Vòng tay trước ngực ôm lấy trái tim đang khẽ đập.

## CHƯƠNG 9

Cuối cùng Amy Parker đã sinh con, hàng xóm nhào nặn khuôn mặt cho ra cái vẻ chúc mừng và hoan hỉ, dĩ nhiên đây hoàn toàn là một việc bình thường. Biết bao phụ nữ đã trở dạ và sinh con, sau khi giặt giũ, hoặc nướng bánh xong, hoặc sau buổi lễ nhà thờ trong buổi sáng nóng nực mà hoàn toàn chẳng ấm ỉ gì cả. Nhưng Amy Parker thảm tử đặc vì hành động của chính mình. Chị bước quanh trong bóng râm bao quanh căn nhà, và lúc này chị thực sự là trung tâm của vũ trụ. Ánh sáng tụ hội vào cái kén trắng tinh chị đang ẵm trên tay; đàn chim dò xét nó với vẻ quan trọng huyền bí khi chúng liệng lơ lửng trên đó, gần như rớt rít, hoa lá nghiêng mình trên đầu người thiếu phụ bế con hoặc ban phúc lành bằng những cái vẫy đũa phép đầy rộng lượng mỗi khi có cơn gió nhẹ.

- Chị có con thật tuyệt, - bà trưởng trạm bưu điện nói, ấn ngón tay cái vàng khè vào miếng bột biển khô. - Có bạn rồi đấy. Cháu ngoan không?

- Cháu ngoan, - Amy Parker nói. - Chỉ có thỉnh thoảng cháu bị trái nắng giở giò. Hôm thứ Sáu cháu khó chịu. Do nóng quá, nên cháu bị đi tướt.

- À, - bà trưởng trạm bưu điện nói qua vành mũ ngay ngắn, bằng một giọng dành cho những vấn đề của người khác. - Bị như thế thì phải thuốc thang gì đấy.

- Ồ, - Amy Parker trả lời, - tôi *biết* cần *cho* cháu cái gì rồi. Và cháu ổn rồi. Mà bà Gage ạ, cháu là một đứa bé khỏe mạnh.

Đứa bé thừa hưởng thân hình của vợ chồng chị. Chị thường bỏ tã lót ra nhìn vào thân thể trần trụi, khỏe mạnh của nó. Chị gọi nó là Ray. Đỡ là cái tên mà trước đây chị chưa hề nghĩ đến, mà cũng chẳng nghe đến nhiều, nhưng chị thấy nó hợp với miệng mình, cả với cậu bé tí teo, hoàn hảo, nằm trong ánh nắng ban mai vàng rải trên chiếc giường trải rộng. Ánh nắng lấp lánh trên miệng chú bé và những sợi tóc tơ đầu tiên.

Giờ đây căn nhà như đượm hơi ấm, hiền dịu của đứa bé, nên người bố càng ngại ngùng hơn khi bước vào nhà. Anh hân hoan trong lòng, miệng ngân nga một mình, và nện chân trên con đường lát gạch dẫn đến nhà bếp, khiến những hòn đất bám vào đôi ủng long ra, khiến cây hoa vân anh cũng phải rùng mình. Sau đó anh ngạo nghễ đi vào, hoặc dường như là thế, thẳng đến chỗ đứa bé nằm trong nôi hay trên cánh tay bà mẹ, và nhìn thẳng vào mặt nó. Để cho xong chuyện. Đứa bé đáp lại cái nhìn chăm chăm của bố nhưng lại chẳng hé lộ chút nào bản thân qua đôi mắt hờ hợt, trong sáng ấy. Những cái liếc nhìn và những nét thể hiện của nó để dành cho mẹ nó. Cái cuống rốn còn chưa bị cắt đứt. Nó không thừa nhận mà chỉ chịu đựng người bố, hình như cảm thấy sự e dè ngại ngùng giữa tấm thân cứng rắn của người bố và tấm thân mềm mại, nhưng

cũng đầy quyền uy của chính nó. Nó nhìn người bố với vẻ ngạo mạn nghiêm nghị, thuyết phục hơn.

- Xem ra mọi thứ đều ổn cả, - người bố thường nói.

Đoạn anh quay lưng lại, vui sướng vì sự giải thoát này. Về sau - anh tự nhủ - anh sẽ chuyện trò với nó, và dạy nó làm mọi thứ. Hai bố con sẽ đi vào rừng, xách theo cái rìu hay khẩu súng, và sẽ có nhiều điều để trao đổi. Họ sẽ lau mồ hôi trên mặt, vốc nước lạnh lên uống rồi trở về vào buổi tối với xác con cáo mà cậu con trai đã bắn được. Không rõ liệu anh có truyền đạt nỗi cho con trai cái run rẩy của tâm hồn mình trước bờ vực của sự khám phá điều mới mẻ hay không. Mà liệu anh có muốn không. Có lẽ anh sẽ đâm nghi ngờ bộ mặt rắn rỏi, tò mò của đứa bé khỏe mạnh.

- Anh chẳng bao giờ đụng vào con cả, - người mẹ nói. - Em nghĩ anh chẳng yêu con chút nào, - vừa nói, chị vừa ẵm đứa bé, mà riêng một mình chị yêu cũng đủ rồi.

- Anh phải làm gì? - Anh hỏi và giơ hai bàn tay trống rỗng ra. - Anh có thể làm gì với một đứa bé được nào?

Đứa bé là một khái niệm trừu tượng, vẫn còn là một ý tưởng mà ta chưa có thời giờ để điều chỉnh lại cho khớp với những ý nghĩ và thói quen của ta.

- Anh có thể làm gì à? - Chị hỏi. - Hừm, anh có thể ăn nó!

Chị có thể làm được. Chị yêu nó bao nhiêu cũng không đủ được, thậm chí kể cả bằng những cái hôn từ từ, ngẫu nhiên. Thịnh

thoảng cặp mắt ướt của chị hầu như khao khát muốn có nó trở lại trong bụng mình.

- Anh thì anh sẽ đặt nó xuống, - người bố nói. - Cứ vậy nó mãi không tốt cho sức khỏe nó đâu.

- Anh thì biết gì? - Người mẹ nói. - Nó ở bên em là an toàn rồi.

Nhưng “an toàn” là một từ lạc quan. Đôi bàn tay chị sẽ rút khỏi đứa bé chị vừa đặt nó ngủ, và tương lai đang lớn lên từng ngày trong căn nhà, làm xáo trộn hiện tại. Chị trở nên bất lực.

Người bố và người mẹ thỉnh thoảng ngắm con ngủ, và bằng cách đó họ lại gắn bó với nhau, nhưng khi nó tỉnh, sự gắn bó đó không còn. Thoát khỏi cuộc đời thứ ba ám ảnh này mà họ hình như tạo nên, những cuộc đời mà họ đã sống và hiểu trở nên đơn sơ như tấm bìa. Sự âu yếm không khó bằng tình yêu. Nhưng đứa bé đang ngủ, cựa quậy đầu, bố mẹ lại bị một nỗi sợ hãi mơ hồ ám ảnh, đối với mẹ thì sợ không biết có chống chọi nổi bão tố của tình yêu không, còn người bố thì sợ sẽ mãi mãi là một người xa lạ với đứa con trai.

Đồng hồ tích tắc trong nhà bếp. Đó là một cái đồng hồ xấu xí, bằng đá cẩm thạch màu sẫm, mà ban đầu họ rất tự hào. Đứa bé lớn lên, rắn rỏi và hào nhoáng, nó thường đòi bế bổng lên ngang chiếc đồng hồ để nhìn nó chạy. Rồi nó ép đôi môi đỏ vào tấm kính và như uống cạn những phút giây, khiến trong chốc lát sự xấu xí được nuốt trôi và mặt kính đồng hồ bị mờ đi, trước đôi má rạn rở ánh vàng của đứa bé. Một hôm vào lúc nó đã biết chạy vững và trở thành một

tai họa, cái đồng hồ chết vĩnh viễn, và chính vào khoảng thời gian này, Amy Parker có đứa con thứ hai.

Lần này khó khăn hơn. Việc gì sẽ xảy ra nếu như mình không mẹ tròn con vuông? Chị tự nhủ, nhớ lại những đứa con mà chị đã sảy, rồi co rúm người lại một cách tuyệt vọng, không một chút tin tưởng. Có những hôm chị kiệt sức, người vàng vọt gớm guốc, cứ như những mong cho đứa bé ra đời, và thấy một sự thương cảm thể hiện nơi miệng chồng mình khi anh áp cái hôn lên gáy chị.

- Không lý nào lại có gì trục trặc đâu. - Anh nói. - Em đã sinh được con trai rồi còn gì.

Trước đây anh cũng nói những lời đó, nên nghe thấy thế, chị chỉ nhoẻn miệng cười gượng gạo. Chị thường lôi những công việc lật vặt tẻ nhạt vào trong lòng, hoặc ngồi áp má mình vào má con, hằn in chút hơi ấm vào da thịt mình. Chị thường đợi cho chồng ra khỏi phòng, vì những lúc này nhất thời anh trở nên dễ ghét. Chị thù ghét những đường gân trên cánh tay lực lưỡng của anh.

Khi chị lắng sâu vào những ưu tư của mình, Stan Parker gần gũi với đứa bé hơn. Anh thường đánh bạo chạm vào nó thường xuyên hơn, và đôi lần đã nhìn sâu vào mắt nó, như tìm kiếm một vùng đất nào đó mà anh có thể nhận ra. Nhưng gương mặt trong sáng của nó cười vang, và rồi nó hét lên, ngộ nguậy khoái chí khi đụng vào chòm râu tua tủa trên cằm của ông bố. Dần dà người bố quen với đứa bé, thậm chí còn quên cả sự có mặt của nó khi nó ngồi chơi với những hộp sắt tây, hay hòn đá, hoặc những bãi phân bò đen khô cứng. Đứa bé mỗi ngày một bản thủ hơn vì xa mẹ. Nếu có ai đến trang trại, mà là kiểu người ưa bình phẩm, họ thường nói: “Thằng bé nom

nhếch nhác quá!” Nhưng thằng bé hài lòng và vẫn khỏe mạnh. Lúc nào thấy mệt, nó lăn ra ngủ. Có lần ông bố tìm thấy nó trong thùng rơm và lôi nó ra như lôi một con mèo ấm hơi và hãy còn ngủ rũ, bụi rơm vàng rơi lả tả.

Chẳng bao lâu cái sau khi đồng hồ xấu xí trong nhà bếp ngừng chạy, và Amy Parker sinh đứa con thứ hai. Họ vời bác sĩ từ Bangalay đến. Lần này chị ốm. Nhưng cuối cùng chị thấy rằng mọi thứ vẫn đâu vào đấy, rồi chị ngồi dậy, và ẵm đứa con mới sinh đi lại trong bộ quần áo kỳ lạ, một đứa con gái hay quấy, bọc trong cái khăn quấn mà chị hàng xóm Doll Quigley đã đan cho thằng bé.

Mọi người lại đến nhân dịp sinh đứa bé, uống trà, la ó ầm ĩ và nói về bản thân mình, rồi ra về. Nhưng Doll Quigley và cậu em trai Bub chỉ đến và đứng nhìn. Họ giống như bàn ghế, hay đúng hơn là những cái gióng cửa, cái khung gỗ dài ngoằng. Đôi lúc Doll bồng đứa bé, những nếp gấp trên chiếc khăn quấn rủ xuống khỏi cánh tay dài ngoằng của chị ta như những nếp uốn lượn dài của gỗ chạm trổ, như thể chị ta không ẵm đứa bé theo bản năng, mà theo mẫu của một nhà điêu khắc lương thiện nào đó.

Amy Parker vội ôm lấy đứa bé và kêu lên: “Ôi chao, Doll, cô vụng ơì là vụng!” Và vội cuốn lại khăn theo kiểu yêu thích của chị.

- Đúng đấy, tôi vụng lắm, - Doll Quigley nói. - Trước đây tôi cũng vụng lắm, mẹ tôi vẫn thường bảo vậy. - Rồi xoa hai bàn tay vào nhau, phát ra tiếng thô như gỗ.

Chị em nhà Quigley dường như tương phản giữa tình yêu và cái nóng nực mùa hè mà giờ đây Amy Parker cảm thấy, bản thân chị

trông cũng tròn trặn và ấm áp khi bé đưa bé trên tay, nó ngả đầu vào váy chị. Cuối cùng chị cũng như con suối hiền miền. Không ngừng chảy. Bộ ngực to đầy đặn của chị trở nên ngạo mạn trong niềm thỏa mãn. Chị vất vả lắm mới có thể ngược lên nhìn những hình thù của Doll và Bub.

Song Doll Quigley tràn đầy tình yêu. Chị ta sẵn sàng chịu đựng nếu được yêu cầu. Nhưng chẳng ai yêu cầu.

Thế là chị ta cầm chổi đưa những nhát dài quét rác rưởi và bụi bặm quanh chân Amy Parker, khiến chị nhú mày vì thấy hành động đó quá khiêm nhường.

- Không sao đâu, Doll, - chị nói. - Cứ để đấy. Tôi cũng biết là mình bê trễ quá, nhưng rồi sẽ đâu vào đấy thôi.

Chị nhú mày và đưa mắt qua cửa, nhìn chỗ bóng râm của cây tiêu nơi Bub Quigley đang chạy chơi với con trai chị. Lúc này sự xuềnh xoàng của Bub nom gớm ghiếc, mái tóc chưa mọc ra hàng ra lồi trên bộ mặt xanh nhợt, cái mồm lệch pha với lời nói. Giờ đây Amy Parker không biết mình vừa thoát khỏi điều gì, nhưng chị biết đang tồn tại cái gì đó, mà chị ghét cay ghét đắng.

- Này, - Bub nói, - đây là cái lá. Nhìn thấy chưa? Nhưng là lá trơ xương. Mà, có thể nhìn xuyên qua được. Nó như bộ khung xương con cừu, hay con bò, có điều đây là cái lá. Chị tao bảo nó làm bằng đấng ten. Một cái lá đấng ten. Từ một cái cây đấng ten.

Chú bé giơ cái lá lên trước mắt. Chú thật là đẹp.

Bub Quigley thấy thế, cười vang.



- Cháu muốn chiếc lá, - chú bé nói.

- Không được, - Bub nói. - Đó là lá của tao. Thứ tao thích nhất đấy.

- Ray, - người mẹ gọi, - giả cái lá đi và vào nhà ngay.

- Cửa cháu cơ, - chú bé nói, khóc òa và nhảy cẫng lên. - Cửa cháu. Cửa cháu.

Nó hờn dỗi âm ỉ như một cơn bão.

- Chúng mình sẽ kiếm chiếc lá khác, Bub, - người chị nói. Chị hiểu rằng trên đời này chẳng có vật gì quan trọng cả.

- Nhưng đây là cái lá tuyệt nhất, - cậu em nói.

Cái lá đó là tác phẩm huyền bí, kỳ lạ nhất cậu ta giữ trong quyển sách của người ông mà không ai đọc cả. Cậu ta không thể từ bỏ cái lá đó. Những vòng tròn của sự huyền bí, của cái đẹp và sự bất công lan tỏa khắp người cậu, khiến cho mặt cậu méo xệch. Cậu ta rên rỉ.

- Ôi giờ ời! - Amy Parker kêu lên.

Chị chạy ra đánh con mình, không phải là trừng phạt nó, mà là vì kinh tởm chị em Quigley, thằng bé bắt đầu rống lên khóc và quăng cái lá xuống đất.

- Kia kìa, Bub, - Doll nói.

- Nó rách rồi, - cậu ta méo máo. - Rách bươm ra rồi. Chẳng dùng được nữa.

Cậu ta lê bước bỏ đi, giống như cái ô bị ai giẫm nát.

Nhưng Doll Quigley chỉ mỉm cười, bởi vì chị ta chẳng làm gì khác được.

- Xin lỗi, Doll, - Amy Parker thì thào, dấu làm thế có vẻ ngớ ngẩn, và cả câu chuyện âm ỉ ấy nữa, mà chị biết nói gì được. - Cháu nó mệt và quấy lắm. Mới lại tôi phải cho cháu bú, chị thứ lỗi nhé!

Tổng khứ chị em nhà Quigley ra khỏi sân, chị biết rằng mọi chuyện sẽ kết thúc nhanh chóng và mình đúng là bà chủ.

Chẳng mấy chốc chị lại một mình bên các con, và ngay cả chồng chị cũng không thể phủ nhận chủ quyền của chị. Trong khi cho con bú, chị đã quên chồng mình đang quanh quẩn ngoài nhà với những thứ cần làm. Công việc của anh là tránh xa khi đứa bé đang bú và thằng con trai bắt đầu ngủ gà ngủ gật trên giường. Nếu ông bố có vào nhà vào thời điểm này, mà cũng may là anh không vào, chắc hẳn người mẹ đã nhướn vai xua anh đi, để che chở những cử chỉ thanh bình và thân thiết chỉ chị được ngắm nhìn, hoặc để che chở cho con chim run rẩy trong bụi thực quỳ. Dĩ nhiên chẳng ai công nhận những điều này. Người mẹ thường đi đến, vừa cười vừa đặt hai đứa con vào tay người cha, làm anh phải chấp nhận tình phụ tử mà anh vẫn còn e ngại. Chị có thể làm như thế vì những khi đó chị nhận thức được sức mạnh của mình. Mặc dù đôi lúc, đặc biệt vào buổi tối, khi các con đang ngủ và quần áo của chúng treo trên dây trong bếp, người vợ từ chỗ người mẹ ngồi đứng dậy vào trong phòng, bản khoăn không hiểu người bố, cũng là chồng chị, có còn nhận ra chị không. Rồi đến lượt anh cười nhạo trước sự ngần ngại. Thường anh làm ngơ sự chần chừ ngại đến gần của chị, bởi vì anh

mệt mỏi hay vì những đứa con đang ngủ, vốn cũng là thành quả của anh, và giờ anh thấy yên lòng trước ý nghĩ đó.

Nhưng thế mạnh gần như lúc nào cũng thuộc về chị. Nó tự tin chảy ra từ bộ ngực chị, và thân hình mỏng manh của đứa bé đón nhận lấy chút sức mạnh dịu hiền ấy, còn đứa con trai gọi mẹ trong giấc mơ đã được bàn tay chị vỗ về.

Có lần khi cho con bú, Amy Parker đang cởi cúc áo, còn thằng bé đang dụi đôi mắt mọng lên cho hết ngái ngủ lúc nó lăn lộn trên giường, thì có tiếng xe kêu lạo xạo, có người nào đó đến, và loáng một cái đã thấy chị O'Dowd.

- Ô, ra là chị đang ở với các cháu, - chị hàng xóm, về hơi câu nệ, cô ngoái vòng quanh, nói một đàng nhìn một nẻo.

- Hầu như suốt ngày tôi ở nhà với các cháu, mà tại sao lại không nhỉ? - Amy Parker nói, lúc này đã chỉnh trang áo xống.

- Ừ, sao lại không, - người bạn nói. - Nuôi con thì phải mất thời giờ, rõ ràng là thế, bản thân tôi cũng biết vậy, dù cho chỉ qua việc nuôi đàn lợn con và đàn bê non.

Amy Parker dẫn người bạn vào nhà, người mà bấy lâu nay chị không gặp, dẫn cho chị không biết tại sao.

- Cũng vì lý do này nọ, - chị O'Dowd nói, - bản thân cũng thấy mình có lỗi và sốt ruột muốn giải thích. - Anh ấy lại say bí tỉ. Thế rồi nhà bị đổ, bọn tôi phải dựng lại mất mấy tháng, có cải tiến thêm, và dán giấy lại cái buồng tốt nhất. Đủ đẹp để hưởng tuần trăng mật, ấy vậy mà tôi lại vớ phải cái gã nát rượu chết tiệt. Chị đến tham quan

đi. Có cả giấy dán tường in hoa hồng. Chị sẽ thấy. Mà chắc chị nhận ra là tôi vừa nhổ mấy cái răng. Một ông đi du lịch ghé qua nhà, tôi liền tranh thủ nhờ anh ta nhổ hộ. Nhổ hết, trừ một cái. Tôi không thể nào nhổ cả cái của nợ đó được. Không được, chừng nào cả đời tôi còn phụ thuộc vào nó. Chị ạ, nhẽ ra chị phải thấy cái cảnh máu me be bét ấy, mà cái anh chàng tội nghiệp đó phải chống một chân vào tường, lấy hết sức bình sinh như một con bò đực. Ôi, thật kinh khủng, - chị O'Dowd nói. - À, cháu trai đây hả. Trông nó khỏe mạnh lắm, chẳng mấy chốc lại làm được ồi việc. Còn đây là cháu gái.

Chị O'Dowd trước đây đã nhìn thấy thằng bé khi nó vừa mới cai sữa xong, lúc này chị cố giữ im lặng cho bé gái, nó đã lên qua người chị, có lẽ là vậy, không hiểu vì lý do gì, nhưng chắc có lẽ vì những cái răng.

- Nó nhỏ hơn cháu trai, - chị ta nói. - Mặc dù con gái thì phải nhỏ hơn thôi.

- Cháu ngoan lắm, - người mẹ nói, rồi lại quan sát kỹ gương mặt đứa bé.

- Mà nước da cũng không đẹp lắm. Chắc đấy là do khí trời nóng nực. Khi mùa thu đến, ai cũng có nước da đẹp hơn.

Amy Parker bắt đầu thấy khó chịu trước sự có mặt của một người bạn có thể biến con mình thành một đứa bé mảnh mai yếu đuối trước mặt chị.

- Chị ăn bánh nhé, uống trà nhé, chị O'Dowd? - Chị mời, vẫn tỏ ra lịch thiệp. - Cũng hơi cũ rồi, nhưng chị đến bất ngờ quá. Lâu lắm

rồi, nên tôi có hơi sợ suýt.

- Con cũng muốn ăn bánh, - thằng bé hồng hào kêu lên.

- Ừ, cháu sẽ được một miếng, - chị O'Dowd nói. - Và cả một cái hôn nữa.

Nhưng thằng bé bắt đầu nhìn chị ta, nhét cả miếng bánh vào mồm, sợ chị ta thay thế bằng những cái hôn. Nó nhìn mũ chị, có đính con bướm bằng đá sáng lóng lánh, rồi nhìn cái mặt dùm lại chỉ toàn lợi là lợi của chị.

Chị ta thấy lúng túng, thậm chí buồn bã.

- Bọn con trai không bao giờ thích chuyện hôn hít. Sau này thì có đấy, nhưng chỉ đến mức nào thôi. Thật buồn cười.

Một bó hoa hồng cô dâu to treo trên khung cửa sổ, chị ta nhìn thấy khi cặp mắt thằng bé buông tha chị. Đó là những bông hồng giấy lớn của các cô dâu thôn quê.

- Chính những cô gái khát tình mà lại làm bộ tịch và chối nguây nguẩy.

Trong lúc ấy thằng bé vẫn ngồi nhai tóp tép và nhìn, cho đến lúc người đàn bà béo ị ý thức được eo uột của mình.

- Cháu cứ ngồi mà nhìn cho đến Chủ nhật, cháu sẽ thấy gì, hả cậu con? - Cuối cùng chị ta nói.

Chị chẳng bao giờ lo sợ chuyện xấu xảy đến với mình, kể cả trong bóng tối, hay dè chừng thiên hạ. Chị cũng nhớ lại một đám

tang mà chị thấy từ cửa sổ tầng trên khi đang chùi sạch bọt xà phòng trên cánh tay. Có một cô gái tên là Beatrice, cùng cảnh ngộ với chị, bèn nấn lại mũ cho cho ngay ngắn và pha trò về một người đàn ông chết như những bông hoa hồng quý giá tàn lụi dưới cơn mưa dầm.

- Hả? - Chị hỏi. - Cháu nhìn thấy gì nào?

- Thế mấy cái răng bác để làm gì? - Thằng bé hỏi, mặt ngờ ngác đầy vụn bánh.

- Ồ, bác bỏ vào một hộp sắt tây, - chị ta nói và thở dài, - Giữ đấy, đến một ngày nào đó bác sẽ buộc chúng vào một sợi dây bạc, đeo cùng với bộ quần áo đẹp nhất của bác vào những dịp đặc biệt.

Thằng bé giấu mặt vào lòng mẹ, vì nó không biết người ta có cần đến mình nữa hay không?

- Thôi, chạy chơi đi con, - người mẹ nói, - chơi gì cũng được. Luẩn quẩn ở đây làm gì. Chơi bên ngoài tốt hơn.

Thằng bé miễn cưỡng bỏ đi, đôi mắt vẫn còn đăm chiêu về những ý niệm thoáng qua về cuộc đời mà nó vừa được tiết lộ.

Sau đó, Amy Parker ngồi xuống hàn huyên với bà bạn, uống cạn ấm trà, cạn cả mối tình thâm. Bà bạn lần lượt làm cho chị cảm thấy thỏa mãn, lo âu, khinh khỉnh, tha thứ, kẻ cả, ngốc nghếch, trong trắng, đạo đức giả, cười khúc khích, chán ngấy, hồi hộp, chiếm hữu, thậm chí tàn bạo; song tất cả những giai đoạn này đều là hiện thân của con người thật của chị, con người đã yêu những cuộc sống mà họ cùng chia sẻ trên con đường lún vệt bánh xe, nằm giữa hai hàng

cây xơ xác. Hai người đàn bà ngồi, mũi lấm tấm mồ hôi do nói nhiều hoặc do nước trà, trước tiên rịn ra từ lỗ chân lông của họ, sau đó chỗ nào cũng như vậy. Dĩ nhiên, phải đúng lúc. Hoặc ta quay lưng vĩnh viễn với những ai đã chứng kiến tuổi trẻ của ta, hoặc ta sẽ công nhận sự trần trụi của nó, và thậm chí sự hổ nhục cũng có nỗi buồn man mác ngọt ngào. Vậy là hai người đàn bà lại nhớ đến hôm đánh xe ngựa đến Wullunya trong cơn mưa, và người đàn bà béo tốt chăm sóc người kia vào cái đêm chị bị sẩy đứa con đầu tiên, cái đêm con bò Julia chết.

- Chắc, chắc, - chị O'Dowd thở dài qua cái miệng móm mém khi đã kể hết mọi thứ. - Tôi chẳng bao giờ nghĩ rằng chị lại thích nuôi con, chị Parker ạ.

- Có dự định cả, chị ạ, - người mẹ thì thầm.

Vì chị không biết nói gì, câu trả lời của chị mang lại một niềm tin dứt khoát có thể gây tổn thương, mà đã gây rồi thì phải.

- Vậy dự định ấy của ai, - chị O'Dowd nói, - rất lâu rồi không con cái gì. Rồi dùng một cái hai đứa con. Chà, xin chúc may mắn, Chúa ban phúc lành cho các cháu.

Sau khi chúc phúc lần cuối, chị ta đứng dậy, ào ào nói gì đó, vụn bánh rơi lả tả khỏi áo.

Nếu Amy Parker cứ tiếp tục ngồi, chẳng qua vì cây hồng lâu năm đã bắt rễ và trơ trơ ra đó. Những bông hồng to màu trắng sữa gặt gù trên khung cửa sổ. Chị bắt rễ sâu vào quá khứ, như những bông hồng. Đó là sự cứu vớt của chị dù cho ai nói gì chẳng nữa, song chị

vẫn ngồi, nhúc nhích và gà gật ngủ, nhưng không thể vượt qua số phận, dù cho người bạn láng giềng vẫn đợi. Chị đã lớn lên đầy đặn và nhu mì từ trong quá khứ, thậm chí cô con gái bé nhỏ của chị cũng phải đợi những bông hồng, rồi trong lúc gật gù và động đậy, tâm trí chị lại bện xoắn, quanh co suốt đêm trắng, những bông hồng hé miệng nửa như nói, nửa như mơ.

- Rõ ràng chị may mắn, không chối vào đâu được, - người bạn nói.

- Chỉ có cô bé đây là tôi thấy lo lo, nếu như nó là con tôi, mà thực tế là không phải.

- Cháu bé chẳng làm sao cả, - Amy Parker trả lời, đứng bật dậy khỏi ghế. - Chẳng làm sao cả. Tôi đã nói chị hay rồi còn gì.

- Chẳng việc gì đâu, - chị O'Dowd nói, - nhưng nó xanh xao.

- Sao chị biết, chị O'Dowd? - Amy Parker hỏi. Giọng chị nghẹn lại.

- Dĩ nhiên, tôi chẳng biết gì, nhưng có những lúc những người tưởng như chẳng biết gì mà hóa ra lại biết.

Hai người ra đến cửa, chẳng mấy chốc đã bước trên con đường bao năm nay đã chứng kiến tình bạn của họ. Có mùi hoa hương thảo khi họ đi qua, và mùi cỏ bị giẫm nát phảng phất mùi mèo, tất cả đè nặng lên ngực.

- Nói chuyện với chị thú vị lắm, - Amy Parker nói.



- Tôi chỉ nói chuyện tào lao ấy mà.

- Tưởng như tào lao, mà không phải vậy.

- Một cậu con trai khá khinh. Nhưng con trai chúng độc lập lắm. Ban đầu nó thuộc về mình. Quay ngoắt chỗ khác. Nó đã bỏ đi rồi.

Amy Parker cong môi. Khắp nhà chị là những đứa trẻ chị đã sinh ra, còn người đàn bà béo tốt, đôi lúc chị yêu quý, lại là một kẻ rỗng tuếch, lố bịch.

- Bọn con trai, - chị O'Dowd vừa nói, vừa mở cái cổng nhỏ, - chúng sẽ thành người lớn, và ưu điểm duy nhất của chúng là chúng quả thật cần thiết.

Nói xong chị ta đẩy cái cổng cứng nhắc ra.

- Một hôm nào đó tôi sẽ đến thăm chị, - Amy Parker nói, giờ có thể tỏ ra tử tế, - dấu cho chị có nói gì chẳng nữa.

- Đúng, chị ạ, chúng ta sẽ nói chuyện, - người bạn láng giềng nói.

Chị ta tháo xích buộc bánh xe ra.

- Chẳng có gì làm tôi vui thú, - chị nói, - bằng nói chuyện với bạn bè về những chủ đề thú vị.

Không ai khác chê bai gì về sức khỏe của con cái nhà Parker, mà nếu có tìm thấy khuyết tật gì, vì lịch sự họ chẳng bao giờ nói ra. Người mẹ nuôi lũ con, lúc đầu còn bằng sự ngập ngừng và theo sách vở, rồi bằng sự ngạo mạn không thể sai sót bởi kinh nghiệm

dần tích lũy. Chẳng mấy chốc, không còn lời dạy nào lọt tai chị nữa. Thật ra chị đã trở thành nhà thông thái, ban phát lời khuyên trong những giây phút ngẫu hứng, khiến những cô gái trẻ hơn, rụt rè hơn phải hàm ơn, nhưng những bà nhiều tuổi hơn đón nhận với những nụ cười mỉm chua chát.

Amy Parker không nhụt chí, giờ chị đã gây dựng được một gia đình.

Nếu như việc làm lễ thánh cho đứa con thứ hai có bị chậm trễ thì chẳng qua cũng vì đứa bé có dấu hiệu thể trạng yếu vào những tháng đầu, mặc cho người mẹ phủ nhận. Nhưng cuối cùng hai vợ chồng cũng quen dần với nỗi sợ hãi, và đã thu xếp với ông Purbrick đưa đứa bé xanh xao đến nhà thờ đơn sơ quét vôi màu nâu, trên chiếc xe độc mã mà anh mua của một chị vợ góa anh chủ hiệu bánh mì ở Bangalay. Cả nhà ngồi tựa sát vào nhau trên chiếc xe còn khá lịch sự, diện quần áo thơm mát, màu sắc quá tối so với cái nóng ngày hôm đó. Người mẹ ôm chặt đứa bé vào lòng, trong cái khăn quấn đẹp nhất, lấy chiếc găng tay xua ruồi. Đôi bàn tay rắn chắc, to lớn của người bố nắm dây cương một cách thành thạo nhẹ nhàng, vui vẻ đánh xe như thể hôm đó anh đang đóng vai một con cá to tướng và ham vui, khi anh huyết sáo qua đôi môi khô nẻ do ánh mặt trời. Còn thằng bé phồng đôi má đỏ ra và cứ thổi phù phù, cho đến khi mẹ nó phải bảo nó im đi.

- Con làm mẹ nhức óc lắm, - chị nói.

- Tại sao ạ? - Nó hỏi, giọng hờn dỗi sắp khóc.

- Bởi vì, - chị uể oải trả lời, cúi xuống tìm kiếm khuôn mặt đang ngủ của đứa bé như sáp ong, chỉ hơi cựa quậy bên dưới con ruồi đập cánh vo ve.

- Này, - người bố giảng hòa bằng một giọng thân ái, khỏe khoắn. Hai con bê sinh đôi nhà Peabody kìa. Chúng ta sắp đến đó rồi. Không rõ ông già Purbrick đã hết nói liều chưa?

- Thế nào cơ bố? - Thành bé hỏi.

- Bố nói thật vớ vẩn, - người mẹ nói. - Bố định nói ông già Purbrick lúc nào nói cũng không rõ. Cái gì thế kia? - Đột nhiên chị hỏi. - Con làm sao mà xước đầu gối thế, Ray?

- Con có làm gì đâu, - nó trả lời.

- Nhưng sờ sờ kia kìa, một mảng tương còn gì nữa. Mẹ đã cấm con nói dối. Hoặc nghịch dao.

- Người ta đưa con đấy.

- Người ta nào? Ai? - Chị hỏi.

- Bố đấy.

- Nhưng con không được phép nghịch dao!

Chị siết chặt đứa bé hơn trong chiếc khăn quấn, như để che chở nó khỏi cuộc đời.

- Con trai đứa nào cũng phải thế, - người bố nói.

Hôm nay anh lười không buồn cãi, chống cự hay phản đối gì. Mắt anh nheo lại trong nắng, biết rằng mình sở hữu con ngựa và chiếc xe, thậm chí cả người đàn bà và hai đứa con bên cạnh. Họ đã cùng nhau có hầu như tất cả mọi thứ. Giây phút sấm chớp khiến họ chia cách đã rất xa xôi rồi.

- Đến nhà thờ rồi, - anh nói.

Mấy con bồ câu gật gù trên mái nhà làm tôn thêm cảnh thanh bình của ngày hôm đó, và người mẹ bắt đầu cảm thấy nửa buồn, nửa vui. Nhà thờ đã khiến chị xúc động như thế đấy.

- Em hy vọng con sẽ không làm sao, - chị thì thầm, nước mắt lưng tròng.

Sau đó chị chuẩn bị nụ cười chào đón cha xứ già, những nếp nhăn trên mặt ông co vào giãn ra chuẩn bị cho những lời nói thần thánh, và cả để chào đón những cha mẹ đỡ đầu đang đứng túm tụm, phân vân không biết, ngay lúc đó và về sau, họ cần phải làm gì. Liệu họ từ nay về sau cứ phải cho lời khuyên, hay tệ hơn, cho tiền, cho ai đó mà họ không quen biết? Hoặc, nếu cẩn thận ra, họ sẽ âm thầm bị lãng quên chẳng? Bản thân ông bố bà mẹ cũng không chắc tại sao những người này lại được lựa chọn. Song dù sao vẫn phải có người. Vì thế ta thấy ở đây Ossie Peabody, đội cái mũ bị anh ta làm méo mó thành hình thù kỳ dị nhất trần đời, cùng bà Gage và chị Firth nào đấy, là một kiểu phụ nữ không ai có thể chê trách vào đâu được.

Nhà thờ có mùi một chiếc hộp gỗ bị đóng kín mít, lẫn mùi phân chim, nhưng những lời nói bên trong lại đơn giản lạ kỳ, buông rơi

giữa những chiếc gối quỳ và tỏa sáng những tia sáng thạch anh tím cùng ruby qua một, hai ô cửa kính màu mà những nhà giàu đã quyên tặng và kể lại một cách sống sượng những câu chuyện chúng buộc phải nói ra.

Đám người đứng làm lễ rửa tội cho đứa bé dưới một cửa sổ như vậy. Cô bé sẽ được gọi là Thelma, cái tên mà người mẹ nhìn thấy lần đầu trên báo, tên con gái thừa kế một phú nông. Người bố thoát tiên thấy ngờ vực, nhưng cuối cùng đã bị thuyết phục trước sự im lặng của vợ. Dẫu sao anh cũng không quan tâm mấy đến tên. Vì vậy bé gái đã trở thành Thelma. Người mẹ nhắm lại cái tên ấy, lấp đầy nó trong miệng mình như một thứ mứt quả, chỉ có điều cái từ đấy có một cái gì đó phong phú hơn, hiếm có hơn, khó đạt tới hơn.

Khi vị cha xứ già đọc cái tên Thelma Parker nghe thánh thót như dòng nước mát, thằng bé, anh trai nó, mỉm cười như chú đã nhận ra trong mớ từ ngữ khó hiểu kia một điều gì đó. Cái tên đang mất vẻ huyền bí, và đến một lúc nào đấy sẽ trở nên gần gũi và bình dị để khắc trên cây.

Dĩ nhiên đứa bé khóc, còn người mẹ tự hào và xúc động, cái khăn quăn chạm vào người khiến chị ngứa ngáy.

Stan Parker, người bố, đang cố lấy lại ý thức sở hữu mà anh đã thể nghiệm trên đường đến nhà thờ, nhưng giờ khi con gái đã mang họ của anh, thì anh lại cảm thấy phân vân. Anh cũng không dám chắc về cả đôi ủng của mình khi lắng nghe những nghi thức lạ lẫm nối đuôi nhau tuôn ra từ bộ ria của vị cha xứ già. Cho nên Stan Parker cảm thấy sự căng thẳng quanh mình. Trong tâm trí, anh tách xa khỏi nhóm người làm lễ rửa tội một chút. Chẳng mấy chốc anh

bước thẳng ra khỏi ranh giới của cái nhà thờ thô bạo, không chút thẹn thùng trước sự trần trụi bất ngờ đổ ụp lên người anh. Cùng lúc với sự trần trụi dễ chịu này, những tràng giang ngôn từ, những hình hài máu thịt, đang trở thành thứ yếu so với ánh sáng của sự hiểu biết. Anh ngẩng mặt lên để đón nhận món quà mà anh chưa tỏ tường.

Rồi nước rơi tí tách, không những xuống mặt đứa bé, mà còn vào cả người anh khiến anh thấy xấu hổ. Anh bắt đầu thấy lo về khoản tiền phải trả cho cha xứ, anh ho và anh cảm thấy lúng túng. Anh to lớn quá cỡ, bàn tay lấm bùn vì lao động chân tay thật đáng hổ thẹn.

- Cái gì? - Anh thì thầm đầy tội lỗi. Vì vợ anh đang nói.

- Con bé ngoan quá, - chị nhắc lại đầy thỏa mãn, như thể chính là chị chứ không phải đứa bé, rồi chị chỉnh lại chiếc khăn.

Bàn tay cha xứ già chạm vào mát rượi, mỏng tang, không chề vào đâu được như khi ông ban lời khuyên và cố gắng pha trò, tuy không hoàn toàn thành công. Vì bản chất của ông vốn không phải là một cha xứ vui tính, dẫu cho ông cảm thấy lẽ ra mình phải thế.

- Cô bé sẽ trở thành một cô gái khỏe mạnh, nở nang đầy, và sẽ mắc lỗi ngay khi bắt đầu học sách giáo lý. Có đúng không? - Ông Purbrick nói.

Nhưng ông ta không thuyết phục nổi mình. Ông thấy sung sướng nhất khi ngắm chim muông trong cảnh tĩnh mịch của khu vườn.

Thằng bé chạy lằng xằng dọc theo lối đi giữa hai hàng ghế ngay khi buổi lễ chấm dứt, rồi nó đứng lên mấy chiếc gối quỳ trong khi người lớn mãi nói chuyện, nhìn ngược sách kinh rồi bỗng khóc rống lên.

- Làm sao thế cháu, Ray? - Bà Firth tốt bụng hỏi, chìa tay về phía nó.

Nhưng thằng bé tiếp tục rống lên.

- Ô, cháu không chịu nói, thì các bác biết làm sao bây giờ.

Nhưng thằng bé vẫn khóc, bước thẳng đơ trên đôi chân xây xát, hậu quả của một tai nạn vừa xảy ra.

Chẳng mấy chốc nhóm người rời khỏi nhà thờ, còn lại cha xứ già đứng trên bậc thềm, ông mỉm cười, để tiễn đưa người trong xứ đạo thì ít, mà vì sắp trở lại với cảnh cô đơn thì nhiều. Trong giây phút chia ly, thu gọn lại trong ánh nắng hè vàng ruộm, mọi người, kể cả bầu đoàn thể tử nhà Parker, ai cũng cảm thấy hơi cô đơn. Những cây thông mới lớn xơ xác thách thức bản ngã tự khẳng định mình. Những nắm mồ mới chôn trong nghĩa địa nhà thờ chưa tôn được cảnh quan lên. Chúng quá gần với cái chết, thứ đương hiện tồn trong những vết thương chưa kịp lành của lớp đất sét vàng. Nhưng gia đình họ đã kéo nhau đi, qua những bình hoa đã héo, qua những vạt cỏ lòa xòa úa vàng, và chẳng mấy chốc mọi cảm giác kinh sợ, phấn chấn, bất hạnh hay hợm hĩnh bắt đầu thoát thai vào tiếng xe ngựa lăn lạo xạo, dễ chịu và trần tục.

Trên đường về nhà, và sau đó, những đứa trẻ hoàn toàn chiếm ưu thế. Thời thơ ấu của chúng kéo dài như thường lệ. Sự kéo dài ấy đôi lúc cũng tác động lên bố mẹ, khi họ leo lên ngọn đồi nóng bức hay ngồi nghe các con ngủ trong căn buồng khác vào những đêm dài lê thê. Nói chung những năm này yên bình, mặc cho những biểu hiện rõ rệt của sự phát triển. Người ta nhắc đến tương lai không vì tin tưởng mà theo đúng với ước lệ.

- Em muốn thăng Ray nhà mình phải làm chức gì đó trong chính phủ, hoặc là một nhà phẫu thuật nổi tiếng, hoặc đại loại như thế. Mặc trang phục thẫm màu. Và chúng mình sẽ đọc thấy tên nó trên báo chí, - người mẹ nói, giọng mơ màng.

Người bố cười vang, nhớ đến ngày xưa mẹ mình cũng không kiếm tởa được mình như thế nào. Anh cười và nói:

- Thế đàn bò thì sao?

- Chúng ta có thể bán chúng đi, - thằng bé nói, bấy giờ đã biết nghe lỏm đủ thứ. - Con rất ghét sữa ôi. Con muốn trở nên giàu có, giống như người nhà Armstrong, có cả ngựa và các thứ, và một đôi ủng màu vàng nữa.

Nói xong nó chạy băng qua sân, chấm dứt mọi mơ tưởng, vẫn chưa tin rằng chúng sẽ ứng nghiệm. Xung quanh nó ánh ban mai chan hòa, đá sỏi ấm áp và rắn chắc, những con gà mái đỏ mịn màng như tan chảy trong cát bụi. Chú sống vì những gì chú thấy và làm. Chú rút trong túi ra một cái súng cao su nhỏ mà một thằng bé lớn tuổi hơn chế ra, ngó quanh định bắn thì nghe bố gọi:



- Bố mà thấy con còn bán gà nữa, bố đánh đòn đấy.

Thế là nó bắt đầu vạch tên mình lên thân cây, để đôi tay khắc đậm ý chí mình vào một thứ gì đó. Nó còn bé mà đã khỏe mạnh lắm. Hơn hẳn đứa em gái mà nó vẫn thích quấy rầy. Cô em có nước da xanh xao ưu phiền, nhìn tổng hòa thật đối chọi với sự khỏe mạnh.

- Anh đi đi, để mặc em, - cô bé học nói, miệng tròn vo. - Bọn con giai các anh quậy lắm.

Con bé thích chơi những trò chơi gọn gàng với búp bê, lấy khăn tay làm khăn trải giường. Hai bàn tay nhỏ xinh, ươn ướt của nó vuốt phẳng khăn trải giường cho con búp bê, nó cúi khom người phía trên cái hộp đựng, làm bộ tóc thừa màu nhạt xõa xuống. Bộ tóc không quản như mẹ nó đã từng mong muốn. Màu vàng nhạt nhạt tỏa trên mái tóc thẳng của Thelma Parker, nhưng xem ra ít có niềm vui. Nó mệt mỏi, khiến mẹ lo lắng, đôi lúc nó ho. Sau này người ta chẩn đoán đó là bệnh hen.

- Con không được quấy rầy em, em yếu con ạ, - người mẹ nói.

- Tại sao?

Thằng bé không hiểu được điều đó. Nó hay lang thang một mình, ném đá ra xa, vục mặt xuống khe suối chảy, quan sát thú vật, nhưng không thấy say mê với quang cảnh. Nó không thể làm tới nơi tới chốn.

Đôi lúc nó đánh em để trả đũa những gì nó không hiểu. Cô em oan ức khóc rống lên.

- Em mách mẹ, - con bé gào lên.

Nhưng thỉnh thoảng, đặc biệt vào buổi tối, khi sự mệt mỏi và ánh nắng đã lắng lại, hai anh em liền quấn lấy nhau, hoặc quấn với mẹ, trong tình yêu thương triu mến, kể cho nhau những câu chuyện mà chúng tưởng tượng ra, và cuối cùng ngủ gà ngủ gật. Vào những lúc ấy, người mẹ cảm thấy vô cùng sung sướng. Giây phút gần gũi với con đã loại bỏ mọi thứ khác trên đời.

Vào thời kỳ này, Amy Parker khao khát tình yêu. Chị không yêu ngẫu nhiên được chồng mình, mặc dù chị luôn tự hứa vào những giây phút cao hứng rằng chị sẽ đạt được điều đó trong tương lai gần. Nhưng chị không thực hiện được. Anh lại lảng tránh chị. Chị biết rõ anh tận chân tơ kẽ tóc, qua nhiều cử chỉ ân cần, nhưng chính có lẽ sự ân cần đó đã đánh bại chị. Vì vậy chuyện đó phải để lại sau. Chị uể oải mỉm cười trong nhà bếp. Một ngày nào đó chị sẽ yêu chồng mình đầy đủ. Chị vừa nghĩ vừa lật vở hành lạo xạo.

Amy Parker ngày một đẩy ra, mà một số người sẽ cho là hơi thô. Hai bàn tay và lưng chị to bè. Với những người khác, lồng ngực căng tràn của chị biểu thị một niềm thỏa mãn, đặc biệt là với bọn trẻ, chúng thích gần bên chị, nghe chị nói, chạm vào người chị. Da chị đặc biệt mát mẻ, mịn màng, màu bánh mật, và êm ái dễ chịu. Song đôi lúc chị cũng hay gắt gỏng, thậm chí chanh chua, như thể vẫn còn mang thai đứa con gái mảnh mai và rầu rĩ, và chị có quyền ca cẩm và cáu gắt. Vào những lúc ấy, bộ tóc đen của chị xòa xuống thành những bím dài mà chị chẳng buồn vấn lên. Còn chồng chị thì bước khể, hay loanh quanh phía bên kia nhà. Vào những ngày đó, mặt anh dài thườn ra, nom rất nghiêm trang.

- Lại đây, Ray, - chị nói. - Con có yêu mẹ không?

Cứ như thằng bé sẽ trả lời, chứ không đá chân xuống đất.

- Thế Thelma yêu mẹ nhớ, - chị nói, vẫy đôi cánh tay lấp lánh nước, rồi lau khô bằng chiếc khăn.

Nhưng con bé vẫn tiếp tục thì thầm với con búp bê như không nghe thấy.

Người mẹ không thể ép được. Vào những buổi tối như thế, có những lúc chị ôm các con trong vòng tay êm ái, ấp ủ tình thương yêu chan chứa mà không thể nào lọt ra được, cũng có những lúc chị không đọc nổi ý nghĩ của các con, khi mặt chúng trơ ra như tấm ván, hứa hẹn sẽ mãi mãi phẳng lì và không gì lay chuyển nổi.

Chị bèn đi ra ngoài, nhìn dọc theo con đường, dọc theo bụi cát và hàng rào kẽm gai.

- Có chuyện gì thế, Amy? - Người chồng hỏi, thận trọng can thiệp vào những dịp như vậy.

- Chẳng có gì cả, - chị nói. - Ồ, chẳng có gì.

Chị vừa nói vừa nhú mày nhìn con đường trắng lóa.

- Mặt em xỉ ra thế, - anh nói, cười dò dẫm. - Chắc có chuyện gì không hay.

Câu nói ấy khiến thăm kịch của chị trở nên nhạt nhẽo và nực cười.

- Em đã bảo chẳng có gì mà.

Rồi chị cười vờ vĩnh, nghe vẫn hơi chua chát.

- Ồ, thật ngớ ngẩn, - chị thở dài. - Phải không, Blue?

Vừa lúc ấy con chó cái mon men đi lại phía chị.

- Tội nghiệp, - chị nói, lây lan nỗi thương hại bản thân sang cho con chó, rồi vỗ về nó khoan khoái vì được sẻ chia.

Những núm vú của con chó bị sưng, cái to cái nhỏ không đều, lại bị đàn con cào xước. Dù có bị cấu xé, nó vẫn khao khát tình yêu. Cái lưỡi đỏ của nó liếm liếm, cái mõm nó như thể muốn nuốt chửng lấy chị.

- Chúng nó không để mày yên phải không? - Người đàn bà nói, ngồi trên hàng hiên vuốt ve những núm vú rách nát.

Con chó cong lưng vẫy đuôi mừng. Chị cảm thấy thanh thản.

- Mày là con chó của ta, hả? - Chị nói. - Ngoan lắm. Đôi lúc không phải mong đợi câu trả lời mà lại hóa hay đấy.

Con chó cái lông xanh đã thay thế con chó lông đỏ chết cách đó mấy năm.

- Đây là con chó của em, - Amy Parker đã từng nói ngay thế về con chó cái lông xanh, - và nó sẽ có tên. Chứ không giống con chó lông đỏ xấu xí, chẳng mền em tí nào.

Chị nói vậy vì có bao giờ họ đặt tên cho con chó lông đỏ đâu, dẫu cho chị có ý định thế. Nó vẫn là Con Chó Ấy. Nhưng con chó cái lông xanh này chị đã vội vã gọi là con Blue.

Con chó cái quẩn quít và mền người. Hơi vụng về. Cứ lấy chân cào cào để gây chú ý, hoặc vẫy đuôi quật đồ các đồ vật, hoặc lăn người rồi đứng dậy giữ bụi, nước dãi chảy ra từ cái mồm thỏa mãn. Nó đẻ con đều đều, rồi nằm nghiêng xuống cho bú cho đến lúc nó mệt nhoài và gầy trơ xương. Vậy mà nó vẫn tìm kiếm tình yêu ở nơi khác. Đôi mắt chị nguôi đi khi vuốt ve bộ lông con chó.

- Con chó nom xấu lắm, mẹ ạ, - Ray nói.

- Không phải đâu, con ạ. - người mẹ trả lời, tay uể oải vuốt ve con chó. - Xấu với người này nhưng lại đẹp với người khác. Bố con có một con chó lông đỏ già, xấu chưa từng thấy, lại còn không thích mẹ nữa chứ, thế mà bố lại quý nó lắm. Mẹ nhớ cái đêm mẹ đến đấy. Ngày đó bố mẹ còn sống trong túp lều kia kìa.

Nhưng thằng bé không chú ý đến những suy nghĩ của mẹ, đôi mắt nó đang hướng về hiện tại.

- Mấy cái đầu vú nhăn nheo xấu quá, - nó nói.

Người mẹ không nghe thấy đứa bé nói. Chị nâng niu những suy nghĩ triu mến của mình.

Vì vậy chị không thể không yêu con chó mẩn đẽ, nhưng vụng về. Chị thích ôm trong tay những con chó con ngốc nghếch, ấm áp, lần lượt cho chúng bú từng vú một, để cho con còi nhắt đàn cũng được bú. Chị thường đến quỳ bên đàn chó trong cảnh tranh tối tranh sáng

của nhà kho. Làm như vậy, một mình bên con chó, chị cảm thấy mình trẻ lại. Không ai nhìn thấy chị, mà chị cũng đặc biệt không muốn họ nhìn thấy. Đó là cảm giác riêng tư chị nâng niu như khi chị áp con chó con vào má. Tóc chị xòa xuống gáy.

Rồi một hôm chị chạy vội vào nhà bếp vào giờ ăn tối và nói:

- Anh Stan, ba con chó con của Blue biến đâu rồi ấy.

Mọi người đều đứng ở đó. Miệng chị mấp máy đầy hoảng sợ.

- Chắc là lũ chuột rồi, - chồng chị nói.

- Chuột thì phải để lại cái gì chứ! - Bác Fritz vừa bước vào nói, tay cầm chiếc cốc vaj và cái đĩa. - Có để lại gì không?

- Không có dấu vết gì, - chị trả lời.

Chị thấy lạnh và tái mét. Chị nhớ đến những con chó con ấm áp, và lúc này chị không muốn ở bên những người trong gia đình, đang thảo luận chuyện gì đã xảy ra.

- Hay con mẹ nó ăn một vài con đấy, - thằng Ray nói, bắt đầu lấy đĩa ngoáy nát món thịt hầm.

- Chó con lớn rồi nó không ăn đâu, - người bố trả lời.

Con bé Thelma cất tiếng khóc. Nó chẳng bận tâm đến chó con mấy, mà người khác lại bận tâm, rồi khóc, thế thì nó khóc là đúng rồi.

- Chó con chết rồi, - nó khóc òa lên.

- Chắc có kẻ nào nẫng nó khỏi ổ vì thích chúng - thằng bé nói.

Nó vun khoai tây thành một hòn đảo và một eo đất, rồi dồn thứ nước màu nâu chảy qua, hôm nay nó không thích ăn.

- Ăn đi chứ con, - mẹ nó bảo, trải khăn ăn với vẻ hung bạo.

- Dẫu sao con mẹ nó có quá nhiều con, - thằng bé nói. - Nó còn những năm con. Tám con nhiều quá, phải không bố?

- Mẹ bảo con ăn đi cơ mà, - người bố nói.

- Con không ăn đâu! Con không muốn ăn, - thằng bé thét lên.

Nó nhảy phắt lên. Nó ghét bố mẹ và cái bàn ăn. Bát đĩa và cả cái đĩa thịt hầm màu nâu nhão nhoét đều chống lại nó.

- Thịt ôi lắm! - Nó kêu lên.

Rồi chạy mất.

Ông bố làm bằm, vì trước mắt anh không biết làm gì. Còn đối với người mẹ, rõ ràng lúc này chị không thể làm gì được. Nỗi khổ riêng choán lấy chị, vài cuộc xích mích trong nhà bếp, cái bàn bừa bộn, và những cái đĩa trắng dày cộm không liên can đến việc này. Chị buồn vì thương chính mình, số phận của những con chó con đã trở thành một phần thân thiết của cuộc đời chị. Bất giác chị quay đầu lại, đau khổ, khi chợt nghĩ cái cổ của những con chó con có thể đã bị vặn ngược.

- Ô, bàn mãi chuyện đó cũng chẳng đi đến đâu, - Stan Parker nói, đẩy cái đĩa ra sau.

Nhưng anh nghĩ về đứa con trai, anh biết về nó ít quá, và tự hỏi chừng nào hai bố con anh sẽ thừa nhận điều đó. Nó hãy còn bé, và hai bố con vẫn hôn nhau và tỏ ra thân mật gần gũi, dù họ không thể hiểu được nhau. Thằng bé cố kể chuyện cho bố nghe, nhưng không sao kể nổi, mà chỉ đứng ngược nhìn anh, lời lẽ lộn đi đâu mất. Có lần anh lấy một thanh sắt to gần bằng người anh và đập vỡ khung cửa kính, rồi đứng thờ hồng hộc, run cầm cập trong đám mảnh kính vụn bắn tung tóe.

- Có bánh pudding đấy, anh ạ, - chị nói.

Nhưng hôm nay Stan Parker không thích ăn bánh pudding. Anh tin rằng giữa thằng bé và sự mất tích của mấy con chó con có liên quan đến nhau.

Đôi mắt của vợ anh đã tinh tường hết rồi. Trong cảnh nóng nực, hai vợ chồng chia nhau cái lạnh lẽo này, vì vậy tốt hơn họ cứ tách biệt nhau ra.

Chỉ vào buổi tối, bóng tối và những bức tường mới buộc họ phải ở bên nhau. Họ nói những chuyện tế nhị, tầm phào. Hoặc anh chong đèn đọc báo. Hoặc họ nghe tiếng ếch nhái quanh nhà, tưởng tượng như có nước. Nhưng lúc đó là mùa khô hạn.

Có lần cậu bé mê sảng gọi mẹ và Amy Parker đã bước vào.

- Sao thế con, Ray? - Chị hỏi và cúi người xuống.

Trong ánh đèn dầu, nước da nâu của chị ngả màu vàng. Thân hình chị phát triển cân đối, trông vừa đường bệ, vừa nhân ái.



- Gì thế con? - Chị nói.

- Con mơ thấy mấy con chó con.

- Thế thì con hãy nằm mơ về những cái khác đi, - chị khuyên con, tựa như mình nắm được mọi bí mật và có thể xảo diệu bỏ qua những mưu mẹo.

Nghe thấy thế, thằng bé nằm ngoảnh đi chỗ khác.

Nếu mình có khả năng ấy, - chị tự nhủ, đôi mắt hừng hực nhìn xoáy vào đầu đứa con đang ngủ, - thì mình phải làm gì nhỉ. Và liệu chuyện này sẽ còn là vấn đề quan trọng không, mặc dù hiện nay nó là thế?

Câu chuyện về những con chó con phai nhạt dần, và dường như hầu hết mọi người trong nhà Parker, nếu không phải là tất cả, đều đã quên.

Có một vài lần, con bé Thelma hỏi:

- Chúng ta sẽ không bao giờ biết chuyện xảy ra với mấy con chó con hả mẹ?

- Sao con cứ muốn gợi lại chuyện đó? - Người mẹ nói.

Chị nhíu mày. Chị không yêu đứa con gái bằng con trai, dẫu cho chị cố làm điều ngược lại và chị đã khổ công hết sức vì con gái. Thelma vẫn cứ mỏng manh. Linh hồn nó cũng mỏng manh.

Có lần người mẹ đang đứng cùng cô con gái nhỏ bên cổng, trong ánh chói chang của ngày hè, hàng cây ủ rũ vì khô cạn và

nhếch nhác bụi bặm, thì có người cưỡi ngựa đến, bóng người che mắt chị. Con ngựa tiến lên với vẻ uể oải của một con vật nuôi làm cảnh, nó lúc lắc cái đầu, hất chùm lông trán che mắt và thở phì phì từ hai lỗ mũi trần trụi, nom không có vẻ sợ sệt, hay hỗn xược, mà rất đáng yêu. Đó là một con ngựa đẹp. Thân mình đen nhánh lấp loáng mồ hôi, nó tiếp tục tiến lên phía trước, đến lúc nhìn rõ mặt người cưỡi, đó là một người đàn bà mặc bộ đồ cưỡi ngựa, bệ vệ không kém vật của mình. Người đó ngồi, chân hếch lên hai bên đầu mũi yên ngựa, uể oải dung đưa hết như con ngựa lắc lư và trầm ngâm.

Người đàn bà mặc đồ đen trên lưng con ngựa ô tiến lại dưới những hàng cây trắng. Bụi đường dầu đang trải ra dưới chân ngựa nhưng không thể bốc lên tận giày cưỡi ngựa vì người đó ngồi rất cao, và trôi nổi trong biển bụi, cô ta nom thần thánh và xa vời.

- Bà ấy trông đẹp quá, mẹ nhỉ? - Cô bé nói, miệng uốn éo.

Nó hy vọng mình đang nói trúng ý. Có những lúc nó nỗ lực gần như mù quáng để làm những điều đúng đắn.

Nhưng Amy Parker không nói gì. Chị đứng che mắt, tựa như đang trải lòng trong nỗi im lặng để chào đón và hòa làm một với người cưỡi ngựa và con ngựa, như thể chị khao khát mong sao đời mình cũng được đặt trong cùng một quỹ đạo chậm rãi và đường bệ đó, vượt lên trên bụi bặm. Chị cố nín thở, khiến cái cổ họng to khỏe sưng lên. Chị cảm thấy chứ không nhìn thấy đường đi của con ngựa và người cưỡi. Tiếng nhạc ngựa của họ rung loảng xoảng trong người chị.

Người đàn bà mịn màng đi qua. Người đó mỉm cười vì một chuyện gì đó mà rõ ràng cô ta là nhân vật trung tâm, nó làm cô ta vui, và chắc hẳn cô ta đã ném trái thành đạt. Nhưng nụ cười chỉ thoáng hiện trên gương mặt mịn màng. Và cô ta lướt nhanh. Những hàng rào dây kẽm gai cứ thế trải dài. Những thân cây lòa xòa chập choạng lùi xa.

Con bé thắc mắc không hiểu người đàn bà đẹp lạ mặt kia có mở lời không, nhưng mẹ nó không mong điều đó. Nụ cười của người đàn bà trôi trên đầu đứa bé yếu đuối, cô ta không liếc nhìn người mẹ, dấu trông có vẻ uy nghiêm, đáng con nhà gia giáo lắm. Cô ta tiếp tục đánh ngựa đi. Rõ ràng không định tạo lập những mối quan hệ không cần thiết, cho dù chỉ trong phút chốc. Cô ta cứ thế đi thoáng qua. Khuai cái roi da có cán bằng ngà trên không thành những đường lượn sóng. Cái thân hình với những đường cong tinh tế cũng đã đi qua. Trong ánh sáng xa xăm, bộ tóc cô lấp lánh màu đồng óng ả.

-Ồ, cô ấy đi rồi, mẹ a. Chúng ta đứng đây làm gì? - Con bé ca thán. - Không biết tên cô ấy là gì.

Sau hai mẹ con mới biết tên người đàn bà đó nhờ chị O'Dowd.

Chị O'Dowd nói người đó là một cô gái, là một người đàn bà thì đúng hơn, nhất quyết không phải là cô gái, thế thì, là đàn bà, nếu ta thích gọi thế, và tên người đó là Madeleine. Còn họ là gì thì chị ta chịu. Cũng chẳng sao, chị O'Dowd nói, vì biết thì cũng chẳng để làm gì. Dĩ nhiên, cô Madeleine này là một người đẹp nổi tiếng như ta thường đọc trong sách, đi chu du khắp nơi, đua ngựa, đủ các cuộc đua ngựa, đua ngựa dạo chơi, luôn được yêu chuộng, đặc biệt ở

những cuộc đua ngựa dạo chơi. Cô Madeleine này từng đến nước Úc, và nhiều nước khác, nhìn ngắm khắp nơi, đáng lẽ cô ta phải lấy một vị lãnh chúa, không phải là vì không cố gắng, mà chỉ vì không may mắn. Người ta nói vậy. Nhưng vẫn còn quyến rũ. Giờ đây dường như - mà đó là phần quan trọng theo lời bà Frisby đầu bếp nhà Armstrong, người có chồng làm thủy thủ không bao giờ quay về - giờ đây dường như cái anh chàng Armstrong đang đổ cửa vào cô nàng Madeleine đó, lao tâm khổ tứ lấy lòng cô ta, bằng tặng phẩm và những con ngựa, nhưng người đàn bà đó có lúc lạnh lùng, có lúc nhiệt tình, nhưng chủ yếu là lạnh lùng, vì cô ta đâu có phải là đũa ngọc ngà. Biết bao gã đàn ông giàu có lẽ ra đã chiếm được Madeleine. Cô ta chỉ cần nói một lời, là sẽ có ngay những hạt kim cương nằm trong cái hộp nhung đen, cùng những bàn chải ngà khắc chữ lòng. Nhưng đó là điều thứ yếu. Cô ta đang chơi cái trò ỡm ờ. Chính cái nhẵn cười và cơ ngơi mới quan trọng đối với nhiều người, và với cả Madeleine này nữa, đó là lẽ đương nhiên.

Nói xong, người bạn láng giềng lại giật dây cương cho xe đi như thường lệ. Còn Amy Parker vẫn đứng nguyên tại chỗ.

Mọi hành động của chị sau sự việc đó trở nên bí mật. Chị nghĩ về Madeleine. Chị rút bàn tay ra khỏi đồng bột xà phòng. Người chị trở nên uể oải.

Cho đến khi lũ con, lúc đó đang xin phép chị làm việc gì đó, gào lên vì bức tức.

- Cho phép chúng con đi, mẹ? Mẹ... ẹ... ẹ!

Đôi mắt chị lóe lên vẻ buông thả khi chị trả lời:

- Được, được thôi. Sao lại không?

Hai đứa kinh ngạc trước sự dễ dãi đến lạ lùng đó của chị, và chúng đi ra một cách lặng lẽ và đầy tự lự, không còn nôn nóng làm cái việc chúng vừa được phép, trong khi đó người mẹ tiếp tục nhìn chăm chăm vào nội tâm mình trong ánh sáng ngời của những viên kim cương.

Hôm trời tạnh mưa, chị nói mấy mẹ con sẽ đi dạo qua những cánh đồng. Điều đó là một sự thay đổi, nhưng thay đổi gì thì chị không thể trả lời được. Chị đội một cái mũ cũ, màu nâu, xấu xí. Hai đứa con đến, mặt phụng phịu vì thấy cuộc đi chơi thật vô lý. Chúng bám theo chị qua bãi cỏ héo, ẩm ướt. Suốt những cánh đồng họ đi qua đượm mùi cỏ ướt và nhựa thông. Gió nhẹ thổi làm lá cây rung rinh, cho đến khi chúng sáng màu bạc và vui mắt. Lòng người xốn xang vào cái thời tiết êm ả này, vốn chỉ là khoảng thời gian tạm lắng trong cái chói chang của mùa hè. Những cơn gió nhẹ ẩm ướt và những chiếc lá mát mẻ chạm vào khi ta đi qua mời mọc ta hồi tưởng và mơ màng. Cho đến lúc Amy Parker như đang trôi lênh bênh, còn hai đứa con chị, nhận ra tâm hồn chị đang bay bổng, trở nên háo hức mà rầu rầu.

- Mẹ ơi, - thằng bé nói, - con trèo cây nhé?

Chẳng qua vì nó thích leo trèo và chuyển từ cảnh này sang cảnh kia, cho đến khi chính nó biến thành cái ngọn cây được uốn cong, và giờ cái cảm giác đó vô cùng bức bách. Được chạm vào lớp vỏ cây dày cộm. Được vật lộn và cuối cùng chinh phục nó.

- Làm như thế có gì hay cho con không nào? - Người mẹ hỏi một cách vất vả như thể chị đang leo lên đồi, mặc dù con dốc hãy còn thoai thoải. - Lần trước con đã làm rách quần. Đầu gối con sứt sẹo ra.

- Có chứ, con xin mẹ! - Nó thở dài, nắm lấy tay chị và ép người vào chị như một con vật. - Cho con trèo đi.

- Em không muốn trèo những cây đã già cỗi, - con bé nói.

Nó lắc bộ tóc sáng màu thẳng đuột.

- Em không trèo được đâu, - thằng bé nói. - Em yếu lắm. Em là con gái.

- Không phải, - cô bé gào lên, méu máo.

- Chẳng con gái thì là gì nào? - Nó hỏi. - Là con bê cái sao?

- Nếu em là con bê cái thì anh là con bò đực. - Cô bé khóc. - Người ta nuôi bê cái. Nhưng lại giết bò đực.

- Không phải tất cả, - thằng bé trả lời. - Không phải là con cừ nhất.

- Thôi. Chạy đi mà leo với trèo, - người mẹ nói.

Chị vẫn chậm rãi đi tiếp, rồi ngồi lên một khúc gỗ cạnh lùm cây keo, tựa lưng vào lớp vỏ cây đen, tay vân vê những cuống lá chết, còn con bé thì nhòm cái hang thỏ, hái được một bó hoa, rồi quẳng đi, nhặt một hòn đá đẹp lên, rồi bực tức muốn đi chỗ khác.

- Tại sao cứ phải ở mãi một chỗ thế này, mẹ? - Con bé hỏi.

Amy Parker không biết, ngoài việc ngồi tư lự, ngoài việc chỉ có ở đây chị mới tha hồ mộng tưởng mà ít cảm thấy mình có lỗi hơn là trong ngôi nhà kiên cố của mình.

- Ta đi được không? - Thelma nói.

- Ngay thôi, - người mẹ nói.

Chị bắt đầu thắc mắc không biết liệu mình có cưỡng lại những lời tán tỉnh của một lãnh chúa nếu như anh ta đánh xe đến đây, còn chị thì mặc một chiếc áo màu hoa cà chị chưa từng có bao giờ. Chị sẽ nói gì, chị cũng chưa nghĩ ra, mà chỉ cảm thấy, chỉ biết thế. Khi nhà quyền quý mang đôi ủng sáng bóng xuống ngựa trên bãi cỏ và mỉm cười, đôi môi dày phả hơi thở vào chị, khi chị bước lên bậc thềm của cửa hàng. Có thể chị sẽ có con, cả những viên kim cương của người ấy, người luôn mang những đường nét không thể cưỡng lại của anh chàng Armstrong. Chị rùng mình nhận ra cả túm lông đen ở cổ tay anh ta. Nhưng đôi mắt anh ta dịu dàng, tử tế, khác hẳn thân hình hùng hực đậm tình, đó cũng là thân hình của chồng chị.

Chị ngồi thẳng lưng tựa vào thân cây rắn chắc.

- Sao không đi hả mẹ? - Thelma hỏi.

Nó tiến lại và đứng đó. Nó là con của vợ chồng chị.

- Ừ, đi đây, - Amy Parker nói. - Ray đâu? Bảo nó đến giờ rồi.

Vì còn có nhà, có cây cối chung quanh, và những nhà kho, cùng những con đường mòn dưới bàn chân họ, tất cả nói lên thực tế và sự vĩnh hằng. Và ở cái cốt lõi của thực tế đó là, chồng chị, người thậm chí sẽ không ngược mắt nhìn lên khi chị tiến lại trên một con đường tỏa ra từ căn nhà, vì anh biết chị sẽ đến. Chị là vợ anh. Hoặc anh sẽ ngẩng lên, và chị không thể lúc nào cũng biết chắc là anh đã nhìn thấy. Anh sẽ không để chị đọc được đôi mắt mình, thậm chí vào những phút giây triu mến và âu yếm nhất, thậm chí khi chị ôm anh trong vòng tay và anh áp người vào chị.

- Anh Ray ơi! - Thelma gọi, bực dọc chạy quanh mấy cái cây. - về nhà thôi! Anh Ray ơi! Anh ở đâu đấy?

Lúc này nó đang chót vót trên mấy cành cây. Mọi vết xước sẹo trên da thịt đều thôi thúc nó trèo tiếp. Nó khinh khỉnh nhìn một cái tổ chim cũ, giá mà có đầy chim non chắc nó đã bắt trộm, nhưng vì không có nên nó giựt ra khỏi cành và vút xuống đất. Nó trèo tiếp, vòng quanh, trèo xuống leo lên. Nó lạnh lùng nhìn một con ác là non lông bóng mượt, lúc ấy mà có cái gì trong tay chắc nó đã giết chết con chim. Rồi khi cảm thấy khoeo chân dớp dáp mồ hôi, nó đã leo được đến tận ngọn cây, người nghiêng ngả, gió thổi lạnh khiến mặt nó đỏ bừng. Tinh thần phấn chấn làm thằng bé nom thật đẹp. Nó ngồi chót vót trông rất vô tư. Nó mơ màng nhìn những sóng cây dào dạt và cảm thấy thỏa mãn trong khoảnh khắc.

- Anh Ray! - Thelma gọi khi thấy tổ chim làm bằng cỏ đã mọc meo và những lông chim cũ gớm guốc, rồi nó ngược lên và nhìn thấy anh.

- Em mách mẹ! Ai cho anh trèo cao thế. Xuống ngay. Ta về thôi.



Nhưng Ray tiếp tục nhìn ra xa, dù có nghe thấy tiếng cô em hay không. Ngôi nhà mà nó sống trông như một món đồ chơi từ đằng xa. Những con đường chỉ toàn bụi và đá lổn nhổn, nhìn tổng thể cũng không đến nỗi gớm guốc. Đó đây cuộc sống trì trệ trôi đi, đàn bò nhẩn nha bên bờ suối, một bóng người cưỡi ngựa chạy dọc theo con đường phía bên khu đất của họ.

- Mẹ và em đang đợi đây, - tiếng gọi cuốn theo làn gió thổi mạnh đến sột.

- Được rồi, anh xuống đây, - nó thì thầm.

Chỉ vì nó nhìn chán rồi.

- Con nhìn thấy gì, hả Ray? - Người mẹ gọi chuyện, khi hai anh em đến bên chị.

- Mọi thứ, mẹ ạ, - thằng bé nói.

Giọng nó nghe uể oải, hậu quả của chiến tích ban nãy.

- Nhà này, cánh đồng này, bò này, - nó nói, - và có người cưỡi ngựa trên đường.

- Ai nhỉ? Chắc là Peabody, - người mẹ nói.

Những lời của chị nghe tàn hơi như cỏ úa.

- Không phải. Đó là một người đàn bà, - thằng bé nói.

- Thế à? Con có chắc không? - người mẹ hỏi.

- Đúng. Thật vậy mà. Rõ ràng con nhìn thấy cái váy.

Nghe thế Amy Parker nhận ra, chị bèn rẽ một chút xuyên qua bụi cây keo dẫn tới con đường chạy dọc theo khu đất nhà họ. Vì vậy chị giục lũ con đi nhanh hơn. Chị không biết mình sẽ nói gì hay làm gì, ngoài việc đứng bên hàng rào, bó mình trong sự nhếch nhác mà chờ người cưỡi ngựa tiến đến. Vì chỉ có một lý do do nhất. Giờ chị biết mình đến vì Madeleine.

- Có lẽ đây là người đàn bà ta nhìn thấy hôm nọ, - Thelma nói.

- Nhanh chân lên nào, các con - Amy Parker nói.

Thelma bắt đầu rên rỉ, vì cảm thấy có điều gì đó bất công.

Nhưng ngay lúc đó mẹ con chị đã ra tới con đường nhỏ cắt ngang rặng cây keo. Chúng mọc dày đặc hai bên đường, thẳng tắp và tối om, thế là bất cứ thứ gì xuất hiện trên đoạn đường đó đều lập tức nổi bật. Chính ở chỗ này Madeleine đã cưỡi con ngựa bóng lộn đi qua.

- Mẹ thấy chưa? - Ray nói. - Con đã nói là con nhìn thấy váy cô ấy mà.

Ngoài cái đó ra, nó không quan tâm đến gì khác. Chỉ là một người đàn bà trên lưng ngựa.

Hôm đó con ngựa của Madeleine không gây hứng thú lắm. Nó đã "ngựa" hơn. Hoặc họ đã đi khá xa, trông con ngựa có vẻ hơi khập khiễng. Có cái gì đó xấu xí và bất định trong dáng dấp của nó khi cất bước. Nó vấp vào một cái hố, và cổ chân nó nom yếu ớt.

Song nó vẫn là một con ngựa đẹp, Amy Parker khẳng định là thế. Con ngựa đi nước kiệu lại gần, lúc lắc cái bờm, để lộ tròng mắt trắng dã. Chị có thể nhìn thấy mạch máu nổi lên trên đôi vai ẩm ướt của nó và xương nó chuyển động. Chị nhìn con ngựa chăm chú đến mức chị biết chính xác khi chạm vào nó sẽ có cảm giác gì.

Nhưng chị cũng phải nhìn người cưỡi ngựa, không phải lúc này, một chốc nữa, trong giây lát. Đúng lúc vó ngựa vấp, chị phải nhìn. Tim chị đang nặng trĩu.

Amy Parker ngược lên nhìn người cưỡi ngựa mà tâm trí chị hằng thân thuộc, nhưng chị không giấu nổi vẻ e thẹn, thậm chí ló lảng của mình. Trong một giây lát, chị nhìn vào Madeleine. Hôm nay người cưỡi ngựa không mỉm cười. Cô ta mệt mỏi hoặc nhức đầu, hoặc bị cuốn vào những mối quan hệ trần tục. Miệng cô ta trông mỏng đi trên nước da mịn màng, như thể nó đang cắn vào cái gì đó. Đôi mắt cô không nhìn xuống đường. Có lẽ trừ có giây phút cô ta nhíu mày và giật cương. Cô ta đi tiếp. Người đàn bà khỏe mạnh với hai đứa con tiếp tục đứng giữa hàng cây. Không có sự pha trộn. Chẳng có lý do gì mà phải có.

- Sao cô ấy lại đi ngựa quanh quần thể? - Thelma hỏi khi họ lê bước qua cánh đồng cỏ.

- Mẹ không biết. Có lẽ để làm cái gì đó, - Amy Parker nói.

- Cô ấy không thể làm việc gì khác sao? Đi mua sắm chẳng hạn?

- Cô ta có chó không? - Ray hỏi. - Con mà thế con sẽ nuôi chồn sương.

- Cô ấy là một bà quý tộc. - Thelma nói rít lên. - Bà quý tộc nuôi chồn sương làm gì?

- Thế làm quý tộc có gì hay? - Thăng Ray nói.

Nó liền nhặt cành cây keo nhỏ quất vào bắp chân cô em.

- Ôi, thôi đi! - Con bé kêu lên. - Mẹ ơi, bảo anh Ray thôi đi, mẹ!

- Nào, cả hai anh em hư quá! Ray! - Người mẹ nói. - Có yên đi không nào. Mà đừng hỏi han gì nữa đấy. Mẹ không quen cô này, nên không trả lời được đâu.

Chị nói, hy vọng mọi việc như vậy sẽ chấm dứt được.

Nhưng khi nằm thẳng đơ người trên giường, chị lại nghĩ đến Madeleine. Chiêm bao tuôn trào từ vành mũ của họ khi hai người cưỡi ngựa bên nhau qua bóng đêm lộng gió. Họ đang trao gửi những điều bí mật. Tôi chẳng có lấy một điều gì bí mật, Amy Parker thì thào, mà thực sự quan trọng với bất cứ ai. Đây, Madeleine nói, là một bí mật. Amy Parker xòe tay ra. Đó là một mảnh thủy tinh, hay đúng hơn là một viên kim cương khá lớn. Những tiếng líu ríu như chim phát ra từ cổ họng chị làm chị nói không rõ. Madeleine cười. Họ lại cưỡi ngựa đi tiếp, những bàn đạp kề sát bên nhau. Không còn lấy một kẽ hở. Họ thật gần gũi.

- Cái gì thế? - Stan Parker hỏi.

- Em nằm mơ, - người vợ thở dài. - Đến buồn cười. Mơ về một con ngựa.

Anh hăng giọng và lại ngủ liền.

Chị nằm im, hy vọng nếu mình ngủ từ từ, thế nào cũng mơ lại giấc mơ dịu dàng đó. Nhưng những con ngựa đã đi rồi. Đến sáng tỉnh dậy, chị thấy giấc mơ thật là buồn cười, chưa nói là ngớ ngẩn. Chị cài cặp tóc và búi thành một búi bóng mượt. Nằm mơ thấy bóng người cưỡi ngựa mặc đồ đen suốt mấy ngày nay, chị không rõ mình mong mỗi được đứng chung với cô ta trên bờ vực thẳm nhiều đến thế nào. Nếu họ có thể gặp nhau, mà thật ra là không thể. Cuộc sống của họ quá khác biệt. Chị đặt chiếc bàn chải xuống, những sợi lông trên đó đã mòn vẹt, rồi đi ra ngoài nhà lấy mấy cái xô.

## CHƯƠNG 10

Vào khoảng thời gian này, Amy Parker nhận được thư của người bạn láng giềng O'Dowd, do một cô bé tên là Pearl Britt có bố làm phu làm đường đưa đến.

Chị O'Dowd viết trên một mảnh giấy:

*Sáng thứ Ba*

*Chị Parker thân mến,*

*Tôi có chuyện rắc rối, mong được gặp chị.*

*Thân,*

*K. O'Dowd*

- Cảm ơn cháu, Pearl, - chị Parker nói với cô bé vẫn đứng đó, tay ngoáy mũi, nện hai bàn chân xuống đất để xua mấy con ruồi bám vào mắt cá chân. - Cô sẽ xuống đây ngay.

Thế rồi cô bé Pearl bỏ chạy, bứt bông hoa cúc dại trên đường và nghịch những cánh hoa.

Sau khi sắp xếp xong mấy thứ, Amy Parker đội mũ chuẩn bị đi. Chị dắt con ngựa cái đang ve vẩy đuôi dưới một cây liễu, rồi kéo chiếc xe mua lại lúc này đã trở nên xộc xạch, nhưng vẫn lộ ra dấu hiệu của quá khứ huy hoàng. Nhẽ ra chị định chạy đi tìm chồng, nhưng đã tìm mình lại. Mình sẽ không nói gì, chị tự nhủ, nhớ đâu anh ấy lại tức giận thì sao.

Giờ mọi thứ đã xong xuôi.

Suốt dọc con đường từng là của riêng họ nay đã có nhiều người sinh sống, vì thế gia đình O'Dowd không còn là láng giềng nữa, trừ về mặt lịch sử và tình cảm. Một số người gật đầu chào Amy Parker khi chị đi qua, nhưng những người khác lại nghĩ chị đang cố tìm hiểu điều gì đó về họ, nên họ nhú mày. Thật ra chị đang nghĩ đến người bạn, người láng giềng của mình, và nghĩ về những cuộc đời họ đã sống trên con đường đó từ khi nó còn chạy qua bụi cây hoang vu. Nhưng con người ta đâu cần biết điều đó. Họ dựng nên những hàng rào quây vùng đất của mình lại và họ bực mình khi có một bộ mặt xa lạ xuất hiện. Đến giờ này Amy Parker vẫn còn xa lạ với một số người. Chị đánh xe chạy tiếp trên những đoạn đường mà chị không còn có thể coi là của mình.

Rừng đã được khai phá. Một người đàn ông đang canh tác mảnh đất màu nâu giữa hàng cây cam. Bên ngoài một túp lều xám xịt, một ông già ngồi bên cạnh bụi thực quỳ. Lũ trẻ đổ xô ra khỏi cửa những túp lều xiêu vẹo. Gió thổi tung quần áo đang phơi. Sáng hôm đó thật là vui mắt. Chưa bao giờ Amy Parker thấy quang cảnh ấy dọc theo con đường dài hai dặm đến nhà O'Dowd. Những con chim sặc sỡ sà xuống rồi lại lao vút lên. Tiếng người nói vang lên từ nơi mà trước

đây chỉ nghe tiếng rìu phạt ngang sự im lặng, khiến tim ta đập nhanh hơn. Nhưng con người đã đến đây, không phải chỉ có người Ai-len. Hàng rào kẽm uốn lượn xuyên qua rừng cây bụi. Những chiếc bao tải và hộp sắt tây được dùng vào nhiều việc. Và đêm đến họ ngồi quanh, đàn ông mở phanh áo để lộ lồng ngực, đàn bà mặc áo cánh trễ nải, họ uống những gì họ vớ được, coi đấy là một niềm an ủi. Nếu đôi lúc vớ phải dầu hỏa, thì cũng uống được tuốt. Và ngày càng nhiều trẻ con, số giường sắt theo đó mà tăng lên.

Con ngựa cái già kéo xe lọc cọc chạy trên con đường vui nhộn, nhưng đến đoạn đường cuối khi Amy Parker cho xe chạy từ từ vào chỗ đất trống trước nhà O'Dowd, thì móng ngựa cũng bắt đầu lê lét. Chị hãm xe lại, bánh xe lạo xạo trên lớp đá sa thạch. Có chuyện gì rắc rối nhỉ? Chị tự hỏi, liếm môi khi nhớ lại chính sự rắc rối cũng đã đưa chị đến với O'Dowd vào buổi sáng hôm nay. Chị đã định kéo dài chuyến đi đường như đang lao xuống dốc này.

Có một mảnh đất khô cằn nằm trước khu nhà O'Dowd, mà khu này cũng sắp bạc màu đi rồi, nhưng họ đã ở đây ngay từ đầu nên cũng thành quen. Họ bị đất đai buộc chặt, và đất đai là của họ. Amy Parker càng xuôi xuống, cả vùng đất xung quanh trông càng hoang tàn. Cây cối như mang những hình dáng tuyệt vọng. Một số đã héo quắt. Một số trơ lại những túm lông đen hay những quả thông xám xịt. Có tiếng gõ đều đều trong khu rừng, của cái nóng và cơn trùng. Không ai muốn khu đất ấy cả. Họ vứt rác vào đó. Các hộp sắt tây cũ lóe sáng và bộ xương của thú vật chết.

Chị Parker dần cảm thấy mệt mỏi. Dẫu còn tương đối trẻ và khỏe mạnh, cùng chút kinh nghiệm, chị đã bắt đầu cảm thấy trong người



suỵ nhược. Chưa bao giờ chị đến gần cái chết, nên chị thấc mắc liệu mình có thể đưođg đầu với nó không. Nếu đúng là cái chết đưođg gọi chị từ gia đình O'Dowd. Mà nào có lý do gì để giả thiết như vậy. Chị liền nghĩ đến hai đưođa con đưođg lớn và người chồng trắg kiện, và tin tưởđg vào sức mạnh của mình. Dần dần điều đó trở nên có lý. Khi đi qua cái xưođa kia là cồđg nhà, đôi vai trẻ khỏe của chị đưođg đưođa theo nhịp xe và trút bỏ mọi mối nghi ngờ. Có những giây phút chị là con người tuyệt vời và đây là một trong những giây phút đó. Đôi lông mày đen, khá rậm của chị lấp lánh trong ánh nắng.

Amy Parker cho xe tiến lại cửa nhà O'Dowd, và nếu không có dấu hiệu của cái chết thì cũng chẳng có mấy dấu hiệu của sự sống. Có hai con vịt nâu, đuôi nhọn đưođg ngăm mình trong vũng bùn nông choẹt. Một con lợn sề đở au nằm nghiềđg, phơi những núm vú chảy sệ. Dưới cây tiêu, cái chặn đưođg thức ăn treo lủng lắđg, đưođg đưođa và từ từ xoay tròn trên một sợi dây thép. Còn căn nhà vẫn y nguyên, tự chóng đở lấy mình, và cái lỗ ở cửa sổ bên hắy còn nhét một cái bao.

Amy Parker đi tìm xem có ai không sau khi buộc xích vào bánh xe. Cuối cùng chị thấy mặt bà bạn mình ló qua cái kẽ hở, và mọi việc dườđg như cần đưođg giải thích ngay.

- Xin chị thứ lỗi cho, - chị O'Dowd nói, mắp máy hai cái lợi ẩm ướt để thốt ra lời, đắđh vật với cái cửa ngoan cố để bạn mình lách vào, - Xin lỗi chị, vì đã gửi thư cho chị làm sự việc quá trang trọng, nhưng con bé đoắđg lắđm, tuy đôi giò của nó rất khỏe. Vì thế tôi đã viết thư cho chị. Giờ đây chị đã đến. Tôi mừng quá!

Chị cầm khăn rửa bát trong tay; cái khăn màu xám xịt, bốc mùi nước rửa bát cũ nó từng bị nhúng vào, có lẽ cũng là nước màu xám.

- Vâng, tôi đã đến đây, - chị Parker trả lời, chị thấy nghẹn thở.

Có lẽ vì họ đang bị nhốt trong một gian bếp sau, hay cái nhà kho, hay khoang đựng thức ăn lộn xộn bừa bãi, trong đó dường như mọi của cải nhà O'Dowd đang vứt tứ tung. La liệt những thùng chưa rửa từ sáng vắt sữa hôm đó cùng xác ruồi bên trong. Có mấy dây thép treo những chiếc áo sơ mi giặt nhiều quá bạc cả màu - hay đây là những miếng giẻ rách? - lơ lửng trên đầu, cọ vào nhau loạt xoạt, mắc cả vào tóc, trong căn buồng tối nhỏ bé đó, nơi mắt cá đá phải những cái chai không mà anh O'Dowd chưa kịp liệng đi. Trên mặt bàn gỗ thông có một cái bẫy chuột, đặt một miếng pho mát vàng làm mồi, và bên cạnh trên cái đĩa trắng to có một miếng thịt cừu khô khốc. Mọi thứ ở đó dường như được đặt bừa vào bất cứ chỗ nào, chẳng đếm xỉa gì đến sự ngăn nắp gọn gàng.

- Chị thấy đấy, nom nhếch nhác quá, nhưng biết làm sao được. - Chị O'Dowd nói, đưa mắt nhìn sang bên khi chị vụt một con ruồi bằng cái khăn rửa bát và cắt ra một miếng từ tảng thịt cừu.

- Vậy chị khỏe đấy chứ? - Chị Parker hỏi bạn.

- Sao tôi lại ốm được? Tôi chưa bao giờ gặp vấn đề về sức khỏe cả, chị Parker ạ. Câu chuyện còn phức tạp hơn nhiều.

Chị ta hít hà qua hàm lợi, như thể hàm răng hãy còn ở đó, rồi nhìn vào chiếc cửa sổ nhỏ hầu như bị mạng nhện chằng kín.

Chị Parker đành phải đợi cho đến khi bạn chị tiết lộ cái gì thú vị, hoặc khùng khiếp, hoặc đáng buồn.

- Chính anh ta đấy, - cuối cùng chị ta nói. - Chính cái lão khốn kiếp đó. Lại chứng nào tật ấy.

- Thế có bao giờ anh ấy bỏ rượu không? - Chị Parker hỏi, bắt đầu lơ đãng.

- Chẳng được bao lâu. Nhưng có những lúc anh ấy nốc như hũ chìm. Và đây là một trong những lúc như thế. Hũ này to nhất đây, - chị O'Dowd nói.

- Thế tôi phải làm gì bây giờ? - Chị Parker hỏi.

- À, chị nói chuyện với hắn, với tư cách là một phụ nữ, một người mẹ, một người láng giềng, một bạn cũ. Dĩ nhiên anh ấy một chút.

- Chị mà còn không dĩ được anh ấy thì tôi làm thế nào!

Vì đó không phải điều chị quan tâm. Trong căn phòng nhỏ bé này chị thấy ngọt ngào và nóng bừng bừng.

- Tôi không hiểu, - chị Parker nói.

- À, - chị O'Dowd nói. - Tôi chỉ là vợ anh ấy, mà cũng không hoàn toàn thế. Đối với một người bạn thì khác, vì anh ấy sẽ không dám đâm thẳng vào mặt chị, hay đá vào bụng chị đau điếng lên được. Chị chỉ cần nói lý với anh ấy, người tốt như chị, trong nháy mắt anh ấy sẽ khóc vì hối hận cho mà xem, và thế là mọi việc sẽ xong xuôi, rồi chị xem.

- Anh ấy đâu? - Amy Parker hỏi.

- Hiên sau nhà, tay cầm súng săn và một chai brandy Cologne, cả nhà tôi chỉ còn có thể thôi. Nhưng cây súng chỉ để làm vì thôi mà, chị Parker ạ, chị tin tôi, tôi biết tính anh ấy mà.

- Theo tôi tốt hơn là, - chị Parker nói, tỏ ra không thích cái chuyện này tí nào, - theo tôi tốt hơn là chúng ta cứ để cho chai brandy Cologne nó trôi hết đi vì chị bảo đấy là chai cuối cùng mà. Rồi anh ấy sẽ ngủ. Tôi nghĩ đó là giải pháp tự nhiên hơn.

- A-ha! - Chị O'Dowd cười lớn. - Với anh ấy chẳng có giải pháp nào là tự nhiên cả. Cùng lắm anh ấy sẽ mò ra thành phố. Không được đâu, chị Parker ơi. Ta phải kêu gọi lương tâm anh ấy. Đừng bỏ rơi một người bạn cũ chị ơi.

Suốt thời gian ấy, căn nhà im ắng hoàn toàn. Chẳng ai nghĩ rằng nó chứa đựng một tình cảnh oái oăm. Những bức tường của căn buồng nhỏ chỉ là ván ghép, trên dán giấy báo, còn chỗ nào thừa thì ruồi bâu đầy. Amy Parker chưa bao giờ để ý trên đó có chữ để đọc, nhưng lúc này chị bắt đầu dò ra, từng chữ một, cuộc đời của người nuôi bò bị bò húc chết.

Rồi có tiếng chân người. Có tiếng ủng nặng lê trên sàn gỗ. Chị nhớ là anh O'Dowd có đôi bàn chân rất to.

- Suyt! - Người vợ lấy tay che miệng, một ngón có đeo nhẫn cưới to, tiện tay thì đeo vạt thôi. - Anh ấy đấy. Anh ấy lại làm lành đấy. Có tốt hơn hay tệ đi thì còn xem đã. Đôi lúc tôi cảm thấy anh ta cứ ngồi đằng kia thì hơn.

Đôi bàn chân không có ý định nào khác ngoài việc chuyển động. Chúng bước tới. Chúng di chuyển trên những tấm ván, có mấy tấm cưỡng lại. Cả căn nhà kêu cọt kẹt. Một thân hình to lớn đang loạng choạng bước qua dãy buồng.

- Theo tôi, chị em mình phải đi thôi, - chị O'Dowd nói. - Nào chị. Theo lối này.

Liền sau đó Amy Parker cảm thấy bàn tay của bà bạn.

- Nếu anh ta muốn sinh sự, - chị O'Dowd nói, - thì tốt hơn là tìm đường lẫn thôi. Vì tôi đã trải nghiệm trước đây một lần rồi, mà từ đó đến giờ tôi không bao giờ quên.

Nói xong hai người chạy như bay qua nhà bếp, qua mùi mỡ và tro lạnh, và náu trong một lối nhỏ, rõ là xập xệ, nhưng có nhiều lối ra. Bốn bề chỉ thấy âm thanh của tĩnh lặng. Chị O'Dowd đứng yên, đưa ngón tay lên vành tai phải lắng nghe.

Bỗng anh ta lao qua cửa mà rõ ràng làm bằng bìa các tông, giống như toàn bộ ngôi nhà. Cánh cửa rung bần bật. O'Dowd nom dữ tợn. Miệng anh ta ướm, lông mũi đen ngòm.

- A! Hai người! - Anh ta kêu lên.

- Lạ thật! - Người vợ nói. - Tưởng anh phải nhìn thấy nhiều hơn chứ.

- Hả, - O'Dowd rống lên, - hai mục rì rầm ở đây chưa đủ sao?

Rồi anh ta đứng thật vững chắc, tay cầm một khẩu súng trông xấu xí. Amy Parker mong nó đừng nổ.

- Anh O'Dowd, - chị nói, - anh không nhận ra tôi sao?

- Đúng thế, - vợ anh ta nói, - đó là chị Parker, bạn cũ của chúng ta, đến thăm vì tình xưa nghĩa cũ.

- Cái con khỉ, - O'Dowd nói. - Hai mục đàn bà, phen này đi đòi nhà ma.

- Gớm, ăn nói với phụ nữ nghe tử tế nhỉ? - Chị O'Dowd phản đối.

- Tao chẳng phải người tử tế, - người chồng nói thản nhiên.

Anh ta nhíu mắt trước sự thật đó như không thể đối diện với nó quá lâu hoặc quá tỉ mỉ. Sự thật ấy như một vật làm từ đá cuội xinh đẹp cần được xem xét kỹ lưỡng.

Rồi anh ta giơ súng lên và bắn.

- Ôi, lạ Chúa! - Người vợ rú lên, ôm lấy tóc đang rũ rượi hàng búi quanh tai. - Cơ sự này đã đến, ngay tại nhà chúng con, dù chúng con đều là con chiên của Chúa.

- Chị trúng đạn à? - Amy Parker hỏi, chị cảm thấy một luồng gió tạt qua.

- Tôi không thể trả lời thay mọi nơi trên cơ thể mình, - chị O'Dowd kêu lên. - Tôi sợ quá đi mất. Đồ độc ác xấu xa! Đồ quỷ dữ kia! Mi đến giết chúng ta mất!

- Thế mà cho tao còn ngấm vào ai bây giờ? Mụ trời đánh kia.

Rồi anh ta lại đưa súng lên.

- Nhanh lên, - chị O'Dowd nói. - Chị Parker, phải tìm đường chạy thôi.

Trong lối đi nhỏ tù mù, phảng phất mùi thuốc súng và dầu nóng, hai người đàn bà hoảng loạn, luẩn quẩn, xô cả vào tường khi họ chọn một lối để chui qua chạy trốn. Trong cảnh hỗn độn, Amy Parker tách khỏi người bạn và thấy mình đang ở trong căn phòng đẹp nhất, có một cánh cửa nhỏ mà đóng lại, để tựa vào đó mà hy vọng. Người bạn chị đi đâu chẳng rõ, chỉ biết rằng chị đã tách khỏi cái cảnh quay cuồng vấy áo đầy lo âu.

- Mà mà chưa xong đời thì cứ đá bay bố mà đi, - O'Dowd gầm rú lên.

Có lẽ anh ta đang đập vỡ khẩu súng phía bên kia cửa, và có tiếng đập mạnh ở túi áo anh ta như thể anh ta đang bốc cháy.

- Đồ phản bội! Ta mà tóm được mày, ta sẽ vặn cái cổ khốn kiếp của mày, - anh ta rống lên.

Cửa đóng sầm, căn nhà rung lên và tĩnh lặng trở lại, họ như bước vào một giai đoạn mới mẻ, của sự yên bình hay nghịch đảo của sự cuồng điên. Căn buồng mà Amy Parker đứng là căn buồng đẹp nhất của vợ chồng O'Dowd, vì lý do đó mà nó chưa bao giờ được sử dụng thậm chí cả những linh hồn đáng ngờ cũng chẳng có. Giấy in hoa hồng được dán nhãn nhúm vào mọi khe hở có thể lọt gió. Kết quả là sự sống lụi tàn, và trên bậc cửa sổ chỉ thấy những

cánh và vỏ côn trùng, cùng chân nhện nhọt nhọt. Kẻ xâm nhập, vốn đã sợ điếng người, lại rợn tóc gáy khi đứng trước những cái xác ướp, cái sofa có lông độn lò ra ở lưng ghế, và trên bệ lò sưởi có một con mèo thân dài mà O'Dowd đã nhờ cho vợ mà chị ta rất thích.

Gượng quay đầu khỏi con mèo đáng buồn kia, chị nhìn qua sương mù ngoài cửa sổ và thấy bà bạn láng giềng đang bò ra như con mèo quanh góc nhà kho, đôi tai cụp hẳn, và trong đôi mắt như thủy tinh ánh lên tia hy vọng tự vệ. Chị muốn bảo bạn rằng không cần phải sợ khẩu súng nữa, nhưng không sao mở cửa sổ ra được, và vì tiếng đốt ngón tay gõ trên cửa kính nghe khủng khiếp trong căn buồng đầy chết chóc này, mọi ý định gây chú ý tan biến dần. Thế là chị O'Dowd tiếp tục nhenh cổ và lắng tai, tựa như chị đang mong cái chết bất thần nhảy ra từ một hướng nào đó mà chị không ngờ đến, dẫu chị có vò đầu vắt óc.

Amy Parker còn đang vùng vẫy để thoát khỏi những sợi xích ràng níu chị trong căn buồng trú ẩn, thì O'Dowd xuất hiện quanh chỗ góc nhà, tay cầm con dao pha cứ như cầm một lá cờ nhỏ.

Vậy là đúng rồi, chị không sao kêu lên qua cửa kính được.

Chị nhìn thấy cổ họng chị O'Dowd lòi hẳn xương ra khi chị ta cố ép mình hơn nữa vào tường nhà kho. Trước khi chạy quanh góc nhà, còn O'Dowd chạy theo tay xách lá cờ nhỏ.

Thế là Amy Parker được giải thoát. Chị vùng chạy không phải vì can đảm, mà vì sợi dây sinh mạng của chị đã nối liền với cùng cuộn chỉ đang cuốn vợ chồng O'Dowd quanh nhà. Vì vậy Amy Parker cũng chạy, qua bậc thềm nhà ọp ẹp đến cây hoa vân anh xào xạc



khi chị chạy qua. Đến lượt chị chạy quanh nhà, nơi đã trở thành trụ cột duy nhất của sinh tồn; không có nó, họ sẽ bị tiêu diệt.

Họ chạy miết, dù có lúc lao đảo, hoặc do rượu, hoặc do giẫm phải lá cây thông trơn trượt ở phía bên này, hoặc va phải đá và ổ gà ở phía bên kia, hoặc chỉ do vết chai chân bỗng đau nhức nhối. Nhưng vẫn cứ chạy. Tình thế không lối thoát. Căn nhà ngổn ngang mọi chỗ, xuyên qua cửa sổ, cửa ra vào, những cái hộp mà trong đó họ đã cùng sống cuộc đời tẻ nhạt - một khoanh bánh mì chị ta cắt ra đã cong queo từ lúc sáng, và cái quần đã tuột khỏi đùi anh ta sáng nay vẫn nằm cuộn tròn đen ngòm. Những cái đó cứ lướt qua. Đến con mèo nhồi bẹp dí trên cái giá sơn dầu trên bệ lò sưởi. Amy Parker thở hồng hộc, nhớ rằng con mèo ấy từng được gọi là Tib.

Ta đi đâu đấy? Chị tự hỏi. Lúc ấy cái chết dường như khó tóm bắt được. Cái lưng của anh O'Dowd bập bênh. Thỉnh thoảng chị lại tự hỏi mình sẽ làm gì nếu như mình chạy đủ nhanh. Nhưng cái lưng của O'Dowd bao giờ cũng thấp thoáng ở ngã rẽ tiếp theo. Luôn thế.

Có những lúc, trong không khí căng thẳng, chị thề rằng chị đã nghe thấy anh ta lấy dao chặt đầu vợ. Chị thấy tiếng rơi đến phịch một cái, và nhìn thấy đâu đó trên đất cái miệng há hốc ú ớ lời thứ lỗi. Chị nói cần phải giải quyết cái xác trước khi cảnh sát đến.

Nhưng đồng thời chị vẫn chạy, trong đám bụi mà lũ gà vịt làm vẩn lên, như sợ hãi viễn cảnh bị chém giết. Những chiếc cổ gầy và dài ngoẵng của chúng nghển cao. Chúng chạy toán loạn như mọi ngày. Cả con lợn nữa. Cả con lợn sề đồ cũng tham gia cuộc đua, những đầu vú của nó đập vào hai bên mạn sườn, miệng kêu ừ ừ và đánh rầm khi chạy ào ào, vì vui mừng hay vì lo sợ, khó mà biết

được. Gà vịt bị bán ra khỏi đường đua, nhưng con lợn vẫn tiếp tục, vì lòng nhiệt thành với con người.

Người đàn ông cứ chạy quanh hoài, cho đến khi anh ta chạy được một đoạn dài vào vùng đất mà anh ta sẵn sàng chịu đựng, lúc anh ta đảo mắt nhìn, lúc anh ta thể hiện, qua đáy mắt sâu thẳm, những nét buồn bã luyến tiếc cái thế giới yên ổn mà anh ta đã mất. Theo cách ấy, Amy Parker đang mệt đến đứt hơi, đã nhìn thấy chồng và hai đứa con ngồi bên bàn ăn, uống trà trong chén trắng, những mẩu bánh vụn từ hôm thứ Ba dính đầy trên mép. Nhẽ ra chị phải kêu khóc. Thật ra chị đã làm vậy, thốn thức than thân, chứ không vì bà bạn của mình nữa.

- Chị Parker, - chị O'Dowd lúc đó thở hển hển.

Amy Parker nhìn quanh, thấy chị O'Dowd đã cố gắng hết sức và đuối kịp. Bộ mặt mờ nhòe hẩn đi của chị ta chỉ còn thấy có miệng và đôi mắt.

- Ta phải làm gì bây giờ? - Chị Parker thở hển hển hỏi lại.

Vì nãy giờ họ cứ chạy miết quanh nhà, đôi chỗ chạy trước hoặc chạy sau O'Dowd.

- Ôi, lạy Chúa - chị O'Dowd rít lên.

Thế là hai người đàn bà cầu nguyện, sau một chốc, đã nói lại mối thân tình mà họ chưa hoàn toàn dứt hẳn, thậm chí còn tỏ ra họ đã bị lãng quên. Họ vừa chạy vừa cầu khẩn.

Đến góc nhà chỗ thùng đựng nước to, họ bất ngờ vấp phải O'Dowd, rõ ràng đang chạy ngược lại về phía họ. Người anh ta ướt đầm, đen thui, tay vẫn cầm con dao.

- A a a! - Người vợ kêu lên. - Thế là cuối cùng vẫn là mày. Mày định làm gì ta cũng chiều. Ta đây có bao giờ từ chối mày cái gì đâu. Đây, ta đây.

Chị ta đứng im, người hơi tả, tóc rối bù. Mấy chiếc bùa hộ mệnh chị ta đeo phòng thân xổ ra khỏi ngực, lộ ra ngoài áo.

- Chúa hãy cứu giúp con, - chị ta nói. - Con có tội tệ gì đâu, mà cũng chẳng tốt lành gì, hãy chém mau đi và để chúng ta cùng chịu phán quyết.

O'Dowd lúc đó trông to lớn hơn bao giờ hết, cơn rượu làm anh ta sáng rực như ngọn lửa, anh ta bắt đầu run cầm cập, lá cờ nhỏ tức con dao con cầm trong tay run rẩy.

- Ôi, - anh ta kêu lên, - chính con quỷ nó lẫn vào người tôi. Và cái chất brandy Cologne kia.

Rồi anh ta kêu gào phản đối, đôi môi mông đi vì ánh nắng và chạy đuổi nạy lại đây lên.

- Bản chất của tôi là như vậy mà, - anh ta kêu lên. - Tôi lúc nào cũng say say tỉnh tỉnh. Con người tôi không thật sự tội tệ, cho dù tôi không thật sự tốt. Tôi là người bình thường, chỉ khi nào con ma men tóm lấy tôi, thì tôi mới cư xử hơi quá đà. Nhưng tôi nào có hãm hại ai, chắc chắn là không.

- Vậy là chúng ta đã hiểu, - chị vợ nói, ngồi phịch xuống, trên những búi cỏ vàng, lá rụng và bụi bặm. - Vậy là mọi việc đã hai năm rõ mười, chúng ta vẫn còn sống. Đó là điều chủ yếu. Cám ơn anh yêu đã giải thích rõ tình hình.

- Đúng vậy. - anh ta nói, quệt mũi đang chảy ròng ròng, - giờ mọi việc đã xong rồi. Tôi xin phép đi chợ mắt một tí, chị Parker ạ, nếu chị thấy không phiền. Như vậy tốt cho tôi hơn. Vừa rồi, tôi có còn là tôi đâu.

Chị O'Dowd ngồi bứt cổ, còn người bạn chị ta đứng im như tượng, khi anh O'Dowd bắt đầu ý tứ lê tấm thân qua sân, nhón từng bước để tránh khơi dậy những xúc cảm đã tắt ngấm, tay xách cái vật dụng nhỏ bé như thể đó là một mẫu giấy, mà anh ta có thể cuộn lại rồi cất đi vì không dùng đến nữa. Rồi anh ta bước vào nhà, sau khi va trán vào rầm cửa, rồi kêu ầm lên vì cho rằng mình chẳng có tội gì.

Chị O'Dowd làm rầm trong miệng. Chị ta ngồi bứt cổ sột soạt. Tóc chị ta xõa xuống.

- Chị có bỏ anh ta không? - Chị Parker hỏi.

Nhưng chị O'Dowd chỉ ậm ừ.

- Tôi không thể nào chịu đựng nổi một chuyện vợ vẫn như thế, từ bất cứ người đàn ông nào, chứ chưa nói là một ông chồng, - chị Parker nói, cựa quậy đôi chân tê cứng như đá.

- Nhưng tôi thích anh ấy, - chị O'Dowd trả lời, ném chỗ cỏ héo sang một bên. - Chúng tôi rất hợp nhau.

Rồi chị ta lúc lắc đôi chân ở phía dưới, chúng đã tạo thành một dáng hình nhất định như đồ khâu.

- Ôi, - chị ta nói, - tuy rằng lúc này nếu trong tay tôi có cái rìu nhỏ tôi đã giết chết hắn rồi, để chúng ta khỏi chạy không ngừng quanh nhà.

Lúc này Amy Parker đã đi tháo xích bánh xe ngựa. Ở đó con ngựa già chăm chăm đứng nhìn, còn chị bạn đã quay vào nhà, vấn tóc lên qua cơn mê dài của cuộc đời.

- Ô, này chị Parker, - chị ta nói, thò đầu qua cửa sổ, - tôi quên mất. Chị ăn một miếng pho mát do tôi tự làm lấy nhé? Ăn được rồi, ngon lắm.

Nhưng Amy Parker lắc đầu, và con ngựa già kéo chiếc xe lăn bánh. Họ ra đi. Qua hàng cây và qua tất cả những gì đã không xảy ra.

## CHƯƠNG 11

Stan Parker đôi lúc không nhận ra vợ mình. Anh như mới gặp chị lần đầu. Anh nhìn chị và cảm nhận đây là một người khác, như thể chị là đa nhân cách. Dĩ nhiên dù thuộc về nhân cách nào thì vẻ mơ mộng của chị luôn hiện ra bên ngoài. Đôi lúc chị thật đẹp.

Hoặc có lúc họ lại nhìn nhau trong im lặng kéo dài, và chị phân vân không rõ mình đã để lộ những gì. Nhưng anh trân trọng và chấp nhận những điều bí mật của chị, như chị không bao giờ trân trọng và chấp nhận những điều bí mật của anh. Chị thường hay gắt gỏng và chanh chua mỗi khi nghĩ về điều đó, và chị thường xoắn chặt chiếc khăn lau bát đĩa, và vứt nó vào móc, rũ nước ở hai tay đi. Vào những lúc đó anh cũng thấy như mới gặp chị lần đầu, và kinh ngạc không hiểu sao chị lại gắt gỏng và xấu xí như vậy, vẻ mặt chị thô ráp bởi làm việc quá sức. Đúng là chị xấu xí và chua chát, anh tự nhủ, và anh không sao động vào làn da khó ưa của chị được.

- Nhưng khi đi dạo trong vườn vào buổi tối, sau khi cho các con ăn xong, cọ các can sữa, xếp đĩa lên giá, chị liền trở lại là mình. Anh thích đi dọc theo con đường, và tình cờ bắt gặp chị rồi quanh quẩn bên chị, lần nữa với chị, hay vụng về quàng lấy tay chị, rồi cùng chị

thơ thần, ban đầu còn lúng túng, cho đến lúc hơi ấm rồi sự chấp nhận của chị khiến họ hòa vào nhau.

Họ thường thả bộ trong khu vườn mùa hè um tùm trước khi đêm buông xuống, những cây cối trong vườn vươn khỏi bụi bặm và những con ve sầu kêu ra rả.

- A, - chị thường kêu lên, - con ve sầu ngày nào!

Rồi chị né người ra khỏi anh, cúi người xuống, kéo bật một cái cây hay ngọn cỏ mà họ gọi là Người Do Thái Lang Thang. Chị không tin vào tính hữu hiệu của hành động ấy, chẳng qua là lễ tiết cần phải tiến hành, rồi chị vươn người thẳng và vứt cái thân cây nhọt nhạt mà chị vừa giật lên, như thể chị đã quên bẵng rồi.

Và cứ thế họ bách bộ trong ánh hoàng hôn của khu vườn.

- Peabody, - có lần anh nói, - ngày mai lại tới xem con bê của Nancy đấy. Chắc anh ta sẽ mua.

- Cái gì, mua con bê tội nghiệp đó ạ! - Chị trả lời. - Em không muốn bán con bê của Nancy đâu.

- Chúng mình có nhiều quá, - anh nói.

- Con Moll tội nghiệp, - chị nói, - nó sẽ buồn.

Nói xong chị bứt một lá trúc đào sắc cạnh khi đi qua. Chị nói để mà nói, vì chị biết từ đáy lòng rằng mọi thứ xảy ra đều đã định cả rồi. Chị ném cái lá sắc đó đi.

- Nó sẽ buồn, - chị nói. - Tối nay Thelma khóc mãi. Nó bị một cái dằm đâm vào ngón tay. Em đã lấy ra, vậy mà nó vẫn khó chịu.

Chị nghĩ đến đứa con xanh xao, giờ đang ngủ trong buổi hoàng hôn ngượng trĩ, và chị chẳng biết làm gì khác cho nó ngoài việc lấy những cái dằm đó ra.

- Làm như thế nó chưa bao giờ bị cái gì tồi tệ hơn những cái dằm, - anh nói.

Vì anh cũng đang nói để mà nói. Sự có mặt của họ là đủ lắm rồi, nhưng cảm giác mắc lỗi khiến họ phải nói ra những lời kín đáo để che giấu những tâm tư chan chứa. Da mặt của chị mềm mại, lỗ rỗ, hút lấy những gì còn lại của ánh sáng. Bộ mặt dài và nhọn sắc hơn của anh, gằn giống lưới riu, cắt ngang bóng tối. Giờ đây họ nhìn nhau, mặt đối mặt, đắm chìm trong sự huyền bí của giây phút đó. Nhưng họ buộc phải mở lời. Họ nói về đứa con ốm yếu Thelma, đứa trẻ mắc bệnh hen, cho đến khi anh lại bắt đầu kể về đàn bò, về con bê của Nancy làm anh nhớ đến một con bê mà anh đã từng biết. Con vật đã quật ngã cả con bò đực non bằng hai cú húc.

Chị làm bầm phản đối, vì chị không muốn giây phút thanh bình mơ màng đó bị quấy rầy, với hương hoa tan chảy trong ánh chiều tối, và chồng.

- Lúc nào anh cũng chỉ bò với bê, - chị nói. - Thế anh không bao giờ nghĩ đến con cái à?

- Anh phải làm gì nào? - Anh cười vang.



Nhưng anh lại nghiêm nét mặt, nhớ lại mỗi nghi ngờ rằng chính chị đã đẩy xa anh khỏi con cái sau khi họ cùng nhau tạo nên chúng. Song, việc đó lúc này kém phần quan trọng, trong khu vườn nhập nhoạng, và các con đã chìm vào giấc ngủ.

Chị bắt đầu nhích gần lại anh, linh cảm thấy vài điều mà chị không tán thành. Bóng tối cùng chuyển động với họ. Những bụi cây mềm mại sà vào họ, những bông hoa mượt như lụa chạm vào chân và má họ. Đúng lý ra, anh đã bị thứ quyền lực tăm tối êm ái của chị trói buộc. Nhưng đêm nay thì không. Có lẽ là do họ đã đi trong ánh sáng ban ngày khắc nghiệt.

Thế là chị nói, giọng trách móc anh:

- Em đi vào đây. Chúng mình không thể nào đi suốt đêm như người mất trí thế này được. Còn bao nhiêu việc phải làm.

Anh chẳng giữ chị lại.

Chị vào nhà cuộn len chuẩn bị đan áo mùa đông, kẹp những cuộn len giữa hai cái lưng ghế, vì chị không muốn phải nhờ ai giúp mình giữ nó. Trong khi cuộn len, chị nghĩ đến giây phút bên cây dâu tằm. Lúc đó chị đang hái quả và lằm lem. Những chiếc lá to bóng loáng đung đưa trên cuống khi chị làm việc. Tán cây liên tục bị vạch ra, khép lại, bầu trời và lá cây, ánh sáng và bóng tối cứ thế luân phiên, khiến người chị lồm đồm, chưa kể bị nước dâu dính vào. Rồi chồng chị đến, họ đứng bên nhau, trong vòng cây sáng loáng, nói chuyện và cười vô cớ, rồi lại hái quả. Bỗng nhiên chị hôn lên cái miệng ngõ ngàng của anh, mãnh liệt. Chị nhớ rằng họ chạm vào nhau, làm hồng cả cái chín mọng mềm mại của quả dâu. Rồi anh

cười vang, đến run người. Anh ấy không thích chuyện hôn nhau giữa ban ngày. Thế là chị lại quay trở lại hái dâu trong im lặng, ngưng ngưng vì sự chín muồi và đôi bàn tay tím hồng của mình.

Người vợ ngồi trong bếp cuộn len một cách khéo léo, nếu không phải là dữ dội, và liếc nhìn ra phía sau đợi chồng đến. Nhưng anh không đến. Những lá cây sau đó sao mà nhạt nhẽo thế. Một số quả có giò con nhưng vẫn nấu được. Chồng chị vẫn hái quả cùng chị một lát. Anh ngày một khô cằn do những tháng năm làm việc vất vả dưới ánh mặt trời. Chị ý thức được gương mặt anh bên cạnh khi họ hái dâu. Da anh hầu như đỏ quạch, nhưng màu tóc không có gì đặc biệt. Cơ bắp của anh do lao động mà phát triển, ngày một trông lồ lộ, có lúc đến buồn cười. Cứ thế họ hái dâu bên nhau, và sau đó một lúc, anh bỏ đi.

Tất cả nỗi niềm đó hiện rõ trên khuôn mặt bắt đầu nom hốc hác của người đàn bà đang cuộn len. Dĩ nhiên, đã là muộn màng, muộn màng đối với lối sống mà họ đã sống. Thỉnh thoảng len bị tắc ở kẽ bàn tay thô nhám của chị. Lúc này chị không còn bí mật nào cả. Chị đi quanh những cái ghế cuộn len trên đôi bàn chân bè bè, vì chị đã bỏ giày ra cho thoải mái, và hai bầu ngực của chị khá to bên trong chiếc áo thô. Tủi thân và kiệt sức, chị tự nhủ rằng chồng mình lãng tránh mình, trong khi anh đang như đợi một cơn giông tố. Cơn giông tố chẳng bao lâu nữa sẽ ập đến, giải thoát họ khỏi thân thể. Nhưng người vợ không nghĩ đến điều đó. Chị vẫn tiếp tục bị ám ảnh bởi cái đêm nóng bức, bởi lũ côn trùng bâu đầy cái chao đèn bằng sứ, bởi cặp mắt chồng, có lúc nom tử tế, có lúc trông lạnh lùng, nhưng luôn đóng lại với chị. Giá như chị có thể ôm đầu anh trong tay và nhìn vào sọ não để hiểu thấu cuộc đời kín đáo của anh. Dù là gì chẳng

nữa, có lẽ chị sẽ cảm thấy dễ chịu hơn. Nhưng mọi khả năng đều thật xa vời, nên chị xoắn cuộn len mạnh đến mức làm đứt cả sợi.

Đến giờ đi ngủ rồi, chị tự nhủ.

Chị uống xong cốc nước ấm, rồi đi ngủ, và chặn được cơn đau hơi do không vừa lòng. Chị đi tắt, bỏ lại cuộn len màu xám mới cuộn được một nửa ở hai cái ghế. Những ngày tháng trong đời chị chỉ có cuộn len và cuộn len vậy.

Người chồng cũng ý thức được những điều đang xảy ra trong ngôi nhà khi anh ngồi bên ngoài trong bóng đêm, nhẹ nhàng, êm ái hòa mình vào trong đó. Anh đang ngóng trông cơn giông tố. Những sự kiện vô cùng quan trọng sẽ xảy ra nếu trời nổi cơn sấm sét. Nhưng dường như những tia chớp nhỏ lập lòe trên đỉnh núi chưa tập hợp lại để đạt đến quyền lực tối cao. Một cái gì đó như đang lảng vảng trong bóng tối ấm áp. Trong khi ngồi đợi, người chồng uể oải xoa hai bàn tay vào thân thể thư giãn, cái thân thể cường tráng chẳng làm nên điều gì đáng kể. Vì vậy anh cảm thấy bồn chồn. Anh hoàn toàn bất lực. Anh không thể bình tĩnh lại. Anh như những tia chớp nhỏ lập lòe trên đỉnh núi. Trong tâm trạng bồn chồn mơ hồ ấy anh có thể dễ dàng đến bên vợ, vuốt ve chị, rồi ngủ thiếp đi. Nhưng anh đã không làm vậy.

Thậm chí vợ anh cũng lập lòe một cách huyền bí trong đầu anh, trong bóng tối. Anh nhớ một buổi sáng, bên bụi dâu, anh bắt gặp chị đang hái dâu, nét mặt hiền hậu và quen thuộc của chị khiến anh rộn ràng vui sướng đến mức bỏ lảng công việc định làm mà đứng hái dâu bên chị một lát. Bàn tay hai người lướt trên lá, thỉnh thoảng chạm vào nhau, đôi khi là do tình cờ, mà điều đó cũng tốt thôi, với

vẻ mặt của mỗi chân tình. Cứ như thế, lá dâu đã mở ra và khép lại. Cho đến lúc hai người đến sát bên nhau, anh ngạc nhiên nhìn vẻ đẹp nồng cháy của chị, rồi môi chị áp chặt môi anh, hai người níu lấy nhau trong cái ôm bột phát. Nhưng ham muốn ôm ấp người đàn bà không quen biết, nhưng chính lại là vợ anh, nhanh chóng lụi tàn. Trong ánh sáng ban ngày rực rỡ, chị mất dần tầm quan trọng. Da thịt họ lướt bên nhau giấy sượt qua giấy. Chị cũng cảm thấy thế. Và chị tiếp tục hái dâu. Còn anh, sau khi hái thêm mấy nắm nữa, để làm ra vẻ tự nhiên, anh đi ngược trở lại con đường vừa đi, nét mặt trầm tư.

Nhưng khi Stan Parker ngồi trong bóng tối bập bùng đợi cơn bão đến, hình hài người vợ nhòe dần, trở thành vô nghĩa. Một tia chớp xanh rạch ngang bầu trời. Anh lắng nghe tiếng sấm rền, âm vang đầu tiên làm rung chuyển cả sự im lặng. Bầu không khí thanh bình, oi ả bắt đầu chuyển động.

Anh thở dốc từng hơi như thể chưa bao giờ được tự do thở hít. Người anh run rẩy cùng với lá cây trong vườn, với cả bức tường gỗ anh đang tựa mặt vào. Cơn bão đến. Nó thổi rạp cả cây cối trong vườn. Những giọt mưa to rơi ào xuống lá cây và đất rắn. Chẳng mấy chốc mảnh đất đã sáng lóe lên mỗi khi ánh chớp xé màn đêm. Cái day dứt của bóng tối, của những cây vạm vẹo, của mưa quất vào người, đã thoát thai thành trạng thái mê mẩn của thỏa mãn.

Người chồng đang theo dõi cơn bão, dường như cũng đang ngồi ở trung tâm cơn bão, thoát đầu tỏ ra hứng khởi. Cũng như cánh đồng khô cằn của anh, da thịt anh đang uống nước mưa. Anh khoanh hai cánh tay ướt đẫm trước ngực, lòng bội phần mãn

nguyện. Anh rắn chắc và khỏe mạnh, anh là người chồng, người cha, người chủ của đàn bò. Anh ngồi sờ nắn đôi cánh tay vạm vỡ, vì anh đã cởi áo lúc trời nóng nực và chỉ mặc may-ô. Nhưng khi bão mạnh lên, da thịt anh cảm thấy hoài nghi, anh bỗng thấy mình hèn kém. Sấm sét kia không những có thể xé toạc mảnh đất đỏ, mà dường như còn có sức mạnh mở rộng tâm hồn. Trong ánh chớp vàng chói, rõ ràng là điều gì giống như thế này đã xảy ra, thịt đã tụt khỏi xương, và một tia chớp lóe sáng cái đầu lâu hang hốc.

Mưa xối xả, chuỗi khỏi chân tay người đang ngồi trên mép hàng hiên. Trong cảm giác thấp hèn mới mẻ này, sự yếu đuối và phục tùng đã trở thành đức hạnh: lúc này anh đã lui vào mái che ở hàng hiên, khiêm nhường ôm cái cột gỗ mà chính anh đã chôn ở đó nhiều năm trước, và vào lúc này trong đêm, anh vô cùng biết ơn sự có mặt của cái cột gỗ bình dị đó. Khi mưa đổ ào ào xuống đất đai của anh, chớp đánh nhằng nhịt trên ngọn cây của anh. Bóng tối đầy kỳ diệu. Đứng đấy một cách hiền hòa, người đàn ông đã có thể yêu cái gì đó, hay ai đó, nếu như anh có thể xuyên qua rừng, vượt ra khỏi bóng tối đang chuyển động. Nhưng anh không làm được, và trong tâm trạng hoang mang, anh cầu Chúa, không rõ cầu gì, gần như không nói nên lời, chỉ cốt có bầu bạn. Cho đến lúc anh đã tường tận bóng tối, như thể giữa ban ngày, anh đã mang lòng yêu cái thế giới đang nhấp nhô này, yêu đến từng lá cỏ ươt cuối cùng.

Chẳng bao lâu một vẻ dịu dàng mới mẻ đã len vào trong mưa, vì bão đang tan. Có thể phân biệt rõ từng âm thanh một. Những giọt mưa rơi tí tách trên mái nhà lợp tôn, những cơn gió lạnh cuối cùng thổi, xoa những chiếc lá vào nhau.

Stan Parker vẫn đứng đó, tay ôm cái cột ở hàng hiên, trông xơ xác sau cơn bão. Tóc anh bết vào đầu, người mệt lả, nhưng anh đã mang lòng yêu sự công minh của thế giới này. Mỉm cười vì cả gan chấp nhận kết luận đó, anh lại đi vào bóng tối dai dẳng và hãy còn ngái ngủ của căn nhà, mò đường đi giữa đồ đạc, trong căn nhà còn có người khác sống. Anh tách biệt trong cái thế giới mờ ảo của những tiếng thờ dài và tiếng đồng hồ tích tắc. Miệng vẫn mỉm cười, anh cởi quần áo, và giắc ngủ nuốt chửng anh.

Sáng hôm sau, hai vợ chồng đập tung tấm chăn như thể cuộc sống đang đợi họ. Mùa hè mang về choáng lộn mới. Đó cũng là buổi sáng Ossie Peabody đến hỏi mua con bê của Nancy.

- Tội nghiệp con bê, - Amy Parker lại nói, sau khi chị treo những tấm giẻ lau đầu vú bò, - anh Stan ạ, mọi người bảo Ossie Peabody gian lắm. Anh cẩn thận nhé.

- Ossie sẽ mua theo giá của ta, - anh nói, - bằng không mình giữ con bê lại.

- Được thôi, - chị vợ nói. - Nhưng anh lạnh quá. Để xem xem.

Stan không trả lời, vì nó chẳng hệ trọng gì, mà anh lại cảm thấy khoan khoái. Anh thắt chặt dây lưng và đi ra ngoài.

Những cơn gió nhẹ cùng làn hơi nước mang lại cho cây cối hình dáng mềm mại của màu xanh. Gà vịt đi lại trong sân, chỗ nắng bóng, chỗ lốm đốm. Con chó cái lông xanh len lén bước đến, cái mũi đỏ như dâu ằm ướt trong buổi sáng chan hòa nắng.

- Này anh Ray! Em mách cho mà xem! - Thelma kêu toáng lên.

Vì thằng bé vừa trát bùn đỏ vào mặt em. Thelma trông nhem nhuốc. Ngày hôm đó quá đủ đối với khuôn mặt gầy guộc của Thelma rồi. Nó co rúm người lại. Ray lại ném một nắm bùn đỏ nhão nhoét rất chuẩn vào chiếc tạp dề của cô em.

Thelma khóc thét lên.

- Gì thế? - Stan Parker rít lên giữa hai hàm răng.

Nhẽ ra anh phải chặn thằng bé lại và đóng vai ông bố. Anh bộp một cái vào đầu khiến tóc nó bù cả lên. Sáng nay anh có thể chuyện trò với chúng, nhưng thằng bé thấy thế, ngượng quá đã chạy đi chọc tổ kiến.

- Không sao, Thelma, - người bố nói, làm bầm ra chiều hài lòng. - Rồi sẽ rửa sạch ngay thôi.

- Con ghét anh ấy lắm, - cô em kêu khóc. - Con chỉ muốn đá vào bụng anh ấy thôi, nhưng lần nào anh ấy cũng bỏ chạy.

Nói xong con bé đi vào phòng rửa ráy, lúc lau mặt, nó nhìn vào gương, liếm và bĩu môi, cho đến lúc nó trở nên mơ màng với hình ảnh mình trong đó.

Stan Parker đi tiếp ra bãi quây bò, ở đây anh sẽ gặp người bạn và đồng thời là người láng giềng để giải quyết vụ làm ăn nho nhỏ này. Anh đi loanh quanh cho vui, qua cánh đồng còn trơ gốc rạ mà anh và ông già người Đức vừa mới thu hoạch xong lúa yến mạch. Một làn gió nhẹ mơn trớn hàng cây khiến chúng ngã nghiêng theo. Tâm trí anh cũng cùng gió bay lên. Anh mang máng nhớ lại điệu nhạc mà anh thường huýt sáo khi còn bé, trên mình ngựa, phía sau

đàn bò, lưng chồm về phía trước, tay nắm vào núm yên ngựa. Nếu anh vẫn là chàng thiếu niên huyết sáo thì sao nhỉ? Anh bắn khoăn tự hỏi. Ý nghĩ thực lạnh lùng nhưng khả thi khiến lòng anh nao nao trong cơn gió vô tình. Anh đi tiếp. Một con sếu nhô lên khỏi mặt nước ở cánh đồng trũng và bay là là trở lại trong buổi sáng màu xanh.

Ngay lúc ấy Stan Parker nhìn thấy người láng giềng Ossie Peabody mở cổng phụ, cúi khom người trên con ngựa thiến màu hồng, lưng trải tấm đệm mỏng. Con ngựa anh thường cưỡi. Người láng giềng vừa thông dong mở cánh cổng khá phức tạp, vừa đưa mắt nhìn quanh tìm kiếm một cái gì đó có thể khiến anh ta ghen tị. Bao năm nay, Ossie Peabody đã ngấm ngàm ghen tị với Stan Parker, những cơn nhức nhối chậm rãi. Giờ anh ta thấy Stan đang đi qua cánh đồng. Cả hai người đều nhìn đi chỗ khác. Họ quen nhau đã lâu, ai cũng cho rằng việc mình được nhận ra là chuyện đương nhiên. Chẳng nào họ cũng sẽ gặp và lựa lời nói với nhau giữa những tiếng càu nhàu, im lặng, những cái liếc nhìn, và ký ức về những chuyện đã xảy ra với hai người trong bao năm nay.

Ossie Peabody có cái mũi dài, trạc tuổi Stan, nhưng khô khan hơn và thường có những vết sẹo sấp liền da. Bản chất tốt đẹp bẩm sinh của anh ta đã xấu đi kể từ khi anh ta đánh xe chở những người tình nguyện đi Wullunya cứu lụt. Anh ta khép mình lại. Anh ta vẫn sống ở nhà với bố mẹ và một người vợ trẻ khó ưa chỉ biết sinh con đẻ cái, có thể thôi. Ossie Peabody không thích con. Không thích lắm. Anh ta kính trọng bố mẹ. Anh ta thích có một con bò tốt. Ở đâu đó trong cái pháo đài kiên cố của anh có một thứ tình cảm đối với người láng giềng Stan Parker, nhưng bị tính đố kỵ làm phức tạp



thêm. Vì anh ta cũng thích nói chuyện với Stan, nhưng hầu như toàn né tránh. Anh ta thúc con ngựa bồm xồm, kiên nhẫn rẽ sang hướng khác, mỗi lúc một cay đắng vì mình sẽ bị quên lãng.

Lúc này hai người đang tiến vào bãi quây bò tại nhà Parker, nơi sẽ có cuộc gặp mặt. Họ tiến lại, đầu tâng lờ cúi xuống.

Họ nói: “Chào Stan.” “Chào Ossie”.

Gần như kinh ngạc.

Rồi Ossie xuống ngựa. Anh ta đứng lều bều dưới đất, chân đi đôi ủng buộc dây da đã cũ, hai chân choãi ra và nhận thấy mình thấp hơn Stan.

- Anh kiếm đâu ra con bê ba cẳng thế này? - Ossie Peabody hỏi.

Stan Parker mỉm cười nhưng chưa tiết lộ, tựa như anh sẽ thả chim bồ câu vào đúng lúc.

- À, khỏe không, anh Ossie? - Stan Parker hỏi.

Nhưng Ossie Peabody chỉ khịt khịt mũi. Chắc hẳn anh ta phải có cái gì tắc ở mũi, cái mũi dài cứ đến mùa hè lại ửng đỏ.

- Vụ lúa yến mạch tốt nhỉ? - Anh ta hỏi Stan.

- Cũng được, - Stan Parker trả lời.

Anh thấy vui. Thậm chí thấy vui khi ở bên người lảng giềng hay cái kính mà anh thấy khô héo dần và mũi dài ra. Thường anh nghĩ

đến những điều anh muốn kể cho Ossie nghe, nhưng anh ta không có đó, nên anh cũng quên đi.

- Mưa thật là tuyệt, - anh nói.

- Chùng này là vừa rồi, - người láng giềng trả lời. - Dầu sao hôm nay cũng đẹp trời.

Anh ta nhìn Stan, phân vân không hiểu Stan có giờ trò gì không, vì lúc này Ossie Peabody đang nóng lòng xem con bê, không biết nó đẹp ghê gớm thế nào. Nó cũng là của Stan. Anh ta muốn có con bê. Vì vậy Ossie Peabody nhìn người láng giềng, thềm thắc mắc, rồi hần học cho rằng Stan láu cá, vì thế cho nên hẳn đúng là một tay mác dịch, lúc nào cũng lẩn quất đâu đây, ử mưu gì đó. Nghĩ thế Ossie nhỏ đánh toẹt một cái.

Nhưng Stan Parker chỉ cảm thấy dễ chịu.

- Anh muốn xem con bê, hả? Được thôi, Ossie ạ, - Stan Parker nói.

Anh vươn vai như vừa ngủ dậy, xương kê răng rắc khiến anh bạn láng giềng khó chịu, lấy cái roi đen dài xấu xí quật vào đất bụi. Ossie Peabody căng thẳng, nhưng ngày hôm đó Stan Parker cảm thấy an toàn, chắc chắn mà mềm mại như cánh sếu. Có đôi lần anh nhớ đến cơn bão, nơi anh đã bộc lộ sự yếu đuối của mình, thứ lúc này nhẽ ra anh phải phủ nhận, nhưng anh đã không làm, vì trên thực tế chẳng cần thiết.

Bỗng nhiên anh bỏ đi khỏi cái bãi quây hai người đang đứng và đến một cái bãi khác nhỏ hơn, nơi tán cây tiêu rủ xuống, rồi mở tung

cổng ra. Đến thời điểm này của vụ làm ăn, Ossie Peabody không biết mình cảm thấy thế nào về Stan Parker, về bước đi chắc chắn của anh, về những bãi quây được sửa lại chu đáo. Ossie mím môi, anh ta mặc một cái áo khoác dài màu xanh cũ sòn để phòng thời tiết thay đổi. Nước da nâu bóng của anh ta ánh màu xanh gỉ đồng.

Con bê đã ở đấy. Cái mũi bóng loáng của nó dò xét cuộc đời khi nó tiến lại trên bốn chân lóng ngóng, nhìn ngang liếc dọc, ngọ nguậy hai cái sừng mới nhú trong không khí. Stan Parker vỗ về nó đủ kiểu. Anh bước theo sau, hai bàn tay xòe ra như cánh quạt. Con bê bước tiếp. Cây cối xòa vào người nó. Nó miễn cưỡng đi. Vẻ đẹp của nó run rẩy.

- Không đến nỗi tồi đâu, anh Stan ạ, - Ossie Peabody nói bằng một giọng lạnh lạnh trong trẻo, không muốn để lộ ra nhiều điều.

Con bê lao vào bãi rào cuối cùng. Nếu bàn chân nó không bị kiệt sức chắc chúng nhớn như vui vẻ lắm. Chúng lạch lững trên mảnh đất này. Nỗi sợ hãi của nó tỏa khắp không gian.

- Dáng đẹp lắm. Để tôi dắt nó xem, - Ossie Peabody nói.

Anh ta xắn tay áo, tỏ ra sốt ruột. Anh ta nóng lòng sờ mó vào con bê.

Stan Parker bước khễ lại. Giờ đây cả không gian như ngưng đọng, buổi sáng rục rờ run rẩy nín thở trong tích tắc. Trước khi anh ta chạm vào dây buộc cái cổ bóng loáng của con bê.

- Tương đối lành, - Ossie Peabody nói, xem xét con vật.

Anh ta bắt đầu thúc và nắn bóp con bê. Anh ta sờ nó, với vẻ háo hức đầy cảm phấn, như đây là thú vui duy nhất gọn sóng lăn tăn trên cuộc sống phẳng lặng của anh ta.

Stan Parker ôm con bê. Có tiếng ác là gọi nhau, chúng chao liệng trên bầu trời thành từng cụm lốm đốm. Có mùi phân bò tươi và mưa vừa tạnh. Anh bắt lượm trước tất cả những cái đó, trước bất cứ những gì có thể xảy ra: anh đứng mỉm cười, trông đến ngớ ngẩn, trước bất kỳ điều gì Ossie Peabody nói.

- Ừ, anh Ossie ạ, - con này là giống cho sữa tốt đấy, nhìn cặp mông nó kìa.

Anh đứng đó mỉm cười. Người to lớn, hơi thẳng đuốn. Trên gương mặt của anh lúc này mang tất cả vẻ giản dị và tốt bụng, mà anh ý thức là vô cùng quan trọng. Kìa, những chiếc lá cây tiêu bông rủ như chẳng thể nào khác được. Anh nhìn xuống, vẻ hơi ngượng về sự vui sướng của mình, nhìn những hòn đất bám vào ủng.

- Một đầu vú hình như ngắn, - Ossie Peabody nói.

- Bê con sẽ kéo vú xuống.

- Được rồi. Nhưng nếu nó không đẻ thì sao?

- Thế thì bán lấy thịt.

- Ồ, không được, không được anh Stan ạ. Tôi không muốn lãng phí thời gian.

Rồi anh ta bắt đầu giải thích vì sao.

Nhưng cũng không thể cạnh tranh được với những cái cọc thẳng đứng ở bãi rào mà Stan Parker đã đốn; cửa thành hình dáng rồi chôn xuống đất. Qua những kẽ hở của bãi quây cao, bầu trời hiện rõ. Lúc này nó bốc lửa. Stan Parker nhắm mắt lại, chấp nhận những lời nói ngờ ngạc, tan biến thành những đợt sóng nhỏ rời rạc, của sự hiểu biết và niềm thỏa mãn. Sự hiểu biết của anh về lòng tốt không thấm thấu được.

Ossie Peabody nhìn chăm chăm vào Stan Parker và nghĩ, mà đúng là một tay quái đản, mộc mạc hay láu cá?

- Thế anh đòi bao nhiêu tiền cho con quái này? - Đột nhiên anh ta nói nhanh, hạ giọng xuống.

- Sáu đồng, - Stan nói.

- Trời đất, sáu đồng cho một con oắt thế này sao! Vô lý, Stan ạ. Anh cứ đi tìm chỗ khác mà bán. Tôi nghèo. Lại còn gia đình. Còn phải cho con cái đi học nữa chứ! Rồi quần áo. Rồi ốm đau. Biên lai của bác sĩ nữa. Vợ tôi thì quặt quẹo luôn. Kể từ khi đẻ đứa út đến giờ, cô ấy cứ bất ổn mãi. Bác sĩ Pillinger nói là cô ấy bị sa dạ con. Hừm, cái số của tôi nó thế đấy. Họ nói với tôi là phải đưa cô ấy ra Sydney, khám bác sĩ chuyên khoa hay cái gì đấy. Dĩ nhiên tôi không biết. Mà tôi đâu có tiền để mua bò, anh Stan!

Nói xong, anh ta nhìn thấy Stan Parker xoắn mẩu dây thừng lòng thòng ở cổ con bê.

Nhưng Stan không nói. Anh mong sao được ở lại một mình vì anh không thể chịu nổi sự trọng đại của ngày hôm đó. Vì vậy anh xoắn dây thừng.

- Tôi chỉ có thể trả anh ba đồng thôi, - Ossie Peabody nói và nhìn anh. - Nếu như tôi tiêu dè một, hai thứ. Nhưng ta đây là con người cả, anh Stan ạ. Đôi lúc cũng phải hút vài điếu thuốc, ngó nghiêng dăm ba quyển sách chứ. Nhưng nếu anh đồng ý ba đồng, tôi có thể mua được.

Rồi ác là lại cất tiếng gọi nhau lạnh lùng, lạnh lạnh, và bầu trời mênh mông lại trải dài ra. Vậy là Stan Parker xòe hai bàn tay đang nắm lấy sợi dây. Anh chàng Ossie Peabody này thực là hạng người khôn khéo.

- Được rồi, Ossie ạ, - anh nói, - anh có thích thì lấy, ba đồng cũng được. Anh mua được con bò tốt đấy.

- Ồ, tôi chẳng nghi ngờ gì điều đó, anh Stan ạ. Anh có được giống tốt. Đây, xin gửi anh tiền. Tôi có mang theo đây. Ta đếm tiền đi!

Và hai người đếm tiền. Từng tờ một.

Stan Parker cầm lấy tiền, trông hơi nhàu nát, và nhét vào túi. Anh ngờ vực tầm quan trọng của vụ mua bán này, và hầu hết mọi hành động. Nhưng ai không hiểu rõ anh hẳn đều nghĩ anh là người thiếu tự tin. Nhưng đến sáng nay anh tự tin chưa từng thấy. Quả là như vậy, anh kéo mũ lệch xuống che mắt để che giấu sự hiểu biết của mình. Và lúc ấy nắng cũng chói chang.

Rồi anh chàng Ossie Peabody đáng thương leo lên lưng ngựa có phủ đệm và dẫn con bê nhỏ bé đến cổng phụ, rạp người dọc theo cổ con ngựa và lấy khuỷu tay huých, sợ nhỡ để xổng mất con bê.

Khi họ đã đi khuất, Stan Parker quay trở lại nhà, nơi vợ đang giữ cái áo chống bụi và nhìn ra.

- Ồ, anh ta có trả tiền không? - Chị nói.

- À, có chứ. Anh đã có được những gì mình muốn. - anh nói, qua vành mũ.

- Thế ư! - Chị nói. - Thế thì cũng lạ thật đấy.

Chị mím miệng lại thật chặt, không muốn tỏ ra dụi dàng.

- Anh ta, cái anh chàng Ossie Peabody ấy, cũng thuộc loại nghèo mạt. Anh ta nói vợ anh ta bị sa dạ con.

- Ồ, - chị nói, treo cái áo lên. - Có thể thế.

Đoạn chị lui vào phòng, mặc dù chị có thể nán lại lâu ở bậu cửa, ngấm nhìn chồng trong ánh nắng.

## CHƯƠNG 12

Mùa hè thống trị làm khô cạn khắp vùng. Lá cây khô khốc như giấy rách, và khi có luồng gió thổi qua bãi cỏ vàng, nó kêu lạo xạo giữa những phiến cỏ héo úa. Hạt khô thành lớp trên đất xám, và ở chỗ đàn bò thường tụ tập bên những vũng nước và khe suối, sục mũi vào lớp cặn váng xanh, đất đã khô thành những hố sâu. Quanh vùng la liệt xác chết - những thân cây trơ trụi xám xịt, một con bò già yếu bị lún trong bùn và không sao ngoi lên được, những con thằn lằn chết nằm phơi bụng lên trời. Mùa hè năm ấy đôi khi mọi thứ tưởng như đều sẽ chết. Nhưng con người không quan tâm, khi họ lấy tay che những cặp mắt yếu ớt hay kỳ cọ lớp da nhày nhụa. Chỉ là họ không hề lo lắng ở cái giai đoạn ban đầu này khi họ còn bị động, về sau, khi những đám cháy bùng lên và không thể nào kiểm soát nổi, thiêu cháy những khe suối, bèn đến những bãi quây gia cầm, lùa vào các cửa sổ, biến những mảnh che ủ rũ thành những ngọn lửa điên cuồng, lúc ấy mọi người mới tỉnh dậy và nhận ra rằng họ không muốn chết. Những tiếng khóc thét bật ra từ cổ họng những ai bị lửa bén cháy. Họ nhớ lại thời thơ ấu, nhớ lại tội lỗi của mình, và sẵn sàng cải hóa để trở thành những vị thánh, nếu quả có cơ hội sống lại kiếp người. Một số có được cơ hội đó, nhưng chỉ là để thoát khỏi bản thân mình trong một thời gian ngắn, rồi lại trở nên tồi tệ hơn trước.



Thế nhưng, trước khi có cháy rừng, Armstrong đã đặt mua hai đôi vịt làm sẵn mà một buổi tối Amy Parker đã mang đến nhà anh ta sau khi dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ. Lần này nhà Armstrong có khách, nhiều ông bà quý phái từ thành phố đến, những người không có gì ngoài tiền của, như chị O'Dowd nói. Chính là vì cô Madeleine, chị nghĩ, mà trong nhà mới có những việc trọng đại phải làm, chị Frisby nói thế, và người ta đã đặt sẵn vịt bởi vì cái cô Madeleine này không thể nào gạt anh chàng Armstrong ra được nữa, nên cuối cùng đã chấp nhận anh ta.

Amy Parker lên đường vào buổi tối hôm đó qua một miền khô cằn với hai đôi vịt làm sẵn để trong cái giỏ nông quàng trên tay. Trông chị gọn gàng trong chiếc áo sơ mi sạch, hai cánh tay đỡ lên vì vừa kỳ cọ cho sạch máu vịt. Chị bước đi, nín thở, tự hỏi mình sẽ thấy và nói gì, liệu mình có gặp Madeleine không. Chắc là không. Vì thế nên đến đôi chị đi chậm lại, người đỡ bưng, vì lúc này chị đã đẩy người, chưa nói là thật sự béo, nên tay chân chị vụng về, phảng phất mùi xà phòng hảo hạng.

Thế là chị đến cổng nhà Armstrong, cái cổng đất tiền và lòe loẹt, ngồn ngộn những sắt và gạch, trên mỗi cột xây bằng gạch đỏ có gắn tên bằng đá trắng. Cơ ngơi nhà Armstrong được gọi là Glastonbury, kể từ khi một nhà quý phái có học vấn sau khi uống vài cốc rượu đã nói nơi này không khác mấy so với nơi có cái tên đó, mà ở miền quê cổ lỗ này chưa ai nghe đến cả. Vì thế ông Armstrong rất hài lòng. Ông ta đọc thầm cái tên, rồi tra nó trong một cuốn sách, và nơi ông ta ở trở thành Glastonbury.

Thời gian này ông Armstrong khá nhàn hạ, dầu cho da thịt ông ta chưa bao giờ mất đi sự săn chắc. Nhưng ông ta cỡi chiếc tạp dề ra đã lâu lắm rồi, nên mọi người cũng đã quên. Chỉ có đôi lúc khi đang ăn thịt ở nhà ông, một số người lại nảy sinh ác ý, họ ngẩng lên khỏi đĩa ăn cảm thấy mình cao trọng hơn, cầm lấy những gì ông ta mời họ, rồi bỏ đi luôn. Nhưng hầu hết chỉ ngồi ăn. Hoặc đi dạo trên bãi cỏ và nói chuyện châu Âu. Họ nhũn như con chi chi trước anh con trai ông, người sặc mùi rượu rum, hoặc trước các cô con gái ông, người sực mùi nước hoa dành dành. Thực ra có một lãnh chúa Anh theo đuổi một cô con gái, chị O'Dowd nói thế. Vì vậy ông Armstrong hài lòng. Ông ta đã có gia hiệu riêng và cả một câu lạc bộ, và biết bao kẻ ăn bám, mang lại cho ông cái vinh dự là được nhẹ gánh tiền bạc.

Ngay cả chạy xe trên đường ở Glastonbury, sự phồn vinh cũng dễ nhận ra. Nó ánh lên trên mặt gương của những lá nguyệt quế lấp loáng, lảng vảng trong các bụi cây và bãi cỏ, và cả trong ngôi nhà mùa hè nho nhỏ, nơi mấy lá bài bị bỏ lại dưới những bông hồng đẹp đến giả tạo. Trước khi cho xe xuống lối đi dành cho những thương nhân và đầy tớ,

Amy Parker ngỡ ngàng nhận thấy bức tượng người phụ nữ khỏa thân gần cửa trước. Hầu hết ai thấy bức tượng đều im lặng để tỏ lòng kính trọng. Họ không nhìn, hoặc chỉ tình cờ, và sau khi nhìn trộm thật sượng mắt hai bàn tay khô gợt, chấp nhận đấy là biểu tượng đáng kính của sự giàu có đã đặt nó ở đấy.

Nhưng Amy Parker thấy nóng bừng cả người, và mong sao bức tượng không có ở đó khi chị đi vòng quanh nhà đến cánh cửa sẽ

đón chị vào. Ở phía bên này, họ trồng một hàng cây dành dành, mà vào buổi hoàng hôn đó những phiến lá kiêu cách và những bông hoa mềm mại đã có thể ngăn chị lại, nếu như chị không nhìn qua cửa sổ và cảm thấy mình bị thôi thúc. Vì thế chị đi quanh quần, len người vào bụi dành dành mà không hề thấy tội lỗi, để nhìn vào bên trong cửa sổ mà trước đây chị chỉ dám liếc qua.

Căn buồng chị nhìn vào rực sáng trong ánh hoàng hôn, vì họ thắp một ngọn đèn trắng sữa khá lớn, có cả một hàng giá đèn cây bạc chói lập lòe trước gió. Để thoáng gió trong cảnh nóng nực, họ mở toang rèm và cửa ra vào dẫn sâu vào trong nhà, dẫn vào những bí mật và những ánh đèn khác. Amy Parker nhìn thấy nhiều người tụ tập trong buồng; những người đứng tuổi mặc đồ đen, vẻ đáng kính, và những người trẻ trông diện hơn. Nhưng tất cả đều bị cuốn hút vào bóng tối, trừ chiếc áo sơ mi trắng của họ, còn mặt họ ngẩng lên nghe. Họ là thính giả. Chính Madeleine đã tạc họ thành những bức tượng. Cô ta đứng đó, khiến ánh đèn cũng trở nên mờ ảo.

Amy Parker tiến lại gần hơn. Ngọn trong mùi hoa của bóng tối dày đặc, cành cây hoa nhài vươn ra khẽ rung rinh ôm lấy khuôn mặt kẻ xâm nhập. Từ chỗ này chị có thể theo dõi, vô danh như một con ngài, nhưng không nghe thấy gì. Chị không muốn nghe. Chị sẽ thấy sợ hãi. Và lại chị đã có thể nghe quá rõ tiếng tim mình đập thình thịch.

Lúc này Madeleine giơ tay, mắt những người đàn ông nhìn theo, như thể nó không phải làm bằng xương thịt mà là cái gì đó kỳ dị khác. Họ bị cánh tay điều khiển, họ cười khi miệng cô ta mấp máy ra lệnh. Các ông già cười như thể vừa bị đánh, rung cả người như một

lũ ngớ ngẩn. Nhưng anh con trai, nay đã là anh chàng Armstrong, cười vì anh hy vọng sẽ làm cô Madeleine thỏa mãn sâu sắc nhất, như thể hai người ở đó một mình, và anh ta đang ôm cô. Tiếng cười của anh ta có chiều mơn trớn. Nhưng Madeleine không chú ý đặc biệt đến những người có mặt trong phòng. Cô ta nói cho mình nghe. Khi thì chỉnh lại chiếc vòng ngọc trai cho ngay ngắn. Khi thì liếc theo đôi vai trần. Khi thì nhìn vào kẽ hở giữa đôi vú, mà cô che giấu bằng một bông hồng. Madeleine lạnh như băng giá. Bộ quần áo băng giá của cô mọc lên từ thân hình lỏng lẻo của cô chứ không phải bất kỳ ai khác. Vào lúc ấy, Amy Parker hoàn toàn quên rằng mình đã nhìn thấy cô ta ở những hoàn cảnh khác hoặc trong những bộ đồ khác.

Sau đó ông Armstrong đứng dậy khỏi chỗ ông vẫn ngồi bên cửa sổ, trong buổi tối mát mẻ, xem xét giấy tờ, rõ ràng là thư từ, trước khi ánh sáng yếu đi. Hình như chẳng có ai buồn quấy rầy ông. Ông đã trả tiền cho sự có mặt của họ ở đây, và cũng đủ giàu có để phớt lờ bọn họ. Ông cứ đi lại một mình trong phòng với những lá thư để ngỏ bay phàn phật trong tay, rồi tự rót một cốc vang mà những người khác đang uống, và uống, rồi kích thích những ý nghĩ của mình. Nhưng ông đã phủ một bóng mây u ám lên câu chuyện của Madeleine. Tiếng cười của cánh đàn ông trở thành những nụ cười thật nhưng khá chua chát. Họ chuyền tay uống cạn chén, còn Madeleine nhìn vào chén của mình, vào thứ rượu mà cô không thích. Cho đến khi ông Armstrong đến và cầm lấy chén của cô rồi đặt xuống, tuy cô không yêu cầu. Rõ ràng cô chỉ muốn đập vỡ cái chén đó.

Rồi hình như mọi bóng dáng trong phòng đều đang đứng hay ngồi chẳng nhằm mục đích nào cả. Họ không hòa vào nhau, vì bản

chất của họ là không thể dung hòa. Họ luôn luôn là một thứ kim loại mỏng manh, chỉ cần ai đó thờ một chút căm ghét vào là xoắn cả lại. Amy Parker bắt đầu cảm thấy mình dừng lại quá lâu. Con gió nhẹ lùa sau tấm thảm loại đắt tiền mà người bán thịt mang từ châu Âu về, theo hình các lãnh chúa cùng mệnh phụ cưỡi những con ngựa bạc. Khu rừng lay động, và bày ngựa run rẩy trong làn gió nhẹ. Cả căn phòng rung rinh như tấm thảm lay động kia. Ngọn nến chảy dài như suối tóc, và lá vàng bịt cổ chai rượu vang khô giòn trong ánh sáng bập bùng. Madeleine đến ngồi xuống ghế mà anh chàng Armstrong, người nghe nói sắp lấy cô ta, đang giữ chặt trên mặt đất cho vững. Không ý thức được sức mạnh và lòng ngưỡng mộ của anh, cô ta ngồi xuống chiếc ghế chạm trổ, giấu vẻ chán ngán đằng sau những nan quạt. Những người già vốn được dạy là phải tươi cười, đã vượt qua cảm giác khó chịu ban đầu đối với cung cách cư xử của anh chủ nhà, lúc này đang đứng tách ra và cười nhả nhỏ, chờ đợi giây phút xoay đổi.

Amy Parker bắt đầu cảm thấy gánh nặng của mấy con vịt trên cánh tay, và của nhiều điều mà chị không hiểu. Vì thế chị thờ dài và rời khỏi cảnh tượng chị đang theo dõi. Dấu sao cũng đã xong, hoặc đã bước vào giai đoạn mới. Chị bước qua rặng cây tối bốc lên mùi mục rữa, át cả mùi hoa trong đêm, và đi đến cửa phòng những người hầu gái.

Cửa mở lùa ra một luồng gió thơm nức mùi thịt bò nướng, cùng với tiếng cười pha lẫn những lời ta thán. Chị ngượng ngập bước vào sàn nhà sạch sẽ, xấu hổ vì cả đôi bít tất diện nhất của mình và điều đứng vì ánh đèn.

- Tôi mang vịt tới cho ngày mai đây, - chị nói bằng một giọng có thể khiến lũ con của chị cũng phải ngược lên nhìn.

- Sao mà đúng lúc thế. - Chị Frisby, một người không xấu bụng lắm nói.

Nhưng chị ta đóng sầm cửa bếp lò lại.

- Đồ của nợ, cái bếp lò của nợ này, cả bọn họ lẫn những cái bếp đều khôn kiếp. Tôi phát ốm và ngấy tất cả. Tuần tới họ có thể tìm cô gái khác. Tôi sẽ lui về ở bên bờ biển thôi.

- Và sống bằng lòng từ thiện của họ, - Winnie nói, kéo căng tai mũi ra, nom càng danh đá hơn.

- Ôi, không đâu cô bạn ơi, - chị Frisby nói. - Có một bà sẵn sàng cho tôi ở cùng cốt cho có bạn. Và dùng bữa sáng ngay tại giường, nếu tôi không ngại vụn bánh mì rơi vãi.

Mọi người cười vang, cho đến lúc chị Frisby im bặt, đặc biệt là cô gái tên Cassie có gương mặt chất phác vừa mới từ Ai-len đến, đang đánh trứng.

- Ồ, chúng ta quên khuấy mất chị Parker, - chị Frisby nói. - Xin mời ngồi, rồi chúng tôi sẽ kể cho chị một bí mật.

Chị ta mang từ trong chạn ra một cái chai lấp lánh giấy vàng giống như cái mà người bán thịt cùng các vị khách của mình uống, rồi sau khi nháy mắt, và ngoắc ngón tay, chị ta rất lịch sự rót một cốc rượu đầy.

- Nó hả hết rồi vì đã mở ra được một lúc. Nhưng nó sẽ đưa chị phiêu diêu đến bất cứ nơi nào.

- Tôi không uống rượu bao giờ, - Amy Parker trả lời.

Thế là mặt Winnie nom dài thuôn ra, rồi cô ta rút trong túi tạp dề một chiếc giũa và bắt đầu cạo móng tay.

- Ở chỗ em làm trước, bọn con gái chúng em uống rượu rất cừ. Dạo ấy vui lắm. Cứ cách một ngày lại có tiệc. Ông ấy đúng là một nhà quý phái. Chứ đâu có như anh chàng này, loại giàu xổi.

- Suyt, - chị Frisby chặc lưỡi. - Anh ta giả lương cao. Mà anh ta đâu có tài tệ lắm đâu.

Rượu và hơi nước làm chị mềm lòng, và cả những suy tư buồn bã về người chồng thủy thủ quá cố trôi theo tiếng ợ dài. - Tôi xin lỗi, - chị ta nói, nhìn vào cái xoong. - Nhớ lại chuyện xưa làm tôi hơi buồn. Cái giá của rượu là thế đấy.

Những lời trên khiến cô gái người Ai-len cười rĩ bên chậu trứng mà cô cứ ra sức đánh.

- Này, phải cẩn thận đấy cô bạn ạ, kéo trứng lại dậy quá đấy!

Trong nhà bếp lúc này thật ấm áp và rực sáng. Amy Parker nhấm nháp rượu từ chiếc cốc chị đang nâng niu như một bông hoa, và nhìn vào trong buồng, lắng nghe dấu hiệu của sự sống đang diễn ra ở buồng bên kia. Khi rượu chạy qua mạch máu và bốc lên trong đầu, chị chỉ muốn đứng dậy và dò dẫm tìm đường qua cánh cửa bực nỉ để đứng trước mặt Madeleine.

- Cô ấy đẹp lắm, - chị nói.

- Ai cơ? - Chị Frisby hỏi. - Cái cô bé ngu ngốc ở quận Cork ấy à?

Cassie cười khúc khích, đánh trứng tiếp, như thể cô ta chỉ có thể làm được hai chức năng trên.

- Dĩ nhiên là Madeleine rồi, - Amy Parker tỉnh táo nói. Mối chị chúm chím duyên dáng để phát ra cái từ mà chị chưa bao giờ dám nói.

Winnie lặng lẽ bỏ chiếc giũa vào túi và kéo tạp dề sát vào bộ ngực phẳng.

- Chính là cô Madeleine xinh đẹp ấy, - Amy Parker lại nói, giờ chị đã dám nói.

- À, - chị Frisby kêu lên, nhúng cái muôi vào nồi xúp, - chúng ta chưa nhìn thấy cô ta trên giường.

- Đó là việc của người khác, - Winnie phá lên cười. Còn Cassie khúc khích, tay vẫn đánh trứng ào ào. Chị Frisby bắc cái nồi hơi bốc mù mịt ra, phía sau thấp thoáng bộ mặt tiên tri của chị ta, rồi xúp đổ ào vào đĩa nghe như thác nước, những mẩu cà rất nhỏ lẫn trong thứ nước vàng óng.

- Đó là việc của người khác. Nếu người đó thành công. Thế nhưng người đó là ai?

Chị ta đổ xúp ra, gương mặt xám ngoét trông đến thảm hại trong làn hơi nước.



- Cái của nợ này chưa trong, - chị ta buồn bã nói. - Kệ, chắc họ vẫn ăn được. Chẳng việc gì đến tôi cả. Có hơi mỡ màng một chút. Dầu sao đây là món ăn Pháp.

Nhưng đối với Amy Parker mọi thứ đều tuyệt vời.

- Tôi muốn ngồi cạnh cô ấy, - chị nói, - giống như cô ấy vậy, ngồi ở đó, dưới cái màn che, với những con ngựa. Ngồi bên cạnh cô ấy, tôi sẽ kể cho cô ấy nghe giấc mơ của tôi nếu như tôi còn nhớ. Tôi không bao giờ nói nổi những chuyện cần phải nói. Khi vợ chồng tôi lấy nhau, tôi có trồng một cây hồng, nhưng chúng tôi không nói về chuyện đó. Mà đây lại là một trong những thứ đẹp nhất. Chị thấy không, tôi biết nhiều thứ lắm. Nhưng không thể kể ra được. Chỉ bí mật giữa tôi và chị thôi nhé chị Frisby, đó cũng chính là vấn đề của ông chồng bà trưởng trạm bưu điện đấy. Ông ta biết cái gì đó.

- Đánh diêm lên, chị Parker, - chị Frisby nói, - đã đến giờ chị phải về rồi đấy.

- Và uống có một cốc thôi, - Winnie lạnh lùng nói, tay đang sắp xếp xúp lên khay như thể đột nhiên thấy ghen tức với chuyện đó.

- Vâng, - Amy Parker nói.

- Tiền của chị đấy, - chị Frisby nói, quẳng ra mấy đồng xu. - Mà nếu thịt vịt không được mềm thì tôi không chịu trách nhiệm nhé. Dạ dày tôi chán ngấy chúng rồi. Có một người bạn của tôi tắc tử, khi người, ta mổ bụng ra thì chị có tin không? - Toàn là thịt vịt. Nhồi đầy bụng.

Amy Parker chẳng tin lắm điều đó.

- Vịt! - Chị Frisby kêu to lên. - Ha! ha!

Winnie bê khay xúp lách qua cánh cửa. Lốp nỉ rung rung rồi đứng im.

- Tôi sẽ không bao giờ nói chuyện với cô ấy, - Amy Parker nói, vừa nhặt cái giỏ.

- Không sao đâu, - chị Frisby nói. - Cô ta thấy lạc lõng. Madeleine muốn tất cả đều chú ý đến mình mà thôi.

Amy Parker đứng, tay cầm cái giỏ trống không. Chị Frisby nhận ra điều đó.

- Đây, - chị ta nói và gói ghém mấy miếng thịt bò muối lạnh ngon lành còn thừa.

Chị ta hy vọng điều này sẽ có ích, nhưng khi nhớ đến người thủy thủ đã khuất, chị ta lại thấy ngờ vực.

Thế là Amy Parker đi khỏi nhà bếp, rời khỏi ngôi nhà ồn ào nhộn nhạo. Những con chim ăn đêm khiến chị thấy lúng túng loay hoay như kiến bò miệng chảo. Vì hội nhà giàu đã vào phòng ăn và ngồi sau tấm rèm được buông xuống. Trong căn phòng trống trải mà họ vừa mới uống rượu nay chỉ còn lại tấm thảm.

Amy Parker rảo bước nhanh hơn qua khu vườn. Chim ăn đêm vỗ cánh râm ran. Có một lần chị nghe thấy, cho rằng mình đã nghe thấy tiếng bước chân trên cùng con đường rải sỏi này, thế là chị lách đi bằng cách rẽ vào rặng thông. Chị cố gắng và hy vọng. Nhưng nếu Madeleine trốn khỏi phòng ăn, vì bị nhức đầu, thì chắc cô ta đã phát

hiện ra một người đàn bà béo lùn khỏe mạnh im thin thít đi dưới hàng cây tăm tối. Thế là Amy Parker chạy mãi, thù ghét cả hơi thở của mình, và quẳng cái bọc thịt bò muối vào bụi cây gần cổng trước.

Khi về đến nhà, chồng chị hỏi:

- Có chuyện gì đấy em?

- Chẳng có gì cả, - chị trả lời.

- Em không có chuyện gì để kể à?

- Không, - chị nói. - Toàn chuyện vợ vắn. Họ cho em một cốc rượu vang, nên đầu thấy bưng bưng.

- Em bị say à? - Anh hỏi.

- Em không biết có phải thế không, - chị nói, vỗ nước vào mặt. - Em chưa bao giờ say cả.

Rồi chị vỗ nước vào trán, và sợ rằng chị sẽ buột mồm nói ra điều gì trong nhà bếp. Chị lo lắng khi nhớ lại một hình ảnh trần trụi nào đó. Nhưng nước lạnh đã bao bọc tâm hồn chị, trông chị lại gọn ghẽ và thân thuộc với chồng, không còn cái cảnh thơ mộng chị đã nhìn thấy và trải qua bên cửa sổ trong khu vườn tối, hay trong căn bếp bốc hơi của chị Frisby.

Mùa hè làm chị héo đi như một ngọn cỏ. Gió thổi giữa cái nóng ngọt ngào làm lay động những lá ngô khô cong. Có nhiều loại côn trùng chị lần đầu tiên để ý thấy, rồi những chiếc lá khô trơ xương. Trong thời kỳ này, lúc chồng bận bịu công việc, chăm sóc một con

bò ốm hay làm cái này cái nọ bằng dây kẽm, lúc đưa con trai nghịch cái chai xanh trong đất bụi, đổ đất vào rồi lại trút đất ra cứ như đấy là điều quan trọng duy nhất, chị nhìn qua mái đầu họ, chờ đợi một điều gì đó sẽ xảy ra. Cuối cùng điều đó đã xảy ra. Trong tư thế và tâm trạng đó, chị nhìn thấy cột khói đầu tiên ở cái vùng gọi là Hải Đảo, phía Wullunya, nơi đã từng bị ngập lụt.

- Cháy kia rồi, - chị nói, giọng phân vân, không hiểu mình có nên sợ hay không.

Khói bốc lên trời, cột khói tuy còn mảnh, nhưng đang lớn dần.

Chị chạy đi báo cho chồng biết.

- Ủ, - anh nói, - đúng là cháy rồi.

Anh nhìn lên, tay cầm kìm đang dùng để thắt nút dây kẽm. Trước đấy anh đã để ý có cháy rồi, nhưng anh không kể. Anh thầm hy vọng rằng nó sẽ lụi dần chỉ còn khói.

Xung quanh, mọi người truyền tai nhau, phụ nữ rất thạo tin, còn đàn ông chậm chạp hơn thì không muốn chấp nhận sự thật. Có người còn văng tục khi nghe kể, một tay thậm chí lấy xô nện vợ khiến chị ta ngã lăn, máu phun ra.

Nhưng đám đàn ông bắt đầu tụ tập lại, sau một hồi do dự và những muốn quay lưng lại đám cháy. Họ đi tìm rìu, lôi bao tải ra, đổ đầy bao đựng nước và yêu cầu chuẩn bị chút thức ăn cầm hơi. Rồi họ cưỡi ngựa, hay đánh xe, tiến thẳng về phía Hải Đảo, nơi xảy ra đám cháy.

Lúc đó lửa đã bùng cháy dữ dội. Những đám khói cuộn cuộn bốc cao ngất trời trong rừng, và trong đám khói là những vật thể tối đen, lò mờ, như thể có gì đó đang bị cưỡng ép đẩy lên không trung. Cánh đàn ông vùng Durilgai đi rải rác thành từng nhóm dọc theo con đường mòn, nói chuyện về những đám cháy khác, hoặc đi riêng lẻ, mắt nhìn xuống đất. Nhóm thứ hai ngạc nhiên trước dáng vẻ của cát, của đá và cây cối mà họ nhìn thấy. Họ khám phá ra trong đất một vẻ đẹp khắc khổ mà đến lúc này họ mới yêu với một tình yêu sâu muện, dẫn đến quá trễ. Đám cháy khiến điều này tất yếu xảy ra với những con người lẻ loi đơn độc. Họ đành cam chịu cuộc đời mà họ bỏ lại phía sau, khi họ đi giữa hàng cây tăm tối, ánh sáng vàng dần hạ thấp xuống, và những con vật bắt đầu chạy về phía họ chứ không bỏ đi. Thậm chí một số người bông phèng về những đám cháy to hơn, bắt đầu cảm thấy điều khủng khiếp đang đến gần, cố che đậy nó bằng những lời vãng tục, và khi làm như thế cũng không xong, bèn thúc ngựa và khạc nhổ và giật mạnh mõm ngựa.

Những người tình nguyện từ Durilgai đi được mấy dặm đường thì gặp một người tên là Ted Doyle, đang tiến về phía họ trên lưng con ngựa đẫm mồ hôi.

Hải Đảo hầu như bị cháy trụi, Ted Doyle nói, hươ tay về phía đám cháy, nơi anh ta đã đánh mất cái mũ và lòng can đảm. Đó là đám cháy lớn nhất, người đưa tin cam đoan, khi con ngựa đẫm mồ hôi của anh ta xoay tròn trên những cẳng chân gầy guộc. Khu nhà Flanagan cháy trụi, tiếp đến khu nhà Slattery; anh ta nhìn thấy những bức tường đổ sụp vào người ông già, có một bà ở nhà Glasson bị bén lửa, chị gái bà Glasson, bỏ chạy đến đầm mình dưới khe suối, nằm đó lại khô cạn, nên chỉ thấy bà ta lăn lộn trên vũng

bùn khô - mặc dù mọi người đã dùng tay hay áo cũ hay cái gì đó đập vào người bà, nhưng bà vẫn bỏ mạng. Cả quận đó bị cháy sạch sành sanh. Người đưa tin vừa thông báo vừa xòe đôi tay, run rẩy trong bầu không khí vàng rươi. Chẳng có chiếc đệm nào không biến thành một đồng lông khét lẹt. Họ mở chuồng cho gà vịt bay tứ tung. Người chúng bén lửa, mở há ra thở, rồi cứ thế mà chết, mắt trợn trừng, yếm cháy đen. Đôi mắt người đưa tin trũng sâu vì bám khói. Đôi mắt trắng dã của anh ta tiết lộ nhiều hơn và trái hầu giật giật nơi cổ họng gầy guộc của anh ta. Khi gió làm lan đám lửa cháy, anh ta nói, tay vung sang một bên và trang trọng di chuyển như một bức màn lửa, thì hơi nóng làm khô héo những lá cây trước khi lửa bén tới, và lông trên bàn tay quăn lại. Họ nhìn vào tay anh ta, thấy lông tay đúng là bị cháy xém. Tóc trên đầu cháy hết phần ngọn như vương sương muối. Người anh ta có mùi cháy, mà họ hít hà để chắc chắn. Súc vật cũng đang bị cháy, anh ta nói, những con dã thú và rắn rết, chúng lao đi trên nền đất nóng rẫy, khi chúng cháy, hình thù chúng biến dạng, quắt lại, cong queo. Anh ta nhìn thấy một con rắn tự cắn vào người nó trước khi chết, như buộc ai đó phải chịu trách nhiệm.

Những người ngồi nghe quyết định quay trở lại và tìm một vị trí để có thể bảo vệ Durilgai. Ông lão Peabody, giờ đã già khụ, ngồi như một vị tiên tri trên chiếc xe ngựa với con trai, gợi ý họ nên dựng một mô đất cao cách đó một dặm, nơi có sườn đồi dốc đá và một chỗ nứt tự nhiên trong rừng cây. Những người khác lắng nghe giọng nói già nua của ông ta phát ra một cách kỳ diệu giữa da và xương, và quyết định nghe theo lời khuyên của ông cụ. Họ ngoan ngoãn quay ngựa lại và đi theo xe của Peabody. Một số thấy tội lỗi khi nhớ

đến cha mình, và hầu như tất cả đều biết ơn sự bảo vệ mỏng manh bằng quyền lực của ông già.

Vậy là họ sẵn sàng chống chọi với đám cháy rừng, nếu nó bị gió làm lan rộng tới tận bây giờ. Nơi ấy là miền đất nghèo, chỉ thấy toàn đá sỏi và hang thỏ cùng những cây kể chết. Dọc theo đồi, họ chặt các bụi cây con, làm thành một vành đai rộng hơn, với hy vọng lửa cháy không thể bén qua được. Tiếng người gọi nhau và tiếng cây con đổ thành thịch ở nơi yên tĩnh đó, kéo dài suốt ngày đến tận đêm tối, tiếng ngựa hí vang, chúng quay mồm về hướng nhà ngơ ngác.

Hôm đó lửa không đến, chỉ người thấy mùi lửa và nhìn thấy khói bốc. Rồi đến đêm gió lặng như tờ, mọi người bắt đầu pha trò vui vẻ. Ban đêm đám cháy không lan đi xa được, vì không có gió. Họ quyết định về nhà và quay trở lại vào sáng sớm. Một số người thậm hy vọng sẽ không cần làm thế, mà họ sẽ dậy vào một ngày rục rịch, khi đó những ngọn lửa của nỗi hãi hùng trong họ đã tàn lụi.

Suốt những ngày cháy rừng, đàn bà chăm lo công việc, hầu như thể đàn ông không hề đi vắng. Thật ra họ không bao giờ biết làm cái gì khác. Chỉ thỉnh thoảng họ ngẩng nhìn lên bầu trời lơ lửng, và dường như bước nặng nề hơn qua ánh sáng màu vàng. Nhưng sự tĩnh mịch bị tiếng khóc trẻ con phá vỡ vẫn như thế. Mồ hôi chảy trên da thịt họ vẫn như thế.

Đàn bà đùa cợt về chuyện cháy rừng. Một số nói họ sẽ nhảy vào thùng đựng nước với chỗ tiền mặt kiếm được nhờ bán rau hay lợn.

- Tôi sẽ cầu Chúa, - Doll Quigley nói.

Và có lẽ sẽ được cứu sống. Nhưng không phải ai cũng làm như Doll Quigley, người đã học được đôi chút ở các bà xơ. Song họ vẫn lặng lẽ lúng túng đọc những câu kinh cứng nhắc, rồi nhìn lên trời và chờ đợi.

Ở Glastonbury họ chờ đợi. Rồi khi cơn khủng hoảng sâu sắc hơn, và bầu trời vàng vọt lại nặng nề hơn, họ cảm thấy bị cô lập. Ông già Armstrong lên đường hướng về nơi có đám cháy, quay trở lại, ngắt bỏ đầu điều xì gà, bước qua vườn cây ăn quả, rồi quay lại. Ông ta mắc bệnh co giật trước đây không hề có.

- Lạy Chúa, ngài xuống nào bố, không thì... - hai cô con gái nói, xuất hiện trên đường dành cho xe ngựa.

Các cô con gái ông hàng thịt đứng trên đường lát sỏi, đôi bàn tay không quen lao động của họ đan vào nhau và sực mùi brandy Cologne. Cô Dora, đầu đã đội mũ, ít nhiều đã quyết định rằng phải đi Sydney, nơi người anh trai đang điều khiển công việc làm ăn của ông bố. Nhưng cô em Mabel, người sớm muộn gì cũng sẽ lấy lãnh chúa, còn đang lưỡng lự, không sao quyết định nổi. Cô đáng yêu và xinh đẹp, với đôi mắt trung thực khiến mọi người nghĩ rằng cô đang lắng nghe họ.

- Chị sẽ làm gì, Madeleine? - Dora Armstrong hỏi.

Madeleine vừa mới bước ra sân thượng. Cô ta cũng đội mũ, nhưng là vì nó hợp với cô, vành mũ rộng, lười biếng rung rinh khi cô đi từng bước chậm chạp, uể oải. Cô mặc váy dài trắng, trông mát mẻ, và rõ ràng là đắt tiền, bất chấp hoàn cảnh buổi sáng hôm đó.



- Hừm, - cô ta nói, - có lẽ tôi sẽ đọc một cuốn sách, ăn một quả đào mà tôi vừa mới nhìn thấy trên chạn trong nhà ăn.

Khác với hầu hết mọi người, ăn đào xong Madeleine vẫn sạch sẽ. Dora ghét sự khéo léo của cô ta, vì hầu như chuyện gì cũng làm cô lo lắng. Lúc này cô nhú mào và nói:

- Sao chị có thể nói đến việc ăn đào trong lúc đang cháy ghê sợ thế này được?

- Có người sẽ dập tắt nó, tôi mong thế, - Madeleine nói.

Nếu không cô ta sẽ bị đem hiến tế. Mặc dầu vẻ phớt lạnh bề ngoài, lòng bàn tay cô ta nóng ran. Cô ta ngồi trên lan can lát đá và vung chân cho có.

Nhưng cánh tay lửa màu đồng đen đột nhiên phụt lên trời từ hướng Hải Đảo, vượt khỏi những đám mây khói bụi mù mịt. Hình như cái gì đó đã chịu lùi bước. Sức công phá dữ dội rõ mồn một của đám cháy khiến bố con Armstrong phải công nhận nó sẽ không dừng lại trước Glastonbury. Lần đầu tiên họ thấy mình yếu ớt. Họ không thể dùng tiền để ngăn chặn đám cháy được.

Madeleine cảm thấy điều này. Cô ta nghĩ về người tình, giờ đang ngồi bên chiếc bàn choáng lộn. Cô đã đến bên anh một lần, hôn lên mái đầu bóng mượt vì nó là của cô. Đó là mái đầu tận tụy. Vẻ đạo đức đáng khâm phục đó là cái điều cô cho rằng mình mong muốn. Cô vẫn ngồi vung chân ở lan can. Nhưng lòng cô ngờ vực. Dẫu sao cô chẳng để lộ mấy nỗi ngờ vực cho một người quan sát thông thường. Song chúng vẫn hiện ra dưới hàng cây vào ban đêm, đôi

khi cô khóc đến tan nát cõi lòng, hoặc trong trạng thái buồn ngủ lơ mơ, rồi choàng tỉnh dậy trước khi phát hiện một điều gì.

Nhưng cô không thực sự cho rằng cuối cùng mình sẽ vẫn ôm mối nghi ngờ, cùng với tiền của Tom Armstrong, và sống đại khái một cuộc đời luôn định sống, ê hề tiệc tùng, nữ trang quý giá, gõ gụ và ánh nến sáng choang. Chỉ là vào buổi sáng hôm đó, cô ta bị giày vò vì đám cháy, một tai họa rõ ràng có thể thiêu trụi toàn bộ ý đồ. Bất cứ việc gì cũng có thể xảy ra. Vì vậy cô ta đợi, chịu phơi nắng, điều mà bình thường cô ta sẽ không bao giờ làm, và còn gãy một móng tay bởi cái lan can đá nữa.

Trong lúc đó cô con gái nhà Armstrong đã từ bỏ hy vọng chi phối bất cứ ai, cô ra lệnh cho người chuẩn bị ngựa đưa cô ta đến ga tàu ở Bangalay. Cô ta muốn thoát khỏi đây càng nhanh càng tốt, dứt bỏ mọi lo lắng về vụ cháy rừng. Nhưng cô em mặc dù sợ hãi, vẫn thích xem điều gì sẽ xảy ra. Cô đã cảm hơn, dịu dàng hơn. Có lần cô ta đã băng bó cho một người bị riu bổ vào. Trong một thời gian cô đã yêu người đó. Lúc nào cô cũng yêu đương, và phân vân không biết làm gì, trước khi đến tuổi hay trước khi bố mẹ cô giải quyết vấn đề.

Hai người con gái trên sân thượng, vốn chẳng hay quan tâm đến nhau, trừ khi làm vì hình thức, lúc này lại gắn bó với nhau trong sự phân vân và tự huyễn hoặc chấp nhận tình thế xảy ra. Họ đến bên nhau. Họ hầu như nắm tay nhau, chỉ ngại trông nó thật ngớ ngẩn.

- Lửa đằng ấy lớn đấy, - Mabel Armstrong nói khi cây cối đổ và lửa bùng cháy cao hơn.

- Ôi, những con người khốn khổ, cả lũ trẻ nhỏ kia, - vợ người bán thịt kêu lên, tay ôm hộp nữ trang ở cửa sổ trên gác.

Bà ta dễ mũi lòng, hay thiếu chủ kiến giống cô con gái út. Bà Armstrong cảm thấy có lỗi vì sự giàu có của mình, muốn bố thí làm phúc mà không nhận ra rằng mình là nguyên nhân. Bà quá chậm chạp. Nói chậm chạp, bằng một giọng kiêu cách, khiến người nghe ngóng cái miệng bà như chờ gà đẻ trứng ra. Sau nhiều năm kiên trì bà ta có thể nhận ra được vài từ tiếng Pháp, dĩ nhiên là trên giấy tờ, và do đó vui lòng xả hơi đôi chút. Bà ta thích gác chân lên, kể cho những người kinh ngạc nốt viêm tấy ở kẽ chân mà hầu như không ai có thể chữa khỏi cho bà.

Việc này xảy ra khi đám cháy lúc đó vẫn còn ở xa, thiêu rụi vài lớp vỏ khả ái và uế oải, phơi bày con người thật của bà. Buổi sáng hôm đó bà ta đi khắp nhà, gom hết bát đĩa và ly của người khác, nhận ra những người hầu vẫn cười nhạo mình hàng bao năm nay. Bà ta dịch chuyển cái ly pha lê Bohemia quý giá làm nó rơi vỡ. Song việc ấy dường như chẳng quan trọng. Người vợ ông hàng thịt quá mỗi mệt để run sợ.

Họ đợi đám cháy đến, và đã đợi bao nhiêu năm nay rồi. Chờ đợi bao nhiêu đêm. Tối đến những đám mây cháy rục cả chân trời. Tiếng tích tắc đồng hồ, tiếng đế và tiếng tim đập quẩn trong khăn ướt thật không thể chịu nổi.

Dưới Durilgai, cánh đàn ông đã tạo khoảng đất trống phòng đám cháy vào sáng hôm sau. Dường như nó tất yếu phải đến. Cành cây nõ lách tách trong im lặng giữa những đợt gió nóng. Rồi vào khoảng mười một giờ, khi một, hai người đứng canh đang ngủ gà ngủ gật

trong bóng râm còn nhiều người khác đang nói chuyện phiếm, hầu như quên lý do tại sao họ ở nơi đó, thì bầu không khí đột nhiên dày đặc lại như thủy tinh nóng chảy.

- Nó đến rồi, - họ nói.

Những ai đang ngồi hoặc nằm đều bật đứng dậy. Những ai cời trần bèn phô diễn cơ bắp và xoa mạnh đám lông ngực để dồn sức mạnh. Nhưng gần như tất cả đều thể hiện sự lúng túng thəm kín bằng cách nhỏ toẹt xuống đất, và đất xám nóng rực làm khô ngay nước bọt của họ, không để lại một dấu vết gì.

Song suốt thời gian đó ông lão Peabody vẫn ngồi trên một hòn đá, tuy nhiệt độ rất cao nhưng vẫn quần một cái áo khoác nom như tấm lót lưng ngựa bỏ đi. Lão tỏ ra chẳng lo lắng gì trước tình hình. Có lẽ vì tuổi tác. Lão đã già lắm rồi. Da lão cộm lên thành lớp vẩy trong suốt trên mớ da thịt còn sót lại. Hai bàn tay lão xò ra như những que diêm trên cái đầu gối củ lạch của lão. Nếu xảy ra thảm họa, chắc hẳn ông cũng chẳng được tích sự gì, thậm chí còn làm vướng chân vướng cẳng nữa, song lúc này mọi người lại thích lão có mặt ở đây. Lão an ủi họ vì lão còn sống.

Lúc này lão di chuyển cái lưới giữa cặp môi khô héo bằng động tác của loài thằn lằn, để ban ra một lời tiên tri.

Mọi người bồn chồn chuẩn bị đối phó với đám cháy, luôn chân luôn tay, kéo lê những cành cây đã chặt dùng làm vật dập lửa, hoặc lấy dây thép buộc chặt những cái bao vải vào những cây gậy chắc chắn. Trong khi họ chuẩn bị như thế, lão Peabody nói:

- Đang diễn ra sự thay đổi, - lão nói, thè lưỡi thăm dò bầu không khí khô khốc.

- Thay đổi à? - Có người hỏi. - Cố nhiên là thế, lửa bén đến mông rồi còn đâu. Chúng ta sẽ biến thành một lũ khỉ nhảy chồm chồm. Leo lên đồi và thế là đi đời. Người bốc khói nghi ngút.

- À, không, gió sẽ xoay chuyển tình hình chứ. Đang có sự thay đổi, - lão Peabody nói, giọng yếu ớt, rồi rùng mình như thể có ai đi xuyên qua ngôi mộ của lão, hay luồng gió lạnh mà lão hứa hẹn đã thực sự lùa qua những nếp nhăn trên người.

Nhưng những người khác chỉ mướt mồ hôi vào buổi sáng nóng đến tan chảy. Rừng bắt đầu tan thành những cuộn khói xám bay rải rác, cuộn cuộn lên lỏi giữa lá và cành, cứ như cành lá nhả ra khói. Đội canh phòng bắt đầu hít phải khói bay lác, chăm chú nhìn ra xa để phát hiện ngọn lửa đầu tiên. Ai cũng đều nhận thấy sự vô nghĩa của tầm vóc mình khi chuẩn bị tóm lấy đám cháy trong cuộc vật lộn cuối cùng.

Bỗng một con cáo vừa rú lên vừa chạy ra từ bụi cây, lửa cháy dữ dội trên người nó.

Đúng là cháy đang lan tới.

Những đám khói vàng bùng lên một cách bất ngờ, như thể bực ra từ trong túi. Khói lửa ngùn ngụt, tiếng lộp bộp, rồi gãy vụn, rồi đổ vỡ. Lửa từ những lùm cây bốc lên cao, cao mãi, nuốt chửng cây cối. Có tiếng nhựa cây ứa chảy. Một con chim rơi xuống, cháy từ mỏ cháy đi, giã giữa đau đớn trong đám cành lá. Từng mảng trời xanh

xa tít hiện ra một cách vô tình trong khói lửa cuộn cuộn. Những ngọn cò lửa phấp phới trên cành cây cao nhất, báo hiệu một chiến thắng tất yếu.

Nhưng khi đám cháy đến khoảng đất trống tự nhiên trên sườn đồi trơ trọi và vành đai phòng hộ mà cánh đàn ông đã chuẩn bị đề phòng khi hữu sự, thì sự việc đã xảy ra đúng như lão Peabody dự đoán. Những người cứu hỏa đã chạy bổ ra ngăn lửa, tay cầm cành cây và những cái bao bay phần phật, họ đập vào những con thằn lằn lửa đầu tiên uốn éo trên nền đất khô cằn, họ đánh những con vật sống đó cho có việc, mặc dù nghe khá nực cười, họ bắt đầu cảm thấy có sự thay đổi, thoát đầu là những luồng gió mát nhẹ thổi qua vai. Lúc đầu, họ hầu như chẳng để ý. Nó quá nhẹ. Nhưng khi họ đang dập lửa, cánh tay và ngực của họ bắt đầu bị xém, thì gió mỗi lúc một mạnh cho đến khi gió mát từ phía nam xuất hiện ùa tới rìa của đám cháy. Gió và lửa cùng ngả nghiêng giữa những hòn đá nóng. Cánh đàn ông thậm chí bắt đầu cảm thấy mình đang đạt được điều gì. Họ có thể cười vang được rồi.

- Tôi đã bảo mà, - lão Peabody nói, nhưng lúc này chẳng ai nghe, bởi tự thân họ đã trải qua mọi sự tình.

Ai nấy hít hà gió đang thổi lửa. Kỳ tích của họ làm họ phấn chấn. Tất cả đã lấy lại sức mạnh và tầm vóc của mình vì đám cháy đã bị dồn vào thế cùng, nếu không phải do cố gắng của họ thì ít nhất điều đó đã diễn ra ngay trước mặt họ, do đó, ai cũng có thể kể lại chuyện này mãi mãi về sau.

Đến cuối buổi chiều, đám cháy xem chừng đã lụi. Sau khi đổi hướng ở chỗ ghềnh đá và giằng co với gió một lúc, ngọn lửa đã bị

đẩy lùi về vùng nó vừa thui cháy trụi, rồi tan biến ngay trên chiến tích nó đã đạt được. Gió thổi qua vùng đất cháy đen còn bốc khói, đến lượt nó cố bùng lên vài ngọn lửa leo lét cuối cùng, nhưng chẳng còn gì nuôi ngọn lửa. Một khi lòng nhiệt tình đã tan biến, thật khó để hiểu được ý nghĩa của toàn bộ chuyện này, trong khung cảnh khói bốc hàng dặm; thật khó để quyết định những đức tính cao cả nào sẽ nảy sinh ra từ tro bụi.

Dẫu sao những người cứu hỏa vẫn đứng nán lại, sau khi trải qua cảm giác khói xuyên qua người họ. Mọi người chùi mồ hôi ở mặt, rồi cười và bảo với nhau rằng cháy cũng chẳng là cái gì. Chỉ có Stan Parker, lúc đó đang mặc áo, cố gắng chui đầu trong đó càng lâu càng tốt, anh không đưa ra lời bình luận nào để tránh bị chọn phát biểu ý kiến. Còn lão Peabody lại lùi vào cái vỏ ốc của mình, cam chịu tuổi tác, sự thật về lời tiên đoán của lão và kiến thức mà lão không cần đến nữa.

Đám người còn mãi nhớn nhợ, tận hưởng phút thoải mái và tình bằng hữu thì ba, bốn đứa trẻ chạy đến dọc theo ngọn đồi như có ý tìm họ. Hình như chúng đến có chủ định vì chúng đang chạy không ngừng nghỉ, tóc hất tung trong gió, chúng chạy miết, chạy mãi, cho tới lúc đến rất gần mới thấy rõ những khuôn mặt đầy tàn hương, đầu gối sứt sẹo, rồi chúng dừng lại.

Xương sườn bọn trẻ phập phồng bên trong quần áo, nhưng chúng lấy lại được hơi và kể đứt đoạn câu chuyện chúng mang đến. Bọn chúng kể những đám cháy đã bùng lên phía tây Glastonbury vào buổi sáng hôm đó, Billy Scrivener thấy một, rồi hai, và nhiều đám khác nối tiếp nhau bùng cháy, mọi người sợ rằng nếu gió cứ

thổi đúng hướng này, nhiều trang trại bị thiêu rụi giữa vùng Durilgai và Bangalay.

Bọn trẻ kể xong, ta có thể nghe thấy chúng thở trong khi nhìn mọi người và mong họ làm điều gì đó.

Dĩ nhiên họ sẽ làm. Chỉ có điều là trước mắt, mặt họ nhăn nhó, như muốn phủ nhận sự tồn tại của những đám cháy. Nhưng trên sườn đồi cháy đen thui lồ lộ trước mắt bọn trẻ, những đôi mắt rõ ràng chỉ quen nhìn sự thật, mỗi người đều nhớ đến ngôi nhà của mình, ngôi nhà làm bằng gạch, bằng gỗ, sắt, hay bằng vỏ cây, mà cho đến lúc này họ vẫn coi là bền vững, cùng tất cả những đồ vật mà họ vun vén, nếu không có chúng thì không còn là họ nữa. Vậy là sau khi vê một nhúm thuốc lá sợi, hoặc nhai một miếng chuẩn bị cho chuyến đi, họ thảng yên ngựa hoặc đóng chúng vào cỗ xe, ngay sau đó lên đường về nhà.

Suốt cả vùng đó đến tận phía tây Durilgai, qua con đường lên dốc từ Bangalay như ngập trong lửa. Một cơn gió thổi ngược không có vẻ sẽ ngừng đêm đó hỗ trợ cho ngọn lửa, tuy yếu hơn, kém dữ dội hơn và không còn bạo liệt, nhưng lại cương quyết hơn ngọn lửa đã thiêu cháy Hải Đảo. Cánh đàn ông bắt đầu cảm thấy chân tay đau nhức, mắt nhức nhối khi đi về nhà và về hướng đám cháy mới, nên họ cúi kính với vợ lúc các bà tiến đến cổng nhà kể cho họ nghe những điều đã thừa biết. Lúc nhảy từ trên ngựa xuống và bước trên đôi chân gầy như quỳ, họ lãnh trách nhiệm nặng nề không thể nào rũ bỏ được. Những con bò, kích động vì đám cháy và trước cảnh người chạy ngược xuôi tán loạn, cũng cuống cuồng chạy lại phía họ. Những con chó già nằm nhà trườn qua hàng rào và nhe răng giữa



những tiếng sủa khàn khàn. Bọn trẻ con reo hò. Nỗi chờ mong và sự tiếp đón bao quanh làm họ lúng túng. Họ muốn được chui vào đâu đó ngủ một giấc.

Sau khi ăn vội ăn vàng món thịt các bà vợ đặt trước mặt, súc miệng và ợ mấy lần liền, cánh đàn ông bắt đầu bàn luận xem nên đi đâu tiếp, vì ông lão Peabody dường như đã cạn nguồn cảm hứng, hay lão đổi chỗ. Dấu sao lão cũng biến mất. Một số người lên ngựa và đi về phía Durilgai, ít ra cũng để có mặt ở khu trung tâm, nơi chỉ vồn vện có cái cột chỉ đường, bưu điện và cửa hàng. Nhưng bà trưởng trạm bưu điện lại vui mừng. Bà ta vàng vọt hơn trong thứ ánh sáng cuối ngày đó. Bà lao vào bụi, khoanh tròn đôi tay áo giấy nâu, và có thể thông báo tin bà nhận được từ những người vắng lai. Bà ta thật quan trọng.

Đội canh phòng tụ tập và đi quanh quần, những ai sống xa hơn thì nỗ lực tìm kiếm một người láng giềng cho có bạn. Trong buổi tối mờ dần, không thấy hướng đi nào rõ rệt. Tro tàn bay lơ lửng và rơi xuống bãi cỏ héo úa.

Rồi đám cháy mở đường. Rõ ràng là nó đang hướng về khu sườn đồi dẫn đến vùng Glastonbury. Gió làm cho lửa bùng to lên. Phía dưới thung lũng, những lưỡi lửa tươi vui thè ra từ những cái miệng tối đen và liếm láp. Hoa văn ánh vàng từ những bụi cây tối hiện ra khi bóng chiều thẫm dần. Trên trời, mặt trăng một màu bòn bợt, nghiêng nghiêng và hồi lỗi trên cành cây trắng bạch.

Lúc này những ai chống chọi hay theo dõi đám cháy bắt đầu tiến về Glastonbury, cả trẻ con nữa, cứ như đi xem pháo hoa. Có mấy bà còn đang đi dép trong nhà cho thoải mái, và cũng vì đám cháy đã rất

gần. Nhưng những người đàn ông, đã từng nhìn vào đáy sâu thẳm của đám cháy hôm đó và nhìn thấy những gì có trời mà biết được, mắt họ sâu hoắm và nghiêm nghị. Mặc dù đám cháy không xa, hầu hết bọn họ đều ngồi dí trên ngựa, vì như thế họ có thể ở trên hẳn mặt đất. Buổi tối vang vang tiếng hàm thiếc ngựa kêu leng keng, bàn đạp yên ngựa kêu xúng xoảng, rồi tiếng thở và tiếng nói chuyện. Ông Armstrong vui mừng thấy tất cả mọi người đi qua cánh đồng và ngược lên con đường, và lo thường cho họ thế nào nếu dập tắt được đám cháy.

Mấy ngọn đèn vẫn sáng trong ngôi nhà lớn, vì không ai thật sự tin là có thảm họa, còn một số người cố tìm lối thoát. Nhưng dầu có tràn trề hy vọng đó, phần lớn những người ở trong nhà đều ra ngoài. Những con bướm hay những cái mũ của cánh hầu gái lập lòe trong các lùm cây, và thỉnh thoảng lại vang lên tiếng cười khúc khích từ một bộ ngực đầy đặn, trong khi linh hồn cô hầu gái cố vật lộn thoát khỏi cái áo đồng phục và tiếp nhận định mệnh trong bóng tối. Cô bếp chẳng có gì để mất ngoài cái hộp sắt tây, nên cô đã chạy đến hơn nửa đường để mặt đối mặt với đám cháy. Hai bàn tay thô của cô lần đầu tiên sờ vào các thân cây, đặc biệt là những cây ứa nhựa. Chẳng bao lâu cô đã biến mất, trừ có tiếng khúc khích kéo dài bất cứ khi nào cô vấp phải những người khác, hay có lần lao đầu vào bụi cây gai, tóm lấy nó, há hốc miệng ngoạm cả lá cây và hoảng sợ ôm chầm lấy nó.

Ở dưới thung, nơi người ta hay ngắm nhìn vào những ngày êm ả từ Glastonbury, đàn ông đã lên đường đi chữa cháy, họ nối đuôi nhau thành hàng như khe suối hẹp, hy vọng nghĩ ra một kế hoạch trước khi họ tới nơi. Bóng tối đã cướp đi của họ khả năng suy tư và

cả hành động nữa. Họ không hào hứng nghĩ về những kỳ tích có thể diễn ra. Họ bị đám cháy nuốt chửng không thương tiếc. Lửa đang lan đến các thân cây và rơi từ chạc ba xuống, lăn giữa bụi dương xỉ chết héo thành những quả cầu thiên biến vạn hóa, rồi tản ra thành những tia lửa, tan rồi lại hợp, nhưng trong bất cứ hoạt động nào, che đậy dưới bất cứ hình thức nào, nó vẫn luôn luôn bùng cháy. Đối mặt với ngọn lửa hùng hực khí thế, cánh đàn ông chẳng có lấy một hy vọng. Bộ mặt nhẵn như da thuộc của họ trông rỗng vì mệt và tràn ứ vì sợ, nó bộc lộ mỗi khi ngọn lửa lao đến gần. Một số vội bẻ cành cây đập lửa, nhưng chẳng khác gì những kẻ không có chìa khóa dây cót vặn cho chân tay cơ khí của họ hoạt động. Sự thiếu lòng tin mâu thuẫn với hành động của họ.

Tuy nhiên trên ngôi nhà đó, mọi người đều yên lòng thấy đám đàn ông đã đi chữa cháy, trong ấy có nhiều người to lớn và khỏe mạnh. Mabel Armstrong, người đã đốt cuốn nhật ký tối hôm đó, lại nhớ đến tay chỉ huy tàu mà cô mang lòng yêu thương trong chuyến du lịch. Cô nửa vui mừng, nửa run sợ trước cảnh hỗn độn của buổi tối, những cái xác hôi thối xếp đống ở trên bãi cỏ của ngôi nhà lúc cô bước giữa đám người đứng xem và tươi cười với họ. Chẳng ai thấy cảm kích cả. Cảnh tượng đó quá giả tạo đối với họ lẫn những người chủ nhà. Mấy phụ nữ đã ngồi hàng hoàng trên ghế. Trẻ con nằm ngủ la liệt trên bãi cỏ cháy giòn, hoặc ngồi nhìn chăm chú vào ngôi nhà như thể chúng có thể đập vỡ một mảnh và mút mát. Mabel Armstrong, với đôi mắt xanh nhàn nhạt trở nên sâu hơn trong bóng tối, bắt đầu cảm thấy xấu hổ về một tấm thảm trên đó có những người đi săn thỏ tù và liên hồi và những bà quý phái mặc váy phòng đứng cầm quạt, những viên sáp thơm và những thứ hợp thời khác không rõ để làm gì. Mabel Armstrong quay lưng về phía cửa sổ sáng

đèn, hướng về phía đám cháy. Lúc này nó như găm rú, làm nổi lên những bóng người lóm đóm đen tay cầm cành cây cháy thui, nom đến buồn cười. Mabel Armstrong lúc này đứng trơ trọi một mình trong đám đông, cô chắc hẳn muốn được hôn. Nhẽ ra cô có thể ôm đầu người yêu mình và rút cạn sinh lực của anh ta. Nhưng hồi đó cô không yêu anh, tuy có tạm hứa hôn vì chức tước, chứ không phải bây giờ.

Đám cháy đã lan đến đâu rồi, điều này có thể nhìn thấy qua bóng người đen ngòm mỗi lúc một to và rõ trước ngọn lửa. Hành động nghiêm trọng của họ lúc này có thể được theo dõi tỉ mỉ trong im lặng ngỡ ngàng.

Thực tế là những người chữa cháy đã không những kiệt sức mà còn bị ngọn lửa làm cho mê muội. Họ nhìn chăm chăm vào đó, vào cái vòm lửa vàng chói há hốc miệng và xuyên thẳng qua rừng cây. Vài người lúc này đã quá thờ ơ, nên nhẽ ra họ phải chui vào lửa, hiến thêm nắm xương tàn. Hầu như tất cả đã chịu bùa phép của đám cháy rừng. Họ bị ngọn lửa điều khiển, chứ không phải ngược lại.

Vì thế họ luôn luôn rút lui, trông cứ như những cánh tay của họ đang dang ra đón lấy ngọn lửa, bỗng Stan Parker ở phía cánh trái nhìn dọc theo cánh vai trần kêu lên:

- Ô kìa, lửa đang bốc từ khe Barrel kìa!

Những hình người như nhèn nhện mắc kẹt nhìn xuống phía bên trái, thấy rõ cánh tay lửa thứ hai. Lửa lan tới gần, mà chắc hẳn do đợt gió lớn, ta có thể thấy họ sẽ bị mắc kẹt trong cái hố lửa dưới

Glastonbury, bị bao vây, nướng cháy những thân hình kia, nơi ý thức quần quai của họ bên trong cũng biến mất.

Vậy là mọi người theo tự nhiên chạy ùa trở lại, cho đến khi họ đứng trên bãi cỏ trong vườn, giữa đám khói mà họ cuốn theo và họ bắt đầu đưa ra những câu hỏi. Chẳng ai trả lời được mà cũng chẳng có ai thật sự muốn được nghe câu trả lời, nhưng hỏi là để tự trấn an mình. Lửa lan tràn. Nhiều khán giả giờ này đang đứng sang một bên, và chẳng mấy chốc lại rông rần kéo về nhà, cứu lấy những tấm nệm.

Ngược con đường trải sỏi có vài người tình nguyện đang kéo cái guồng trên có cuộn một ống nước. Ống nước này có nối với một vòi nước chảy yếu, từ đó vọt ra những tiếng ục ục đầu tiên và một con ếch, rồi một dòng nước nhỏ từ từ chảy. Nhưng thế cũng tốt rồi. Ngọn lửa dưới đồi lan từ ngọn cây này sang ngọn cây kia rồi trùm lên tất cả, lại thêm lửa từ khe Barrel tràn đến khu lũng này, lửa và khói quyện vào nhau.

Lúc này căn nhà lớn tối mờ mịt, chạy quanh là ông hàng thịt và bà vợ. Bà Armstrong đã đánh rơi hộp trang sức đầu đó, nhưng đã quên, chỉ nhớ mình còn chưa trả Chúa Trời nhiều món nợ. Hai bàn tay đeo kim cương của bà ta rã khói, và bà ta khóc thút thít trước cảnh điêu tàn.

- Có lẽ gió sẽ đổi hướng, - một thiếu phụ đứng đó bình tĩnh nói, - hay giông bão sẽ nổi lên, bà ạ. Nghe gần lắm, tiếng sấm ấy mà.

- Không bao giờ có chuyện như vậy, - bà Armstrong thở dài. - Không có đâu. Tôi biết.

Rõ ràng là bà ta đúng. Người thiếu phụ kia chăm chú nhìn bà ta trong bóng tối mờ khói.

- Tôi chỉ muốn mang ra một cái ghế bành để ngồi cho thoải mái thôi, - người vợ ông hàng thịt nói. - Kiểu Louis này hay Louis nọ đều tốt đấy. Nhưng một cái ghế êm thì không phải cứ có tiền là mua được. Tôi có một cái ghế mà tôi sẵn sàng ngồi suốt ngày, cứ như đấy là thân thể mình ấy. Nhưng, - đột nhiên bà ta thoát khỏi nỗi hoài niệm và nói, - Madeleine ở đâu rồi? Suốt tối nay không thấy cô ta đâu?

- Madeleine à? - Amy Parker hỏi, vì chính chị là người thiếu phụ đứng đó.

- Vâng, - bà Armstrong nói, - vợ chưa cưới của con trai tôi. Đã mấy tuần nay cô ta ở nhà chúng tôi mà.

Cứ như những người khác không biết.

- Madeleine! - Bà Armstrong gọi, khắp khiêng đi trên hai mắt cá sừng tấy, hỏi hết người này người nọ.

Nhưng không ai biết.

- Không biết, - Mabel Armstrong nói. - Con không nhớ lần cuối con trông thấy chị ấy là ở chỗ nào. Chị ấy bị đau đầu, chị ấy nói sẽ ra vườn, con nghĩ chắc để hóng mát. Nhưng con thấy chị ấy trong buồng đọc thư. Chắc trước khi đấy thì đúng hơn. Hay sau đó nhỉ? Con không nhớ chính xác nữa, - Mabel Armstrong nói.

Cô cảm thấy tội lỗi, mặc dù chẳng có lý do gì. Khi lửa tràn đến gần hơn, và khói dày đặc xộc vào mũi, làm nó sưng phồng lên, cô ta nảy sinh nhiều cảm xúc không sao giải thích nổi, cũng không kiềm chế được những thôi thúc dù rất muốn. Cô ta vướng vào cái gì đó rách cả quần áo, và nước từ vòi phun vào ngôi nhà làm ướt cả ngực cô cho đến khi cô như trần truồng. Giờ đây chẳng có lý do nào để thương tiếc Madeleine, dù sống hay đã chết, hoặc thậm chí đang bước xuống gác, cái hành động mà mọi người thường nhìn đầy ngưỡng mộ - chỉ bắt đầu mở miệng khi đã xuống tới bậc cuối cùng.

Nhưng Amy Parker, người đã mơ thấy Madeleine, đã nói chuyện với cô ta vào những giây phút mong mị đầy phấn chấn, biết là cô ta ở trong nhà. Nằm trên giường, hai mắt nhắm lại, hay nhìn lửa cháy qua cửa sổ trong một tâm trạng hoang mang, bộ tóc dài của cô ta buông thõng.

- A a a a! - Mọi người kêu lên. - Có nhìn thấy không kia? Không gì cản được lửa lan tới nhà rồi. Những cây thông già kia sinh ra để cháy.

Những cây thông đứng đợi, sẵn sàng hiến dâng cho ngọn lửa. Ngọn lửa tràn tới từ khe Barrel, hiện thành mấy hình thù phức tạp, rồi áp sát vào những cây thông đứng túm tụm. Cái ôm này làm bùng lên ngọn đuốc rực lửa soi tỏ mọi gương mặt trong những đường nét bí mật nhất, cô Mabel Armstrong đưa cánh tay che ngực.

Sau đấy bà Armstrong lúc đó đang há hốc miệng và ngây ngất trong mùi nhựa thông cháy, bắt đầu kêu cứu.

- Tôi phải tìm cô gái, - bà ta nói. - Tom sẽ không bao giờ tin. Nó mới mua cái nhẫn vào hôm thứ tư trước.

Amy Parker nhìn thấy những viên kim cương bao quanh bởi lửa.

- Stan, - chị nói, chạm vào chồng, anh đang bước lên phía trước khi những cây thông đã bén lửa, để được ở bên chị trong cảnh hỗn mang này. - Anh Stan, - chị nói, - anh vào nhà và đưa tiểu thư đó ra đi. Anh biết mà, người cưỡi ngựa đi trên đường nhà mình đó. Có bộ tóc hung hung ấy.

Lúc ấy Stan Parker không sẵn sàng làm mọi điều vợ mình yêu cầu. Trong cảnh ánh sáng huy hoàng lộng lẫy làm vậy, anh trông mờ nhạt, và thụ động, anh biết rõ thế. Anh đang đứng đợi, không phải để cho mà là để nhận. Hai bàn chân anh đứng bất rể trong sự ngỡ ngàng. Những mạch máu của anh gần như đông lại. Vậy là vợ anh phải chạm vào anh lần nữa, chị làm việc đó một cách uy nghi vì biết rõ con người anh. Nhưng người chồng đang cầu khẩn đó sẽ không động đậy đâu, ngay cả lúc ấy, nếu bản thân anh không bị lửa bén vào. Liệu để bị lửa thiêu cháy có tốt hơn không? Anh giữ những hòn đất khỏi hai bàn chân mà anh chưa bao giờ cất bước đi xa. Những chiếc màn gió bay tung ra ngoài, được giữ lại chỉ bằng những chiếc vòng móc. Những ánh đèn dịu như ngọc để lộ máy ô cửa sổ, nhấp nháy một cách buồn bã, đối lập hẳn với ngọn lửa bùng cháy dữ dội. Tất cả những gì anh chưa từng làm, tất cả những gì anh chưa từng nhìn thấy đều dường như bị giam hãm trong ngôi nhà này, và nó đang mở ra trước mắt anh. Cho đến khi đầu anh choáng váng trước vẻ huy hoàng rực lửa của chính ngôi nhà đó, anh lại sẵn sàng nhận



lời mời chào và đi theo lối dẫn đến ngôi nhà, hay đến với ngọn lửa, đến bất cứ hậu quả nào có thể xảy ra.

- Anh sẽ cố xem sao, - anh nói và bắt đầu bước qua đám cỏ giòn, trong khi đó bà Armstrong hét to chỉ đường, nhưng anh không nghe theo.

Amy Parker thấy mình không còn điều khiển được chồng, và có lẽ chị đã làm điều gì đó ngu xuẩn, mà đối với việc đó mà, sự can đảm của anh chỉ là điều an ủi duy nhất.

Mọi người đều rất vui mừng khi thấy Stan Parker đảm nhận một việc tích cực. Họ đã trút được gánh nặng. Giờ đây họ có thể tận hưởng cảnh tượng đó mà không thấy lương tâm cắn rứt. Họ thở phào và người nào yên vị người nấy, thậm chí cả những người đang chữa vòi phun nước yếu ớt vào ngôi nhà như là khúc dạo đầu cho buổi lễ rửa tội khác, đã để cho nước phun vô mục đích khi họ nhìn Stan Parker đi vào trong nhà.

Một sự im lặng ngự trị trong ngôi nhà, mà số phận đã giữ lại khi đám cháy vật lộn với những cây thông đầy tự nguyện. Đó là sự im lặng không thoải mái, mặc dù có đôi chút chuyển động trong đó. Một con mèo lôi một cuộn len từ lòng ghế bọc thảm và đang nghịch với nó trong một căn phòng yên tĩnh, lôi sợi len xám dài làm rối linh tinh. Bầu không khí cũng mờ mịt, xoắn xít như vậy với những sợi len xám của luồng khói xám xịt. Những sợi len cuốn quanh ngọn đèn chùm. Một sợi dài sổ ra ở dưới cửa ra vào, đã lôi cuốn con mèo sắt đá lao vào chộp lấy và luồn qua.

Vào đến nơi Stan Parker không còn nghi ngờ về việc mình phải đến. Ánh đèn hắt ra từ ngọn đèn còn sáng bỏ lại bên một quyển sách làm anh to lớn hơn bình thường. Lúc bước đi, bóng anh quỵện vào với ngọn đèn chùm nằm im lìm, nhấp nháy yếu ớt. Anh mỉm cười trong cảnh âm ỉm của cái hang du dương này, nơi anh đang đứng, và nhớ đến vở kịch Hamlet mà anh đã đọc trong một quyển sách của mẹ, bà là cô giáo, và đã quên rồi, cho đến lúc anh bước qua ngôi nhà đầy thơ mộng mà anh chỉ cần sờ vào cửa là chúng sẽ mở ra.

Anh đi từ phòng đó, gỡ nhẹ một tấm thảm run rẩy bên vai, nó lay động và lấy lại sự vĩnh hằng. Mọi thứ trong nhà đều vĩnh cửu vào đêm hôm đó, nếu ta có thể quên đi ngọn lửa. Thời gian êm ả qua các lối đi, đặc biệt ở phía cuối trong những hốc dựng những cái chổi, treo những cái áo khoác mùa đông giữ khư khư không dám mặc và những bộ quần áo bằng da cũ mềm, trầy xước. Có một con ngựa đung vào thì khế bập bênh và ở bụng nó có cái gì kêu leng keng. Một cái mũ rơm phụ nữ rách bươm như xơ mướp treo ở trên móc vẫn còn đượm mùi hoa hồng và nắng. Cái bóng tối che chở đó kín đến nỗi khói vẫn chưa luồn vào được, nên không thể sợ hãi được. Ta lắng nghe tìm kiếm những tiếng nói từ phía bên kia tường của những người chưa chết.

Vì thế anh phải lướt mình ra khỏi những lối đi đó và quay trở lại với tình cảnh tuyệt vọng. Mở toang cửa, anh bước vào trong một phòng dài gần những chiếc gương run rẩy và những cái ghế lạnh lùng. Đôi ủng dính đất của anh trông đến ngỡ ngàng trong khung cảnh đó. Nhưng lúc này đâu có hệ trọng gì. Nếu thời gian có ngưng đọng trong lối đi ngọt ngào, thì ở đây nó lại chảy tràn trề. Bên ngoài cửa sổ

của căn phòng có một cây tuyết tùng, ta có thể nhìn rõ vỏ cây của nó với nốt sần sùi và kẽ nứt cuối cùng khi ngọn lửa bén đến sáng rực cả bóng tối, và những đám mây khói đỏ lướt trên những cành cây, lơ lửng xong lại trôi, rồi lùa vào phòng. Anh giống như cây cũng bị đưa đẩy, chấp vá ký ức cố nhớ lại nhiệm vụ của mình. Dĩ nhiên anh đến để tìm kiếm người nào đó, đang ngồi đâu đây trong một căn phòng, mặc nhung lụa và đeo những hạt kim cương. Nếu cô ta không mong anh nói, anh sẽ bế cô ta chạy nhanh xuống dưới, cạy vào bên sườn như ôm bó lúa yên mạch. Nhưng anh sợ cô ta sẽ chờ anh tự giới thiệu. Và đùng chạm. Anh đã cảm thấy ngại ngùng khi chạm vào làn da mịn của cô ta.

Bên ngoài ngọn lửa đã chiếm được một vị trí mới. Có cái gì đó làm gãy một cành, thậm chí cả cái cây, và toàn bộ luồng ánh sáng lòa đến chói mắt bắn tung vào phòng, nơi thực ra anh đang mơ mộng đôi chút, làm anh tỉnh như sáo và lụi lại, va phải cái đàn hạc mà chẳng ai chơi bao giờ. Nỗi u sầu đến rùng mình khi nhớ đến chiếc đàn hạc lập tức đẩy anh ra khỏi phòng để tìm kiếm.

Giờ đây bóng tối đã sáng hơn trong lòng căn nhà mà Stan đã cố chạy qua, đến bên cầu thang, loạng choạng, lão đảo, bàn tay như bắt lửa quờ quạng bám lấy lan can, cảm thấy chiếc áo sơ mi phần phật bên mạn sườn khi anh tiến hành một nhiệm vụ huyền bí, trong bầu không khí trong lành ở những căn phòng trên gác. Ở đây ánh lửa cũng lùa vào sáng lòa. Những đồ đạc lớn hắt bóng lù lù, màu gỗ gụ ngời trong ánh sáng đó và cái giường sắt bình thường mà ông hàng thịt chọn để tự hành xác sám hối cũng ánh vàng lên trông trang trọng khác thường.

Khi đạt đến cực điểm, hơi thở của vị cứu tinh hay của kẻ bị hy sinh cũng không rõ là ai, dồn dập hơn. Anh lê đôi ủng nặng nề nghe âm âm hát tung các cánh cửa thậm chí đá cả đồ đạc. Quang cảnh những cái buồng này đều hỗn loạn trong lúc những người chủ của chúng vội vã bỏ chạy, nào ngăn kéo để ngỏ, các tủ đựng mở toang cửa, bí mật bị lộ hết... Cái đẹp co rúm lại, héo hon trong các lọ hoa không còn ánh phản chiếu trên bàn trang điểm. Có ai đó xoa mái tóc trên thảm, để nó nằm đấy trông còn uể oải hơn lúc xưng tội, khi ngọn lửa ập tới phòng và liếm sạch nó.

Song không kịp, Stan Parker như một cơn gió đã lao vào giữa nhà, nhìn thấy cô ta đang đứng đó, lưng quay lại phía anh bởi vì lửa là vấn đề quan trọng nhất.

Madeleine mặc một chiếc áo dài rộng ngời sáng giữa ánh lửa lấp lánh cùng muôn vàn ánh sáng khác. Tóc cô ta xòa trên bờ vai vì lúc chiều cô ta đã thả tóc do tiết trời nóng nực. Cô ta quay lại phía anh vì không thể tránh được, khiến anh thấy chưa bao giờ mình thấy cái gì lại lóng lánh và mượt mà như người phụ nữ trong bộ đồ lông lầy này. Anh đứng đó ấp úng không sao nói được, và gần như hy vọng thảm họa tràn đến thiêu cháy cả hai người. Hoặc trần nhà sụp đổ xuống.

Nhưng Madeleine đã nói:

- Tôi đang ngắm lửa. Nó đã tràn vào các lớp học ở cái trường phía dưới kia. Có một quả địa cầu cũ làm bằng giấy bồi mà các bé gái dùng để học biết tên các thủ đô dường như biến thành khói rồi. Thật khủng khiếp!

Nhưng có thể không phải. Lời nói của cô ta tuôn ra từng đợt, chậm rãi, vừa ghê tởm, vừa vui mừng, phát đều đều từ cổ họng trước khi chúng ùa ra, hoặc có thể là ánh sáng làm cho cô ta mềm mại hơn. Miệng cô ta khá mỏng, cứ hé ra sau khi đã giải bày. Madeleine không thích cái miệng mình và ước gì nó đầy đặn hơn, mặc dù chẳng có ai coi đó là một khuyết điểm cả. Dung nhan hoàn mỹ của cô chẳng vì thế mà suy giảm.

Stan Parker không nghe những lời cô ta nói, vì nó không cần thiết. Những chùm lửa bắn tung tóe qua cửa sổ cùng với khói màu đỏ tía. Đó là một niềm an ủi vì anh không cần nhìn vào Madeleine nữa.

Anh nói:

- Họ phải tới để đưa cô ra. Nên chúng ta không thể lãng phí thời gian nữa. Chúng ta phải nhanh chân kéo lửa bén đến cầu thang. Nào, theo tôi, tôi sẽ đưa cô xuống.

- Ô, ra họ phải anh đến, - cô ta nói.

Cô ta tiến lại chỗ anh, giẫm lên những lá thư cũ mà cô ta đã đọc và vứt vương vãi. Cô ta tiến lại nhưng không phải vì vâng lời.

- Dĩ nhiên sự có mặt của tôi ở đây kể cũng buồn cười thật. Mà tôi không biết tại sao mình lại thế, chắc hẳn anh cho là tôi điên.

Đó chính là điều anh sợ hãi. Nhưng cô ta chưa đến gần, vì vậy anh khua đôi chân và tìm hành động thay thế để khỏi phải đụng chạm.

- Có những giây phút điên rồ, - cô ta nói, - trong bất cứ một ai.

Nói xong cô đến cạnh anh, và anh thấy lớp da quanh mắt cô vừa mới lau khô, khiến anh lại càng nghi ngờ hơn, để được trao gửi một niềm bất hạnh.

- Tôi hy vọng mình chung quy không phải là của nợ. - Madeleine nói.

Cô ta sẵn sàng theo anh, nhưng không tin anh có thể cứu được mình. Mọi hành động thực tiễn và chân thành của anh, cô chỉ tiếp nhận với vẻ mỉa mai. Nhưng do đó khiến cô buồn, mặc dù cô không muốn như vậy.

Điều ấy làm anh suy nghĩ phân vân vì ngoài tầm hiểu biết của bản thân, liệu anh có tìm ra được lối thoát không nhưng rồi khả năng đó trôi mất như một cái bóng qua khung cửa.

- Nếu chúng ta đi theo lối này, - anh nói khẽ với cô ta, - tôi nghĩ chúng ta sẽ tìm được đường ra đằng sau nhà.

- Để tôi chỉ cho anh, đây là lần đầu tiên anh đến ngôi nhà này. - Cô ta nói. Dù đúng hay không về kiêu ngạo của cô khẳng định điều đó. - Đi qua cánh cửa bọc vải nỉ, là đến đó... Không phải đến chỗ cầu thang dành cho người hầu đâu, - cô ta dịu giọng, - mà là đến cầu thang sau nhà.

Cô ta cũng trở nên dịu dàng hơn, tử tế với anh, tựa tay mở cánh cửa ngọt ngào ngăn cách các đẳng cấp. Nhưng lửa cũng đã đến đó rồi. Nó đã bén đến làm gãy gục lớp gỗ thường ở cầu thang dành cho người hầu. Nó bùng lên tìm kiếm vật mới khác để thiêu cháy.

Người đàn bà và người đến cứu đứng nhìn xuống, mắt mở to lấp lánh vàng. Rồi khi đám cháy phát triển thêm, đôi mắt họ biến dạng, và họ đứng sát vào nhau để lấy thêm sức mạnh và sự động viên nhau.

- Hình như phải đi ngược lại, - Stan Parker nói.

Vì ở đây chỉ còn con đường cùng duy nhất. Họ quay lại đi qua những buồng nhỏ, nơi những người hầu gái vào thay mũ, rửa ráy và để mơ mộng xem bói bằng lá trà. Ảnh hoàng gia và các vị thánh được đính trên tường đã mất quyền lực. Chỉ còn lại giấy, mất hết vẻ huyền bí và bị ruồi bâu lóm đóm.

Madeleine đi nhanh. Cô cầm tay anh, vừa đi vừa chỉ cho anh xem mọi thứ:

- Khi còn bé, vẫn phải bế ẵm, tôi nghĩ là mình bị kẹt trong đám cháy, - cô ta nói, giọng hơi to, sẵn sàng chia sẻ với anh mọi thứ mà cô nghĩ ra. - Tôi vừa mới nhớ ra. Chính ánh lửa trên những bức tường trắng cao này. Tôi có thể nhớ đến một cái lồng chim, nhưng không nhớ những gì đã xảy ra. Theo tôi điều đó quá khủng khiếp. Giờ lại lâm vào đám cháy thứ hai, - cô ta cười, hất mái tóc đen, hơi đổ ra sau khi lửa chiếu đến. - Đối với tôi hình như là số phận đã định rồi. Còn anh... - Cô ta dừng lại.

Hai người đi đến đầu cầu thang trước, khói hãy còn ngụy trang những ý đồ của đám cháy.

- Tôi chẳng biết gì về anh. Anh chưa kịp nói gì. Rồi anh sẽ chẳng bao giờ nói nữa.

- Chẳng có gì để nói cả, - Stan Parker nói.

Cô ta nom vàng vố, gần như xấu xí, anh đứng rất gần nên nhìn thấy rõ, nó khiến anh thoải mái. Ở một bên mũi cô ta, cái mũi rất đẹp và mảnh mai có một vết nhỏ, như một nốt rỗ hoa. Rồi đột nhiên anh ước ao mình được gục mặt vào da thịt, được hít ngửi, được tách đôi hai bầu ngực của cô và gục mặt vào giữa.

Cô ta thấy rõ điều đó. Họ đang cùng bị thiêu cháy ở ngay đầu cầu thang mù khói. Giờ này cô ta phải thừa nhận, không một chút ác cảm, rằng mồ hôi trên người anh đang kích thích cô, và lẽ ra cô phải lọt sâu vào đôi mắt anh nếu có thể được, và không bao giờ quay lại.

Hai người bắt đầu giai đoạn cuối cùng của cuộc hành trình, mò mẫm xuống cầu thang mềm mại, qua lớp khói vàng xám, nhằm lẫn bàn tay với thành cầu thang và thành cầu thang với bàn tay. Có lần mắt hai người cùng nhau bơi lượn nhưng lại rụt lại trước khi thừa nhận. Vì cái thế giới mờ ảo của khói và hình dáng lại hiền hòa hơn.

Rồi họ ra khỏi, sắp sửa đến nơi an toàn thì lưới lửa đầu tiên lùa vào. Họ thở không ra hơi. Giờ đây vẻ đẹp của Madeleine đã nhăn nheo, và mọi khát vọng mà Stan Parker có thể có đều teo lại. Anh nhỏ bé và cô đơn trong thân hình mình khi lồi người đàn bà vàng vố đi.

- Đứng, - cô ta nói. - Tôi không thể đi được.

Cô ta chỉ muốn ngã gục xuống và bị thiêu cháy, vì như thế chắc dễ dàng hơn.



Nhưng anh nhắc cô ta dậy. Không phải da thịt họ chạm nhau mà là xương cốt của họ chạm nhau. Rồi họ quần quai chạy qua ngọn lửa. Không còn là sinh tồn. Họ bước vào giai đoạn đau đớn và ý thức bị kiềm chế. Chân tay anh tiếp tục tiến lên, trong vô thức. Mang cô ta chạy. Khi răng cô ta cắn chặt vào má anh, nó nói lên cùng một nỗi khắc khoải đau đớn.

- Kìa! Anh ấy kia rồi, - mọi người kêu lên. - Họ kia rồi. Anh ấy cứu được cô ta kìa.

Những người đứng tụ tập quanh ngôi nhà đang cháy, nhìn theo ngọn lửa, họ xúc động đến cao độ, bắt đầu reo lên những lời âu yếm và đầy khích lệ hoặc họ chỉ reo lên, khi thấy Stan Parker loạng choạng bước ra, ôm theo người thiếu nữ. Họ cháy xém, nhưng họ bỏng đến mức độ nào thì chưa thể biết được.

Stan Parker bước tiếp. Anh ôm trong cánh tay thân hình cong queo, cứng đờ của người đàn bà. Anh đi tiếp. Bầu không khí mát lành làm cho anh tỉnh lại, và anh thấy ngượng ngùng trước những gì đã xảy ra.

- Cô ấy chết rồi à? - Mọi người hỏi nhau, giọng khẽ khàng.

Nhưng cô ta không chết. Cô ta đang gục mặt vào chỗ hõm ở cổ anh, không thể nào dám ngẩng mặt lên nhìn, cho đến lúc cô ta cọ mặt vào cổ anh, gần như hồi tỉnh, rồi ho, rồi khóc.

Sau đó anh chàng Tom Armstrong, người yêu của cô ta, người đã vội từ thành phố Sydney về khi nghe tin cháy rừng, liền chạy ra

đoạt lấy cô ta. Anh ta trông đẹp trai, sạch sẽ, cổ tay áo màu trắng và nồng mùi rượu rum.

- Madeleine, - anh ta gọi.

Nhưng cô ta vẫn khóc và ho liên tục, và khi đặt cô xuống, cô nói:

- Để mặc em. Không sao đâu. Chỉ bị choáng ghê gớm thôi.

Cô quỳ xuống, nôn khan, tay ôm đầu, thậm chí còn bò cả người ra. Hầu hết mọi người im lặng, do kinh ngạc và thương xót, nhưng có một đôi người bật phá lên cười.

- Madeleine em yêu, - anh chàng Tom Armstrong nói, cố vượt qua sự ghê tởm của mình, trước mặt mọi người giơ tay ra.

- Để em yên. Không phải bây giờ, - cô ta nói.

Nói xong cô ta đứng dậy, bước loạng choạng vào bóng tối. Tóc của cô ta bị cháy trụi.

- Có phải đây là Madeleine không? Amy Parker tự hỏi, không còn luyến tiếc. Tiểu thuyết của cô ta đã kết thúc.

Lúc này thảm họa ở Glastonbury đã có thể thiêu cháy cả những người xem, nếu như không có những tiến triển mới. Rất nhiều thứ đã xảy ra vượt lên khói bụi và xúc cảm. Những đám mây khác lơ lửng trên ống khói, bắt đầu nhả ra những hạt nặng nặng đầu tiên. Một đứa bé đưa tay hứng những viên ngọc và cười vang khi một giọt mưa to rơi vào tay nó. Rồi nó nghi ngờ khi chớp lóe chẻ đôi đám cháy tai hại. Và cuối cùng nó kêu thét lên hoảng sợ khi tiếng

sấm rền vang và cảnh tro tàn xám xịt trong đó họ đang đứng, rung chuyển.

Đúng là bão rồi, mọi người cười, uống nước mưa, rồi đứng sát vào nhau chống chọi với sấm sét.

Rồi mưa như trút nước, chứng minh rằng thậm chí lửa cũng bất lực. Mọi người đi lang thang trong mưa, bản thân họ trở thành những lạch nước. Nước mưa chảy giữa khe ngực của đàn bà và ngập đầy túi của đàn ông. Họ đã được cứu thoát. Họ ngửi thấy mùi tro và biết. Tuy vậy vẫn có thể còn một đám lửa ở phía bên này của Bangalay, hoặc phía bên kia, tận Wullunya.

Vì vậy mọi người bắt đầu lui vào cái thế giới mà họ quen biết, nhưng từ đó họ lại buộc phải chui ra do khói ở chính thế giới đó.

Amy Parker lại đặt tay lên người chồng, hẳn chị có nhiều chuyện để hỏi anh.

- Ta đi thôi, Stan, - chị nói. - Chỗ bỏng có đau lắm không anh? Phải băng bó anh ạ. Nào anh, có đau lắm không?

- Không, - anh nói. - Không đau lắm.

Mặt anh nhăn nhó khi mưa rơi vào làm đau nhói những vết cháy trên vai và cánh tay. Nhưng đây là những vết thương bên ngoài da. Nếu anh có run lên, chẳng qua là vì anh thoát khỏi đám cháy, người yếu ớt như một đứa bé, và đã nhìn thấy những bộ mặt đầu tiên nhờ có tia chớp. Nhưng anh không quay lại với người đàn bà mà anh đã cùng đứng suốt lúc đó bên đầu cầu thang. Anh gạt ý nghĩ này đi, không nghĩ đến nữa.

Nhưng vợ anh vẫn nhớ đến khi họ đi trong mưa.

- Cô ấy khiếp sợ, tội nghiệp, - chị nói khi nhìn anh trong bóng tối.  
- Thật là hãi hùng.

Đây chính là sự thể nghiệm mà chị muốn trải nghiệm mà chẳng được. Điều đó cứ làm chị day dứt mãi. Không hiểu Stan đã nói gì với Madeleine khi anh tìm thấy cô ta trong ngôi nhà cháy? Chị khao khát muốn chiếm lĩnh lấy chồng mình bên ánh đèn thành thật, ôm lấy khuôn mặt anh trong đôi tay và nhìn thẳng vào anh.

Trong lúc ấy, mưa vẫn trút nước. Hai người bước đi, va vào nhau trong bóng tối, và những tia chớp lóe sáng gương mặt chị đang quay cuồng bao ý nghĩ, còn mặt anh thì khép kín.

Vì vậy chị đành phải vui lòng với hành động dũng cảm của anh đã cứu người đàn bà khỏi đám cháy.

## CHƯƠNG 13

**T**rận mưa như trút nước đập tắt đám cháy ở Glastonbury thực ra mới là trận mưa cuối hạ đầu tiên, nên đất đai đã không bị trần trụi lâu. Những ngọn đồi cháy xém và những vết sẹo đen nham nhở trong thung lại thấy xanh mờ trước khi mọi người có thể ra khỏi nhà và nhìn xem những gì còn lại. Dĩ nhiên có một số người không có đủ can đảm làm lại từ đầu mà đã chọn những vùng khác để sống, nơi mà họ tưởng tượng là những đám cháy dữ dội sẽ không bao giờ xảy ra. Nhưng những ai quay trở lại các trang trại cháy trụi của mình thì, nói chung, đều vui mừng. Màu xanh mờ mỗi lúc một tốt tươi, mới đầu từng dòng từng mảnh nhỏ, sau đó trào ra khiến họ thấy trẻ lại và tràn trề hy vọng. Khi họ đóng cái này, cửa cái kia, dồn đàn bò vào những bãi rào thô sơ làm bằng những cây non, tháo chân gà, vịt đang buộc lại với nhau thành từng đám, lòng họ đầy quyết tâm, bởi vì họ đã nhìn thẳng vào đám cháy, nhìn thấy những gì xảy ra để có thể sắp xếp lại cuộc sống của mình. Họ cảm thấy thế.

Bub Quigley đã không sắp xếp cuộc sống của mình. Cuộc sống của cậu ta quá đơn giản. Cậu ta tỉnh dậy, rũ cái ngủ khỏi mắt, nhai những miếng bánh mì to tướng và uống nước. Cậu nhìn những con nòng nọc trong bình. Cậu biết từng mô đất, ngọn cây ở vùng đó. Cậu vừa là chim vừa là kiến. Vì vậy cuộc sống của cậu tiếp tục hình thành theo bản năng, vượt ra ngoài đầu óc mong manh của đứa trẻ.

Vì vậy cậu cảm thấy màu xanh lớn lên, màu xanh của cỏ, của lá, trước tất cả mọi người khác và đôi bàn tay dài của cậu thấy ngứa ngáy, rồi cậu dụi mặt vào vai, không thể nào ngồi yên được, mà phải đi trên những con đường dài gập ghềnh, mà những người khác, thậm chí cả trẻ con chắc cũng không nghĩ tới.

Bub đã có mặt ở khu Hải Đảo trước mọi người. Cậu ta xé những lá cây hồ đào đầu tiên nhét vào mồm. Cậu lấy lá cây dương xỉ nâu quệt vào mũi. Rồi cười vang. Thỉnh thoảng để thay đổi, cậu ta chạy xuống đồi, tay chân gàn như long khỏi người, hai bàn chân dài nện xuống đất như hai tấm gỗ. Nhưng cậu ta cười vang. Rồi quỳ xuống nhìn vào một hang thỏ trong đó ngoe nguẩy đuôi một con rắn. Hai mắt trẻ con của cậu ta sáng lên trên bộ mặt già trước tuổi, tìm kiếm các thứ.

Bub đi thăm tất cả những nơi cư trú của con người đã bị thiêu cháy và bỏ hoang để xem mình có thể tìm thấy gì. Nhưng chẳng có gì nhiều lắm. Có những thùng sắt và những khung giường. Ở một nơi cậu ta nằm trên khung giường và nhìn qua mái nhà thấy một mảnh trăng lạnh lẽo mọc sớm, cho đến khi khoảng cách đến mặt trăng bắt đầu làm cho cậu ta thấy sợ, rồi cậu ta ném một hộp sắt tây đi, trong đó có để mấy con bọ dùa, lăn lông lốc qua cái sàn nhà đã cháy thành than rồi biến mất.

Ở nhà Armstrong thì nhộn nhịp hơn, Bub cũng đến đây. Cậu ta nhìn những người lao động lấy bay nện gạch và uống trà đen. Bởi vì ông Armstrong đã cho người xây nhà mới, giống y như cái cũ mà ông ta rất tự hào nên không tiếc tiền. Ngôi nhà được làm nên từng bước, khi những người thợ không ngồi dưới nắng, bàn tán về ngựa.

Có một người pha trò, mặc mũ vào tượng một người đàn bà khỏa thân, rồi nhảy một điệu nhảy tục tĩu, về sự hy sinh và sở hữu. Bub Quigley cười và vỗ tay. Cậu ta thích mấy trò chơi đùa âm ỉ mặc dù cậu ta cũng thấy mình mà làm thế thì ngượng lắm. Mọi trò chơi như vậy - những cậu bé lội trong bùn và ném từng nắm bùn vào mông nhau, còn những anh thanh niên đội những mũ thù mị của các cô gái, đặc biệt nếu đánh lông chim, cái anh chàng kỳ dị ôm lấy bức tượng người đàn bà - những điều đó đã mạo hiểm đi vào giấc mơ. Nó làm cho tiếng cười run lên trên cái miệng ướt của Bub Quigley. Cậu ta nhìn sững mắt.

Những người khác đi đến xem ngôi nhà mới của Glastonbury mặc dù bản thân những người nhà Armstrong không bao giờ đến. Để cho các nhà kiến trúc và thợ xây làm là đủ rồi. Họ sẵn tiền nên chẳng cần ngó ngàng đến quá trình xây dựng. Nhưng có thể họ cũng bị bỏng đôi chút nên sợ không dám đến thăm quang cảnh hãy còn đổ nát. Họ tiếp tục sống ở Sydney hay thăm bạn bè thân thích ở nông thôn, miễn là họ giàu có như nhau.

Mặc dù người ta chưa thấy họ ở Durilgai, nhưng ông Armstrong cũng viết thư cho Stan Parker, kèm theo một món tiền thưởng hậu hĩ vì hành động dũng cảm của anh, kèm theo lời cảm ơn của cô gái sắp trở thành con dâu ông ta. Ông hàng thịt nói là ít nhất ông ta cũng *chắc* rằng cô gái đó cũng muốn gửi lời cảm ơn, nhưng lúc ấy cô đang đi nghỉ ở một bang khác vì lý do sức khỏe.

Stan Parker thấy hơi ghê tởm trước tám ngàn phiếu nhưng vợ anh, người không trải qua hứng khởi do ngọn lửa, đã tính mọi thứ họ có thể mua. Chị đã kịp thời khuyến dụ anh cùng tận hưởng niềm

vui vật chất, nên họ thậm chí còn giữ tấm ngân phiếu một thời gian, để ngấm nghĩa và để khoe.

Cũng khoảng thời gian này chị O'Dowd đến thăm Amy Parker. Chị đã không chứng kiến đám cháy rừng vì bệnh zona quanh khắp thắt lưng, những nốt mẩn ngứa to bằng đồng xu, bị cả ở những chỗ khác, ngời cầm tấm ngân phiếu bóng loáng như thẻ tờ giấy có một sức mạnh bên trong mà chị ta có thể nhận được khi sờ vào.

- Thế nhá, - chị ta nói, tay cuộn tấm phiếu thành một cuộn tròn xinh xắn, để nhìn chữ viết trên đó rõ hơn. - Sức khỏe là sức khỏe, mà tiền bạc là tiền bạc, nhưng tôi muốn biết cái nào giá trị hơn, dù không bao giờ có được với nhà tôi dưới kia. Song tôi thật sự vui mừng, chị Parker ạ, chị gặp vận may đấy, cả về chồng lẫn về tài khoản nhà băng. Nhưng tôi mừng chính là cho chị đấy. Không phải là đổ kị gì đâu, nhưng có điều là vào địa vị tôi thì tôi mong anh Stan chứ không phải O'Dowd nhà tôi đi cứu các bà khỏi đám lửa, trong khi họ đang mặc quần áo ngủ, hoặc bất cứ cái gì chẳng nữa mà cô ta mặc vào dịp đó.

- Chị định nói gì vậy, chị O'Dowd? - chị Parker hỏi.

- Tôi chẳng nói gì cả, - chị O'Dowd nói, - vì tôi có mặt ở đó đâu, mà mắt người khác nhìn thì đâu có tường tận bao giờ. Tôi chỉ nói, chị ạ, rằng tôi vui mừng vì không phải cái ông O'Dowd nhà tôi lờ vờ trong đám cháy, với một tiểu thư quanh cổ mình.

- Chẳng có chuyện lờ vờ đâu, tôi bảo đảm với chị đấy, - chị Parker nói, tỏ vẻ khó chịu. - Có cháy rừng, chị hiểu không? Còn



O'Dowd nhà chị, anh ấy cũng chẳng cứu được ai đâu, mà chỉ chúi đầu vào nhà bếp say sưa bí tỉ.

- Bạn bè với nhau mà nói thế này thật chẳng ra làm sao cả. - Chị O'Dowd nói. - Nhưng tôi không muốn chia tay nhau mà vẫn còn hậm hực trong lòng. Còn cái đồ ngạo mạn, ngông nghênh trên đường cái cứ như thể là cát bụi, không kể thời tiết, chỉ để giết thời gian. Nhưng mọi người bảo, - chị ta nói, và có lẽ đây là lý do vì sao chị ta đến, - họ nói rằng mọi việc đều phẳng teo cả rồi. Tôi có nhận được thư của một bà có quyền thế. Chị muốn biết, tôi xin nói: đó là bà Frisby, người giúp việc nhà Armstrong một thời gian, bà ta có chồng đang đi biển, thật tội nghiệp, bà ta định xin nghỉ việc rồi lại thôi. Tôi không nhớ tại sao, có thể vì cái bà Armstrong là một mụ nanh ác. À, bà Frisby nói trong thư rằng anh chàng Armstrong, cũng chẳng phải là hạng người tồi tệ gì, xét về mọi mặt, bỗng dưng ra bản tính, kể từ khi cô Madeleine bỏ đi. Không ai nói gì cả, phải nhắc cho chị thế. Nhưng ai cũng biết. Madeleine đi một chuyến dài ngày, không phải vì tóc cô ta bị cháy trụi, mà vì cô ta không còn tình cảm gì nữa, bà Frisby nói thế, và có được tí chút tình cảm nào thì đã bị thiêu trụi vào cái đêm cháy rừng ấy. Vì thế anh chàng Tom, phải gánh chịu tất.

Nói xong chị O'Dowd rụt cằm lại, sửa sang đôi môi cho khớp với lợi, rồi bỏ đi. Amy Parker vui mừng. Chị có ý định không gặp lại bạn nữa, dù cho thực tế là cái hôm thứ Năm tuần ấy vì việc chung nhau một góc thịt lợn, chị còn phải gặp.

Nhưng chị Parker không khuyến khích chị O'Dowd nói tỉ mỉ về cái tin mà chị ta đưa ra. Chị nghe tin đó, chỉ im thin thít ngấm ngầm thích thú trong lòng, vì Madeleine, kể từ hôm bị bỏng, bò lê bò càng

trên tro bụi và cỏ, đã được trừ tà. Chị không còn thấy cô ta cười ngượng một cách lạnh lùng nữa. Điều này đã thuộc về cái thời ngồng cuồng điên loạn rồi. Giờ chị vượt lên trên Madeleine, đối diện với ngôi nhà cháy và đã có thể làm một điều tàn bạo nào đó. Nếu không phải vì chồng mình và vì bản thân đám cháy. Sự im lặng của chồng đã thôi thúc chị không ngừng lao vào ngọn lửa, dù là trong giấc ngủ hay bên vũng lầy, cho đến khi bản thân chị quay cuồng trong đó, che chở bộ tóc của mình, trong lúc chị tìm kiếm một dấu hiệu nào đó bị khói che lấp.

Stan Parker, với vết thương chóng lành, chỉ để lại vài cái sẹo nhỏ, một hôm đã mang tám ngàn phiếu đi Bangalay gửi vào ngân hàng. Chưa bao giờ anh thấy mền thành phố đó, đầy sắt thép và nhà tù màu vàng. Nhưng lần này, đó là thành phố của anh. Anh biết đến những cái tên Thánh của hầu hết những người anh gặp. Anh biết cái lưng và thói quen của họ, biết họ hay thường lui tới quán rượu nào và đến với ai.

Hôm ấy Stan Parker đi tìm kiếm một người tên là Moriarty, người anh đã mượn mấy hào cách đó mấy tuần, và nếu đúng, sẽ tìm thấy người đó ở tại khách sạn Đường sắt Lớn. Vì vậy Stan đã đến đó, vào một hang ổ nhớp nhúa, hôm đó không hiểu sao lại mang về quan trọng, đầy bia rượu, khói và những bộ mặt. Họ đang thảo luận mấy tin quan trọng vừa mới bay đến cái thành phố lờ loẹt đó, và nó đang đe dọa thành phố, khiến cho màu sơn vàng và những lan can bằng sắt trang trí rất cầu kỳ ở những ngôi nhà trở nên bớt sặc sỡ đi.

Những mẩu tin đó đến với Stan Parker dần dần làm anh tê dại đi khi anh chen lấn qua quán rượu, cho đến khi cuối cùng anh đã gặp

Moriarty và hỏi:

- Có chuyện gì thế anh?

- Ồ, anh không biết à? - Moriarty nói, vì vừa nắm được tin tức cách đó mấy phút, và vì thế nên có khuynh hướng khinh thường người không biết. - Ồ, chiến tranh vừa nổ ra, ở phía bên kia.

- Đúng đấy - Bob Fuller nói, - chúng ta sẽ cùng lên đường đánh bọn Đức.

- Chẳng việc gì phải hoảng sợ, - một số nói. - Xa lắc xa lơ ấy mà.

Họ lại cạn những cốc bia, nuốt ừng ực và cảm thấy sảng khoái hơn.

- Anh sẽ làm gì Stan? - Có người hỏi.

- Tôi không biết, - anh nói.

Đó là sự thật. Anh cảm thấy chẳng hào hứng gì.

Dù cho có những tin đúng dẫn đến với anh, làm cho đầu óc và chân tay anh phấn chấn vì tin tưởng, nói cho anh hay về sự hiện diện của Chúa, làm rạng rỡ gương mặt vợ khi anh đã quên khuấy những đường nét, mang cái lá run rẩy đến mỗi lúc một gần cho tới khi những đường gân và tầm rộng lớn của nó trùm lên mọi thứ, từ mặt trời rực cháy đến bàn tay bị bỏng của mình - dù cho như thế, Stan Parker vẫn thấy kém hào hứng với mọi người. Có một tham vọng bất thành được giao tiếp với họ. Nhưng từ trước đến giờ, anh không làm điều đó.

Và lúc này anh lại nói:

- Tôi không biết.

Đúng là anh không biết, dù cho có thể chẳng chóng thì chầy anh sẽ rõ. Các vấn đề tự chúng sẽ giải quyết, như ngày sẽ ló ra từ đêm tối.

- Đó là một lối thoát, - Moriarty nói, gãi bộ tóc cắt ngắn và dẫm mồ hôi.

Nghề của anh ta là dựng hàng rào, một anh chàng khá tốt bụng, nhưng là người chẳng có gì đặc biệt khiến ta phải nhớ. Anh ta sống một mình trong túp lều làm bằng vỏ cây, phơi quần áo ngoài bụi. Cách đó mấy năm, vợ anh đã bỏ đi với một tay thầu khoán xén lông cừu và không trở về.

- Mẹ kiếp, - Bob Fuller cười vang, cười như say rượu. Và thực tế đúng là vậy.

Rồi cô gái, đang ngồi đánh cốc và lớp da trắng bóng của cô sặc mùi xà phòng, nói:

- Anh Parker ạ, rồi anh sẽ biết. Trông anh sẽ bảnh trai trong bộ quân phục. Tôi rất khoái những con người cao lớn. Họ thường tốt tính. Cách đây độ vài ba năm tôi có qua lại với anh chàng lùn tịt ở Cobar. Chẳng khác gì đi với hàng rào dây kẽm gai. Đấy, tôi nói rồi, cuối cùng sẽ biết thôi.

Nhưng những gì cô ta nói không quan trọng.

Trong quây rượu của Khách sạn Đường sắt Lớn ở Bangalay, dấu cho nhiều người đang nói chuyện, chẳng ai nghe ai mà họ chỉ nghe bản thân mình. Họ phải kể tất cả những gì họ biết, tất cả những gì họ đã làm, vì sợ rằng sự im lặng chẳng thể được gì. Vì vậy họ nói chuyện, và một số đã đánh lộn nhau để chứng minh họ can đảm, một người không thể kìm nổi nỗi khổ cực của mình, nó trào lên, và anh ta nôn mửa tới bất tỉnh. Hôm cái tin ấy đến cùng với con tàu hỏa phì phò ở sân ga bên ngoài, những người tại Khách sạn Đường sắt Lớn cảm thấy rất tạm bợ và ngà ngà say, và mùi những toa tàu khiến cho đám đông cảm thấy họ sắp sửa đi đến một nơi nào đó mà họ đã chờ đợi suốt cả đời, và liệu đấy sẽ là đoạn kết khủng khiếp, hay sẽ là khúc dạo giữa hùng tráng, làm nức lòng người cho bản khái hoàn ca, tất cả đều phụ thuộc vào bản chất của mỗi người.

Stan Parker chuồn sau đó một chút rồi đánh xe về nhà. Khi anh đi xuôi xuống ngọn đồi cuối cùng, nhìn thấy những cảnh liểu khảng khiu bên đập nước và những con đường quanh nhà mà đôi bàn chân anh đã đi, anh cho rằng mình phải ra trận. Thậm chí anh thắc mắc không biết mình sẽ giết ai, liệu anh có làm điều đó với một lòng tin rằng thế là cần thiết không. Anh thấy cuộc sống mờ dần trên mặt một người, Ted Moriarty. Hay đấy chính là mặt của anh? Cổ vĩ mờ hôi, anh đánh xe đi tiếp, nhưng giờ đây sự tạm bợ của chính anh lại mâu thuẫn với sự vĩnh cửu của tất cả cảnh vật ở đó, của ong và cỏ, vo ve và nghiêng ngả.

Song anh vẫn là một anh hùng trong giới hạn máu thịt, và khi về đến nhà, anh nhảy xuống xe, nhanh chóng tháo cương ngựa, rồi

cảm thấy thế nào mình cũng được khao bánh pudding tuy rằng để lộ ra điều đó chẳng tao nhã chút nào.

Thế nhưng nghe anh kể, vợ anh vẫn tiếp tục cắt bánh mì.

- Khi nào bố đi, hả bố? - Thành Ray hỏi, trông nó lúc này đã lớn tướng và háo hức muốn biết mọi chuyện, vì thế nó há hốc miệng nghe, không buồn ăn nữa. - Thế bố sẽ mang các thứ từ mặt trận về cho chúng con chứ?

Nó muốn có một thanh kiếm và một viên đạn lấy được của lính Đức.

- Ăn đi, - mẹ nó nói với nó và cả với chồng. - Làm sao chúng ta biết được đây chẳng phải chuyện bịa ở quán rượu?

Nhưng không phải, Amy Parker biết thế, và vì vậy chị đã quăng quật bát đĩa mạnh hơn thường lệ, vung văng quét những thứ rơi vãi, sau đó gọi gà què để quẳng cho chúng những mảnh vụn đáng ghét đó, rồi chị ngẩng lên và thấy quang cảnh đã hồi sinh sau cơn hoạn nạn khủng khiếp đầu tiên và đã lấy lại lớp bóng nhoáng của thiên nhiên. Chỉ còn chị vẫn đứng run lên ngớ ngẩn, phải giấu giếm con cái, ngồi trên tấm mền bông do chị móc lấy ngay sau khi Ray ra đời, để trên cái giường mà chị chia sẻ cùng chồng. Bên ngoài, những tiếng động của buổi chiều vẫn không thay đổi, vậy mà chị nghe thấy cứ buồn rười rượi.

Sau khi Stan Parker đầu quân, đã đến lúc anh phải đi đến trại, mọi người đứng đợi xe ô tô đến đón anh, vì cả chồng chị O'Dowd

cũng đi, và một chàng trai đưa họ đến tận làng, nơi tập trung cả những tân binh khác.

Thế là gia đình Parker đợi trên hiên nhà. Họ đứng không nhúc nhích, như hôm đó là ngày Chủ nhật sau bữa ăn tối.

- Bố có được phát chẩn ở trại không? - Cô bé Thelma hỏi.

Những thứ đó chẳng gây hứng thú gì cho cô bé, nhưng có những lúc cô thấy tinh thích. Nó là một đứa trẻ gọn ghẽ, thích rửa tay. Nó sẽ chẳng nhớ bố lắm, tuy nó sẽ khóc.

Đúng lúc ấy thằng Ray kêu lên là nó đã nhìn thấy cỗ xe, mà đúng thế, có cả chị O'Dowd ngồi trên đó, đến để an ủi, chị ta nom đầy về khoa trương.

Đã đến lúc phải vội vàng hồi hộp thu xếp vài thứ hành trang. Chân tay mọi người cứng đờ và ngượng ngập, trừ có anh O'Dowd. Anh ta đã mang theo mấy thứ đi đường và miệng hát một bài ca yêu nước.

- Nghe anh ấy kìa, - chị vợ nói, cái mặt to sưng húp vì khóc, không giấu vào đâu được, nên đành chịu. - Chính chị em chúng mình hát mới phải, nhưng chẳng ai biết hát. Nào, đi thôi, các chàng trai, và chúng ta hãy khóc cho bằng thích, rồi thôi, đã gần đến giờ vắt sữa rồi đấy.

Chiếc xe sẵn sàng làm theo lời chị ta, trong khi đó Stan Parker hôn vợ. Sao chị ta lại cứng đờ trong chiếc áo khoác trắng thế này. Có người nói dạo này chị đấy ra. Chị không béo, nhưng đầy đặn. Và giờ đây, chị đứng vững vàng, đợi thoát khỏi cái sự kiện lớn lao này,

vì nếu đợi lâu thế nào chị cũng lâm vào cảnh đó. Nó cũng chẳng khác gì những cuộc ra đi trước bao nhiêu, những lần đi chữa cháy và chống lụt, lưng những người đàn ông biến dần trên xe. Lần này thì chính thức hơn. Vì vậy chị đứng nín thở.

Mọi người đều đứng cả. Trẻ con không đi giày, vì chúng chỉ mang giày khi đi lễ nhà thờ và đi học. Chị O'Dowd lúc này đã hoàn toàn suy sụp. Còn ông lão Fritz giờ đây đã già lắm, chỉ quanh quẩn trong nhà và tối tối ngồi vá áo trước túp lều. Họ đứng vẫy tay mãi sau khi xe đã đi khuất, họ vẫy tay vì họ chưa nghĩ ra mình sẽ phải làm gì tiếp sau đó. Những bàn tay ve vẩy nhẹ nhàng làm cho họ cảm thấy bớt trống trải.

Stan Parker về nhà một lần vào dịp phép trước khi xuống tàu. Hôm ấy trông anh khác hẳn. Tóc anh cắt ngắn cũn, khắp người sặc mùi vải kaki, thậm chí ngay cả khi anh đi quanh nhà, làm những việc trong bộ quần áo thường. Thịnh thoảng anh ngồi quán xá cạp cừ như mình thích nghi thức đó, quần quần buộc buộc cho đến khi phủ khắp chân. Hơn bao giờ hết anh hoàn toàn khép kín.

- Chắc anh thích mấy thứ lính tráng lắm, - vợ anh nói, giọng chua chát - Không thể nào hiểu được đàn ông họ thích cái gì, ngay cả người mình biết rõ nhất.

- Thế anh phải làm gì nào? - Stan Parker nói. - Húc đầu vào tường à?

- Họ có cho anh ăn no không, anh Stan? - Chị hỏi.



Dẫu sao đồ ăn thức uống vẫn là cái gì ta có thể sờ mó và đề cập tới. Nếu có một vị giáo sư nào đó hay ông nhà giàu nào đó đến, ta có thể quay cho họ một khoanh thịt bò và cảm thấy an tâm.

- Có bao giờ anh bị đói không? - Chị hỏi. - Họ cho anh ăn gì?

- Thịt hầm, - anh trả lời.

Anh nhìn vào miếng đồng anh vừa đánh bóng sáng loáng giữa ánh đèn như thể một vật quý báu. Vì đó là đêm cuối cùng, và vì sự huyền bí của thói lãng tránh, tự hủy diệt mà anh đã lao vào kể từ khi anh mặc quân phục, khiến chị thấy cô độc, nên chị hỏi:

- Có bao giờ anh cảm thấy lẻ loi khi sống trong lều với hàng lô hàng lốc những tên đực rựa không?

- Làm thế nào mà cảm thấy lẻ loi được, - anh nói một cách tàn bạo, - khi những suy nghĩ của mình gắn liền với những suy nghĩ của anh bạn kế cạnh mình, tất cả đều nhét chung một chỗ? Thậm chí cả trong nhà tiêu.

Anh đứng dậy đi ra ngoài nhà. Đó là một đêm lạnh đầy sao. Anh đi lại cái chỗ cái gò nhỏ bên kia nhà, trên có mấy cây bạch đàn, ánh sao rung rinh trên cành lá. Rồi cả anh cũng thấy lạnh run lên, vỗ đên đét vào da thịt, anh tựa người vào một thân cây, nhưng chẳng tìm được sự nâng đỡ. Nhẽ ra anh phải cầu nguyện, nhưng lúc ấy anh sợ sẽ không được đáp lại, mà cũng chẳng biết lời cầu nào.

Vì vậy anh trở về với vợ, đó là tất cả những điều chắc chắn mà anh có được, và chị đón anh với một lòng tin. Họ quấn chặt lấy nhau

như bị nhấn chìm trong bóng tối và ít nhất họ cùng chìm với nhau. Khi đã xuống tận đáy rồi, họ chẳng màng gì nữa.

Sau khi Stan ra đi, cùng với những người tân binh khác, trên chiếc xe công cộng đến tận Bangalay giữa nước mắt và tiếng hoan hô và lá cờ con mà bà Gage, người đã treo lên trên trạm bưu điện, Amy Parker phải mất một lúc mới nhận ra được những gì đã xảy ra. May sao, chị đã không khóc, chị còn đàn bò và con cái. Chị lao ngay vào bất cứ những việc gì cần phải làm, và cứ thế đều đều, hết ngày này qua ngày khác cho đến khi cơ bắp rạn nứt ra trên tấm lưng rộng và khuôn mặt tách biệt của chị gặp chính mình trong gương vào lúc ban đêm với chút ngỡ ngàng.

Chị O'Dowd, nhà có cái cổng chào đã đổ kể từ khi đàn ông ra đi, đã nói rằng mọi việc phụ thuộc vào chị em phụ nữ. Chị vô cùng tử tế với hàng xóm láng giềng, bất luận là việc gì, và sẽ đến ngay nơi nào có khoai tây cần dỡ, hoặc giữ bò cái cho bò đực nhảy. Hoặc mọi người đều đến nhà Quigley để thu hoạch cam hay làm việc lật vật. Doll đứng giữa những cọc rào gỗ mà mọi người đã đóng đinh, mỉm cười, đếm, rồi lại mỉm cười với nụ cười khô khốc. Thậm chí cả cậu Bub cũng học làm được mấy thứ đơn giản, nhưng cậu ta bị ám ảnh trước những lời bông đùa về chiến tranh, cậu ta hí lên một tiếng cười giả làm tiếng súng nổ. Có lần cậu ta tuyên bố mình đã chết, và thế cũng chưa phải tệ lắm.

Dẫu sao phụ nữ và trẻ em ở Durilgai sống yên lành và ngay từ đầu đã sáng ngời những đức tính mà họ phần khởi phát hiện ra trong bản thân họ. Thằng Ray đã bắt đầu vắt sữa. Nó kéo dài đầu vú

cứng trong bóng tối mơ màng, đầu ngủ tựa vào cái bụng đầy căng của con bò.

- Ôi giờ, con mệt lắm, mẹ ơi, - đến đêm Ray nói thế.

Chị hôn thật kêu vào cái miệng đầy đặn của con mình. Bộ mặt nghiêm nghị của Thelma nhô lên bên trên một cái bít tất, con bé trông ít thất vọng hơn và tỏ ra âu yếm hơn, rồi nó cầm lấy cái bít tất vá. Amy Parker thời gian này phải làm nhiều việc như vậy. Chị hãy còn khỏe bởi vì sự yếu đuối của chị chưa bị bộc lộ.

Thế nhưng vào thời gian này mọi người bắt đầu chú ý đến lão Fritz, người đã sống cùng với họ hàng bao năm nay, mệt mỏi và đi rồi lại về, chẻ củi, làm gà vịt, hay tráng nước sôi can sữa, nhổ cỏ quanh những cây hướng dương. Giờ đây lần đầu tiên mọi người đã để ý đến ông lão Fritz. Lão top hăn người kể từ khi có chiến tranh, như thể lão ốm hay bị gì đó. Lão vẫn bở củi, rồi vào nhà. Lão không còn ngồi bên ngoài, mà ở trong túp lều, cũng không phải gian bên cửa sổ, mà ở gian bên cửa hông, lão ngồi đó, một mớ xương cốt và chút vết tích sót lại của da thịt già nua.

Có lẽ lão Fritz sắp chết, Amy Parker bắt đầu thấy sợ với linh tính đầu tiên.

Nhưng lão Fritz không được phép chết, lão còn phải quần quai đau đớn lâu. Cặp mắt nhìn xuống của lão biết rõ điều đó.

Mọi người vào đến sân đều cố nhìn lão Fritz của nhà Parker một cái. Nhẽ ra họ phải nạy tung bộ mặt lão và lọc ra những suy tư của

lão nếu họ táo tợn hơn. Nhưng vì không thể nên họ tỏ ra ngây thơ hoặc nhú mày nhìn một cách ngây ngô.

Sau đó, Amy Parker từ nhà máy bơ ở Orwell trở về, nơi họ chờ kem đến, đã gặp Ossie Peabody đang cưỡi con ngựa lông bù xù. Ossie dừng lại nói chuyện về thời tiết vì như thế nhã nhặn hơn. Anh ta là người sắc sảo, nói chuyện hợp lý lẽ. Anh ta không đăng lính, dĩ nhiên với lý do bố mẹ già yếu và không biết chết lúc nào mà vợ anh ta lại ốm kể từ khi có tai họa đó. Anh ta sẵn sàng đưa ra những lý do đó và nhiều lý do khác nếu mọi người có hỏi tại sao anh ta không đi, nhưng chẳng ai hỏi vì họ đã quên mất Ossie Peabody. Anh ta là hạng người không đáng nhớ. Đôi mắt anh ta đã mờ đi kể từ những ngày trong sáng xưa khi mọi người cùng nhau đến Wullunya cứu lụt.

- Cái lão già người Đức của chị, chị Amy ạ, - Ossie Peabody nói khi anh ta vào đề, - rất lạ là chị nuôi lão ta trong những ngày này đây, một tên Đức mà. Tôi nói vậy thôi, vì mọi người thắc mắc, mà Stan lại không có nhà.

Amy Parker ngạc nhiên trước ý nghĩ đó, và đôi mắt chị biểu thị ngây thơ đến mức Ossie Peabody cảm thấy hài lòng. Anh ta đã xâm phạm thành công.

- Tôi mà còn bố thì chẳng bao giờ tôi đuổi ông cụ đi cả. - Amy Parker nói, - tôi chẳng hiểu mấy vấn đề đó. Nhưng bác Fritz là một người rất tốt.

- Dĩ nhiên chuyện này tôi chẳng quyết định được. - Ossie Peabody mỉm cười nói.

- Chẳng ai trong chúng ta quyết định được cả, - Amy Parker nói, giục ngựa đi. - Mà là do bác Fritz.

Nhưng giờ đây chị không tin chắc về cuộc sống của mình.

- Phụ nữ, - chị O'Dowd, người thích trừu tượng hóa trong những phút giây mơ màng, đặc biệt là sau khi uống một chén trà nói, - phụ nữ chỉ là một nửa nếu không có đàn ông. Chính đàn ông là người làm tròn tria cái hình, ngay cả những người đàn ông mà một số chúng ta đã có đi nữa, họ biết chúng ta nên biết bao nhiêu là vừa, là đúng. Chỉ biết điều gì đó đúng là không đủ, nếu như ta không thêm hoặc bớt một chút gì đó để có được câu trả lời cuối cùng. Chị có hiểu tôi nói gì không, chị Parker?

Nhưng chị Parker không chắc.

- Có nghĩa là lão ấy phải đi, Amy ạ, vì chồng con chúng ta bị lữ ỉu lê đâm vào bụng, và những đứa trẻ vô tội đã chết vì những tên Đức bản thiêu đó, tôi sẽ nhổ vào mặt chúng bất cứ lúc nào, kể cả ngày Chủ nhật.

- Không! - Amy Parker kêu lên.

Nhưng mọi chuyện đã được quyết định.

Đó là một ngày mưa. Ông lão, bộ mặt hiền lành nay hoàn toàn bị tàn phá, đi qua sân chẻ vài thanh củi, bởi vì nếu có thể làm việc chút ít ông sẽ thấy đỡ tê cóng. Và dưới mưa phùn lũ trẻ đứng túm tụm quanh, hò hét, đẩy nhau và nói cho nhau nghe những điều bí mật và để giết thời gian. Bọn trẻ trở nên hung dữ vì buồn chán và mưa. Chúng chỉ muốn đập phá cái gì đó, nhưng chúng không đủ can đảm

để đập vỡ kính, hoặc cầm rìu bổ vào nhà. Vì vậy chúng bắt đầu bắt chước cha mẹ huých khuỷu tay và nói chuyện về lão người Đức của gia đình Parker, rồi cười và thì thầm.

Thằng Ray và con bé Thelma đi quanh quần, tách khỏi bọn trẻ khác, lấy ngón chân đá bùn và cảm thấy xấu hổ. Ông ấy là một ông lão tốt bụng, bọn chúng yêu ông ấy, biết là thế nhưng chúng cũng bực mình về việc vì ông mà chúng bị sỉ nhục. Trong cơn tự ái bùng bùng bọn chúng còn căm ghét lão hơn bất cứ ai.

Rồi các cậu bé bắt đầu hò hát:

*Fritz tên người Đức  
Fritz tên mọi Đức  
Hãy đợi đến lúc  
Lão ta phải cút...*

Bọn chúng cười ngặt nghẽo.

Có đứa bé nào đó bắt đầu ném những nắm bùn đỏ nhỏ tí đánh bẹt vào lưng ông già.

*Ta chẳng bao giờ  
Để lão già Đức*

Thằng bé Jackie Holloway hát, một đứa hát thơ văn rất giỏi.

*Có đủ thì giờ  
Mặc quần cài cúc  
Pháo tổng ta đặt  
Dưới đít lão nào  
Pháo nổ một phát  
Đưa lão vào lao.*

Bọn con gái mặc áo chui, bọn con trai đầu gối củ lạc ghẻ lở cười vang. Cô bé Eileen Britt nắc lên vì cười nhiều quá, cúi người, lấy một nắm bùn to, và cười khúc khích ném đánh bẹt vào giữa tấm lưng của ông lão khi lão quay đi nhặt nhanh mấy thanh củi nhóm lửa ở trong túp lều gỗ.

Lão quay lại. Người lão trắng bệch trông như tờ giấy. Lão không phản ứng. Người lão không còn một giọt máu. Lão đi về phía lều, chệnh choạng, trông lúc này đến là buồn cười và đáng ghét.

Vài đứa trẻ thấy hồi hận hoặc sợ phải đối mặt với lão, nên chúng yên lặng. Còn những đứa kia vẫn tiếp tục la hò.

Tất cả đều đầy phẫn nộ, và Ray Parker đang thở hồng hộc, mồm mở to ra vì kích động hay vì khinh bỉ, cậu ước gì mọi việc đã không xảy ra, và lo rằng điều tồi tệ hơn sẽ đến. Người nó bóng nhẫy mồ hôi và hào hứng khi nó nhặt một hòn đá ném trúng môi lão Fritz. Bọn chúng nghe thấy tiếng hòn đá nện trúng răng ông lão. Rồi máu chảy ứa ra, nhỏ giọt xuống chiếc cầm sạch sẽ của ông lão. Thành Ray hoảng sợ, nhưng nó đã tự giải thoát cho mình, giờ đây nó có thể căm thù ông lão người Đức mà nó đã yêu, và chắc chắn đứng về phía lũ trẻ.

Lão tiếp tục bước qua sân vào lều, và bọn trẻ giải tán trong im lặng, dưới trời mưa, và không hiểu liệu chúng có nên quên những gì đã xảy ra. Chúng bị giày vò giữa lòng kính trọng đối với ông lão và sự kích động cùng bản chất yêu nước của hành động thằng Ray làm, mà trong đó đứa nào cũng đều tham dự.

Khi Amy Parker đi ra ngoài nhà xem chuyện cái cọ âm ỉ ra sao, tuy lúc đó chỉ còn im lặng và mưa. Chị thấy ông già người Đức ngồi trên những túi đựng rơm dùng làm đệm giường.

- Sao, vậy, bác Fritz, - chị hỏi. - Có chuyện gì thế bác? Bác có sao không?

- Không, - bác ta trả lời, - tôi không bị đau nữa. Nhưng tôi phải đi khỏi đây thôi, - bác ta nói, - tôi ở lại đây bây giờ không tốt cho cả hai chúng ta.

- Không, bác không được đi, - chị nói.

Chị đứng, xoay cái nhẫn bất lực, như một cô bé gái đeo nhẫn cưới, sờ vào nó và mơ ước đến ngày trưởng thành chưa đến.

- Không, tôi nhất định phải đi, - lão thờ dài.

Chị phân vân không biết nên nói gì để an ủi lão, nhưng chị biết rằng chẳng có gì trong căn buồng gỗ này.

Vậy là hôm sau Amy Parker đánh xe đưa lão Fritz đến Bangalay. Lão mặc một bộ đồ đen nhả nhạt nhưng hơi mỏng, lão có một valy, quanh buộc dây da, và một túi bằng da thú, trong đó nhồi nhét đủ các thứ công kênh hoặc mềm mại. Chị ngồi đánh xe, nhưng con đường là một thành phần tích cực trên chuyến đi đó, họ chỉ việc đi trên đó cho đến khi nó chấm dứt, và con đường đôi lúc cũng làm giảm nỗi đau bằng tính đơn điệu và độ dài của nó.

Tuy nhiên khi họ đến rìa thị trấn, nhìn thấy toàn những hộp sắt tây vứt rải rác và những con dê có buộc dây, chị bắt đầu cảm thấy



tuyệt vọng, vì rõ ràng là mọi thứ đều sẽ phải kết thúc.

- Bác muốn tôi đưa bác đi đâu, bác Fritz? - Chị hỏi vung chiếc roi da, lòng bối rối khôn cùng.

- Đi đâu cũng được, - ông già nói. - Tôi xuống được mà. Đâu thì cũng vậy thôi.

- Nhưng phải đến đâu đó chứ, - chị nói, cố giấu đi giọng nói bị lạc hẳn.

Lão không trả lời. Lão vân vê chiếc huy chương trên sợi dây đồng hồ đã bạc màu, sờ vào chỗ chữ khắc do dùng lâu không còn đọc được. Khuôn mặt lão cũng thế, không sao lý giải nổi và đang bước vào một tình trạng thuần khiết mãnh liệt ban sơ, tình trạng bay bổng.

- Thôi được rồi, - lão nói, tay vịn vào thành xe.

Lúc đó xe họ đã đi sâu vào thị trấn và đã bị cuốn hút vào cảnh phù hoa của nó. Họ đến gần chợ. Những người đàn bà vàng ệch da đóng vẩy đang mua vịt. Tiếng bò rống lên tuyệt vọng. Một chiếc xe chòng chành chất đầy bắp cải thành hình kim tự tháp cùn vệt ở đỉnh.

- Xin cảm ơn chị, - lão thì thầm, còn chị thì không dám nói lên lời.

Sau đó chị nhìn thấy lão đứng trên mặt đường với đồng hành lý, chị vội nhảy xuống nắm lấy tay lão.

- Ôi, bác Fritz, - chị khóc, nghe như tiếng chim tuyệt vọng đang bị dao kề cổ.

- Tạm biệt, cô Stan, - lão Fritz nói, rút tay lại vì lão cũng không biết làm gì khác.

Rồi lão đi sang phố hẻm chị không rõ là phố nào, và chị không còn gặp lại lão nữa.

Chị đứng khóc than cho một thế giới đã bị mất đi. Giờ đây, cơ cấu cuộc sống chị bị lung lay, chị thấy mình đầy đau khổ, đau khổ hơn cả lúc hôn tạm biệt với chồng, người mà đương nhiên chị yêu, bằng tinh thần êm ái và sự hấp dẫn của xác thịt, chị đã yêu và chị sẽ yêu anh. Nhưng chị cũng yêu ông lão người Đức vì lão đã mang cho chị sự thỏa mãn của ánh ban mai, với tiếng lanh canh âm ỉ của mấy cái xô cứng đầu, vì những giờ uể oải của ban trưa, khi lá cây đung đưa và những con gà mái mơ màng trong cát bụi, vì những giờ buổi tối với gương mặt của nó là một hoa hướng dương tàn lụi. Tất cả những cái đó đã mất rồi.

Vì vậy chị khóc nức nở, nghiêng hẳn người, trông đến buồn cười, trên cái ghế của chiếc xe ngựa, tóc xõa xuống, và những con nhặng nhỏ xanh xanh gần như bầu vỉnh viển vào chiếc lưng sẫm màu của chị. Khách qua đường đều nhìn chị và không hiểu tại sao chị lại xúc động làm vậy. Có gì đó gần như tục tĩu ở người đàn bà khỏe mạnh khóc sưng cả mắt trong ánh nắng ở nơi công cộng kia.

Một cậu bé mang một chiếc dây thòng lọng, bước đi vững chãi, cười khẩy và hỏi:

- Có chuyện gì vậy bà?

Nhưng khi thấy chị vẫn khóc, nó đâm sợ, nhận ra đây không phải là một cơn đau răng, mà là nỗi đau nó chưa hề thể nghiệm. Vì thế nó đi tiếp và không nhìn lại.

Một lát sau, chị ngồi ngay ngắn, vấn tóc lại xì mũi và rẽ ngựa, vì chị phải lấy lại quyền lực toàn năng trong nhà mình.

Những hòn đá nằm đầy đường đến Durilgai đến là độc ác.

Ở một điểm trên đường chị gặp Bub Quigley và đón nó lên xe. Nó có vẻ hài lòng.

- Giờ thì tôi chỉ có một mình, Bub ạ, - Amy Parker nói.

- A, - nó nói, kinh ngạc nhìn chị, cứ như nó chẳng mong gì khác. Nhưng nó không nhìn thấy mặt chị vì chị ngoảnh đi nhìn về phía đồng quê, hoặc nhìn vào bản thân mình.

- Bác Fritz đi rồi, - đôi vai rụt lại của chị nói.

- Thế ai sẽ bỏ củi? - Bub hỏi.

- Ồ, tất cả chúng ta sẽ làm, - chị nói.

- Em không thích bỏ củi đâu, - Bub nói, - thà để chị em làm, cho em được tự do.

Cái cậu trai không tuổi này là người duy nhất tự do, Amy Parker nhận ra thế. Nó là người duy nhất được hưởng ơn Chúa ban. Trong giây lát, chị nghĩ rằng mình phải cầu Chúa, nhưng chị đã mất lòng tin hoặc giả đã đặt lòng tin của mình vào sức mạnh và lòng nhân từ của chồng.

- Trông kìa, - Bub nói, chỉ bâng quơ khắp nơi. - Mọi vật đã xanh lại rồi. Chưa bao giờ xanh đến như vậy sau khi cháy rừng. Đây là những cây dương xỉ trong thung. Thịnh thoảng em nằm ngủ trên đám dương xỉ đấy và chị em nổi nóng vì em không về nhà, nhưng dĩ nhiên em về đúng giờ. Không thể ở đó mãi được, sẽ bị đói ngay.

Đúng vậy, chị nhận ra, bản thân chị hoàn toàn trống trải.

- Em biết có những con cáo non ở trong một bọng cây đấy. Em có một tổ chim.

Lòng chị mở rộng mênh mông, trong một cõi trống trải, nhưng Bub đã lấp đầy chị bằng cảnh núi đồi và thung lũng, những sợi lông tơ của bầy chim, và những cành dương xỉ thơm dịu.

Một lát sau Bub nói:

- Cho em xuống đây chị ơi. Em xuống chỗ lỗ cáo. Chính chỗ này đây.

Khi chị cho Bub xuống xe, nó chạy lao xuống dốc, hai bàn chân lạch bạch trên đất, hai cánh tay vung vẩy để giữ cân bằng.

Còn Amy Parker tiếp tục đi, qua miền đất tươi tốt và ngây thơ của nỗi cô đơn sâu muện trong chị. Cuối con đường các con chị đang đứng đợi chị cố lấy lại sức mạnh mà chúng mong đợi, đàn bò không ngờ vực gì, đàn gia cầm chạy ùa về phía chị, chúng cảm thấy bàn tay chị sẽ chìa ra từ trên cao.

Hình như cuộc sống của chị đã được an bài, và chị vui mừng. Chị vui mừng vì căn nhà dù trông nó mỏng manh hơn trong ánh

nắng xế chiều, đứng giữa bụi hồng tơ tằm và những khóm trúc đào  
vững chắc mà chị chẳng ngó ngàng gì đến.

## **PHẦN BA**

## CHƯƠNG 14

Khi những năm tháng gian lao và khốc liệt ấy kết thúc, Stan Parker hiếm khi muốn kể lại. Anh không chịu nghe những lời tán tỉnh mà kể lại những câu chuyện mạo hiểm bất tận của những chàng trai, như vài người thường kể sau những cuộc chiến tranh, bởi cảnh hỗn loạn không phải là vận hội của anh. Khi bạo lực lên đến tột đỉnh, khi các mùa thậm chí cũng bị hủy diệt thì những chức năng của anh hình như đã bỏ anh, một kẻ trước đó đã rất sung sướng nhìn bầu trời tìm những dấu hiệu của tự nhiên, lắng nghe tiếng yến mạch đổ, nhặt một chú bê con ướt sũng vừa mới rời bụng mẹ và phô cho mọi người thấy là những cái chân của nó có hoạt động.

Vạn vật đều sinh ra để hoạt động. Song cái quá trình hủy diệt đối lập còn rõ rệt hơn nhiều, một khi nó được hoàn thiện. Đầu óc anh hiểu như vậy, như những quầng sáng xanh dạt đi trong đêm. Những chùm pháo hoa đẹp đẽ ấy cho anh thấy cái bàn tay vừa thông xuống bên chân anh bị ném vào đó. Những ngón của bàn tay bị mất co lại lần cuối cùng. Nó nằm đó như một cái tua bị ngắt khỏi một cây nho và bị vứt xuống khi cái động cơ, nếu như đã từng có, bị lãng quên. Vì vậy cái đầu đang sống của người lính trẻ cứ nhìn cái bàn tay đang van vỉ ấy. Anh chờ đợi một mệnh lệnh trong đêm tối. Nhưng nào có thấy. Rồi sẽ có, anh hy vọng. Anh đang đứng đó. Anh là kẻ

cuối cùng trên cõi đời, bàn tay kia bắt đầu vẫy gọi. Rồi cái mệnh lệnh ấy bỗng đến, xuyên qua màn đêm bình bồng phơn phớt màu lục, và anh lại vã mồ hôi. Anh đá cái vật bàn tay mềm mềm ấy sang một bên. Anh có thể làm gì khác hơn thế?

Sau đó, trong cái lặng lẽ của bùn đất và tình trạng kiệt sức, hoặc khi cuộc oanh tạc xé toang da thịt và phơi ra những mớ dây thần kinh hỗn độn màu xám, anh thường nghĩ ngợi về bàn tay kia, nó đã cầm nắm đồ vật ra sao, liệu nó có run sau bữa rượu hoặc trong lúc sờ nắn phụ nữ không, và nó đã từng viết thư về nhà cho ai. Có lần, tại một làng anh đã nhìn thấy bàn tay bị viêm khớp của một thầy tu già làm dấu thánh giá trong không khí. Anh đã nhìn bàn tay ấy với một niềm khát khao, bởi nó hầu như cũng đã mất hẳn rồi. Tại các làng xóm đồ nát, nếu có thể được thì anh đã chuyện trò với một người nào đó. Song, vì không được, anh nằm dưới một cái hào, và nắm hai bàn tay nóng hổi của một phụ nữ mà do bóng tối anh không nhìn rõ, hai người đã trao cho nhau những khát khao bằng quần quai yêu đương tuyệt vọng, rồi sau đó mỗi người đi một ngã, sửa lại áo quần và lau sạch những lời thú tội trên miệng mình. Trong khi đi, người đàn ông ngày càng ước ao thầm nghĩ về một vị thần giáng xuống, giả thử như thế, rồi thăng lên. Song giờ đây anh không thể cầu nguyện nổi. Vốn liếng những câu cầu nguyện, thậm chí cả mớ những câu ngẫu hứng của anh không còn thích hợp với hoàn cảnh nữa.

Tuy nhiên anh vẫn viết thư về nhà. Stan Parker ngậm bút đến lõm cả má, suy nghĩ về những điều anh biết mà sẽ không viết ra. Anh viết:



“Ame thân yêu.

...Anh có thể kể em nghe một đôi điều nếu như anh có thể viết được, song dù sao từ trước đến giờ chúng ta chưa bao giờ là những người thích chuyện trò. Anh không thích, việc trò chuyện là của em, em đã nói cho cả đôi ta, và anh mong muốn xiết bao được nghe giọng nói em kể lại những việc xảy ra từ bữa ăn tối - thậm chí dù có tai họa, như cái mái nhà bị sập, chúng ta bao giờ cũng có thể lợp lại được. Anh bao giờ cũng có thể làm hầu hết mọi việc bằng đôi tay của mình. Đó là phần khùng khiếp của chuyện này, khả năng ấy đã bị tước khỏi tay anh. Anh yếu mệt, Amy ạ...

Amy vô cùng yêu quý của anh,

Em đã không nói anh rõ là con Cherry đã đẻ chưa mà chỉ bảo rằng các con Dorcas, Ally đã đẻ và nói có hai con bê con như thế thật là thú vị, em bảo rằng, chúng khỏe mạnh. Bây giờ, con Cherry đã sẵn sàng để lúsa sau, anh định cho nó đi tơ với con bò đực của ông Regan, cái con mà ông ta đem từ Bega về, và em bảo là đặc biệt khác thường ấy, để chúng ta sẽ có một chú bê con lao ra mà nhảy nhót mỗi khi anh mở cổng, chúng mình sẽ gọi nó là con Hòa bình, được không?

Anh không cảm thấy khó chịu lắm bởi anh biết rằng mình sẽ vượt qua được tất cả, điều mà có lẽ anh đã không nói cho em biết. Chuyện xảy ra tại lối vào hầm trú ẩn. Đêm ấy thời tiết đặc biệt xấu, khi đó, anh có thể ngửi thấy mùi cỏ, cái mùi giống như sau một trận bão, và mùi cỏ linh lăng ẩm ướt, anh có thể đoán chắc rằng tít trên cao kia có ánh nắng mặt trời, dù ở đây đang là đêm tối và mùa đông. Còn anh thì rất sung sướng và chắc chắn, anh run rẩy cả đầu

gối vì quá đổi sung sướng. Anh không chịu bị chôn vùi trong bùn đất. Anh sẽ về nhà. Rồi họ hỏi anh đang làm gì ở đây. Nom anh như thể đang say, mà chẳng có gì uống. Anh bảo rằng anh cảm thấy khó chịu thật, anh bỏ đi nằm, và mơ thấy em đang đọc báo bên cạnh cây mộc qua, anh có thể nhìn thấy những trái mộc qua to, màu xám, có lông tơ, chưa chín, và em ngược nhìn lên.

Em hãy bảo Thel là anh đã kiếm được bút tất mà không khó khăn gì. Anh cảm ơn nó, cả về tấm ảnh nó tét đuôi sam nữa. Nom nó chín chu đấy. Và Ray ơi, bố đã kiếm được cái mũ sắt và quả thủ pháo.

Amy, em đã may được được chiếc áo váy từ bộ đồ màu xanh cũ, và anh rất mừng. Anh mừng là em đã kể anh nghe tất cả những chuyện đó, bởi như vậy anh có thể nhìn thấy em. Anh có thể thấy em ngồi trong các căn phòng, và đi dạo dọc con đường nhỏ, anh nhìn thấy được những bụi hương thảo. Chúng mình phải kiên trì, Amy ạ, và chẳng bao lâu nữa cuộc chiến tranh sẽ kết thúc...”

Anh nghiêng đầu sang một bên, viết thông thả nhưng vững chãi, một khi anh đã bắt đầu, bằng cái nét chữ đứng đắn mà anh học được ở người mẹ vốn là một nhà giáo. Anh thấy phấn khích khi viết những bức thư này, trong đấy những lời lẽ đã thay hình đổi dạng - thành cỏ cây, những con bò chậm chạp và các thứ đồ dùng linh tinh, búa cùng rìu, dây phơi, quần áo, nằm quanh một chỗ, đó là thứ anh muốn nhớ đến. Những lời lẽ thô kệch thành ra lại chứa đựng sự nếm trải về chết chóc, niềm hân hoan và tình yêu.

Stan Parker viết tiếp:

“Ame yêu quý của anh

Anh đã suy nghĩ kỹ, tốt nhất là em nên cho bãi khe được nghỉ sau mùa hạ, trừ phi mùa thu này có mưa thật to và chia đàn gia súc ra mà chăn ở vạt Sally và bãi Vuông. Theo anh thế là hay nhất. Và, nếu có thể em hãy thu hoạch yến mạch đi, nhờ một người nào đó giúp đỡ, có lẽ cái lão già Skinner thọt chân ấy sẽ từ Wullunya tới nếu như em trả công xứng đáng.

Nếu thằng Ray đã làm cùn cái rìu sắc ấy vì chặt đinh chặt đá thì nó phải học cách mài. Cái rìu ấy mà hỏng thì anh chẳng biết sẽ làm gì.

Tom Archer mất rồi, cả Jack Sullivan nữa. Họ là những người tốt. Một thời gian Tom đã biết cái chết sắp đến và anh ta đã thay đổi. Jack Sullivan là một tay bọm thuộc loại âm ỉ, song ta không thể không mến Jack. Anh ta có thể dùng một đồng xu làm trò ảo thuật, nhanh đến mức ta không thể nhìn thấy, và lại một trò nữa bằng một quả trứng, nếu như anh ấy có, và khiến khán giả hoan hô vỡ rập. Vậy mà, họ đã chết rồi.

Tuần trước, anh ngồi một lát trong một nhà thờ làng ở nơi đây. Đó là những gì sót lại của một ngôi nhà thờ. Nhìn thấy cả trời. Những khung cửa sổ thì còn, nhưng kính đã long. Song người ta vẫn đến đấy, có một linh mục cứ đi loăng quăng, như thể mái nhà vẫn còn. Trời nổi gió, đổ mưa, và chó cũng chạy vào. Anh có thể ngồi đó mãi mãi mà chẳng làm gì. Anh có thể lắng nghe, quan sát và suy nghĩ về quê hương. Lạy chúa, Amy ạ, anh ở đó đã lâu, song vô khối người còn ở đó lâu hơn nhiều. Có một bà già trong ngôi nhà thờ đó, da bọc xương, cứ cầu nguyện như thể bà ta mới bắt đầu

cầu nguyện. Lẽ ra bà ta đã có thể bảo anh một đôi điều. Song bà ta và anh đều không nói được lên lời mà chỉ có thể nhìn nhau.

Vài anh chàng nghĩ rằng chẳng bao lâu nữa chiến tranh sẽ kết thúc. Họ đã nghe được một điều gì đó, Mick O'Dowd bảo rằng anh ta chỉ nghe thấy tiếng súng và sẽ tin như thế khi tai bị điếc vì yên lặng. Em hãy bảo chị nhà anh ta rằng Mick rất ổn và khi nào khỏe mạnh sẽ viết thư về...”

Cùng thời gian đó, anh ta viết:

*“Mẹ nó yêu quý,*

*Anh bình an. Mẹ nó nên gặp những cô gái ở đây (ha! ha!) mẹ nó nên thấy cái món bia ở đây, nó giống như nước đá ấu!*

*Hy vọng rằng thư này tôi vừa gửi là tới mẹ nó ngay, người chồng yêu quý mãi mãi của mẹ nó.*

*M. O'Dowd”.*

## CHƯƠNG 15

Durilgai không bị thiệt hại vì chiến tranh, cố nhiên ở một số gia đình, phụ nữ đau buồn cho chồng mình, vài người sợ cảnh âm thầm hoặc muốn thay đổi không khí đã bỏ nhà đi với những người đàn ông khác, ăn nằm với họ ở những mức độ tội lỗi hoặc đam mê khác nhau, một số phụ nữ thấy cõi lòng tan nát như thể họ là những chiếc vỏ trứng rỗng không khi được tin chồng đã chết, vài người ăn những củ khoai tây họ trồng và lẽ ra đã bị đói nếu không có những củ khoai đó cùng chất sữa họ vắt được ở những con bò già cộc đang cơn động đực. Song Durilgai nhìn chung vẫn nguyên vẹn, vì nó ở rất xa, hơn nữa, tại những vùng ấy, đất chiếm ưu thế hơn so với con người. Cỏ vẫn mọc và rạp xuống vì gió. Gió nóng vẫn từ hướng tây thổi về, gió lạnh vẫn từ hướng nam đưa tới, và những làn gió ẩm ướt uể oải từ biển, từ hướng đông bay lại. Đôi khi trời mưa gió, thậm chí từ những nơi xa xôi như vậy, chim hải âu vẫn về, vừa nhào lạng xuống phía trên những tấm phen liếp đen sì, vừa kêu bằng cái giọng đói lạnh của chúng.

Một lần Ray Parker bắn được một con hải âu, vội nhặt và giấu đi vì sợ mẹ biết ắt phiền lòng. Cậu đem chôn nó trong một cái rãnh, sau khi đã mổ ra xem. Cậu thường thích làm một điều gì đó đáng ghi nhớ và oanh liệt, song vì không nghĩ ra được chuyện gì khá vĩ đại mà mình lại có thể làm nổi, cậu đã bắn con hải âu kia vào chiều

hôm ấy. Sau đó ít lâu hai bàn tay Ray có cái mùi tanh tanh của con chim, và cậu tạm hài lòng.

- Khi bố về liệu con có đi làm không mẹ nhỉ? - Ray hỏi.

- Mẹ mong như vậy, - người mẹ nói. - Con không thể lông bông mãi được. Con muốn làm việc gì nào?

- Con không biết, - Cậu buồn rầu nói.

Cậu lấy con dao rạch rạch vào không khí. Bởi cậu không biết, cậu đã lang thang trên các mảnh ruộng, đã khắc tên mình vào các cây xanh, đã lấy đá ném thia lia trên mặt nước, đã thò tay thật sâu vào những tổ chim kín đáo mà lấy trộm những quả trứng quý báu.

Ray không cần đến các thứ đó lắm. Cậu cần kỷ vật về những tên người Đức đã chết mà bố cậu sẽ mang về. Cậu muốn đội cái mũ sắt, và sẽ lao vào bóng tối để thách thức những người lạ mặt.

- Ray, - mẹ cậu gọi, bởi đã đến lúc chị đòi lại quyền hành, chị vừa đứng vừa lau hai bàn tay vào cái tạp dề mà thực hiện cái quyền đó, - con không thể ngừng lang thang vơ vẩn để làm một việc gì có ích, như chẻ ít củi được à?

Ray lặng lẽ đi làm việc đó.

Khi mang về cho chị một ôm củi, mặt cậu áp sát ngay phía trên, gọi cho chị nghĩ đến chồng cùng những bức thư của anh mà chị buộc lại, để phía sau cái hộp đựng trà. Đôi khi chị cố nhớ tới chồng với từng chi tiết thật nhỏ để hình dung ra anh đang đứng trước mặt mình. Song chị không nhớ nổi. Ngoài tình yêu đối với anh, một điều

có thực và tràn ngập tâm hồn chị, lúc này bóng hình anh thật nhạt nhòa. Chị rất hay nhớ tới hình ảnh anh vắt một cẳng chân lên thành xe bò, trèo lên để ngồi cạnh O'Dowd khi họ rời quê hương lên đường chinh chiến, cái lưng anh quay về phía chị.

- Lại đây con, - chị nói khi thằng bé đã ném ôm củi vào cái hõm bên cạnh bếp lò.

- Mẹ gọi gì thế ạ? - Nó hỏi, vẻ ngờ vực.

- Cho mẹ thơm một cái nào. - Chị vui vẻ nói, như thể cái hôn ấy là một quả táo đỏ.

- Ồ, vì sao vậy? - Thằng bé ục ịch rên rỉ.

Ray dịch cái má lạnh lùng của mình ra khỏi mặt mẹ, cắn môi và tỏ vẻ giận dữ.

- Như thế thì lợi lộc gì? - Nó nói.

- Không, - chị nói, - mẹ cho rằng chẳng *lợi lộc* lắm.

Rồi chị bắt đầu lựa vào bộ quần áo mà chị đã giặt, rảy nước vào đó và cuộn lại thành những bó.

Chị cũng ra ngoài bãi cỏ. Chị đi vào buổi tối khi công việc đã xong. Có những lúc chị cảm thấy thư thái đến mức đã bừng tỉnh khỏi trạng thái thanh thản ấy với một cái giật mình tội lỗi, để rồi thôi thúc mình tới một trạng thái bồn chồn mới, chị làm như vậy để nhớ đến người chồng vắng nhà. Anh đã không có mặt trong cảnh thanh bình của sự no đủ mà cuối cùng chị đã đạt được. Song trong những

bước chân bồi hồi, trên cỏ, trong gió thổi bồi hồi qua cỏ rạp, trong tiếng kêu của bầy hải âu, trong hàng rào dây kẽm gai đen xì, kiên cường kia, anh luôn luôn có mặt. Quả là chị đang tự dày vò mình, nhưng đôi lúc, có thể chính những dày vò ấy lại làm chị vui sướng. Những năm tháng đau khổ sẽ đem lại cái khoái cảm được khổ đau.

Khi bọn trẻ con đi học vắng, chị thường xuyên xuống tận ven đường vào khoảng giữa trưa, và cứ đứng trong ánh nắng chan hòa nhưng không chói gắt của những ngày đầu hạ ấy để chờ xem ai sẽ đi qua. Người ta thường nói chuyện với người đàn bà bên đường ấy và kể cho chị nghe về những mối quan hệ, những nỗi lo âu, về những gia súc và những người đã chết. Họ thường thổ lộ chuyện riêng với người đàn bà này, bởi về mặt chị đòi hỏi điều đó. Đôi khi họ kể chị nghe cả những điều họ vừa nghĩ tới, những ý nghĩ họ không nói cho gia đình mình biết, nhưng họ sẽ chẳng bao giờ gặp lại người đàn bà này nữa. Còn người đàn bà thì suy nghĩ về tất cả những điều người ta đã nói với mình, những điều đã lấp đầy áp cái khoảng lẽ ra vẫn trống rỗng. Chị bước vào cuộc đời những kẻ xa lạ, như lúc sau chị dạo bước trong vườn, vừa đi vừa vặt những chùm hoa đã héo. Chị bước vào cuộc đời của họ, hình thành những quan hệ cảm thông và thậm chí cả niềm say mê, điều mà chẳng ai khiến chị ngỡ ngàng mà chấp nhận. Cứ như vậy, theo cách đó, sự vắng mặt của chồng chị dần dần trở thành một nỗi bất hạnh không rõ nét. Nó vẫn ở đó. Song đôi khi chị chẳng buồn suy nghĩ đến nguyên nhân của nó. Môi trường xung quanh chị, ánh nắng và vỏ cây lốm đốm, mối quan hệ của chị với những người xa lạ trong dĩ vãng quá ư sinh động, quả thực còn sinh động hơn nhiều so với những người xa lạ ấy hoặc so với phong cảnh thiên nhiên.



Một hôm, khi chị đứng bên đường cái, mong chờ những sự kiện hoặc những gương mặt; chị đang lấy tay che mắt để hình dung ra những điều ấy thì một gã Digger trai trẻ nào đó đi ngang qua, mũ đội lệch một bên. Khi đi dọc con đường, gã ban đầu hơi xấu hổ. Gã trơ tráo, nhưng chưa đến nỗi quá đáng, ở môi trường này một nơi xa lạ đối với gã. Vì vậy gã bước tiếp và nhỏ nước bọt vì gã đang bị nhìn chòng chọc, rồi gã quay mặt đi nhìn thửa ruộng đối diện. Khỏe mạnh và trơ tráo như gã mà lâm vào cảnh này thì cũng chẳng khác gì một cô gái.

Người đàn bà nửa quan sát gã, nửa không, thấy rằng lúc này có thể gã sẽ đi qua mà không thừa nhận cái quyền được nói chuyện của mình. Chị đỏ mặt và suýt phát khóc vì cái điểm yếu đã che đậy của mình, bởi vì lẽ ra chị đã phải trèo ra ngoài hàng rào mà bảo: Tôi đang chờ nghe anh nói chuyện, về cuộc chiến tranh, về chết chóc và tình yêu đây.

Song gã trai trẻ vẫn bước tiếp, gã ngấm đôi ủng đỏ của mình bị bụi đường biến thành màu trắng. Mắt gã phủ nhận sự có mặt của chị. Rồi bỗng gã quay nhìn chị, như thể mãi lúc này gã mới nghĩ đến việc ấy, và hất hất cái đầu có đội chiếc mũ vành váo kia, vẫn không nhìn chị, hoặc chỉ hơi thoáng nhìn qua mí mắt gã nói:

- Chào nhé. Có biết người nào tên là Horner ở dọc con đường này không?

- Horner? - Chị nhắc lại, sửng sốt, như thể mãi đến giây phút ấy chị mới nhìn thấy gã trai trẻ lạ mặt này; với cái quai mũ bằng da mắc vào môi dưới, lúc này hầu như gã đã hoàn toàn bình tĩnh.

- Ô, không, - chị nói, cố trấn tĩnh và sửa lại một món tóc xõa xuống sau tai trái. - Tôi chưa nghe nói người nào có tên là Horner. Dọc đường này thì không có. Nhưng con đường dài lắm, phía cuối, nơi anh sắp đến ấy, người ta đến sinh sống chưa đông lắm đâu.

- Chà, - gã nói, - tin nghe cũng chẳng lành gì.

Gã lại gần chị, bên lề đường, nơi chị đang đứng cạnh hàng rào, ở đó khu vườn đã đầy cỏ bươm xờm, đất quá khô cứng, chẳng cây nào khác mọc được.

- Họ là bà con của má tôi, - gã vừa nói vừa tung một đồng tiền xu. - Jack có vài mẫu đất. Anh ta bị đau ngực. Má tôi muốn tôi đến thăm họ. Vì vậy tôi đến. Tôi không thích vợ chồng nhà Horner lắm. Jack cứ ngồi nhỏ nước bọt khắp nơi. Nhìn những người ốm như thế chán lắm. Họ đã để một cái xô ở bếp cho anh ta nhỏ vào. Họ bảo một bên phổi anh ta không còn nữa. Trước đây anh ta là thợ xén lông cừu. Quê ở Bombala.

- Ô, - chị nói.

Vào những dịp như thế chị không cho, mà nhận những lời nói. Song hình như người ta mến chị. Họ tin ở đôi mắt và nước da nâu của người đàn bà trầm lặng ấy. Vì vậy, gã Digger trẻ đã sẵn sàng giải bày dưới cái bóng trầm lặng của chị. Chẳng có gì về bản thân mình mà gã không tiết lộ.

- Tôi mới trở về được vài tuần nay, - gã nói. - Chúng đã cắt một miếng thịt chân tôi, cái bọ đê tiện chết tiệt này. Nhìn xem, - gã vừa

nói vừa kéo một ống quần lên. - Chuyện ấy xảy ra ở gần Dickiebush. Người ta ghép một mảng da lên đó.

- Chỗ ấy chắc phải đau, - chị vừa nói vừa nhìn vết thương, chẳng tỏ vẻ ghê tởm cũng chẳng tỏ vẻ cảm thông, tuồng như chị chỉ đang xem xét cái chân đã bị nghiền nát hoặc cắt rời của một con côn trùng kỳ lạ.

Tuy nhiên chị cũng không lạnh lùng. Và gã Digger hiểu điều đó. Thái độ xa cách của chị một phần do cái cảnh bụi đất và ánh nắng mờ màng mà họ đang chia sẻ trong vạt cỏ dại ven đường.

- Lạy Chúa, cũng khá đau đấy, - gã Digger trai trẻ nói. - Song tôi sẽ quay lại choảng nhau với lũ khốn ấy một lần nữa. Nếu họ chịu để tôi đi. Hoặc là để lần sau. Tôi muốn đánh nhau một trận ra trò.

- Chồng tôi cũng đang ở tiền tuyến, - chị bảo gã, bằng cái giọng vô tư, đồng thời cũng ấm áp và ề ề của mình.

- Anh ấy ở đơn vị nào? - Gã thanh niên hỏi.

Chị bảo gã số hiệu và tên đơn vị, điều đó càng khiến cho cuộc nói chuyện của chị thêm bí ẩn.

- Có lần anh ấy bị thương. Họ gấp ra cho anh ấy một mảnh đạn hay một mảnh gì đó. Anh ấy cất vào một cái hộp cho chúng tôi. Anh ấy được một mề đay, - chị nói.

- Chà, - gã Digger vừa nói vừa nhìn vào trong nhà. - Có đủ các loại mề đay.

Gã quan tâm nhiều hơn tới bản thân mình, một cái tôi vẫn nguyên vẹn và những cơ bắp trên cái cơ thể rắn chắc của gã.

- Đủ loại, - gã nói.

- Song tôi chắc loại này cao quý. - Vợ người đã giành được tấm mè đay ấy hẳn hoan nói.

- Chuyện đời thật hài hước, - gã Digger vừa nói vừa nói cổ áo ra và dựa lên hàng rào, vì vậy chị không tránh nổi mắt khỏi cục yết hầu trên cái họng căng thẳng của gã. - Tôi gần như đã đính hôn với một cô gái ở đó. Cô ta là người Bỉ, cô ta không phải loại xấu gái. Cố nhiên người chỗ đó cũng khác. Ông già nhà cô ta mở một quầy tạp hóa, bán các đồ lặt vặt ấy mà, xúc xích và các thứ.

Trọng lượng cơ thể gã khiến cái hàng rào võng xuống trong nắng đẹp. Gã ngả người trên dây kềm, đu đưa chầm chầm theo nhịp những lời thổ lộ của mình, còn chị cứ nhìn chằm chằm chờ đợi từng lời. Chị nhìn hai thái dương xương xẩu của gã và nhận ra rằng mình già hơn gã.

- Thế anh hủy hôn với cô gái quầy tạp hóa nữa à? - Chị hỏi.

- Vâng, - gã nói.

- Vì sao?

- Tôi không biết. Người ta phồng mắt của tôi, có thể như vậy. - Gã hẳn nhiên nói.

Gã đã ngừng đu đưa. Trong khoảng khắc người đàn ông và người đàn bà ấy ý thức được rõ rệt cùng một nỗi sợ nào đó mà hai người đang chia sẻ. Giờ đây người đàn bà cũng có cơ bị mất trắng tay tất cả.

- Bị bệnh viện người ta cho về, có thể thôi, - Digger nói, chủ yếu để mình nghe. - Tại bệnh viện tôi đã toan viết thư. Tôi đã lấy giấy ra. Song tôi lại không viết. Bây giờ cũng sẽ không viết. Tôi không thể.

Người đàn bà xoa xoa da hai cánh tay.

- Tôi có một tấm ảnh, tôi sẽ cho chị xem, - gã nói. - Cô ta đấy. Ảnh chụp không được đẹp lắm. Song chị có thể nhìn được, cố nhiên người Pháp và người Bỉ khác nhau, song chị có thể thấy cô ta thuộc loại con gái tử tế.

Người đàn bà, lúc này đang đứng trong một thế giới mờ nhạt của những viễn cảnh xa xăm, bị phơi trần phũ phàng trong ánh sáng của tất cả mọi trải nghiệm làm người, ngắm nghía khuôn mặt cô gái con nhà tạp hóa. Gương mặt đầy hy vọng. Với niềm tin ở tình yêu, gương mặt ấy cố bộc lộ hết những chiều sâu của nó. Gương mặt ấy chưa phải chịu cảnh phũ phàng.

- Cô ấy tên gì? - Amy Parker hỏi.

- Whyvonne, - Digger nói ngay. - Tôi chẳng bao giờ có thể nhớ hết cả phần sau.

Amy Parker rất bình thản, cho dù chị đã rùng mình thương cảm tất cả những con chim bị tan xác hoặc bị thương. Chị tiếp tục nhìn chằm chằm vào bức ảnh nâu mà Digger cầm bằng những ngón tay

chai sạn, vào cái cổ tay to mập có những sợi lông màu đồng thẫm của gã đàn ông.

- Ở một bên quầy hàng, - Digger nói, - họ kê hai chiếc bàn đá cẩm thạch nhỏ, tại đây người ta có thể ngồi uống một ly rượu. Tôi thường vào quán. Ở đó họ có nhiều loại rượu khác nhau, đủ màu sắc, và khối chuyện bất ngờ. Cô ta đứng đó. Bọn thanh niên đã vẽ lên mặt bàn song cô ta dường như chẳng để ý đến những việc ấy. Lát sau cô ta đến ngồi, cô thường ngồi với tôi và người ta bắt đầu coi chuyện đó là tất nhiên. Tôi không dám chắc rằng đó là lỗi của tôi.

Song mắt gã không tích cực bằng cái mồm. Còn Amy Parker mắt chăm chăm nhìn cô gái con nhà tạp hóa hoặc cổ tay gã đàn ông, cũng không khiến gã tích cực được. Chính chị cũng đang cần trợ giúp. Tất cả những gì chị cho là đương nhiên khiến chị run rẩy. Cái thân thể khốn khổ của chị chờ đợi một sự đụng chạm vô liêm sỉ nào đó.

- Nhà chị ở đây đẹp thật đấy, - gã vừa nói vừa bỏ tám ảnh vào túi, bởi hiện tại quan trọng hơn.

- Cũng chẳng đẹp gì lắm, - chị vừa nói vừa lùi một chút vào bóng những cây thực dục. - Chúng tôi dựng lầy. Tôi đã ở đây gần cả cuộc đời.

Chị có thể thấy là đôi mắt thú vật rành rành của gã đàn ông khiếm nhã kia trong khoảng khắc rõ ràng cố nhìn vào bên trong cái cuộc đời mà chị không muốn thổ lộ với gã.

- Nói tiếp đi. - gã vừa nói vừa tì mạnh hơn vào hàng rào và nhìn nước da tái xanh bí ẩn trên mặt chị, cái màu do những bông thược dược gây ra, khóm thược dược đỏ tươi, to, rậm rạp đang cọ xát vào chị và đẩy chị vào bóng lá xanh rờn của chúng.

Chị không thờ được trong cái ngột ngạt kinh khủng của lá cây rậm rạp ấy nên lại phải quay ra, rồi bắt đầu nhìn dọc con đường và lầm bầm về các đứa con của mình.

- Chị đã có con à? - Gã khẽ hé môi hỏi.

Khi bóng cây ra khỏi khuôn mặt chị, gã lại nhận ra rằng chị là một trong những người đàn bà mà gã đã gặp ngoài đường phố hoặc đã ngồi đối diện gã trên các chuyến tàu điện, tay xách nách mang, những người đàn bà mà gã không quan tâm, họ cũng chạc tuổi chị.

- Tôi có hai cháu, - chị khẽ nói. - Chúng đang lớn trông thấy. Đôi khi chúng khá được việc.

Chị nhận thấy rằng gã thanh niên chẳng mấy chốc sẽ bỏ đi. Trong bộ tạp dề trắng được hồ cứng, nom chị thật khỏe mạnh, chỉ có điều khi chị nhìn gã bằng vẻ thờ ơ của một kẻ xa lạ miễn cho một kẻ xa lạ cái nghĩa vụ phải giải bày thêm tâm sự, chị thấy vẻ nhẩn tâm của đôi mắt thẳng con trai mình và một cái gì đó ở cái miệng đầy đặn của nó mà chị thường buộc phải nhìn hau háu.

- Tôi phải đi đây, - gã Digger nói. - Đi tìm những người bà con của mẹ tôi.

- Chúc may mắn. - Chị nói với một giọng trong trẻo song rõ ràng chị không quen nói như vậy.

Khi gã đi rồi, chị vào cái phòng nơi chồng chị đã mĩa mai việc chụp ảnh và nở một nụ cười gượng gạo, miễn cưỡng với chị. Lúc này chị nằm lên giường, vẫn mặc bộ tạp dề hồ cứng, cọ hai cánh tay vào cái mền đan móc và ngả đầu lên chiếc gối. Một nỗi bất hạnh lớn đè nặng trong căn phòng gỗ, ở đó ruồi bay vo vo và một con ngài to, màu xám bám chặt vào tường như chết. Rồi chị bắt đầu khóc, hoặc vì cái cô dâu con nhà tạp hóa kia, hoặc vì chồng chị, hoặc vì cái buổi chiều đau đớn này. Nhưng như vậy lòng chị lại nhẹ nhõm.

Và khi hai con chị bước vào, lảng vảng và bắt đầu hỏi có chuyện gì xảy ra thì chị ngồi dậy, quần áo nhàu nát và bảo rằng chị vừa bị nhức đầu. Chúng tin, khi ấy chị thấy mắt thằng con trai không có cái vẻ nhẩn tằm mà chị đã ngờ, mà đó là đôi mắt của chồng chị, vì vậy chị lại tràn ngập dịu hiền và hy vọng.

Đến kỳ hạn Stan Parker trở về nhà. Do sự chậm trễ nào đó của bưu điện, việc anh về không được thông báo trước, anh rảo bước dọc đường cái, mang theo chiếc ba lô và chiếc mũ sắt cho thằng con trai, anh về đến nhà khoảng cùng thời gian gã trai trẻ Digger đã đi qua khi trước, vào đầu buổi chiều, và nói:

- Ô, cuối cùng anh đã về đây, Amy ạ.

Vì anh về bất ngờ mà chị lại mắc bận một đôi việc khẩn cấp và quan trọng nên chị hôn anh một cái rất yếu ớt, khác với điều chị đã hình dung và tập dượt trước, hầu như lập tức kể anh nghe về một chiếc bản lề của một cái cửa bị lỏng ra, việc đó ám ảnh chị bởi chị đã cố mà không vặn chặt được.



- Được rồi, - anh nói. - Chúng ta sẽ lo liệu việc đó. Nhưng rồi hẵng. Bây giờ có nhiều thời gian. Để làm mọi việc.

Chiều hôm đó có vẻ có thì giờ. Ngôi nhà mở rộng cửa. Những thảm ánh sáng rộng, vàng óng trải dài trên sàn nhà. Ong bay vào qua các cửa sổ, và lại bay ra phía bên kia ngôi nhà yên ắng, nơi hai vợ chồng chị đã ngồi và bắt đầu nhìn nhau.

- Anh sẽ phải kể em nghe nhiều về cuộc chiến đấy. - Chị bẽn lễn nói lúc anh ngồi uống tách trà chị rót, cứ thổi phù phù vì trà còn quá nóng.

Anh rời miệng khỏi tách trà cho khỏi nóng.

- Khi nào có dịp hẵng, - anh nói.

Song chị không có ý định bắt anh phải kể chuyện ấy.

Thực ra chị không quan tâm. Chị chỉ tin ở cuộc đời hai người đã cùng chung sống và giờ đây sẽ lại bắt đầu, khi chị đã quen với một người đàn ông khác, chồng của chị, đọc được những nếp nhăn mới trên khuôn mặt anh, và nói chung thấy vững dạ khi sờ thấy anh. Chỉ vào khoảng khắc ấy đôi mắt anh mới mở ra giữa hai người.

- Tất cả những lá thư chúng mình đã viết cho nhau, - anh nói, - chúng mình sẽ hủy đi hết. Thật là lãng phí thời gian. Mà em có thể dùng làm gì?

- Em giữ chúng. - chị vừa nói vừa mân mê cái khăn trải bàn. - Em thích những bức thư ấy.

- Giữ thư từ cũ không tốt đâu, - anh nói. - Không lành mạnh. Ta bắt đầu đọc lại những chuyện cũ và quên mất ta đã tiến lên. Mẹ là một ví dụ. Bà có cả một ngăn kéo đầy thư từ cũ. Những bức thư ấy đã bạc màu.

Bởi đã cho người đàn bà da nâu chậm hiểu, đồng thời cũng là vợ anh, biết những mẩu bí mật về bản thân mình khi thổ lộ tâm can trong đêm tối, giờ đây anh thấy băn khoăn. Bởi đã thổ lộ về bản thân mình, anh nhận thấy chị là một người xa lạ. Chị giấu kín ý nghĩ của mình, cứ ngồi nhìn tấm khăn bàn mà mỉm cười và ta chẳng tài nào hiểu nổi. Tóc chị đã bắt đầu bạc song gương mặt chị rất rạng rỡ, vào giây phút ấy anh không thể đoán chắc như thế là đẹp hay đáng bực mình.

Rồi anh lại khuấy tách trà, và từ những xoáy nước trà nâu đỏ tỏa ra một niềm thỏa mãn. Chị ngồi đối diện anh, sặc mùi bánh nướng và sự vĩnh cửu. Sẽ có nhiều cơ hội để hiểu thấu lòng chị.

- Các con có khỏe không? - Anh hỏi để phá vỡ yên lặng.

- Chúng khỏe, - chị nói. - Bây giờ chúng cao ngẩng. Thelma đôi khi đùa nghịch, búi tóc ngược lên. Khi ấy nom nó ra đáng người lớn lắm. Nhưng nó rất buồn về bản thân mình. Nó mắc cái bệnh suyễn ấy. Ồ, em cho rằng sẽ khỏi thôi. Rồi nó sẽ phải đi khỏi nơi này. Và cả thằng Ray nữa. Cả hai đứa sẽ đi. Ray là một thằng bé khỏe mạnh. Đôi khi hung tợn. Nó nóng tính. Thằng Ray có thể làm bất kỳ chuyện gì, nếu nó muốn. Hoặc đốt trụi ngôi nhà trong một cơn nóng giận. Nó không thích bị trách cứ. Nó không chịu để ai động đến mình. Em có thể yêu quý thằng Ray, anh Stan ạ, nếu như nó chịu để em làm

thế. Em có thể khiến nó nên người, song nó lại thấy xấu hổ vì thái độ nhẹ nhàng của em.

Người bố chẳng biểu lộ là anh không còn tin rằng sự can thiệp của con người có thể ảnh hưởng đến bất kỳ chuyện gì. Ngược lại, anh vừa lắng nghe vừa phỏng đoán câu chuyện về những đứa con mà anh vẫn chưa gặp. Anh uống trà đến bỏng cả miệng, nhìn vợ phía bên kia bàn, phần khởi vì tình yêu của chị dành cho các con và nhận ra rằng so với anh thì chị hiểu chúng hơn. Anh trông chờ ở chị. Chị sẽ là cái cầu nối giữa bọn trẻ và anh. Thế là anh cảm thấy dễ chịu hơn.

Buổi chiều cứ thế trôi đi cho tới khi bọn trẻ trở về và đàn bò diều qua. Người đàn ông và người đàn bà bắt đầu nhìn nhau, ít vẻ căng thẳng mà chan chứa thương yêu. Giờ đây anh lấy làm mừng là đã mở toang những bí mật của bản thân mình như một cái tủ, để phô ra tất cả bên trong. Người đàn bà chẳng còn xấu hổ không dám sờ vào bàn tay chồng, điều mà chị đã muốn trong một thời gian dài. Giờ đây chị nắm lấy bàn tay ấy và ngắm nhìn khi nó nằm đó và xoa xoa nó bằng bàn tay nóng bỏng của chính mình rồi gắn liền nó với chị bằng những ngón tay xương xẩu của mình. Thế là cuối cùng họ đã đoàn tụ. Miệng và tâm hồn họ mở rộng cho nhau. Họ ghì sát lấy nhau, mắt nhắm lại không chấp nhận một hàng rào thể xác nào đối với cuộc hòa hợp toàn vẹn này.

Đêm ấy, sau nỗi e thẹn và bờ ngỡ, họ luôn vui cười trong ánh đèn ở gian bếp, chẳng vì lý do tuyệt vời nào ngoài niềm hạnh phúc của mình, và tiếng cười tràn ngập ngôi nhà, lan ra cái thế giới của ánh trăng và điêu khắc, thế giới của những chú ngựa trắng cùng

những cây cối vũng chãi, những bể chứa nước, những con chim không thấy đầu mà một vàng trắng lớn đã sắp đặt ở đó. Bọn trẻ, đang bắt đầu quen với bố, đã cười vì những chuyện ngớ ngẩn và cười chỉ để mà cười. Lúc này chúng thực ra đã mệt bã người, song một nỗi cuồng nhiệt khiến chúng vẫn đứng vững. Cậu con trai khỏe mạnh, cái đầu hầu như lọt thỏm trong chiếc mũ sắt Đức, bản khoăn không biết có nên làm trò thêm chút nữa rồi mới bỏ đi cùng với chiếc mũ hay không. Cô con gái gầy gò thì đứng nguẩy hai cái đuôi sam khó chịu ra đằng sau và vắn vắn một chiếc băng tay bằng sợi tổng hợp mà nó đã đem đổi bằng một cái trâm gài tóc hình đầu chó cho một đứa con gái khác.

Suýt nữa Stan Parker đã hỏi tuổi các con nhưng kịp nhận ra anh không nên quên chuyện đó. Có những lúc đứa con gái nhỏ bé tỏ ra nghiêm trang, chín chắn.

- Con Thel sắp sửa có bạn trai lúc nào không biết chừng, - anh nói, nửa như với bản thân mình.

- Rồi ra các con sẽ làm gì? - Người mẹ nói. - Chưa học hết phổ thông đâu đấy!

- Con ghét tụi con trai, - cô gái vừa nói vừa vắn vẹo cái cổ mảnh mai. - Con sẽ không, không bao giờ lấy chồng.

- Không bao giờ, - thằng con trai reo lên, nó đang cười lên chiếc ghế tựa để có thể ngả đầu lên ván lưng vậy mà câu nói nghe vẫn không được rõ. - Con sẽ không lấy vợ. Con muốn làm một việc gì đó. Con muốn dự một cuộc đua ngựa, hoặc đi bộ xuyên Australia. Thế bố mẹ có biết là có nước trong rễ vài loài cây và ta có thể nhỏ

rẽ lên mà mút nước, nếu ta biết đúng loài cây đó không? Người da đen làm thế. Có lẽ con có thể làm một nhà thám hiểm. Hoặc một võ sĩ quyền Anh. Con có thể dùng hai tay chiến đấu. Con đã nện cho một thằng tên là Tom Quodling vì nó không chịu nộp hòn bi nó hứa đưa nếu con thắng, và con thắng thật. Thế là con lấy hòn bi ấy. Đó là một hòn bi màu lục.

- Các con đang nói ngớ ngẩn đấy, - người mẹ nói. - Đã đến giờ đi ngủ rồi.

- Ô, saoooo? - Thằng con trai vừa càu nhàu vừa cọ cái đầu ngái ngủ vào ghế.

- Mẹ đã bảo vì sao rồi.

- Tất cả bọn con trai đều ngớ ngẩn, - đứa con gái nói.

Nó đứng một góc phòng, khuỷu tay chấp sau lưng, canh khuya đã khiến nước da tái nhợt của nó trở nên xanh xao. Nó ẻo lả nhưng có khả năng làm những điều rất độc địa. Nó thích những chuyện bí mật. Nó trao đổi những điều bí mật với những đứa con gái khác. Thậm chí nó còn ghi những điều đó vào một quyển sổ cát trong hộp đựng nữ trang, còn chìa khóa hộp thì đem giấu đi. Nó rất muốn có một chiếc dương cầm để tập những bản nhạc mà nó nghe lỏm được của bà trưởng trạm bưu điện, song vì ở nhà không có dương cầm, những bản nhạc giọng kim ầm ường nó mang từ phòng bưu điện về ấy cứ lưu lại trong đầu nó, đôi khi nó thường ầm ừ cho mình nghe bằng vẻ hơi bí mật và hóm hĩnh.

- Bọn con trai xỏ lá lắm, - nó vừa nói vừa lắc lư người và nói như thể nó phải nhắc lại ý kiến đó trước mặt bố để lưu lại mãi mãi.

- Tao đá cho mày bây giờ! - Thằng con trai quắc mắt nói, nhấn mạnh từng lời không kém.

Chúng ghét nhau đến chừng nào mới đủ? Vì chuyện này không rõ ràng, nỗi căm ghét khiến chúng thất vọng trừ trong những giây phút lãnh đạm hoặc trong giấc ngủ.

- Thôi cảnh này nhà mình đủ rồi, - người bố nói. Anh phải có thái độ, chúng là con cái, anh lại tự nhủ mình với một nỗi khổ tâm. - Hôm nay là một ngày bình yên, phải không nào?

Chúng nhìn anh bằng một vẻ hoài nghi, nhìn con người xa lạ đồng thời là bố chúng ấy, rồi bắt đầu lĩnh đi ngủ, ngụy trang bằng những chiếc mặt nạ của tình thân ái. Quả thực, cái yên bình của ban đêm bắt đầu len vào bên trong ngôi nhà, chúng phải thừa nhận điều đó hơn là thừa nhận lời bố nói. Thằng con trai chìa miệng lên hôn mẹ, chị tận hưởng cái hôn ấy thoải mái đến nỗi đêm bắt đầu băn khoăn không biết thái độ ấy có đáng xấu hổ không, rồi chị bước ra ngoài, đóng cửa lại. Đứa con gái nhìn ra ngoài cửa sổ một lát, chẳng để ý gì đến vẻ đẹp của ban đêm vì nó bị nỗi niềm riêng của mình ám ảnh. Nó lấy cái lọ nước hoa Pháp bố mang về ra gửi mấy lần. Chỉ vào giây phút ấy nó mới thật ngập tràn vẻ yên bình, xinh xắn. Khuôn mặt đẹp như bông hoa huyền bí của nó tỏa sáng trong tấm gương khi nó cầu nguyện sau hai bàn tay chắp lại như cái nụ dài, chưa hé. Nó cầu nguyện, sắp đặt những mối quan hệ, như đã được chỉ bảo, thành các phạm trù tình yêu. Rồi, khi đã giải quyết xong việc đó, nó

lên giường và mơ thấy mình dạo bước dọc những hành lang dài của âm nhạc khác khoải cùng giấc ngủ.

Những ngày tháng sau chiến tranh trôi đi chậm chậm nhưng dữ dội tại Durilgai. Stan Parker lại bắt đầu đi làm. Nhiều người không biết là anh đã trở về, vài người chẳng quan tâm, vài người đã quên không nhớ người đàn ông đó là ai. Vài người nhìn anh lần đầu tiên và cảm giận vì anh đã xâm phạm đến rìa khu vực họ mới giành được quyền sở hữu. Song anh chẳng thấy khó chịu chút nào vì điều đó. Anh cứ đi khắp nơi. Đôi khi đầu anh chúi xuống, như thể sự bình yên là quá nặng nề. Anh già hơn trước, cố nhiên. Anh bắt đầu tăng cân. Anh là một người nặng nề và các cơ bắp chẳng bao lâu sẽ rã ra. Song anh vẫn còn trong thời kỳ sung sức. Anh có thể hát một bao thức ăn cho súc vật lên vai không mấy khó khăn, tì lên mớ tóc hoa râm bù xù trên cái cổ rám nắng.

Giờ đây anh là một con người già dặn, có sức khỏe, song cũng rất ôn hòa. Đôi mắt anh chìm đắm trong hy vọng. Anh đã quan sát cách cư xử của những con kiến, cách bay của những con diều hâu, những chuyển động của các chú bê con trong bụng mẹ, những người đếm tiền và suy nghĩ về cái chết, anh đã quan sát những điều đó tương đối tỉ mỉ và thật chính xác, song ở trạng thái mơ màng của người đang ngủ, trong đó anh đang chậm chậm động đậy và có lẽ một ngày nào đó anh sẽ từ đó nhìn ra ngoài. Thế là anh cứ đi, có lúc tưởng lạc đường. Vào những buổi sáng sớm, khi vải quần ướt sương dính vào chân anh và màn sương mù còn che phủ, những cái mạng nhện trên đám cỏ cao giương tấm bia nhỏ bé của chúng bên đồng cỏ, những sự vật lờ mờ, thực tế và triển vọng, giấc mơ và vật thể hòa trộn với nhau trong cùng cái thế giới nửa hư nửa thật ấy.

Ngay cả khi mặt trời đã lên, lúc đầu còn hơi xù xì nhưng đổ chói, rồi xuyên qua màn sương, tỏa sáng lên đất đai, đồng ruộng, dựng cỏ cây đứng dậy trong ánh sáng ngời ngọi rõ rệt, Stan Parker vẫn khó thấy hoàn toàn tin tưởng. Vào thời bình khi ấy, anh vẫn rụt rè không dám thừa nhận bất kì cái gì là chắc hẳn, có thật, hoặc cái gọi là vĩnh cửu. Rất nhiều điều còn cần phải chứng minh. Chỉ anh chứng minh được.

Anh trở về ít lâu thì Doll Quigley đến. Cô Quigley như giờ đây mọi người vẫn gọi, những người đã biết cô khi còn là một cô gái gầy guộc, vẫn đi chân đất cho thật thoải mái. Doll không thay đổi nhiều lắm. Cô sinh ra vốn lớn trước tuổi trẻ lại, hoặc nói cách khác càng già càng trẻ ra. Phẩm cách của cô bình dị như bộ đồ xám cô mặc. Đó là một bộ váy dài và phẳng phiu, chẳng ai để ý bằng chất liệu hoặc đang trang trí cái gì, chỉ biết nó che thân cho cô và là một bộ đồ tử tế. Cô còn gài một chiếc ghim hoa nữa, có lẽ có trang men và điểm những hình trang trí nho nhỏ mà chẳng bao giờ mọi người để ý. Song nó vẫn ở đó, phía dưới cái cổ dài của cô nơi làn da màu hung đã tạo thành bướu. Tuy nhiên người ta vẫn chẳng để ý đến điều đó, trừ bọn trẻ con bị mê hoặc. Chỉ có cái mặt của Doll mới đáng kể.

- Em mang những cái này đến, - cô vừa nói vừa lấy hai bàn tay dài màu hung che mắt.

Có vài chiếc bánh cứng như đá vàng vàng be bé trong một cái hộp.

- Để ăn đổi món, - cô nói hoặc hy vọng như vậy.



Những hạt đường lấp lánh trên những chiếc bánh thô kệch của Doll. Cô dùng cái bàn tay dài thứ hai, trên đó những hạt cám đã khô - bàn tay đã bị mất một ngón vì một cái máy cắt rạ, để đưa mời những chiếc bánh ấy.

- Cảm ơn Doll. Bánh trông ngon đấy, - anh nói, nhận những chiếc bánh màu vàng làm vụng kia.

Người đàn ông và người đàn bà rất lúng túng khi họ đứng ngoài nắng trao đổi chuyện trò. Cô vẫn lấy tay che mắt. Những lời nói chậm rãi và rời rạc như cát của cô trôi qua dòng nước thời gian, cho tới khi anh đứng bên mép nước của dòng sông ở Wullunya, và rất nhiều sự kiện từ thời trai trẻ của anh, khá là đầy đủ, êm đềm và huyền diệu, trôi qua. Đó là cái mà Doll Quigley đã đặt vào tay anh trong buổi sáng với những chiếc bánh ấy. Cô đưa đến sự toàn vẹn.

- Ô, - lát sau anh nói, - sao chúng ta lại cứ đứng vậy? Em vào nhà không?

- Không, - cô nói. - Ở đó chẳng có chuyện gì mà nói.

Cô chẳng muốn hỏi han về những vết thương và tấm mẽ đay của anh như những người khác.

- Không, - cô nói, - gà đang đẻ. Bây giờ em nuôi gà tây, anh ạ. Năm con gà tơ.

Rồi cô mỉm cười. Cô có đôi mắt trong xám xám chưa từng nhận biết tội lỗi.

- Ô, - cô nói. - Em mừng là anh đã trở về, Stan ạ. Em biết anh sẽ trở về. Em đã cầu nguyện điều đó.

Không hiểu cái điều bí mật mà anh cảm thấy có thể chia sẻ được với người đàn bà này là cái gì? Tâm hồn họ hầu như hòa nhập với nhau, cũng như đời họ.

Song những cái bánh cứ xô đẩy nhau trong tay anh, trong cái hộp mỏng mảnh mà cô đã đựng chúng. Thế là sự lúng túng lại trở về, và anh cảm ơn cô về những lời cầu nguyện; ngoài chuyện đó anh chẳng làm được gì nhiều.

Sau đó Amy Parker bước ra điệu bộ vui vẻ. Sáng hôm ấy nom chị rất xinh, đến mức lẽ ra anh phải ngắm nhìn. Song vào khoảnh khắc này anh đang bối rối. Có một cái gì đó anh phải bảo vệ.

Lát sau Doll Quigley chào tạm biệt, trở về với người em của cô, với những con gà tây và đám gia cầm.

- Cái gì thế kia? - Amy Parker hỏi và nhìn chăm chăm.

- Cô ấy đem những cái này đến, - anh nói, vì buộc phải cho xem những chiếc bánh được tặng ấy.

- Ồ, chẳng bao giờ em ăn đâu, - vợ anh nói. - Những cái bánh rắn như đá muôn thuở của Doll chứ gì? Em cam đoan là chỉ có một cục bột cám viên lại thôi.

Chị đã nhìn thấy những cái bánh song lại không thấy sự méch lòng của anh, hoặc giả thấy được thì có thể chị đã lấy làm thích. Anh

là một cậu bé ở ngưỡng cửa sau, đang chờ đợi những diễn biến tiếp theo.

Amy Parker, cầm lấy những chiếc bánh, cố nhiên chị phải làm thế, và anh nghe tiếng chúng rơi vào một cái hộp sắt tây, quá nhanh và quá mạnh.

- Tội nghiệp cô Doll thân mến, - vợ anh nói. - Cô ấy thật quý hóa. Lại còn nghĩ ra việc nướng những cái bánh này nữa. Cô ấy đã chẳng dám nói với em. Em cho rằng cô ấy phải lòng anh, anh Stan ạ, như mấy bà cô già bám lấy một người đàn ông nào đó.

Anh nghe tiếng chị xát hai bàn tay vào nhau để phủ những hạt đường thô còn bám vào.

Song Stan Parker tiếp tục suy nghĩ về Doll Quigley, cái dáng vẻ yên lặng, trong sáng của cô phớt lờ những dòng thời gian mạnh mẽ và vẫn đục hơn. Có lẽ là do ngu dốt. Hoặc nếu không thì những mục đích của Chúa đã được một vài bà già, nữ tu sĩ và những kẻ ngu ngốc thấu suốt. Nhiều lúc Stan Parker thấy đờ cả người trong tình trạng quá mê lú của mình. Rồi trong khoảnh khắc anh thường bộc lộ tâm can, như trường hợp bất gặp cái nhìn của Doll Quigley. Khi đó anh thường bắt đầu quan sát chính đôi tay đang làm việc của mình hoặc nhớ lại gương mặt một bà già trong một ngôi nhà thờ đồ nát hay một cái cây khô héo đang nhú những chồi sắc nhọn đầu tiên.

Vợ chồng nhà Armstrong đến Durilgai một hoặc hai lần sau khi Stan Parker trở về. Rõ ràng là họ bờ ngõ. Họ đến bằng một chiếc xe hơi sang trọng và không trò chuyện với những người họ gặp, không phải vì kiêu hãnh mà bởi họ không bao giờ muốn lưu lại lâu tại bất

cứ nơi nào. Vì cậu con trai Tom Armstrong, từng là trung úy, đã tử trận, và đã được nhắc tới trong các bản thông báo, đã được tặng huân chương - báo chí đã đăng tất cả những điều đó - ông bố già bị đột quỵ gì đó khiến một bên mặt xệ xuống. Người ta cảm thấy ái ngại cho ông già Armstrong. Giờ đây ông ngồi trên chiếc xe hơi màu lục của mình, bên thành xe là một con rắn bằng đồng thau ngoằn ngoèo đáng sợ, ông ngồi đó đội mũ lưỡi trai, vận chiếc áo khoác đẹp bằng vải tuyết của Anh và cứ nhìn về phía trước, trừ khi bà vợ thúc khuỷu tay để chỉ một vật gì hoặc một người nào đó. Khi ấy ông thường khẽ khàng giơ bàn tay mình lên ra hiệu chào trong không khí, cho bất cứ ai muốn nhận. Chỉ có điều là ông già Armstrong lãnh đạm. Da các ngón trên bàn tay tê liệt của ông chun lại thành những nếp lạnh lẽo.

Tuy vậy, vợ ông lại có vẻ tươi tỉnh, như một cây ngô trấu bắp. Tóc bà từ đỉnh đầu tỏa xuống như tơ râu ngô và nom khá mượt mà tươi mát so với những cử chỉ lạnh lùng nhưng thích hợp của bà. Bà mỉm cười vẻ thông hiểu và thích nói đến các thứ bệnh tật, những bệnh không kéo dài và dễ chữa, hoặc những ca tiểu phẫu, như thể những đóa hoa cầm chướng và dây nho la liệt xung quanh.

Khi đến Durilgai, vợ chồng Armstrong rong xe đến Glastonbury, nơi giờ đây không bao giờ họ ở nữa, bởi khu ấy chưa xây dựng xong. Thợ thuyền đã được cho rút khi họ nhận tin báo tử của Tom, do vậy mà cái cầu thang vẫn tiếp tục lộ thiên, còn vôi vữa thì rắn lại thành đá ở nơi trộn, người ta đã lấy trộm những viên gạch rời vào những đêm trời tối. Cặp vợ chồng già Armstrong thường đảo qua khu vườn hiu quạnh một, hai vòng, ghì chặt sống áo vào người, như thể để ngụy trang, bà Armstrong vẫn tìm kiếm vết tích của trận hỏa

hoạn khủng khiếp ấy, thường đứng lại ở nơi từng có những luống hoa bên dưới đám cây ké sữa và đậu mèo để ngắt những bông hồng từ các bụi hoa làm thành những nắm hoa tội lỗi. Những nắm hồng to của chính bà. Bà không thể hái thật nhiều và thật nhanh, cứ như thể bà muốn những bông hoa ấy mà chúng lại không phải của bà. Rồi vợ chồng Armstrong thường trở về bằng xe hơi của mình, bởi gió chiều thổi rất nguy hiểm trên đồi ở Glastonbury. Đôi chân họ không thoải mái khi ngồi đóng bộ áo choàng len kẻ sọc của người Scotland, còn những bông hồng rũ xuống trên lòng người đàn bà luống tuổi, đôi khi bà ném chúng qua thành xe, bắn khoản tự hỏi vì sao mình đã hái những bông hồng héo rũ ấy.

Stan Parker một lần có cơ để sang Glastonbury, sau khi con vịt béo giống Muscovy bay ra khỏi bãi nuôi gia cầm vì vợ chồng anh chậm cất cánh, tuy vẫn hay nhắc tới chuyện ấy luôn. Con vịt chạy thẳng sang Glastonbury để tha hồ tung tẩy, ẩn náu trong chốn hoang tàn đó, để chịu đựng tất cả những nỗi hãi hùng và sức mạnh thiên nhiên nhằm duy trì cái ảo tưởng về tự do của nó. Stan Parker leo lên đồi đuổi theo, rẽ cỏ cao mà chạy, đến nỗi hạt cỏ rụng cả ra, còn hoàng hôn thì cứ lơ lửng xuống dần thật đẹp. Tại một nơi, có một cây cải bắp mọc hoang. Dưới gốc có mùi thum thum. Giữa đám cỏ linh lăng của nhà Paddy, từ đó những nhánh nho chua bò lan ra ở nơi trước kia có khóm dành dành và hiện vẫn còn đó, chỉ có điều tàn tạ không thể nhận ra, lá và nụ đã vón cục và mục thành những cuộn giấy màu nâu, anh cúi xuống nhặt một bó thư cũ. Những bức thư này cũng nhợt nhạt và mốc thối. Những điều bí mật của chúng càng bí mật hơn trong nét chữ mờ mờ nhưng cứng cáp của một người nào đó, dường như đã nhúng bút mực và viết ra những điều muốn nói.

Stan Parker muốn đọc những bức thư đắm nước ấy trong bụi cây ngọt ngọt này và phát hiện một điều bí ẩn nào đó biết chừng nào! Bao giờ nổi khát khao tội lỗi muốn đọc những bức thư giấu tên cũng khiến cho bàn tay run rẩy. Vì vậy, nếu không nhớ đến Tom Armstrong, anh đã sẵn sàng đắm mình vào tội lỗi và tri thức, dù những bức thư ấy có phải của anh ta không. Anh ném bỏ bức thư xuống đất và bước vào bên trong ngôi nhà xây dở mà chẳng ai từng nghĩ đến việc đóng cửa vì chẳng có lý do gì để mà đóng.

Thật vô lý khi ngôi nhà này giống y hệt với cái trước kia đã bị cháy. Một gã ba trợn nào đó có lần đã cắm trại, nơi có treo những tấm thảm, và đã nhóm lửa trong lò sưởi sinh đôi rồi bôi cứt đái be bét lên bức tường trống. Một kẻ nào đó đã viết những lời thổ lộ tình yêu theo kiểu thôi thúc của thể xác. Song Stan Parker lại nhớ tới chính cái gương mặt đầy lý trí của anh chàng Armstrong khi anh bước vào căn phòng, nơi gót chân anh đã đá phải cây đàn hạc vào buổi tối hôm có pháo hoa dạo nọ. Bởi vì đó không phải hôm có cháy, về sau anh nhận ra như vậy. Pháo hoa có trước đám cháy. Tom Armstrong với chiếc cổ còn loại tốt, tóc chải mượt, mọi thứ đều chuẩn mực, toát lên vẻ tự tin của con nhà giàu. Cho tới khi Madeleine quỳ gối bên ngoài ngôi nhà phát hỏa, hoặc vào lúc cuối cùng, khi cái đầu anh ta bị văng đi.

Stan nặng nề bước qua ngôi nhà trên thực tế không thuộc về gia đình nhà Armstrong ấy. Những cây leo đã chiếm lĩnh cái cầu thang đang xây dở, chẳng rõ chúng luồn qua kẽ hở nào mà lan ra, bò ngoằn ngoèo ở những chỗ trước kia là khói. Người đàn ông đứng tại đỉnh ở chỗ cao nhất mà anh có thể tới, từ chỗ được đám dây leo che khuất anh nhìn ra và bắn khoăn suy nghĩ về cô gái của Tom

Armstrong. Không ai nghe tin gì về cô ấy, không biết cô ấy đã lấy chồng chưa và cũng chẳng biết cô ấy còn khiêu vũ không; Madeleine đã biến mất như thể cô ấy chưa từng tồn tại, nếu như không có khoảnh khắc trên cầu thang ấy.

Rồi Stan Parker tựa đầu vào cái công trình dở dang bằng gạch đỏ và hình dung khá rõ nét anh sẽ kết thúc việc phản bội vợ mình như thế nào khi có dịp. Giờ đây cái buổi tối bình thản này không cho phép anh có cảm giác tội lỗi. Dưới bầu trời rộng lớn đang tối dần, trên đỉnh ngôi nhà hoang vắng đã mất linh thiêng ấy, những dây leo nhàu nát trong hai bàn tay anh tựa thịt da, sự mát mẻ mềm mại của da. Chỉ có điều anh không nhớ được đầy đủ. Dù cố mấy anh cũng không nhớ được những lỗ chân lông trên da nàng, những mạch máu trong mắt nàng, hơi thở của nàng trên cổ anh. Toàn bộ những ngăn trong tâm trí anh, nơi từng chi tiết riêng được chứa đựng, dường như đã tiêu tan, giống như những căn phòng trên cái tầng thượng quan trọng nhất kia, nơi anh đã chạy qua, đem thân mình đối chọi với sức tàn phá của ngọn lửa, để tìm nàng, điều mà anh đã không chờ đợi ở tuổi thanh niên thiếu tự tin, giờ đây lại thức dậy.

Giờ đây người đàn ông đứng tuổi ấy đứng vò nhàu những dây leo trên đỉnh ngôi nhà xấu xí kia. Những nếp nhăn khó chịu đã hiện lên trên mặt anh, hầu như hoàn chỉnh. Song, cố nhiên sẽ chẳng ai nhìn thấy vì ngôi nhà hoàn toàn hoang vắng. Trừ con vịt nọ, nó lạch bạch nặng nề trong bụi cây thấp, để lộ ra đôi mắt màu vàng.Ồ, anh đã đến đây để bắt con vịt, vừa bóp nhàu những dây leo cay nồng anh vừa nhận ra điều đó, lấy làm mừng là có lý do.

Thế là anh nguyên rửa chú gia cầm:

- Tao sẽ tóm thằng khốn nạn kia, - anh nói.

Trong lúc con vịt còn đang tiếp tục lạch bạch thì người đàn ông chạy ào xuống phía sau ngôi nhà, cái thân hình to lớn của anh trở nên nực cười khi nó lao thật mạnh vượt ra ngoài những hời ức của anh. Rồi anh trấn tĩnh lại, lấy hơi, nhặt một cành cây dài bị gió bẻ gãy mà anh thấy nằm dưới đất và lao vào chú vịt lúc này đã ân hận một cách tuyệt vọng, ấn nó xuống đất bằng cái chạc cành cây, ấn như thể anh muốn đẩy chú gia cầm ấy qua lòng đất cho nát ra, cho khuất mặt còn hơn là bắt sống nó.

- Tóm được thằng khốn nạn rồi, - anh quát om sòm.

Con vịt rít lên, đập cánh, rồi giãy cái cổ dài và khỏe lên chống cự. Tính ngang ngạnh ghê gớm và những chỗ phòng ở cuối mỏ nó đã trở nên rất đáng thương tâm. Song lúc này người đàn ông đó căm ghét nó không để đâu hết.

Rồi anh bồng toài người xuống cuối cành cây, tay vẫn nắm chặt, cúi xuống và tóm chú gia cầm ở cái chạc ra. Sau một hai tiếng rít, chú vịt từ tay anh tuy có nặng vẫn rủ xuống gọn gàng.

Người đàn ông quay lại và bắt đầu đi xuống đồi. Chẳng ai nhìn thấy những chuyện này hết. Anh bước lên những vết chân mình đã tạo ra, qua đám cỏ đổ rạp. Sẽ chẳng ai biết tí gì về nỗi thèm muốn bùng phát vào cái buổi tối hôm ấy, khi trời trở lạnh, đã vào thu.

Thế là Stan Parker đi bộ về nhà cùng với con vịt anh đã bắt lại được và cảm thấy cái lạnh bắt đầu luồn qua làn mồ hôi bên dưới quần áo cùng một cảm giác khó chịu ở một bên vai làm việc quá



sức. Một chút thành quả này cũng chẳng bù lại được một lần sa ngã. Vì vậy anh buồn phiền. Anh thiết tha suy nghĩ về vợ mình, người mà anh yêu quý, về ổ bánh mì ỉu chị đã nướng khi hai người bắt đầu chung sống trong túp lều nhỏ bé ấy. Anh nghĩ đến Doll Quigley và sự trong sáng của nàng, điều anh thừa nhận song rõ ràng không thể chuyển thành thực trạng của riêng mình. Cứ thế anh đi qua những bụi chút chít, những đám cây tầm quỳ. Mang đôi ủng vốn đã nặng, do bị ẩm và đất bám lại càng nặng thêm, anh nghĩ đến những cụm từ ngữ mình vẫn quen chõng chất lại thành dạng một lời cầu nguyện nào đó mà thông thường anh vẫn dựa vào để mong chí ít mọi sự sẽ được an toàn. Tuy nhiên, trong bóng tối nhập nhoạng của niềm say mê đã nguội lạnh, cơ hội đã giảm bớt.

Khi vào trong nhà, anh tới chỗ để hộp đồ khâu vá của vợ và lấy ra một cái kéo mà cắt mạnh vào lớp lông bóng láng nhưng thô ở một cánh con vịt.

- Thế là xong, - chị vừa nói vừa bình thản ngược nhìn qua cặp kính chị thích đeo khi làm những việc tỉ mỉ.

Anh chỉ lăm bằm và bước ra ngoài trời tối để ném con vịt vào bãi thả.

Amy Parker tiếp tục mạng chiếc bít tất bằng kỹ năng tinh xảo của mình. Đó là nhiệm vụ chị đã đặt cho mình tối hôm đó, khi thấy chồng đi về phía Glastonbury, để bắt con vịt, anh đã vừa nhìn vào mắt chị vừa thận trọng bảo thế. Nhớ lại lần bản thân mình có nhiệm vụ phải sang Glastonbury, vào buổi tối với những con vịt trước đó, chị băn khoăn không hiểu anh sẽ tìm được cái gì. Song Stan thì khác, anh không nhiễm tính do dự và khinh suất; anh căng rào, bào gổ và ra

lệnh cho mọi người làm việc. Vì thế Amy Parker mạng một miếng vuông vắn, gọn gàng trên cái bít tất dày của người đàn ông. Vì thế Stan Parker sẽ mau tìm thấy con vịt, ngay cả ở cái bụi cây thấp mà gần đây chị đã tận mắt nhìn cho thỏa trí tò mò về những điều người ta đã nói về ngôi nhà đổ nát kia. Vì thế chị cứ luôn tay kim tay kéo. Chị có cái khéo léo và chính xác riêng của mình, công việc tiến hành thuận lợi. Giờ đây chị thuộc loại phụ nữ dễ mến, chín chắn mà người ta muốn nhìn vào làn da tươi mát của chị và hỏi xem chị làm gì khi mút không đông hoặc khi đàn gà bắt đầu ỉa cứt cò.

Rồi Stan Parker bước vào, chị đã tự nhủ là anh sẽ về sớm, và cất lông cánh con vịt.

Chị bình phẩm, chẳng phải vì nó đóng góp được điều gì mà bởi họ là vợ chồng, và những lời nói không đáng chú ý ấy đan kết họ với nhau chặt chẽ mật thiết hơn, và những sợi tơ lời tương tự hàng ngày cũng đan kết, hòa hợp hai người. Hay phải chăng chúng đang chấp vá?

Amy Parker cắt đoạn chỉ cuối cùng chị sẽ dùng buổi tối hôm ấy. Chị không định làm việc nhiều vào dịp đó hoặc đi sâu vào bất cứ chuyện gì. Song nếu có thể đặt chiếc bít tất xuống, cầm cây đèn bão bước ra ngoài sân tối đen soi sát mặt chồng để mà nhìn thì chị đã làm rồi. Chị chỉ muốn thật vững dạ.

Bây giờ sẽ khác, họ bảo thế, khi Stan trở về vào thời bình, sẽ khác, họ bảo thế, nghĩa là mọi việc vẫn như trước. Chỉ có điều là không có chuyện gì cứ như cũ mãi. Chị không thể cứ nhìn vào mặt anh liên tục để tự hỏi có chuyện gì. Chị thường tạ sự để quan sát anh, chẳng hạn bảo anh thay một cái vòng đệm hay nhắc giúp một

vật nặng, thậm chí chị còn tìm có để sờ vào chỗ da sần nào đó của anh hoặc chỗ có một gợn bần trên người anh. Khi ấy chị thường cườì lên một tý để xin lỗi, còn anh đôi khi cau mày. Song việc ấy chẳng lần ra đầu mối dòng suy nghĩ của anh, chẳng biết anh có đang suy nghĩ vì chị không, hay chị đã rút lại phía sau, trong cái mạng lưới những hồi kịch họ cần thiết cùng nhau biểu diễn và lời lẽ tuôn ra.

Vì vậy người đàn bà bắt đầu bản khoản liệu cuộc sống chung của hai người có dễ chịu quá không, hay liệu anh đã thuộc lòng tất cả những ý nghĩ và quan điểm chị quen thể hiện chưa, cố nhiên có những thứ chị giữ kín, điều đó cũng rất tự nhiên thôi. Và vài thứ mà chị cảm thấy như một nỗi day dứt hoặc thậm chí hãi hùng.

- Anh Stan, - một lần chị nói, - hôm nào chúng mình phải cho các con đi picnic hoặc đi chơi gì đó.

- Được thôi, - anh nói, nếu em muốn.

Bởi vì anh là một người chồng thuần tính.

- Em đã nghĩ thế, - chị nói. - Nó sẽ tạo ra một sự thay đổi trong cuộc sống nhà mình. Mà điều đó quan trọng, phải không anh? Em muốn lại được nhìn thấy biển.

- Được thôi, - anh nói. - Bất kỳ khi nào em thích thì đi.

Sự đồng ý hoàn toàn của anh gần như khiến chị thất vọng. Chị thường nghĩ về chuyện đó, và giờ đây lại nói, như thể ý kiến kia là của anh, và vì làm như vậy, khát vọng được thấy biển cả của chị vẫn chỉ có tính chất lý thuyết. Đứng giữa những cây thông, chị thấy sợ

hãi và hầu như bị những đợt sóng cuộn cuộn như thủy tinh cuốn xuống. Sẽ thật là vui, chị nói như thể tất cả những luồng nước kia là thắng cảnh trong lớp kính lục.

Cứ thế ngày nọ nói tiếp ngày kia qua đi, còn ý nghĩ về cuộc picnic của chị thì trở thành một điều hão huyền ngớ ngẩn, rồi đến nguyên nhân của một sự bực bội, do chị không đủ ý chí để đạt được điều đó hoặc để đạt được bất kỳ cái gì đáng kể. Sự bực bội nảy sinh.

Sau khi chiến tranh kết thúc không lâu Stan Parker mua một chiếc xe hơi, và họ cảm thấy mình đã ăn nên làm ra lắm. Stan tập lái chiếc xe của mình, nếu không được thoải mái thì cũng rất hãnh diện, anh cứ ngồi đó ngay đuồn đuối, cổ và hai cánh tay cứng đờ, như thể bị bắt vít thật chặt ở những mối khớp trọng yếu. Đó là một chiếc xe Ford, khá ọp ẹp nhưng vẫn còn dùng được; loại xe Ford có thể chạy đủ loại việc vặt, điều đó chẳng đáng ngạc nhiên. Khi vợ chồng Parker rong xe ra ngoài, Amy Parker đội mũ trang trọng hơn thường lệ, thoa ít phấn lên mặt và xách cái sắc đựng đồ trang sức cùng các thứ lặt vặt. Vài người hàng xóm đứng ở hiên nhà, nhìn và mỉm cười, những người khác giận dữ quay mặt đi làm như không nhìn thấy. Song vợ chồng Parker vẫn rong xe đi, như chỉ có con đường quyền rũ họ.

Tuy vậy, đôi khi Stan thường lấy xe phóng nhanh ra ngoài trước khi vợ anh kịp hỏi anh đi đâu. Anh có thể cảm thấy chị chạy ra ngoài ngôi nhà, vận cái tạp dề sạch sẽ mà đứng nhìn cái xe cho đến khi nó khuất dạng. Song anh không ngoái cổ lại vẫy tay hoặc nói to để giải thích, bởi anh cũng chưa biết mình đi đâu. Anh lái xe dọc những con

đường nhánh đầy cát, trên đó thân xe hầu như muốn xé tan thành từng mảnh, dọc con đường, ngoài cái thực tế là nó có tồn tại, dường như chẳng còn lý do gì khiến con người phải đi. Mé rừng ấy quá ẩm ướt hoặc quá thuần khiết, chẳng gọi lên được những triển vọng phát đạt hoặc khả năng bị tàn phá. Những que củi màu đen chĩa lên từ mặt cát, trên đó những cây bụi cứng quèo có lá hình kim sẫm màu vật lộn với những cây to hơn bị tróc vỏ như những tờ giấy trắng. Cũng có những tổ kiến nữa, những vòm tròn đỏ ử rử của chúng thật là trầm mặc.

Stan Parker thường đỗ lại ở những vùng đó. Anh thường quán một điếu thuốc. Anh thích ở nơi ấy. Anh thường ngồi, hai tay đặt trên bánh lái nằm yên, cho tới khi da tay khô cứng tan rã trong ánh sáng của cát và lá úa, để cơ thể anh không còn ngạc nhiên trước cái cô tịch bí ẩn mà chính anh là một phần bên trong. Nếu vợ anh vẫn còn đứng, anh hình dung, bên ngôi nhà trong chiếc tạp dề sạch sẽ, với vẻ mặt thất vọng, lo âu, thì lúc này cũng chẳng giúp ích gì cho chị vì anh đã không thể làm được gì nhiều để đáp lại nỗi thương cảm của chị bằng sự đảm bảo lý trí hoặc thậm chí bằng những động tác đối trá của cơ thể.

Vì vậy lúc này anh tạm quên chị đi, bởi biết rằng anh sẽ trở về với chị, để chia sẻ cuộc sống quen thuộc của họ. Chẳng có khả năng nào nào khác cả, cho dù tâm hồn anh có mạo hiểm vượt ra ngoài những giới hạn an toàn trong những cuộc hành trình khám phá liều lĩnh, mù quáng, ra ngoài phạm vi ngờ vực và tôn thờ.

Cuối cùng, anh duỗi mình trên cái ghế cọt kẹt của chiếc xe cà tàng, cho tới khi xương khớp kêu răng rắc, mong mỗi được bộc lộ

bản thân bằng một động tác nghiêm chỉnh nào đó, định hình cho sự nhận biết của mình hoặc diễn đạt những điều hết sức mộc mạc bằng lời lẽ dung dị, rõ ràng để người ta hiểu. Song cố nhiên anh không thể.

Có những người bảo rằng Stan Parker đã trở nên hơi kỳ cục vì cuộc chiến tranh, nhưng anh đã trải qua rồi, và anh lại là một người chồng, người cha. Giờ đây những người này bắt đầu lảng tránh anh. Từ trước đến giờ anh chưa bao giờ hay nói, trừ về những vấn đề thực tiễn, minh bạch. Lời chỉ bảo của anh thật tuyệt. Song họ muốn thà mất công khó nhọc ở nơi khác còn hơn để đôi mắt anh phát hiện bất kỳ vết rạn nứt nào trong cách ăn ở của mình. Stan Parker thật kỳ cục.

Một lần anh bảo thằng con trai lên xe và nói hai bố con sẽ rong xe đi chơi. Đi đâu? Chậc, lại tới những nơi mà anh đã trở nên gẩn bó, anh không thể nói được nơi nào đặc biệt. Tất nhiên thằng bé bối rối và cứ ngồi nhìn cái đồng hồ chỉ tốc độ chính xác, hoặc buồn bã nhìn ra ven đường. Dù sao thì nó cũng không thích cùng đi với bố.

Song Stan vẫn đầy hy vọng. Bây giờ mình phải nói với thằng bé này, anh cảm thấy thế, và truyền cho nó một đôi điều mình biết; sẽ thoải mái hơn nếu ta làm như vậy, và anh đã cảm thấy tin tưởng hơn khi nhìn thấy miền rừng cát, trong đó chỉ có những thân cây và bụi rậm, những ụ tổ kiến thấm nước và những cành cây đen sịt chĩa về khắp mọi hướng trên mặt đất.

- Miền đất này khá xấu, - người bố nói. - Ấm ướt. Nhưng phần nào bố lại thích. Nó có ảnh hưởng đối với con người.

- Con không biết chúng ta đến đây để làm gì, thằng con trai vừa nói vừa nhìn miền đất rừng bằng một vẻ buồn chán.

Tuy chưa bao giờ nhìn thấy một thành phố, nó vẫn mong được thấy. Phần lớn nỗi buồn của nó là do nó chưa thấy qua đám người thành thị.

- Chúng ta không đi đâu cả ạ? - Thằng bé hỏi.

- Bố chỉ muốn rong xe đi chơi thôi, - người bố nói, - và nói chuyện với con.

Tuy vậy anh bắt đầu thấy nản lòng.

- Về việc gì ạ? - Thằng bé hỏi, nó sinh nghi, vì nghĩ rằng có thể đó là một sự giảng giải nào đó về tình dục.

- Chẳng có gì đặc biệt. - Người bố nói.

Anh lấy làm mừng là có cái vô lăng để mà lái và có thể bận bịu vào việc ấy ở mức độ nhất định.

- Bố con ta không hiểu nhau lắm, phải không, Ray?

Thằng bé thấy thật khổ sở. Người đàn ông cũng vậy.

- Bố con mình hiểu nhau mà, con cho là thế, - Ray nói để tự vệ. -  
Dẫu sao đi nữa, có gì để mà hiểu?

Người bố không trả lời nổi câu hỏi ấy.

- Từ khi trở về, bố chưa khi nào gặp con, - anh nói.

- Con biết làm gì được ạ? - Thằng bé phàn nàn. - Lúc nào cũng lang thang hay sao?

Giờ đây dứt khoát là nó ghét bố mình. Thậm chí nó ghét cả cái mùi của anh, đó là cái mùi của người lính, những con người vững vàng hơn ở lứa tuổi ấy, mùi thuốc lá và lao động, mùi của những cơ thể cân đối và chắc nịch của họ. Trong một khoảnh khắc người bố đã khiến nó kích động, vào lúc anh trở về với chiếc áo chèn ka ki xù xì cổ bẻ, song có lẽ nó đã bị kích động hơn bởi những đồ vật man rợ và lạnh lùng anh mang về, quả thủ pháo nhỏ, nhãn bóng và chiếc mũ sắt rầu rĩ mà bố nó bảo đã lấy của một người Đức tử trận.

Song đó là chuyện đã cách đây ít lâu. Bây giờ Ray đã lớn hơn. Cổ tay nó to ra. Còn cái mũ sắt đã bị bẹp và quả thủ pháo thì mất rồi. Trên thực tế, nó hầu như đã quên những món bùa có khả năng đẩy lùi cái bình thường, cái an toàn và cái tốt, trong khi bố nó vẫn còn đấy.

Dưới gốc cái cây kia, nơi hai bố con dừng xe, một loài cây bản địa khó tính, xù xì, lá thô ráp, dựng đứng, người đàn ông và thằng bé đang bực bội với nhau sự khác biệt.

Có chút buồn và cảm thấy bản thân mình thất bại, người bố nói:

- Bố sắp sửa hút một điếu thuốc, nếu con muốn hỏi chút gì thì cứ hỏi.

Thằng bé chẳng có việc gì khác để mà làm, trừ việc tiếp tục ngồi bên bố nó, mà ngồi thế thì không thể nào chịu nổi. Vì vậy nó xuống xe, đóng sập cánh cửa xe xộc xệch.



Người đàn ông nhìn thấy một con thằn lằn giữa đám sỏi đá, anh tập trung sự chú ý vào con vật với niềm hy vọng của kẻ thất vọng. Như thể do một sự an bài thần thánh nào đó anh bỗng có thể giảng giải cho đứa con trai bằng lời lẽ sáng sủa kỳ diệu và sự thông tuệ của mình, về tình yêu và nỗi kinh ngạc mà con thằn lằn vảy sừng kia đã khuấy động trong anh. Ngày hôm ấy vẫn còn có thể trở nên trong sáng, nhưng vẫn cứ mờ đục.

- Nhìn kia, Ray, - người đàn ông vừa nói vừa nhìn theo ngón tay mình đang trở, ngón tay ấy không chút run rẩy vì sách lược táo bạo của mình.

- Cái gì à? - Thằng bé nói. - Ồ, đó chẳng qua là một con thằn lằn già. Loại ấy có vô khối.

Và suýt nữa nó đã liệng một hòn đá vào con vật, song lại ngừng tay vì đó chỉ là một con vật nhỏ bé, mà ném để làm gì?

- Phải, - người bố nói. - Nhưng bố thích quan sát nó. Bố thích nhìn những con vật này.

Con thằn lằn nhắm mắt lại và chui tọt vào khe đá của nó. Khi ấy người đàn ông thực sự lẻ loi. Anh bắt đầu quán một liều thuốc và liếm tờ giấy mỏng bằng cái lưỡi khô của mình. Mé rừng ấy rất ẩm ướt. Chẳng thể nhận ra chút biểu trưng nào.

Với thằng con trai đang thơ thẩn hờ hững qua các bụi rậm kia, khu rừng là vùng đất hoang đơn điệu như tuổi trẻ của nó. Nó đã suốt đời lang thang qua các bụi rậm, hết đống đống lại đào bới hoặc tìm chim chóc hay một loài gì đó mà giết. Nó đã mất đi vẻ xinh xắn và

giờ đây chưa phải là điển trai. Da nó dày và xỉn, đầy những điều bí ẩn rắc rối của tuổi dậy thì.

Chà, nếu như nó có thể trốn đi được, nó vừa tự nhủ vừa uốn cong một cái cây nhỏ cho tới khi gãy. Và sẽ làm gì nhỉ? Nó nghĩ rằng nó sẽ trở thành một viên cảnh sát. Nó nhớ đến đôi xà cạp oai vệ tuyệt vời của viên cảnh sát trẻ Murphy, người đã bắn chết một gã đàn ông mà người ta bảo bị truy nã vì đã giết một tay săn thỏ mãi tận bên Wullunya. Viên cảnh sát trẻ không có thì giờ nói chuyện với trẻ con, vì còn phải viết những bản báo cáo tại đồn cảnh sát, và từ đôi mắt xanh của gã toát ra một vẻ quan trọng xa vời.

Ray Parker cầm một que củi nhắm ném. Lẽ ra nó đã có thể hạ con vật chạy trốn kia ngon lành như viên cảnh sát Murphy, tuy có kém chính đáng hơn. Mắt nó không xanh mà nâu sẫm, không lộ ra đang nhìn vào vật gì, hoặc có thể đang nhìn vào nội tâm, vào những hình ảnh bản thân nó ở nhiều tư thế khác nhau, có quần xà cạp hoặc không, hoặc trần truồng tồng ngồng nom vừa hấp dẫn vừa đáng sợ. Nó ngoái cổ lại nhìn qua vai và nhìn thấy mũi chiếc xe hơi. Nó sẽ phải trở về đó. Trở về với bố nó.

Khi hai bố con đã đánh xe về đến nhà, sau nhiều lần sang số vấp vả và khéo léo vượt qua hoặc thoát khỏi những vết lún, cả hai đều nhận thức được một tội lỗi nào đó, chung hoặc riêng, điều đó người mẹ lập tức nhận ra. Chị ngấm ngầm theo dõi hai bố con trở về, với một niềm vui cay đắng và nhất quyết sẽ không giúp đỡ gì dù bất kỳ trường hợp khẩn cấp nào có thể xảy ra, bởi việc này là do bố thằng bé tự chuốc vào mình. Ít ra thì vấn đề cậu con trai cũng không phải việc chị phải giải quyết. Vì vậy, với một vẻ nhạo báng, chị tiếp tục

uống trà đặc, tách trà mà chị bao giờ cũng uống vào khoảng thời gian ấy trong ngày, ngay trước lúc hai vợ chồng và đưa con đều đi vắt sữa. Chị đứng bên cửa sổ, chéch sang một bên, tay bưng cái đĩa tách lên khá cao và hơi nóng từ cốc trà trầm ngâm, hoặc không, thì niềm hân hoan kỳ cục do đánh hơi thấy vài đau khổ của chồng, người mà chị yêu quý và kính trọng, cũng khiến đôi lỗ mũi chị nở to hơn thường lệ trên gương mặt đầy đặn, giờ đây hầu như đã thô nhám của mình.

Rồi chị vội bước sang một bên, húng hắng ho, đặt tách, đĩa lên bàn, rồi lại luôn tay làm việc khi hai bố con đến.

Chị quả có hỏi một đôi điều về cuộc đi chơi bằng xe hơi lý thú của họ, song chị vừa nói như thể đó là chuyện riêng của họ, vừa soi gương vuốt cho mái tóc mượt lại và đội cái mũ dạ cũ hình cái chậu mà chị luôn đội khi vắt sữa bò. Người ta quên mất chiếc mũ ấy ở đâu ra, tuy lúc đầu hẳn nó đã được mua về để tô điểm sắc đẹp.

Rồi, khi người đàn bà đã loanh quanh thêm một chút và gom lại những chiếc xô, vài mảnh giẻ sạch, hai người đàn ông đã lặng lẽ uống nước trà giữa những tiếng cốc tách lạnh canh, tất cả đi về phía dãy chuồng bò. Lúc ấy ánh thu vàng au êm dịu tràn ngập cỏ cây. Gió và ánh sáng rập rờn trên những vòm lá bóng nước. Một cây bạch dương họ trồng bên sân trước đó vài năm đang rì rào như tiếng nước reo vui. Đến nỗi thằng con trai hứng lên và bắt đầu hát, len lén, bằng cái giọng đang vỡ của nó, song là hát thật, lát sau nó đã chạy giữa đàn bò, vừa rẽ chúng ra vừa dắt và lùa chúng vào các ngăn chuồng tương ứng, giữa những tiếng phân bò rơi lộp bộp, rồi nó ghìim đầu, buộc chân chúng bằng thùng và thắt cái đuôi ve vẩy

vào khoeo chân sau của chúng. Chẳng mấy chốc niềm thỏa mãn của những con bò được ăn đã lan sang nó, bởi người bố đã chất đầy cỏ khô vào máng, lũ bò chúi cái mũi ướt của chúng vào đó để ngọam món ăn ngon lành ê hề kia cho thật đầy mồm, và những mảnh vụn rớt xuống.

- Bố, con Nancy lớn như thổi ấy, - Ray nói và dừng lại trong niềm vui tự phát.

Stan Parker đến, và tất cả cùng ngắm nghía con bê mập mạp.

Họ gặp nhau rồi lại tách ra. Họ đi dọc dãy chuồng và ngồi xuống vắt sữa bò. Một lần bố va phải con, khi cậu đang đi qua, hai cánh tay thanh niên dẻo dai xách hai xô sữa. Stan Parker lấy hai tay giữ hông con một lúc cho nó đứng vững, còn thằng con thì cười, nó chẳng thấy khó chịu. Thế thì biết nên tin thế nào nhỉ? Từ buổi chiều hôm đó Stan Parker cứ gượng gạo, chẳng biết phải ăn nói thế nào cho phải. Và lại thời gian đó phải dành cho đàn bò. Những vũng sữa trắng dềnh lên dưới ban tay chiều của những người vắt sữa, chính những vũng trắng sữa ấy cũng tròn vành vạnh. Mọi người đều cảm thấy điều đó, có lẽ, và cúi đầu xuống.

Tuy nhiên, Amy Parker thường lơ đãng ngược mắt nhìn khỏi mặt sữa. Chị là người vắt sữa kiên trì nhất và thường vắt liền một mạch hết cả hàng của mình, không dừng lại để nói chuyện phiếm hay cho đỡ mỏi tay. Chị ngồi, cặp cái xô giữa đôi chân khỏe mạnh của mình, mông tì lên súc gỗ đã cưa ngắn mà chị luôn dùng làm ghế ngồi vắt sữa. Điều khiến chị nom bót về lối bịch là vẻ hài hòa của thân hình khá đồ sộ của chị bên cạnh con bò đứng ngay ngắn. Vậy mà nhiều người vẫn cứ cười khi nhìn thấy vợ người chủ trại đi ủng cao su, đội

chiếc mũ cũ kỹ mà vắt sữa bằng những ngón tay sừng tấy. Họ cười đôi bắp chân chị. Hoặc lấy làm ngạc nhiên. Vì chị thường đảo mắt nhìn khắp nơi.

Lúc này chị ngược nhìn lên. Đôi mắt chị đã trở nên sâu thẳm trong ánh hoàng hôn ấy và trong cái chuồng bò mờ tối. Khi thằng con trai chị đi qua đi lại, giải thoát cho một con bò đã vắt sữa, góp nhặt chút sữa còn nhỏ giọt của nó và lùa vào chuồng con bò cái gầy còm nọ với những núm vú không đều mà sau này họ sẽ tống khứ đi, chị đã định nói với nó điều gì đó khiến nó kính nể sự thông tuệ của chị, và hơn nữa, còn tự kính nể bản thân nó vì phát hiện ra rằng mình có thể cùng chia sẻ điều ấy. Song chị không tranh thủ được hoàn cảnh ấy, và thằng con trai đi qua, chị thấy khó mà khẳng định nó còn là một thằng bé hay đã là một người đàn ông xa lạ, bởi một tia sáng từ cửa lọt vào, xua tan cái vẻ không kiên định trên gương mặt nó, dù chỉ trong khoảnh khắc, khiến cho cổ họng nó nom rắn chắc. Thế là người đàn bà cứ ngồi co ro trên súc gỗ nhỏ vẫn dùng để ngồi vắt sữa, khuất trong bóng con bò. Không chắc có bao giờ chị tranh thủ được tình cảm của thằng con trai mà vai trò dẫn đầu của nó đã được khẳng định từ lúc lọt lòng.

Khoảng thời gian này vợ chồng Parker mượn một thanh niên Hy Lạp. Thực khó mà hiểu vì sao cậu ta lại rời các xưởng thợ để đến miền này kiếm việc làm, bởi cậu chàng Con, người Hy Lạp này, chỉ biết mỗi ngôn ngữ của mình, song người ta có thể thấy cậu ta đói khát và lo âu. Gia đình này cứ mượn cậu mà chẳng nghĩ ngợi gì lắm về điều đó. Amy Parker mang đến cho cậu ta một đĩa to thịt như nấu với những miếng bí ngô cùng thật nhiều khoai tây, cậu ta tọng đầy mồm đến nỗi không ngậm lại được, mà khoai tây thì rõ nóng. Sau đó

chị chỉ cho cậu ta cái lán nơi ông già Fritz đã ở, cậu ta buồn bã lê bước vào đó như một người bắt đầu công việc gì đó đáng buồn nhưng lại cần thiết. Tuy vậy cậu cũng mỉm cười và gật đầu. Gai ốc nổi lên trên làn da khá bệnh hoạn khi cậu ta đứng đó chấp hai bàn tay với nhau. Song cậu vẫn ở lại. Họ trả cho cậu một khoản tiền công nhỏ nhoi.

Cố nhiên thiên hạ người ta cười vì vợ chồng Parker lại mượn một người ngoại quốc nữa. Họ nhớ đến ông già người Đức. Chỉ có điều là lần này còn tệ hại hơn, cái cậu chàng người Hy Lạp này không nói được mà chỉ có thể làm hiệu và cười to, rồi chạy ngay đến để biểu hiện sự sốt sắng của mình. Có hay không việc chủ tớ nhà ấy phải chịu đựng nhau? Họ cho rằng có thể, song bằng cách nào thì họ không chắc. Rồi, khi mọi người trong gia đình Parker có vẻ vừa lòng với nhau thì họ lại ngoảnh mặt đi, hết cả hy vọng.

Gia đình nhà Parker, một khi đã hết lạ lẫm về hoàn cảnh ấy, liền hy vọng nhiều điều lớn lao ở cậu chàng Hy Lạp kia. Họ ngấm ngấm hy vọng rằng cậu ta sẽ có thể trả lời tất cả các loại câu hỏi. Song cậu ta vẫn chẳng nói năng được gì hoặc chỉ mỉm cười. Đôi mắt cậu ta, bề ngoài biểu lộ tính ngay thật, lại chứa đựng những điều bí mật ở đáy sâu êm đềm của chúng. Nước da mai mái của cậu ta vẫn góm guốc. Song cuối cùng cậu ta đã mở miệng, thoát đầu còn lúng túng, cố bám vào những câu ngắn đã học được mà có thể bị sai trật nếu anh ta không cẩn thận.

Cậu ta là một người thấp bé, rắn chắc, khá nhiều lông lá khi mặc áo lót, cái áo cậu mặc chủ yếu để cử động cho thoải mái hơn, và bởi da cậu hình như khao khát nắng. Nước da ấy, thoát đầu mai mái

hoặc vàng vọt vì cậu hay lo lắng sợ sệt, hoặc vì cậu đã hơi e ngại mọi người, bởi cậu là người ngoại quốc, giờ đây đã vàng óng, họ hơi lấy làm thú vị và ngạc nhiên nhận thấy như vậy. Khi cậu chàng Hy Lạp vàng óng ấy bở củi hoặc cúi xuống cái chậu sắt tây để kì cọ cái cổ và đôi vai thì từ con người cậu tỏa ra những vệt sáng uốn lượn. Cậu cười rất nhiều, bằng cách ấy cậu nói với họ. Lúc đó mọi người nhìn cái mồm đang gắng sức của cậu và muốn nó nói với họ nhiều hơn khả năng nó có thể. Họ luôn luôn nghĩ đến cậu.

- Cái cậu chàng ấy, anh Stan ạ, - Amy Parker nói, - anh có nghĩ là cậu ta hạnh phúc không?

- Anh cho là có. Sao lại không nhỉ? - Chồng chị nói. - Không phải cứ hiểu lời nói mới cảm thấy sung sướng. Nhưng rồi cậu ta sẽ biết nói. Khi ấy em có thể hỏi xem cậu ta cảm thấy thế nào, nếu như cậu ta không nói ra cho em biết.

- Em cần gì phải hỏi, - chị nói. - Em chỉ bản khoăn thôi.

Song trong lòng chị bắt đầu dấy lên một cảm giác buồn buồn đối với cậu chàng Hy Lạp bị tù túng kia, chị bắt đầu suy nghĩ xem mình có thể làm gì giúp cậu ta, có lẽ là mạng bít tất, chăm lo cho cậu ta có nón có mũ lúc ra mưa, như thể với đứa con trai mình, bởi vì anh ta còn trẻ, tuy không phải là quá trẻ.

Một lần nữa chị đã cho cậu ta một quả táo đỏ và quan sát cậu gặm nó. Răng cậu ta xẻ quả táo với một âm thanh rất kêu và đầy thú tính. Môi cậu bóng nhẫy chất nước quả màu trắng.

- Đó là một quả táo, - chị nói, giọng đều đều, và ngắm nhìn cậu ta trong cái sân yên ả. - Táo, - chị vừa nhắc lại vừa gật đầu, nhưng rụt rè.

- *Tháo?* - Chẳng biết anh ta hỏi hay cười, bằng cái miệng ướm nhầy.

Hầu như cậu ta hoàn trả lại miệng chị cái từ ấy hoặc một mảnh trái táo mà cậu vừa thử ăn trong miệng mình. Đến nỗi chị đỏ mặt lên vì cái vẻ thân mật của toàn bộ sự kiện bất ngờ ấy.

- Ồ, - chị vừa nói vừa cười sững sượng, - rồi cậu sẽ học được thôi.

Sau đó, chẳng biết biết nói gì, chị ngoảnh mặt đi, trong miệng ứa nước bọt, tựa hồ nước táo.

Thelma vụt chạy đến.

- Anh Con, - nó gọi, - em đang tìm anh. - Nó cầm tay cậu ta.

- Cái gì? - Cậu ta cười, vương vীu quá nhiều rễ cây. - Ồ, cô tìm tôi. *Tuyệt* rồi.

- Em muốn ở bên anh, - nó vừa nói vừa xoa xoa bàn tay cậu ta.

- *Tuyệt* rồi. Tôi đây, - cậu ta nói. - Bây giờ tôi làm việc.

- Anh có thể làm việc, còn em sẽ ở bên anh. - Nó nói bằng một vẻ thỏa mãn và quyết tâm.



Cô gái, người đã bắt đầu ghi sổ tay và có những bí mật, người giấu đồ trong hốc cây và dưới cái tảng đá, lúc này quan sát chàng trai đang cào cái bãi nuôi gia cầm để lấy phân bón. Cậu ta vượt lên trên sự bần thiêu ấy. Cậu đã quay trở về quãng đời quá khứ của mình và hai người bị ngăn cách bởi hàng rào ngôn ngữ, cái mặt làm lì của cậu đang nhìn xuống bằng thái độ hờ hững như không còn khiếm tốn nữa, cái mặt ấy không nhìn thấy cô gái.

Chà, khi ấy cô gái đã yêu gã Hy Lạp, yêu mãnh liệt. Cô cứ đứng đó mà suy ngẫm sự đời, tay vặn vẹo cái vòng, món quà tặng cô đã nhận nhân ngày sinh nhật, cái vòng bập bênh trên cổ tay thon nhỏ của cô cản trở mọi việc.

- Anh có vợ rồi phải không, anh Con? - Cô vừa hỏi vừa nhìn quanh xem có ai đến không.

Song cậu ta cứ cười một cách ngu xuẩn bởi chẳng hiểu câu nói ấy là thế nào và vẫn cứ cào phân.

- Anh không có bạn gái à? - Cô hỏi, hơi thờ thờ nên tắc nghẹn trong lồng ngực.

- Bạn gái? - Cậu ta nói, gương mặt vốn đẹp để bỗng trở nên hoàn toàn những gân, xương và răng nhọn.

- Đúng, ồ, đúng! Bạn gái! - Anh ta tiếp tục cười.

Họ đang đứng trong cái chuồng gia cầm. Khi ấy cô không thấy thích cậu ta. Hơn nữa, cô đã rất lo âu và thất vọng đến ngạt thở. Hơi thở của cô gấp gáp. Những khả năng dẫn đến tử nhục hiện ra dưới

mái chuồng ngọt ngọt và tối tăm này và rồi cô gái bước ra ngoài ánh nắng, bỏ đi, đầu cúi gằm.

Song tiếng nhạc dịu dàng mới biểu hiện rõ nhất tình cảm của cô dành cho cậu chàng Hy Lạp. Giờ đây cô có thể chơi những bản nhạc khó, với những cơn bộc phát tình cảm và một âm nền mạnh mẽ, trên cây dương cầm của bà trưởng trạm bưu điện. Cô chơi nhiều trường đoạn về tình yêu, chạm vào lớp vỏ ánh vàng, hơi vênh lên của phím đàn.

Thelma, - bà trưởng trạm bưu điện đồng thời là người hướng dẫn cô nhấn mạnh, - bản nhạc có thể đâu.

Như thế có sự khác biệt thật.

Một lần cô đã hôn anh chàng Hy Lạp nhân một dịp hội hè, một ngày sinh nhật hoặc một ngày gì đó, khi người ta cho cậu ta một chai bia, song tình tiết ấy quá ngán ngùi và công khai, hành động của cô chìm ngấm vào những việc khác náo nhiệt hơn, và thậm chí còn không được coi là ngồ ngộ nữa. Da anh ta hơi nhờn và bí ỉn.

Rồi Ray tìm thấy quyển nhật ký và vạch trần tất cả những trang viết không giấu giếm kia ra. Nó cứ vừa đọc vừa cười, vừa mới hiểu ra những lời lẽ là đọc toáng ngay ra.

- “Mình yêu anh Con,” - nó đọc. - “Mình sẵn sàng để anh ấy cắt mạch máu của mình.”

Nó cười như nắc nẻ. Và cứ mặc cho cô em chảy máu.

- Chuyện hay đấy, - nó thờ dài.

Cô gái lấy cái gương ném nó. Rồi khi hai đứa đối mặt những mảnh gương lạnh lùng của sự căm ghét, cậu trai nói:

- Tao có thể cho má xem tất cả những cái này, mày biết đấy.
- Em sẽ cho anh bất kỳ cái gì, - cô gái nói.
- Có thể tao chẳng cần cái gì. Đem phô quyền nhật ký thú hơn.
- Thôi nào, - cô nói. - Bất kỳ cái gì.

Rồi nó ném quyển sổ vào chỗ chiếc gương đang nằm, vì biết rằng có lẽ quyển đó chẳng giá trị gì lắm khi cô đã hết hồn. Đó là một quyển sổ tay giá sáu xu có viền màu cẩm thạch mà một hôm cô đã mua của ông Denyer để ghi chép các thứ, bất kỳ điều gì, rồi chuyện này lộ ra. Giờ đây cô gái cầm lấy cái bìa rẻ tiền, dính đầy keo mà nhật quyển sổ lên, song cô sẽ phải nghĩ xem nên để chỗ nào.

Thelma khờ dại vì cô chẳng thể nào khác được. Còn Ray là con trai. Ray đi xuống chỗ anh chàng Hy Lạp, xuống tận cái lán anh ta ở, bởi nó là bạn anh ta và hai đứa trò chuyện ồm ồm với nhau về các đồ vật, đinh, cưa và con dao. Tuổi tác hai đứa không chênh lệch nhau lắm, chỉ là phỏng đoán thế. Những hạn chế và giới tính đã liên kết chúng với nhau chặt chẽ. Chúng thậm chí có thể cứ nhìn nhau mà chẳng nói năng gì thậm chí chẳng nhìn nhau mà chỉ ở bên nhau.

- Chúng ta xem trong hộp đựng gì đi, - Ray nói.

Đó là cái hộp nhỏ mà anh chàng Con người Hy Lạp để trong gói quần áo cùng với những món đồ cá nhân, vài thứ có giá trị và thú vị cũng như mấy món đồ mà anh ta đã quên vì sao mình lại giữ. Gia tài

của anh ta đựng ở đó. Ray muốn nhìn bên trong của cái hộp đó, những thứ mà nó thềm thường, chẳng nhằm mục đích gì ngoài chiếm hữu. Những món đồ chơi bằng san hô ùa ra, và ông thánh bằng đá dạ quang, những món đó nó chẳng hiểu, thậm chí còn sợ. Đối với những bộ mặt trên những tấm ảnh thì nó khinh bỉ - những bà già và những cô gái da đen gầy guộc nổi bật lên giữa đám lò mờ và những vết vân tay. Nó ném những thứ đó trở lại vào chỗ những nụ và cành hương thảo khô.

- Cái cành cây già kia là cái gì ấy nhỉ? - Nó thường hỏi, chỉ hơi có vẻ quan tâm.

- Cái ấy tốt đấy, - anh chàng Hy Lạp trả lời. - Cây hương thảo. Thơm lắm.

- Chẳng có mùi gì cả, - gã con trai nói.

Song anh chàng Hy Lạp chẳng buồn trả lời vì biết rằng điều đó không đúng.

Rồi gã con trai cầm lấy con dao, món đồ tuyệt nhất trong cái hộp của anh chàng Con, có mùi kim khí, sạch sẽ được lau dầu. Gã con trai cầm con dao trong tay và tưởng tượng, với một niềm say mê lạ lùng, chuyện gì sẽ xảy ra nếu nó nắm tay lại, chỉ một chút thôi, và sập lưỡi lao vào. Nó sờn cả gai ốc.

- Con dao sắc lắm, - anh chàng Hy Lạp vừa nói vừa cầm lấy con dao bỏ vào cái hộp rồi cất đi.

Lúc này anh ta đã chán thẳng bạn mình.

Gã con trai bắt đầu thấy điếng người vì bị khinh rẻ và vì buồn. Cái hộp của anh chàng Hy Lạp thuộc loại nghèo nàn thế mà nó không chiếm hữu nổi. Nó không chiếm hữu nổi cái anh chàng Hy Lạp đang ngồi bên mép giường mà chút chít răng và đang có những suy nghĩ riêng tư kia.

Rồi gã con trai run lên do cuồng nộ vì bị khinh bỉ và thất vọng. Nó nắm lấy cổ tay anh chàng Hy Lạp và quát to:

- Dù sao, tao cũng cam đoan là tao khỏe hơn mày!

Nó lồng bàn tay mình vào bàn tay anh chàng Hy Lạp rồi dùng hết sức mà kéo xuống. Khi ấy anh chàng Hy Lạp tỉnh ra, thoát đầu còn thờ ơ, sau trở nên hăng hái. Thái độ anh ta vẫn chưa kiên quyết. Trong lúc anh ta ghìm gã thanh niên lều nghều đang vật lộn lại, hơi thở của hai người chiến đấu với nhau. Họ vật lộn nhau trên cái giường hẹp. Đó có phải là một trò chơi hay không, không ai có thể nói được trong cảnh Laocoön<sup>[1]</sup> và con trai. Rồi anh chàng Hy Lạp bắt đầu cười sảng sặc khiến cho các cơ bắp của anh ta cuộn cuộn lên. Đôi tay vạm vỡ ghì chặt lấy gã con trai. Hai tấm ngực trần hồng hồng của chúng sát vào nhau đến nỗi lúc đó khó mà tách được tim chúng ra. Gã con trai lắng nghe tiếng tim đập và tiếng thở rồi phát cái quát tương lên vì không thắng nổi anh chàng Hy Lạp quá quát kia. Nó đã toan giết anh ta. Để thọc hai bàn tay vào cái cổ sung huyết kia. Song nó bất lực và giờ sự chống cự của nó cũng tan biến. Nó muốn thoát khỏi tình trạng yếu ớt đáng xấu hổ của mình và thoát khỏi cái trạng thái gần gũi anh chàng Hy Lạp còn khó chịu hơn kia.

- Thôi chúng ta đi đi, anh Con, - nó dỗ dành. - Nào. Dừng nhé.

Song anh chàng Hy Lạp không chịu. Vì vậy gã con trai lúc ấy đang quần quai trên cái máng thức ăn gia súc bắt đầu sợ rằng những điểm yếu còn lớn hơn so với sự đỗi sức của nó có thể bị phát hiện. Cả hai cùng thở hổn hển, và anh chàng Hy Lạp thì cứ cười.

- Tao căm thù mày! - Gã con trai bị nghẹt thở la lên. - Ta căm thù bọn Hy Lạp chết tiệt.

Rồi bà mẹ đến, mang theo vài thứ đồ chị đã vá cho anh chàng Hy Lạp. Chị không ngờ lại thấy con trai mình.

- Ray, - chị nói, giọng ửng biển. - Đã đến lúc con đi làm rồi đấy. Mẹ con mình phải nói với bố về chuyện đó và quyết định.

Gã con trai đứng dậy, ngăn người đi qua sân, theo sau là bà mẹ, chị đang cố lờ mờ nhớ xem đã định nói gì với anh chàng Hy Lạp nếu thằng con trai mình không có mặt ở đó. Trong lúc rối trí chị đã không nhớ nổi.

Cũng tương tự như vậy, trong khoảnh khắc chị đã quên bằng đi rằng họ phải quyết định một điều gì đó về thằng con trai. Những ngày mùa thu mà chị rảo bước qua cũng thật là tuyệt. Gió lộng vào thời gian đó trong năm. Chim chóc uể oải bay lên và nhẹ nhàng đậu xuống. Những trái mọng qua rụng xuống và sau một thời gian đã mục, chị ngồi trên ngưỡng cửa và không thể nhặt chúng được. Tất cả mọi hình thù, cây cối hoặc bờ rào, hoặc chỉ là cái khung xiêu vẹo của một cái lán đều thật rõ ràng và sắc nét trong khung cảnh bất động của mùa thu ấy. Chỉ con người là vẫn có thể vươn lên và mang những hình dáng tươi tắn hoặc tan rã. Chị quan sát người chồng

đang bước qua những gốc rạ. Da anh đã bắt đầu hơi nhăn nheo. Cái cổ anh thật là già. Ngộ nhớ chị tìm thấy anh ngã lăn trong đám cỏ, nét mặt trầm ngâm biểu lộ một điều gì đó mà chị không hiểu thì sao? Cố nhiên chẳng có nguyên do nào. Từ trước đến giờ chưa bao giờ anh đi loạng choạng dù chỉ trong chốc lát. Đôi mắt anh đảm bảo sự vĩnh cửu. Song chị thấy lạnh cả người vì mình lại có thể nghĩ tới điều đó, và tệ hại hơn nữa, vì điều đó có thể xảy ra.

Vì vậy, chị vuốt vuốt hai cánh tay khỏe khoắn của chính mình cho ấm, bên trong làn áo khoác len cũ kỹ. Lại còn cái anh chàng Hy Lạp đang vừa đi vừa ôm những bó thân ngô và những lá ngô khô héo, rúm ró. Anh ta đốt chúng thành những đống nhỏ trên mảnh ruộng ngô người ta đã thu hoạch. Những dải khói xám xỏ ra. Có mùi cháy. Chị nghĩ đến anh chàng Hy Lạp và mối quan tâm thường trực của chị đối với anh ta, thứ chẳng theo hướng rõ rệt nào; chị không thể bày tỏ nỗi niềm cảm thông của mình đối với anh ta, ngoại trừ bằng những động tác khâu vá tẻ ngắt hoặc vài từ dạy cậu ta nói. Là trẻ con thì người ta ôm vào lòng, đằng này chị không thể làm thế, trừ một lần trong đêm tối, trước lúc đi ngủ, khi lòng thanh thản, chị đã vòng tay ôm lấy đầu cậu ta, tựa nó lên ngực mình và cảm thấy mái tóc cậu ta thô nhám. Thô nhám như lông chó. Đúng như vậy. Chị mến những con chó. Chúng đến, cứ quanh quẩn và thân thiện, song không gắn bó bằng tình cảm nồng nàn, chúng chẳng bao giờ trở thành của chị. Mà như thế cũng phải. Mối quan hệ giữa chị và anh chàng Hy Lạp cũng là mối quan hệ ân cần và thân thiện, giữa con chó và bà chủ. Chị nói rằng chị lấy làm mừng là nó như vậy. Chị lấy làm mừng là cậu ta đang bước đi ở đằng xa, giữa những đống thân cây ngô cháy âm ỉ. Như thế hai người không trò chuyện với nhau và cũng chẳng phải lóng ngóng tìm từ ngữ.

Amy Parker động đậy trên ngưỡng cửa.

- Chúng mình cần phải động viên anh chàng ấy đi chơi đây đó nhiều hơn nữa, - chị nói khi chồng đến. - Cậu ta là một con người mà.

- Anh có ngăn cậu ta đâu, - Stan Parker nói, lúc này anh đang nghĩ đến anh chàng Hy Lạp, không phải một thanh niên xấu nhưng không chịu nghe lời. - Có thể nghỉ phép nhưng cậu ta không chịu. Anh không thể buộc anh ta được.

Chị lại thấy mừng vì sự tận tâm thầm kín nào đó mà chị muốn nghĩ đến, quả có tồn tại.

Tuy vậy, đôi khi cậu ta cũng đi chơi thật. Chị ngắm nhìn cậu ta đi dọc con đường tới bến xe buýt, trong bộ cánh bảnh nhất, chật ních mà thân hình chẳng bao giờ chịu khuôn vào, lẽ ra cậu ta không nên mặc chúng nữa. Ngày hôm ấy cậu ta sẽ đi vắng cả ngày, đôi khi chị không nghe thấy cậu ta trở về, chị đã ngủ say vì kiệt sức cho tới tận ban mai, lúc con gà trống gáy và những con ngựa đờ đẫn đảo chân.

Anh chàng Con người Hy Lạp ra thị trấn, tại đó cậu ta bắt đầu có nhiều bạn, và những người bà con đến, rồi tới những người cùng ở đảo cùng bạn bè của họ. Thế nên Amy Parker hiểu rằng đó chẳng qua là vấn đề thời gian, bởi cậu ta bắt đầu lặng lẽ làm việc hoặc khe khẽ hát, song bao giờ cũng trầm ngâm suy nghĩ một điều gì đó. Chuyện ấy rồi sẽ phải đến, chị nói và lấy làm mừng rằng số phận của người thanh niên, do thiếu can đảm hoặc bất lực nên chị không chỉ dẫn được, sẽ tuột ra khỏi tay chị một cách tự nhiên. Tuy vậy, anh



ta vẫn cứ dai dẳng tồn tại trong đời chị, một trong nhiều người mà chị đã chẳng bao giờ trò chuyện.

Từ thành phố cậu ta mua về nhiều quà, kẹo trẻ con lấm màu sắc đựng trong những cái túi nhỏ nhóp nhép, bọn trẻ chen lấn nhau mà nhận. Khi đã dành dụm được tiền, cậu ta sắm một cây đàn ghi ta. Rồi vào các buổi tối, gian nhà bếp vang lên tiếng nhạc giòn tan, tiếng nhạc mà chị không xua đi nỗi dù có cau mày nhăn mặt thế nào đi nữa. Cậu ta giảng giải cho chị những đoạn trong các bài hát của mình. Cậu kể cho chị nghe về hòn đảo của mình. Hầu như suốt năm cánh đàn ông đều vắng nhà để đi lặn tìm bọt biển, cậu ta bảo họ trở về để mà say, và đánh vợ, tạo ra thêm trẻ con, rồi lại ra đi. Kỳ cho đến khi chị hiểu về hòn đảo trơ trụi đó. Phụ nữ trên đảo là những người đàn bà da ngăm ngăm đen, mặt mũi hốc hác như ở những tấm ảnh trong cái hộp của Con, song họ lại nói bằng cái giọng của chị khi họ từ những căn nhà trên đảo nhìn ra. Trong lúc hai bàn tay rần chác của cậu ta ôm chặt cây ghi ta để chơi thêm chút nữa, chị bắn khoăn tự hỏi nếu có con với anh chàng Hy Lạp ấy thì chúng sẽ ra sao. Song chị không đủ can đảm đi theo con đường ấy thật xa.

- Cuộc đời của những phụ nữ ấy thật thú vị, - chị nói to, giọng khách quan.

- Cái đó đã hẳn! - Cậu nói, hai môi chụm lại thành một cái loa kèn, từ đó những lời của một bài ca tươi mát chỉ trực thoát ra. - Họ không biết thế nào là sướng hơn. Như vậy là tốt.

- Mọi người đều biết thế nào là sướng hơn, - chị nói.

Cậu ta không hiểu câu nói ấy, hoặc giả không muốn nghe.

- Đây là một bài tình ca, - cậu ta nói.

- Một bài tình ca! - Chị thì thầm với người chồng vừa mới vào bằng một giọng hơi mỉa mai, như thể chị phải trừng phạt một kẻ nào đó, hoặc chính bản thân chị.

- Trời ơi, - chị thở dài và cười to, khi gặp cái khăn trải bàn.

Hát xong bài hát của mình, anh chàng Hy Lạp thu mình vào một tư thế ngưng nghịu như để trình trọng tuyên bố và nói:

- Thưa bà Parker, chỉ ít lâu nữa tôi sẽ phải đi khỏi đây. Tôi sẽ lấy một người đàn bà góa. Chị ta có việc làm ở Bondi, mà đây là một cơ hội tốt. Đối với tôi thế là *tuyệt* rồi.

- Chúng tôi thấy cũng được, anh Con ạ, miễn là anh vừa ý, - Stan Parker nói.

Cậu thấy hơi yên tâm. Có những đồ vật nhất định, đặc biệt là cái rìu và cái cưa kim loại, cậu không chịu để những người khác mó đến.

- Một người đàn bà góa, - Amy Parker nói, - Chà, anh Con, thật thú vị.

- Chị ta có năm con, - Con nói. - Nhiều đấy. Song nhiều người làm càng tốt cho việc kinh doanh.

- Nhất định anh được chu cấp đầy đủ, - Amy Parker nói, - về mọi mặt.

- Vâng.

Vậy thì về toàn bộ chuyện này có gì làm chị xao lòng đâu? Anh chàng thanh niên, người chị đã vá vít tất cho suốt một thời sẽ rời bỏ ngôi nhà này, đó là một điều tự nhiên. Song lẽ ra chị đã có thể kể anh ta nghe một điều gì đó về bản thân mình, vào bất kỳ ngày nào, điều mà không ai khác đã từng được chị kể, điều mà lẽ ra chị có lẽ đã có thể kể cho đứa trẻ mà vợ chồng chị tìm được hồi xảy ra trận lũ, một đứa trẻ như tờ giấy trắng, cần được thể hiện lòng yêu mến như vậy, song nó đã bỏ đi trong lúc chị vẫn còn lúng túng vụng về. Đúng là thế, chị hiểu ra, anh chàng Hy Lạp đang gảy đàn ghi ta trong bếp và lấy làm thỏa mãn với cảnh ngu si hưởng thái bình mà cuộc đời gã đang khuôn xếp, chính là đứa trẻ bị lãng quên đã bỏ trốn kia. Có những lúc đôi má rấn chắc của anh chàng Hy Lạp giãn ra tạo nên vẻ ngây thơ của thời niên thiếu, chẳng hạn khi anh ta gảy những nốt nhạc trước hoặc sau một bài hát. Đúng là nó, hoặc ắt phải là nó, chị quả quyết như vậy với, lòng thương mến.

- Tôi hy vọng anh sẽ hạnh phúc, anh Con ạ, - chị nói.

Song chồng chị, giữa những cơn ho do thuốc lá và chuẩn bị đi ngủ, chỉ muốn nhận xét: “Có phải là đám tang đâu, Amy”.

- Tôi sẽ ổn thôi, - anh Hy Lạp vừa nói vừa gảy trên những phím ghi ta để chơi nốt đoạn nhạc cuối cùng của bản tình ca.

- Chị ấy tốt không anh Con? - Chị hỏi.

- Chị ta béo, - cậu ta vừa nói vừa ngược nhìn lên. - Nấu ăn giỏi.

Cậu mỉm cười rạng rỡ, lấp lánh ánh ngây thơ hoặc thỏa mãn, thực khó mà phân biệt. Gương mặt anh chàng Hy Lạp có những

biểu cảm nhất định, khi da thịt thỏa mãn của cậu sáng lên vì những niềm vui bình dị, quả cuốn hút người ta đi sâu vào tâm hồn cậu. Vì vậy Amy Parker bỏ ra ngoài, nói rằng chị bị mệt. Chị cắn môi. Vì đã đến giờ đi ngủ, chị xoa tóc ra và bắt đầu chải. Đêm ấy chị không chải nhiều, chỉ chải cho cái bóng dài trong gương. Tóc chị ngắn hơn trước kia, không hoa râm, nhưng đã ở cái thời kỳ muối tiêu. Giờ đây nét mặt chị dường như đã mờ nhạt, vậy mà trong thâm tâm chị luôn cảm thấy vẻ ngoài của chị vẫn sắc nét. Nhưng chị không đẹp. Chị chải ngược tóc lên, rồi để nó xõa xuống, rõ ràng bằng một bài tập chải đầu trang trọng.

- Em không đi ngủ à, Amy? - Chồng chị hỏi, do ý thức về bổn phận, chứ không phải vì thất bại.

- Có chứ, chị nói. - Em đang chải đầu.

Song chị không thể tránh được những dòng chảy của thời gian. Giờ đây chị là một phụ nữ khá mập. Chị đi ngang qua những bông hồng trên tấm thảm, vào giường nằm, rồi trong bóng đêm, chị cố nghĩ đến con cái, đến người chồng, đến chảo mút, ruộng yến mạch, thực tế là nghĩ đến sự no đủ. Mãi đến khi chị đã bơi qua những dòng chảy ấy, và mặc dù đã phải vật lộn, những tua cứng của chiếc bàn chải mà chị dùng để nhắc nhở, chị vẫn bị hút tụt xuống.

Rồi chồng chị sờ vào người chị, chị tỉnh dậy, nói:

- Ôi chao, em sắp bị chết đuối.

Chị cứ nằm đó mà suy nghĩ về điều ấy với một nỗi hãi hùng dai dẳng.

Cái ngày anh chàng Hy Lạp ra đi là một ngày quang quẻ. Sáng sớm trời có sương giá, từ đó miền đất này vọt ra, phô trương. Trong bầu không khí trong trẻo và yên tĩnh người ta có thể nghe thấy những âm thanh của việc chuẩn bị ra đi vang lại từ cái lán bên kia sân. Rồi Con từ trong lán bước ra. Cậu ta mang theo một chiếc va li mới có chiếc đai sa màu vàng quấn quanh, và vài thứ đồ đạc buộc túm trong một cái bao tải đường. Cậu vận bộ quần áo chạt của mình.

- Tạm biệt anh Con. - Vợ chồng Parker vừa nói vừa tò mò đưa mắt nhìn theo, cứ như trước đó đối với họ cậu ta chưa từng là gì cả.

Bộ quần áo mặc hàng ngày của họ khiến họ mong muốn có cảm giác bề trên đối với bất kỳ kẻ nào hiển nhiên đã bị nhấc ra khỏi khuôn khổ cuộc đời thường nhật như anh chàng Con trong bộ cánh bảnh nhất của mình. Thực tế thằng Ray đã vào vị trí để văng ra mấy lời láo xược và muốn xúc phạm một người nào đó.

- Đây là một món quà nhỏ, - Amy Parker vừa nói vừa đưa cho anh chàng Hy Lạp một chiếc khăn quàng chị đan bằng len xanh, và bọc trong một mảnh giấy chị kiếm được ở đâu đó, tờ giấy có hình vẽ hệ thống dây điện.

Chị đặt một bàn tay lên vai thằng con trai. Nghi thức trao tặng đã khiến chị xúc động nhưng không xảy ra chuyện gì. Chị là một phụ nữ tử tế. Tình cảm người mẹ của chị chan chứa đối với cả thằng con trai chị dù nó không cần đến, lẫn anh chàng thanh niên, sắp sửa rời khỏi nhà chị, ngạc nhiên đến run cả người vì món tặng phẩm bất ngờ.

- Ô, cảm ơng ông bà, cảm ơng bà, bà Parker ạ, - cậu ta nói, mắt rớm ướt bởi niềm xúc động bột phát.

Chị để ý đến vẻ đẹp của anh ta lần cuối, hầu như tình cờ. Trong ánh ngày bình dị, mang đôi dép thoải mái gắn máy cục bông, lại có người chồng đáng tin cậy và thằng con trai hồn láo đứng bên, nếu có bất kỳ biểu hiện lệch lạc nào trên con đường rành mạch của đời chị thì hẳn là lỗi bịch.

- Tôi sẽ đem vợ đến, - anh Hy Lạp nói.

- Vâng, vâng, - chị Parker nói.

Song chị không chờ đợi cậu ta làm thế và cũng chẳng muốn vậy.

- Thelma đâu ạ? - Anh Hy Lạp nói.

- Sáng thứ Bảy nó đi học nhạc, - bà mẹ nói, và bởi có thói quen sửa chữa những khiếm khuyết của các con, chị nói thêm. - Nó đã nhờ tôi chào tạm biệt anh.

- Thật đáng tiếc. - Anh ta nói.

Rồi, vì không có việc gì phải làm nữa, anh ta ra đi.

Anh ta lên đường cái, còn thằng Ray bảo nó sẽ đến lêu lổng quanh phía đó một lát. Sáng hôm ấy nó hay gắt gỏng, tay chân thừa thãi. Bản thân thằng con trai thấy mình chẳng bao giờ vào khuôn mà cứ lóng ngóng trên đường, nó phẫn uất anh bạn, kẻ đang bỏ đi và tương lai đã được an bài kia. Chàng trai bước đi những bước ung dung, vững chắc, mang theo chiếc va li bình thường, nặng nề và cái

bao tải đường nhỏ, bất tiện. Anh ta muốn nói chuyện, vì vậy anh đã miêu tả những sự vật mà hai người đi ngang qua, bằng ngôn ngữ sơ đẳng, cứng đờ. Cho mãi đến khi thằng con trai không thể chịu đựng thêm được nữa.

- Tôi sắp sửa rẽ xuống chỗ này, - nó nói và giữ thẳng bằng trong đôi dép giày vải cũ kỹ ở ven khu rừng rậm. - Tôi sẽ không đi xa hơn nữa đâu.

- Sao? - Anh chàng Hy Lạp ngạc nhiên hỏi. Cậu không đến chỗ xe buýt à?

- Không, - thằng con trai khinh bỉ nói. - Chẳng ích gì.

- Thế thì chúng ta phải tạm biệt nhau rồi. - Con vừa nói vừa đặt những gói đồ xuống.

Anh ta tiến lên phía trước, hai ống tay áo vẫn còn nhăn nhúm vì mang những chiếc túi nặng. Rõ ràng cũng định làm một thứ nghi lễ tạm biệt, thằng con trai nhụt hết can đảm. Nó không thể nện được vào mặt thằng bạn mình một cái để ngăn cản việc anh ta tạo ra cái sự chính thức mà khổ sở này ở ven đường, vì vậy nó làm khô héo bản mặt mình tới lúc nó mỏng và sờ như một tờ giấy, và nó hỏi:

- Tại sao người ta không thể ra đi mà không cần hát hò và múa may vì việc đó nhỉ?

Chàng Hy Lạp ngừng lại. Nom anh ta bè bè chắc nịch và tức cười. Tính chất phác của anh bị tổn thương, anh bắt đầu băn khoăn tự hỏi mình đã làm gì gã trai này và lo sợ rằng hẳn gã có một thế lực nào đó mà anh không biết. Song điều đó sẽ chẳng bao giờ được giải

thích, về mặt gã trai chẳng cho manh mối gì và những chiếc lá mỏng, xam xám rủ xuống từ những cành cây im phăng phắc loại trừ mọi khả năng làm sáng tỏ.

- Được rồi, - anh ta vừa nói vừa bước giật lùi.

Ray Parker rẽ bước xuống rừng. Nơi đó rừng thưa và xam ngắt, nhưng trong chùng mực nào đó lại có vẻ thương cảm. Nó không cần phải suy nghĩ về điều ấy. Nó cứ rẽ cây mà đi cho tới khi là kẻ độc chiếm nơi đấy, như hơi thở của lá và vỏ cây, hai bàn tay buông thõng của nó không còn vô tích sự nữa, chỉ có điều chúng chẳng làm gì cả, mặt khác, cứ tồn tại giữa những cây cối xam xịt và khẳng khiu cũng là một mục đích đầy đủ rồi. Thế là nó cứ men dần từ tầng đá này đến tầng đá khác, rồi cúi xuống quan sát những con kiến đang tha gì đó, hoặc đúng hơn, nó đang biểu diễn động tác quan sát, bởi nó đâu có nhìn.

Nó lại bắt đầu suy nghĩ đến con người đã ra đi, người mà lẽ ra nó nên giữ lại, nó hầu như run sợ vì phải thú nhận, tuy giữ lại cũng chẳng để làm gì. Bởi nó không thích anh chàng Hy Lạp ấy, hiển nhiên là nó không thể mến anh ta, vậy thì đó là lòng căm ghét. Có lẽ cứ dùng một dây xích mà giữ anh ta lại để mà đá vào cái kẻ yên lặng ấy như một con chó. Lúc này mặt trời lên cao trên đỉnh đầu gã trai, một vòm trời thu êm dịu và thanh thản. Khi qua khu rừng, nó vừa đi vừa bóc vỏ cây để tìm kiếm một câu trả lời và cảm thấy nỗi đau sưng tấy vì những điều tàn ác đang thực hiện, vẫn còn phải thực hiện đối với những ký ức của nó về con người kia. Như thế nó sẽ mạnh hơn. Dù rằng nó quả có nghi ngờ về sức mạnh của mình. Nó vẫn còn bị hai cánh tay anh chàng Hy Lạp vàng óng kia ghì chặt.



Một lát sau nó dừng bước. Dưới một gốc cây. Đó là cây *banksia* cổ thụ lớn đầy những nụ hoa héo, thân và cành cây bị biến dạng thành những hình thù gớm ghiếc, đầy bụi bặm và xấu xí. Nơi ấy tất cả mọi vẻ đẹp và sự tốt lành bị loại trừ, bầu trời lúc này bị nhòa đi. Gã trai run rẩy rút con dao ra, thực tế đó là con dao lấy ở cái hộp của anh chàng Hy Lạp. Nó nhớ đến gương mặt đầy nhiệt tình của anh chàng Hy Lạp khi kể cho nó nghe về con dao ấy, về những món đồ đẹp đẽ và thú vị khác trong cái hộp của anh ta, hoặc kể về gia đình anh ta, bằng những câu nói khó khăn, về mẹ anh ta, một bà già đội một thứ mũ nào đó. Gã trai cầm con dao. Run sợ vì biết trước hành động của mình, nó lấy tấm ảnh chụp bà già ngăm đen hốc hác kia ra. Khi nó đứng đó, đang cố khắc sâu vào kỷ ức về mặt lãnh đạm của bà già, hai bàn tay nó, đôi tay đã cầm những đồ vật của anh chàng Hy Lạp, những thứ nó đã lấy chỉ vì nó muốn, như bị quỷ ám. Hai bàn tay ấy không phải của nó. Hai bàn tay ấy lấy con dao. Con dao bắt đầu cắt ngang bức ảnh cũ vàng, cắt theo đường chữ chi, để cưa ra và hủy diệt. Khi công việc đã xong và nó không thể ấn sâu lưỡi dao hơn nữa vào trái tim bạn mình, gã trai quẳng con dao cùng những mảnh giấy vụn vào một nơi nào đó, chẳng buồn nhìn.

Nó bị trượt chân vì những hòn đá rải rác khắp cái dốc ẩm ướt này. Má nó chà vào cát sắc. Những tiếng kêu khô khan, tuyệt vọng chính nó phát ra để đòi lại chút hồn nhiên đã mất lại hành hạ thể xác nó. Có vẻ như con quỷ của nó sẽ chẳng bao giờ kiệt sức, song rồi cũng đến lúc, trong buổi sáng hôm đó, và thậm chí nó ngủ thiếp đi một tí, rồi tỉnh dậy, đầu óc lại sáng khoái.

## CHƯƠNG 16

Cuối cùng Stan Parker quyết định cho thằng con trai đến học việc tại nhà lão Jarman làm yên ngựa tại Bangalay, anh bảo để xem thế nào, tuy anh cũng không thật chắc có kết quả, biện pháp đó chẳng qua là để đối phó một cách không thỏa đáng với nỗi bối rối của bản thân. Mẹ của Stan có một người anh họ làm yên ngựa, một người tử tế. Thuộc da là nghề tử tế. Nên nghề làm đồ da cũng vậy.

- Chà, sao lại thế hả bố? - Thằng con trai phẫn nộ, cổ họng nó phản đối dữ dội. - Ai lại thích cái nghề làm yên ngựa cỡ lỗ sĩ nào? Con chẳng thích.

- Con thích cái gì? - Người bố hỏi.

- Không phải cái nghề ấy, - thằng con trai nói, bởi nó không biết làm thế nào để trả lời cụ thể hơn.

Nó ngoảnh mặt đi chỗ khác, không thích trơ trọi một mình với bố nó. Giờ đây nó đã là một thanh niên cường tráng, đôi lúc cũng đẹp trai, nước da đỏ ửng khiến mặt nó hơi có vẻ thiếu thận trọng. Nhiều người vẫn thường tha thứ cho những hành động còn đáng ghét hơn của Ray Parker chỉ vì nước da sáng sủa đó. Cái mái tóc tuyệt vời của nó mà người mẹ những muốn vuốt ve thì màu nâu sẫm. Về khỏe mạnh của thân thể không để lộ ra bất kỳ dấu hiệu tật bệnh nào.

Chỉ những kẻ loạn thần kinh mới có thể có chút nghi ngại nào về khoe miệng nó hoặc thấy ánh lên từ đôi mắt khá bạo dạn của nó hình phản chiếu về những cảnh tối tăm khổ cực của chính mình.

- Dù sao con hãy cứ thử một thời gian, - người bố nói. - Ở bất kỳ thị trấn lớn bé nào cũng có chỗ cho đôi, ba người thợ làm yên ngựa đấy.

Thằng con trai lặng thinh.

Chẳng bao lâu nó đã có mặt ở nhà lão Jarman, vận chiếc tạp dề vải trúc bầu, quét những mảnh da vụn qua làn ánh nắng quá ư nặng nề lúc nào cũng trải ra trên mặt sàn cửa hiệu, cùng với một đàn mèo và một con chó sục già đã bị bỏ rơi. Ray còn đang học nghề. Vào những lúc hàng họ ế ẩm, ông Jarman bắt nó ngồi vào một chiếc ghế đẩu bên cạnh mình, cắt những mẫu hình đơn giản và học cách khâu bằng chỉ có vuốt sáp. Những buổi chiều ấy thật nặng nề trong cửa hiệu, đầy mùi sáp ong và da mới. Ray Parker không nghĩ rằng nó có thể chịu đựng hết thấy cái đơn điệu mà nó đã thấy trong đời, và nó thường hay vào phòng tắm để trốn khỏi cái cảnh đơn điệu lặng lẽ kia. Khi đó, đóng khung giữa những tấm ván sơn trắng và những lá dây leo, cái đơn điệu ấy nhất định tăng lên, song tới một mức độ trở thành riêng tư, và vì lý do ấy nó lại sinh sôi. Khi nghe tiếng thời gian trôi qua, thằng con trai vuốt cái bụng phẳng của nó và tự nhìn lại bản thân mình. Nó tin rằng nó sẽ có thể đạt được bất kỳ mục tiêu nào nếu như có cơ hội, nhưng liệu có hay không?

Đôi khi nó nghĩ đến bố mẹ và không tin rằng cơ hội ấy sẽ đến.

Người bố thường hay đến cửa hiệu. Chẳng ai bảo anh đến thăm con trai, mà đúng hơn là đến chuyện trò với những người thợ khác. Những người này hết thầy đều có hai bàn tay như đóng vảy. Dù sao thì những bàn tay ấy lúc này cũng chậm chạp, lũ ruồi bậu yên trên đó. Họ bắt đầu kể chuyện và bị mắc vào cái mớ bong bóng những chuyện kể của mình, rồi khi đã tạo ra những đầu mối rối rắm đến mức không thể tháo gỡ nổi thì họ thường quay lại điểm xuất phát, tràn trề hy vọng sẽ tìm ra điều họ nói lúc đầu. Song, nếu việc ấy không kết quả thì cũng chẳng ai bận tâm. Chẳng qua họ chỉ cùng nhau tán tụng ánh mặt trời và lịch sử địa phương mình.

Dường như ít ai trong số những người đang quan sát đôi tay người thợ làm yên nhận ra cậu học việc của lão Jarman là con trai của Parker, hoặc nếu nhận ra thì họ cũng không để lộ. Do hơi xấu hổ, người bố không đề cập đến con trai. Như vậy chẳng khác nào anh dám nghĩ cái mũi thẳng kia đã bị tách ra khỏi da thịt anh như thế nào. Một lần, anh quả có nói với thằng con trai trước mặt những người khác, nhưng anh vừa nói vừa nhìn về phía trước, trong lúc rời cửa hiệu.

Anh nói:

- Con Bella đẻ sinh đôi hai bé cái, Ray ạ.

Nói xong, anh đã ra khỏi cửa hiệu. Thằng con trai then đở mặt, vẻ tức giận. Nó lấy làm mừng vì bố đã đi rồi.

Dạo này họa hoằn Ray mới về nhà, chỉ đôi khi vào ngày Chủ nhật. Nó cảm thấy ngôi nhà hơi xiêu vẹo, và mặc dù đã sống thời niên thiếu ở đó, nó vẫn thấy xa lạ. Nó ngó chỗ này chỗ nọ và cảm

thấy không khí lạnh lạnh bên tai. Bầy gia cầm trong sân có vẻ như tránh đường cho nó vội vã hơn. Mẹ nó gọi nó đến để làm những việc vặt mà chị bày ra, để nó có mặt ở đó, để sai bảo nó, để nhìn vào mắt nó, để xem xét những lỗ chân lông trên da mặt nó, để mở tung cái ký ức kín mít của nó bằng những động tác cầm lạng mà con người vẫn làm. Thời gian này chị cư xử với con trai bằng một thái độ thân thiện sôi nổi, không chịu thừa nhận là nó đã lẩn tránh chị, song đồng thời thái độ đó cũng khá quyết liệt, cố thiết lập một mối quan hệ dứt khoát mà những người khác có thể tin cậy. Nó cảm thấy được nổi thất vọng của chị khi nó ngồi trong bếp, chẳng giúp đỡ được chị việc gì vì nó cứ chằm chằm nhìn một vật nào đó, một bánh xà phòng vàng trên một cái đĩa tách hoặc một bó hoa nhỏ mới hái được cắm vội vã trong một cái bình.

Nó vốn rất ghét cái làng Bangalay, cảnh ngộ này còn tệ hại hơn, và chẳng bao lâu nữa nó sẽ bỏ trốn, vận quần dài cuốc bộ lên đường cái để đứng tại một góc đường với các thanh niên khác, hoặc tại chỗ biển chỉ đường chờ cho thời gian trôi đi hay một cái gì đến.

Người ta đã thuê cho nó một căn phòng ở Bangalay tại nhà một bà già tên là Northcott, chồng bà, hiện đã chết, trước kia là một viên chức đường sắt. Đó là một ngôi nhà nhỏ thơm mát, trát dày thứ sơn nâu. Bên cạnh nhà có một bụi cây côm cháy và mùi nước bồn. Ở phía bên ấy, nhìn sang bức tường trống của ngôi nhà kế tiếp, có in vài vệt sáng do lá cây côm cháy chuyển động, là căn phòng của Ray Parker. Căn phòng rất kín đáo, khá thích hợp với nó, bởi thời gian này nó nhút nhát, và nếu như có cửa sổ cũng chẳng chịu lộ mặt ra. Thực tế, bức tường trống như một màn ảnh, trên đó cuộc sống ước

mơ của nó được thể hiện, đồng thời cũng che giấu những hành động lộ liễu của nó. Đôi khi nó thường tựa mình vào cửa sổ, vừa hút một điếu thuốc lá long lỏng tựa quán lầy, vừa tựa hỏi với bức tường tuy trống rỗng nhưng chừng mực nào đó lại đáp ứng nhiệt tình kia, xem liệu một cô gái nào đó, tốt nhất là thuộc một giai cấp cao hơn nó, lại có thể không có cái chất tươi mát, cái tính thẳng thắn và sự từng trải mà nó khát khao nhưng cũng e sợ hay không. Nó thường đứng đó, bị hút chặt vào bề mặt bức tường lỗ chỗ, mắt lim dim ngược nhìn làn khói thuốc bay lên, hít thở tham lam và xấu xí qua khoe môi, như nó đã thấy dân hút thuốc.

Cuộc sống tại nhà bà Northcott mang sắc nâu chủ đạo. Đặc trưng của các loại đồ gỗ, bức tường kia cùng gương mặt của má Northcott, từ trước đến giờ bà bao giờ cũng là một trong những phụ nữ có nước da bánh mật. Song thằng con trai quả có một lần bừng tỉnh khỏi một giấc mơ rất đẹp và êm đềm mà nó cố nhớ lại, nhưng thoát đầu chỉ có thể cảm thấy. Ít nhất nó cũng tin rằng trước đó nó đang ngồi bên một cái bàn, một cái bàn bình dị bằng gỗ bạch đàn. Có những khuôn mặt hướng về nó, tuy nó không thể phân biệt nổi là mặt ai. Và có một cái mặt đồng hồ, nó đành chấp nhận thế, như tất cả các đồ vật khác. Tỉnh dậy, nó cứ nằm mà nhìn cái bồn rửa mặt rắn chắc cùng những món đồ sứ đồng bộ, bản khoản không hiểu liệu có nên loại bỏ cái vẻ mộc mạc vừa đẹp vừa hiền nhiên của giấc mơ không.

Cuối cùng nó phát cáu, nhồm dầy, vùng ra khỏi những tấm chăn cứ níu nó lại, xua đuổi cái cảnh mộng tốt đẹp mà nó vừa thưởng thức kia đi. Vừa mặc quần áo vào nó vừa lên án bố mẹ vì những phẩm cách của họ mà nó đã thoáng thấy. Cuối cùng nó phải đập lại

bố mẹ nó, thế là nó điên tiết lên với họ khi nó vừa chải mớ tóc cứng quèo của mình vừa nhớ lại mẹ nó nhìn ra ngoài cửa sổ để tìm một giải pháp cho một vấn đề nào đó, còn bố nó thì vật lộn với đám từ ngữ, như thể họ vướng phải mớ bòng bong. Nó ném cái bàn chải xuống. Nó còn quá trẻ chưa thể hiểu nỗi những thiếu sót của bố mẹ. Không một chuyện nào nó có thể tha thứ được.

Nó bước xuống một căn bếp màu nâu, tối tăm bên ngoài, hay phòng điếm tâm, tại đó má Northcott đã dọn bữa sáng cho nó, một lát sườn cừu nâu sẫm và một chút rau đã được hâm lại.

- Ô, chào mẹ, - nó vừa nói vừa khẽ vung chân vung tay để khẳng định sự tự chủ, - Mẹ ngủ có ngon không?

- Không, con ạ, - bà nói, - mẹ lại bị chứng sỏi thận. Đau cả đêm, mẹ kém ngủ lắm. Mẹ trở dậy hơi nóng vài cái đĩa để chườm vào bên sườn.

- Cái mẹ cần là một bình nước nóng, - nó nói.

Song bà không trả lời câu đó, bà muốn suy nghĩ một lát về điều đó.

Má Northcott bị chứng sỏi thận. Bà rất hay thờ dài. Bà là một phụ nữ khá cô độc, đã già và tiều tụy. Để dè xẻn những khoản tiền tiết kiệm của chồng, một viên chức giờ đây đã mất, bà nhận giặt thuê ít quần áo và còn cho thuê trọ nữa. Song hai bàn tay bị viêm khớp của bà chẳng để cho bà làm lụng nhiều.

Bà đã bắt đầu mến cậu con trai này, mà nó cũng để cho bà mến, bởi những sự gắn bó cảm tính dễ duy trì hơn những mối quan hệ

đòi hỏi tình thương yêu. Mẹ đẻ của nó, nếu được phép, có thể đã nhai nó ngấu nghiến, còn cái bà già này hẳn bị cái chứng sỏi thận và cái bệnh nhức xương chi phối trong những năm tháng cuối đời.

- Mẹ cần giữ gìn sức khỏe, - nó nói, - không được làm việc quá nhiều và phải nằm nghỉ sau bữa tối.

Chẳng ai nghe nó khuyên, nhưng có nói cũng chẳng mất gì. Nó ngồi xĩa răng sau khi ăn thịt và bắt đầu tin rằng chính mình đã quan tâm đến sức khỏe của má Northcott. Tính nhẫn nại của nó hơi dịu đi. Nó cảm thấy nổi luyến tiếc quá khứ râm ran trên mình vì những gì xưa kia nó đã định hủy hoại. Có những lúc, nó quả đã suýt khóc vì đã hủy hoại cha mẹ mình trong tâm trí. Nếu lúc này nó giàu có thì nó đã đi mua cho họ đồ dùng, quần áo. Bởi không giàu, nó vỗ lòng bàn tay vào lưng bà già và nở nụ cười triu mến mới đang trong giai đoạn thể nghiệm.

Má Northcott thờ dài và cầu nhàu. Bà thích thú cái vớ về của cậu thanh niên ấy, kể lẽ ra có thể là con trai bà mà lại không phải.

- Nằm nghỉ thoải mái thật đấy, - bà làm bầm qua mái tóc rối bù trên cái khuôn mặt chẳng có gì đặc biệt, - nhưng lại có bụi, bụi lúc nào cũng cứ tích tụ lại, cả những ngùi bông nữa. Mẹ chẳng biết những ngùi bông ấy ở đâu ra trong nhà.

Nó chẳng quan tâm điều tra nguồn gốc của hiện tượng này. Thực ra, nó chẳng quan tâm lắm đến những vấn đề của người khác, và thật may là chưa có ai đẩy việc cho nó. Ấy thế mà sáng hôm đó nó lại tỏ ra hào phóng và bắn khoản không biết mình có thể làm



được gì, rồi nó vớ lấy cái khăn mà bà già dùng để lau khô bát đĩa ném xuống nước.

Nó băn khoăn không hiểu có thể làm gì thêm để quảng cáo cái đức hào phóng mà đôi lúc nó từng có trên lý thuyết. Rồi nó sực nhớ tới tờ bạc nó đã thấy trong một tập sách dạy nấu ăn trong ngăn kéo của má Northcott, kẹp giữa những trang sách và hiển nhiên đã bị lãng quên. Lúc đó, khi bà già còn phải để giải quyết thêm cái chứng táo bón của mình ở nhà xí phía sau, Ray Parker lục và thấy tờ bạc vẫn còn đó. Tờ bạc khá lạnh lùng và không giống tiền, như tất cả những thứ tiền đã lâu bị tách khỏi liên hệ với cơ thể người. Thế là nó cầm lấy tờ bạc và bỏ vào túi, tại đó hơi ẩm sẽ làm tờ giấy bạc hồi phục, và trở thành của Ray.

Tối hôm ấy Ray Parker mang về nhà một chiếc bình chườm nước nóng, bọc vải flanel hồng mà nó mua tặng má Northcott.

- Của mẹ đây, - nó nói. - Áp nó vào chỗ đau sỏi thận là dễ chịu lắm. Nhưng mẹ đổ nước sôi sôi thôi.

Má Northcott, đang ngồi với bà Pendlebury, một người bạn mới sang chơi, cảm động đến nỗi cái mặt da bánh mật, nhăn nheo của má bắt đầu gật gù một cách ngớ ngẩn.

Cố nhiên bà Pendlebury bảo rằng đó là việc làm của một đứa con.

Sau đó, Ray Parker về phòng mình để vui hưởng một chút cái hành động giản đơn kia của mình, việc làm đó thực chẳng đáng quở trách mà đem lại niềm vui. Việc nó giữ lại số tiền và sau đó thắng bộ

cánh bành nhất mà đi xem phim cũng chỉ khấu đi một chút vào cái đức hào phóng ban đầu của nó. Dù sao thì đức hạnh cũng giống như một núi băng trôi, những phần còn lại chìm dưới nước.

Thế là, vẫn giữ vẻ cao đạo, nó ra khỏi nhà, trên đường phố đã lên đèn, ánh sáng rực rỡ để ngụy trang cho sự thiếu sức sống. Nó đứng quanh quẩn một lát, mồm ngậm kẹo, rồi nhập bọn với những người khác ở rạp phim. Bộ phim giải thoát cho họ. Vó ngựa khua trên bề mặt nổi buồn tẻ, còn những đệm ghế da láng như những đôi môi hút tụt họ xuống. Ray Parker lựa nhiều tư thế ngồi thoải mái trong chiếc ghế có thể điều chỉnh của mình, thế mà khi ra khỏi rạp, nỗi cô đơn lại xuất hiện và cả niềm khao khát được biến nhân dạng mình thành một vật thể hữu hình nào đó.

Tối muộn hôm đó, dưới gốc mấy cây tiêu, đằng sau một chuồng ngựa cho thuê, nó sờ vào cái áo của một cô gái lần đầu tiên, cô đi guốc cao gót, xông lên mùi như gái điếm, mà quả là thế thật, cô ta thờ hờn hển và run lẩy bẩy, nhưng lại sẵn lòng đến chỗ tối để thực hiện hầu hết mọi chuyện. Khi việc đó xong rồi, cô ta chạy vụt đi, vừa chạy vừa kêu la mát mát của mình. Đến nỗi nó cũng run sợ. Trong khoảnh khắc nó rúm người lại thành một đứa trẻ và bỏ đi, bước qua đám phân ngựa mềm.

Khi nó vào nhà, thay quần áo, nửa cao hứng nửa sợ hãi thì bà già đang ngủ chập chờn cất tiếng gọi:

- Ray đấy hả?

- Thưa mẹ, vâng ạ, - nó nói và hơi dương dương tự đắc về bản thân mình trong gian phòng lớn, trước cái giá tre để treo mũ, trên đó

còn mắc một cái mũ của ông viên chức đã quá cổ.

- Con phải ngoan, - bà nói, - bỏ cái nôi ra ngoài mà lấy sữa.

Giọng bà lắng dần vào nỗi khuây khỏa và giấc ngủ. Sự có mặt của Ray khiến bà càng tin vào hảo tâm của nó.

Nhưng sau đó, trong phòng mình, khi đã treo cái nôi vào một cái đinh và nghe nó yên vị, leng keng trong ánh sao, Ray cảm thấy không hài lòng với gương mặt trẻ trung của mình, gương mặt ấy hầu như không biểu lộ hành động vừa qua của nó thật rõ ràng mà lại trở nên mờ nhạt và yếu ớt.

Nó ngồi xuống mép giường và bắt đầu bực dọc dùng con dao bấm bấm vào chân chiếc bàn con bên giường, bấm khoan không hiểu liệu có bao giờ nó có thể rũ sạch được cái mảnh đời đã ăn sâu vào ký ức kia, với ánh nắng lọt qua kẽ liếp, với những cây mọc qua mục ruỗng trong đám cỏ mọc cao, vươn vai dậy trong thùng trấu, mắt nảy đom đóm vàng vì hai nắm tay dụi cho tỉnh ngủ. Vào những khoảnh khắc ấy hình như những điều tốt đẹp nhất đã xảy ra và nó không thể rúc trong váy mẹ. Nó đã sa vào tội lỗi chất chồng.

Để che giấu một phần những cái đó, nó xoay nhanh chiếc bàn nhỏ bên giường để cho cái chân bàn phía ngoài bị bấm kia quay vào tường. Rồi nó lên giường. Thường thường nó ngủ ngay lập tức, cả ngôi nhà đều chấp thuận nó. Song đêm nay có cái mùi phân ngựa tươi cứ dai dẳng và lũ ngựa gõ móng hí vang, vươn những cái cổ dài bóng láng của chúng lên mà đình công.

Ngày Chủ nhật đó Ray Parker muốn về nhà để nhìn thấy những gương mặt trong gia đình. Vì vậy nó đi chuyến xe buýt sớm. Nó bước dọc con đường từ trạm bưu điện ở Durilgai, nơi toàn bộ cảnh vật trải dài xuống tận trang trại nhà Parker, trong tâm trạng hân hoan và đầy hy vọng, tới ngôi nhà khá bình dị nhưng chân thực kia.

Em gái nó đang chải tóc bên cửa sổ, nhìn lên và lộ rõ vẻ không tin vào sự tồn tại của Ray.

- Anh dành cho em một điều bất ngờ, - gã nói, để khỏi tỏ ra nản chí.

- Em mong đó là một điều thú vị, - cô em vừa nói vừa thả mái tóc vàng hoe từ cái lược xuống, mái tóc bông bênh và chẳng mấy chốc tan trong ánh mặt trời.

Thelma Parker giờ đây già dặn hơn, cô có thể cất giấu đời tư thầm kín của mình vào những nơi kín đáo được bảo vệ, vì lý do đó cuộc viếng thăm của thằng anh khiến cô bực mình hơn là bối rối. Dạo này cô đeo nhẫn, quá nhỏ để biết là hàng rẻ tiền, cô hay tắm rửa, thoa phấn lên da, là lướt những chiếc áo cánh đẹp nhất cho tới khi cái trang nhã và sạch sẽ ấy trở thành ngọt ngào, thậm chí xác xơ. Song mắt cô cứ nhìn xuống, vì vậy không thấy được chút tác động của cô lên người khác, mà cô cũng đâu có cần biết. Cô quá lạnh lùng, ngoại trừ đối với những chuyện thầm kín của chính mình, khi ấy cô mới sôi nổi. Bố mẹ Thelma đã quyết định đầu học kỳ tới, cô sẽ phải học tại một trường nữ Cao đẳng Thương mại trong thành phố. Họ bị ấn tượng bởi cô, hơn là quý mến. Tình cờ đang làm việc gì, họ cứ tiếp tục công việc, nhưng vẫn để mắt đến Thelma, cái tính lãnh đạm và sự trong trắng của cô khiến họ khiếp đảm.

- Anh Ray về đây ạ, - Thelma nói, khi cầm cái khăn len đi qua gian nhà bếp.

Cô không dùng đến hơn một cánh hoa để biểu lộ sự kính trọng của mình. Về thanh nhã như đóa hoa trà của cô không thuộc loại nở rộ tươi thắm mà nhỏ, gọn, trắng xanh và không phải để cho người ta hái.

Cả gia đình hơi kinh hoàng chỉ lo có chuyện gì không thể lường trước xảy ra ngày hôm ấy. Bà mẹ đã bỏ công việc buổi sáng Chủ nhật và đang lê đôi dép nỉ đi tha thẩn. Ông bố đang đọc tờ báo ngày thứ Bảy nhưng chẳng mấy chốc ông sẽ đi hàn cái can mà ông đã dành để làm vào Chủ nhật, ông thích nhìn chất kim loại lấp lánh chảy phía dưới que hàn.

Rồi họ nói:

- Chà, thằng Ray đã về.

Cố nhiên họ yêu quý thằng con trai, chỉ có điều là họ bị bất ngờ. Bà mẹ thậm chí thấy cổ họng tắc nghẹn vì tình yêu thương đối với con, sức mạnh của cơn bột phát tình cảm khiến bà bị ngợp. Bà quyết định lần này bà sẽ thể hiện tình cảm với nó.

Ông bố háng giọng và giở tờ báo loạt xoạt, cố nhìn hết cột này sang cột khác, hy vọng trong khoảnh khắc tìm được vài lời về bí quyết cuộc đời mà ông đã để quá lâu không nói với con mình.

Song lúc này gã thanh niên đang ghéch chân qua ngưỡng cửa sổ mà nhảy vào, qua đám cành chi chít của một cây hồng bạch mà bố mẹ đã trồng trước kia và thực tế cái cây đã chiếm hữu ngôi nhà.

Nó đang cố gỡ mình ra làm những cánh hoa mỏng như giấy rụng rào rào. Một cái tổ chim cũ nát rơi xuống. Rồi Ray xuất hiện, mặt đỏ bừng nhưng có vẻ bình tĩnh.

- Đấy không phải cách vào phòng đâu Ray ạ, - ông bố nói.

- Nhưng như thế lại nhanh nhất, - thằng con trai phân trần.

Nếu cần thiết, do cứng đầu cứng cổ, nó có thể tự biện hộ bằng toán học.

- Nếu cả nhà mình vào kiểu ấy thì hay ho lắm, - cô em gái trẻ trung, trong trắng của Ray nói, trước đó cô đã hồi hải chạy vào buồng tắm và đang mài những chiếc móng tay sạch sẽ của mình.

Còn bà mẹ vừa nhặt cái tổ chim từ sàn nhà lên, thôi không cau mày nữa và nói:

- Dù sao thì con cũng đã về.

Bà muốn tỏ rõ rằng bà là mẹ nó, biểu lộ tình yêu bằng sự khoan dung. Bà chỉ cốt nó đáp lại tình yêu thương đó và đối xử tử tế với mình.

Thế mà nó lại băn khoăn không hiểu liệu bà sẽ thuyết phục gì mình.

Suốt ngày hôm đó nó giữ thế thủ, tuy rằng vào buổi sáng, khi nó đi dọc đường cái theo chiều gió, mọi việc đã sáng tỏ; cái ánh ban mai kia khiến người ta dễ làm lẫn. Khi ấy cảnh vật đã bắt đầu đổi thay. Lòng dạ nó không đổi thay đến thế. Nó thực sự đã muốn về

thăm gia đình và muốn cảm thấy bản thân mình là một phần trong đó. Song ánh chiều ảm đạm hơn đã bao trùm, cây cối tối sầm dần và màu úa tàn của đồng cỏ. Về chiều trời nổi gió, những cơn gió mạnh cuốn vu vơ dăm dóm cỏ khô làm thành một xoáy lốc giữa những bầy gà mái táo tác trong cái sân sau ẩm ướt.

Nó lang thang một lát ngoài đồng. Những cây ké đã mọc lên kể từ khi nó có mặt ở đó lần cuối, có những chỗ nó phải bước cẩn thận. Song dù vậy nó thấy bàn tay mình vẫn va phải một cây ké, một điều không thể tránh khỏi trong lúc nó đang để ý xem liệu chuyện gì sẽ xảy ra trong khoảnh khắc tiếp theo. Nó chấp nhận cái đau dữ dội và đáng buồn ấy như một điều mà cuối cùng da thịt mình phải chịu đựng.

Về đến nhà, nó thấy rằng cô em gái mới sớm hôm nào đứng bên cửa sổ vừa chải đầu vừa mơ màng, vẻ xinh xắn và làn tóc vàng tưng như chẳng bao giờ phai pha, giờ đây đã trở nên gầy guộc và xấu xí. Cô vẫn ngồi bên khung cửa sổ ấy, đang xếp sắp mấy món của riêng, toàn đồ con gái, và ghim giấy vòng quanh tay áo của mình như cô thấy bà trưởng phòng bưu điện làm. Cái này không phải dành cho mình, gã con trai cảm thấy thế. Riêng những cánh tay áo bằng giấy ấy đã nói cho nó biết. Thế là Ray tiếp tục bước lóng ngóng quanh nhà, còn Thelma thì cau mày và không nhìn nó.

- Này, Ray, - người mẹ nói, vì bất chợt bắt gặp nó nên bà sửng sò, bởi bà chưa hoàn toàn sẵn sàng, - hôm nọ mẹ tìm thấy quyển sổ nhỏ này. Vợ một cha xứ đã cho mẹ cách đây mấy năm, có lẽ thế. Mẹ chẳng viết vào đó vì mẹ viết không thạo. Con có bao giờ viết nhật ký không? Một số người viết đấy. Mẹ nghĩ có thể con cũng

muốn thử. Rồi đến cuối năm con có thể gửi cho mẹ và mẹ sẽ đọc được những điều con đã làm.

Thật là một ý nghĩ ngớ ngẩn và không thật hợp lý. Trong giây phút cao hứng bà đã nghĩ ra điều đó để bắt đầu câu chuyện. Giờ đây, khi hai mẹ con đứng đó, bên mấy nhánh kim ngân bất động, bà thấy hối hận. Thằng con trai nom như thể sắp phát ốm.

- Xì, - gã nói. - Con không muốn viết nhật ký, con sẽ viết cái gì nào? Viết về bữa sáng nhé!

Nó tiếp tục đi men quanh nhà còn bà thì nhẩn nại theo sau.

- Mẹ mới chỉ nghĩ thế thôi, - bà nói.

Càng cư xử ngớ ngẩn bà càng tuyệt vọng không gỡ mình được khỏi tình thế ấy. Và bà thấy rằng hầu như mình chỉ có thể đối xử ngớ ngẩn với con cái. Bà nhớ hồi còn trẻ, bà đã làm thế nào để thấu hiểu tâm tư và nhận ra những khát vọng của chúng hoặc chúng giải bày với bà chẳng che đậy.

- Con có hạnh phúc không Ray? - Bà hỏi khi hai mẹ con đã vào bếp, bởi có vẻ như họ chẳng có nơi nào khác mà đi, và thực không có cách nào thoát khỏi nhau được, trừ vào lúc cuối cùng khi gã con trai thật sự lĩnh đi, điều mà bà e rằng là bản tính của nó.

- Con có hạnh phúc không? - Bà hỏi.

Nó còn quá trẻ người non dạ nên không nhận ra rằng đó là cách bà nói cho gã biết là bà không hạnh phúc.



- Mẹ định nói gì vậy, *hạnh phúc* à? - Nó lờ phờ hỏi.

Nó không thích cái kiểu giáo lý vắn đáp ấy. Nó gần như là vô nghĩa. Nó giống như mở cửa ra và thấy sàn nhà không còn nữa.

- Mẹ những muốn nghĩ rằng, - bà nói, - con đang sống rất tốt. Như vậy là tất nhiên thôi, vì con là con trai mẹ. Mẹ đã rất hạnh phúc.

Bà quả đã bộc bạch tâm sự đầy thuyết phục.

- Con chỉ muốn được bỏ mặc một mình, - nó nói.

Những thân cây đen sẫm luôn thay đổi và được gió chải thành những lọn tóc dài. Có lẽ chẳng mấy chốc trời sẽ mưa.

- Nhưng Ray này, - bà nói, vừa tựa mình vào cái bàn.

Thelma bước vào, tiện tay khép lại cánh cửa sau lưng. Cô có thể đủ sức làm như thế. Trước đó cô đã đọc những điều tức cười mình viết trong một cuốn sổ khi còn nhỏ tuổi. Giờ đây cô thấy kích động bởi cái ưu việt hiện tại của mình so với tất cả những gì là trẻ con và nực cười kia.

- Mẹ và anh không định uống chút trà à? - Cô hỏi to.

Cô nhìn gương xem mình nói và hài lòng với hình ảnh đã thấy, dù sao thì cũng trong khoảnh khắc ấy.

- Có chứ, - bà mẹ nói, như thể bà đang băn khoăn vì sao lại không nghĩ đến giải pháp này. - Mẹ con mình sẽ làm vài cái bánh nướng nhé?

- Mẹ con mình? - Thelma hỏi, nó nhăn trán lại, trông vừa xinh vừa tức cười. - Bánh nướng của con bao giờ cũng cứng như đất ấy.

Trong lúc bà mẹ nhào bột thì cô làm những thứ dễ chấp nhận hơn, đặc biệt là cái bánh được cô đích thân phủ một lớp đường màu hồng và trang trí một bông hoa trắng cầu kỳ, dễ chảy.

- Anh có nghe về trường Cao đẳng không hả anh Ray? - Cô vừa hỏi vừa bắt đầu bày biện những bát đĩa sành trang trọng hơn mà gia đình thường dùng vào những ngày Chủ nhật.

- Không, - Ray mệt nhọc trả lời. - Ồ, tao đã nghe được điều gì đó.

Nó bèn đổi từ chủ đề này sang chủ đề khác, nhà má Northcott, sớm muộn gì nó cũng phải chuyển đi. Ban đêm các đường phố vang lên bao tiếng bước chân tuyệt vọng ra đi.

- Học kỳ tới, - cô em nói, - em sẽ trọ ở thị trấn Randwick, tại nhà ông bà Bourke. Bà Bourke là họ hàng của bố. Hai người từng cãi cộ nhau chuyện gì đó, nhưng đã dàn xếp rồi.

- Không phải cãi cộ đâu, - bà mẹ nói. - Người ta cứ hay lập lờ, mặc ta phỏng đoán nguyên nhân, mà chuyện ấy bao giờ chẳng lắm.

- Dù sao thì, - Thelma nói, - em cũng sẽ ra thành phố. Em hơi sợ, Ray ạ. Em sẽ kiếm một cái vé tháng và hàng ngày đi tàu điện từ thị trấn Randwick. Bà Gage cũng quen biết nhiều người, họ sẽ mời em đến chơi. Họ buôn bán tạp phẩm. Họ giàu lắm. Bà Gage đang giúp làm một bộ váy. Nó màu be, chiết to, chân váy thì xếp ly. Có những

chiếc khuy nhỏ màu đỏ, mỗi cánh tay áo ba chiếc và một hàng dài ở sau lưng.

Khi củi được đưa vào lò, Thelma rục rờ hẳn lên. Xét cho cùng, Thelma xinh đẹp hoặc sôi nổi khi vươn cao cái cổ, dĩ nhiên là cái cổ ấy rất thon mảnh, vào lúc cô ngồi nhặt gợn những mẩu bánh vụn bằng mấy ngón tay đoan chính.

Bà mẹ vừa lắng nghe tất cả những điều xa xôi ấy vừa thoải mái ăn chiếc bánh nướng của mình và những muốn cảm thấy yên tâm. Có lẽ bọn trẻ khôn lớn rồi chăng?

Ray nhìn ra ngoài cửa sổ. Nó đang vật lộn với một ý thức về sự bất công và cái bánh tặc trong cổ họng. Trận mưa hiếm ác bắt đầu quất những roi dài vào bụi lý gai, loài cây chẳng bao giờ tươi tốt ở miền này, mặc dù người ta cứ thử mãi.

- Thế mà sẽ làm gì, - Ray hỏi, vẫn chưa quyết định dùng hình thức sỉ vả hay tự vệ nào - khi mặc cái váy màu be của mà?

- Ồ, - cô em nói, mặt đỏ bừng. - Em sẽ qua được những kỳ thi cần thiết, về đánh máy, tốc ký, và kiếm một việc làm với một người môi giới chứng khoán hoặc một viên cố vấn tư pháp, đại loại như vậy. Làm việc để tự nuôi mình mà. - Cô nhanh nhẹn vừa nói vừa rút ra chiếc khăn mùi soa, từ trước vẫn chưa dùng mà vẫn gập thật vuông vức cái nơi thắt lưng.

- Và lấy một thằng cha cục mịch, - Ray nói.

- Em không nghĩ đến mấy chuyện như vậy.

- Và dạo đàn dương cầm, - nó cười cợt, - khi hắn đem *xiên* về.

Tiếng cười trầm giọng kim mà tình cờ nó phát hiện được cách tạo ra khiến nó rung cả người và nó thích cái cảm giác ấy. Nó có cái cổ họng khỏe và đôi mí mắt hum húp. Gã ngồi nhìn ra cửa sổ, ngắm mớ bong bong mưa xam xám đang cuốn đi qua những cánh đồng và những cây cối màu đen từ trước đến giờ nhờ có rế mà đứng vững.

- Nó làm gì mà con rĩa rói thế? - Bà mẹ hỏi.

- Không có chuyện gì ạ, - nó nói, dịu giọng. - Chỉ có điều người ta đang chán ngán.

- Vì anh đang chán ngán, em phải chịu hậu quả, - cô gái trả lời.

Vì tủi thân, Thelma đã phải nói chẻ hoe bằng một vẻ nhã nhặn mới mẻ, đó có lẽ do bản năng, hoặc giả cô đã nghe và học được của một người xa lạ. Nước da cô trần trần vẻ ngay thẳng.

- Có lẽ tao nên viết nhật ký, phải không hả Thel? Và ghi trọn tất cả. Mà có muốn biết chuyện gì đã xảy ra với thằng Hy Lạp ấy không?

- Ồ, anh chàng Hy Lạp à? - Người mẹ hỏi, sực nhớ ra điều gì đó mà bà đã lãng quên.

- Con nhớ tới hắn, - gã con trai nói. - Là dân vùng Nam Âu, hắn không phải tay tôi.

Lúc này mưa bao phủ cây cối và ngôi nhà bằng những dải xám gấp nếp rủ xuống. Nếu ta không nghe thấy tiếng mưa rơi thì trận mưa có vẻ rất nặng hạt. Song âm thanh của mưa, gió và bếp lửa phùng phụt xua tan ảo ảnh của trận mưa nặng hạt, thậm chí của tất cả những thứ vững chãi.

Bà mẹ nhớ tới cái thời gian xảy ra những trận lụt, khi mà đồ đạc không thể bám trụ lại. Bà quên mất niềm vui của mình lúc đứng trên bờ sông, nước đục ngầu cuộn cuộn chảy dưới chân, và ông chồng chắc nịch trên chiếc thuyền con; có vẻ như bà quên vì chỉ nhớ lảng máng hầu hết mọi sự việc và cuộc đời mình khi gã thanh niên Hy Lạp lững lờ bước vào thửa ruộng mà biến đám thân ngô héo thành khói.

- Đó là một thanh niên tốt, - bà vừa nói vừa nhìn vào đôi bàn tay to, vẫn còn nhạy cảm của mình, trên đó có chiếc nhẫn cưới màu vàng. - Một anh chàng tốt, - bà nói, như thể bằng cách nhắc lại như vậy không ai có thể buộc tội bà giấu giếm.

Chẳng ai làm thế, bởi bản thân mỗi người là một địa cầu hoặc một thế giới suy tư riêng.

Gã con trai bắt đầu thấy sợ tình trạng biệt lập ấy, rồi rốt cuộc sẽ nguội dần. Nó nóng lòng được vận động cho khỏi sợ, vì vậy nó đứng dậy và từ nhà bếp đi ra, chạy xuyên làn mưa, ngang qua cái lán, nơi vật nhau với anh chàng Hy Lạp, tới tận phòng thức ăn gia súc, tại đấy bố nó vẫn thường nhắc nó lên từ những thùng đựng rượu khi nó còn đương ngủ, lay cho nó tỉnh, như thể giấc ngủ là rơm là rạ, và bố nó là ánh ngày, thường đứng đó. Khi ấy hai bố con thường nói chuyện với nhau về những sở thích.

Giờ đây bố nó đang ở đây, nó nhìn thấy thì đã quá muộn. Bố nó đang cúi xuống một cái xô, nguẩy nguẩy một món cá m trộn gì đó. Trên tường là những chai, lọ đựng thuốc bóp, thuốc mỡ mà lũ chuột đôi khi làm đổ. Ông bố ngược nhìn lên. Ông cũng thấy ngay là nó bị mưa ướt.

Nó khoác trên vai một cái bao tải cũ vẫn mặc để đi mưa, hầu như chẳng che chở được mấy ngoại trừ một ý nghĩa tinh thần.

Lúc này ông ngẩng lên và vẩy chất cá m trộn ướt dính tay vào cái xô.

- Mưa thế này là thuận đấy, - ông bố nói để thăm dò xem nó quan tâm đến chuyện gì nhất, do đó sẽ an toàn hơn. - Nếu không có mưa ba ngày thì chúng ta sẽ phải bỏ công ba tuần. Cái đập thì thấp. Mưa sẽ làm cho lúa miền trở.

Đối với gã con trai, thời tiết giống như hoa quả, rau dưa chẳng quan trọng gì, thậm chí còn đáng ghét, song gã cũng miễn cưỡng cho rằng việc ông bố chọn chủ đề đó mà nói lúc này thật đáng mừng. Cả hai bố con đều lo rằng có thể cần phải giải thích về việc thằng con trai bỗng nhiên có mặt trong chuồng gia súc.

Gió tiếp tục thổi vào trận mưa xối xả trên mảnh ruộng xám. Trong gió mưa gào thét, một cái cây màu đen đổ xuống ở đằng xa, mà không nghe động.

Bởi chừng vạn vật đã bắt đầu chịu đựng sự tồn tại của chúng, dường như càng cần thiết đưa ra những lời giải thích hơn bao giờ

hết. Các tâm hồn đoàn kết lại khi đương đầu với bạo lực, dù chỉ là trên cơ sở chung của tính bạc nhược.

Gã con trai ép mặt vào một ô kính cửa sổ đầy mạng nhện để ánh sáng long lanh như ngọc trai chậm chậm lọt vào bên trong cái chuồng tắm tối.

- Có lẽ có những trận lụt gia đình ta đã trải qua, những trận lụt mà bố mẹ vẫn nói đến. Con thích được nhìn thấy chúng, - nó nói, giọng trở nên ồm ồm trên mặt kính, - và những đồ vật trôi lênh bênh, những ngôi nhà bị cuốn trôi. Con muốn nhìn thấy một cái cây bị bật tung rễ. Hoặc bị sét đánh. Người ta bảo là có thể ngửi thấy mùi một cái cây bị sét đánh, nó như mùi thuốc súng ý.

Ông bố ngừng tay, lòng đau nhói, bởi bình thường ra ông đã có thể lẩn tránh vào công việc riêng của mình, trong chất cám nóng và ẩm.

- Thấy thì con được lợi gì? - Ông hỏi.

- Có thể một điều gì đó sẽ xảy ra. - gã con trai nói.

Trước khi xây ngôi nhà của mình, Stan Parker cũng đã khoái những cảnh hãi hùng. Sau đó những cảnh ấy đã khiến ông bối rối, khiến ông cảm thấy mình bị mắc lừa. Rồi khi đã thừa nhận sự bối rối của mình và đã sống thêm nhiều, sau đó lâu lắm, có lẽ chưa đến tận bây giờ, trong cái chuồng này cùng với thằng bé ngược ngáp và bất trị là con trai ông, thì những cảnh hãi hùng kia quả đã bắt đầu làm sáng tỏ phần đối lập với cái thiện và sự thanh bình trong nhiều mặt của Thượng đế.

Nếu có thể đến gần được con trai hơn và bảo cho nó điều đó thì lúc này có lẽ ông đã làm như vậy, song ông chậm chạp, vụng về hai tay dính cá.

Gã con trai nhìn quanh, ngờ rằng bố đang ở quá gần mình. Nó không muốn bị đụng chạm. Những hình thù tầm thường và quen thuộc của cái chuồng đang hiện ra lù lù xung quanh. Lẽ ra nó đã có thể đá ụp những bức tường xuống, cùng với bộ mặt của người đàn ông tầm thường là bố nó kia, người lẽ ra nó đã yêu quý, nếu như nỗi kinh tởm cho phép.

- Bố mẹ sẽ phải đưa con ra khỏi cái hố Bangalay kia, - người bố tìm cách nói, - có lẽ bố đã sai lầm khi đưa con đến đó.

- Con không cần, - gã con trai khàn khàn nói. - Con có thể thích nghi ở đó cũng như ở bất kỳ nơi nào.

Câu nói ấy thực hư ra sao còn phải xác minh.

Khi mưa đã ngớt, hoặc giả gió thổi nhiều hơn mưa rơi, và trước hết là tiếng mưa đã bớt phần đáng ngại, Ray Parker trốn khỏi cái nơi đã từng là nhà mình. Nó đi ngược con đường cái, đầu cúi xuống, hai tay thọc túi quần. Những xúc động suốt buổi chiều hôm đó còn mạnh mẽ cuộn cuộn trong lòng nó giờ đây đã lắng xuống, chỉ ít cũng là tạm thời, trở thành một cuộn dây thụ động.

Bố mẹ nó đinh ninh rằng một chuyện đại loại như thế tất nhiên sẽ xảy ra và lấy làm mừng vì chuyện ấy không khiến họ hoang mang hơn. Mãi họ mới hỏi thăm tin tức, trước hết là từ bà Northcott, rồi



đến ông Jarman, thợ làm yên ngựa, về chỗ ở và ý định của con trai họ.

Rõ ràng Ray đã bỏ đi rồi.

Chẳng bao lâu nó viết thư về, một bức thư từ Brisbane, trong đó viết:

“Mẹ quý mến,

Con đã lên đây do tình thế thúc đẩy và nghĩ rằng con quyết như vậy là phải, dù việc chuyển đi ấy có tốt hay không, song con phải *làm*, như bố đã nói, chỉ có điều chính con là người phải tiến hành việc đó.

Con đang làm việc tại một tàu thủy trên bờ biển này. Con làm trong nhà bếp. Bác bếp là người Tàu nhưng sạch sẽ. Bác ấy cho con một mảnh vỏ trai, mặt có chạm trổ đôi chút, con sẽ giữ cho mẹ, đó là thứ mẹ sẽ thích.

Ồ, hãy vui lên, mẹ ạ. Chẳng có gì là mãi mãi cả, dù cuộc sống của con cũng tạm đầy đủ nơi bờ biển này. Về ban đêm, con tỉnh giấc thì thấy những cần câu bốc hàng hoặc những con ngựa người ta cưỡi đến dự cuộc đua. Nếu thích, con có thể tới vùng đất liền với một tôn ông đã ướm con làm một chân lao công tại một nhà ga, song con không nghĩ mình sẽ đi. Con sẽ cân nhắc xem thế nào. Con có thể đến bất kỳ nơi nào. Đêm qua con mơ thấy mình đang bơi ra những hòn đảo, biển nhìn như dầu và đầy lân tinh, mà con thì cứ bơi, bơi mãi không nghỉ, nước biển đầy ánh sáng, nhưng cho đến khi tỉnh dậy con vẫn chưa tới đảo...”

Khi được trao bức thư để đọc, ông bố nói:

- Cũng tự nhiên thôi, Amy ạ.

Ông đưa trả bức thư cho bà vợ giữ, vì họ không quen nhận thư từ, trừ những hóa đơn và những tờ quảng cáo hàng. Ông nhớ lại thời thanh xuân của chính mình, những quần áo xuềnh xoàng vụn trên người đã khiến ông quên đi tình trạng trần như nhộng của mình. Bất kỳ bước đường nào ông đã đi hầu như không do ông quyết định. Nhưng câu trả lời đó đâu phải vợ ông lúc ấy muốn nghe.

Bà thấy ông thật đáng thất vọng, vẫn luôn như thế vào những giờ phút gay go.

Bà nói:

- Ông nói hay thật. Ông có bao giờ mang nặng để đau đầu. - Giọng bà xúc động vì tính bất công của nó và bởi bà bị bất ngờ.

Bởi Ray đã ra đi, tuột khỏi tay bà dễ dàng và tự nhiên như cái hạt tách khỏi vỏ, để mà mất hút trong cỏ rậm. Nếu như vào giây phút nhận ra điều đó lòng bà quặn đau và suốt nhiều ngày sau đó những cơn đau nhẹ hơn thường tái diễn thì có lẽ phần nhiều do tính hờm mình của bà, dù bà quả có nhớ cái thằng bé đầu tóc bờm xờm, mặc quần soóc, cái đứa trẻ sơ sinh bình thản bú chùn chụt bầu vú của mình. Vì vậy đôi lúc bà khóc, chủ yếu vào lúc hoàng hôn, khi đứng bên cửa sổ, khi vạn vật đã trở nên mong manh và bản thân bà đang tan ra, bị hút về phía trước, năm tháng cứ tuôn chảy về phía sau bà như những tà áo, hoặc mái tóc trong gió. Lúc đó thật hãi hùng.

Khuôn mặt bà đã mất đi lớp bột phủ đau buồn riêng tư như lớp bột phủ và trở thành một cái xương sọ ử ê, hoặc một bộ mặt trơ xương.

Mình đã quan tâm quá nhiều đến thằng Ray mà chưa quan tâm đầy đủ đến con Thelma. - Bà Amy Parker nói bưng tỉnh. - Suy cho cùng con gái đáng tin cậy hơn con trai, con gái cần phải như vậy.

Khi Thelma rời nhà đi Sydney, đến trường nữ Cao đẳng Thương mại, bà mẹ đã sắp xếp va li cho nó. Bà đặt vào đó một cái túi thơm mà bà đã làm dành cho dịp này và vài gói chocolate phòng khi con gái cảm thấy đói bụng vào ban đêm; con bé sẽ ăn với lòng biết ơn, vừa ăn vừa giờ sột soạt tờ giấy bạc và nghĩ đến mẹ.

Đêm cuối cùng Amy Parker vào phòng con gái, hôn lên mái tóc dài, sáng màu, ôm lấy con và nói:

- Ai có thể nghĩ, Thel ơi, con lại đơn độc một mình ở thành phố, nhưng con đừng lo.

- Con sẽ ổn thôi, mẹ ạ. - Cô gái điềm tĩnh nói, nó bị bất ngờ và nóng lòng muốn gỡ mình ra. - Vả lại còn có bà Bourke. Bố bảo bà ấy là người tốt, dù rằng hồi đó có sự hiểu lầm về vài chuyện gì đó.

- Ờ nhỉ, còn có bà Bourke, - Amy Parker nói. - Song cũng sẽ không như ở nhà đâu.

Qua làn áo ngủ bà cảm nhận thân hình mảnh mai được giấu kín của con gái và tự hỏi đã bao giờ cô thuộc về bà chưa. Nỗi băn khoăn truyền sang cơ thể cô con gái, cô ho rũ rượi suốt đêm và phải đốt một ít thuốc bột mà cô vẫn giữ để phòng những lúc trở bệnh. Khi trời rạng sáng cô trở dậy, dò dẫm qua làn khói cay xè của thuốc bột.

Ban mai như con dao thép cắt sâu vào cô gái hăm hấp sốt. Lúc chuẩn bị tắm rửa, cởi hết quần áo ra để được mỡ xẻ, cô run rẩy và rúm người lại. Nhưng cô vui sướng. Toàn bộ nỗi đau đớn khó chịu ấy là cần thiết để cuối cùng cô có được hình dáng đẹp, hoàn hảo.

Thelma đáp tàu ở Bangalay, mình vận bộ đồ màu xám và đầu đội mũ trang nhã. Cô không bao giờ tỏ ra bối rối ở chỗ đông người. Bố mẹ đã đưa cô ra thị trấn bằng chiếc xe Ford, lúc này đang đứng bên cửa sổ toa tàu, bắn khoăn về mọi chuyện. Người bố không day dứt vì tình hình đang vượt ra ngoài tầm kiểm soát của ông. Tuy nhiên, suốt một thời gian dài, người mẹ vẫn tỏ vẻ đầy uy quyền và khuyên bảo, cho tới khi bà cúi đầu dưới cái vành mũ rộng, sẫm màu của mình. Thế ra bọn trẻ quả đã lớn khôn, bà buộc phải thừa nhận. Bà lấy làm biết ơn, thậm chí tủi nhục khi nhận cái hôn cuối cùng trên môi và bắn khoăn không hiểu cái hôn đó có biểu thị tình thương hay không, bà những muốn tin là như thế.

Cô con gái ngắm nhìn chiếc khăn tay vấy lần cuối cùng mà cảm thấy xót xa cho tuổi niên thiếu đang rời xa của mình, cảm giác ấy càng thấm thía hơn bởi những miền đất tẻ nhạt đang vùn vụt chạy qua. Cuối cùng cô an ổn lại, mong thấy hình ảnh phản chiếu của mình trên khuôn mặt những người khác. Việc cố tìm ra điều bí ẩn trong những bóng gương như vậy thật là một cảm giác mới mẻ và khoan khoái.

Thế là Thelma Parker đến thành phố, vào học trường nữ Cao đẳng Thương mại và trở nên có năng lực. Cô lãnh đạm như cái chuông trên máy chữ kêu leng keng khi đánh hết dòng. Cô thường vừa đẩy hát trực máy trở lại, không chút tức giận, nhưng khinh

khinh, vừa nhìn vào những vật thể lờ mờ ở phía cuối căn phòng. Bàn đánh máy của cô bao giờ cũng sạch không một hạt bụi. Quả thật, cô rất sạch sẽ. Những chiếc móng tay dài, hơi hình trái xoan của cô hồng hồng, còn người cô ngát mùi nước hoa oải hương mà cô đã cất trong một ngăn bàn và vẫn kín đáo rảy lên hai bàn tay sạch sẽ của mình. Trên cổ tay trắng mảnh mai của cô đeo một chiếc đồng hồ vàng nhỏ, rẻ tiền nhưng thanh nhã. Da Thelma rất trắng, gần như ốm yếu, và luôn sẵn sàng phản ứng lại những gì trần tục ở người khác, đến nỗi khi con bạn Genevieve Johnstone của cô nói đùa một câu gì đó, mặt cô đã ửng hồng, khó mà biết được do khoái trá hay xấu hổ.

Genevieve Johnstone, con bé mà Thelma Parker gặp lần đầu tiên ở chính cái trường Thương mại này, sống ở Bondi, trong khi đó Thelma lại sống với gia đình nhà Bourke tại Randwick. Đôi khi hai cô cùng đi chơi với nhau bằng tàu điện vì phương tiện ấy rẻ tiền mà lại giết thì giờ. Đối với Thelma những cuộc rong chơi ấy rất quan trọng vì chúng làm nổi bật quyền tự do của cô. Con tàu lắc lư leng ca leng keng. Những đêm ấy người ta cười âm ỉ. Hai cô nữ sinh cùng ngồi với nhau, bẹn bẹn đẩy, nhưng không mền nhau lắm, hai đứa cảm thấy mái tóc mình nhớp nháp trong không khí mẩn mẫn. Hai đứa đu đưa và phá lên cười vì sự chuyển động của bản thân mình, vì những cái đầu gối xương xẩu của đám đàn ông ngồi đối diện hoặc đang đi ngang qua ép vào đầu gối chúng. Genevieve Johnstone thích nhìn bọn đàn ông. Nó là một cô gái đen đúa, nhem nhuốc, ngực nở. Nó khát khao được dâng hiến cho một người đàn ông nào đó, trong khi đó Thelma ngoảnh nhìn chỗ khác, hai bàn tay ôm cái xác bồng nóng ran lên. Chẳng rõ Thelma có khát khao không hay là cô đánh giá mình quá cao hoặc sợ sệt.

Về sau, chính những khác biệt về tính khí này đã khiến tình bạn giữa Thelma và Genevieve phai nhạt, Thelma đâm sợ phải cùng đi với con bạn đen đúa, nhem nhuốc, ngực to và hay cười cợt kia, cái con bé mà bọn đàn ông cứ liếc mái tóc ướt mần mần và hai cái vú lắc lư trên tàu điện của nó. Đêm tối quá quyền lực khi cô đi cùng bạn. Thế là Thelma đoạn tuyệt với bạn vì những lý do không thật xác đáng. Cô vẫn tiếp tục rong chơi một mình trên tàu điện, để có không khí, nhưng không nhìn mọi người mà nhìn vào trời đêm rực sáng. Như thế cô vẫn có thể hưởng cái tự do của mình. Cô yêu thành phố, cô bảo thế, và biến vẻ rực rỡ của thành phố thành một chất thơ riêng của mình. Chất nhựa đường và chất thép của thành phố chẳng phải là mốc đánh dấu sự tiến bộ của bản thân cô đó sao? Vì vậy cô cứ rong chơi bằng tàu điện vào ban đêm, từ trên toa của mình nhìn xuyên vào những ô cửa sổ của dân chúng, để ý thấy họ đang ngồi ăn, đang cãi cọ, đang nói quần áo cho dễ chịu, đang xỉa răng, cho dù chưa vạch những kế hoạch rõ ràng cho chính cuộc đời mình thì cô vẫn khá vững tin là sẽ thành công trong bất kỳ việc gì mình lựa chọn, mà không gặp phải điều gì bất ngờ khiến phải lúng túng.

Niềm tin ấy thỉnh thoảng bị lung lay nếu khi đóng cửa cô nghe thấy tiếng cười. Đặc biệt là tiếng cười của bọn đàn ông. Vì lý do đó cô ghét bọn coi chuồng ngựa ở gia đình Bourke.

Horrie Bourke, chủ trọ của Thelma, đã lấy một người bà con của Stan Parker, là một người huấn luyện ngựa đua. Ông là một người chân thật và vì vậy đã không thành công như lẽ ra phải thế. Tuy vậy ông cũng thắng được vài trận kha khá và đã mua cho vợ những hạt kim cương và một tấm lông cáo có cái đầu đã bị cánh cửa xe tắc xi

nghiền nát trong lễ Phục sinh, cách đó vài năm. Bản thân Horrie Bourke chẳng bao giờ ăn diện tuy ông lại tán thành chuyện đó đối với vợ mình, đối với những người giàu có, những khách quen của ông. Ông ưa đi dép lê. Ông vẫn thường mang cổ cùn nhưng không thắt ca-vát. Chỉ có mỗi một chiếc khuy đồng ghim trên cái cổ áo hơi vàng được hồ cứng của ông. Cứ như vậy ông đi khắp cái sân chuồng, chỉ dẫn mấy cậu thanh niên và một hoặc hai người đàn ông lớn tuổi hơn, sành sỏi và tự đắc về ngựa nghèo, mặc dù vậy vẫn phục tùng Horrie, một con người tử tế.

Thelma Parker đã thấy cảnh này, khi nhìn từ cửa sổ phòng mình tại ngôi nhà gạch của gia đình nhà Bourke, vì phòng của cô khôn khổ lại ở phía có dãy chuồng ngựa. Nào mấy gã vận áo lót đang đu đưa những xô nước lóng lánh, nào mấy người đàn ông lớn tuổi khác có đôi chân vòng kiềng, nào những con ngựa vạm vỡ, óng mượt đang run rẩy.

Horrie Bourke bảo Thelma cứ tự nhiên như ở nhà. Hôm sau ông cho cô một hộp chocolate có cái nơ to bằng xa tanh hồng và bảo thỉnh thoảng cô có thể lấy cho ông một cái thật mềm. Ông thuộc loại người thích tỏ ra nhã nhặn với các cô gái như thể một lễ nghi trau chuốt. Ông thích nhìn những cô gái tóc cài nơ, cổ tay đeo vòng và thích pha những loại trò khiến các cô cười khúc khích, ăn chocolate lúc chiều chiều. Ông thuộc cái trường phái hầu như cho rằng phụ nữ là một giống loại khác, ý niệm đó quả hợp với một vài phụ nữ.

Thelma Parker chẳng bao lâu hiểu ra rằng Horrie Bourke đáng mến nhưng không đáng để tâm lắm. Cô dần dà chấp nhận cái nghi

lễ nhã nhận của ông và cười vang khi nghe những câu pha trò của ông mà không biểu hiện một sự giả trá nào.

- Bố thật tội nghiệp, - bà Bourke nói, bố quá tốt bụng.

Cứ như thể ông đang bị bệnh.

Bà Bourke trước đây mang họ Bott. Tên bà là Lily, một trong ba cô gái mà Stan Parker đã không cầu hôn, và vì lý do ấy bà đâm có thói quen nheo mắt nhìn Thelma, như để nhìn cho kỹ hơn một chút, với một vẻ rất đỗi khoan dung đầy giễu cợt. Song không thể bảo Lily Bourke không phải loại người tốt. Bà có phần son đôi chút nhưng cũng chẳng đáng kể gì. Bà thích có vài ba người bạn đến chơi vào buổi tối và uống một ly gì đó, tốt nhất bia đen, khi bà sắp sửa hát những bài ca xưa cũ bên cây dương cầm thẳng đứng, sau khi đã tháo những chiếc nhẫn.

“Con có thích bà Bourke không? Con không nói điều đó,” mẹ Thelma viết trong thư.

“Bà Bourke cũng được, bà ấy rất tử tế,” Thelma viết cho mẹ như vậy.

Bà Bourke lấy phấn của mình thoa lên mặt Thelma và bảo cô phải gọi bà là dì Lily. Song Thelma quyết không mắc bẫy mà gọi bà bằng cái tên thánh. Cô nghĩ là mình sẽ không cần đến một sự ấm cúng lâu bền của gia đình Bourke, và đã cảm thấy một chút bất an trong lòng.

Vì vậy cô không hứa hẹn gì mà trở về buồng đánh móng tay.



Khi tốt nghiệp trường Cao đẳng Thương mại Thelma Parker nhanh chóng kiếm được một chân đánh máy bậc thấp tại một công ty tàu biển. Đó không phải là công việc cô muốn nhưng vào thời điểm này thì cũng được. Chẳng bao lâu mọi người đều thấy hiển nhiên rằng cô có năng lực xuất sắc. Nhiều phần việc đặc biệt được giao cho cô, kết quả là cô bị những người không muốn làm việc đó căm ghét. Nhưng cô không nản lòng. Khoảng thời gian này Thelma cắt tóc ngắn, cái gáy cô chẳng ai có thể tóm được khi cô đi ngang qua các phòng làm việc giữa những dãy bàn giấy, tay mang một thép giấy mới hoặc xà phòng, khăn mặt từ phòng tắm trở về.

Đôi khi cô quả cũng nghĩ đến gia đình, chẳng hạn lúc đang ăn cái bánh sandwich kẹp cá trích trong khoảng nửa giờ nghỉ ăn trưa. Nỗi khắc khoải nhớ quê ấy khiến cô buồn phiền nhưng không thể nào tránh được. Hình ảnh mẹ cô luôn hiện ra, bà thực sự xứng đáng với mọi tình cảm yêu kính, dù rằng ăn mặc xấu xí và làm hầu hết mọi việc đều vụng về, luôn đánh đổ xô, vại hoặc bị đứt tay khi thái bắp cải, mặt nghệt ra khi quên khuấy những ý định mà bà sợ rằng mình không nhớ ra nổi, mà mọi thứ lại đều phụ thuộc vào nó. Thelma Parker thường thấy nóng ran người vì niềm thương yêu đáng xấu hổ và đáng bực đối với mẹ. Bố là đàn ông, vì vậy không đáng kể bằng, trừ về mặt kinh tế. Bố hay lơ đãng, nét mặt ông biểu hiện điều ấy, lại bị thua trong cuộc đấu tranh tư tưởng kia, vì lý do đó, có thể bị xem thường. Hơn nữa, cô không hiểu bố có những nhu cầu gì. Cô coi khinh và e ngại những điều mình không hiểu. Rồi cô nhớ ra là cổ bố đầy những vết nhăn. Thế là Thelma bị kéo lại. Những vết nứt nẻ trên đôi bàn tay ông đang níu lấy áo cô. Thế là cô không thể trốn thoát, khỏi việc bị bố mẹ làm cho bề mặt cũng như

khỏi sự thấp kém của họ, và cuối cùng, có lẽ, để đỡ tỏ ra quá nhẫn tâm.

Cô thường vun thành đống những mảnh vụn từ chiếc bánh sandwich vô vị của mình, thứ vẫn đáp ứng đủ nhu cầu của cô. Thelma thường làm một cái bồ đài nhỏ bằng giấy đựng những miếng vỏ bánh sandwich khốn khổ, vì cô không thích vỏ bánh.

Thelma chẳng nghĩ gì đến anh mình. Cô đẹp anh trai sang một bên, và tự thuyết phục mình rằng Ray đã không chọn được lúc xuất hiện.

Nhiều người tốt bụng thấy Thelma Parker cũng tử tế. Đó là vợ chồng nhà Gough, bạn bè, hoặc đúng hơn, người quen của bà trưởng trạm bưu điện ở Durilgai, những người này tuy buôn bán tạp phẩm nhưng khăm khá hơn, họ không còn mặc tạp dề ngồi sau quầy hàng, hoàn toàn không phải loại người như vậy. Vợ chồng nhà Gough sống tại một vùng ngoại ô khá hơn, tuy không phải là nơi tốt nhất, có vô khối đồ đạc bóng loáng, có cả một tủ phục vụ hút thuốc - uống rượu hỗn hợp mà ta có thể lục các ngăn moi ra một chai cocktail chuối. Sau khi rửa tay, Thelma sờ xem những chiếc khăn tắm của họ, chúng được thêu chữ *Khách* theo hình một vòng hoa păng xê, rất nghệ thuật. Vợ chồng nhà Gough mở những bữa tiệc tối, chẳng có gì trang trọng ngoài bánh mì mềm và những bộ y phục nửa dạ hội. Chẳng bao lâu Thelma biết mình phải làm gì. Cô được cái tài quan sát mọi phía, tài biểu lộ những cử chỉ đúng điệu, cứ như thể chân tay cô đến lúc ấy là bằng sáp, tài chơi đùa với con chữ như thể những lời lẽ ấy từ chính cổ họng cô bật ra chứ chẳng phải của

một người nào khác. Cô làm tất cả những điều đó, phấn chấn vì biết bao khám phá khả năng và bất ngờ.

Vào một ngày Chủ nhật, tại trang trại nhà Bourke, có một người nuôi trâu bò để bán, đã đứng tuổi nhưng có thể lực, sau khi sờ thử chòm lông ở khuỷu trên móng con ngựa của mình và thảo luận về triển vọng sau này với người huấn luyện ngựa, đã ngợi khen về ngoài của Thelma Parker, cố nhiên điều đó thật ngớ ngẩn. Song cô nhớ đôi ủng của ông ta bóng láng biết bao và bộ quần áo của ông, dù ăn vận cầu thả đến đâu, vẫn thuộc loại hàng xa xỉ. Thelma nhớ tên ông ta là Letourneur, tuy cô không gặp lại nữa.

Trong lúc đánh móng tay bên cửa sổ nhà Bourke, Thelma phải nghĩ đến và quan sát bao nhiêu là chuyện, vì người ta cứ dắt ngựa qua lại hoặc những con ngựa cứ khua vó vào cánh cửa chỗ chúng vào buổi tối, thở phì phì đầy bụi. Vài cậu nhóc lượn lờ xung quanh lúc tối để nghịch ngợm hoặc chơi bài hoặc chơi xu sấp ngựa. Những thằng bé trong sân đưa nọ kẹp đầu đưa kia vào vách thực hành các hình thức tra tấn. Chúng cười bằng cái giọng đang vỡ và hút thuốc, chúng pha trò và phác những cử chỉ tục tĩu, hoặc thây kệ cô gái đứng bên cửa sổ, dù sao cô cũng đã bị lãng quên. Chẳng ai nói chuyện với cô, loại bà con kênh kiệu của Horrie Bourke, trừ khi cần thiết, và gọi là Quý cô. Chẳng bao giờ họ có thái độ sỗ sàng. Trừ cái việc nhún vai tặc lưỡi ở đằng xa, mà việc đó, dĩ nhiên, có thể là một biểu lộ của *joie de vivre*<sup>[2]</sup>.

Tuy vậy vẫn có anh chàng Curly.

Khi Thelma đã bắt đầu ngợp vì cái cách thu xếp đời sống của mình - người ta đã thăng cấp cho cô ở cơ quan và cô đã mua một

chiếc áo khoác lửng bằng lông thỏ nhuộm - thì Curly nói chuyện với cô. Thực tế gã nói rất xược. Gã đi ngang qua một vạt cỏ cho trâu ăn mà ông Bourke vẫn tự mình cắt. Gã bước nhanh, thẳng người, đôi giày cát giẫm lên cỏ thô, vẫn cái dáng đi lắc mông mà cô đã để ý thấy, vừa đi vừa vung vẩy hai cánh tay trai trẻ lực lưỡng, láo xược một cách vô ý thức, rồi tì cằm lên bậu cửa sổ và nói:

-Tối nay có nghĩ gì đến bọn anh không hả Thel?

Cô nhìn gã, đôi môi hé mở, không mông như trước cứ như thể bị châm. Đồng thời cô sửng sốt, phấn khích và hơi hoảng sợ.

Thelma nhìn gã. Gã trẻ hơn cô, điều nay khiến sự việc tồi tệ hơn. Song tóc gã cắt đẹp, hoe vàng. Gã có thể từng phạm tội, nhưng bằng một cách vui vẻ.

- Thế nào? - Gã tán tỉnh.

- Làm gì có chuyện, - Thelma nói, chỉ muốn quay gót bỏ đi, - Không phải bọn con trai táo tợn như cậu đâu.

Muốn diệt gã, cô tỏ ra thật nghiêm nghị, nhìn hai cánh tay gã đặt dọc theo bậu cửa sổ.

- Chà, - gã nói. - Anh không phải toàn ngựa nghèo đâu nhé. Cứ thử gãi anh mà xem. Cho em dùng đĩa đấy.

- Tôi sẽ mách ông Bourke, - Thelma nói.

Khi ấy gã bắt đầu cười cợt. Thelma có thể nhìn thấy hàm răng to oành gã.

- Không đùa đâu, - gã cười. - Anh mang cho em một lời nhắn đây này. Em sẽ trả công bao nhiêu?

- Lời nhắn kiểu gì thế? - Cô hỏi.

Cái đầu cô, dù đã cố trấn tĩnh, đã bắt đầu lắc la lắc lư đều đều, khi đánh móng tay và cẩn thận tránh nhìn bất kỳ cái gì khác. Việc đó đã trở thành một trò chơi hầu như làm Thelma thích. Cái mùi thuốc bóp và cỏ khô cứ dai dẳng khiến cô đắm khinh suất, lại thêm những tiếng kêu ré lên của con ngựa cái non đang lăn mình trên cát sau những cọc rào của sân tập.

Gã thanh niên bắt đầu cạy chất mát tít rần trong một kẽ nứt trên khung cửa sổ.

- Lời nhắn gì thế? - Thelma hỏi.

Trên bức tường nóng gã chuyển dịch sang một tư thế mới thờ ơ, lãnh đạm và bình thản.

- Từ anh của em.

- Của anh tôi à? Làm thế nào mà anh biết anh tôi?

- A! - Gã nói. - Anh gặp anh ấy ở trang trại Warwick hôm thứ Bảy.

- Không thể là anh tôi được. Anh tôi ở mãi trên miền Bắc.

- Anh ấy đã về miền Nam, hiểu không, mới gần đây thôi.

- Tôi không thể tin là anh biết anh tôi.

- Cô không phải là em gái Ray Parker à?

- Phải chứ, - Thelma nói. - Nhưng...

- Ray nói: “Bảo Thel là vài hôm nữa tao sẽ sang thăm.”

Thelma ngồi suy nghĩ. Cô, một cô gái mảnh mai trong khuôn cửa sổ, lo âu vì nghĩ rằng một chuyện gì đó có thể vượt qua ngưỡng cửa, xâm phạm vào cái riêng tư mờ ảo trong phòng mình.

- Thôi được, - gã con trai nói, - anh tưởng là em sẽ vui mừng được gặp anh trai.

- Ồ, tôi sẽ vui mừng.

Nhưng cô đẩy ghế đứng dậy, và gã con trai bắt đầu bỏ đi, cảm thấy cô gái già hơn mình. Gã là một cậu bé, thực sự, hầu như lúc nào cũng vậy, to lớn và chỉ muốn làm bộ làm tịch vì to xác. Giờ đây, về phần mình, gã chẳng biết tiếp tục thế nào, thế là gã bỏ đi, đôi giày đi cát bước qua vạt cỏ mềm dành cho trâu ăn.

Thelma Parker lo lắng. Cô vào phòng khách và ngồi lên chiếc trường kỷ bọc nhung kiểu Genoa của bà cô Lily Bourke và xem một tờ tạp chí, nhìn ngắm những bức ảnh các cô dâu và đồ nội thất. Những đỉnh cao không thể nào đạt tới khiến cô ghen thờ và cảm giác cơ thể bị hẫng hụt dẫn đến cơn co thắt đầu tiên. Cô ho và giờ lướt những trang tạp chí. Nhiều viễn tưởng rực rỡ vụt hiện rồi lại tắt. Ánh ngày tàn mang theo cái buồn ngọt ngọt của cùi dứa và thời niên thiếu. Cô đứng dậy để chuyển sang một tư thế khác để thở hít hơn, rồi ngồi bên cây dương cầm của Lily Bourke, mà sáp nến đã chảy ra trên lớp vỏ gỗ màu hạt óc chó vào buổi đồng ca lần trước. Lúc này

Thelma bấm các phím đàn. Các bản nhạc trở về với cô, với cảm xúc và thậm chí cả đôi chút tài hoa từ phòng làm việc của bà trưởng trạm bưu điện. Vôn dĩ cô có thể trở thành một nhạc công. Khi ngồi một mình, từ đôi tay cô tỏa ra một dòng âm nhạc đặc biệt. Lẽ ra Thelma đã có, hoặc vẫn sẽ có một chiếc đại dương cầm với một bình cầm đủ loại hoa và một bức ảnh cô ăn vận đầm dạ hội. Rồi một người đàn ông nào đó, chồng cô, lúc ấy gương mặt còn mờ ảo, đang bước vào và thận trọng đặt lên vai cô hai bàn tay khô cứng để khẳng định với cô niềm khâm phục của mình.

- Cháu cần phải ra ngoài mà vui chơi Thel ạ - Bà Lily Bourke nói.  
- Nhất là ở tuổi của cháu.

Bà Lily Bourke trước đó đã uống một viên aspirin rồi đi nằm, giờ đây nom sáng sủa vì mới đánh phấn và vì chất brandy bồi bổ sức khỏe bà vừa mới uống. Bà đã nghe nói hoặc đọc được ở đâu đó là con người tùy theo lứa tuổi mà có những hành vi cụ thể khác nhau, vì vậy bà đã ra lệnh như thế. Nhìn Thelma qua chứng đau nửa đầu của mình và qua bóng tối, nếu lòng nhân hậu cho phép, bà hẳn sẽ nghĩ cô thật đáng thương. Bà Lily thích những cô gái vui đùa âm ỉ triền miên trong những điệu vũ bốn người vào lúc vui vẻ và lúc thoải mái. Bản thân bà lẽ ra cũng đã tham gia nhảy nhót nếu không sợ bị ông chồng đoạ tuyệt, hơn nữa những tiêu chuẩn đạo đức của bà chẳng khích lệ những người đàn ông khác. Vì vậy bà mời khách đến nhà và vận bộ đồ xanh hoàng gia mà chơi nhạc đệm.

Lily Bourke nói:

- Khi bố của bác mở cửa hiệu ở Yuruga bao giờ cũng nườm nượp khách đến khách đi. Ba chị em bác chẳng bao giờ lúng túng.

Đó là một thị trấn nhỏ nhưng náo nhiệt. Nào những chủ trại sữa. Nào những bạn buôn của ông cụ luôn luôn ghé qua, nào bố cháu từ chỗ làm của mình tới. Ờ, bác vẫn nhớ cái đêm bố cháu đánh vỡ cái giá chậu rửa mặt. Đúng vậy.

- Nhưng cháu thấy thỏa mãn. - Thelma nói, trên chiếc trường kỷ vững chãi chứa đựng những bài ca ballad.

Cô không chơi thêm nhiều nữa, trừ mấy nốt lẻ tẻ cuối cùng, vì tiếng nhạc của cô đã mất đi chất riêng biệt.

- Nếu cháu thấy thỏa mãn, - bà Bourke vừa nói vừa rũ tung những chuỗi hạt của một cái chao đèn đã quấn vào nhau trong một bữa tiệc - thì cháu cứ thỏa mãn. Tuy nhiên, cháu phải cẩn thận, ai mà lường hết được, trừ phi cháu đã thử hết các con đường.

Rồi bà ra ngoài đun trà. Tối hôm ấy bà có một miếng thịt ngon, có một viên mỡ vừa đủ lóng nhòn miếng thịt tươi ngon. Bởi vì rõ ràng cánh đàn ông phải ăn thịt.

Đêm hôm ấy Thelma Parker chỉ ăn nhỏ nhẹ một chút, rồi suốt mấy ngày sau cô bỏ ăn. Cô băn khoăn không biết có nên viết thư kể với mẹ là Ray giờ đây đang ở trong thành phố không. Tuy nhiên cô đã không viết vì lúng túng không biết nói năng thế nào, thế rồi Ray đến.

- Cháu là Ray Parker. - Nó nói trên bậc cửa.

- Vậy hả, - bà Bourke nói, - bác chẳng rõ cháu giống bố hay giống mẹ nhỉ? Em gái cháu sẽ mừng lắm, nó vừa về nhà đây và



chắc chắn sẽ mời cháu ở lại ăn một món gì đó. Như cháu thấy đấy, bác sắp sửa ra phố mà.

Thực tế bà đang níu chặt gã con trai bằng hai bàn tay nhỏ nhắn mà bà rất lấy làm tự hào.

- Nếu không tiện thì... - nó bắt đầu nói.

Nó là một thanh niên có vẻ mặt phóng khoáng và cởi mở, nước da sáng sủa khiến người ta dễ tin tưởng. Nó đang ngẩng nhìn bằng cái vẻ tin cậy vẫn dành cho những người không có quan hệ gần gũi với mình.

- Nếu không thuận tiện, - nó nói - cháu có thể trở lại lần khác. Bác là bác Lil ạ? - Nó hỏi, điểm một nụ cười thăm dò, một nét duyên thô lỗ nhưng hơi có vẻ dày dặn.

- Bác là chỗ bà con, - bà Bourke thừa nhận.

- Bố cháu nói về bác luôn, - Nó nói.

-Ồ, - bà cười tin lời nó vì người ta vẫn bảo bà thế. - Nói chuyện về ngày xưa thật thú vị.

Lẽ ra nó có thể ca tụng sắc đẹp của bà để lấy lòng nhưng bà lại béo và xấu xí.

Thelma gặp anh trai ở phòng khách. Hai anh em ngồi trên chiếc tràng kỷ của gia đình Bourke, cảm thấy được độ nhún của nó trong những phút yên lặng, thấy lớp độn lông đuôi ngựa phình ra và những tiếng sột soạt của lớp nhung Genoa. Thelma ước mong Ray

sẽ bỏ đi sớm, tất cả họ hàng bà con cô sẽ để mặc cô suy tư về lợi ích cao hơn của bản thân mình. Song Ray còn phải kể cho cô nghe về nó. Có vẻ như nó sẽ lưu lại Sydney. Nó có công việc làm ăn với một tay bán vé cá cược đua ngựa, như một viên thư ký của y. Tiền kiếm được không đến nỗi tồi. Thế mà nó còn đắn đo suy nghĩ.

Thelma lần tìm đường viên trên chiếc tràng kỷ phòng khách.

- Từ trước đến nay lúc nào mà cũng căm ghét tao Thel ạ. - Nó vừa nói vừa châm một điếu thuốc, đầy điệu nghệ.

Vì trước giờ, chưa hề thấy Ray biểu diễn như thế Thelma thấy tức giận, như thể nó đã đánh cắp động tác đó của một người nào khác.

Đưa em gái đột ngột thay đổi tư thế, co hai đầu gối lên và đặt hai bàn chân thanh nhã vào với nhau rồi nói:

- Em không căm ghét anh.

- Có lẽ chính là quyển nhật ký kia nó ghét.

Nó thở một hơi khói dài.

- Xì, - cô gái nói. - Em đã quên chuyện đó rồi. Những chuyện vớ vẩn người ta viết vào nhật ký khi còn là con nít.

Song, qua làn khói lan tỏa và ký ức, Ray nhớ lại một điều kỳ cục, niềm say mê của bản thân nó đối với anh chàng Hy Lạp.

- Vài người, - gã nói - không thích mày biết quá nhiều về họ.

- Anh biết gì về em nào? Anh chẳng biết gì hết, chẳng gì hết. Chúng mình thậm chí có thể chẳng liên quan gì với nhau, ngoại trừ cái việc là anh em...

Khả năng đưa nọ biết chút gì về đứa kia vừa có thể có, lại vừa không chắc chắn, bởi hai đứa cứ nhìn nhau trong phòng khách, hoặc phòng chờ, điều đó chỉ duy trì một kiểu liên kết khó chịu. Hoặc thậm chí có thể dưới làn quần áo chúng đã chọn mặc, chúng biết về bản thân mình, biết phải tiến lùi theo cách nào. Tình trạng không xác thực bắt đầu khiến gã trai trẻ bồn chồn. Nó đứng dậy đi loang quanh, vừa đi vừa sờ mó các món đồ trang trí và nhìn vào những hòm xiềng. Song đứa con gái chỉ đan hai bàn tay vào nhau chặt hơn trên đầu gối, nắm chặt cái khăn mùi soa ấm nóng đã vo tròn.

- Mà mày nghĩ rằng mày sẽ chết dí mãi nơi đây à? - Thằng anh hỏi, chẳng quan tâm lắm đến câu trả lời.

- Cố nhiên, - con em trả lời.

Cô vẫn còn có thể cảm thấy phần nộ nếu bị gợi ý là sẽ không hoàn thành được điều đã dự định.

Nhưng thằng anh muốn nói về cái nơi hai đứa đã cùng sống với nhau.

- Mày nhớ anh em nhà Quigley chứ? - Nó hỏi.

- Từ trước em không nghĩ đến họ, - con em trả lời lạnh nhạt. - Nhưng em không quên.

Cô không muốn bị kéo về quá khứ.

- Đưa con gái thật xấu xa nanh nọc, - Ray nói. - Cái cục bươu cổ ấy.

Nó thấy ghê tởm nhưng lại buồn rầu.

- Nhưng luôn sạch sẽ đấy, - nó nói. - Mà có thể thấy nó lau chùi cái bàn đến vết đi một nửa. Tao nhớ chị em nó có cái đuôi chim trĩ cắm trong một cái bình trên mặt lò sưởi. Tao bảo tao sẽ đổi sáu quả trứng chim chào mào đỏ cho thằng em khùng nếu nó chịu để tao lấy cái đuôi chim. Và nó đồng ý. Nhưng tao không đem trứng đến. Nó khóc om lên.

- Sao anh lại lừa nó? - Cô gái hỏi, giọng thờ ơ.

- Tao không biết, - nó nói. - Tao muốn có cái đuôi ấy, mà tao lại không có trứng chim.

Theo cách hiểu ấy, và bằng tiếng cười khá vui vẻ của nó, sự việc dường như hợp lý. Đến nỗi đưa em gái lại quay đầu sang một bên. Cô không muốn nhìn thấy cái bàn đơn sơ của Doll Quigley, bởi vì với sự hiện diện của cái bàn ấy cô cảm cũng bị nghi ngờ. Những việc không lương thiện của cô trong quá khứ mà cô vẫn phạm phải đang quay cuồng trong cô.

- Em nghĩ rằng sẽ không có đủ thức ăn cho mọi người, - cô nói để thằng anh bỏ đi.

Nhưng gã thanh niên, vì đã khiến được em gái chia sẻ tội lỗi thời thơ ấu, lại khao khát có cô bầu bạn. Nó có cảm giác cuối cùng một thực tế nhất định đã được xác lập giữa chúng. Vì vậy nó không muốn để tuột mất điều đó, và nói:

- Không hề gì. Tao có đến đây để ăn đâu.

Ray quên khuấy hẳn là mình đã đến vì mục đích đó.

Ngay sau đó, Horrie Bourke cũng vào phòng và phải gặp gã thanh niên, người bà con của mình.

- Cháu là một anh chàng bảnh trai, - ông Horrie vừa nói vừa đặt cánh tay trong ống tay áo sơ mi có cái băng bằng kim loại đàn hồi khoác vai gã thanh niên. - Một anh chàng bảnh trai. Một anh chàng mà bố cháu có thể tự hào.

Khi ông Horrie đã tin chắc, bao giờ cũng có một giọt nhỏ nước dãi xuất hiện ở mép và bắt đầu chảy xuống theo một nếp nhăn. Ông là một ông già vô vị về một vài khía cạnh, nhưng tốt bụng. Ông thường khóc nếu những con ngựa của mình làm việc quá sức, rồi cứ để nước dãi chảy ròng ròng mà chỉ dẫn đám người trông nom chuồng ngựa, cuối cùng vớ lấy chai thuốc bóp, gắn bó số phận mình với cái cẳng chân bị thương, chịu nhiều đau đớn khi bàn tay ông run rẩy trên miếng băng hoặc khớp xương.

Giờ đây, để tỏ ra trọng vọng, ông muốn phô bày phần hòa ái và dễ tổn thương nhất của mình, kể cho Ray Parker nghe về những con ngựa. Ông vẫn đứng, cánh tay khoác trên bờ vai gã thanh niên, ở một tư thế nếu không phải là do câu nệ thì hẳn là vì chứng thoát vị bắt buộc. Khi hiểu Ray Parker thêm chút đỉnh nữa là ông sẽ kể nó nghe về chứng thoát vị của mình. Trước kia Horrie có lẽ cũng muốn có con. Giờ đây ông đang khoản đãi Ray như con mình, những thổ lộ thắm kín đầy tình cảm và kể cả chứng thoát vị. Đương nhiên điều đó đặt gã thanh niên không phải là con ông kia vào một tình thế khó

xử. Bị buộc phải tán thưởng, nó muốn cư xử như một đứa con nhưng không được, điều đó khiến nó biểu hiện một thoáng ác ý, biểu hiện mà lẽ ra nó đã phải có, nhưng bình thường hiếm gặp. Tuy nhiên, ông huấn luyện ngựa quá là vui vẻ nên chẳng để ý bất kỳ điều gì ngoài cái điều ông muốn.

- Lạy Chúa, - Thelma nói.

Bởi chú Horrie đã bắt đầu kể cho Ray nghe về một cuộc đua ngựa.

- Khi Don Antonio đã vượt qua vài trăm mét, - ông nói, - hoặc có lẽ không xa đến thế, con Harcourt sắp sửa đuổi kịp, và con Cantaloup, à không, chính con Phù Thủy của Georgie Abbott đã làm một chuyện nực cười. Lúc ấy chú không nói gì nhiều, nhưng chú nhìn thấy cả, và chú nhớ thằm trong óc, hiểu chứ. Chú thấy Georgie ngó nghiêng hai bên, có vẻ như thế, và thả khuỷu tay trái của y xuống. Chú bảo đó là một mảnh lới buồn cười. Chú nói với Cec Docker, Cec đang đứng ở đấy, lão già tội nghiệp đó năm sau đã chết vì một khối u. Chú nhớ là đã bảo Cec: “Ông có nhìn thấy cái điều tôi đã thấy không, ông Cec?” “Ô, Horrie,” lão ta nói, “điều đó tùy thuộc vào cái ông đã nhìn thấy.” Bởi vì Cec thận trọng để sợ. Lão ta là cái mà người ta gọi là một tay tử tế thứ thiệt. Còn con Harcourt cứ ngày một áp sát, và con Cantaloup à không, chính con Phù Thủy...

Khi ấy Lily Bourke bước vào. Bà đã cởi bỏ chiếc áo lông cáo và trang điểm qua loa bộ mặt trong phòng ngủ, rồi hai ông bà sẽ mở hai chai bia đen, bà bảo thế, làm một buổi liên hoan nhỏ mừng con trai của Stan, và theo Thelma nghĩ, có một khoanh thịt bò, nửa con gà ở

ngăn dưới cùng tủ lạnh, chăm chăm nhìn nó nếu nó mở cánh cửa tủ ra.

Ông bà Bourke rất hài lòng với thằng Ray. Họ hau háu nhìn nó, thèm khát tuổi trẻ của nó, khi vặt xương từ món thịt gà nguội ngát và nhai những mảnh da màu nâu. Hai ông bà nài nỉ nó kể cho nghe những mẩu chuyện vặt.

Ray bối rối. Nó ngượng ngập nhìn vào cái cốc đầy bia của mình. Nó kể cho họ nghe một, hai câu chuyện. Hiển nhiên nó đã bắt đầu thấy thích nói chuyện về ngựa nghèo với ông già nhất. Nó hỏi Horrie về khả năng đoạt Cúp Vàng của con Eggcup. Ông già, môi đã bóng nhẫy vì một đĩa đầy thịt mỡ vàng điểm một lát thịt bò đỏ và nửa củ hành tây muối, nhìn miếng bánh mì ông đang cắt ra để ăn và thừa nhận rằng khả năng đó của con Eggcup là khá tốt.

Khi Ray ra về vợ chồng nhà Bourke mong nó trở lại lần nữa. Mà nó trở lại thật. Nó đến khá thường xuyên. Cả ba người bọn họ hầu như quện chặt lấy nhau trong một mối quan hệ mới mẻ, kích thích và gần như nồng nhiệt.

- Anh cháu chẳng giống như hai bác hình dung chút nào, - Lily Bourke nhận xét với Thelma. - Bố cháu bao giờ cũng chậm chạp. Ô, cả nhà bác đều mến Stan. Nhưng cậu ấy chậm chạp quá, chính là mẹ cháu đã lấy bố cháu, cả nhà bác đã bảo thế.

- Thực khó mà bảo Ray là người thế nào, - Thelma nói. - Cháu cảm thấy là cháu biết. Cháu không thể nói được. Cháu bị thành kiến vì là em anh ấy, cháu nghĩ thế.

- Cháu là một cô gái buồn cười thật, Thelma ạ, - Lily nói.

Trong thời gian sự việc đó xảy ra Thelma vẫn tiếp tục làm công tại văn phòng hãng tàu biển, ở đấy người ta ghét cô, tuy cũng kính nể. Không cô nào làm việc xuất sắc hơn Thelma. Nếu cô Halloran bận một công việc gì, như cô ta vẫn thường xuyên thế, ông chủ thường gọi cô Parker vào và đọc cho cô đánh máy một bức thư. Cô thường đánh một mạch, giật mạnh khỏi chiếc máy chữ và thế là tờ giấy lạnh ngắt đã nằm gọn trong cái khay của ông Fulbright trước khi ông đặt điện thoại xuống. Nhưng cô không thích trêu đùa.

Rồi, bỗng nhiên Thelma Parker bỏ hãng tàu biển, nơi cô đang thăng tiến, và làm cho một cố vấn luật pháp với đồng lương thấp hơn. Cô không thể giải thích một cách thuyết phục tại sao mình làm như vậy mà chỉ nói rằng sự việc phải thế. Có lẽ cô được xoa dịu bởi cái vẻ cẩn trọng và không bó buộc thời gian. Nhiều người trong số các khách hàng phụ nữ mặc áo lông thú, đeo hạt trai, họ được các ông chồng dẫn ra ngoài với những ước hiệu thân tình kín đáo và quan hệ xã giao, và những cái bắt tay thờ ơ.

Trong hoàn cảnh ấy, cuộc sống của cô ở gia đình nhà Bourke trở nên ngày càng khó chịu. Nào những mùi khai từ các chuồng ngựa chọi với mùi nước oải hương mà cô dùng thoa hai bàn tay dài của mình, nào những con ngựa trùm đầu len lén đi ra ngoài một cách đơn điệu, hoặc được những người đàn ông có tuổi đầu tóc bù xù dất, hoặc do những chú thiếu niên cưỡi, lưng khom khom ra dáng ta đây có trách nhiệm. Những cái đó chẳng liên quan gì đến Thelma Parker và cô cũng chẳng bận tâm, song chúng vẫn hiện hữu. Nào những hình thù thô lỗ của đám đàn ông, những kẻ nhỏ nước bọt qua



kẽ những chiếc răng vàng khè. Nào những cậu trai hay đánh lộn, như cậu Curly, cái cậu hôm nào đã nói chuyện khi mà cậu ta trong khoảnh khắc trở thành người đưa tin.

Ray đôi khi đến thăm Curly. Gã là bạn nó, hình như thế. Tại chuồng ngựa, Ray đã cởi ca-vát ra cho thoải mái, vắt lên vai Curly và chúng nghiên cứu phụ chương của tờ báo Chủ nhật; chúng chia sẻ với nhau những chuyện thầm kín, đôi khi nghiêm chỉnh, đôi khi dâm dật, với mẫu kịch câm có sự tham gia của cơ thể. Đôi khi, vào một chiều thứ Bảy buồn tẻ, nền gạch nóng như nung và những con mèo lim dim ngủ. Ray thường vật nhau với Curly trên một cái cồng cũ lợp vải bao tải trong phòng đóng yên ngựa, như đã từng vật nhau với anh chàng Hy Lạp, đến lượt mình, cậu thanh niên kia khóa chặt gã con trai, gã thường vùng vẫy và cuối cùng thét lên, muốn thoát khỏi cảnh nhục nhã về sự yếu ớt của bản thân mình. Tuy nhiên, trước đó, cô gái vẫn bận rộn với những nghi thức bí ẩn bên cửa sổ, thường đã kéo rèm xuống. Nỗi giận và tính ưu việt của cô muốn được âm ỉ trong bóng tối màu nâu mỏng manh kia hơn, nơi một con nhặng xanh cũng không thể nào ra khỏi được.

Đôi khi Thelma đi dự các buổi hòa nhạc một mình. Âm nhạc của cô không tiến bộ, vừa do tính lãnh đạm vừa do sợ hậu quả, đối với cô là một nỗi buồn, mà cô vẫn thích theo đuổi. Đợt sóng âm nhạc đã gieo vào lòng cô những nốt buồn tê tái và chạnh lòng. Cô uống no nê những tiếng vĩ cầm.

Một lần, trên đường phố vào buổi tối, cô gặp Genevieve Johnstone, cô bạn không được chỉnh tề như trước nhưng lại vui vẻ và dễ chịu khi thấy Thelma, còn Thelma thì chí ít cũng ngạc nhiên.

Trong lúc cùng ăn món thịt hầm sốt rưới nước hàng và bí luộc, Genevieve bảo Thelma là nó từng phải nạo thai vì một gã đàn ông đã có vợ mà nó quen biết ở Wentworth Falls. Thelma dùng đĩa khoảng món nước thịt rất khéo. Hầu như cô chẳng nghe gì cả. Còn Genevieve thì cứ kể.

Rồi từ, Thelma với về ưu việt hơn câu chuyện thất bại ấy, nói:

- Mình đang trên đường đi dự một buổi hòa nhạc đây, Genevieve ạ. Sao cậu không đi với mình? Âm nhạc sẽ làm cậu khuây khỏa.

- Nhạc cổ điển không phải là sở thích của mình. - Genevieve nói, hơi lưỡng lự. - Nhưng đó là một cách tiêu khiển cho hết buổi tối, mình nghĩ thế. Nếu như vé rẻ.

Thế là hai cô gái nghe nhạc, hoặc Genevieve thì ngồi còn Thelma thì bay bổng; cô có thể vươn tới những đỉnh rất cao, vượt lên trên sự thờ ơ của bạn mình. Sự bay lượn của bản thân cô hầu như tùy thuộc vào khúc nhạc tuyệt vời của những cây vĩ cầm kia. Vì vậy, cô hết sức để tâm theo dõi. Đường mòn bất tận nhưng mê ly ấy của cô dẫn đến một nơi nào đó. Cuộc sống riêng của cô, trên các tàu điện và trong các văn phòng, lúc đánh bóng móng tay, khi nhìn vào những cốc nước trà mà bói tương lai, cũng không kém phần rõ nét. Chỉ có những nốt nhạc nhỏ long lanh như ngọc trai lắc rắc trên con đường trước vực thẳm tối tăm. Đó chính là Ray, Thelma thú nhận, ta không được nghĩ đến Ray. Cô thận trọng bước dọc cái cầu làm bằng những thanh gỗ mảnh, còng queo. Trên mảnh ruộng buồn tẻ kia, lờm chờm những chân rạ tùm lum và đám dương xỉ, chính bà mẹ và ông bố lại trở nên đậm nét. Họ thật là mộc mạc và tẻ ngắt biết

bao, đặc biệt là ông bố khi giải thích về tác dụng của hàng rào hay về tật bệnh của lũ bò.

Đây là một đoạn mà mình phải tập trung chú ý, Thelma vừa thầm nói vừa bắt chéo chân, hơi ngả người về phía trước. Đôi khi cô đâm hoảng vì những cái khó của âm nhạc. Nhưng chính do tập trung chú ý mà cô được những người đàn ông thượng lưu đánh giá cao. Giờ đây không một nhạc khí bộ gõ nào có thể khiến cô từ bỏ. Không một niềm hân hoan nào của con bạn nhem nhuốc, mồm cứ khoan khoái nhắc lại những điệu nhạc ở những đoạn nghe rõ kia. Những chiếc kèn co phát ra mệnh lệnh đối với những phụ nữ tự nguyện. Bản thân cô, theo kiểu bất đắc dĩ của mình, cũng thích những điệu bộ lăm liệt của những chiếc kèn đồng và của một vài gã đàn ông, nếu đôi tay họ được giữ thật gọn và thật kiềm chế. Cô mang những tách trà pha sữa rồi lẳng lẳng bỏ đó để nghe tiếng những cây kèn ô-boa tuôn chảy.

Kết cấu của bản nhạc không thể nào bị hủy diệt, có chăng là cái mục đích của nó. Thelma Parker lang thang dưới vòm âm nhạc, chân vận đôi giày đẹp nhất của mình. Hãy kiếm một căn phòng ở đâu đó, cô nói, có bốn bức tường vững chãi, và có thể sử dụng bếp. Tiếng chan chát từ đôi giày chính bản thân cô đi không hủy diệt được nỗi niềm riêng tư. Thế là cô trèo lên cao hơn nữa, lúc này bước chân đã vững vàng: có thể lần theo những khúc lượn dù lối đi có phức tạp đến đâu, thậm chí xoắn ốc gấp bội, nơi đó có đặt những tấm gương nhỏ phản chiếu quá khứ về những bông hồng và phân gà vịt, thậm chí cả cái gương vỡ trong đó bộ mặt óng ánh như bạc của cô vụn ra, nhưng lại nhanh chóng được đẩy vào phía sau cái sân khấu tẻ nhạt của tiếng sáo gỗ. Chà, cô hít một hơi không khí

qua kẽ răng, cài những món tóc nóng hổi ra sau tai, rồi nó hiện ra. Xa hơn chút nữa, phía bên kia một bụi diển trang trọng, cao hơn một chút, quả chuông chiến thắng đang run rẩy. Cô rướn người lên, cao đến nỗi bộ ngực cô biến mất, và tự tay mình đặt vòng hoa.

- Hết rồi à? - Genevieve hỏi, đối với nó chẳng có lý do gì để vỗ tay.

- Ừ, - Thelma nói, trở lại con người thực tại của mình.

Sau khi họ đã bị đẩy ra ngoài đường phố ẩm ướt, Genevieve nói:

- Nãy giờ cậu đã nghĩ gì khi nghe cái loại âm nhạc ấy, nếu như cậu có nghe?

- Đúng ra là mình chẳng nghĩ - Thelma chậm rãi trả lời - mà sống với nó.

- Mình không sống theo kiểu ấy. Không giống như kiểu ấy - Genevieve nói. - Ôi, cậu sâu sắc quá!

Thelma vui thích, nhưng cũng quá lúng túng nên không trả lời được. Cô không có kinh nghiệm và lượng bao dung của tình bạn, vì thế lời nói, hay một cử chỉ có thể khiến cô trở nên cứng nhắc. Bởi vì Genevieve đã nắm lấy cánh tay nàng.

- Đằng kia có một anh chàng chơi vĩ cầm - Genevieve nói. - Có thể cậu đã nhìn thấy anh ta rồi, tóc rẽ ngôi giữa ấy mà. Mình nhớ có lần đã gặp anh ta trên một chuyến phà. Anh ta từ Manly đến. Phải rồi, hôm ấy thời tiết rất xấu. Anh chàng thật là cừ, nếu đúng đó là

anh ta. Nhưng làm gì được? Biển động là một chuyện. Mà lại mang theo một hộp đàn vĩ cầm đẹp tuyệt vời nữa.

Các khả năng được gieo mầm vào ban đêm trên những đường phố ẩm ướt và trong sương mù màu đỏ tía.

- Sếp của cậu có tốt không, Thelma? - Genevieve hỏi. - Ông ta đã già chưa? Các cố vấn pháp luật mình biết đều già cả. Mặc dù hẳn họ đã từng có lúc trẻ.

- Họ cũng được - Thelma nói. - Một người đã già rồi. Mỗi lần đau lưng thì ông không đến. Người kia thì ít tuổi hơn, nhưng không còn trẻ nữa. Ông Forsdyke. Ông ta hơi hói. Nhưng không đến nổi.

Tàu điện đang tiến đến.

- Nói tiếp đi - Genevieve nói.

- Gì? - Thelma nói. - Thật đấy, chẳng còn gì để nói nữa.

- Mình mà làm việc với các ông cố vấn pháp luật thì mình sợ lắm. Họ nói chuyện buồn cười lắm.

Thelma rúc rích cười.

- Lão ta có cái kiểu ưỡn bụng lên - Thelma nói. - Hễ cứ nói chuyện là ưỡn bụng lên, rồi để nó xẹp xuống.

Cô cười vang.

- Thế lão ta có bụng à? - Genevieve cũng cười vang.

- Có, đúng thế. - Thelma lại cười. - Nhưng không to lắm. Lão ưỡn lên cái lão có, mình định nói như vậy. Ôi!

- Ông cố vấn pháp luật bụng bự - Genevieve rít lên.

Hai cô gái đứng đưa người ở trạm chờ tàu điện, không đứng thẳng người được. Họ cọ sát nhau trong ánh sáng tím tím. Một vài người đàn ông đi qua, tay hút túi quần, ngắm nhìn, khạc nhổ, rồi đi tiếp. Hai cô gái cười.

Có lẽ đây là cuộc sống chẳng? Thelma tự hỏi, chịu ảnh hưởng của ngôn từ và tiếp xúc. Nhưng cô lập tức cảm thấy khó chịu, giằng người khỏi Genevieve đang thờ hờn hển, rồi ngừng cười.

- Mình định đi tìm một căn phòng ở đâu đấy - cô nói khá thô bạo - hay là một căn hộ, hay một cái gì đó. Mình không thể ở chỗ này mãi được.

- Còn mình thì mình không thích sống trong một căn phòng. - Genevieve nói. - Cậu có thể bị đánh đập. Thậm chí bị giết. Bởi một người đàn ông nào đó.

- Nếu cậu cần phải có một người đàn ông - Thelma nói.

- Nhưng mà cậu cần phải có.

- Mình hài lòng với một căn phòng, và một cánh cửa. - Thelma nói. Biết rõ là không phải lúc nào mình cũng lạnh lùng như thế, nhưng lại muốn nói dối, vì cần phải như thế.

- Tàu điện của mình đến rồi. - Cô nói. Và cảm thấy vui sướng.

- Hay là cậu kết quách với cái lão cổ vấn pháp luật kia đi, - Genevieve thét lên. - Chính thức đi. Cái lão ưỡn bụng ấy.

Lúc này Thelma đã vào sâu trong tàu điện. Cô có thể nhìn xuống với vẻ thờ ơ lãnh đạm vào khuôn mặt tím tím của Genevieve. Các làn sóng tím tím lờ mờ cuốn cô xuống, trong khi Thelma tiếp tục đi, chẳng hề thương xót cô bạn chút nào, và còn bắn khoản không hiểu sao mình lại kết bạn được. Đưa đồng xu lạnh lẽo cho người bán vé, cô cảm thấy như mình đang mua sự tự do. Cô khát khao điều ấy, như hầu hết đàn ông, hơn bất kì điều gì, trong khi vẫn còn mơ hồ về bản chất của nó. Cô cũng muốn hỏi một người nào đó. Nhưng ai mới được? Bố mẹ thì không được rồi.

Chẳng ai lại đi hỏi bố mẹ cả. Có lẽ Ray đã mua nó nhưng cái giá phải trả là bao nhiêu thì cô chẳng biết.

Một lần Ray mua cho cô một đôi bút tất lụa. Hắn mở cửa và ném qua tấm thảm, rồi chúng nằm đấy, méo mó, không thể tách rời khỏi tình cảm của cô đối với Ray.

“Này” gã nói, nhìn qua khuôn cửa hé mở, “quà cho mày đấy.”

Hắn đợi một lúc xem cô có nhận không. Cô không tỏ ra dấu hiệu gì cả khi hắn ra đi, nhưng gương mặt của hắn cho thấy hắn tin khá chắc là cô sẽ nhận. Và cô đã nhặt đôi bút tất lên khỏi thảm một cách tội lỗi, gấp lại trên bàn tay. Cô cất nó trong ngăn kéo, rồi mang ra dùng, cố quên, và cuối cùng đã quên rằng đó là quà tặng của thằng anh.

Chẳng rõ Ray có ý định gì khi tặng cô đôi bút tất. Chắc chắn đó là món nợ hẩn chuẩn bị sẵn cho tương lai, vì nói chung hẩn thường tặng quà theo tinh thần ấy, nhưng có phải còn do sự thôi thúc của tình anh em hay không thì hẩn không chắc lắm. Hẩn cũng muốn có một loại quan hệ không chê trách được với một con người nào đấy. Hẩn cũng muốn ngồi xuống chuyện trò với một ai đó về những điều bình thường, tinh khiết như trang giấy, mà cần thiết phải nói. Không thể làm điều đó đối với bố mẹ được, cũng giống như đối với những cái mở nút chai. Mẹ hẩn chắc chắn sẽ tìm cách đi sâu vào, hy vọng rút ra được một cái gì đó. Không thể làm như thế với gia đình Bourke được, vì họ là những đứa trẻ già nua của cuộc đời. Không thể thế đối với bạn bè hay đồng sự được, vì họ luôn luôn chờ đợi hẩn hành động theo những cách thức đã định trước. Vì thế chỉ còn Thelma. Nếu trong khoảnh khắc hai người có thể chống cự được những dòng chảy riêng biệt đang mang họ đi, thì hai người đã có thể có một mối quan hệ tiêu cực mà hẩn cảm thấy cần thiết.

Dạo ấy Ray vẫn còn qua lại với Bernie Abrahams, tay bán vé cá ngựa chưa ai từng gặp, bởi vì Bourke không tham gia đánh cá ngựa. Trong bọn Ray chẳng ai tìm được cách thức tiếp cận gia đình Bourke. Lily vạch ranh giới. Bà cũng lo sợ cho số châu báu của bà, vì bà có một số châu báu thiệt trong mớ đồ giả. Tuy thế còn có Curly, người mà ai cũng biết là bạn thân của Ray, quê ở Bundaberg họ biết thế và chẳng gì nữa. Ray sống ở nơi nào đó bên trên một cửa hiệu hoa quả. Cũng có nói chuyện về một vài người Ý, và hai cô gái Ý, hai chị em, hình như thế. Ray mang đến cho gia đình Bourke những túi giấy đựng đầy táo, những quả táo to, nhợt nhạt hay màu tím mọng, hoặc một quả dứa thò đầu ra ở miệng túi.



Horrie hài lòng, như một đứa bé, nhưng Lily ít hài lòng hơn, bà vừa có thời gian hồi phục lại chút ít sau tình cảm của mình.

- Cậu bé quá tốt đối với chúng ta - Lily nói, nheo mắt lại. - Tại sao cậu bé lại tốt bụng đến thế?

- Kìa, thế thì sai ở chỗ nào? - Horrie hỏi, vừa gọt táo. - Cậu bé ấy xa nhà, nhớ bố, nhớ mẹ.

Thelma đã vào trong phòng tìm kiếm đồ vật gì đó, và lại đi ra với sự thận trọng lặng lẽ mà cô thường vận dụng trong ngôi nhà ấy. Cô đang đi qua cuộc đời họ.

- Horrie à, mình nói đúng đấy, - Lily nói. - Chúng ta không nên bàn về cậu bé như thế. Nhất là trước mặt cô em gái cậu ta. Stan sẽ nói thế nào đây?

Nhưng Thelma không bình luận gì cả.

Thật là những chuyện ghi chép về cuộc sống đáng hối tiếc của những người khác. Cô phải tìm cho ra căn phòng, có cả nhà bếp. Cho đến lúc đó cô phớt lờ tất cả.

Thế là mấy con ngựa tiếp tục lên ra ngoài. Buổi sớm tinh mơ khi nàng chải đầu, và những ngày Chủ nhật khi nàng ngồi trong phòng, những bóng dáng như thầy tu của chúng lọc cọc chạy qua con đường rải nhựa và những cánh cổng bằng gỗ. Đàn ông và trẻ con bàn tán về một cuộc hội họp lớn nào đó, mà bây giờ đang được sửa soạn. Đó là câu chuyện bí truyền về cân nặng và khung xương, về tỉ lệ tiền cược và bước kiệu, thứ mà con gái không lắng nghe, trừ phi có những đoạn lọt vào tai và không thể nào tránh khỏi được ghi

lại. Con Malabar đã bỏ cuộc. Con Eggcup chắc chắn sẽ thắng, họ nói, một cơ hội lớn cho Horrie Bourke. Cô vừa chải đầu vừa nghĩ rằng những vấn đề ấy khác biệt biết bao so với những nguyện vọng của bản thân mình.

Trong khi ăn những quả trứng lòng đào vào bữa điểm tâm, người huấn luyện viên già run lên về tầm quan trọng của cuộc đua này. Thế rồi trong giây lát cô gái không cảm thấy những nỗi thống thiết của cuộc sống mong manh của con người là nỗi thống thiết của bản thân mình trong sự cô lập và tầm thường tương tự. Chiếc sọ của ông già mỏng manh như một cái vỏ trứng đang chờ vỡ tan dưới một cú đấm một kẻ nào đó, không phải ngay bây giờ, mà một lúc nào đó. Và chiếc áo cánh của cô không che nổi đôi vai. Cô tự làm bỏng mình khi rót nước trà đỏ nóng từ trên cao, và cắn môi, rồi hỏi:

- Khi nào đua?

- Gì cơ? - Ông ta nói, vẻ nghi ngờ. - Đua ngựa à? Hôm nay là thứ Bảy mà.

Sửng sốt vì phát hiện ra là mình có thể không tồn tại, ông vét chỗ mút, rồi mở ra và ngậm miệng một vài lần.

- Anh trai của cháu đâu? - Ông hỏi cô gái, người mà ông bắt đầu nghĩ đến, nghĩ về cảnh sống bắt buộc của cô ta, giam mình trong phòng, chắc chắn cùng trong một ngôi nhà. - Chúng ta chưa gặp cậu ấy từ bao giờ chẳng biết nữa.

- Cháu không biết Ray ở đâu cả. - Cô nói - Chẳng bao giờ anh ấy nói cho cháu biết công việc làm ăn của anh ấy.

Cô cũng chẳng nom thấy hắn, cô nhận ra điều này với sự hài lòng hay ngờ vực, thậm chí không ở trong sân với Curly. Curly ở đấy, nhưng cô ít để ý tới. Anh ta đi rón rén hơn. Đôi lúc anh nom rất nghiêm trang. Anh ta đã trải qua nhiều chuyện, và chỉ là một đứa bé ở nơi này. Anh huyết sáo, nhưng thường im lặng nhiều hơn. Quả tình là cô sẽ không để ý đến Curly nếu Ray không thổi sự sống vào tứ chi cho anh ta.

Cứ thế cô thắc mắc tại sao Ray không đến, hôm ấy là thứ Bảy, ngày đua ngựa, mà Horrie Bourke thì sống vì cuộc đua ấy.

Ngày hôm đó Thelma không đến cuộc đua. Cô không đi bởi vì khi ngôi nhà chết thì cô lại sống. Cô thường cởi áo ngoài, ứng biến vài nốt nhạc trên chiếc dương cầm bằng gỗ óc chó, hay ghi nhật ký và pha trà. Hôm ấy, cô nằm duỗi trên chiếc đi văng ở phòng khách trong tư thế xa hoa và buông thả, điều này xa lạ đối với bản tính nghiêm cẩn của cô, nhưng bây giờ lại mang tính chất bản năng vì cô đang tập sống một cách sâu sắc và riêng tư, một cuộc sống mà sau này cô sẽ sống, vừa là do lựa chọn, mà cũng vừa là một điều không thể tránh khỏi, cô tin như vậy.

Vừa lúc đó Bourke phu nhân vào phòng.

Lily Bourke loay hoay mãi không cắm chìa khóa vào được. Hoặc giả bà cố sức vặn ra. Bà là nạn nhân của những chiếc cốc-xê và bất cứ điều gì đã xảy ra.

- Thelma à, bác sẽ bảo cháu biết, - Lily nói - nhưng trước tiên bác phải nằm xuống cái đã.

Thế là Thelma chờ đợi, trong chiếc áo khoác ngoài nàng vừa choàng lên, thâm tâm rất lo ngại vì nàng vẫn tránh tất cả những sự việc sôi nổi, và đây chắc là một sự việc như thế, bởi Lily Bourke đang tối sầm mặt mũi. Cái đầu con cáo nhìn chăm chăm từ trên ghế.

- Đúng là một ngày tàn nhẫn - cuối cùng Lily Bourke nói, bà đang nằm thẳng đuột chỉ có xi-líp và bút tất trên người - Thelma ạ, bác sẽ nói cho cháu rõ việc gì đã xảy ra.

Do vậy Thelma lắng nghe, và mãi tận khuya, sau khi suy ngẫm, nàng đã viết lá thư này cho mẹ cô.

*Mẹ thân yêu.*

*Con viết thư này để kể cho mẹ nghe những gì đã xảy ra ở đây. Nó đã được đưa lên báo, vì thế mẹ sẽ cần phải biết, do con kể lại thì hơn là một người bạn tốt bụng nào. Mẹ ơi, đó là chuyện Ray. Anh ấy đang dính vào một vụ bê bối cá ngựa. Anh ấy có dính vào, nhưng cũng không hẳn vậy, nghĩa là người ta không thể gán chuyện đó cho anh ấy. Nhưng theo người ta nói thì đã khá rõ ràng. Mẹ biết đấy, đối với anh Ray thì chỉ có thể là cảm tính thôi, chẳng bao giờ có chứng cứ cả.*

*Dẫu sao, có thể mẹ đã nghe nói về cuộc đua lớn tên là Cúp Vàng ấy, được tổ chức hôm nay, và con ngựa Eggcup của ông Bourke thế nào cũng đoạt giải. Song lại chẳng được. Hình như con ngựa gặp chuyện rắc rối gì đó. Thậm chí người ta nói đến chuyện dùng thuốc kích thích, và đang mở cuộc điều tra. Một gã rất vạm vỡ ở chuồng ngựa, một tay bịp bợm, chơi với Ray (con thường thường nom thấy hai người đi với nhau ở đây, và có thể là họ âm mưu chuyện gì đấy,*

bây giờ đã rõ), hắn đã ít nhiều thú nhận là có cho con ngựa một thứ gì đó, nhưng do Ray xúi giục. Hắn rất hoang mang lo lắng, nhưng vẫn không chịu nói đầy đủ. Hình như kẻ thắng cuộc là một kẻ ít có khả năng thắng, đó là Ngài Murgatroyd, đã trả Ray một số tiền lớn để được trợ giúp...

Hai ngày sau, các sự kiện tiếp tục diễn ra và mỗi ngày vực rằng mình là một kẻ tử vì đạo đã thúc đẩy Thelma viết tiếp:

...Từ ngày sự việc trên xảy ra chúng con không gặp Ray, ông Bourke càng không cho phép anh ấy đến đây. Gần đây bà Bourke bị ốm, con đã phải quanh quẩn bên giường bà ấy, chăm sóc đêm hôm và làm lụng ban ngày đâu phải là chuyện đùa. Bà cứ để tóc dài ra, bà ấy quá lo lắng mà. Còn ông Bourke qua việc này đã trở nên già khụ, vì trước kia ông rất tốt với Ray, nên bây giờ ông chẳng thể nói chuyện gì khác ngoài chuyện đó.

Không cần phải nói mẹ cũng biết là tất cả câu chuyện này thật rất gay go cho con, là em gái anh ấy, con phải gánh chịu phần lớn hậu quả. Con thiết nghĩ bố nên đến đây và xem liệu cho thể làm được gì chẳng, hoặc nói chuyện với Ray. Tuy con thấy thương cho những người này và có chút ít liên quan tới họ, nhưng con chẳng đứng về phía họ, con cảm thấy mối quan hệ kia hoàn toàn là ngẫu nhiên.

Con sẽ cho mẹ biết kế hoạch tương lai của con sau khi mọi chuyện đã ngã ngũ. Công việc của con ở văn phòng vẫn bình thường. Nghe đâu có một cô nữa sắp đi, con chắc là điều đó sẽ có lợi cho con, bằng vào điều ông Forsdyke, một trong hai ông chủ của con nói...

Đến đây, Thelma rất muốn khóc vào tờ giấy màu hoa cà nhạt cô vẫn dành cho những thư từ quan trọng, như là viết cho phu nhân Gough, cảm ơn bà ta đã mời đến dự tiệc tối. Rồi bỗng nhiên cô sực nhớ đến mấy con mèo đang sưởi nắng ở cửa sau. Cô cúi xuống sờ vào lũ mèo đang ngủ. Mùi kẹo bạc hà đang nhai khiến cô cảm thấy tuyệt vọng trong căn phòng xây bằng gạch. Cô không chắc là mình đang ao ước hay nuối tiếc cuộc sống tự do hằng khao khát, nhưng nỗi hoài nghi của cô thật khủng khiếp. Cô kết thúc bức thư bằng một hành động kém phần thẳng thắn. Ngay cả những chỗ ngừng nghỉ trong thư cũng có phần mềm mại, như lông lũ mèo đang ngủ.

*...Con hy vọng sẽ trở về vào dịp Noel. Con chỉ mong chẳng phải làm gì cả, buổi sáng thức dậy nhìn thấy những bông hoa hồng, loại hoa hồng bạch ấy. Con có trồng một cây con trong cái chậu con mua, đó là một cây ớt cảnh, mặc dù có người gọi nó là cây “táo tình yêu”, thế nào cũng được. Nó lên không tốt lắm, có lẽ nên trồng xuống đất thôi.*

*Con mong mẹ khỏe mạnh, mẹ thân yêu của con. Mẹ nên gìn giữ sức khỏe. Dạo này bệnh suyễn của con cũng không đến nỗi, trừ những buổi sáng có sương mù, hoặc khi con quá mệt. Con làm việc vất vả lắm, mẹ ạ! Đôi khi con đau đầu và có lúc phải tính đến chuyện mang kính đáy, loại kính không gọng thôi. Nhưng con không nên kể lể về mình.*

*Trong thư trước, mẹ có bảo là nhà bị dột. Quá lụp xụp. Hầu như ai cũng thế, không dột nhà thì lở tường...*

Chẳng bao giờ cô biết cách kết thúc một lá thư, và thậm chí hơi lúng túng về việc này, nhưng cuối cùng nàng viết thật nhanh.

*Con yêu của mẹ,*

*Thelma*

Rồi cô đọc lại bức thư từ đầu đến cuối, xem thử mình có nói quá nhiều hay quá ít không.

Nếu cô có gợi ý cha mình tới, thì cô chẳng phải một, hai đòi cha mình phải đến, bởi gương mặt trung thực của ông, vẫn làm cho cô lạng thình lúng túng. Khi viết thư, cô nghĩ đến mẹ nhiều hơn, người mẹ tuy trung thực nhưng giống cô, là một phụ nữ. Cái đạo lý linh hoạt của cô có thể được điều chỉnh để thích nghi với hoàn cảnh.

Nhưng Stan Parker đã đến.

Ông không thể không đến được. Thuở ban đầu, còn là một thanh niên, thừa võ hoang, ông đã đốn cây mà không có kế hoạch cụ thể nào trong óc cả, nhưng cứ thế ông đốn, bất chấp cả hai bàn tay mình mặc dầu lúc đó chúng đã cứng đờ, lại còn phải dòi bao nhiêu tảng đá, song ông và con ngựa đã dốc hết sức lực ra, đến mức cái bụng mềm mại của cả người lẫn ngựa cũng chai cứng như đá, cuối cùng ý chí sắt đá của con người đã thắng đất đá. Chính trong tâm trạng đó Stan Parker, người cha, đã đi xuống thị trấn. Ông chẳng có kế hoạch gì cả. Những điều người ta kể cho ông làm ông lúng túng. Nhưng nếu có cơ hội ông sẽ có đủ nghị lực để đối phó với tình hình, xoay chuyển nó bằng sức mạnh cùng quyết tâm. Ông đĩnh ninh như thế. Cuối cùng ông đã đẽo được một cái hình dáng và trật tự từ cái hỗn độn mà ông tìm thấy. Ông cũng là người đã tùy hứng tạo nên những đồ vật trung thực bằng sắt và gỗ, chúng tuy thiết kế vụng về

nhưng đã tồn tại cho đến ngày nay. Tính giản dị của ông là kim chỉ nam duy nhất của ông trong toàn bộ chuyện này.

Như vậy ông đã đến, chờ đợi ở cửa ngôi nhà gạch của gia đình Bourke, cho đến khi cửa mở; ông nhìn thấy Thelma ở đó.

- Kìa, chào bố, - cô nói. - Con biết thế nào bố cũng đến, nhưng cứ nghĩ là bố sẽ báo cho chúng con biết trước.

Ông trả lời lí nhí, bởi vì đó là một lễ nghi vô giá trị, vật trang sức mà thôi. Sự im lặng chắc hẳn sẽ dạy cho ông cách sử dụng ngôn ngữ nhiều hơn là thực hành chúng.

- Dẫn sao, - cô nói - bố vào nhà đi.

Ông đeo vắt qua người một sợi dây đồng hồ mà cô không nhớ đã nhìn thấy bao giờ, cô cứ nghĩ rằng mình biết tất cả mọi thứ ông có. Trong bộ đồ vải xéc bất tiện ông nom thô cứng; cô nhìn thấy rõ, người bố của cô, ngồi một cách ngượng nghịu nhưng trang nghiêm trên chiếc ghế bọc giả da, giữa bao nhiêu tua và rua trong phòng khách của Lily Bourke. Ông nhanh chóng quyết định đặt cái mũ ở đâu, và đã đặt nó trên sàn nhà cạnh chỗ ông. Cô ngạc nhiên, hơi kinh tởm nhận thấy những sợi lông ở mu bàn tay ông và những sợi lông mũi màu gio. A, - cô ngao ngán nghĩ thầm, - đây là cha mình, người mà mình không biết đến; và cô bắt đầu nói chuyện về những chuyến du hành bằng tàu, về chuyện cớm nước. Cô cũng kể cho ông nghe chuyện một bức tranh sơn dầu cảnh núi non do một bà cô của ông Bourke ở Richmond vẽ khi bà còn trẻ. Cô cũng lạ là sao mình có thể chuyện trò với bố lưu loát đến thế, nhưng rõ ràng là sự xa lạ của ông đã giúp cho việc đó. Cô đang nói với một người đàn



ông nhếch nhác nhưng tốt bụng mặc đồ vải xéc, chứ không phải nói với cha mình.

- Có chuyện gì về thằng Ray đấy? - Ông hỏi.

- Đại loại như con đã kể trong thư ấy, - Thelma nói. - Ông Bourke sẽ kể cho bố nghe các chi tiết khi nào ông vào. Bởi vì con chưa bao giờ thích thú cái trò đua ngựa, và sẽ chẳng bao giờ thích thú. Nhưng đoàn thám tra vẫn chưa nắm được thực chất của vấn đề. Anh chàng kia đã phần nào phản cung. Con cũng chẳng biết những điều cậu ta nói lúc đầu về Ray do thù hận hay không. Dẫu sao họ chẳng gán được gì cho Ray, ngoài trừ cái cảm giác là anh ấy phạm tội.

- Thế nghĩa là Ray không phạm tội. - Người cha nói.

- Con đang nhớ một câu chuyện về mấy con chó con, - cô nói rất chậm rãi - về những con chó con đã biến mất. Cái gì thế nhỉ? Chúng ở trong cái lán nơi để chiếc cày. Con không tài nào nhớ lại được.

- Bố không biết. - Ông nói.

Cô đang cố buộc ông phải chấp nhận quy ước thiếu trung thực mà ông không hề theo. Lúc này ông cảm thấy vui mừng là đã không biết con gái rõ hơn. Ông cũng muốn suy nghĩ rõ ràng về thằng con trai ông, và đi đến một quyết định, như người ta vẫn nói vậy. Nhưng sự hiện diện của bàn ghế và đôi mắt cô con gái khiến ông co lại, trong thân thể vụng về và tâm trí dờ dẫm.

- Con cũng muốn nghĩ tốt hơn về anh ấy, - cô nói. - Bởi vì anh ấy cũng có thể là người tốt.

Cảm thấy đó là điều mà cha mình mong đợi, cô bỗng thay đổi chính kiến. Cô những muốn tin. Bởi vì đương nhiên cái tốt là điều người ta mong muốn.

- Trước kia thỉnh thoảng anh ấy có đến đây, - cô nói - và kể về gia đình Quigley, mọi người ở nhà. Một lần anh ấy mang đến cho con một món quà, mấy chiếc bút tất. Con chẳng biết tại sao. Đó là loại đắt tiền.

Như thế là cô đã buộc bản thân phải tin, và cảm thấy buồn, buồn cho chàng thanh niên đẹp trai, anh ruột của nàng, con người đứng bên cửa sổ, mặc áo vét thành thị, ánh sáng từ bức rèm kéo nửa chừng chiếu trên làn da vàng thau.

Nhưng ông bố chẳng muốn tí nào chuyện đó.

- Ray đâu rồi? - Ông hỏi.

Vừa lúc đó Horrie Bourke bước vào, chiếc mùi soa nhét vào cổ áo và khi đã ngồi xuống, Bourke nói:

- Nếu tôi không tin vào chàng trai ấy thì tôi cũng chẳng tin vào bản thân mình nữa.

Ông ta đã già và béo, mạch máu nổi trên mặt, lồ lộ nổi bất bình vì chuyện đã xảy ra với ông, và nỗi lo sợ một ngày nào đó, sớm thôi, thậm chí ngay ngày mai, ông sẽ bị một cơn đột quy. Vì thế lẫn lộn với những giọt nước mắt mà ông rỏ xuống cho người con trai không phải là con ông, nhưng dường như là thế, một người vừa nhận vừa cho quà, là mối căm ghét chàng trai khỏe mạnh kia, chàng trai với cơ bắp cuồn cuộn trong tấm áo lót, đứng cười vang cạnh một đồng

phân giữa một bầy ngựa ngời ngời, và trâng tráo dọa sẽ tịch biên của cải của ông. Ray bước qua thân hình béo phị của ông khi thân hình đó đang nằm trong sân.

- Dù có dùng chất kích thích hay không, hoặc là tài cưỡi ngựa, thì mấy chàng trai kia cũng đã dính líu vào chuyện đó. Tay nài Tom Schmidt, kẻ cưỡi con ngựa Ngài Murgatroyd cũng chẳng hơn gì bọn kia. Đã có một sự cố ở Toowoomba. Tôi nghe nói thế, tuy chỉ nghe nói thôi. Do vậy hôm nay anh đến đây, phải không anh Stan? - Horrie Bourke nói.

- Vâng - người cha của nàng trả lời.

Ông cụ dịch cặp đùi để nói đôi lời cần thiết. Nhưng không thể được. Ngôn từ và giấy dán tường đã thắng ông.

- Lily sẽ rất vui mừng được gặp anh, - Horrie Bourke nói. - Tôi sẽ nghỉ không đua ngựa nữa. Đó là sở thích của nhà giàu và sự sa đọa của thằng ngốc. Cứ nghĩ mà xem, bắt đầu bằng những con ngựa. Mấy kẻ ăn mày vô tội đến đôi chân của chính chúng còn chẳng chắc chắn nữa là.

Từ sớm Stan chưa tiểu tiện. Cái ý định ấy đã mất đi ở đâu đó. Phải gặp con trai, rồi mọi chuyện sẽ rõ ràng.

- Tôi muốn gặp Ray, - ông nói, giọng to dần, to dần trong gian phòng, cho đến khi làm chủ được nó.

- Vâng, vâng - Horrie nói. - Dĩ nhiên rồi, Lily à, anh Stan đây này. Nhà tôi đau đầu phải nằm nghỉ. Chuyện này làm bà ấy choáng người, giống như mọi người khác.

- Stan, - Lily Bourke nói. - Ờ kìa. Tôi vẫn thường nhớ anh đã đánh vỡ cái giá rửa mặt ở Yuruga như thế nào. Mẹ rất tức giận. Nó đi theo bộ, còn miếng đá thì chắc. Và bây giờ đến câu chuyện khủng khiếp này. Anh thay đổi nhiều quá, Stan ạ.

Gương mặt của bà nói với ông rằng nhiều chuyện đã xảy ra trong đời *ông*, nghĩa là bà không thể tin nó có thể xảy ra trong đời bà. Lily muốn ngồi xuống đọc khuôn mặt của Stan, với một tình cảm lẫn lộn giữa mỉa mai và hối tiếc. Nhưng giống như một người đi dự đám tang, bà luôn luôn nhớ rằng mình phải tỏ ra đau xót.

- Thật khủng khiếp quá - bà thở dài. - Dĩ nhiên Horrie sẽ được giải tội. Sự trung thực của ông ấy không có gì đáng bàn cãi. Nhưng cả hai chúng tôi đều đau khổ, và không thể đền bù được, chẳng có cách nào, những tác hại đối với sức khỏe của chúng tôi, anh Stan ạ.

Bà cần tiền phải không? Bà muốn mơ mộng?

Bà Lily bực phẫn, đầu óc đang lơ mơ vì thuốc aspirin, xưa kia là một cô gái có tư tưởng kỳ quặc, nhưng chẳng phải là loại người xấu. Bà có thể chấp nhận những người đàn ông không hỏi han gì cả, bà cũng chẳng bao giờ quyết đoán được gì, lúc nào cũng xoa tay liếc mắt nhìn vào gương soi, đưa ra những câu hỏi hóc búa về món thịt quay. Cô gái nay đã thành bà già vẫn không chắc chắn. Bà có thói quen nhìn đồng hồ đeo tay và bản khoản không biết đã đến giờ nhắm nháp cái gì chưa.

- Stan à, anh ở lại dùng trà nhé? Chị Amy ngày trước gầy lắm, - bà nói - có thể nhìn thấy rõ hõm cổ và cả khuỷu tay nữa. Chúng tôi vẫn thường bảo gia đình Fibbens được nuôi bằng vẹt và sữa không

béo. Nhưng dĩ nhiên đó là cường điệu. Bọn con gái chúng tôi lúc nào cũng thích đùa. Chị Clara tội nghiệp không gặp may. Anh biết chưa nhỉ? Chồng chết và đang túng bấn lắm. Alice thì chết vì một bệnh nan y. Phải rồi, ngày trước chúng ta nhảy khỏe thật. Nhảy đến tận lúc cánh con trai về nhà vắt sữa.

Lily có phần nào dễ chịu đi vì dĩ vãng, vì những vận động và tính muôn màu của nó, cũng có thể vẫn quay cuồng trong gian phòng ấy, mặc kệ chao đèn và tràng kỷ bợc nhưng xứ Genoa, nếu khách thuận lòng.

Nhưng ông đã đứng lên và nói:

- Tôi đến đây để gặp Ray. Nó ở đâu?

- Ô! Cả hai trả lời. - Vâng.

Bởi vì cú sốc đối với thế giới của họ đã tạo nên một sự va chạm thực sự giữa các tinh cầu.

Rồi Horrie Bourke thông cảm cho sự tan vỡ này và nói:

- Chúng tôi không biết cậu ấy ở đâu cả, anh Stan ạ.

- Anh ấy đã biến mất - Thelma nói, sờ cái gấu váy.

Stan đứng sững. Chẳng có gì để đặt bàn tay lên, trừ phi nó là gỗ hoặc sắt, chứ không phải là những động cơ của kẻ khác.

Họ nói ông có thể hỏi thăm, nhưng chắc gì đã được. Bernie Abrahams, tay bán vé đã thuê Ray, chẳng thích thú gì toàn bộ chuyện này và cũng chẳng nói gì nhiều. Còn thằng Curly, hẳn có trở

lại lấy đôi giày vải để quên, nhưng hắn không biết và sẽ chẳng biết gì về Ray. Trước đây Ray sống ở tầng trên một cửa hiệu ở một phố nào đó, họ có ghi lại vào một mẫu giấy, để trong ngăn kéo.

- Đây rồi - Lily nói, giơ tờ giấy lên và đọc. - Phố Highclere, Surry Hills.

Đó là một cửa hiệu của tụi Latinh, và cậu ta từng nói đến mấy cô gái, một đứa còn bé. Tên chúng là Rose và Jean.

- Thế thì tôi sẽ đi hỏi xem - Stan Parker nói.

Tất cả người trong phòng đều nhất trí là ông nên làm như thế.

- Ray đã bị cảnh cáo rồi anh Stan ạ. - Horrie Bourke nói.

Như một ẩn ý. Vì Ray đã đi rồi. Chỉ còn lại sức khỏe và danh dự của Horrie.

- Thật kinh khủng cho mẹ hắn - Lily thở dài. - Chị Amy nhận tin này thì thế nào, anh Stan?

Ông lí nhí trong miệng, bởi vì ông không biết, bởi vì đến lúc ấy, khi vợ ông đọc những lời ấy, thì ông đang sống trong chúng.

Thelma bước đến và đưa ông ra, sau khi đã đi trở lại lấy chiếc mũ ông để quên trên thảm.

- Con xin lỗi bố, - cô nói, coi việc ấy như việc của ông. - Con sẽ đi với bố nếu con cho như thế là có lợi.

Rồi cô hôn ông, và cảm thấy thích thú được làm một đứa con gái triu mến như một điều mới mẻ thoáng qua. Cô nghĩ thầm da của ông sao xa lạ với mình đến thế.

Stan nhận cái hôn của cô rồi đi. Ông muốn đi tìm Ray bây giờ. Ông rất tin tưởng vào đôi chân và sức mạnh dẻo dai của mình. Ông lên tàu điện khi có người gọi ý. Ông đi qua các phố. Một vài người chỉ dẫn cho ông tỉ mỉ, chính xác giống như loài kiến, như thể họ tiếp nhận ông một cách tin tưởng vào thế giới kiến của họ. Những người khác hối hả đi qua đường nhựa, trừng mắt nhìn ông, xua đuổi ông. Ông bảo với một người đàn ông là mình đang đi tìm con trai, hiện ở trên một cửa hiệu hoa quả ở phố Highclere, nhưng người ấy thắc mắc không hiểu người khách lạ này có điên không mà lại phoi trần mình như thế ở ngã tư.

Và cứ thế Stan Parker tiếp tục đi qua đường nhựa. Một lần ông ngỡ rằng Ray đang nhìn ông từ một cửa sổ, nhưng rõ ràng là ông nhầm. Một thiếu phụ đang ướm một tấm vải lên ngực kéo vạt rèm xuống. Trên một phố khác, hai xe ô tô lao vào nhau, nghiền nát những người trong xe. Ông tiếp tục đi, buồn rầu nghĩ rằng cái động lực chạy đến cứu giúp họ đã bị tước khỏi ông; trên đường quê, mọi việc sẽ khác hẳn. Bây giờ, ông không nhìn mọi người chung quanh nữa mà chỉ nhìn cái biển ghi tên các đường phố đóng đinh ở các góc. Ông tiếp tục đi, qua một đám rau quả nát nẫu, báo cũ và dụng cụ tránh thai.

Tại một nơi dường như là đường phố cuối cùng ông có thể lọt tới, bây giờ hoặc mãi mãi, một người đàn ông đang nằm trong cống

rãnh. Đây là phố Highclere, ông đọc. Ông bắt đầu tìm, và tìm ra hiệu hoa quả, cửa hiệu đã đóng.

Một cửa sổ của cửa hiệu sơn màu xanh lục không nhìn thấy gì, còn cửa sổ kia bít kín lên, đến nỗi việc sử dụng nó dường như khó hiểu nếu không có mùi hoa quả để lâu bốc ra, một mùi ngọt đậm của một trái cây màu nâu đã rữa. Trên cửa ra vào có một chiếc khóa, nhưng ngay lúc đó, một cô gái từ cửa sổ bên trên nhìn xuống, rồi một cô gái tương tự, tuy trẻ hơn, cả hai mặc chiếc áo len màu mà có lẽ tự đan lấy. Hai cô nhìn xuống. Đó là hai chị em. Cả hai cùng màu da xanh xao. Mũi rất xinh.

- Chào ông, - cô lớn tuổi hơn nói, hẳn đó là Rose. - Ông tìm ai thế?

- Tôi đang tìm Ray Parker, - người đàn ông vừa đến nói.

Hai cô nhìn xuống lớp quần áo dày cứng như dính vào người ông một cách ngẫu nhiên. Mũi của hai cô gái xanh xao phồng lên, e sợ rằng đây là một loại cây đặc biệt trung thực.

Cô gái tên Rose lầu bầu. Jean ngắm nhìn. Đôi mắt cô thường xuyên nhìn những cảnh sống mà bất kỳ lúc nào cô cũng có thể bị lôi vào. Song vẫn chưa. Đó là cuộc sống của chị gái cô.

- Tôi là bố nó, - người đàn ông nói.

Gương mặt màu da thuộc của ông nhìn lên, như muốn thề thốt với hai cô gái.

- A! - Rose nói.



Cô em, Jean, đến sát hơn, hất mớ tóc ra phía sau tai và sẵn sàng nghe chuyện suốt ngày.

- Ray không có ở đây - Rose giận dữ nói.

- Tôi đến thăm nó, - người đàn ông nói. - Tôi từ Durilgai đến, đi chuyến tàu sớm. Có lẽ tối nay tôi có thể sẽ trở về. Không phải để vất vả. Nhưng tôi có thể sẽ về.

Rose lắng nghe những điều không thể tin được. Nhưng cô không nói gì. Ngón tay cô như đang bắt mạch cho ngôi nhà bị ốm.

- Cô bảo giùm nó. - Khuôn mặt ngẩng lên của người đàn ông thờ ra.

- Tôi không bảo được đâu, - cô rầu rĩ. - Ray đã đi rồi.

- Đi đâu? - Gương mặt tuyệt vọng của người đàn ông hỏi.

Thế rồi cô gái đang lắng nghe bỗng gặp người lại. Cô bắt đầu cười khúc khích. Cô bắt đầu cười âm lên. Cô cười và che mặt lại, vùi sâu vào da thịt bên hông cô chị.

Rồi đến Rose cũng cười vang. Nhưng là tiếng cười sâu, bình thường, ục ục, phát ra qua những chiếc răng ngắn.

- Nói giùm tôi, - ông van xin.

Ông cũng cười, nhưng chậm hơn, ngập ngừng như thể ông vẫn chưa nắm được toàn bộ ý nghĩa của câu chuyện bông đùa. Mặt trời tỏa sáng trong mắt ông.

- Ở đâu? - Ông nói, giọng kém mạnh mẽ.

- Ở trên miền Bắc ấy. - Rose nói, giọng the thé và đưa tay vẫy về một nơi nào đó.

Nhưng Jean mở hai hàm răng, nói từng cơn khô khan, kinh sợ:

- Ông ơi, đừng nghe chị ấy. Ray đã đi về phương tây. Thành thật đấy.

Cô chỉ có thể nói thế. Cô rất trẻ và người luôn co giật, toát mồ hôi vì đã tham gia. Rồi nàng rút lui vào ngôi nhà hoa quả nữa.

Sau đó Stan Parker đứng ngoài đường với những khuyết điểm và thiếu sót. Bây giờ ông biết mình chẳng thể nào gặp được Ray. Ông chẳng còn cảm thấy mạnh mẽ nữa. Gương mặt của ông đau đớn vì cái vẻ trẻ trung và lạnh lùng phải cố tạo với hai chị em đang bị khóa trong phòng kia.

Phía sau, sau nhiều phố, từ hướng ông đi tới, một bà cụ đưa cho ông xem một túi mận bà vừa mua.

- Đây, - bà nói. - Khi tôi mua những quả mận này, chúng vừa to vừa thơm. Dầu sao đi nữa chúng cũng chưa tệ. Còn bây giờ hãy xem những thứ còi cọc này!

Nỗi căm giận khiến bà bước cạnh người lạ mặt.

- Chẳng ra sao cả, - bà nói, răng chuyển động. - Người ta ai cũng thế.

Ông đồng ý, vì ông chỉ có thể làm được thế.

Bà cụ vẫn bước. Bà bắt đầu kể về con trai bà. Anh ta là thợ mỏ.

- Cậu ấy có ổn không? - Ông hỏi với một nụ cười ngốc nghếch.

- Cũng được - bà nói, nhìn đi chỗ khác. - Một số người có thể có những ý nghĩ khác về sự thật là gì. Thế thôi.

Rồi bà bỏ đi, như thể không còn cần biết người lạ mặt nữa, ông thấy bà ném cái túi giấy đựng những quả mận còi xuống cống.

Ta mất phương hướng rồi, ông nhận thấy vậy. Ông tiếp tục đi, dò dẫm trong trạng thái vô hình, vô hiệu, trong đó cuộc đời ông kết thúc. Tuy ông có được thói quen đọc những câu kinh đơn giản, và thành khẩn tin ở Chúa, nhưng ông vẫn chưa đủ tự tin vào bản thân để tin vào sự hữu hiệu của điều này hoặc những điều khác. Sự giản dị của ông vẫn chưa nhận được sự rõ ràng và sức mạnh cuối cùng kia, cái có thể công nhận sự vô biên của lòng tin.

Vì thế, thay vì cầu kinh, ông bước vào một quán ăn và gọi một đĩa thức ăn.

Đó là một quán ăn Tàu. Khi người ta mang đĩa sườn đến, ông ngồi nhìn hay đặc biệt nhìn vào những miếng sườn to trên những đốt ngón tay bất động của ông.

- Ông có điều gì bức mình chẳng? - Một thanh niên Trung Quốc hỏi, đến cạnh ông và sắp xếp lại dao thìa theo kiểu khác.

- Không. - Stan nói.

- Có ai đó chết - người thanh niên Trung Quốc nói, khẳng định hơn là hỏi, với một giọng của thể hệ thứ hai cao và phô trương.

Rồi anh ta đi, và bắt đầu làm con tính cộng, tính đi tính lại trên giấy, khuôn mặt Trung Quốc của anh ta nom sáng sủa, trung thực, mặc dù giọng anh ta cao và phô trương.

Thế là Stan Parker ngồi ở đấy và thấy rằng mình phải về nhà. Ông chẳng còn gì nữa để làm trong cái thành phố này.

Sau mấy ngày ông trở về. Cô con gái Thelma tiễn ông ra ga. Lúc ấy còn sớm, cô mặc quần áo đi làm, váy màu ghi, áo sơ mi trắng, vẻ quan trọng của cô không hề giảm sút khi cô lắc cổ tay áo và nhìn móng tay sạch sẽ của mình, vẻ thành đạt của cô khiến ông hơi lóng ngóng, song ông cảm thấy hãnh diện được đi cùng cô. Ông bước cạnh cô, lắc lư cái túi Gladstone cũ mà ông tìm thấy trong nhà mẹ mình lúc bà chết, nhưng ông không biết nó là của ai, cũng chẳng thấy ai dùng. Cái túi cứng và thô, mặc dù ông đã thêm một lớp xà phòng tẩy đồ da trước khi đi.

- Cái túi cũ nom buồn cười quá, - Thelma cười vang, khiến nó nom lạ lẫm, nếu không thì trông đến khiếp. - Bớ cho quần áo vào mà không cuộn tròn sao?

- Miễn là đựng được, - ông nói.

Bỗng nàng cảm thấy phải nói điều gì thân mật, âu yếm với bố, nhưng viễn cảnh đó quá khủng khiếp với cô. Vì thế cô nói bằng một giọng cả quyết:

- Hình như ta đến sớm quá.

Ông đưa cô vào một cửa hiệu và nàng chưa kịp cười ông hoặc phản đối thì ông đã mua cho cô một cái kem ốc quế.

- Con có phải ăn thứ này không? - Cô hỏi.

- Sao lại không? - Ông nói. - Ngày trước con vẫn thích ăn kia mà.

Mình từng thích, ký ức cô vọng lại, mình đã mút món quà trẻ con này, trên cái ốc quế. Cô không muốn khóc, nhưng cô bị buộc phải khóc. Nó nằm trên cổ họng cô, cái lạnh trên cái nóng. Vào những buổi sớm mai u ám, cô thức giấc nghe tiếng hoa đèn nổ lách tách và tiếng gáy không tài nào chịu nổi của gà trống dự đoán tương lai với một niềm tin sâu nảo vào quá khứ.

- Khi con còn bé tí, - ông nói - con vẫn thích kem.

- Sao bố cứ nhắc đi nhắc lại mãi thế! - Cô nói. - Bố nghe đây, về Ray, đối với bố điều ấy khủng khiếp thật, con thấy rõ, nhưng anh ấy chẳng tốt tí nào.

- Quá sớm, - ông nói - để nói ai tốt ai xấu.

Thế là cô đã không xua đuổi được ông anh trai.

- Con không thể giải thích được, - cô nói.

Nàng ngò vực sự giản dị, muốn tránh nó hoàn toàn, vì thế nàng vui mừng khi họ đến chỗ đoàn tàu hỏa, đã đến lúc hôn tạm biệt.

- Chào con, - ông nói và hơi đỏ mặt vì người thiếu phụ mình đang hôn; vừa là con gái vừa không.

Con cái của ông, đã rời xa. Hơi nước bắt đầu tỏa khắp ga, giống như những hạt giống màu xám. Điều không thể tin được hình như đã trở nên tự nhiên hơn, hay có lẽ đây là chuyện trở về nhà.

Thelma ngấm nhìn bố rời đi. Cô đã trở lại cuộc sống của mình. Đó là điều tàn nhẫn nhưng cần thiết. Cô đi dọc sân ga và bước xuống bậc cấp. Cô đã thuê được một phòng trong ngôi nhà của bà vợ góa của một ông bác sĩ, chẳng bao lâu nữa sẽ bắt đầu sống ở đấy, cụ thể là tuần sau; đã thỏa thuận rồi, dĩ nhiên được sử dụng bếp và buồng tắm. Thelma Parker lên tàu điện. Nếu hình như cuộc đời của cô bắt đầu ngưng đọng, thì cũng chẳng cần thiết phải nói về điều ấy. Chuyện đó hoàn toàn của riêng cô. Được lẳng lẳng trong buồng tắm của bà góa vợ ông bác sĩ, trong những đợt sóng của đàn hương và tử đinh hương, tại một ngoại ô yên tĩnh.

Stan Parker tiếp tục hành trình về nhà. Ông cảm thấy chút tội lỗi nhẹ nhàng khi nhìn những đường nét địa lý quen thuộc. Ông biết rõ cảnh quan, biết kỹ hơn những gương mặt con người, đặc biệt là những đứa con ông. Người ta biết trẻ con qua người mẹ, ông tự nhủ. Ông cũng thích kiểu đó. Nhưng nỗi bất hạnh của ông ít gây khó chịu hơn, con tàu tiết lộ. Từ Bangalay ông đi xe buýt băng qua những ngọn đồi đến Durilgai. Ở đây, ông xuống xe và đi xuyên qua các cánh đồng. Đôi khi ông chọn một lối đi cô quạnh hơn, bước chậm rãi qua đám cỏ vàng và những cây đen sì, nhìn quanh quẩn như thể mình là một người xa lạ ở đó, ngấm nhìn những mảnh vỏ cây rơi - một điều bí hiểm vĩnh hằng. Rồi sự dốt nát của người đàn ông đã đổi thành tri thức. Lốp da khô ráp của ông trở nên trong suốt dưới ánh sáng kia.

## CHƯƠNG 17

Amy Parker chấp nhận sự vắng mặt của con trai; thời gian qua đi thật chẳng khác gì lắm so với khi có mặt nó. Mỗi lần bà nghĩ đến nó, thì đó là một đứa bé. Một thằng bé không chạy được xa, hoặc đang ẩn nấp và bà đi tìm, trong một trò chơi. Rồi bà khiến nó chẳng nhìn thấy gì bằng những nụ hôn, và nuốt chửng cái cổ cong cong của nó. Nó chỉ có thể vẫy vùng khỏi tình yêu của bà. Bằng cách ấy quá khứ trở nên cụ thể hơn hiện tại.

Nhưng có một lần Ray cũng gửi bưu thiếp từ Albany. Nét chữ bà đã quên, dù trước kia hàng nhớ kỹ. Nó gọi lên hình ảnh một con người xa lạ, mà bà kính cẩn ngắm nhìn qua mục kính, như thể đó là một tia chớp lập lòe. Hắn nói mình bận công chuyện làm ăn. Cuối cùng bà tự hào đã nhận được tám bưu thiếp, mặc dù bà không yêu quý con người này. Bà yêu cái thằng bé đang vùng vẫy, mà bà đã dán khuôn mặt đầy đặn của mình vào nó cả một ngày hè. Bà đưa tám thiếp cho mọi người xem, sau khi đã lau khô hai bàn tay; bà đưa cho mọi người đến thăm, hãnh diện đón nhận những lời chúc mừng của họ, rồi nói về đứa con trai vắng mặt của mình với một niềm trù mến tự nhiên. Thế nhưng bà không yêu con người này.

Bà cũng muốn yêu. Thật khủng khiếp khi nghĩ rằng bà chẳng bao giờ yêu con trai bà khi nó thành đàn ông. Đôi khi bà vắn hai bàn tay

vào nhau. Hai bàn tay mềm mại, khá mập mạp, to, và chưa khô khốc. Nhưng vịn vào nhau như thế này, chúng nom như giấy và khô cứng. Đoạn bà cố tìm một việc gì đó để làm hay nói đôi lời âu yếm với người chồng rất tốt của mình, mời ông ăn thức này thức nọ, và khâu vá lại quần áo cho ông. Bà yêu chồng. Ngay cả sau thời kỳ say đắm, bà vẫn còn có thể yêu ông. Song đôi khi bà bên mé giường mình và nói một mình: mình không yêu anh ấy trọn vẹn, chưa đâu, anh ấy chưa hề thấy bằng chứng của tình yêu. Giá bà có thể quay lại và chỉ cho ông thấy đứa con trai của hai người thì mọi chuyện sẽ đơn giản hơn, nhưng bà không làm được.

Thường thường bà có cảm giác như mình không có con, bởi vì bà không được quyền yêu con gái bà, ngoại trừ thằng hoặc có những cử chỉ âu yếm. Thế rồi bà nhớ lại đứa bé đã nhặt được ở Wullunya trong trận lụt, đưa về nhà trên chiếc xe của Peabody, rồi nó đã vội vã ra đi. Bà cảm thấy thằng bé, nếu bà thuần hóa được, sẽ là con bà. Rất có thể. Tất cả những gì không xảy ra trong thời kỳ lụt lội của đời họ, chỉ còn là hoài niệm đã cạn khô trong bà.

Vào cái độ tuổi này, bà trưởng trạm bưu điện nói, bà này từ lúc đầu đã tàn tạ, nhưng hình như chẳng thiết gì cả.

Amy Parker ghét bà trưởng trạm, nhưng vì hai người đã kết bạn với nhau nên mỗi khi đi vào làng, bà vẫn ghé lại chuyện trò giây lát. Vả lại cũng là dịp để nghỉ chân trên đồi.

Bà thường hỏi: “Bà Gage có nhà không? Chắc chẳng có, phải không?”

Và bà Gage lao vụt ra.



- Tôi vẫn chưa xem, bà chị ạ. - Bà nói - vẫn cái máy điện thoại. Thật khốn khổ với nó. Tôi không định nói là nó chẳng bổ ích gì. Tôi ngồi đây suốt ngày nghe đầu dây nói. Sáng nay chúng tôi có Lithgow gọi. Chị sẽ ngạc nhiên đấy. Nhưng dĩ nhiên tôi vẫn là một viên chức, không phải thường dân.

Thế đấy, bà Gage đang thao túng sinh mệnh của mọi người với đôi bàn tay vàng vốt, do đó càng ghê tởm hơn, tuy bí hiểm, gây ấn tượng đối với bà Parker.

Nhưng ngày hôm ấy bà Gage không thao túng được đường dây hoặc nó đã bị cắt. Bà đang rối tinh lên. Bà chạy ra ngoài. Mắt bà trợn như hai quả bóng sứ và hơi thở hỗn hển.

- Bà Parker, - bà gọi to. - Tôi chẳng bao giờ ngờ lại đến nông nỗi này. Ông Gage nhà tôi.

Amy Parker như hầu hết mọi người đã quên hẳn khỏi đầu ông chồng của bà trưởng trạm. Nhưng bà trạm trưởng bưu điện vội nắm lấy tay bà với bàn tay nóng rực, dắt bà đi bằng bàn tay khô, xương xẩu.

- Ông ấy tự tử rồi, chị ạ, - bà thông báo, xót xa về cảnh ngộ của mình. - Treo cổ trên cây ở cuối sân. Bằng hai chiếc thắt lưng. Một chiếc đã cũ, tôi chưa nom thấy bao giờ, hẳn ông đã nhặt được. Ông treo cổ ở kia. Chị ơi, nom kinh quá. Ông ấy cứ đứng đưa. Rất chậm. Nhưng gương mặt thì rất thanh thản.

Vì vậy bà Amy Parker, không được chuẩn bị trước, cứ để mặc cho bà ta lôi đi. Bà nom lối bịch và nóng rực.

- Bà Adam đã đến giúp tôi với cái xác. - Bà trưởng trạm nói. -  
Khá tươm tất, coi được. Các bà ở đây vừa mới vào thăm, và ngồi  
chia buồn với tôi một lúc.

Đúng là có bà Hobson, bà Mulvaney và một bà đeo mạng.

- Ít ra bà cũng có bầu bạn, - bà Amy Parker nói. Bản thân bà  
chẳng muốn nhìn cái xác lúc này.

Bà Mulvaney chít răng.

- Bỏ lại vợ góa hay thật đấy, - bà Hobson nói.

- Thế đấy, - bà Gage hét to. - Thế đấy.

Mọi người đều ngạc nhiên, bởi vì cho đến lúc ấy bà vẫn tỏ ra  
thoải mái và nhẫn nhục.

Nhưng bà Gage cảm thấy ngạt thở vì sự tàn ác của đời bà. Bỗng  
nhiên bà thấy mình phải nói ra. Bà là con gái của một viên thanh tra  
tiểu học, ngụ ở một thị trấn duyên hải nào đó. Họ sống trong một  
ngôi nhà nhỏ hầu như chôn vùi dưới các bụi tú cầu, nơi khiến cha  
bà rất tự hào, nhưng đã biến họ thành một gia đình xanh xao vì sống  
giữa loài thảo mộc, nhìn ra ngoài qua những lá to và thở hít không  
khí ẩm ướt xanh lục. Bà đã gặp gỡ chồng mình khi ông đang câu cá  
với một chiếc cần bên con đê chắn sóng. Bà nhìn thấy con cá lấp  
lánh khi ông giật nó lên bờ, bằng một cử chỉ bậc thầy, tuy cánh tay  
ông gầy guộc. Con cá thật đáng yêu. Rồi cả hai đều nhìn con cá. Bà  
sợ rằng sẽ làm hỏng niềm vui của ông bằng bất kỳ một lời nhận xét  
nào, vì ông đang mải mê với con cá, hay phải chấp nhận do sự ngẫu  
hứng đáng sợ nào đó, ông lại tặng bà, trái với sở thích của mình, về

nhà họ ăn cá, luộc lên, cho thêm nước sốt, mời chàng trai cùng ăn, nhưng chàng đã từ chối, nói rằng chàng không thích những con cá bị nấu. Sau đó chẳng bao lâu ông cưới người được tặng cá, không vì lí do gì ngoài sự không thể tránh khỏi đáng kinh sợ. Rồi hai người bắt đầu hiểu biết nhau. Họ đi đây đi đó. Như ai cũng biết, ông Gage là một người ốm yếu, ông không có cảm, đôi mắt yếu đuối nhưng tao nhã, không nhìn thẳng vào người ta. Họ đi đây đi đó, sống trong những thị trấn màu nâu nóng bức, những ngôi nhà mục nát sặc mùi khô khốc, trong những căn lều, và thậm chí, dưới vỏ cây. Trong khi đó, chồng bà nhận việc, rồi thôi việc. Ông làm thợ máy cho đến khi tay ông rã rời. Ông có tài về nghề mộc, nhưng mùn cưa ảnh hưởng tới hô hấp của ông. Đôi khi ông ngồi suốt ngày này sang ngày khác không nói một câu, để sỉ nhục một người phụ nữ. Ông cứ ngồi nhìn cái đĩa không, như thể nó là một vật quan trọng, hay ngồi trên khung giường sắt cũ dưới cây tiêu, mặc áo may-ô, như mọi người đều biết, chỉ ngồi thế thôi. Đã bao nhiêu năm, dĩ nhiên kể từ ngày người phụ nữ làm công việc bưu điện, do dũng cảm và do cần thiết. Bà đã ở Durilgai nhiều năm, và trước đó ở một thị trấn nhỏ khác. Bà những muốn kể thêm nhiều chi tiết nữa về cuộc đời của mình với người chồng quá cố, ngay cả những chi tiết vật chất, để sau này cũng được.

- Chỉ để cho các chị thấy, - bà nói - người đàn bà có thể chịu đựng những gì.

Tóc bà bắt đầu nom rối tung.

Nhưng Amy Parker nhớ lại người chồng của bà trưởng trạm bưu điện quỳ gối bên bụi cây mạng nhện, hy vọng ông ấy không bị phơi

trần một cách nhẫn tâm như thế.

- Bây giờ ông ấy chết rồi, bà Gage ạ. - Bà nói.

- Thế tôi thì sao? - Bà trưởng trạm rít lên. - Tôi còn sống. Hay chỉ ngắc ngoải.

Bà gầy ra những tiếng động khô khốc, như lòng bàn tay.

- Tôi không bảo bị tổn thương, hay phanh phui nhưng tôi được giúp đỡ để hiểu rõ là tôi chẳng hiểu gì về mình cả, - bà nói - chẳng hiểu bất kỳ cái gì.

Bà Mulvaney chút răng.

- Này, - bà trưởng trạm nói, vừa gỡ mái tóc tuyệt vọng trên trán đã bắt đầu ẩm ướt, - tôi sẽ cho các bà xem một thứ giải thích được điều tôi định nói. Xin đi lối này, - bà nói, dịch cái đai lưng của chiếc váy đen. - Nó sẽ minh họa được, - rồi bà cười vang.

Mọi người đều sợ, nhưng đều đi theo, bà Mulvaney, bà Hobson, bà Parker, và người đàn bà đeo mạng.

Trước khả năng có thể có một hồn người đâu đó trong một cái hộp hay được ghim vào giấy, người ta đã quên là có một người chết nằm trong nhà. Có tiếng thở của các bà khi bà trưởng trạm mở cửa một phòng. Trong gian phòng có những đồ đạc thuộc loại mọi người đều biết, và tiếng đồng hồ gõ nhịp thời gian. Có lẽ cũng có mùi một người đàn ông đang nằm ở đấy. Mùi vẫn còn vương lại, sau khi người ấy đã ra đi, thậm chí sau khi người ấy chết.

- Xem này, - bà trưởng trạm bưu điện nói với một giọng khách quan hơn, gần như trịnh trọng. - Hãy nghe đây! Tôi chẳng bao giờ thổ lộ với bất cứ ai, đương nhiên là thế, bất kỳ một việc nào như thế này đang xảy ra. Nhưng vì bây giờ ông ấy đã đi rồi, - bà nói rất cung kính, bởi vì dấu sao cái chết cũng phải được kính trọng, bất kể là con sâu cái kiến, - và nghĩ rằng chúng ta là bạn cả, tôi muốn công bố lần đầu, cũng hy vọng là lần cuối.

- Đó là gì thế? - Bà Hobson hỏi.

- Đây là bức tranh sơn dầu, - bà trưởng trạm nói vẫn cái giọng trịnh trọng đều đều.

Bà trở ngón chân vào những vật đang tựa vào đám đồ đạc, xếp chồng vào nhau hoặc bày riêng lẻ. Rồi bà chạy đến bên chúng như một cô gái, rất nhẹ nhàng và bắt đầu hăng hái sắp xếp các bức họa thành hàng dài xấu hổ. Bà muốn bộc lộ tận cùng của đời mình cho những người phụ nữ mà bà đã đưa vào. Bà hoàn toàn bị kích động bởi triển vọng sẽ tiết lộ tất cả.

- Đấy, - bà nói, quỳ gối, quay lại nhìn các bạn, chìa cho họ khuôn mặt vàng vố, như để biến thành đá hay giải tội, bởi lúc này bà đứng dưng với chúng, một trong hai điều đáp ứng sự mong mỏi của bà. - Đây là câu chuyện cuộc đời chúng tôi.

Bà Mulvaney chút rằng.

- Thế ông ấy điên à? - Bà Hobson hỏi, chẳng rõ chuyện gì đang xảy ra.

- Tôi không biết, - bà trưởng trạm nói với một giọng khùng khiếp, như muốn nói toạc ra, cho chính mình nhiều hơn là cho người nghe.

Người phụ nữ che mạng tiến lên trước để xem cho dễ hơn. Sau khi đưa đầu lưỡi liếm môi và vướng phải cái mạng, bà nâng nó lên, nó đã lỗi một, hoặc giả đã lỗi một rồi lại thành hợp thời.

Bà nói:

- Rất thú vị. Nhưng dĩ nhiên các công trình nghệ thuật thật sự chẳng chứng minh điều gì cả. Chúng phải được đánh giá do chính chúng mà thôi.

Bà Hobson và bà Mulvaney căm thù nhìn người lạ mặt, nhìn cái mà họ chẳng hiểu được. Đó là một khuôn mặt đen sẫm vừa mới nói, và tẻ hơn nữa, có lẽ là người ngoại quốc.

- Bà thì sao cũng xong, bà Schreiber ạ, - bà trưởng trạm nói, đang quỳ bống đứng lên. - Bà có thể phán xét những gì bà không trải qua. Còn tôi, cứ mỗi nét bút là tôi rớm máu, - bà thét lên - những thứ này.

Và bà đá một bức tranh.

Bà Mulvaney và bà Hobson mồm há hốc, rụt lại trước sự táo bạo của bà trưởng trạm. Bởi vì bà ta đã quật Chúa Ki-tô báng bổ mà ông chồng quá cố của bà đã vẽ, rõ ràng là ở cạnh một hòm đựng trà, lúc này đã hơi vênh. Lúc đầu đó là một loại Chúa Ki-tô khốn khổ, như một tay thợ gầy gò, một con người như một con gà đã vật lông chưa chịu đựng đến tột cùng của sự sỉ nhục, nhưng sẽ cam chịu thêm nữa, đến mức rạch dài và sâu bằng một cái chai vỡ, thứ vũ khí ti

tiện nhất, rồi để mừng mủ dưới đàn ruồi nâu, bên cạnh đường xe lửa.

- A...a... - Bà Mulvaney và bà Hobson thở dài. - Khủng khiếp quá.

Họ vô cùng sửng sốt và sợ hãi. Họ muốn quay lưng lại, chạy ra khỏi căn phòng điên loạn, không nghĩ đến nó nữa.

Nhưng Amy Parker, người này giờ vẫn trầm lặng, bởi vì bà mở lòng tiếp nhận sự triu mến hết sức và cái đẹp, không hề nghi ngờ những đồ trang sức bằng máu mà ông chồng bà trưởng trạm đã đeo vào tay Chúa Ki-tô. Rồi da thịt bỗng làm bà xúc động, chất gỉ đồng co rúm và mờ nhòe rỉ ra của nó. Bà biết rõ điều này, như thể giấc ngủ đã kể cho bà. Những chân lý vĩ đại chỉ được hiểu thấu một nửa khi ngủ.

Bà nhìn bức tranh Chúa Ki-tô, và biết rõ về nó. Không phải xê dịch nhiều, bà nhìn quanh các bức tranh khác mà chồng bà trưởng trạm đã để lại. Hình như ông đã vẽ rất nhiều cây cối, trong những tư thế khác nhau, cành lá xếp lại như đang ngủ hay đang trầm tư, hay di chuyển trong sự quằn quại. Và những cái cây chết. Hình dáng màu trắng của những thân cây xem chừng chẳng khô khốc và ngờ vực tí nào, không như xương cốt trên cánh đồng. Như thế là một nét vẽ cũng có thể biểu hiện tình yêu. Trước giờ bà chẳng hề nom thấy một nét vẽ có vẻ đẹp thỏa đáng. Cái này xui bà yêu thương người hàng xóm.

Rồi những người đàn bà đang ngắm nhìn bỗng cười vang.

- Thế cái này là gì? - Bà Mulvaney cười vang.

- Ô, kìa! Hử? - Bà Hobson cười ồm lên, đằng sau ngón tay đeo nhẫn cười.

Các bà bỗng rít lên, lắc lư thân hình to béo và nách sạm đi.

- Vâng, - bà trưởng trạm nói, sẵn sàng chịu đựng, - đó là thứ xấu xa nhất.

Bà sẵn sàng hoan nghênh một cú đâm vào lưng. Bản thân bà cũng muốn cười một cách cay độc nhất, vì người đàn bà thô kệch ấy như tạc từ trong tranh, điều này Amy Parker thấy rõ.

Hình dáng này vừa tỉnh giấc. Trong con mắt hạnh nhân có một mầm hiểu biết đang lớn dần và chẳng bao lâu sẽ đâm chồi nảy lộc. Mặt khác hình dáng người phụ nữ đang tỉnh giấc thật trần trụi, ngoại trừ chòm lông bảo vệ cho những phần kia của thân thể một cách thi vị ngây thơ. Sự giản dị của bà là sự giản dị của im lặng và đá. Đôi vú của bà vững chắc như hai hòn đá, và với hai bàn tay nặng nề nhưng có xúc cảm, bà đang cố với tới mặt trời, cái mặt trời bản thân nó cũng trở thành hòn đá, nếu nó không ánh lên chói chang như thế.

Suốt thời gian đó bà Mulvaney và bà Hobson cứ đung đưa và nhạo báng. “Cái gì nữa nào?” Họ thét lên trong khi nước mắt trào ra từ khuôn mặt da thuộc của họ.

Cái mùi vui vẻ của họ đã trở nên ngọt ngào.

Rồi Amy Parker, nãy giờ đang đứng giữa sự náo động, bỗng nhận thấy trong góc, dưới chân người phụ nữ, cái gì giống như xác



một con kiến mà chồng bà trưởng trạm đã cào trên sơn bằng một vật sắc nhọn, từ bên trong cái xác đó một ngọn lửa le lói, bằng sơn màu sáng, đang đua về cường độ với cái mặt trời mà người phụ nữ đang vươn tới.

A, - Amy Parker thốt lên, sực nhớ ra và đỏ mặt.

- Bây giờ các bà sẽ hiểu, - bà trưởng trạm nói quay về phía mọi người. - Tôi không còn gì nữa để giấu. Chẳng qua tôi cần phải cho người nào đó xem. Tuy nhiên, chúng tôi nhiều khi cũng hạnh phúc. Tôi nấu cho ông ấy ăn những thức ông thích. Ông rất thích ăn bầu dục. Tối tối, chúng tôi thường cùng ngồi ngoài trời. Ông ấy biết tên các vì sao.

Đoạn bà đưa tay phủi bụi cửa sổ, và xác mấy con ruồi rơi xuống, cùng ít bụi.

Lúc này chẳng ai đặc biệt lắng nghe. Hoặc giả họ đã nhìn thấy nhiều quá rồi nên không thể nhìn thêm nữa, hoặc giả họ sốt ruột muốn trèo trở về căn phòng tâm tư của họ. Thế là họ bắt đầu lén ra.

- Bà tốt quá, bà Schreiber ạ, - bà Gage nói, với cái giọng uốn éo người ta thường hay dùng khi nói chuyện với một người giàu và có quyền lực.

Bởi vì bà Schreiber, là người nước ngoài, cũng giàu có. Bà đã mua ít tài sản ở những vùng nọ, cũng đôi khi làm bơ, để cảm thấy nó trên bàn tay.

- Quả là rất thú vị, - bà Schreiber nói giọng khàn khàn, vừa đưa tay kéo cái mạng đen xuống. - Tôi phải quên cái chuyện này đi một

tí, bà Gage ạ. Rồi thì nó sẽ khác.

- Nhưng nó sẽ chẳng bao giờ rời tôi. - Bà trưởng trạm thét lên, trong khi bà đeo mạng trùm tư bước đi.

Những người khác cũng ra về.

- Bà Parker thân mến, - bà trưởng trạm gọi với và bước theo bà Parker trong tiếng váy sột soạt. - Tôi sẽ không nói gì về chuyện ấy với bất kỳ người nào khác.

Amy Parker cúi đầu và nói rằng bà cũng sẽ không nói.

Khi bà bước vào, chồng bà hỏi:

- Amy, từ này giờ em đi đâu đấy?

- Đến với bà trưởng trạm, - bà nói. - Ông Gage đã tự tử. Ông ấy treo cổ lên cây ở trong sân.

Stan Parker, giống như những người khác, không quen biết ông chồng của bà trưởng trạm, nhưng nghĩ rằng cái chết có thể đến với bất cứ người nào ông biết tên.

- Nói tiếp đi. - Ông nói.

Và hỏi tại sao, trước khi ông nhận ra.

Amy Parker mang chén và đĩa ra.

- Bà Gage cho chúng em xem mấy bức tranh ông ấy vẽ, - cuối cùng bà nói.

- Loại tranh gì? - Ông chồng hỏi.

- Loại tranh sơn dầu - bà nói. - Nhưng chúng ta đừng nói gì về chuyện ấy cả.

Bà bắt đầu bày bát đĩa. Bà bỗng run lên trước vẻ lạ lẫm của chính ngôi nhà mình. Đôi bàn tay bà như những con chim lạ đang bay chập choạng giữa những chén tách.

Và Stan Parker thắc mắc không hiểu tại sao chẳng bao giờ mình có ý định tự tử. Đến lúc nào thì cần thiết phải làm thế? Ông cắt bánh mì. Ông bắn khoăn. Không khí loăng của buổi sáng trôi lững lờ quanh nhà quệt vào giấy dán tường và lay chuyển chúng. Đến độ nào thì sự vững chắc sẽ tan rã? Nhưng điều này vẫn chưa được quyết định.

Sau khi thi hài đã được chôn cất bên bụi cây ở nghĩa trang, Stan Parker quên bẵng đi, nhưng vợ ông vẫn còn bận tâm, về chuyện chết chóc ít hơn là về quan hệ giữa bà và người đã khuất. Bà nhớ mãi khuôn mặt xám xịt của ông khi quỳ trên đá sỏi ngày hôm đó. Khuôn mặt ấy nhìn bà, nhưng có thể là với một vẻ mặt bà không nắm bắt được. Hoặc giả có cái gì đó bà không nhớ nổi? Bà lục lọi trong đầu dữ dội, nhưng nó tuột mất, cho đến khi bà trên thực tế giống như người phụ nữ huênh hoang đang vươn tới mặt trời sáng rực. Thân thể của bà là cái bà có được.

Vì thế bà bỗng bồn chồn. Bà có thể đóng xe ngựa và đánh xe đi, dây cương nằm trong tay. Bầu trời, màu xanh biếc, đang di động với những vòng xoắn nhỏ nóng vội. Toàn bộ cánh đồng ngô cứ theo đuổi bà một cách trắng trợn với những điều bí mật cần phải đoán ra.

Rồi bà bỗng nổi giận, làm cho con ngựa đang bình tĩnh phải hoảng sợ. Trong dịp như thế này, - bà tự nhủ, vừa quất roi da, - mình sẽ đi thăm gia đình O'Dowd, phải rồi. Và bà đánh xe đi tiếp, đôi bàn tay trở nên vững chãi hơn, giờ bà hài lòng là cái mục tiêu vững chắc này đã được cụ thể hóa. Tinh thần bồi rối chẳng len vào được sự có mặt của nhà O'Dowd. Vì thế bà tiếp tục cho xe chạy, trong tiếng leng keng, trong cỗ xe nhỏ lịch sự thời đó bà có, với một chú ngựa con ngoan và chắc nịch. Cây cối chạy dài. Mình không nên suy nghĩ gì cả, - bà nhủ thầm, - về những gì mình không hiểu.

Khi Amy Parker đánh xe lên con đường mòn về phía nhà O'Dowd với lòng tin và tấm lưng rộng, không có dấu hiệu có người ở. Cái nhà kia, cả lợn nữa, và một con lợn con vàng còi cọc, vừa mới ốm, bệnh giun hay bệnh gì đó, đang khịt khịt đánh hơi một cọng bắp cải, vẻ không hăng hái lắm. Đã lâu lắm rồi Amy Parker chưa gặp lại bà bạn, bà hàng xóm O'Dowd, dù chẳng có vụ cãi vã thật sự nào, mà thật ra vì không người nào cần cầu cạnh người kia điều gì. Bây giờ bà nhìn quanh, nhìn ngôi nhà xa lạ mà bà đã quen biết và đã quên đi. Nó vẫn đứng đấy, vững vàng, như nhờ một kết cấu đặc biệt của trọng lực. Những mảnh của nó treo lên. Những mảnh đã bị lôi xuống, cho tiện vào một ngày ướm át để nhóm một ngọn lửa nhỏ, để cứu một linh hồn phiền muộn với một chiếc rìu trong lán.

Bây giờ, trên thực tế, có một ngọn lửa ở giữa sân, hay là một đồng tro đen ảm đạm có khói bên trên, khi bốc lên khi thụt xuống, nom bản thủ. Có lửa và cả mùi hôi thối. Mùi xông ra, dưới hai lỗ mũi - không chút lầm lẫn chúng là hai ống trong sọ não, phải chịu sự tra tấn phi lý.

Amy Parker mò mẫm trong mùi hôi thối ấy, buộc chú ngựa con đang khịt khịt.

Sau khi bà hàng xóm nhìn ra ngoài, tra vào hàm răng giả đã cất trên giá bếp, và ra ngoài bậc thềm, sửa lại chiếc váy một chút, Amy Parker nói, như thể bà mới gặp bạn ngày hôm trước, biết làm sao, đã lâu quá mà:

- Chị đang đốt cái gì đấy, chị O'Dowd?

- Ồ, - bà hàng xóm nói, che miệng, - một đồng lửa nhỏ thôi.

- Một đồng lửa nhỏ. Một mùi hôi thối khủng khiếp, - bà bạn Parker nói.

- Ồ, - bà O'Dowd che miệng nói, - chúng tôi đang đốt cao su cũ đấy mà.

- Cao su gì đấy?

- Lốp xe cũ ông ấy mua rẻ được.

- Thế ra hai người có xe riêng à? - Bà Parker hỏi.

- Ông ấy không chịu lái bất cứ thứ gì chạy bằng rượu, - bà O'Dowd che miệng nói. - Ông ấy sẽ uống sạch ngay. Không, đó là lốp xe cũ ông ấy mua đầu cơ, rồi chán, nên chúng tôi mang đốt.

- Cũng là một cách, - bà Parker nói.

- Máy thứ bản thủ, - bà O'Dowd nói, đưa chân đá đồng lửa.

Bởi vậy hàm răng bắn ra từ phía sau bàn tay và may mắn mắc vào ve áo choàng của bà.

- Những cái này mới, - bà nói bằng đôi lợi. - Đây là hàm răng tôi gửi thư đặt hàng, thế mà quân chết tiệt lại bật ra.

Nó giống như một chiếc khóa giày bóng loáng mà bà gắn lại.

- Thật là đồ quý sứt, - bà nói đằng sau bàn tay. - Nhỡ mà nó rơi vỡ thì thật phí tiền. Cho nên lúc nào tôi cũng phải để tay trước mặt, chắc chị cũng thắc mắc rồi.

- Tôi thì tôi sẽ bỏ nó ra. - Bà bạn nói.

- Đúng đấy, - bà O'Dowd nói - cũng là một ý kiến. Tôi chẳng đeo vì xã giao đâu. Chẳng qua mình đã mua thì phải dùng thôi.

Rồi bà cho nó vào túi, và hai người cười vang. Họ vui mừng thấy nhau mỗi khi gặp gỡ. Người này nhắc nhở cho người kia rằng mình đang tồn tại. Bà nhận ra rằng bà đang phải chịu đựng.

Vì thế cả hai cười thoải mái, quên mọi chuyện trên đời, cho đến khi khói xông vào họ.

- Khói đen cả bụng, - bà O'Dowd ho. - Lỗi không phải tại chúng tôi, mà tại ông cảnh sát.

- Ông cảnh sát làm gì? - Bà Parker quay ra sau ho, suýt chết ngạt vì khói đen.

- Bà là bạn cố tri nên tôi mới nói, - bà O'Dowd nói vừa cầm tay bạn, - và chỉ cho chị xem. Nhưng chị Parker, chị hứa là sẽ không

bao giờ kể cho ai nghe cả, không bao giờ nhé?

Amy Parker hứa, vì bà háo hức muốn nghe, hai người quay trở lại ngôi nhà ọp ẹp.

- Bởi vì bọn họ, họ không muốn để yên cho những người yêu tự do, cảnh sát và tất cả, - bà O'Dowd nói, - họ luôn chõ mũi vào. "Được rồi," ông ấy bảo tôi, "cứ để chúng bám, rồi chúng ta sẽ cho chúng ngửi một thức gì đó." Và thế là chúng tôi mang lớp này ra đốt.

Lúc này hai người đi đến một cái chạn thức ăn nhỏ, có thể hoặc chưa từng có ở đó trước đây, qua một lớp màn làm bằng vải bao được căng ra vì một lý do nào đó. Mọi thứ đều tăm tối và mùi trở nên phức tạp hơn. Trong khi mò mẫm đi Amy Parker đá phải một tảng mỡ cừu đặt ở đáy, dùng để đánh bóng mấy đôi bốt hoặc thứ tương tự thế, mà lũ chuột hay gặm nhấm.

- Ông ấy bảo: "Ngọn lửa này sẽ làm chúng khở đây." - bà hàng xóm nói - "Cái mùi của nó thì ghê gớm phải biết, tuy không ghê gớm như mùi kia."

Cái mùi kia thực sự đã bắt đầu chiếm thế thượng phong khi hai người lò dò về phía bếp, đập lên những tấm ván hăm dọa và thật sự làm cho người ta ngã xuống.

- A, - bà O'Dowd nói, - bước dài một tí bà chị ơi. Bọn kiến trắng đấy. Chúng khủng khiếp lắm. Chúng tôi sẽ trị chúng khi nào ông ấy có thì giờ.

Thế là họ tiếp tục đi, vào bếp, nơi cái mùi ghê gớm đập vào mũi họ, và bà O'Dowd mỉm cười.

- Bia đấy à? - Bà Amy Parker hỏi, mồm há hốc vì khói.

- Chúng tôi chẳng bao giờ gọi nó bằng tên. - Bà O'Dowd nói với một nụ cười duyên.

Bà quấy chiếc xoong, từ đấy một luồng hơi biếng nhác lướt qua khuôn mặt của bà, làm cho nó có màu sắc ấm áp mà thông thường không có; mặt bà mang màu của vỏ cây, da thuộc và những thứ màu nâu khô khốc cũ kĩ, vì mặt trời chiếu vào bà khá lâu.

- Chúng tôi buộc phải làm thế, - bà giải thích, - kể từ ngày ông ta bị cấm không được dùng rượu nặng và chi phí cũng là điều phải xét đến. Thế cho nên tối tối, chúng tôi ngồi và uống một cốc thứ nước vô hại này. Có khi cả buổi trưa nữa. Uống một vài cốc cũng chẳng hại gì mà lại linh lợi hơn.

- Vậy chị cũng dính vào ư? - Amy Parker hỏi.

- Chị nói "dính" là thế nào? - Bà O'Dowd dừng lại. - Nếu một linh hồn khôn khéo bị đau đớn đến thế, thì điều chí ít có thể làm được là bầu bạn với người ta, trong phạm vi có thể. Tôi không rượu chè gì, chị Parker ạ. Chẳng qua tôi muốn chồng mình bớt khổ, bằng cách cảm thông với ông một tí.

Bỗng có tiếng ợ, tiếng ngòi nhà lắc lư và tiếng kéo chuông, khiến bà đánh rơi cái thìa.

- Lại lão ta rồi, - bà nói. - Lão dùng bữa xế chiều.

Tiếng chuông rung dữ dội. Máy buồng phổi căng lên.



- Mụ già, mụ già! - Tiếng O'Dowd vang lên, giọng âm đạm và tàn nhẫn.

- Ông ta ấy đùa thôi, - bà giải thích, mở nút một chai bia cũ và rót thứ nước giải hòa ấy vào một thứ gì đó đựng được trong tầm tay. - Ông ấy đã nghĩ ra được một kiểu chuông báo, như chị đã nghe, và sẽ thấy, nó tài tình lắm.

Dẫu Amy Parker không muốn nhìn thì tình thế cũng bắt buộc bà phải chứng kiến, cái tình thế đã khiến bạn bà - bà hàng xóm đi vào một lối hẹp với một khay thiếc. Chẳng mấy chốc hai người nhanh chóng sang phía bên kia của ngôi nhà, nơi O'Dowd ngồi, trên hiên, cạnh những bụi hoa vân anh.

- Đừng có mà rung chuông nữa, - vợ ông nói. - Có bà khách đến thăm chúng ta đây.

- Bà nào? - Ông hỏi và quả có dừng lại, mặc dù cái chuông được điều khiển bằng sợi dây buộc vào ngón chân ông vẫn tiếp tục lúc lắc leng keng một hồi nữa.

- Tôi chẳng bao giờ xúc động vì những cuộc viếng thăm của đàn bà cả, - O'Dowd nói. - Nhưng nếu đã xảy ra thì cứ xảy ra. Bà Parker, bà dùng một cốc với chúng tôi. Tôi sẽ gánh mọi hậu quả. Nếu nó không hại tí vị của bà thì nó sẽ làm bà phẩn chấn lên.

- Cám ơn. Tôi không cần thứ đó. - Amy Parker nói.

Lúc này bà hối hận về việc cao hứng đến thăm gia đình O'Dowd. Sự đúng mực khiến bà có vẻ đứng đắn.

- Chị ấy trên tầm thứ ấy. - Bà O'Dowd nói, cái mũi bà không hẳn là không muốn dí vào trong cốc.

- Tôi không phải thế đâu. Chị cũng biết đấy. - Bà Parker nói.

- Chị ấy là người sang trọng, - bà O'Dowd nói tiếp, gạt một vài con ruồi ra khỏi cốc bia.

- Tôi không phải như chị nói, chẳng qua tôi không rượu chè, và kiên quyết giữ như thế mãi.

- Đời như thế thì khủng khiếp quá, - ông O'Dowd run lên. - Lạnh như đá. Tôi không thể nhìn hình ảnh phản chiếu của mặt mình trong gương nếu nó không nóng bừng lên.

Nhưng Amy Parker đang mãi nhìn mây bụi vân anh. Bà thắc mắc tại sao mình lại đến đây.

- Bách nhân bách tính. - Bà O'Dowd phân giải. - Thế nhưng chuyện trò với bạn bè cũng thích, nhất là có bạn ghé thăm.

Bà bắt đầu xoay xoay cái cốc và khẽ đung đưa cổ chân, nghiêng đầu sang một bên, như các bà mệnh phụ vẫn thường làm.

Bà nói:

- Chị Parker à, con trai chị, cậu Ray ấy, có khỏe không, tôi hy vọng thế? Đã lâu chúng tôi không nghe tin gì về cậu ấy.

Bà ta đang nhìn, Amy Parker thấy rõ.

- Ray, - bà mẹ nói giọng dứt khoát, thản nhiên - đi miền Tây rồi. Nó có thư về. Nó đang có công việc.

- Công việc? Thế thì hay quá. Thế công việc gì đấy? Tạp hóa hay kim khí?

- Nó không nói, - bà mẹ lại nói, cũng với giọng dứt khoát, tự tin. - Không phải lúc nào cũng dễ dàng giải thích công việc làm ăn được, một công việc quan trọng, nói tóm lại thế.

- Đúng thế, - bà O'Dowd nói.

Nhưng bà vẫn nhìn. Đôi mắt bà khá nhỏ. Bà đang tìm một khe hở, qua đó có thể xoay một lưỡi dao vu vơ vào một buổi chiều nào đó.

- Ồ, công việc, - ông O'Dowd rầu rầu nói. - Đáng lẽ ra tôi đã làm một công việc gì rồi, nếu tôi không bị một tên tôi quen ở Forbes lừa, về một phát minh mà tôi nghĩ ra cách đây mấy năm, vật lông một con gà trống choai bằng phương tiện cơ khí. Đó là một cái máy thay thế giống như cái này, - ông nói, xòe bàn tay thành những chữ V và nhồm người lên, để giải thích những cái rắc rối của chiếc máy.

- Bà cứ tóm lấy con gà ở đằng cổ, như thế này, rồi vặn một cái. Rõ chưa? Rồi vò lông nó cho đến lúc nó chẳng còn hy vọng gì mà phải rụng hết. Bà hiểu chưa? Đó là cái máy đơn giản nhất, bà Parker ạ, thế là anh chàng xoáy luôn, rồi chẳng bao giờ quay lại từ ngày ấy, người ta bảo tôi thế.

- Cái máy cổ lỗ sĩ ấy! Bà O'Dowd nói. - Thế còn Thelma, chúng tôi nghe nói con bé làm ăn khá lắm.

Bà mẹ háng giọng:

- Vâng , - bà đáp lại ngay - Thelma đã đính hôn rồi.

- Chà chà, - bà O'Dowd nói. - Thật ư? Thelma đính hôn rồi?

- Với một cố vấn pháp lý - bà mẹ nói - một ông tên là Forsdyke, nó là thư ký riêng của ông ta. Kể cả sau khi đính hôn.

- Tôi chỉ muốn vắn cổ thằng cha ấy, - ông O'Dowd nói - như vắn cổ một chú gà choai. Nó tên là gì tôi quên rồi.

- Lạ thật, con bé Thelma, - bà O'Dowd nói. - Một con bé xanh nhẽo như vậy, nó mà chết thì tôi cũng chẳng ngạc nhiên.

- Nhưng nó không chết. - Bà mẹ nói.

Trong khi họ bỗng bênh trên con thuyền tình bạn đầy hiểm nguy. Amy Parker cứ thắc mắc không hiểu tại sao mình lại đến. Hoặc giả bà đã biết mà quên khuấy đi. Hay thói quen là động lực của phần lớn mọi hành động, dẫu sao, họ cũng đang ngồi đấy, cả ba phần nào phụ thuộc vào sự thăng bằng của người kia, trong ánh sáng dịu dịu của buổi chiều có những con chim nhỏ bay ra bay vào từ các bụi vân anh.

- Với bọn nhóc và công việc làm ăn, ta cứ ngồi yên là hơn, - ông O'Dowd nói, vừa nhổ toẹt qua hai hàm răng của chính ông.

- Đó là thứ ta được ban phước, - vợ ông nói, uống cạn thứ nước màu nâu. - Và ông thì ngồi ì mông mãi, thứ Năm rồi đấy, ban phước hay không thì cũng giúp tôi đi.

Và bà đặt cốc xuống.

- Bà là một con bò, - ông nói - muốn sử dụng sự thật như thể nó là một vũ khí. Đập mạnh một anh chàng khốn khổ đầu tiên vào đúng cái đầu, là thế đó. Bà quả là một con bò cái chết tiệt.

Ông ngồi sâu vào ghế, sau khi khạc một lần nữa giữa hai hàm răng vẫn còn rất trắng, Amy Parker nhìn thấy và nhớ lại rằng ông O'Dowd có thể cắn quả óc chó với những chiếc răng ấy và phun vỏ ra rất xa.

Nhưng bây giờ ông chán nản.

Vợ ông bắt đầu ngân nga, giơ cao tay lên, nom vắn đồ sộ theo cách của họ, để thắt chặt một cái lược giả đồi mồi bà đang cài. Bà ngân nga cái giai điệu vẫn lẻo đẻo theo bà từ thời con gái.

Họ cứ ngồi như thế nom uể oải. Họ không hoàn toàn như phỗng. Ông O'Dowd nom ủ rũ. Ông ngồi cảm tì vào ngực, đưa mắt nhìn Amy Parker, như thể bà hầu như có liên quan đến suy nghĩ của ông. Ông là một người đầy lông lá, bà thấy rõ và run cả người.

Bà tự nhủ: A, ta phải rời khỏi chốn này.

Trời đang đẹp bỗng trở nên âm u. Bà khát khao được tung ra ngoài khỏi bầu không khí nặng nề khó bề khuấy động này.

- Chị có biết mấy giờ rồi không, chị O'Dowd? - Bà hỏi.

- Đây là một chỗ quen biết tôi đã đoạn tuyệt bao nhiêu năm nay. - Người bạn dụi dụi của bà nói, quyết tâm phá hoại một người nào

đó, có thể là bản thân bà, buổi chiều hôm đó. - Mà chị chưa đi được đâu, chị Parker ạ, còn sớm lắm. Nếu ông ta có buồn chán thì ông sẽ lại phẩn chấn lên. Đôi khi ông ấy ở tâm trạng như thế lại rất thú đấy.

Rồi bà rót cho ông một cốc nữa để cho ông yên, và rót một cốc cho bản thân bà, vì đồng cảm.

- Chúc may mắn, - bà O'Dowd nói. Chồng tôi có lẽ sẽ kể cho chúng ta nghe một vài câu chuyện đấy.

- Tôi quên hết cả rồi, - O'Dowd nói.

- À, tôi có nghe nói, - bà vợ ông nói - rằng ông chồng bà trưởng trạm bưu điện có vẽ tranh sơn dầu, trước khi ông treo cổ, và chưa ai từng thấy thứ gì kỳ lạ hơn những bức tranh ấy. Bà có nghe thấy không?

Và bà nín thở lắng nghe.

- Tôi có nghe, - Amy Parker nói - người ta nói.

- Loại tranh gì thế, lạ Chúa? - ông O'Dowd hỏi, ngáp dài cho đến khi chiếc lưỡi gà dựng lên.

- Cây chết và Chúa Ki-tô, - vợ ông nói, - cùng người phụ nữ trần truồng. Những thứ điên loạn, hình như thế.

- Khoan đã, - chồng bà nói. - Vẽ một người đàn bà trần truồng là điên sao? Chị Parker sẽ nói gì? Cái bức tranh điên rồ vẽ người đàn bà trần truồng, chị đã nhìn thấy như thế nào?

- Tôi có nói là tôi nhìn thấy đâu? - Bà Parker đỏ mặt nói.

- Ông say rồi, ông ạ. - Bà O'Dowd bảo chồng, mắt luôn nhìn bà Parker.

- Tôi sẽ vẽ một người đàn bà trần truồng, - ông nói, đôi mắt đảo đảo đi đảo lại, để cho chúng hầu như bộc lộ những suy nghĩ bên trong ra.

- Nhưng ông không vẽ được, - vợ ông nói - và ông say.

- Nếu tôi vẽ được tôi biết tôi sẽ vẽ cái gì, - ông O'Dowd gầm lên.  
- Tôi sẽ vẽ bộ lòng của con cừu, bởi vì đó là một vật đẹp đẽ, và tôi sẽ vẽ một người đàn bà trần truồng, - ông nói, vừa nheo mắt nhìn Amy Parker, người đang sợ hãi thấy mình bị giam hãm vào một tình thế khủng khiếp, mà cũng nửa bất ngờ, - một người đàn bà trần truồng ngồi trong chiếc ghế mây, có một bó hoa vân anh đặt trong lòng.

- Ông ơi, nghe này, - bà vợ cười vang, xốc tóc lên một cách bực dọc, - tất cả chẳng qua chỉ là trò chuyện thôi. Nhưng mà ông say rồi, ông lão ơi, tôi biết mà. Mộng tưởng quá rồi. Ông mà là họa sĩ thì tôi là gì?

Bà lại cười vang, tò mò nhìn Amy Parker, lúc này đã đứng dậy ra về.

- Gượng, chị ơi, - bà O'Dowd nói, nhìn bà bạn. - Tôi có điều này muốn hỏi chị. Khi tôi trở lại. Ôi, tôi xin phép.

Và bà ra khỏi phòng, đi về phía sau, nhìn kỹ bậc hiên, đe dọa xô ngã bà nhưng thất bại.

Thế là Amy Parker ở lại một mình với ông O'Dowd. Bà không nhìn ông, nhưng chờ đợi. Hình dáng họ nom đồ sộ ngoài hiên vào lúc này và cho thấy sẽ càng đồ sộ hơn nữa.

- Bà ấy chẳng chịu để cho ai nói cả, - ông O'Dowd nói, cũng vừa đứng lên, và đang ngắm nhìn mũi giày, cố đứng cho ngay ngắn, ngắm nghía cẩn thận lớp da thuộc khô khốc. - Bà ấy sẽ giết một người đàn ông, nếu anh ta không giết bà ấy trước. Nhưng tôi không thể làm như thế được. Bà ấy là một người tốt, chị Parker ạ, chính vì thế mới gay go chứ. Dù là tranh ở trong tôi, và đó là một kiểu nói, hoặc giả là tư tưởng, những tư tưởng của tôi đáng được ngắm lắm, nếu chúng không chết từ trong bụng, nếu chúng không bị giết chết hay bị xoáy mất như cái máy vật lông gà. Tôi là một người đàn ông bị hủy hoại.

- Ông hãy ngồi xuống đi, ông O'Dowd, có lẽ ông sẽ thấy dễ chịu hơn. - Amy Parker nói.

Bởi vì cái nhóm ngoại cỡ này trở nên ngọt ngào đối với bà. Bà chỉ muốn giơ tay gạt đi bất kỳ một sự xâm phạm nào nữa.

- Nhưng tôi định nói với bà một điều, - ông O'Dowd nói, cố với lấy cái điều ấy bằng những đốt ngón tay, - tôi cảm thấy dễ chịu.

- Trời ơi, - Amy Parker thở dài, nhìn về phía bà bạn ra đi mà không trở lại.

Những bông hoa nhỏ trên bụi vân anh lửng lơ run rẩy luống cuống, những âm thanh đờ thắm chưa bao giờ the thé hơn lúc này.



- Đấy bà xem, - O'Dowd nói, nghiêng người về phía trước. - Tôi chẳng bao giờ kể cho ai nghe về bản thân tôi. Chẳng bao giờ nói hết. Chẳng nói cho một ai.

Ông nghiêng người về bên phải và nhìn vào bên trong chiếc áo cánh của bà Parker. Rồi ông tiến đến và đứng thẳng người.

Rồi Amy Parker biết rằng suốt đời bà đã chờ đợi ông O'Dowd làm một cái gì đó bản năng như thế này, hay không riêng gì ông O'Dowd. Do vậy bà đã không lấy lại tư thế ngay ngắn ngay tức khắc. Những bông hoa huệ quá nặng không nâng đầu lên được sau trận mưa, hay thậm chí dưới giọt sương nhưng phơi da thịt tươi mát của mình trong nắng.

Thế là vào thời khắc đó bà trở nên ướt át hơn, lấy lại phần nào sự phồn thịnh khi xưa. Cho đến khi bà cảm thấy kinh tởm. Rồi âm thanh của sự kinh tởm dồn lên cổ bà.

- Chúng tôi đang nói về một cái gì đó, - ông O'Dowd nói, cảm thấy ngượng ngập vì đã nói lan man.

- Có một việc tôi định hỏi chị, chị Parker ạ. - Vợ ông nói, lúc đó vừa trở lại.

Bà O'Dowd hình như đã cho đầu vào một cái xô nước. Đầu tóc bà bị ép xuống, nom thảm hại, nước ròng ròng chảy xuống mặt.

- Đầu tôi hơi bưng bưng, - bà nói. - Tôi không nhớ ra cái điều chết tiệt ấy.

- Nếu chị không nhớ ra, - cuối cùng Amy Parker nói, - thì tôi đi đây.

- Được rồi, - bà bạn nói. - Chị đừng kể chuyện gì về chúng tôi nhé?

- Tôi phải kể chuyện gì nào?

- Làm sao tôi biết rõ được? - Bà O'Dowd nói, ngắm nhìn bà Parker thật kỹ. - Chị buồn cười thật, Amy ạ, bao giờ cũng thế.

Bà Parker đi xuống bậc cấp.

- Tôi không thể trả lời được, - người đàn bà hồi xuân cười vang, mang gương mặt mịn và hai cánh tay chắc nịch.

Khiến cho bà O'Dowd đâm ra nghi ngờ, dõi theo bà bạn đang liếc mắt nhìn lại, máu bốc lên mặt, hay là ánh của hoa vân anh. Amy Parker vẫn còn nồng nhiệt. Đôi lúc ánh sáng hắt vào mặt, và lấp lánh dưới vành của chiếc mũ to.

Rồi bà đánh xe đi, để ông O'Dowd ở lại, ông trở về với tình trạng không hình dáng, của những cơ hội đã mất, những khát vọng mịt mờ hơn, bên cạnh vợ ông, người mà có lẽ đã tìm thấy nỗi bất bình lâu nay bà vẫn tìm kiếm. Hai vợ chồng O'Dowd quên không vẫy tay. Cả hai đều quá bận tâm suy nghĩ.

Amy Parker tiếp tục đánh xe. Con ngựa mướt mà lao nhanh trên đường, vì đó là đường trở về, chiếc xe lắc lư, mang lại cho tâm hồn người phụ nữ đang đánh xe một sự lãnh đạm dễ dàng đối với sự vật. Bà cứ trôi, êm ả, nhẹ nhàng như ánh sáng và dòng cây. Tất cả

mọi ưu phiền canh cánh trong lòng bà suốt dọc đường đi bây giờ đã tan biến. Với bản năng, bà có thể nắm được một số vấn đề nan giải nếu nó đến với bà.

Nhưng dĩ nhiên là đã và sẽ không như thế. Vì vậy cái sức mạnh trong đôi tay đang nắm giữ dây cương cuối cùng bắt đầu làm bà bực bội. Bà liếc nhìn qua những thân cây nhẵn nhụi đang vút qua. Và bà nhớ lại một cách kinh tởm, cái thân hình lóng ngóng đầy lông lá của ông O'Dowd. Cuối cùng, tất cả niềm tự hào về sự tự do vận động và hồi xuân đã bị cảm giác ghê tởm gần như sợ hãi phủ lên. Bà chưa bao giờ bị hất ra khỏi một cái xe, nhưng điều này có khả năng xảy ra, bà nhận thấy, nếu cái trục bánh xe đâm vào một cái cột cổng, hay một bánh xe chồm lên một khúc gỗ nhỏ.

Khi đánh xe vào cái sân sau Amy Parker toát cả mồ hôi và tim đập thình thình, còn chồng bà đang thu dọn cái xô bóng nhìn ra cửa sổ và nhíu mày.

- Muộn rồi, anh chuẩn bị bắt đầu. - Ông nói và bước ra ngoài với những chiếc xô bóng nhoáng.

- Em tới ngay đây, - bà nói, vừa trèo xuống xe khá nhanh so với một người đàn bà ở lứa tuổi ấy, hơi vụng về, vì vội vã.

Có lẽ bà cũng đoán thấy thế nên bà đỏ mặt và nhìn xuống.

- Em đến nhà O'Dowd, - bà nói. - Mất bao nhiêu thì giờ. Họ say rượu, thô lỗ, bản thủ, say bí tỉ giữa ban ngày ban mặt.

Bà đi vào nhà, vừa kể lại cho chồng nghe những mẩu chuyện dường như không thể tin được, khi bà đi qua căn bếp rất ngăn nắp,

vào phòng ngủ để lột bỏ bộ áo váy bà đã mặc đi chơi.

Nhưng chồng bà cười vang đôn hậu và nhẹ nhõm đi tiếp về chỗ giá đỡ đầu bò. Thỉnh thoảng ông thích nghe người ta kể về những tội lỗi của người khác, để rồi nghĩ về họ và cười vang. Vì ông chẳng phải là người xấu, nên khoan dung có lẽ là tật xấu của ông.

Amy Parker, lúc này để chân trần, mặc một chiếc áo len cũ bà vẫn mặc để vắt sữa. Đôi lúc bà nom xò xề quá, giờ đây bà đã thấy rõ là nhếch nhác khi vội vã hoặc bị kích động. Một người đàn bà thô lỗ. Và bà bỗng lại nghĩ đến nhà O'Dowd, đến từ ngữ bà dùng nói về họ.

Say bí tỉ, bà nặng nề tự nói một mình.

Đó không phải là lời của bà, nhưng bà đã dùng nó, bây giờ bà như bị âm thanh mê hoặc. Cái xấu xí thô bạo và lây lan của nó. Bà tự chỉnh đốn bên trong chiếc áo váy cũ, chân vẫn mang bít tất. Tự bản thân khiến bà khó chịu.

Đã đến giờ vắt sữa, bà nghĩ, hai tay áp vào mặt khiến nó bị đóng khung giữa hai bàn tay và chiếc gương.

Rồi nổi buồn mênh mông xâm chiếm ngôi nhà, hoặc đó chỉ là sự im lặng bà đang lắng nghe khi bà bước chân trần trên tấm thảm đến chỗ đặt đôi giày. Nếu xảy ra một điều gì - điều gì bà không dám nghĩ tới - liệu bà có xử sự một cách tế nhị, hay thô bạo như đôi khi nó vẫn đe dọa bà? Bà nhìn ra ngoài. Hay một lá thư sẽ đến - sự thử thách của bà có thể mang hình thức khoan dung hơn này - báo tin Ray sắp về, bà sẽ làm cho mọi điều đều tốt đẹp, sẽ cố giữ không để

niềm kích động trào ra khỏi huyết quản, rồi chạy lao ra, ôm lấy đầu nó trong lúc nó đang đứng ở đấy, đó là đứa con của bà cần giành lại.

Nhưng bà kéo giày vào gót.

Stan đang đợi ta, người đàn bà nặng nề nhủ thầm, anh ấy sẽ bực mình.

Thế là bà đi ra không nghĩ thêm điều gì vớ vẩn nữa, nhưng vẫn nhìn quanh, phòng có ai đến hỏi han hay báo một tin gì đó.

## CHƯƠNG 18

Bước vào tuổi này của cuộc đời, đôi lúc Stan Parker băn khoăn chuyện gì rồi sẽ đến. Mọi người kính trọng ông. Ông không thể tách rời cái quận này, ông đã thành một địa danh. Đàn bò của ông nhỏ nhưng chất lượng rất tốt so với đàn bò cùng quy mô, không giàu có và không nhiều tham vọng, nhưng đáng tin cậy, các can sữa luôn đưa đến nhà máy làm bơ đúng hạn không bao giờ trễ. Ông cũng đi lễ nhà thờ, hát thánh ca và đọc kinh ca ngợi Chúa Trời hiện hữu. Người ta đã bảo với Stan Parker từ lâu rồi rằng ông là một tín đồ, dĩ nhiên ông tin. Ông hát những lời tụng ca đầy kiên trì, bằng chất giọng ta mong chờ ở ông, hát đúng theo nhạc không hề thêm bớt. Ông đứng ở một chỗ hát, lúc này sau gáy ông đã nhăn nheo và trong thớ thịt đường gân nổi rất rõ. Nhưng ông vẫn là một người đàn ông to lớn, lưng thẳng.

Thế thì có cái gì không ổn? Dĩ nhiên chẳng có gì giải thích nổi theo phương pháp logic; chỉ một chiếc lá rơi vào lúc hoàng hôn cũng sẽ vô cơ khuấy động cái lý lẽ đó. Stan Parker đi lang thang khắp cái nơi anh đã sống, nơi ông đã héo hon tàn tạ. Đây là cuộc sống của tôi, hẳn ông sẽ nói vậy, nếu ông diễn đạt bản thân được cách nào khác hơn hành động của cơ thể. Nhưng khi mùa hòa màu trở rạ và cỏ khô đến thì những mối nghi ngại lại chất chồng. Có những góc ngách trên đất đai mà ông không thể đến thăm được, như thể ngại

phải khám phá những điều mà mình không muốn thấy. Ở đó mọi thứ đều ổn cả, ông tự thuyết phục rằng chẳng có gì đổi thay khi tư tưởng đã xác định.

Một lần nhìn đám ruộng cao lương vàng óng sắp đến ngày thu hoạch, ông bỗng nhớ đến cùg dải đất ấy ngày mới khai hoang, lúc ông còn là một thanh niên trai tráng trên đó, những mẩu gỗ vụn từ những thân cây anh vừa mới ngã, và một vài cây con óng ánh đang chờ nhát rìu bổ xuống. Thế là ông quên khuấy việc gặt hái và bước đi, trầm ngâm suy nghĩ.

Có những lúc ông gắng sức quá mức so với tuổi tác của mình như để đền bù cho những điểm yếu đang giày vò. Ông cũng cầu nguyện, đọc những lời kinh đã thuộc, tránh ngẫu hứng nhất thời, vì ông không còn tin vào bản thân trong chuyện này nữa. Ông cố gắng làm cho những lời kinh nghiêm khắc và khô cứng kia phù hợp với tâm trạng khắc khoải của mình. Ông cầu nguyện trong hy vọng, đôi khi cả trong tuyệt vọng, luôn vụng về và băn khoăn chẳng hay vợ mình có biết không.

Có lẽ mình nên nói với vợ đôi chút về chuyện này, ông nhủ thầm, nhưng nói làm sao đây, nói cái gì, và thế là ông chẳng nói được gì cả. Ông nhận thấy đã lâu rồi hai người chưa nói chuyện với nhau. Trừ khi nhờ vả hay thuật lại các sự vụ, họ không thực sự hòa nhập tâm hồn với nhau. Vợ ông kín như bưng, ông đã thấy. Ông nhìn vợ mình, mỗi khi bà đi lại trong nhà hay ngồi mơ màng, đôi mí mắt sụp xuống.

Nếu cuộc sống và tình yêu của hai người không được xây dựng vững chắc bằng thói quen, thì hẳn chuyện này cũng đã gây cho ông

nhiều phiền toái. Thực tế ông chẳng bị phiền bực gì. Ông chấp nhận khuôn mặt của vợ như một bằng chứng nữa về cái thời mơ mộng trần trở mà cuối cùng họ đã bước vào, và qua đó họ trôi dạt không ngừng về bất cứ nơi nào đang chờ đón họ sau này.

Một buổi tối, người đàn bà trong khi tìm kiếm một vật gì đó, lòi trong tủ ra bao nhiêu thứ linh tinh, những đồ trang trí cũ đã bỏ đi, biết chắc là chẳng bao giờ mấy thứ đó có thể ghép lại với nhau được nữa: một nùi ren đã ngả vàng, những tập catalogue cũ của mấy cửa hiệu lớn, những chiếc răng trẻ con đựng trong một cái chai, nhiều thứ vô giá trị hoặc chỉ dùng nhất thời mà do tính cố chấp và keo kiệt bà đã bí mật nâng tầm thành vô hạn và giá trị, bà quỳ xuống, mân mê tài sản của mình, lòng chua chát và ngao ngán, tình cờ bà thấy một cuốn sổ tay con con.

Trong khi bà giở xem từng trang một, hay chỉ lật thôi, người đàn ông - chồng bà đứng nhìn chờ đợi một hành động hoặc một biểu hiện tình cảm nào đó, làm sáng tỏ tình huống hiện tại và nhiều tình huống khác, ông ngồi dịch lại hỏi đầy hy vọng:

- Amy, em có cái gì thế kia?

- À, - bà khịt khịt, hoặc càu nhàu. Tối hôm ấy bà mang dép lê và tóc để xõa, - đấy là quyển sổ con mà bà Erbey cho em, hình như thế, vợ vị cha xứ ở Yuruga ấy mà. Em muốn đưa Ray để viết nhật ký. Em cho đó là một ý kiến hay. Thế nhưng Ray không thú lắm.

Bà nói thêm:



- Có lẽ đó là ý nghĩ vợ vẫn. Mong bọn con trai ghi lại những việc chúng làm. Em không nghĩ tội con trai muốn nhìn lại. Chúng cứ thế mà làm.

- Đưa cho anh, - chồng bà tiến lại gần nói, - anh có thể sử dụng nó vào việc gì đó, ghi chú hay lập danh sách.

Bà vui lòng đưa cho chồng quyển sổ vợ vẫn, đặt nó vào tay ông, mà không ngẩng lên khỏi sự mê mải của mình.

Người chồng trở lại chiếc ghế của mình ở rìa phòng, ngắm nhìn quyển sổ trống, cố nghĩ xem sẽ viết những gì trong ấy. Bản thân những trang giấy trắng thật đơn giản và hoàn thiện. Nhưng hẳn phải có vài lời giản đơn, trong tầm tay của ông, mà có thể làm sáng tỏ thêm. Ông muốn chép một ít thơ hay vài lời kinh vào cuốn sổ trống, ông đã suy nghĩ hồi lâu về ý định đó, nhớ lại những vở kịch Shakespeare mà hồi còn bé ông nằm sấp đọc, song bất kì từ nào nảy ra đều là những lời khô cứng của thứ văn chương đã lãng quên một nửa, mà chẳng liên quan gì đến ông.

Thế là quyển sổ vẫn trống nguyên. Ông lại tiếp tục cày bừa, chặt gỗ, vắt sữa, gặt hái, trút sạch xô và đổ đầy. Tất cả những việc làm đó bản thân đều tốt, song chẳng việc nào có thể lý giải cuộc sống mơ mộng của ông, như vài từ ngữ tựa sấm sét đánh bật ra khỏi bộ óc ông. Thế nhưng đôi khi ông hoảng hốt trước sự ngớ ngẩn của mình, nhìn vợ dò xem bà có nghi vấn điều gì không.

Bà không hề.

- Anh Stan này, - bà nói, - liệu trời có mưa không? Có mây trắng nam đây.

Bà liếm môi và ngừng lên một cách ân hận khỏi suy nghĩ của mình, vì bà biết chồng đang nhìn mình.

Đó là những năm trời nắng hạn, họ thường trao đổi với nhau như vậy rồi rời hơi nóng dưới mái nhà ra ngoài trời mông mênh oi bức hơn. Để ngắm nhìn. Họ nhắm ướt làn da khô của đôi môi và tiên liệu: đôi khi đầy hy vọng để khích lệ nhau. Họ đứng lặng, và lũ bò gầy guộc theo dõi họ như thể mong đợi ở họ một sự tiết lộ na ná điều con người mong đợi ở bầu trời.

Rồi dần dần mọi người quen với cơn hạn hán vàng. Họ theo dõi nó và bắt theo dõi lẫn nhau. Thậm chí, đôi khi họ phát hiện những giây phút đẹp để vô tư.

Stan Parker bắt được một con chuồn chuồn, dài bằng ngón tay. Ông mang đến cho vợ xem con vật đang run rẩy trên chiếc lá dâu vàng.

- Ô kìa, con chuồn chuồn đẹp quá, anh Stan nhỉ? - Bà nói.

Bà có vẻ hài lòng nhưng bình thản, chiều theo ý ông như thể ông còn là một đứa trẻ. Lúc ấy chị đang nhồi bột.

- Đặt nó trên bậu cửa ấy, - bà nói. - Có lẽ nó sẽ bay đi.

Sau khi phóng thích con chuồn khỏi đôi bàn tay đã bị tróc da đôi chỗ và đang đóng vẩy, ông đi ra ngoài. Sau đó, nhớ lại sự việc này như một câu chuyện chưa hoàn chỉnh.

Nếu quả là họ phụ thuộc vào đôi cánh mỏng manh này để cùng vươn lên thì lúc ấy bà không thể truyền sức mạnh cho chúng. Đẳng nào rồi mình cũng sẽ nói chuyện với anh ấy, bà cảm thấy như vậy. Làm như bà không thể nói lên được lời thề thốt cuối cùng về tình yêu và sự phục tùng. Khi đó bà không làm thế được, bởi bà chưa sẵn sàng. Trong lúc đó, bà tiếp tục nhào bột, chỉ có thể nhào bột thôi, hoặc xé những tờ lịch, hoặc ngắm nhìn qua cửa sổ cảnh lá khô trên những cành cây héo.

Mùa thu năm đó không vàng hơn mùa hè vừa qua; bà đã cứu được một, hai bụi cây nhờ một vài giọt nước dành dụm từ bồn rửa. Bụi từ Durilgai thổi xuống đường cái thành những cái lưới đói khát hoặc xoáy lốc, như đũa giỡn, cho đến khi chúng đạt sức mạnh điên cuồng dữ dội. Giai đoạn đầu của hạn hán, trong khi sự kháng cự còn gắn liền với lòng tự trọng, các cửa sổ của ngôi nhà đều đóng im ỉm. Những ngày tháng trôi qua, càng hiển nhiên là không có bức rào nào thực sự ngăn cách những gì đang xảy ra, nên bụi trên đường lắng đọng, những ngọn lá dễ gãy và những bụi cỏ trắng xuất hiện tinh tế trên thảm, các cửa sổ lại bắt đầu mở. Thỉnh thoảng những cánh màn ve vẩy một cách tuyệt vọng trong gió lộng. Bụi đã bay vào các ngăn kéo, bắt đầu lấp kín chiếc giày nhỏ bằng sứ mà người đàn bà đặt trên mặt lò sưởi, nơi thường cắm hoa violet hoặc những chùm hoa nho nhỏ, dĩ nhiên nay trống không.

Đây có thực sự là nhà mình không? Bà nghĩ thầm, tay cầm chiếc can trống rỗng dừng lại, qua những cây trúc đào đầy bụi, chị ngắm nhìn những bức màn phe phẩy bên tường nhà.

Thỉnh thoảng chồng bà, vốn có những lo toan riêng của mình, tự nhủ sẽ nhắc vợ đang xao nhãng cửa nhà, và phải làm gì đó đi thôi, nhưng ông lại trì hoãn, bởi đó là điều ta thường khát lần khát hồi, vì tế nhị hoặc vì thương hại.

Lúc này ông đi vắng, tới buổi bán máy móc nông cụ diễn ra tại Wullunya. Người vợ còn nhớ cái hôn của ông khi bà đứng đó trong mảnh vườn khô cằn. Sự âu yếm hiền hòa theo thói quen của ông khiến bà bực dọc mỗi lần nhớ lại. Thế rồi bà bắt đầu khóc thút thít, chẳng rõ vì duyên cớ gì, ngoại trừ cái chạm vào làn da ngày càng khô khốc, ram ráp do bụi khi bà liên tục phải chạm, đập vào cánh tay mình. Chiếc can tuột khỏi tay bà, rơi xuống đất rần với tiếng khô không khóc.

Cuối cùng bà xãng giọng nói:

- Thật buồn cười.

Bà cố trấn tĩnh lại, tiếp tục bước thẳng qua mấy bụi cây trong vườn. Chẳng ai nom thấy bà.

Lát sau, khi đã uống chút trà và cảm thấy khỏe khoắn hơn, bà lại đi ra ngoài và ngồi ở hàng hiên. Chiều thu ảm ắp sáng trong nhưng tất nhiên là khô, chim hót thánh thót. Gió trở lạnh khiến bà run run. Gió từ phía Durilgai thổi về, làm những cành khô và những ống bơ buộc lỏng kêu lách cách.

Tuy chẳng quan tâm, bà cũng nhận thấy một chiếc ô tô từ Durilgai đến, chiếc ô tô nhỏ, màu xanh, còn khá mới, có lẽ từ thành phố về, vạch dài bụi mịn mù. Bà ngồi ở hàng hiên nhìn ra, bởi vì

người nào mà chẳng nhìn. Ngày còn con gái, thời xe ngựa, hẳn bà đã bước xuống tận cổng để xem, nhưng bây giờ thì không.

Chiếc ô tô tiếp tục lao đến gần, và bà vẫn nhìn. Một người đàn ông bước ra, đi lại con đường mòn, sau khi loay hoay với chiếc then cài cổng. Bà vẫn ngồi quan sát, vẻ thờ ơ hoặc mỉa mai, bà có thể và lẽ ra phải bảo cho anh ta biết cái khác biệt của then cửa, song cùng với vẻ mỉa mai ấy, bà để mặc anh mang hai chiếc hòm nặng đi về phía con đường mòn khiến nét mặt anh căng thẳng, kéo trễ cổ áo xuống, lộ rõ cẳng cổ dài.

Người đàn ông nom như một khách buôn. Anh hỏi bà có thích một số vải vóc anh ta mang theo không. Có cả bít tất, đồ lót và cúc áo trang trí nữa.

Nhưng bà chỉ mỉm cười đầy ngờ vực, lắc đầu. Mặt bà vô cảm và lặng lẽ vì vừa mới thoa phấn lên mặt một cách vụng về và lơ đãng, lúc ở trong nhà, điều này càng làm tăng thêm vẻ lạnh lùng xa vắng và tạo cho bà có dáng nét của những pho tượng nhỏ ở nơi công cộng, vô cảm đến chết người. Bà cũng to lớn, đang ngồi ghé một bên trên chiếc ghế cứng.

Người đàn ông đang nói dở bỗng ngậm miệng lại, quỳ xuống.

- Xin chị làm ơn làm phúc. - Anh ta nói. - Chí ít thì chị hãy nhìn qua một tí. Có mắt gì đâu.

Tuy hơi thất vọng anh ta vẫn không bỏ xuống cái áo giáp đồng đang khoác lên.

Người đàn bà da trắng, to béo nhẹ nhàng cười người đàn ông trông tráo kia khi bà ngòì nhìn đôi bàn tay của anh ta. Anh bắt đầu lôi từng súc vải từ trong một hòm ra. Anh nói:

- Chỗ này để chị xem thử thôi. Tôi còn ở ngoài xe kia nữa. Hàng Pháp. Thứ hàng này rất hay. Mặc rất nhã. Các bà quý phái thường thích hàng nhã. Phải nói với chị là cực kì khác biệt. Loại này tốt đấy. Mặc nổi lắm. Rực rỡ mà không chói lóa. Hay cái này. Phải mặc được hàng năm trời. Nhưng vì chị không khoái, thì cũng đành vậy. Màu xanh lục thì sao? Các quý bà cũng hay mê tín lắm. Tôi có thể chỉ cho chị cái thắt lưng hợp với nó. Rất phải chăng và nhã. Khác hẳn nhé. Một bộ cúc nữa này. Sơn móng tay. Màu hồng nhé? Các cô gái trẻ đều mê mê. Dĩ nhiên chẳng phải là không sẵn. Thích hồng, xin có ngay. Nhưng chị cứ thông thả. Xem cái đã. Xem thoải mái, tôi luôn nói thế. Ta có cả ngày cơ mà.

Rồi sau khi đã chất thành đống hàng dưới chân bà, như những con rắn lổn nhổn, chui ra chui vào cái hòm, trên vỉa hè, anh ta quay lại và bắt đầu ngắm ba con gà mái từ phía hông nhà đi tới, chúng vừa đi vừa mổ trên những con đường nhỏ, không đếm xỉa gì đến anh ta, mắt chăm chú, bước quanh bụi hương thảo. Anh đành chằm một điếu thuốc lấy trong chiếc hộp bé chạm trổ, cách đây mấy năm một lũ bạn đã tặng. Anh nhìn những quả bí kết thành hàng dài trên nóc một lán trại. Anh rít một hơi thuốc. Mọi việc đều diễn ra trong vờn. Và lúc đó anh không thể tin được tất cả những gì có thể nhìn thấy trên những mảnh đất chung quanh bị lớp cỏ héo khô che lấp. Anh không biết tên các loại cây nên không có cái cảm khoái gì. Anh chỉ có thể hút điếu thuốc đắng và nhạt nhẽo.

Nhưng người đàn bà, ngồi giữa những công phẩm đủ sắc màu, cứ nhắc lên đặt xuống như để tìm cảm hứng, cuối cùng, bà nói:

- Xin lỗi, tôi có cả rồi. Không có thứ gì tôi thích cả!

- Vài người thật may mắn lắm, - anh ta nói, không hề tức giận nhưng gần như thế.

Anh ta gấp lại, miết cho phẳng, cho vào hòm và chuẩn bị sập khóa. Tất cả đã được cất đi. Trong khi đó, bà quan sát đôi bàn tay của anh có vết ó trên vài ngón. Anh thuộc loại người có da và tóc hung hung đỏ. Nom thật gớm ghiếc, bà nghĩ thầm. Người đã bắt đầu phát phì. Nếu không bôi sáp thì tóc anh có lẽ đã dựng đứng. Song bà vẫn tiếp tục theo dõi những động tác ảo thuật anh đang biểu diễn. Bà như bị mê hoặc bởi điệu thuốc trơn nhẵn đang nhả khói.

Đoạn anh ta đẩy mấy chiếc hòm về phía sau, như thể bỗng dựng khinh miệt cuộc sống ma mãnh, tinh vi của mình. Anh nói:

- Hừm, ở đây khô thế.

Chiếc mũ lật về phía sau, cái đầu anh nom trần trụi và tang thương.

- Trong những năm sống ở đây chúng tôi hầu như đã trải qua mọi thứ, - bà vừa nói vừa nhìn quanh xem xét. - Lụt lội, hỏa hoạn, hạn hán. Nhưng chúng tôi không hề chết đói.

- Chị nói như thế là thế nào? - Anh ta hỏi băng quơ.

Nhìn anh chàng đứng chống tay lên hông và đứng kiêu đó, người to béo, chắc nịch, bà không thể tin tưởng ông ta được. Nhớ lại chồng mình - trên thực tế bà chẳng bao giờ thoát được ông lâu - bà nói:

- Chồng tôi tin ở Chúa. Ít ra tôi cũng nghĩ như thế. Chúng tôi chẳng bao giờ nói đến chuyện ấy.

- À. - Anh ta nói.

Người đàn bà đứng phía trên anh ta, nơi hàng hiên nhô lên và nhìn xuống, bà trầm ngâm suy nghĩ, nên anh ta cho rằng bà đang nhìn sâu vào mình. Anh cũng chẳng cần. Cơ hàm anh máy động. Bà ta là một phụ nữ đang về già, phức tạp nhưng vô hại.

- Chị có theo đạo không? - Anh hỏi.

- Tôi không biết, - bà nói. - Tôi không biết mình phải tin cái gì nữa. Vẫn chưa.

- Tôi không bận tâm đến chuyện đó lắm, - anh nói.

Anh nhỏ nước bọt vào bụi cây, song ngay tức khắc bắn khoả không biết mình có nên làm thế không. Nhưng bà không hề để lộ cảm nghĩ của mình. Bà là một người phụ nữ trầm tĩnh. Chẳng có dấu hiệu của chê trách, chỉ có tiếng côn trùng bầu quanh cái tổ đen sì bên dưới cái mái nhà.

Bà cũng nghe thấy. Đó là âm thanh rộn ràng.



- Chẳng biết chị có cốc nước nào không? - Cuối cùng người đàn ông nói, tai anh ù lên. - Tôi khô không khóc đây.

- Có, - bà nói, nhướng mắt dứt ra khỏi giày phút suy tư và nhoèn miệng cười.

Hơi ngớ ngẩn, anh nhủ thầm, nhưng ưà nhìn, hoặc đã có một thời như thế.

Anh ta đi theo bà vào trong nhà, bà dẫn lối trong sự thân tình của tiếng đồng hồ và thình lạng. Đôi giày bóng loáng của anh giẫm mạnh lên lớp lót sàn, nơi bụi tích lại. Đế giày cao su kêu xào xạo. Khắp nơi, ánh sáng lờ mờ của ngôi nhà không người ở như mở ra đón anh, phả vào anh mùi hương thoang thoảng của sự sống và đồ đạc. Anh bỗng dưng cảm thấy chưa bao giờ mình đi sâu vào một căn nhà nào, ít nhất là cái kiểu hộp nông choèn của mình mà ít khi anh bước vào, rồi bật máy thu thanh.

Khi dẫn anh vào nhà, bà như cảm thấy anh như người lạ trong bộ cánh sang trọng. Trong ánh sáng lờ mờ ngoài hành lang anh ta nom khá to lớn, mang giày cao su kêu lép nhép, béo, ho khàn đặc, húng hắng, thậm thì những lời nhảm chán mà những người mau chuyện thường phải thốt ra. Bà vừa phấn khích vừa bối rối khi phải đưa anh ta vào những nơi kín đáo trong nhà. Nhưng trong suốt thời gian đó bà vẫn nhớ rằng mình rất khó chịu về anh ta, nhất là màu da và mớ tóc hung hung đỏ. Cả những ngón tay cáu ghét với những vết ố màu nâu.

Hai người đã vào đến bếp, một căn bếp cổ, tương đối rộng. Những đồ đạc bình thường nhưng sống động kia chạm vào thật dễ

chịu. Thế là anh nghiêng nhiên thì đốt ngón tay lên mặt chiếc bàn to và cũ, đợi bà nhanh chóng mang cho cốc nước từ trong một cái túi vải bạt.

- A, - anh ta nói, hát đầu về phía sau và vắn vẹo cái cổ, chuẩn bị pha trò. - Sóng này đủ đánh chìm tàu!

Anh ta ám chỉ cốc nước sóng sánh.

Bởi vì ở đây cái gì cũng lạ. Ta đang tiến đến cái gì đây, anh cảm thức khi nhìn đôi mắt trong suốt của người đàn bà. Da thịt mịn màng của bà run rẩy và co lại như thứ nước ngọt nhạt kia.

Anh uống cạn chỗ nước còn lại trong cốc, nó rất mát. Một bầu không khí ngậy thơ bao phủ khắp căn bếp.

- Tôi muốn có một dòng suối, như những người ở dưới đường kia, - Amy Parker nói, dứt ra khỏi cơn mê li bà vừa trải qua, dường như đã bao nhiêu năm nay, và lời của bà cứ tuôn nhanh và lấp lánh như nước chảy. - Anh hãy tưởng tượng nó thoát ra khỏi lòng đất. Anh có thể hứng nó, trong vắt, không một lá cỏ dại, hay gì cả. Nên tìm một dòng suối trước khi làm nhà. Nước trong bể chứa chẳng được như vậy đâu.

Nói xong bà nín thở bước tới cầm lấy cái cốc. Lòng can đảm tăng lên cùng lời nói, vượt qua sự lúng túng của cử chỉ.

- Vâng, - anh ta ngập ngừng. - Chẳng gì bằng nước suối mát lạnh.

Anh ta nhận thấy bà cao gần bằng mình.

Bà nhận thấy những lỗ chân lông trên làn da đỏ của anh, điều làm bà day dứt.

Rồi hai người ôm ghì lấy nhau. Hai hàm răng va vào nhau. Hai vòng tay quấn chặt.

A, a, người đàn bà Amy Parker thờ mạnh, vì bà vừa nhớ ra một cái tên mà bà không tài nào dứt khỏi được. Có lẽ bà có thể đã tìm giữ mình, nhưng chỉ trong giây lát, trước khi lao sâu hơn vào sự hủy hoại.

- Chúng ta làm sao thế này? - Người đàn ông đang thờ dốc hỗn hển nói, nhưng không muốn nghe câu trả lời.

Vùi trong da thịt của người đàn bà, anh đã trở về với thời trai trẻ, thời kỳ tuổi thơ mộng đã biến đi và cuối cùng lại trở về.

Amy Parker cầm tay người đàn ông. Những ngón tay của họ đối với nhau lạ lẫm làm sao. Giờ đây khi khát vọng không còn nữa, họ đứng run rẩy bên nhau trong những khoảng trống giá lạnh. Nhưng sau khi lột áo quần khỏi thân thể trần trụi, lửa bùng lên trong họ và trong ngọn lửa rực đó họ có thể cháy rụi, nhưng mặc kệ hậu quả thế nào.

Họ ngã vào chiếc giường gọn gàng nơi Amy Parker đã ngủ gần trọn đời mình. Bà chớp chờn nhìn thấy tất cả những vật sở hữu mà mình đã mất đi trong cơn hiểm họa. Bà nhắm mắt lại. Người đàn ông rút ra khỏi những dải ruy băng da thịt dẹt khuây của bà. Nhưng khi chị nắm chiếc sọ của anh, cố gắng đi vào, bà không thể, mòm thâm tím lại khi va phải hai cái hốc. Đó là cái đầu của chồng bà. Rồi

chị khóc và đặt môi lên cái mồm. Như thể mình đang nhổ toẹt vào mặt chồng, hay tệ hơn nữa, vào Thượng đế huyền bí của chồng mà bà chỉ thoáng nhìn thấy chứ không đi sâu vào được. Vì thế bà đang vật lộn với sự kinh tởm, và đang khóc cho sự hủy diệt của chính mình trước khi bà bị tàn phá, vì bà phải tàn phá. Những đợt sóng khoái lạc triền miên đang đưa thân thể giam hãm của chị đến tận điểm kia.

- Nay, hãy cẩn thận, - hơi thở nóng của anh thì trào vào tai nóng bỏng của bà.

Gạt sang một bên nỗi ngạc nhiên và lo sợ, anh nhanh chóng đạt tới đỉnh cao vừa phải trong khả năng của mình, của nhục dục nhàm sáo và khát khao, của lời lẽ nhạt nhẽo và thân thể nóng ấm. Giờ đây anh cố làm dịu cơn người phụ nữ với đam mê trào dâng quá những giới hạn anh biết.

- Hãy bình tĩnh lại nào, - anh cười phá lên, đặt bàn tay to lớn nặng nề lên người bà. - Tôi không chạy trốn và bỏ em đâu.

Nếu anh ta không bằng bà về mức độ đam mê, thì anh vẫn hơn bà về sự thỏa mãn nhanh chóng cơn khát vọng. Vì thế anh ta gắng gượng cười được, vẫn châm một điếu thuốc khác, và quan sát tâm hồn đang day dứt đầy bí ẩn trong thân thể bà.

Cuối cùng bà bình tĩnh lại. Bà ngây thơ trong sự bình tĩnh kia. Anh ta sờ lên cặp đùi kỳ ảo của bà, nhớ lại mình đang đứng trên bờ trắng của một con sông lớn nhưng hầu như khô cạn, và đang bắt lươn, hồi còn là một cậu nhóc. Ánh sáng ngây thơ từ bên dưới bức rèm rọi chiếu khuôn mặt đầy đặn của anh, và những con lươn đang

vùng vẫy khi bị lôi lên khỏi bùn, bản thân anh cũng mềm mại, vàng óng. Sáng hôm ấy hình như là buổi sáng toàn vẹn duy nhất trong đời anh. Hai bờ sông như chạm trổ. Tất cả mọi thứ, cả những trải nghiệm đều tuột khỏi tay anh trong hỗn độn.

- Cái gì thế? - Bà mở mắt hỏi.

- Chẳng có gì cả, - anh trả lời. - Tôi đang suy nghĩ.

Anh bắt đầu nghĩ đến người vợ của mình, một con người gầy gò. Chị ta mắc bệnh ho vì nghiện thuốc. Chị đan áo chui đầu, hết chiếc này đến chiếc khác, đây như một thói xấu của chị: duy trì sự liên tục của sợi len đặc biệt là về đêm.

Nhưng anh ngừng lại tại đây.

Anh vừa nhớ ra điều gì. Anh ngả người về phía trước, xem xét làn da của chị, qua làn khói thuốc.

- Người ta gọi anh là Leo, - anh nói.

- Leo, - chị nhắc lại giọng buồn tẻ.

Bà không chấp nhận, cũng không bác bỏ. Trong trạng thái lơ mơ đó ngay cả đến tên mình bà cũng chẳng nhớ.

Bà cọ má vào khăn trải giường, vẫn còn mùi vải mới giặt, không hề bị ám khói thuốc lá. Nhục dục không để lại dấu vết ngay. Thay vào đó vô số hình ảnh nho nhỏ của khoái cảm và âu yếm bập bùng trong bà. Một vài trong số đó chẳng rõ ràng nhưng bà đã có thể lý giải được, như lý giải biểu cảm trên gương mặt người chồng bà

trường trạm bưu điện, hay những bức họa ông để lại như một lời biện hộ cho cuộc đời mình. Bà cũng được gần gũi với những tâm hồn khác, như ông O'Dowd, người láng giềng: bà đã ngồi với y trên hiên nhà, qua lại những lời thô tục, lấp chỗ trống giữa đôi bên bằng những sự tục tĩu và những cơn say, cho đến khi bà cũng có thể yêu con người đó, đi sâu vào tội lỗi. Đôi khi, những giấc mơ của con cái bà trên những chiếc giường khác trong nhà, những giấc mơ không bao giờ thực sự tàn mát, quỵện vào ảo mộng khiến bà nghĩ rằng đến lúc nào đó mình cũng sẽ hiểu được ngay cả con cái của mình.

Bà lại mở mắt và nom thấy anh chàng tên là Leo đang chiếm căn phòng, đang mặc quần áo hết sức tài tình. Bà nhìn rõ qua kẽ mắt dây đeo quần của anh ta buông xuống ra sao.

- Mở cửa sổ ra, Leo, - bà nói - Trong này ngột ngạt lắm.

Anh ta chỉ mong được làm có thể, vội vàng giúp đỡ. Anh còn phải đi xa, thậm chí đi xa hơn nữa để đuổi kịp mình, sau khi đã đi chệch hướng.

- Em có định dậy không? - Anh ra lệnh đúng hơn là hỏi nhưng không đủ sức mạnh; anh kéo cái nút ca-vát chặt quá, đến nỗi mặt đỏ ửng lên và bà nhìn thấy những tia máu trong mắt anh ta như xung huyết.

- Dậy ngay đây, - bà chỉ nói thế.

- Được, - anh ta nói. - Tôi phải đi đây.

Giờ đây không phải là lúc để hai con người vừa nhìn nhau thắm thiết như thế hôn nhau. Vì vậy họ chỉ chạm vào nhau theo cách đó,

bà nghe thấy tiếng anh ta bước nhanh qua căn nhà và không nghĩ về anh nhiều hơn nữa trong lúc bấy giờ, như thế anh ta không còn quan trọng đối với bà nữa. Bà nằm yên mỉm cười mơ màng. Nếu như bị hủy hoại thì bà vẫn chưa mất linh hồn.

Rồi trong khi gió thổi tung tấm rèm lên và thả nó rơi xuống, con mèo vào phòng, một con mèo tam thể đực, bà nuôi lòng thương mến từ bé và giữ lại, đôi lúc hối tiếc khi hai má nó xệ ra. Con mèo lúc này luồn qua khe cửa sổ, nhảy xuống trên đôi bàn chân nhưng, đến cạ mình vào người bà.

- Tom, xuống đi, - bà thì thầm, không tỏ ra phản đối nữa.

Cảm thấy bộ lông khi con mèo đáng tha thứ cạ cạ và âu yếm khi bà nằm vô lực. Con mèo to nịnh bợ, áp lớp nhưng mát vào da thịt nóng ấm của bà. Rồi bà cảm thấy cái đuôi nó kéo lê giữa đôi vú mình. Nó làm bà nổi da gà. Bà ghê tởm vô cùng.

- A, a... - Bà hét lên. - Đồ súc sinh!

Bà giật lùi, tung con mèo đập mạnh vào chiếc bàn trang điểm. Con vật kêu oai oái, rồi lại bật dậy, để lại mình bà với sự im lặng và khuôn mặt của chính mình.

Hình như mọi chuyện đã vỡ vụn từ sáng sớm. Chỉ tại cái cốc đáng nguyên rửa kia, và tóc bà xổ tung ra, buông xuống lòa xòa, thành những lọn, những mớ hoa râm. Bà đang suy sụp. Và bây giờ bà bắt đầu run bắn cả người.

- Rét quá, - bà run lên, đưa hai cánh tay che vai và ngực, như thể làm thế bà có thể khỏi run.

Bà bắt đầu mò mẫm tìm quần áo.

- Muộn rồi, - bà lại run. - Đã đến giờ vắt sữa, mà ta chỉ có một mình.

Bà đi xuyên qua căn nhà như một luồng gió quay lại hoạt động, giật tung những cánh cửa phía sau khi bà đi qua, nhặt nhạnh thứ này thứ nọ, xô nước, miếng giẻ sạch dùng để lau núm vú bò. Tạm thời việc hoạt động trung thực và kiên định này cuốn hút bà, vì thế bà không tài nào nhận ra chỗ đứng của mình, mãi đến khi bà đến gần mấy cái lán và trước giờ vẫn không thể ngờ rằng chúng vuông vức, đáng ngại, bằng gỗ trắng bệch. Những con bò chậm chạp đứng nhìn bà, và sau đó, trên những cái giá đỡ đầu, chúng quay đầu lại trước sự khác biệt nào đó trong bàn tay bà, hoặc sự bực bội, hoặc sự vội vã, và nhai lại thức ăn trên những cái lưỡi màu xanh.

Khi Stan Parker trở về, ông thấy vợ như đang nhức đầu. Tóc bà rẽ ngôi rất cẩn thận, xương trên mặt bà nom rất rõ. Đôi khi sau cơn đau đầu, hoặc có điều gì suy nghĩ thâm kín, da thịt trên khuôn mặt bà trở nên xám xịt, như lúc này. Nom nó bình bệch hơn. Ông lập tức quay nhìn chỗ khác, và bắt đầu kể cho bà nghe về công việc mua bán ở Wullunya, về những người anh đã gặp, về bệnh tật, chết chóc và cưới xin. Bà cúi đầu và tiếp nhận những tin tức trên với tấm lòng tri ân, thậm chí một sự khiêm nhường.

Bà muốn làm một cái gì đó cho ông.

- Miếng này ngon này, anh Stan, - bà nói. - Có phết mỡ anh vẫn thích đấy.



Bà thái, chặt thì đúng hơn, vì chị vốn rất vụng về trong việc biến một tảng thịt bò nướng thành một miếng đồ có một cạnh mỡ vàng. Mặc dù đã no và sắp đẩy chiếc đĩa ra, ông vẫn phải nhận lấy miếng thịt, vì nghĩ rằng như thế bà sẽ vui lòng.

- Em chẳng ăn gì cả, - ông nói.

- Không, - bà nói, môi trễ xuống, làm như ông vừa nhắc đến một thứ gì khiến bà buồn nôn. - Gió suốt ngày hôm nay. Em chẳng thiết ăn gì cả.

Và bà đứng lên đi làm việc này việc nọ.

Ông nói:

- Gió mãi thế này thì đến giọt nước cuối cùng cũng khô luôn.

Thế là bà nhìn ra đám cỏ vàng đang ngả rạp trong ánh nắng xế chiều màu vàng thau; xa xa một số người chào hàng xuất hiện.

Bà nói với giọng to hơn bình thường:

- Chiều nay có một người đến đây. Mang lên rất nhiều hàng.

- Hàng gì thế? - Ông hỏi, bởi cuộc sống của họ được tạo bằng câu hỏi và trả lời.

- Vải may quần áo, à, và nhiều thứ trang trí đẹp lắm.

- Em mua những gì?

- *Em* phải mua gì nào?

- Anh không biết, - ông nói - Ờ, mua *đăng-ten!*

Ông cười phá lên vì cái từ ấy, cái từ mà mãi đến lúc ấy ông mới thốt ra.

- Vào cái tuổi em bây giờ á? - Bà cũng cười vang.

Bà đưa tay lên cổ hình như để cho tiếng cười thoát ra mạnh mẽ.

Tuy nhiên ông rất hài lòng. Ông cầm lên tờ báo ngày hôm qua, để có việc làm hơn là để tìm hiểu thêm chút ít tin tức mà mình đã biết, bởi vì ông cũng chẳng còn hy vọng biết thêm nữa, trừ khi đó một sức mạnh khai minh thần bí nào đó. Thế là ông đọc liền một mạch tất cả các tin tức về việc làm của các chính khách, các binh sĩ, các nhà bác học, trong khi dành lại cho mình một chuyện quan trọng hơn sẽ xảy ra, khi đó vợ ông ngồi và khâu.

Một lát sau ông nói:

- Anh gặp một anh chàng tên là Organ ở Wullunya. Anh ta là cháu cái bà mà bọn anh cứu sống trong trận lụt. Anh còn nhớ bà ta. Người nhỏ nhỏ với một cái máy khâu bà ta phải bỏ lại. Ông của cậu này bị chết đuối trong trận lụt. Người ta tìm thấy ông cụ mắc trên một cành cây.

- Được rồi, thế thì sao? - Vợ ông nói giọng hơi gắt. - Trong quận này thì người nào mà chẳng trải qua lụt lội. Vài người có họ hàng, bà con chết đuối. Thế anh chàng kia có nói chuyện gì lý thú không?

- Chẳng có gì đặc biệt, - Stan Parker nói.

Vợ ông nheo mắt xâu kim. Bà đã có thể nổi cáu ghê gớm lúc bảy giờ dưới ánh điện sáng chói lan tỏa khắp phòng.

- Anh ta làm sao? - Bà thì thầm khàn khàn.

- Anh đã nom thấy ông cậu ta rồi, Amy ạ - Stan Parker nói - Một ông già có chòm râu, treo lủng lẳng trên cây, đầu dốc ngược. Và bọn anh chèo thuyền qua. Chẳng còn ai khác nom thấy. Ông cụ gần như chắc chắn đã chết. Anh muốn nghĩ rằng đó là một con cừu đực. Có lẽ lúc đó anh đã tự thuyết phục mình, trong khi vẫn còn thì giờ để nói ra. Nhưng bọn anh vẫn chèo tiếp. Sau đó thì đã quá muộn.

- Nếu đó là một xác chết thì sao? - Amy Parker nói.

Nếu là như vậy, người thanh niên vẫn tiếp tục chèo thuyền năm xưa cũng nghĩ thế.

- Có thể những người khác cũng đã nom thấy, - vợ anh nói tiếp một cách tế nhị, vì bà đã luôn được kim, - và rồi cũng chẳng nói cho ai biết cả, bởi vì chẳng vui thú gì dừng thuyền lại để kéo xác một ông già lên.

Song tội lỗi vẫn còn, bởi thế, ông thấy mình hèn mọn.

- Toàn những chuyện vợ vẫn, - người vợ nói.

Bà cũng có cái xác của riêng mình mà không thể chia sẻ. Bà đứng trong đơn độc vô hạn, trên bờ sông menh mang nước lũ, những chàng thanh niên khỏe mạnh bơi thuyền đầy oanh liệt qua dòng nước đục ngầu sủi bọt, bơi về phía bà, trên thuyền có cả

chồng bà, người cuối cùng bà nhận ra nhưng không tài nào trao đổi được.

Amy Parker cất kim khâu vì hai tay bà run bần bật. Giờ đây bà không cảm thức được đã bao giờ bà kiểm soát rõ ràng được hành động của mình chưa. Ở bất kỳ thời điểm nào của đời mình, trận cuồng phong cũng có thể thổi bay bà bằng sức mạnh dị thường đi khắp các phương, mà đột nhiên chẳng khó khăn gì.

Vừa lúc đó gió thổi thốc từng cơn dữ dội, đập vào thanh sắt mà đóng chặt vào căn nhà gỗ. Cành của các bụi cây chết héo cào vào tường. Nếu chẳng may cái nhà tróc mái, bà thì ào.

Nhưng trong lúc đó bà lại đi ngủ, tay giữ mớ tóc. Bà tháo cặp để tóc xõa xuống và nhìn vào bản thân, còn người chồng vừa tháo ủng vừa nói:

- Có phải cái gã đến bán hàng đi ô tô màu xanh lá cây không?

Bà đang cầm một chiếc cặp tóc.

- Em chẳng nhớ nữa, - bà nói. - Cũng có thể là màu xanh lá cây. À không. Màu xanh lam, hình như thế. Mà sao cơ?

Nhìn vào khuôn mặt mình như bị kẹt trong chiếc gương. Stan Parker vừa lôi nốt chiếc ủng thứ hai vừa nói nhát gừng:

- Có một chiếc ô tô xanh lá cây đỗ dưới đường, trước khi em đến nhà O'Dowd. Hình như anh chàng ấy đang bán cho một phụ nữ vài đồ bếp núc.

- Em đã bảo rồi, - chị giận dữ nói. - Không phải đồ làm bếp đâu.

Và bà cảm thấy rạo rức vui thú về những điều đã trải qua ngày hôm ấy. Da thịt xám xịt của bà bừng trở lại. Bà hồng hào và pháp phới trong căn nhà gỗ lộng gió này, nơi hình như dành cho cả cái xấu và cái tốt. Trong tâm trạng như vậy bà sửa lại tấm chăn dưới cằm, không hề nhìn mặt chồng, sợ rằng quá thiên về cái tốt sẽ có thể xáo động cái thế cân bằng dễ chịu lúc này. Tất nhiên là bà yêu chồng. Bà đi vào giấc ngủ với niềm tin ấy. Nhưng những thôi thúc khác không thể nào đong đếm được đang chuyển động cùng với bức rèm cửa gió thổi bay phần phật. Nó gõ vào da thịt với những ngón tay hoen như làm bà già thêm mười tuổi, bà không thể, bà cười và tự nhủ, không phải số học hay cái đuôi mèo.

Stan Parker đã ngủ mê mết; trong cơn gió ông mơ thấy mình không sao nhắc nổi cái nắp hộp kia để cho vợ thấy ông có thứ gì trong đó. Chẳng sao, bà nói, bàn tay nắm giấu khăn rửa bát. Nhưng ông không nhắc lên được. Chẳng sao đâu, bà nói, em không muốn xem đâu, anh Stan ạ. Anh sẽ cho em xem, ông nói, cố giật mạnh đến toát mồ hôi. Nhưng vẫn chưa được. Đừng, bà nói, Stan, Stan, nó hỏng rồi, nó đã ở trong ấy bao nhiêu năm nay. Giật cái nắp, anh không thể giải thích hành động của anh đã chết, và mọc lông, như con cừu đực và sống lại. Em đi đây, bà nói. Cái khăn rửa bát bay qua ô cửa. Bay qua nhà bếp. Nước xám đang chảy giữa hai người.

Rồi ông thức giấc, duỗi thẳng người trên giường, chân ghim chặt tấm vải đệm vào thành giường, cổ ông tràn trụi, đầy mồ hôi lạnh. Nhưng bà đang thở. Bà không đi. Rồi ông hiểu ra. Ông hiểu người chồng của bà trường trạm bưu điện treo cổ trên cây trong sân,

nguyên do hành động của ông ta đối với ông vẫn luôn mờ mịt. Ta có thể tự tử, ông tự tử, môi mím chặt. Nhưng bà không đi. Bà đang thở. Thế là anh nằm nghiêng quay lưng lại bà, co đầu gối lên cho thoải mái, hơi ấm của bà lại chảy qua mạch máu ông, dần dần ông ngủ thiếp đi, ông đang ngủ, ngủ vì bà đang ở đó.

Mặc dù thế, họ thức giấc hơi nặng nhọc, và nặng nề bắt đầu công việc của họ, nói chuyện với nhau bằng một giọng nhỏ nhẹ, âm ỉ.

Chúng ta phải chờ đợi chuyện này ở vào tuổi này, ông nói, và cái rét đang đến.

Nhưng khi mặt trời cuối cùng đã mọc, và nó còn là một quả bóng ngây thơ, có thể nhận ra được, đung đưa trên các ngọn cây, Amy Parker đã nhìn thấy một mùa thu huy hoàng và trong sáng. Tất cả lá cây vẫn chưa bị dứt khỏi những cành mà rớt cuộc sẽ trụi lá. Vẫn còn những mảnh rách vàng và bụi cây thường sẫm màu gần như đen kịt. Ánh sáng chiếu thành từng mảng trên các đám cỏ bốc khói, óng ánh.

Cuối ngày, bà bỏ khăn quàng cũ, áo len và mũ thường mặc buổi sáng phòng rét, khi bà buồn bã, cầu nhàu và dẫn đo, người bà nom như một đồng len dạ lộn xộn, xấu xí và ố màu. Bà hát tót về phía sau. Thỉnh thoảng rồi rã, buổi chiều, bà đi bộ xuyên qua cánh rừng, dọc theo lòng suối, nơi có thể tìm thấy nhiều vật kỳ lạ như đá, da rắn, vỏ đậu và xương lá. Bà thường tìm kiếm thứ này thứ nọ, nhặt các cành lá để có một cái gì trong tay, để có lý do cho việc đến đây. Rồi khi ánh sáng tỏ hơn làm đôi mắt nặng xuống, bà mạnh dạn nhớ đến những gì xảy ra. Đó là thứ ánh sáng tro tráo chạm đến mọi thứ.

Bà lại nghĩ đến anh chàng Leo, tránh gọi lại những điểm trong con người anh mà bà kính trọng, để chỉ thấy những gì bản thân chị cần thiết cho hủy diệt và đổi mới của chính mình. Thế là bà trầm tư đi dọc theo lòng suối khô cạn, lật một hòn đá lên, nhặt một chiếc lá, chọn những cành cây chết khô nhẵn bóng. Sự im lặng và những ý nghĩ táo bạo đã kích lệ bà đi từ phi lý đến đúng đắn. Nhưng cuối cùng, đến chỗ con suối uốn cong, khi bà đối mặt với chỗ rẽ, phải trở về cùng thân xác, trở lại với cuộc sống còn lại, bà kinh hoàng bước qua nội cỏ, cánh mũi hóp lại. Bà không thể bước đủ nhanh, dù để đến đích hay trốn tránh. Không có dấu hiệu gì chứng tỏ người đàn ông kia sẽ trở lại, và khi ra đến đường cái, bà vui mừng thấy mình có thể nhìn dọc theo con đường một cách vô tư, dọc theo những bụi cây nhỏ, xa hơn nữa, đến nơi nó chạm vào bầu trời.

Khi bà đã trở về cái khu chuồng quây quần quanh ngôi nhà, chân bước, mắt nhìn xuống đất, cố giữ dáng đi vì bước quá nhanh, chị nhìn thấy chông ở đó, đang cầm một đoạn dây ông đã cắt và xoắn thành hình tròn, hẳn là để dùng làm một cái gì đấy.

- Chào Amy, - ông nói, cố ý dừng tay. - Em đi đâu về đấy?

- A, đi xuống bãi cỏ, - bà nói, - để hóng gió. Và leo dọc đường cái. Ở nhà mãi đến ôi cả người.

Ông dừng lại, và rồi hỏi tiếp, rõ ràng muốn tỏ ra ân cần với bà.

- Thế em có gặp ai không?

- Chỉ gặp một ông lão thôi, - bà trả lời.

Việc tức thời nghĩ ra chuyện này khiến máu bà lạnh cóng, nhưng khi đã ngẫm ra, bà tiếp tục đủ bình tĩnh quan sát khi sự tình phát triển:

- Ông cụ đang đi Wullunya, - bà nói. - Ở đó cụ có một khoảng đất. Cụ có lợn, ít gà, vịt và một vườn cam chanh. Tội nghiệp ông cụ, phải đi bộ vì con ngựa giở chứng gần Badgery, phải bỏ nó lại đấy. Cụ vừa đi thăm con gái ở Bangalay bị viêm họng.

Stan Parker lắc đầu bán tín bán nghi.

Bà quay đi, giữ lại chút xao động trong cuống họng, và nổi lạnh lòng trước đợt sóng man trá bao trùm lấy bà.

Khi bà bước đi, ông nhận thấy mình chẳng bao giờ còn nhìn thấy đôi mắt của vợ nữa, hoặc rất hiếm, như lúc này, đôi mắt ấy tràn đầy sự xa cách. Thế rồi ông quay lại với sợi dây vừa mới cắt, mà trong giây lát ông đã quên khuấy mục đích đầu tiên của nó.

Hai người bắt đầu tử tế với nhau, như thế, mỗi người đều cảm thấy người kia cần được che chở bằng tình thương trong cái thế giới đầy những sự thật kỳ lạ mà giờ họ tìm thấy ở bản thân mình ở đó. Thế là họ đã làm những việc đơn giản để chiều lòng nhau, đều chỉ là nỗi buồn cho người nhận. Một tối, bà ướm những mảnh áo len đang đan cho mùa đông lên người ông, để lấy kích thước. Bà đi quanh ông, sờ vào người ông và vổ vổ sửa sang.

- A, bé quá, - bà nói, lùi lại. - Em đã không tính đến cái bụng bắt đầu phệ.



Rồi hai người cười phá lên, vì thật ra tất cả những cái đó chẳng có gì hệ trọng cả.

- Len sẽ doãng ra, - ông nói, bậm miệng lại, ngã về một bên chân, vì ông đang đứng chống nạnh đợi công việc hoàn thành.

Bà đi vòng quanh ông vẻ tư lự, sờ nắn thân hình của chồng, cổ tay ông đã hơi xương xẩu.

Ông cảm thấy tóc bà vờn quanh người mình. Đôi khi bàn tay ram ráp của bà vướng vào lớp len mềm mại. Trong khi bà khom người ngắm nghía, ông vẫn cao hơn bà nhiều, và nhắm mắt ra chiều quy phục. Giờ ông bị khóa chặt trong lớp len xám ám áp không cá tính, không tốt không xấu, nhưng chấp nhận được.

Rồi ông mở mắt, hai người nhìn nhau, vì chị vừa đứng thẳng lên.

- Cuối cùng cũng ổn thôi, - bà nói nhanh, như có lỗi, để chuộc lại việc đã nhìn vào khuôn mặt ngái ngủ của ông. - Em nghĩ em có thể làm gì đấy để sửa cho nó vừa.

Ông mỉm cười, không có ý định mỉa mai, nhưng tối hôm đó ông thấy mệt.

Bà ngồi xuống và bắt đầu tháo ra một phần, rồi lại đan như điên, thả dài sợi len, giữ chặt que đan đầy lo âu.

- Em lo cho thằng Ray lắm, anh Stan ạ, - bà nói.

Đúng là bà cũng lo thật, khi bà ngồi ở cạnh ghế.

- Anh có cho rằng bản tính nó đã sẵn thế rồi không, mấy chuyện hư hỏng ấy? Hay là do giáo dục? Hay là do thừa hưởng một cái gì đó của chúng ta? Cả hai ta, ý em là thế. Như với gia súc ấy. Hai cái tốt cho ra một cái xấu. Có thể là chúng ta không pha trộn tốt. - Bà nói và chờ đợi.

Ông ngồi cảm tựa vào ngực. Ông chỉ muốn vứt bỏ cái gánh nặng bà đang đặt lên người ông sang một bên.

- Anh chẳng bao giờ biết mình phải làm gì, - ông nói, co rúm người lại. - Anh có lỗi trong chuyện này. Anh cố tìm ra câu trả lời, nhưng vẫn chưa làm được. Anh không hiểu mình và những người khác. Thế thôi.

Ông băn khoăn không rõ bà có để cho ông yên sau chuyện này không. Đêm nay ông cảm thấy yếu sức, cảm thấy có vị đắng trong mồm.

Bà tiếp tục đan. Bà đã thấy thoải mái. Lúc đó, bà có thể cảm thấy đau lòng và bực tức về người chồng yếu hèn mình lấy. Mọi khả năng xấu xa tiềm tàng trong bà đã trôi theo dòng len mềm mại khó nắm bắt. Vì bà tìm lại được sự vô tội, ký ức trườn trở về với thái độ uể oải của buổi xế chiều, khiến bà thảng thốt bàng hoàng trước sự trẻ trung cường tráng và khát vọng của bản thân.

Rất tự nhiên, vào một buổi chiều khi Stan đã đi đâu đó vì công chuyện hay gì đấy, và bà nom thấy chiếc ô tô màu xanh thận trọng trở lại, bà bước ngay ra khỏi nhà, hất tấm mắt cáo của cánh cửa ngoài mạnh đến nỗi nó đập mạnh vào tường và rung lên. Những nụ hồng héo nâu còn treo trên bụi cây già, cào vào da thịt bà khi bước

xuống; bà cảm thấy bắp chân mình căng lên chẳng rõ vì lo lắng hay tự tin. Chẳng mấy chốc bà đã đến bên cổng, một, hai phút trước chiếc ô tô chậm rãi nhưng tai hại kia, và đứng thẳng, đầy ngang ngược trong ánh nắng đợi chờ.

- Thế nào? - Người đàn ông tên Leo hỏi. Anh ta lái xe khá thận trọng. Anh hát chiếc mũ về phía sau để cho bà có thể nhìn thấy mớ tóc bà kinh tởm nếu có thì giờ quan sát.

Thế nhưng, bằng một giọng đều đều và khá thản nhiên bà đã đáp lại:

- Cám ơn, tôi vẫn khỏe. Dạo này anh đi đâu?

Thế là anh ta buộc phải dừng xe chậm chậm, kể cho bà nghe mình đã đi nghỉ thế nào, họ đã đi về bờ biển bắc hay có lẽ bờ nam, bà không nghe rõ, và họ đã đi thăm họ hàng, có những giây phút tuyệt vời như thế nào. Giọng anh chậm rãi hơn trước đây thì phải. Bất kỳ nơi nào họ đã đi, mặc quần áo ngủ ngồi trong nắng, ăn cá tươi, và rồi rãi ngồi chia sẻ với nhau những cảnh đời khác, bà nhận ra anh ta không phụ thuộc vào bà.

Bà nhìn xuống và chau mày. Anh ta là một kẻ đại lãn, bà nhủ thầm, và xấu xí nữa.

- Còn chị thì thế nào? - Anh hỏi.

- Tôi ấy à! - Bà cười vang. - vẫn thế.

Nhìn xuống.

Nhưng bà vẫn nhận thức rất chậm được ông ta đang làm gì, tựa vào vô lăng và khoan thai khạc nhổ.

Mình không bốc hỏa ư? Cái miệng khô khốc của bà tự hỏi. Tất cả chung quanh, khu vườn, hay những cái còn lại, cái cành củi, có thể bị thiêu hủy với một que diêm.

- Vẫn thế à? - Anh ta nhổ nước bọt qua hàm răng.

Thực ra anh ta đang hồi tưởng lại người đàn bà béo tốt đã lãng quên, vì một vài mặt nào đó làm anh sợ hãi. Anh ta cố tình quên. Hiện giờ bà đứng kia im lìm, người nom hồng hào. Chính sự im lìm đã làm anh ta bối rối hơn cả sự huyền bí của đam mê đang bắt đầu. Đối với một người đàn ông gầy gò. Bởi vì người đàn ông này gầy gò từ bên trong da thịt.

- Tôi cho rằng thế là tốt, đối với những ai thích. - Anh ta nói, đảo mắt nhìn quanh. - Tất cả mọi thứ này, đàn bò dưới kia. Sinh sôi nảy nở nhờ những bàn tay mát lành. Lạy Chúa!

- Đó là cuộc sống của tôi, - bà nói, vẫn giọng đều đều, không vang vọng như tiếng trống.

Vì tai bà đang ù.

Đoạn bà rụt đầu lại và nói:

- Ông là mẫu đàn ông hào nhoáng. Tôi cũng nghĩ rằng thế là tốt thôi. Quyển rũ người ta với mấy lời kia. Và chìa vải vóc lụa là ra cho đàn bà con gái xem.

- Chắc chị không thích tôi, - anh ta cười phá lên.

Rồi đóng sập cánh cửa xe, nhưng lại bước ra.

- Tôi không nói thế, - bà đáp.

Bà trở lại dịu dàng. Anh ta thích sự chuyển điệu đó, nó hợp với vẻ nam tính của anh. Thế là anh ta tiến lên, duỗi thẳng một chân tê cứng vì ngồi lâu trong ô tô. Còn bà tiếp tục đứng đó, nhẹ nhàng thăm dò tình thế như làn không khí, và vì nó trước hết là tình thế của bà, mà cần phải xử lý nhẹ nhàng. Đây là điều khiến bà ráng sức nhìn thẳng vào mắt anh ta, đôi mắt hơi húp, đã dạy bà nói những điều anh ta chờ đợi. Bà có thể đã theo dõi những sự phức tạp, rắc rối nhất của tình hình bởi chính bà cần điều đó.

Rồi hai người đi vào nhà.

Anh ta đặt tay lên chỗ thắt lưng bà, đưa bà vào chính ngôi nhà mình, và hoàn toàn bị động, bà nhắm mắt lại trong cảnh ảm đạm quen thuộc, hoàn toàn bị động, nếu không bà đã chẳng chịu đựng nỗi sự xa lạ của nó.

Song hôm nay khác hẳn. Như thể sự bộc lộ lòng đam mê không diễn ra hai lần.

Lần này họ cười vang và bà nhìn thấy chiếc răng bọc vàng của anh ta. Da thịt họ sinh ra để chạy cùng nhau trong hoan lạc. Anh ta nhìn bà.

- Vợ anh tên là gì? - Bà hỏi.

- Myra. - Anh trả lời.

Rồi sau khi đã suy nghĩ đủ bà áp môi vào môi anh ta, như thể bà có thể cắn đứt cái từ ấy. Thế là họ vật lộn nhau, không phải dùng cảm, mà để cho thân thể thâm bầm, và bà nuốt xuống bất kỳ cảm giác ghê tởm nào trào dâng lên trong cuống họng để chống lại sự thèm muốn xác thịt

Khi hai người đã mệt nhoài, anh ta hỏi bà:

- Lão chồng của em ra sao rồi?

Chị bảo là Stan đã đi đến bất cứ nơi nào ông ấy cần tới.

Người đàn ông cạnh chị ngáp dài rồi khẽ cười chậm rãi, đầy thông đồng.

Rồi bà đứng dậy.

- Nhưng tôi yêu chồng mình, - bà nói.

Đúng như thế. Sự tốt đẹp và toàn thiện bất chợt trong cuộc sống của họ đang run rẩy trước mắt bà vì đã mất rồi, đứng trước sự tục tĩu kia, mà một quyền lực chuyên chế kỳ lạ của thân thể đã gán cho bà.

- Tôi không hề nói điều gì phỉ báng anh ấy, - anh ta nói. - Tôi không hề quen biết anh ấy, cũng sẽ không bao giờ quen biết. Chắc chắn là như thế.

Giờ anh ta càu nhàu, trong khi bà bước từng bước nặng nề quanh căn phòng, nhặt nhanh mấy đôi bút tắt và các thứ linh tinh.

Làn da sần gai ốc của bà khiến anh ta rất khinh bỉ cơn bốc đồng của bản thân mình.

Cả hai người đứng, bần khoản.

Phải chuồn thật nhanh khỏi cái mớ hổ lốn này, anh ta tự nhủ, không thể lần ra cái khuy cổ.

Hai tay bà sửa lại lọn tóc giả. Chẳng bao lâu, bà thấy rõ không có ai tố cáo bà được. Chẳng ai, trừ những khát vọng của bản thân có thể nhận ra bà. Những thứ này chẳng bao giờ yên được lâu.

- Tôi muốn lên phố chơi một đôi lần, - bà nói.

- Sao? Lên phố làm gì? - Anh hỏi băng quơ.

- Đi dạo phố và xem người ta ra sao.

Anh ta cười qua mũi:

- Chuyện đó tôi chưa làm bao giờ.

- Tôi sẽ ngồi ngoài biển ngắm nhìn. Và tôi sẽ nghe nhạc.

- A, - anh ta nói. - Thế thì tôi chen vào đâu?

Bây giờ anh ta ở tình thế phải chuồn nhanh, và anh hoàn toàn tự chủ. Anh ta đặt hai tay lên vai bà, chiếc nhẫn anh đeo có gắn một ngôi sao nhỏ bằng ngọc đỏ lấp lánh. Trong sự giả tạo của tình thế mới này, bà quay ngoắt lại, hết sức bình thường và áp ngực vào người anh ta.

- Thế không có phụ nữ nào khác hay sao? - Bà cười phá lên. -  
Đừng có giỡn tôi!

Họ đi ra, vừa đi vừa đùa bỡn một cách thô bạo mà hình như thời  
điểm này đòi hỏi.

Bà ngạc nhiên thấy mình lại có thể trở thành một phụ nữ hào  
nhoáng.

- Tạm biệt Leo, - bà nói, giọng lạnh lạnh, đưa mắt nhìn những  
mạch máu trên cổ anh ta vì chiếc cổ áo siết quá chặt.

Chiếc ô tô êm đã sẵn sàng. Bà đứng nhìn anh ta chuẩn bị khéo  
léo rời đi. Những việc này một số người làm dễ như bỡn.

- Tôi mà có một tấm ảnh của em thì tôi sẽ cất dưới đệm. - Anh  
nói.

- May mà anh chẳng có. - Bà cười vang.

Đoạn bà đưa tay lên phía trên mắt để chắn ánh đèn pha và dõi  
theo anh ta nhẹ nhàng lái xe đi, để lại đằng sau một vệt bụi. Bà nhìn  
theo một cách dửng dưng, như thể cuộc sống của mình không hề bị  
gián đoạn, trừ những lúc nhìn ngấm, đôi mắt dõi theo chiếc ô tô  
xanh nhẹ nhàng lướt đi, trộn lẫn trong phút chốc vào đôi mắt của  
một người đàn ông. Tuy vậy bà nhớ lại đôi mắt của anh ta, qua đám  
bụi, đôi mắt quá gần nhau, nom đại đại, có những tia máu đỏ.

Chính trong tư thế này, bàn tay bà đặt thẳng bên trên mắt, Stan  
Parker đã trông thấy vợ, khi ông lái xe xuống đường. Ông vừa lái  
vừa suy nghĩ, vẫn là một trong những chiếc ô tô cũ mà họ còn giữ.



Ông nom thấy vợ đứng đấy. vẫn còn một đám bụi mù. Nó lơ lửng đang tản dần, nhưng vẫn còn vương lại.

Stan lái xe vào cổng, nơi vẫn còn dính chiếc thùng dầu dùng để đựng bánh mì cửa hàng đưa lại, ông vẫy tay gọi vợ, vì đó là một thói quen của ông. Bà vẫn đứng đấy, thẳng đuồn đuột. Bà vẫn chưa bỏ bàn tay thẳng dơ xuống. Ông bước ra khỏi xe và cũng bước đi với đôi chân cứng như gỗ.

Ông háng giọng nói:

- Anh có gặp Merle. Thứ Năm này chị ấy sẵn sàng đến giúp em với mấy chiếc rèm cửa.

- Ồ, thế à.

Bà đã quên khuấy đi mất.

Họ sẽ nói gì sau đó? Bà băn khoăn vô cùng.

Nhưng rồi guồng máy cuộc sống lại cuốn họ vào ngay.

Ngoài việc họ trao đổi với nhau bằng những giọng khô cứng, bằng những lời như cành cây khô khốc chỉ cần ấn nhẹ là gãy rắc, chẳng có gì thay đổi lắm. Dẫu hai người không nhìn nhau, có thể là như vậy, thì qua kinh nghiệm bao năm trời, họ cũng biết mình sẽ nhìn thấy gì. Nhưng Stan Parker lắng nghe vợ rất nhiều, lắng nghe những âm thanh bà tạo nên trong căn nhà, hoặc gọi gà, hoặc trò chuyện với lũ bò, cả hơi thở của bà nữa, và nhất là sự im lặng của bà. Tất cả những âm thanh đó, ông đã quen thuộc, gần trọn đời

mình, giống như tiếng đập của con tim ông, bỗng nhiên bung ra, và trái tim trong lồng ngực, không chịu đựng nổi.

- Đêm qua, - có lần bà hoảng hốt vào nhà tìm ông, - lũ chuột lại cắn chết một con gà nữa. Một trong những con gà tốt nhất.

Bà tìm tới chồng để ông phải làm một việc gì đó.

- Ta phải mang chôn đi. - Ông nói, di chuyển đôi chân cứng đờ.

- Nhưng chúng ta có thể *làm* được gì? - Bà nói, vẫn đứng yên ở đấy. - Chúng đã ăn cái đầu và lõi mắt bộ lòng. Thật là kinh khủng. Giờ chúng đã bắt đầu rồi, cứ tiếp tục cắn xé đàn gà tốt của chúng ta... - Bà không thể nói thêm gì được nữa, mà đợi ông.

Ông chẳng biết làm gì.

- Chúng ta có thể đánh bả, - ông nói, - bên ngoài chuồng trại.

- Đừng đánh bả, Stan ạ. - Bà nói. - Nhỡ chó mèo ăn phải.

Thế rồi chẳng người nào biết phải làm gì cả.

Amy Parker để tất cả tâm trí vào tầm quan trọng của vấn đề này, bà phải làm thế, trong khi bà bận khoăn lo lắng thì ba, bốn con gà nữa bị chuột vồ chết và ăn thịt.

- Chúng đã bắt đầu thì sẽ chẳng dừng lại đâu. - Bà quả quyết. Ông nghe thấy vợ nói khi gõ chiếc thìa vào quả trứng ông vẫn thường ăn vào bữa điểm tâm, nhưng trước hết ông phải xem xét thật cẩn thận. Nếu ông không thể chấp nhận tầm quan trọng trong vấn đề của bà, thì ông cũng chẳng thể giải quyết được vấn đề của

chính ông. Nghe nói thế cuối cùng ông ngẩng lên nhìn bà, thấy tóc tai bù xù, và biết mình yêu vợ.

- Hay là ta thử đánh bả xem sao. - Bà phân vân.

Bà thấy ông nhìn mình, đó là điều bà mong muốn, và cảm thấy vững tâm.

Nhưng ông không quả quyết bằng lần trước. Ông đi ra ngoài, cho tay vào túi áo tìm cái túi đựng thuốc lá, nó không ở đó, ông nhận ra với sự bức tức bất chợt, lục lọi khắp hai túi áo tìm cái vật đã để sai chỗ hoặc thậm chí đã mất. Hai bàn tay ông vướng vào các nếp gấp và đường may của quần áo, đôi bàn tay xương xẩu của ông. Mồ hôi đọng ở mắt và ở khoeo chân. Vì ông không thể tưởng tượng được là thói quen lại có thể bị phá hủy như thế. Cái túi đựng thuốc lá của ông. Ông bắt đầu đi lang thang chậm rãi, gằn như lão đảo, mò mẫm tìm lối thoát khỏi tình huống này, giống như một người mù, ông suy nghĩ và thoát khỏi suy nghĩ, cố tìm xem mình đã để túi thuốc lá ở đâu, đó là một cái túi cao su nhỏ xoắn ở trên đầu, một vật cũ kỹ đã ngả màu đen.

Trong cái lán dùng làm xưởng, nơi ông đang tìm kiếm, ông bắt đầu mất hết hy vọng tìm ra túi thuốc, ông quăng mạnh xuống đất một cái khuôn giày bằng sắt vẫn dùng để chữa ủng. Ngay tức khắc có tiếng lèng xèng của dụng cụ rơi lổn ngổn, mùi thơm dịu ngọt của vỏ bào và mùn cưa xông lên. Cái tốt đẹp đã mất không tài nào chịu nổi trong cái lán chật hẹp này. Thế là ông đứng đấy thờ đốc, toát mồ hôi, và nhớ lại vợ mình khi bà còn là một cô gái gầy gò và hơi e thẹn. Ông mãi mãi nhớ hình ảnh chị lúc mồm ngậm đầy cặp áo quần, đang phơi quần áo trên dây.

Trong ánh sáng mờ hơi sương, giữa những làn mây, trong ánh sáng xanh lơ, chần màn phát phơ trước gió, nom bà giản dị và đáng thương làm sao, những chuyện như thế không thể xảy ra nữa. Nếu mình quên chúng đi, ông tự nhủ, nhưng không thể. Nó vẫn tiếp tục xảy đến. Nó quay trở lại tâm trí ông, gắn liền với một đám bụi trên đường. Ông nghe tiếng cửa xe sập mạnh. Ông tưởng tượng, hay cố làm thế, nhưng không tài nào tưởng tượng nổi những lời trao qua đổi lại. Những người khác, ngay cả những người vô tội, hay những người lạ mặt, thường nói những lời bí hiểm và có thể là những lời giải thích, những lời sẽ biến đi trong tầm nghe.

Thế rồi rốt cuộc ông chẳng nắm bắt được gì cả. Ông đứng đó, vân vê các nét tượng hình trên bàn mộc ông đã khắc vào gỗ, trong khi đứng đó, ông xót xa nhớ lại là mình đã mất một cái gì đó, mà mồm ông cuối cùng tự bảo mình đó là cái túi đựng thuốc lá cũ bằng cao su, thứ mà dù đã cũ nát ông cũng không muốn để mất, bởi lẽ ông cảm quen tay.

Khi ông tìm ra cái túi - ngón chân ông đá phải nó trên một con đường mòn - ông lập tức vo những sợi thuốc run rẩy giữa hai lòng bàn tay và nhét đầy túi thuốc. Lẽ ra ông phải cảm thấy khuây khỏa, nhưng không.

Ngược lại có nhiều thứ làm cho người đàn bà khuây khỏa, vì bà có thể vẫn nhìn thấy được mọi vật trong hình thù bất biến của chúng, dù đó là một áng mây bay, hay một ngọn cỏ dại mà chị đã cúi nhìn, và nếu thiếu những bông hoa thật thì chúng chính là hoa, một vật bình thường màu xanh, nhưng vui mắt. Có một số điều bà cho phép mình nhớ lại, và có một số điều bà buộc mình phải quên đi.

Cách sắp xếp này thật đáng ngưỡng mộ, nếu làm được. Và bà cũng đã nghĩ ra nhiều cách để thể hiện tình cảm với chồng. Một sự ám áp tràn ngập trong lòng bà, đầy an toàn và hối lỗi. Quả thực sự hối lỗi của bà đã báo hiệu sự an toàn, hình như thế.

Thế là người đàn bà bước đi giữa những cái gì còn lại của khu vườn, gương mặt tươi mát và chìm ngập trong không khí mùa thu. Thỉnh thoảng một con chó đi đến, một con chó to, màu vàng, chân dài, một loại chó kangaroo như người ta gọi. Bà đi thơ thẩn, con chó theo sau, chân như chân thỏ, bà dừng lại, con chó rụt cổ. Bà không ưa con chó ấy. Nó cứ xuất hiện. Nó đứng đấy, chỉ ve vẩy cái đuôi, những khớp đuôi nom rất rõ. Nhìn ngắm bà. Con chó ấy làm bà rợn cả người, bà nói với chồng như thế. Nhưng nó ngoan ngoãn. Nó quý mến bà và luôn thăm dò, lúc lắc cái cổ. Nhưng bà không thích nó như vậy, cau mày nhìn nó. Thế là con chó bèn nhếch mép lên, cười cười làm lành, nghiêng hai hàm răng vàng ệch để tranh thủ sự đồng tình, về phần mình, nó đồng tình với mọi hành vi nó chứng kiến, biểu thị qua đôi mắt của tình yêu tất cả những gì suy đồi và thú vật. Nếu bà sống một mình, bà đã có thể cư xử tàn nhẫn với con chó. Thực tế, bà bước đi thật nhanh, vòng qua góc nhà. Con chó vàng gầy guộc đi theo. Đôi mắt sáng của nó nhìn thấy bà ở bất cứ nơi nào bà đi.

Chú mèo, ít ra, đã không theo dõi, và bà tạm đáp lại sự cầu thân của chú dưới vỏ bọc cái tiết. Chú xù lông và khéo luồn lọt, khi chậm rãi uốn những vòng cung bên chân chị, hay trực tiếp, khi chú co cái đuôi run run chạm vào những bụi oải hương.

- Đồ bản thủ, - bà cười vang vì giờ đã chấp thuận.

Và chú mèo lớn ngoao một tiếng với bà.

Một buổi tối, khi chân trời chỉ là một đường lửa đỏ lạnh lẽo, mỏng manh, bà bế bổng chú mèo lên, hôn chú, ôm tấm thân run rẩy của chú vào ngực. Rồi bà biết mình đã lạc bước, hoặc sẽ như thế, đang đi đến sự hủy diệt hoàn toàn. Nhưng liệu điều này có xảy tới không? Nó còn mơ hồ lắm, đến nỗi chú mèo bắt đầu vùng vẫy chống lại sự tuyệt vọng đang nằm trong vòng tay bà, cào cấu để thoát thân, và cố sức nhảy xuống. Bỏ bà lại.

Amy Parker bắt đầu lục lọi khắp nhà trong những ngày ấy, gấp rất nhiều giấy màu nâu, quấn dây thành những nùi con con, đọc lướt những bức thư cũ, và bắt gặp những tấm ảnh đã ngả vàng. Có một tấm ảnh bà đội chiếc mũ kết đầy hoa, vẽ thẹn thùng đầy biểu cảm, khó mà diễn tả bằng lời. Trong tấm ảnh này bà đứng trên một cái rương trong phòng ngủ, tựa vào cái lọ, nom như len lén đến đó để nhìn. Trước khi tiếp tục công việc nhà. Dọn dẹp và lau chùi.

- Đây là mấy chiếc mùi soa em để riêng ra cho anh nhưng không dùng đến. - Một lần bà nói với chồng bằng giọng rõ ràng của một người mà cuộc sống bí mật có phần mờ mịt hơn.

Bà mang cả ngăn ấy thứ ra ngoài để chứng minh đó là sự thật, rằng giữa họ ít ra phải có cái này. Bà là một người vợ tốt, đã cho mùi soa vào túi chồng trước lúc ông đi xa, lấy tay phủi sợi tóc rụng trên cổ áo ông. Người chồng chấp nhận tất cả cái đó, dĩ nhiên là thế. Và hôm nay là cái ngày ông đã thỏa thuận thông báo cho chàng trai trẻ, một người nhà Peabody về việc mua một số đất ở Hungerford, phía bên kia Bangalay.

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ, bà ra tiễn ông lên đường. Ông đang chăm chăm nhìn lên trời, như để đọc những ý định của nó, rồi ông nở má, công việc này ông làm hơi vụng về, mắt dán sát vào bảng tín hiệu. Nhìn người đàn ông người thẳng đứng và đáng kính kia, bà nhận thấy quá rõ ràng rằng mình chẳng bao giờ xứng đáng với ông. Sự soi sáng tâm hồn này khiến bà mệt mỏi nhưng đứng vững. Dẫu sao bà cũng đã hoàn thành nghĩa vụ vật chất của mình bằng nhiều cách. Nhét một chiếc mùi soa sạch vào túi ngực ông chẳng hạn. Bà đang đứng đó, như đã từng đứng nhiều lần trong nhà thờ, với bao người xung quanh, những người rõ ràng đã thực hiện được nguyện vọng tinh thần của họ, trong khi bà không vươn lên nổi, không phát hiện được cái mình phải vươn tới, chấp nhận là vài sự bí ẩn bị giữ kín với mình, chúng không còn làm bà giận dữ hay khổ sở nữa về sự trống trải của mình. Bà thừa nhận cái thân thể béo lùn của mình, không để ý đến nó nữa, thông qua những lời của các bài thánh ca trong sự chấp nhận nổi cô lập của mình một cách lạnh lùng.

Vậy là giờ đây bà đứng nhìn chòng vào cái phút giây ông nở má lên đường.

Rồi bà quay về ngôi nhà, nơi bà đã quét sạch gần hết lớp bụi bặm do những trận gió hạn hán thổi về, ngôi nhà bây giờ đã sạch sẽ nhưng mong manh. Sáng hôm ấy khí huyết bà không lưu thông tốt, xương cốt rệu rạo, bà bồn chồn loanh quanh giữa đám đồ đạc sáng bóng. Bà khát khao mong đợi một sự kiện cực kỳ quan trọng xảy ra để lấp đi sự trống trải của ngôi nhà, nhưng điều đó gần như chắc chắn sẽ không xảy ra. Ánh sáng lấp lánh, mờ ảo tràn ra từ các tấm gương. Có thể thôi.

Sau khi nhìn quanh, điều quả là ngốc nghếch, vì chỉ có một mình trong nhà, bà đi đến chỗ chiếc gương soi ở căn phòng trước, trên mặt gương bà viết chữ “Leo”. Chữ viết chỉ bà nhìn thấy, viết bằng ngón tay, nét chữ mờ mờ. Bà không thích nói ra cái từ này, vì cái ram ráp bà thấy ở miệng. Nhưng bà chưa hề viết nó ra bao giờ. Thậm chí ở đây, trong im lặng, bà vẫn thấy ngượng ngùng, tuy khao khát. Vì vậy bà ngấm nhìn nó. Những lời cầu khẩn đã được đọc lên như thế. Nhưng khi hơi thở căng lên trong lồng ngực, bà xóa sạch cái tên ấy một cách tàn bạo.

Sau khi đã lấy một xô cơm thừa canh cặn ném cho đàn gà, và hưởng chút lợi ích từ việc được chúng trơ trên bao quanh, bà trở lại nom thấy anh ta đang ngồi ngoài hiên, ăn một thứ gì đó trong cái túi giấy nhỏ.

- Anh đến đây bằng cách nào? - Bà hỏi.

- Vẫn như cũ, - anh ta nói, vừa cho thứ gì như kẹo bạc hà vào mồm, giờ chị ngửi thấy mùi vì đứng gần.

- Đón tiếp nhau như thế thật lịch sự đấy, - anh ta nói, mồm đầy kẹo bạc hà.

- Tôi không có ý định làm như vậy. - Chị nói, đặt chiếc xô xuống, ngả đầu đón nhận bất cứ thứ gì có thể xảy ra, và lau đôi tay mình. Chị liếc mắt nhìn vào đó và thấy chúng to, nứt nẻ vì những buổi mai giá buốt.

- Hai đêm liền tôi chỉ uống rượu, - anh nói, người co rúm lại. - Đừng hỏi tôi vì sao. Chuyện bình thường thôi. Và hút thuốc, lạy



Chúa tôi đã làm cho bụng tôi đóng cục lại. Tôi bỏ thuốc lá rồi.

Anh ta tung chiếc túi nhỏ lên như tung một quả bóng, nó rơi xuống đất cứng và nằm đó. Rồi anh ợ một cái và nói:

- Xin lỗi.

Amy Parker nhìn quả bóng nhỏ bằng giấy, như cái môi lửa màu trắng, tựa hồ một thứ hết sức cần thiết.

- Tôi chưa bao giờ thật sự say. - Bà nói.

Nhưng không cần thiết phải thăm dò chỗ nông khi đã đến tận đáy sâu.

- Em phải làm một cái gì đó, - anh nói.

Và đột nhiên, mặc dù họ đang ở hiên sau, anh ta đã lôi bà vào vãn cái phòng đợi rất vuông vắn, tường trắng trơn. Họ ngồi đấy, chờ đợi, mặc dù ngay tức khắc một sự kinh tởm hiện lên mặt anh khi nhớ lại sự tởm lợm nào đó đã qua. Lần này bà im lìm quá, đến nỗi có thể nghe được hình dáng của mọi vật.

Anh ta sẽ bảo mình điều gì? Bà băn khoăn.

Trong khi chờ đợi bà nhìn thấy những cây tiêu bắt đầu lay động, quanh đó đàn gà đang bới. Lá cây xào xạc trong làn gió nhẹ. Người đàn bà nhớ lại ngày còn là một cô gái, bà đã chạy băng lên sườn đồi, thở hổn hển, cười vang và đã nằm lăn ra trên đỉnh đồi như thế nào. Bà nhớ lại những cái chụm mát lạnh của những chiếc lá tiêu,

và giờ đây cũng sự êm ái, mềm mại ấy đã trở lại với mình, giá bà có thể nói cho anh biết.

Còn anh thì nhìn, và nom thấy người đàn bà vàng vố ngồi cạnh cái xô cám, cùng đôi bít tất của bà, chắc chắn nó đã cũ và bà mang khắp mọi nơi, đôi bít tất đã doãng, dẫn dúm.

- Nó là thế này, - anh ta nói - tôi có việc đi qua đây. Định ghé vào đây nói chuyện, thế thôi. Tình bạn không mất tiền mua, mà lại là một điều tuyệt diệu.

Anh ta ngồi đặt hai tay lên hai đùi nhăn nheo, rất ung dung. Mọi điều anh nói hay làm giờ đây cũng sẽ rất khoan thai.

Lạy Chúa, phải như vậy.

- Máy tuần nay chúng tôi bận, - bà nói. - Chúng tôi phải lo cho mấy con bò đẻ. Có một con đẻ vào lúc nửa đêm, tội nghiệp. Stan phải đi tìm bác sĩ thú y. Nhưng cuối cùng cũng đầu vào đấy cả. Một chú bê cái tở.

Bà xoay người trên chiếc ghế tựa cao, kêu cọt két.

Ôi, bà có thể trải lòng với người đàn ông này, hoặc không nhất thiết phải là đàn ông, với ai đó là được, về ảo ảnh của vẻ đẹp to lớn và vĩnh hằng. Nhưng ánh sáng di dịch phá hủy phía bên nhà mà họ ngồi, bỏ tâm trí họ trong bóng tối.

- Tôi thấy mệt mỏi lắm, - Leo nói, đưa tay giữ bụng và suy ngẫm về mình. - Đi lại ngược xuôi thế này chẳng được tích sự gì, tôi bị ung nhọt, hay cái gì đó.

Anh ta đứng lên.

Khi Amy Parker nhìn thấy cái lưng của anh, cái lưng to và còn trẻ trung, bên trong bộ comple rất diện, hào nhoáng, anh mặc khi đi trên những con đường quê kia, bà nói to:

- Anh phải đến bác sĩ đi, Leo ạ.

- Họ sẽ bóc lột mình, - anh nói, - mà chỉ có ta một chai thuốc độc. Cái thứ thuốc trắng trắng ấy. Tôi biết mà.

Bà đi qua sát anh đến nỗi bàn tay bà cọ vào áo anh, nhưng vẫn không thấy một sự đáp lại.

Anh bắt đầu kể cho chị nghe chuyện một người anh em của bố anh chết vì bệnh ung thư.

Do vậy bà không nên đến gần người đàn ông này, bà thấy rõ, hay có lẽ bất kỳ ai. Mỗi người đều bao kín trong sự bí hiểm của mình mà tự thân không thể giải quyết được. Người đàn ông và đàn bà này đã ngạc nhiên nhớ lại những quá khích của cơ thể họ, và quên tính đến điều khác.

- Nên người ta đã chôn cất bác Herb, - Leo nói. - Đám tang của bác được tường thuật từ *Người trạng sư*. Và những gì bác đã làm. Tuy không phải tất cả. Bác hơi đồng bóng, nhưng là một con người phong nhã.

Mồ hôi trên người Leo khô dần, bởi anh hiểu rằng họ đã vượt qua cơn nguy hiểm để đi vào tâm trạng thanh thản mà người ta có

thể giả vờ như chẳng có điều gì xảy ra. Chẳng mấy chốc anh ta sẽ có thể kể một chuyện khôi hài nếu như anh nghĩ ra được.

- Dĩ nhiên người ta đang tìm ra thuốc chữa, - Amy Parker nói, - cho các thứ bệnh này, bao giờ cũng thế.

- Ừ, - anh nói, - phải rồi.

Đang hồi tưởng lại.

- Đọc sách báo khoa học, - bà nói, - thật là tuyệt diệu.

Những cơ bắp màu xám của cổ họng bà như giờ ra trước lưỡi dao. Màu xám của ván sàn, bà thấy rõ, và của đất đã bị người qua lại đạp lên trong những ngày hạn hán. Bà hát ngược một mớ tóc cũng màu xám. Ở tuổi bà, tóc sẽ chuyển sang màu xám. Tâm tính cũng trở nên điềm đạm.

- Phải đổi chiếc Ford cũ thôi, - Leo nói.

Thế rồi họ bước ra giữa những bụi hương thảo cứng đờ cứ vướng vào áo quần, anh lên xe, lái đi, không trở lại.

Buổi chiều Amy Parker bắt đầu giải thoát mình khỏi những gì không xảy ra. Quả thực bà cảm thấy mình già, vì đời đã xế bóng rồi, nhưng trạng thái này cũng có sự ưu việt. Bà bắt đầu nhớ lại các chi tiết khó chịu không thể chấp nhận được của người đàn ông mà nay không còn là hình bóng của ham muốn của bà nữa, nhớ lại tóc sau gáy của anh mọc xoắn đờ như thế nào, cái tật hay nói về mình, mùi bạc hà. Và khi da thịt của bà dần dần hết ngứa ngáy, bà nghĩ rằng mình yêu thích sự im lặng.

Những điều bà đã biết bắt đầu trở lại. Bụi hoa hồng gai đầy gai góc kia mà hai vợ chồng đã trồng từ thuở ban đầu. Chiếc máy khâu với cái bàn đạp phức tạp. Một cái bình với một vết nứt màu nâu. Bà nhìn những thứ đó với niềm tin mạnh mẽ.

Nhưng bà vẫn chưa nghĩ đến chồng.

Buổi chiều, khi một chàng thanh niên đến hỏi: “Thưa bà, ông Stan có nhà không?” Bà đã thực sự ngạc nhiên ngẩng lên nhìn.

Đó là cậu Peabody, cháu Ossie, mặc bộ đồ vải séc xanh, người đáng ra đã phải gặp Stan Parker để xem đám đất ở Hungerford.

- Kìa, Joe, anh Stan đã đi gặp cậu cơ mà, - Amy Parker vừa nói vừa nhìn đồng hồ. - Anh ấy đi sáng nay, không nhớ lúc mấy giờ, nhưng đã được một lúc rồi.

Chị không thể nói đúng thời gian được vì nhiều năm trong đời chị đã trôi qua bằng khoảnh khắc.

Chàng thanh niên phá lên cười, ngập ngừng phân vân không biết nên làm gì. Cậu ta thường lúng túng khi gặp vợ những người mà cậu quen biết nhiều.

- Tôi chẳng biết nên khuyên cậu làm gì nữa, - Amy Parker nói.

Thanh niên thường hành động trên một bình diện khác. Mắt họ không nom những phụ nữ già hơn. Ngay cả con trai cũng chỉ nhìn mẹ nửa vờ. Chàng trai này trạc tuổi con trai bà, đứng ở một bên cửa ra vào, do vậy cậu ta không nom thấy bà. Cái ca-vát xa tanh

màu xanh sáng chói của chàng uốn vòng cung trên ngực, để chứng diện hoặc nhân dịp nào đó.

Ngay sau đó cậu ta chuồn thẳng và chị không rõ cậu ta định làm gì, hoặc ai đó phải làm gì.

Vào xế chiều, đặc biệt là buổi tối, khi công việc đã xong, và mọi thứ đã được lau chùi, sắp xếp cẩn thận vào tủ hay trên giá, Amy Parker buộc phải nghĩ đến chồng, ông ấy đã tiến lên phía trước vì cũng chẳng thể đứng lùi quá xa trong tâm trí bà. Bà biết đôi lúc mình luôn lắng nghe ông. Có những âm thanh khe khẽ của gió và động vật di chuyển trong bóng tối. Bóng tối, những ngôi sao và mây đang lướt trôi, xa dần bà cùng với thời gian. Những chiếc ghế mảnh mai trong các phòng nom hờ hững.

Mọi sự phải xảy ra tất sẽ xảy ra, không phụ thuộc vào mình, bà nhận ra điều đó. Bà đang đứng tựa lưng vào khung cửa sổ, người run lên, vì trời quả là rét thật. Những vì sao đơn độc run rẩy. Rồi bà ngả đầu vào khung cửa và buông xuôi trước cảnh đơn chiếc của mình mà chị lo sợ tuy chờ đón.

Stan quay trở lại, ngay sau khi ra đi, để tìm chiếc thước đo ba mươi mét mà mình định mang theo trong chuyến đi với cậu Peabody, nhưng đã quên. Lúc nhìn thấy chiếc ô tô màu xanh bóng lộn trong cái bụi đường trường, ông biết rằng đây là cái mình vừa chờ đón vừa sợ. Ông cảm thấy chiếc vô-lăng con con tay mình đang tựa lên mảnh mai làm sao. Những viễn cảnh của bạo lực dâng lên trong ông như máu và trào ra. Môi vêu lên như khi ông cầm một cái rìu, hay một cái búa, hoặc đôi tay để xử trí thật nhanh.

Nhưng trong khoảng trống trước nhà, nơi cây bách đang lay động nặng nề, ngọt ngào, dưới bao lớp bụi, hơi thở chính ông nghẹt trong cổ họng, vội vòng xe lại, với những động tác xóc nảy, không dứt khoát khi lái những xe quá cũ, và phóng trở về dọc con đường cái. Rồi ông buông mình vào cái gần như vĩnh cửu. Hoặc ông phải đi đến quyết định nào đó.

Stan Parker lái chiếc ô tô cao lênh khênh đến buồn cười của mình dọc theo những con đường. Phần lớn thịt trên mặt ông đã tiêu biến. Ông lái quá ngã rẽ Halloran và ngoặt vào Moberley. Những người không biết việc gì đã xảy ra vẫn tiếp tục sống cuộc sống của mình. Một bà cụ đội chiếc mũ to đang cắt hoa thược dược, tin rằng việc làm của mình tạm thời là hoạt động trọng yếu của loài người. Cụ ngẩng lên, lấy tay che mắt để nhìn, nhưng mặt trời của cụ có cánh hoa vàng. Stan Parker tiếp tục phóng xe. Hai đứa trẻ gần Bangalay đang nhìn vào một vật trong một ống bơ, ngay sau đó chúng bắt đầu ngắt cánh cái vật ấy. Dưới cái nhìn chăm chăm, lạnh lùng của chúng vũ trụ teo lại bằng dáng hình và kích thước một chú cánh cam đã chết.

Người đàn ông vẫn lái. Ông đến và đi các vùng ngoại ô giống nhau rõ rệt. Người qua đường quay đầu lại đột ngột nhìn bất cứ cái gì không thuyết phục được họ. Phải chăng có cái gì trong chiếc xe kia, cái gì để sợ, hay để ghét, hay chỉ để chăm chăm nhìn một cách tò mò, một linh hồn phơi trần?

Chiếc xe phóng thật nhanh qua một ngã tư, rồi qua mấy ngã tư nữa. Ở một góc đường một phụ nữ đang đẩy xe nôi suýt kêu thét lên. Nhưng nhựa đường dừng dưng trước cái nhìn kia. Chiếc xe cũ

kỹ vẫn cố tình phóng đi. Trong xe là một người đàn ông trung niên, lưng khá thẳng, ăn mặc rất diện. Chẳng có dấu hiệu gì là một người say hay điên cả, mà hình như một ảo ảnh thực tại nào đó đang điều khiển ông ta, và ông ta bị mắc vào trong đó, cứng đờ, mãi mãi.

Chiếc xe cứ thế lao tới, tiến vào thành phố, nơi kể từ lần tới vì việc của thằng con trai, ông chưa hề ghé lại, giờ đây thành phố này nuốt chửng chiếc xe thả lỏng và bám đầy bụi bởi những đường ngách quanh co. Thời gian nhỏ giọt trên thân người đang vã mồ hôi, đặc biệt ở khoeo chân. Ông cảm thấy lâu lắm rồi. Một vài bức tường bê tông màu xám có những lỗ lấm tẩm như mồ hôi, xi măng trát những bức tường khác bằng gạch đã vỡ vụn và tróc ra ở nhiều chỗ, mặt khác, mặt tiền của các cửa hiệu hỗn độn, quá rắc rối và dễ hỏng, đứng lù vào sau những mái hiên. Cứ thế ông phóng xe, đổ mồ hôi như bê tông chảy ra nước lạnh và nhớ lại khuôn mặt xám ngoét của mẹ mình khi bà nằm trên giường, đôi mắt nhắm nghiền. Những người chết đang liếm ướt môi trong khi ông lái chiếc xe cổ lỗ sĩ qua, chọn một thời điểm.

Nếu ta lái nó, nếu ta lái nó, ông tự nhủ, lao vào, vào một bức tường, lúc này. Nhưng ông tiếp tục. Một bánh xe lung lay. Ông vẫn tiếp tục lái. Những dải cỏ đắng cay, sần nảo phủ sương giá, dải nắng mặt trời, cây cối ngã ánh bạc trong gió, hoặc chỉ những cây chết héo luôn cuốn hút ông một cách bí mật, an ủi ông khi lái xe giữa cảnh im lìm, qua cái im lìm của cỏ nội, dạt về phía này cửa kính và bê tông. Như thế là cuộc sống của ông vẫn tiếp diễn. Vợ ông đang đi giữa những thảm cỏ. Amy đến chỗ cỏ chết, hai tay kéo lê thê cành cây dài, xum xuê lá, mà sau đấy bà đã vứt bỏ, sau khi nói với ông những lời dối trá, rõ ràng là cần thiết lúc bấy giờ.



Mọi thứ đều cần thiết, tuy vậy điều quan trọng là phải tìm ra được nguyên nhân.

Rồi ông dừng xe. Chiếc ô tô dừng lại gọn gàng và điềm tĩnh bên lề đường, sau khi không vươn lên được đến đỉnh cao của tham kịch và đam mê. Mình không thể tự sát được, như lão Gage kia, Stan Parker ý thức được vậy, mình không biết tại sao, nhưng mình không thể làm thế được. Chung quanh ông là những khuôn mặt thận trọng vô cùng của những người dân thành phố, tất tả ngược xuôi cho cuộc sống riêng tư. Người đàn ông ngồi trong xe giờ đây rảnh tay vì đã buông vô lăng, chẳng biết gì mấy ngoài hình dáng vợ mình và ý niệm mơ hồ về tâm hồn bà, cùng những thể nghiệm trong đó hai người hoán đổi cho nhau. Trong giây lát ông trông thấy gương mặt Amy, mà đã chết đi trong giấc mơ nào đó, và trong những phố phường của giấc ngủ ông đang kêu gọi bà, ca-vát tung bay, đường phố vắng tanh.

Ông bước ra thật nhanh khỏi chiếc xe cũ kỹ, cộc đầu vì thân hình cao lớn và bao giờ cũng quên nên mở cửa xe sớm. Ông ra khỏi xe, đi vào một quán rượu ở góc phố, gọi một cốc bia màu nhạt có lớp bọt mỏng bên trên, và uống cạn. Bia có vị chua. Ông uống liền mấy cốc bia khốn khổ ấy, chốc chốc dừng lại để nhận ra hành động của mình. Rồi tiếp tục uống. Tiếp tục một thời gian.

Một số người nói chuyện với ông trong cái quán rượu mặt hạng này, nó được lát đá hoa trắng để ký ức dội về nhiều hơn. Những anh chàng kẻ sát mặt vào mặt ông đã bị vẽ bề ngoài hào nhoáng của tất cả những gì họ đã làm thuyết phục. Lòng tin đó ánh lên trên gương mặt họ, đôi khi tuôn trào thành nước mắt khóc than cho những động

cơ và điệu bộ của quá khứ, mà cho đến giờ phút này họ vẫn chưa nhận ra khi thuật lại. Họ trưởng thành. Họ anh hùng. Tất cả những con người này, đang đứng dựa trên gót chân hay nghiêm túc cúi người đều nóng lòng muốn thấy Stan Parker đạt đến tầm cỡ của họ, muốn nghe ông kể lại một chút về cuộc đời anh hùng của ông. Và thế là họ nghiêng người chờ đợi. Có một chuyện để kể. Nhưng ông không thể kể.

- Tiếp tục đi, - ông vừa nói vừa xốc tay khỏi hai ống tay áo khoác.  
-Mặc tôi. Chẳng có gì để kể cả.

Nhiều quý ông ngạc nhiên làm bầm qua đôi môi khả kính đỏ tía như vỏ nho.

- Điều gì làm ông bạn phiền lòng thế hở?

- Nói xem điều gì nào?

- Không nói ra sự thật, thì cũng chẳng ai hỏi đến, mà cũng chẳng có quái gì. Rõ chưa?

Stan Parker nhìn quanh chỗ đó, thấy rằng quán rượu đã khá đông và lộn xộn, nhưng ông vẫn cô độc trong tâm tưởng của mình, nhìn tường nếu muốn, giữa mấy cái đầu lơ lửng, để rồi dòng nước đang trôi giữa đám cỏ kia, chèo qua và ông đã có thể tóm sừng con cừu già. Nhưng giờ đã quá muộn. Con người ông là thế đó Amy ơi, bao giờ ông cũng hiểu vấn đề quá chậm.

A, bà đang cười vang và ríu rít - trong đó đều là nước - bà đang đập mạnh đôi bàn tay lạ lẫm xuống đá hoa, đôi bàn tay nổi gân và đeo nhẫn.

Ông không thể nhìn kỹ hơn bởi thú tính cực độ của những gì ông đã từng nom thấy. Song đây là điều tệ hại nhất vì cho đến lúc này những suy nghĩ của ông chưa thành máu thịt.

Sau đó ông bước ra ngoài, bao nhiêu áo vét, áo khoác mỏng màu vàng sẫm lòng mở lối cho ông đi qua, cho tới khi ông ra đến bên ngoài, hay đúng hơn chân ông đã đưa ông đến đấy. Ông đang nhún nhảy. Ông đang mở ra và đóng lại. Ông rẽ ngoặt vào một ngõ hẻm mà ông chẳng đọc được tên mặc dù đã cố, dường như xác định vị trí của sự thoái hóa là rất cần thiết. Bao nhiêu vỏ chuối lâu ngày. Một bầu trời giấy hoàn toàn phẳng phiu, trắng ngần và vô thần. Ông khạc nhổ vào vị Chúa không hiện diện, rồi lẩm bẫm điều gì cho đến khi dãi rỏ xuống tận cằm. Ông khạc nhổ và đánh rắm, vì bụng ông muốn nổ tung. Ông tiểu ra đường cho đến khi trống rỗng, khá trống rỗng. Rồi ông nhìn thấy bầu trời bị xé rách. Ông đang xé toạc điều thiêng liêng cuối cùng trước khi ngã xuống giữa đám thùng trống rỗng, khoan dung trở lại hình hài mình trong chốc lát.

Khi ông tìm lại được mình, một người đàn ông có mụn cơm đang đi tuần đêm nhìn ông qua đám thùng thừa và nói:

- Kìa ông bạn, ông bạn bị ngã đấy.

Ánh sáng đêm màu đỏ tía đang chuyển về ngõ hẻm.

- Đứng lên đi. - Người ấy nói, hình dáng anh ta có vẻ to lớn nhưng bị bóng tối che phủ. - Ông làm bẩn bộ quần áo đẹp rồi.

Stan Parker đứng dậy. Bây giờ chẳng còn gì phải làm ngoài việc bỏ đi, và ông đã bỏ đi, lê đôi chân già nua, đi khỏi kẻ đã vồ về an ủi,

mà ông sẽ chẳng bao giờ biết rõ hơn, do tình cảnh.

Thành phố lên đèn trong ánh đèn đỏ tía. Ông cũng trôi giạt cùng ánh đèn. Ông tìm thấy chiếc xe cũ kỹ. Các sự kiện đã trôi qua và để nó đứng trơ trơ. Cho đến khi ông trôi tới. Tía và đỏ, bật, tắt. Song những ánh đèn màu trắng đã rục lên từ óc não. Những đường hầm tàu điện mất hút vào những đường hầm khác, của bóng tối, đi đến một chốn nào đó.

Và cứ thế Stan Parker vút theo cái hướng được chọn cho mình, phóng xe suốt đêm, hình như theo một đường cong. Đôi khi đường tàu điện đưa ông theo vết xe cũ, khiến lương tri xóc nảy, nhưng phần lớn thời gian ông chỉ phóng xe. Bây giờ ông đã bớt say, vẫn mơ mơ. Ông đã dịu cơn say, nhưng khổ sở. Không khí biển bắt đầu gặm nhấm cảnh quan, như với kim loại. Ông sờ vào hơi nước nhờn nhờn trên kim loại và vào lớp sương trên tấm kính chắn gió. Sắc tím nở rộ lơ lửng dọc bờ biển, nơi những đợt sóng mềm mại phá hủy nỗ lực một cách đầy khoái cảm. Nơi đây cũng vậy, ông vẫn còn nhớ, một số người đã đến để quên sinh, để lại trên bãi cát cuộc sống của mình cùng một đồng nhỏ áo quần, bơi mãi ra xa cho đến khi nước biển ập vào mồm.

Nhưng con người này đã trở nên quá mềm yếu trong đêm, không đủ say để chịu đựng những căng thẳng như vậy. Mà cũng chẳng cần thiết phải quên sinh để hủy hoại thân mình.

Ông bước ra xe trên con đường dạo mát vòng theo bãi biển. Ông đang tìm kiếm một vật gì. Lúc này ông bước đi loạng choạng, nhưng ở tuổi đó, ông vẫn giữ được dáng người đẹp; đầu không mũ vì đã đánh mất ở nơi nào đó. Ông bước dọc theo các khối bê tông ghé

mắt nhìn vào cửa sổ, thỉnh thoảng áp mặt vào đấy, cố tập trung sự nhạy mờ trong các hàng hốc ấy thành một cái gì xác thực, giải khuây. Ông thích nhìn thiên hạ ngồi quanh bàn ăn, sau khi họ đã bỏ hết công việc, và ngồi vào bàn đơn thuần chỉ để thấy có mặt nhau. Ông đủ hiểu họ để có thể tham dự vào cuộc sống của họ, mà bình thường không thể xảy ra được.

Thế là ông nhìn qua các khung cửa sổ, và trong một khung cửa một khuôn mặt hình thành, rõ hơn trong thực tại, trong ký ức, khuôn mặt đó đang nói với ông qua đôi môi dày. Rõ ràng là một quán bán sữa, trong quán người đàn ông to béo đang đứng rót những thứ nước xanh và hồng vào cốc cho bọn trẻ uống. Bọn trẻ quay người lại và nhấm nháp từng ngậm ngọt ngào, rồi ợ hơi vì chúng vừa mới học được trò này. Trong khi người đàn ông rót, hai mi mắt đen của anh ta như xuất thần trên chén bạc.

Kìa, quái lạ thật - Stan nhủ thầm - hình như anh chàng Con người Hy Lạp thì phải.

A, ông vui mừng tìm thấy anh chàng Hy Lạp ở chốn này. Đêm tối và gió biển ùa vào theo người khách lạ qua cánh cửa hút gió, trong khi ông lao nhanh về phía trước để chạm vào một vật gì đó ông đã từng quen biết.

- Ông Parker, - anh chàng Hy Lạp thét lên, hiện ra từ phía sau hai mi mắt. - Lại đây nào! Thật bất ngờ! Đây chính là ông Parker, Riní, Sosó, Kostáki, ông chủ mà tôi nói đến, nhớ không, lúc đầu tôi tới đó và làm việc. Sao, ông Parker, chính ông đây rồi. Thế còn bà Parker? Khỏe chứ? Ông có thích chốn này không? Đây là chỗ của tôi, mà vợ tôi đã cho. Đây là vợ tôi.

Nhiều người khác vội đến gần để xem việc gì vừa xảy ra. Họ nói ríu rít như chim, đó là những cô gái già dặn, tóc xoăn và dập dờn, bên những cô trẻ hơn là những chàng trai uể oải, mặc chế phục với bộ ria mới mọc và đôi mắt đen như bóng đêm.

- Hân hạnh được gặp ông, - chị Con nói.

Dưới chiếc tạp dề, ngực của cô phập phồng vui sướng và hàm răng đều đặn của cô mỉm cười.

- Ông ở lại nhé, - Con người Hy Lạp nói, vừa kéo mạnh người bạn áp vào ngực mình, - và chúng ta cùng chén một bữa.

- Không, không ở lại, - Stan nói, ông vẫn chưa tìm lại được cái gì có thể xảy ra. - Chỉ một chốc thôi. Tôi không thể ở lại được.

Xương cốt rệu rạo, ông ngồi phịch xuống một chiếc ghế sắt.

- Không, không. - Cả hai vợ chồng thét lên.

- Em sẽ làm một bữa đặc biệt, - chị Con mỉm cười.

- Món Soutzoukalia<sup>[3]</sup> ấy. - Một cô gái cao kều nói.

- Món Keftedes<sup>[4]</sup> cơ. - Một cô béo tròn nói, giọng the thé.

Thế là mọi người hét lên, xô đẩy nhau và cuối cùng giải quyết vấn đề.

- Bác đợi một chút nhé, - người vợ mỉm cười.

Đôi mắt chị tự tin đi qua bức rèm hạt cườm. Chẳng mấy chốc tiếng dầu xèo xèo.

- Các cháu này là con riêng của nhà tôi, - Con người Hy Lạp nói, con người mà thời gian đã mang tới cho anh hình dáng và nội dung của cuộc sống. - Tất cả đều có sẵn. Cũng như công việc này. Tôi đến đây để làm giàu, và tôi đã làm rất khá.

Anh chàng Hy Lạp, bụng đã phát phì ra, đang rung rung túi áo đầy tiền và chìa khóa. Anh ta bắt đầu kể về việc làm ăn của mình, về bài toán của thành công, trong nhịp điệu đó, chúng trở nên bí hiểm như lời những bài hát anh vẫn hát.

Bỗng nhiên, Stan, người mà đã đánh mất bản thân mình, và từ này đến giờ vẫn dùng nắm tay để chặn miệng, cất tiếng hỏi:

- Con này, cậu vẫn còn hát những bài hát Hy Lạp ngày trước, những bài hát từ các hải đảo chứ?

- Hát à? - Anh chàng Hy Lạp cười ha hả, lắc lắc cái bụng phệ. - Ông ơi, tôi hát để làm gì chứ. Trai trẻ họ hát. Họ đi lang thang và đứng ở các góc đường. Việc đó tôi để mặc bọn nhóc. Chúng nó thừa hơi phải xả. Chúng phờn lắm.

Đoạn anh ta đưa bàn tay mập mập vỗ mạnh vào vai người bạn, rồi bước ra ngoài để chỉ trở hoặc đi tiểu tiện. Anh ta là ông chủ ở đây. Anh ta làm gì tùy thích. Anh cứng rắn và vững vàng, nhưng cũng mềm dẻo và béo tốt.

Stan Parker nay chẳng còn chắc những cái mình sở hữu, nếu như có được chút gì, thấy điều này quả là tuyệt diệu.

- Thế thì hẳn ông thích âm nhạc? - Bé gái hỏi, bước đến cạnh cái bàn tròn bằng cẩm thạch người khách lạ ngồi.

- Âm nhạc? Có lẽ vậy. - Ông nói. - Ông chẳng bao giờ quan tâm đến điều đó lắm.

Đúng là như vậy. Mí mắt ông khô và mỗi mệ. Mọi việc vẫn có thói quen xảy đến với ông lần đầu.

- Cháu thích âm nhạc. - Bé gái nói, năm nay có khoảng mười ba, mười bốn, hoặc mười lăm, khó mà biết được, nhưng nom cô bé rạng rỡ trong chiếc áo chui đầu màu xanh đã cũ, mà ai đó đã may cho cô bé, hay thậm chí cho một người nào khác. - Cháu đang học âm nhạc, cả thơ và gia chánh. Cháu cũng vừa được giải thưởng quốc gia cho một luận văn *Sự xói mòn của đất*.

- Cháu biết nắm bắt cơ hội của mình đấy. - Người đàn ông lạnh lùng nói. - Tên cháu là gì?

- Pam ạ. - Em bé trả lời.

- Không phải đâu. - Một vài cậu bé gầy guộc đứng lúc đó đi qua hét lên.

- Pam! - Chúng nhại lại, trề môi, giơ lợi ra.

Anh em trai luôn moi được sự thật từ chị em gái.

- Đúng mà, - cô bé quạt lại. - Tao sẽ là Pam.

- Chị ấy tên là Panayóta, - bọn con trai cười phá lên, chỉ tay về phía cô.



Thế là cô gái buộc phải ngồi im, mi mắt sụp xuống, các đầu ngón tay đặt trên mép bàn.

- Panayóta? Không tệ lắm. - Stan Parker nói, khi bọn con trai đã đi qua.

- Nhưng cháu không thích là Panayóta. - Bé gái giận dữ nói. - Cháu muốn tự chọn lấy. Cháu không phải là Panayóta. Cháu chẳng biết cháu là gì. Nhưng không phải là Panayóta. Cháu chẳng biết cháu sẽ là gì. Vì thế cháu học đủ thứ. Cháu muốn làm mọi thứ trên đời.

Cô đang lên cơn sốt.

Trong bếp dầu đang kêu xèo xèo.

- Bác chớ nghe con bé Panayóta, - hai hàm răng ươn ướt của bà mẹ cười. Cô thò đầu ra khỏi bức rèm hạt cườm một lúc. - Con bé nó rồ đấy, - cô gật gù nói.

Cô bé với mái tóc vừa gội còn mát và mượt mà, đứng lên khỏi bàn, mớ tóc đen của cô quét vào mặt người khách lạ đang ngồi chôn chân ở đó.

- Cháu sẽ không nói gì nữa, - cô bé nghiêm sắc mặt nói. Cháu sẽ mở nhạc cho ông nghe. Như thế tốt hơn.

Người đàn ông ngửi thấy mùi tóc của cô bé, và nhớ lại những bông hồng bạch có mùi thuốc lá mỗi khi ông ta vò nát, nhưng chỉ thoáng thoáng, rồi lại chuyển sang mùi hoa hồng. Vì thế ông cố sức

vùng ra khỏi bờ vực đau thương; ông hắng giọng, cái giọng khô khốc của một người có tuổi.

- Đĩa hát này hay lắm, - cô bé nói, tay cầm một đĩa hát gắn vào một chiếc máy hát cũ đặt trên quày, cạnh chiếc hộp kèn đưng ống rơm. - Bản này buồn lắm, - cô bé vừa nói vừa quay chiếc cán cọc cạch lên dây cót. - Nhưng nó cũng thật hay.

- Ông nghe nhé, - cô nói.

Đĩa hát bắt đầu líu ríu. Nó vẫn tiếp tục một điệu khi gặp chỗ đĩa nhảy, nhưng chẳng có gì cả. Giọng ca bắt diệt đang hát không ra tiếng. Một làn ánh bạc dịu dịu của không khí và sóng biển ùa vào quày hàng. Mọi hành động, dĩ vãng và hiện tại, đứng sững sờ trong làn ánh sáng kia.

Cô bé đã trở lại ngôi vào chỗ của mình, lướt qua người khách lạ, bước vào vòng tròn bầu bạn, thân mật nói:

- Cháu đã từng làm thơ.

- Có hay không? - Ông lớn tiếng hỏi.

- Thoạt đầu thì hay, - cô bé nói. - Nhưng rồi sau nghe kinh lắm.

Giọng cô bé át cả tiếng hát bắt diệt. Cô bé cũng muốn nghe đấy, nhưng không thể. Thơ của cô bé ấm áp hơn, hiện thực hơn, quyến rũ hơn.

- Cháu muốn kiếm đủ tiền để đi Athen một chuyến, - cô nói. - Thăm họ hàng. Và thăm Parthenon.

- Ồ? - Stan Parker hỏi.

- Ông biết Parthenon chứ?

- Không, - ông trả lời.

- Đó là một ngôi đền, - cô bé nói. - Toàn bằng cẩm thạch. Đó là, ôi, cháu không biết, đó là Parthenon. - Cô bé gào lên tuyệt vọng, vung tay ta như ôm ấp một cái gì quá lớn.

Và ánh trắng se lạnh của bài hát đang từ chiếc hộp trên quầy tải ra ngoài.

Stan Parker ngồi bên chiếc bàn nhỏ, giá lạnh, lúc này đã đạt đến một cái gần như vĩnh hằng, mà bài hát kia không tài nào làm tan biến được, dẫu nó có xô đẩy và cuộn chảy như thủy triều vào những chân bàn bằng sắt trong căn phòng. Nhưng nào có ích gì, sự vĩnh hằng kia, ông biết rõ. Mọi thứ quan trọng trên đời, trong ánh sáng lỏng của bài hát bạc, đều được lưu lại hay trôi qua. Mọi hình dáng ông nhận ra đều biến thành cẩm thạch. Như vậy ông nằm cạnh vợ trên chiếc giường sắt, chiếc giường vẫn nằm trên tấm thảm màu hồng nhưng tay chân của họ đã biến thành cẩm thạch. Họ đông lạnh trong mắt người kia. Ảo ảnh của họ đã mang tính lịch sử đọng tại điểm ấy.

- Ông chẳng hay chuyện gì nhỉ? - Cô bé nói, mỗi một vì phải nghe mãi bài hát cũ.

Cô đã nghe nhiều lần. Cô đã nghe thấy nhiều điều, đã làm lắm thứ, với khả năng của cô, làm và nghe trong giới hạn tuổi cô, vì thế

cô khao khát muốn được biết những bí mật mênh mông của cuộc đời những người khác.

- Ông chỉ nói thế thôi. - Người đàn ông nói.

Miệng ông càng lúc càng bực bội. Ông chỉ muốn vớ lấy một cái búa và đập tan cái thế giới cấm thạch. Và cô bé, vào cái tuổi này, trong chiếc áo thun đã doãng, lúc đầu nom tội nghiệp, nay trở nên xung khắc với ông, vì những ý nghĩ của ông.

Cô đã tựa ngực lên cạnh bàn, nó đã là ngực của đàn bà.

- Ông có say không? - Cô bé hỏi.

Cô sún một cái răng bên cạnh.

- Lo chuyện của mình đi, - ông nói. - Cháu chỉ là nhóc con.

Cô gái tức khắc biến thành một cô bé, bị người ta chỉ tay vào mặt.

Vừa lúc đó bài hát chấm dứt, và Panayóta đứng vụt lên để giải phóng chiếc kim khỏi đường rãnh cuối cùng. Người đàn ông tiếp tục ngồi. Cả hai đều phải chịu đựng sự im lặng ồn ào của gian phòng với những bức tường hồng và vàng. Cô gái, đôi khi quên mất mình là hãy còn là một em bé gái, vừa cắn móng tay vừa gãi những nơi cần gãi, đi đến cạnh tấm gương để xem người đàn ông đã nhìn gì. Cô bắt đầu ghét người đàn ông đứng tuổi. Người đang theo dõi cô. Trong gương cô lấy dáng điệu đàn bà, ưỡn ngực trong chiếc áo chun đã chảy, và đưa lưỡi liếm vành môi.

- Cháu bao nhiêu tuổi? - Người đàn ông hỏi, chồm về phía trước qua chiếc bàn.

Giọng nói của ông nghe chừng dậm dật, nhưng ông chẳng ngạc nhiên, cảm thấy mình chưa đến tận đáy sâu.

- Bao nhiêu tuổi á? - Cô bé hỏi, không thương xót.

Cô để lộ chỗ răng sún.

Trên trần nhà có bao nhiêu vị thánh, với những khuôn mặt nhọn, đau đớn, và cơ man là trái cây.

- Chỉ có ông là người đặt nhiều câu hỏi. - Cô bé cười vang, kéo mớ tóc xuống trong trò nghịch mới, và tóp má lại cho đến khi nom chúng hõm xuống.

- Chào Pam. - Một vài cậu vừa bước vừa nói.

Họ ngồi lên ghế đầu, xương vai lộ rõ dưới lớp áo may-ô, và bấp ùi dưới chiếc quần màu hoa cà.

- Kem chuối nghiền bạc hà. - Bọn con trai nói.

- Vâng. - Panayóta trả lời.

Cô bé bước đi duyên dáng, tay cầm một túm thìa con giống như những con rắn nhỏ và mấy cái cốc con trong đựng kem.

Rồi mấy cô gái bước vào, một đôi chị em hay đôi bạn gái. Họ thẹn đỏ mặt hoặc cười rúc rích mỗi khi cùng nhìn một vật. Họ đội mũ có những tua bông xuống giống nhau. Các cô gái gọi một thứ nước

giải khát màu đỏ tía, làm nhoen mồm họ. Họ cọ mông vào ghế, cười khúc khích. Toàn là dâm dật, vì giờ đây các cô, các cậu trao đổi với nhau bằng những ngôn ngữ bí mật, hay bằng tín hiệu. Panayóta đứng sau quầy hàng nổi hơn tất cả. Đôi mắt ấy gọi nhớ tới ánh trăng trong những vần thơ, nhìn người đàn ông nơi hải đảo - tức chiếc bàn - và xa hơn nữa.

Rồi Stan Parker, bị vây hãm giữa không gian và sự dâm dật, ngày càng tuyệt vọng. Những bàn tay nâu của thánh, từ trên vòm lá giáng trần, mang tặng những quả cây khêu gọi. Gái và trai đang hát một bài hát nào đó, chỉ có họ biết thôi. Nhưng có lẽ ông cũng học được. Ông sẽ theo dõi đôi mắt của Panayóta, cô gái đã nói nhiều lời đêm ấy, nhưng giờ đây trở nên e dè. Cũng như mọi thứ gì quan trọng được giữ kín hoặc trôi qua.

Thế là cuối cùng người đàn ông đứng lên, người tê cứng vì ngồi suốt buổi, hoặc vì xương cốt, chống lại những nhánh sắt của cái bàn.

- Ông phải đi đây, - Stan Parker nói.

Mọi người nhìn.

Còn Panayóta phải vùng ra khỏi dòng suy tưởng đê mê.

Rồi cô thét lên:

- Thế còn cái món soutzoukakia mẹ nấu thì sao?

Anh nhìn thấy nét hời hợt trong mắt cô. Cô bé cũng đang mút một que kem, và mồm cô ướt.

- Ông xin lỗi, - Stan lịch sự nói. - Ông phải đi, phải đi bây giờ.

- Thế thật không hay - Panayóta nói.

Mấy cô gái đội mũ có tua cườì rúc rích bởi họ không góp được gì khác, nhưng đối với cánh con trai tất cả đều chẳng quan trọng.

Ngay lập tức Stan Parker rời quán sữa của Con, người Hy Lạp, những suy tư đã làm cho ông không chịu đựng nổi. Nhưng chúng lại theo ông trong đêm ẩm ướt, như thể chúng sẽ phá hủy phần còn lại của ông. Trong tình thế đó, tham dự vào đấy còn có cả trùng dương cuộn sóng liên hồi và bài hát xa xôi vô phương tìm lại đầy bi kịch mà cô gái đã chơi trên chiếc máy hát cũ kỹ, ông đi xuống nơi bê tông đang biến thành đất cát, thấy một người đàn bà đang chằm một điệu thuốc từ một đót khác.

- Trời, - bà nói - tôi sẽ kệ ngón tay bị bỏng để giữ lấy hơi cuối.

Đôi môi của bà nom rõ là thêm khát, cổ rít lửa từ cái chấm tro màu đỏ.

- Tôi ngồi đây, - người đàn bà nói, - vì tôi cảm thấy buồn nôn. Vừa rồi tôi làm vài chén ở nhà một người bạn có chồng vừa đi vắng. Chẳng phải lúc nào tôi cũng thế này đâu. Tôi không nói là tôi không uống lấy một chén. Hay hai. Cũng có cất một chai trong thùng đá. Loại bia ngon. Ông có thích mèo không? - Người đàn bà hỏi tiếp. - Tôi nuôi mèo. Có sáu, bảy con, không sáu con, con Henry chết rồi, con Nona này, Phyllis, bé Un này. Nhưng ông chẳng thiết đâu. Mà cũng chẳng trách được ông. Tôi ớn mèo lắm, những con mèo khôn kiếp khắp mọi nơi, trong buồng tắm. Vừa mới bảnh mắt, chưa kịp

kéo rèm lên nhìn ánh sáng màu nâu, và bỏ câu, vì là buổi sáng, ông chưa rõ, thì mèo đã đến, chúng vây quanh, rúc vào lòng, có con lại thích chui xuống dưới vải trải giường.

Stan Parker nghe người đàn bà nói đến lúc thấm mệt, ông ngồi xuống cạnh bà ta trên cát ấm. Hơi thở của bà phả vào mặt ông như một mảnh kim loại, nhưng mùi của người đàn bà ít hôi hám hơn tình cảnh của ông lúc này. Sự kinh tởm đã chết trong lòng ông.

Thế là ông ngả đầu vào lòng người đàn bà.

- Anh cũng đang trong tâm trạng như tôi, - bà ta nói, đưa tay lần theo dáng hình của khuôn mặt ông.

- Anh chắc đói. - Bà ta nói.

Ông đưa tay vuốt ve mái tóc rối bời của bà.

- Muốn cái gì thế, cưng? - Bà ta hỏi, lòng tràn ngập hy vọng được thoát cái tình trạng héo quắt mà thiên nhiên đã ném bà vào.

- Im ngay! - Ông nói nghe độc ác.

Ông đã có thể giết chết con điếm già này, biến nhu cầu của ông thành của mụ, ông đặt tay lên cổ họng mụ ta, và ấn nhẹ, nơi có một chuỗi hạt, một khung ảnh trái tim, hoặc một cái gì đó.

A a a a, mồm mụ ngoác ra.

- Được rồi, - ông nói thẳng vào mặt mụ. - Ta đang phân vân không rõ có tự sát nổi không. Chắc là không. Thậm chí cả lúc này.



Mụ ta tiếp tục gào thét.

Ông vùng dậy chạy dọc theo bãi cát, vấp phải những khát vọng lén lút, những khúc củi trôi giạt vào bờ, và cát mềm.

Sau khi đã chạy được một quãng, tiếng người đàn bà gào thét đã lắng xuống, tiếng còi hú chọc thủng màn đêm, và ánh đèn dòn về quanh hiện trường ông vừa rời đi, ông bỗng cảm thấy thương hại người đàn bà nuôi mèo, người ông đã đập tan những bí mật và bóp bầm cổ họng.

A, ông tự nhủ, hai tay ôm đầu cho đến lúc nó không còn là đầu ông nữa, mà là một quả dưa treo giữa hai bàn tay, thế là hết, mình phải về nhà thôi.

Biển không phản đối ông.

Trong khi Stan Parker phóng xe qua đám ổ gà trên đường từ Durilgai về nhà, đặc biệt là qua dãy ván rào mà ông đã bao lần trì hoãn không căng chặt bởi trong lòng thấy thờ ơ thì đoạn phim đời vẫn lập lòe trước mắt ông, cho đến bây giờ gần như không còn là thực nữa. Mà chỉ vì ông đã sống qua quãng đời đó. Có một lần ông đi xem phim, hai lần thì đúng hơn, ở đấy máu ông đã hòa nhập vào mẫu phim nhựa cuối cùng.

Thế nhưng bây giờ cổ lụi và cây cối khẳng khiu đã chỉ trích những gì dĩ vãng. Chỉ có hiện tại là thực, quay trở lại những chốn thân quen. Lái chiếc xe ọp ẹp, Stan Parker một lần nữa lại nhìn lớp da trên bàn tay. Cứ thế cho đến thung lũng, nơi cây bách hiện ra

trong đám bụi và bụi bốc lên đến sặc sụa, từ dưới bất chấp cả lớp sương.

Ông lại sặc, nhưng vẫn phóng xe nhanh vượt qua tầm của một ý nghĩ, rồi lựa xe qua cổng một cách êm ả, gần như hoàn hảo, và cuối cùng dừng lại ở sân sau.

Con chó lớn kia chồm dậy và tiến tới phía trước, nó hạ thấp cái cổ, để lộ hàm răng vàng ệch, biểu thị sự vui mừng biết lỗi.

Tại sao con chó lúc nào cũng cảm thấy có lỗi? Ông thắc mắc.

Amy Parker đã nhìn ra cửa sổ và thấy chồng về, bà cầm chiếc chảo, bởi vì những phản ứng ở bà đã dịu hòa từ lâu và ném một khúc mỡ vào, đập ba quả trứng, chúng chín rất nhanh trên chảo.

- Em đã làm xong dưới ấy chưa? - Ông hỏi - Với mấy con bò cái ấy mà?

- Rồi, - bà nói. - Xong rồi.

Bà mang đến cho ông thức ăn thức uống.

Bà mang lại một chén trà pha sữa, và đứng uống, vừa nhai vỏ bánh mì khô, dáng điệu nom xấu xí nhưng quen thuộc. Đó là thói quen của bà mỗi khi nói chuyện với ông.

- Tối qua em suýt nữa quên băng con bê của con Bella, - Amy nói. - Con Bella phát khùng lên. Nó vừa chạy quanh sân vừa rống lên. Nó tuyệt vọng, khốn khổ khi em thả con bê ra. Con bê nhỏ xinh

lắm anh ạ. Nó sẽ khỏe ra và sẽ là một chú bê đẹp. Và là con của Bella.

Bà đã kể cho ông nghe như vậy.

Khi ông nhìn bà, hoặc không nhìn, ông thấy rõ hai người đã bước vào một giai đoạn mới của cuộc đời, rằng một cái gì đó đã phí hoài. Amy đi đi lại lại trong bếp. Tóc bà xẹp và suôn vì bà đã vuốt mượt xuống. Bà cho củi vào bếp lò, để lửa cháy bùng lên bén ra bên ngoài một lúc. Rồi bà nhanh chóng dập ngay.

- Củi sắp hết rồi, anh Stan ạ, - bà nói.

Đúng, ông chẻ thêm sau.

Thế đó, ông tự nhủ, liệu chúng ta có biết điều này đã xảy ra không? Song ông không thể chịu trách nhiệm về bất cứ điều gì trong đời mình. Nói gì đến cuộc đời người khác, nói rõ hơn là là cuộc đời của vợ ông.

Cũng trong tâm trạng ấy Amy Parker đi đi lại lại, cầm vật này lên rồi lại đặt xuống, chờ đợi một điều gì đó được sáng tỏ. Cái điều mà bà mong chờ là sự sáng tỏ sẽ đến từ bên ngoài. Nhưng nó đã không đến và bà tiếp tục cảm thấy kiệt lực, hổ thẹn, nhớ lại, băn khoăn về cái cung cách bà giặt tuột đôi tất dài ra, rồi chúng nằm phơi trên sàn nhà như những cái túi màu ghi.

Nếu bà sờ lên mặt, bà sẽ thấy nó hốc hác biết chừng nào, nhưng bà không soi gương.

Đến một lúc nào đó, người đàn ông và người đàn bà đi đến chấp nhận điều bí mật của nhau, mà mái nhà không chứa đựng nổi. Ban đêm đôi khi họ tỉnh giấc một mình và lắng nghe hơi thở của người kia, bần khoăn. Rồi họ lại ngủ tiếp, vì mệt mỏi và chẳng hề chiêm bao. Thói quen đã an ủi họ, giống như rượu mạnh và dép lê, thậm chí còn đội lốt tình yêu.

## CHƯƠNG 19

Ít lâu sau ngày cưới, không phải ngay tức khắc, khi đã ổn định cuộc sống, vợ chồng Forsdyke về quê thăm bố mẹ vợ.

- Anh sẽ chán ngay, dĩ nhiên là thế, nhưng đã đến lúc anh phải nhìn thẳng vào sự thật. - Thelma nói, đổ trách nhiệm cho chồng về mọi chậm trễ từ trước đến giờ.

Người chồng háng giọng nhưng chẳng hề cãi lại. Anh tiếp tục phóng xe. Anh chọn một khe hở giữa hai chiếc xe đang trước và lái vọt qua, tuy bình thường anh không sành chuyện này. Anh là một con người thận trọng. Chiếc xe của anh, một chiếc xe Anh, chẳng cũ cũng chẳng mới, chẳng dài ngoẵng cũng chẳng thấp lè tè, sơn màu nhũ, không sáng chói, không hề bộc lộ tình trạng kinh tế của anh. Nó được chọn vì lý do đó.

- Em cẩn thận kéo gió lừa đấy. - Cuối cùng Forsdyke nói, và cũng vì vừa mới lên chức chồng, đã đến lúc anh phải nghĩ đến cái điều âu yếm nhưng thiết thực.

- Ồ, không sao. - Người vợ nói, mấy tuần nay cô không quan tâm mấy đến sức khỏe.

Nhưng anh chồm qua người Thelma, do lơ đãng hoặc do tỏ ra hiểu biết hơn, anh quay kính xe lên.

Thelma mỉm cười, thở uể oải, và đưa tay đeo găng sờ cửa xe. Cô cảm thấy hết sức hài lòng, trong tình yêu, cô có thể nói điều này ra nếu cô không ngại việc thú nhận như thế là trái với cách sống thanh lịch mà cô vừa mới học được. Song cô đang yêu. Cô ngỡ ngàng nghĩ đến ngôi nhà của mình, lớp sơn rực lên giữa hai hàng nguyệt quế buổi chiều tà, hoặc cô bí mật đứng trong bóng tối để ngắm nhìn, ngôi nhà giống như một tấm khung ánh sáng cố định, xung quanh vút lên lời mời gọi phóng túng của cây cối, mà những người khác đã trông.

Bố mẹ cô đã đến thăm nhà một lần từ ngày cưới. Họ không đến dự đám cưới bởi vì - điều này quá rõ ràng - nó có thể làm cho mọi người lúng túng. Nhưng vào một buổi chiều, một mình họ đến thăm, họ cảm thấy hân hoan và yên tâm. Bố mẹ cô mang đến trứng gà và một vài quả cam to tướng. Nhìn cái cảnh thanh bần của bố mẹ, cô con gái trong giây lát cảm thấy buồn vì đã rời bỏ hai người, rồi cô lại nhanh chóng cho tay vào túi áo len đan và thấy lại ý thức về thực tại.

- Hai người dễ thương thật. - Bất giác cô nói, rụt đầu vào cổ áo lông.

- Cái gì cơ? - Forsdyke hỏi. Anh còn được gọi là Dudley nữa.

Trong khi lái xe, anh không quan tâm đến việc gì khác ngoài con đường. Anh là một con người cần cù. Tính tình chịu thương chịu khó, trên thực tế, là niềm tự hào lớn nhất của anh, và mặc dù vô hại, nhưng đôi khi nó có thể khiến người khác không chịu nổi.

- Bố mẹ em, - Thelma Forsdyke nói.

Như thể sự quan tâm của anh ta cần thiết cho những ý nghĩ mà cô vừa nói ra.

Cô mê viên ngọc cairngorm có những viên đá bao quanh mà mẹ cô đeo hôm đến thăm. Hồi còn bé cô có nhìn thấy nhưng đã quên.

- Phải nói mẹ là một người đa cảm. Một nửa những chuyện rắc rối từ đây mà ra. Còn bố, phải công nhận bố có một tấm lòng vàng.

Forsdyke vẫn phóng xe, thỉnh thoảng lại cau mày nhìn con đường, bình thường lẽ ra phải làm lắng dịu tâm trí.

- Có chuyện gì rắc rối thế? - Anh hỏi.

- Không hẳn là *rắc rối*, - người vợ trả lời, vừa nói vừa ngắm nhìn đôi găng tay và kéo chúng cho thật khít, thật hoàn chỉnh, với bàn tay.

- Chỉ là chuyện của hai con người cứ dần dần khám phá ra những điều bí mật của nhau, và chưa khám phá đủ, khi cùng sống bên nhau.

Trong thời gian ngắn ngủi từ ngày cưới đến giờ, càng ngày anh càng ngạc nhiên về vợ, và nếu không hoài nghi sự giao hoạt của nhân tính thì hẳn anh đã thấy làm tự hào về những dấu hiệu của trí năng kia.

Thelma thở dài. Những lúc ở một mình cô đọc rất nhiều. Đôi lúc cô cảm thấy ngợp trước bao nhiêu việc phải làm. Nhưng cô có rất nhiều thì giờ nhàn rỗi buổi chiều.

- Với anh, họ có vẻ rất thẳng thắn, - viên luật sư nói, với anh, chất phác nghĩa là đang che giấu.

- Anh không thích bố mẹ em mà. - Vợ ông nói khẽ khàng, như để giải tội cho người chồng mà cô đã chọn, người chồng mà cô vẫn còn ưng ý.

- Thật là vợ vẫn. - Người chồng phá lên cười, biểu lộ bản chất tốt đẹp rõ ràng. - Nhưng anh có cưới các cụ đâu.

Tiếng cười cao vút của họ hòa vào nhau đồng tình nhất trí. Đầu hai người xoay trên hai cái cổ thẳng đứng, và họ nhìn thẳng vào mặt nhau. Trong giây phút này, Thelma Forsdyke sẵn sàng phản bội lại bố mẹ mình.

Tại sao ta lại lấy Thelma? Dudley Forsdyke băn khoăn tự hỏi.

Thoạt đầu mọi người cũng thắc mắc tại sao Dudley Forsdyke lại bị cô gái ấy tóm mắt hồn vía ở cơ quan. Có năng lực, dĩ nhiên thế, nhưng cô xanh xao, thậm chí gầy còm, nom rõ khuỷu tay và đốt sống trên lò lộ dưới làn da nhợt nhạt. Rõ ràng việc chăm sóc bộ tóc óng mượt của mình là nhiệm vụ duy nhất cô làm với lòng say mê. Cô đã chải gội rất đẹp bộ tóc vàng nhạt như tỏa ánh mọi nơi. Nó lòa xòa vừa đủ cho có vẻ tự nhiên, nhưng giữ không để quá bù xù. Môi cô cũng thế, thoa son nhẹ bằng tay. Nhiều người ngạc nhiên không hiểu tại sao trong thời đại nghệ thuật thận trọng này, cô lại ưa một kỹ xảo tinh tế như vậy. Bởi vì cô cẩn thận đến mức không thể nhận thấy. Nhưng cô lại khéo len lỏi như không khí. Cô có bản năng bay bổng. Chẳng hạn giọng hát mà cô đã cố luyện, và tốn phí một phần tiền lương trong một thời gian. Sau đó người ta nhớ giọng hát ấy.



Suy cho kỹ thì đó quả là một giọng hát hết sức dễ thương. Được luyện kỹ, không gượng ép. Rất ngân nga, không lạc giọng hay cứng đờ. Nghe âm thanh qua máy điện thoại, người ta suy đoán về bản chất của người hát, hoặc về những kênh lộ đời cô đi theo vào buổi tối khi cô từ trong thang máy cơ quan bước ra.

Giọng hát ngày càng điêu luyện của Thelma Parker vẫn vương trong lòng Dudley Forsdyke và sự bực mình vô tận, thậm chí là khó chịu. Nó rất thông thạo trong việc biểu thị lòng cảm thông đối với những phiền não nhỏ nhen, cái chết của những người già, những quan hệ không cần thiết, và mọi chuyển biến của thời tiết. Nó dừng dưng với đam mê và phần nộ, bởi đam mê và phần nộ tiếc thay thường xảy ra và sẽ giảm đi do sự ngờ vực những khách hàng đủ khôn ngoan hơn luật pháp. Vì thế không phải ai cũng thích thú mỗi khi cô Parker đi ngang qua phòng, cách biệt nhưng hiện diện, cầm trong bàn tay giá lạnh một văn bản hay hợp đồng uy nghiêm, hoặc đặt trên bàn giấy của ông chủ một bức thư mà cô thách ông không ký.

Một vài người ái ngại cho Forsdyke, người đã hy sinh quá nhiều để được tin cậy. Nhưng anh ta bắt đầu thấy thích thú về việc ấy. Đôi khi cô dựa người vào bàn nhưng đứng đắn, cách anh một cánh tay, để giải thích một điểm với chiếc bút chì. Và anh có thể hít hà mái tóc của cô. Anh bị mê hoặc bởi cái đồng hồ ở cổ tay cô. Khi cô đi ra rất lạng lẽ, cánh cửa bọc nỉ đóng khẽ như một hơi thở, vị cố vấn pháp luật vội mở một khay áo, ưỡn cái bụng lên giống như Thelma Parker đã miêu tả trước đó, và lật một tờ giấy, rồi một tờ giấy khác.

- Cô Parker đâu rồi? - Ông hỏi.

Mọi người nói là cô Parker bị cúm.

Và anh biết nỗi kinh hoàng của sự bất an. Bàn giấy của anh đầy ắp những thứ chẳng liên quan gì với nhau. Những phụ nữ yêu kiều mặc áo choàng lông, đeo ngọc trai, đã viết ra những lời mời gọi bất kính. Do vậy anh biết là mình không thể thiếu Thelma Parker. Thế là anh đã cưới cô.

Nếu những động cơ khiến anh làm như vậy là do cảm tính hơn là do lý trí, một điều phi thường với một con người có lý trí như anh, thì lẽ đương nhiên đôi khi anh phải quên, và bản khoăn tự hỏi tự sao mình lại hành động như vậy. Như lúc này. Trong cái thế giới tách biệt của chiếc ô tô, trên con đường mà các vùng ngoại ô lùi dần, trong phong cảnh ẩm ướt của mùa xuân đến đột ngột, anh đang cố nhớ lại xem cái gì đã khiến mình thỏa mãn trong lòng. Nhưng anh không thể. Anh nhận thấy rõ những hàng rào thép gai dọc con đường mình đang phóng xe, chiếc áo choàng của vợ bằng lông thú màu sẫm, đắt tiền, thứ lông gì không rõ, mà anh đã khoác lên người vợ, và rãnh nước nhỏ nơi mưa hắt vào cửa kính, cứ chảy vào, mặc dù anh đã bao nhiêu lần quay cửa kính ô tô lên, vẫn tạt vào mặt anh. Phần khô ráo còn lại của thân mình anh chẳng có nghĩa lý gì so với phần bị ướt. Điều này cảm thông với chiều sâu của nước lạnh hơn và không thăm dò được, cùng những sự kiện không tiên đoán nổi. Anh vừa nhăn nhó vừa lái xe. Anh tự nhủ là mưa tốt cho đất đai.

Hai người phóng xe tiếp. Từ bên ngoài nhìn vào họ nom rất thanh lịch, và cũng hơi đàn độn. Hẳn là họ có một mục đích, nhưng điều này không rõ rệt lắm, nếu không tính đến những lực lượng khác, những cơ chế khác. Giống như những chiếc lò xo nhỏ nhắn,

ting vi và run rẩy trong chiếc đồng hồ. Hai người run rẩy và hoạt động bên trong chiếc xe thủy tinh, đôi khi hầu như hoang mang, nhưng rồi trấn tĩnh lại vì những lý do kỹ thuật vô hình.

Ngay sau đó Thelma mở chiếc túi bằng da cá sấu mà cô đã mua sau khi lặng lẽ để ý rằng các bà vẫn làm cô hoảng sợ dùng loại túi đó, cô mở túi và nói:

- Anh có ăn kẹo không?

- Không, cảm ơn em. - Anh trả lời và cau mày.

Rõ ràng là Dudley không thích.

Song cô vẫn lôi ra một cái túi giấy con con và mút một chiếc kẹo. Đó là một thói quen của cô. Gọi là để khuấy khỏa. Cô vẫn làm thế.

Hình như đây là kẹo mạch nha. Nhưng chồng cô cau mày nhớ lại những viên kẹo nho nhỏ, hoặc kẹo cao su, được ướp với một thứ có mùi giống như hoa violet, một thứ hương hóa học, vương lại trong những buổi chiều oi bức hơn, át mùi xi gấn và mực in.

Thelma nghe thấy tiếng chuông réo ở cuối đường dây, tuy mùi thơm dịu của mạch nha đã phần nào giải thoát cho cô những tội lỗi đã qua. Cô nhớ lại những viên kẹo cao su đượm hương violet nho nhỏ kia và cái cung cách anh quay đầu lại vào những buổi chiều. Rồi nhiều điểm xã giao mà cô chưa nắm vững, nhưng đang dò dẫm đi tới, bám lấy những vật đất tiền, xốn xang khổ sở trong lòng cô. Đôi mắt của một số phụ nữ nhìn coi thường quần áo của cô. Cô đỏ mặt.

- Tại sao một số người lại cứ phải mút mát gì đó nhỉ? - Chồng cô hỏi.

Thelma Forsdyke nhún vai và nhìn đi chỗ khác, rõ ràng có ý định không trả lời.

Mưa đang đập vào cửa sổ từ bầu trời rộng lớn xám xịt.

Cô ra sức vặn cái cửa kính xuống và vứt chiếc túi con khốn khổ bằng giấy trắng nóng ra ngoài. Nó rơi một cách vô tội.

- Lẽ ra em không nên cư xử với nó như thế. - Người chồng độ lượng của cô cười rộ lên, vừa nhìn cô vừa thích thú về quyền lực của mình.

Nếu đôi bàn tay khô của anh được rảnh rang thì anh đã vỗ nhẹ vào lưng vợ, nơi chuỗi ngọc cất ngang đốt sống.

- Em chẳng cư xử đặc biệt gì với nó cả. - Thelma vốn học được bài học rất nhanh, nói. - Chỉ vì kẹo mạch nha cứ dính vào túi của em.

Cô tiếp tục ngắm cảnh đồng quê, miền quê đã trở nên vô vị, vô nghĩa, bởi lẽ cô đã đạt được địa vị rồi. Nó đang tồn tại một cách mơ hồ, bất chấp cô có thấy hay không, nhưng chẳng rõ rệt nó nhằm vào mục đích gì. Mục đích lơ lửng trên biển lá đang bám chặt vào lá. Đồng cỏ lại tốt tươi. Nhưng những mái nhà bàn cùng vẫn đứng đấy, xiêu vẹo hoặc được chống đỡ bằng sắt và dây kẽm. Đôi lúc mùi phân gà ẩm ướt xuyên thẳng vào chiếc xe kín đáo và tản ra khắp đồ đạc trong xe.

Thelma Forsdyke thăm nghĩ giá hai người không đến thì hơn. Cô nhìn chiếc đồng hồ kim cương nhỏ, không phải để xem giờ, mà cốt khẳng định cho bản thân mình, bằng những cử chỉ quan trọng, rằng mọi việc đều theo một trình tự. Chính vì lẽ đó mà cô đã bắt đầu theo học tiếng Pháp, và đang tham dự các ban chấp hành của một số tổ chức từ thiện, mặc dù rất thận trọng, luôn luôn quan sát và luôn luôn lắng nghe.

- Đường về nhà bố mẹ đây rồi. - Cô nói, cố tình tách mình ra khỏi địa lý của chốn này.

Gương mặt của chồng cô, do quá tập trung đối phó với tình hình, nom hốc hác hẳn đi.

- Hẳn là ô tô của chúng nó rồi, anh Stan ạ. - Bà mẹ nói, nhìn ra ngoài từ dưới tấm rèm cửa mà bà đã giật ngày thứ Hai.

Bà xoa qua tí phấn lên mặt, nom vẫn như gương mặt thật của bà, vì bình thường khuôn mặt bà khá trắng, trông mệt mỏi phần do tuổi cao phần do hối hận. Vì thế phấn đi đặng phấn, da đi đặng da. Bộ váy bà mặc cũng thế, tất nhiên là bộ đẹp nhất, màu xanh thẫm, bằng một thứ hàng rất tốt tuy hơi thô. Không hiểu làm sao nó cứ nhăn nhúm, hoặc giả đó là cái kiểu do Merle Finlayson may, chỗ nách không vừa và bị toạc ở một chỗ, chỉ người khác mới nom thấy thuận tiện. Thế nhưng bà nom cũng đàng hoàng. Bà mang một chiếc cổ áo trắng dính vào cái váy dày cộm. Bà vẫn giật những thứ quần áo trắng ấy rất đẹp, rất cẩn thận, chỉ hở một tí thôi, khiến chúng nom ban sơ trong màu trắng tinh. Lúc này bà thật thanh nhã.

Và ông bố, người quyết tâm tỏ ra vui vẻ và bệ vệ, đã hình dung trước, không đến nỗi hoảng hốt, mình sẽ chìm trong im lặng khi gặp mặt ông con rể cố vấn pháp luật. Trong gian phòng họ ngồi đợi dường như chẳng còn là của họ nữa, ví tính chất tầm thường của nó càng bộc lộ khi những người lạ sắp đến nhà. Ông đi đi lại lại và lắng nghe tiếng ủng kêu rít.

- Anh đã lau ủng chưa? - Amy Parker hỏi.

- Lau rồi. - Ông trả lời, giơ chân cho vợ xem.

Giờ thì chẳng có gì quan trọng phải giấu vợ nữa.

- Anh Stan này, anh có thích anh chàng cố vấn pháp luật không? Bà vừa nói vừa lấy tay phủi bụi cho ông.

- Tôi chả có gì phản đối anh ta cả. - Ông bố vợ nói.

Bà cất tiếng cười vang, như một cô gái, trong thân hình một người đàn bà, tiếng cười nghe hơi tục tĩu song ông chồng đã quen với cái tục tĩu rồi.

- Chưa từng ai kiện tụng ông cả. - Bà vợ phá lên cười.

Nhưng chồng bà nghiêm mặt nói tiếp:

- Anh ta có vẻ là một người tốt đấy.

- Thế thì còn gì bằng. - Bà nói. Bà không cười nữa, và có lẽ chẳng bao giờ cười nữa. - Tốt cũng chưa đủ.

Bà dừng ở đấy. Đôi mắt của ông chồng, mà hai hố mắt nom hốc hác hơn ngày thường, không hề bị xúc phạm. Bà đã cố gắng hết lần này đến lần khác khai thác một chút ít cái tốt ấy. Bà đã thất bại, nhưng sẽ cố thêm, như thể bà không tin vào cái gì mà bà không sờ mó được.

- Dẫu sao xe của cậu ta nom cũng tốt đấy. - Stan nói, quyết tâm làm vừa lòng vợ.

Mọi cử chỉ của ông đều vui vẻ. Thông thường mắt ông biểu lộ một lòng tin hời hợt. Ông nhận thấy nếu không mong đợi thì dễ chịu hơn. Do đó ông biểu lộ sự triu mến đối với vợ, thứ tình cảm ít kinh khủng hơn tình yêu.

Amy Parker lại nhìn ra ngoài khi nghe tiếng bùm bấn lên. Chiếc xe kia rồi.

- Stan này - bà nói - chúng ta nên ra đi, em nghĩ như vậy. Có nên không nhỉ?

Bà run lên bần bật - trời hôm ấy thật rét mướt - và ép sát vào người chồng để sưởi ấm, nhân tiện khôi phục lại sự thân mật, bằng đụng chạm. Đoạn hai người cùng ra ngoài và làm tròn nghĩa vụ của họ. Cả bốn người gặp nhau cạnh khóm hồng già, đang bắn vào mặt họ những giọt nước nhỏ, đâm vào da thịt họ, và cào cấu quần áo vụng về của họ. Có một nụ hôn và một cái bắt tay. Cả bốn người đều đưa mắt nhìn nhau, hy vọng phát hiện ra một điều gì đó.

- Trời, con đi đường vất vả thật - Amy Parker bảo con gái - Cả Dudley nữa. Dĩ nhiên vào một ngày như thế này thì chẳng có gì tốt

cả.

Mặc dù thế Amy Parker vẫn có tham vọng có được vào ngày hôm ấy, một tính cách nào đó mà trước đây bà chưa hề có.

- Con đã bảo anh ấy là đừng mong đợi nhiều quá. - Thelma nói, cô nhận ra rằng tuy có nhiều quyết tâm nhưng khả năng chịu đựng của mình không lớn lắm.

Cô sửa sang lại quần áo đẹp mà không hoàn hảo, và nhận cái hôn của bố. Nó thô ráp hơn so với cô từng nhớ. Cô nhìn đôi ủng của bố. Cô mỉm cười, bắn khoăn nhìn mọi thứ, như thể điều này chứng tỏ là một thể nghiệm mới, vừa thích thú vừa cảm động, và đặc biệt nhìn bố, bố mến yêu đã nhen trong lòng cô niềm hy vọng đó. Đàn ông ít độc đoán hơn hầu hết đàn bà và do đó dễ chấp nhận hơn.

- Dudley hầu như chẳng biết gì về đời sống nông thôn. Nhưng anh ấy rất muốn học hỏi. - Thelma nói, đặt mình giữa sự trở trêu tự nhiên của hoàn cảnh và sự tử tế mà bố cô vừa làm cô nhớ lại.

- Thelma có nhược điểm là hay thổ lộ tâm sự của người khác. - Viên cố vấn pháp luật cười vang.

Anh nâng cái bụng hết cỡ dưới chiếc áo gilê, rồi hạ xuống. Đoạn ông đưa bàn tay khô đầy vết nám vuốt những nếp nhăn trên cái trán hói.

- Cố nhiên là anh ấy có thể xem tất cả những gì xem được, nhưng chẳng có gì mấy đâu. - Stan Parker ung dung nói.



Bà mẹ và cô con gái rất ngạc nhiên, thậm chí hơi khó chịu khi thấy Stan Parker nói chuyện rõ ràng rất thoải mái với anh con rể không kham kia. Họ hoài nghi gì đó. Họ càng ngạc nhiên hơn nữa khi Stan chuẩn bị đưa viên cố vấn pháp luật đi giữa những hàng cây ướt.

- Kìa, trời đang mưa, anh Stan. - Amy Parker nói để giành quyền kiểm soát. - Em nghĩ trước tiên chúng ta hãy uống một tách trà đã.

Thelma nhớ lại những cái chén màu trắng, sâu và dày ngày trước.

- Chốc nữa trời có thể hửng thôi, - bà mẹ gợi ý, mặc dù bà chẳng quan tâm gì mấy, chỉ miễn là ngày vẫn giữ được ít nhiều cái hình dáng mà bà đã chọn.

- Trời đã hửng rồi. Xem kìa - Stan mỉm cười, giơ bàn tay cầm một cái tách lên.

Vài giọt mưa rơi. Một khoảng trời xanh giá lạnh khoan dung đang mở ra. Ông cười vang trước những quyền lực của bản thân. Xưa thì chuyện này hệ trọng thật, nhưng bây giờ thì không. Do đó ông cảm thấy thoải mái trên thềm nhà. Những khó khăn thời thanh niên chùng chất sau lưng ông, cho dù ông không nhìn thấy được con đường đi vào tương lai mở rộng hơn hẳn phía trước.

- Không thể có cảnh nào đẹp hơn, - ông nói, bắt đầu dẫn vợ con đi.

- Thần kỳ thật. - Viên cố vấn pháp luật cười vang, đưa mắt nhìn trời, nhìn con đường, nhìn đây đó giữa các bụi cây, để ngắm một cái gì đó.

Stan Parker cảm thấy thương hại người đàn ông lạc lõng kia, và nghĩ rằng ông có thể thích anh ta, nếu có dịp, mặc dù hầu như chắc chắn là dịp đó chẳng bao giờ đến.

- Nhưng lầy lội quá. - Bà mẹ cau nhàu, cúi đầu và cau mặt trước những cảnh cây bà biết rất rõ.

Họ đi tắt xuống các trại bò. Vài bãi phân bò nằm trên con đường nhỏ họ đi. Họ đi qua cái nền gạch trước những cái giá đỡ đầu bò cái để không, đi dọc theo bờ suối, nơi những cành khô kêu rảng rặc dưới chân họ, những con bò nhìn trên những chiếc lưới xanh, đi dọc theo đám ruộng đã cày, nơi ngô sẽ mọc lên. Hai mẹ con đang chuyện trò về một chiếc khăn trải bàn, một món quà cưới, đã bị ố khi giặt, bị gỉ sắt và bà mẹ biết cách tẩy sạch.

- Một thứ đều rất thú vị. - Viên cố vấn pháp luật nói, chạm vào một luống cày bằng ngón chân. - Đất. Sự sống vĩ đại. Và sản sinh.

Vì đó là cuộc sống của ông nên Stan Parker chẳng bao giờ nghĩ về nó như thế. Nó đã chiếm lĩnh ông. Nhưng chẳng ai chiếm hữu Dudley Forsdyke, có lẽ trừ cô vợ. Bỗng nhiên Dudley cảm thấy muốn bị chiếm hữu bởi một cái gì đó, một đam mê, thậm chí một tội lỗi. Gió từ phía nam thổi, xoáy cái áo mưa của anh.

- Tại sao chúng ta không vứt bỏ tất cả và về với ruộng đồng nhỉ em yêu? - Anh quay về phía vợ, hỏi to.

- Tại sao? - Cô suy nghĩ vừa từ từ kéo cái cổ lông lên tới má. - Vì anh sẽ chán nó ngay.

Hai chân anh bước trong đó nom rất buồn cười.

Dudley vốn quá quen với việc xem xét các báo cáo về cuộc sống nên anh đột nhiên bị ngậy ngát trước hương nồng của cuộc đời. Tâm trạng này đến với anh từ cánh đồng đã cày và từ dưới ngọn đồi ẩm ướt. Những đám mây ùn ùn đang tràn ngập bầu trời. Gió quạt vào ngực anh. Cái viễn ảnh về một người ló bịch bỗng trở lại tâm trí anh bằng những lời của vợ. Anh không oán giận, có thể chúng có tình đã kích anh, bởi vì anh đáng bị quở trách về sự thiếu thận trọng nhất thời kia. Vì thế, anh háng giọng, tỏ ra đồng tình, hoặc thấy thích thú vì bị hành hạ, anh tiếp tục lang thang qua cảnh trí này, qua tất cả những phong cảnh khác nơi anh chưa hề sống, và sẽ không sống trọn vẹn cho đến khi nằm xuống dưới nó.

Tên hành khát khốn khổ, Stan Parker nhủ thầm - nhưng điều ấy có quan trọng gì không? Không hề. Nó chẳng còn quan trọng nữa. Cứ đi nhẹ nhàng như thế này dễ dàng hơn nhiều, xuyên qua gió, vì giờ nó không còn chống lại ông nữa, chẳng còn bất kì sự chống đối nào. Sự phản đối của Chúa đã rời bỏ ông, khiến ông nhẹ nhàng và vô tư. Đã có thời ông phải cúi đầu trước lòng tin. Chiếc lá hay mảnh vỏ cây đều mang nặng những hàm ý của nó. Con người đã từng bị đè nặng giờ đang dạo đi giữa các khoảng rừng thưa trong gió, đôi mắt trung thực rưng rưng vì day dứt. Vành mắt của ông hơi trĩu nặng với năm tháng, tạo ra một ấn tượng về những vết thương hở của nó mà vợ ông không thích, những chẳng biết nói đến bằng cách nào.

- Anh ấy biết rõ là mình chẳng muốn bản tay, chẳng bản tay, không hơn gì con. Tuy nhiên con thích đọc về nông thôn. - Thelma nói, vẫn dõi theo cái lưng của chồng.

- Con có đọc nhiều không? - Bà mẹ hỏi bằng quơ, vì đây là một công việc bà không hoàn toàn tin tưởng.

- Con chẳng bao giờ đuổi kịp người khác, - Thelma nói một cách trung thực, - dù con đã bắt đầu.

- Đọc sách giết thì giờ, mẹ nghĩ thế, - Amy Parker nói - tuy mẹ không bao giờ hiểu được một nửa những điều hình như con đọc được. Nó hoàn toàn khác những điều thực tế.

- Không nhất thiết là thế, - Thelma thở dài, nhưng quả là mất thì giờ.

- Đúng rồi, hẳn là như vậy, - Amy Parker nói. - Hoàn toàn khác. Trong sách người ta hoàn toàn khác. Họ phải như thế. Không thể chịu đựng được.

Bà hẳn sẽ ngạc nhiên với bộ tóc của bà trong gương.

- Anh Dudley Forsdyke ạ, đây là sân nuôi gà, - bà thấy cần phải nói. - Chúng tôi không quá quan tâm đến việc nuôi gà. Dăm ba mái thôi. Và đây là lũ gà mái tơ.

Bà không định nói, nhưng lời cứ thế mà tuôn ra.

Viên cố vấn pháp luật đang mãi nhìn qua hàng rào, cười với, hoặc cười vì mấy con gà.

- Anh có thích gà không? - Amy Parker hỏi.

- Không, - anh nói. - Tôi không biết. Trước đây tôi chẳng nghĩ đến chúng bao giờ.

Mùi phân gà ướt xông lên từ đám bùn.

- Phải đấy, gà què hôi hám lắm. - Bà mẹ vợ nói.

Ta sẽ thét lên, Thelma Forsdyke nghĩ thầm, bên trong cái áo lạ thường của cô, mà không thể là của cô được.

- Ta vào dùng trà được chứ bà nó ơi? - Stan Parker nói.

Ý kiến đó rất hợp lý. Vì thế mọi người vào nhà.

Gian phòng phía trước đã được bày biện để làm tiệc trà có mấy bó hồng đầu mùa nho nhỏ, một vài bông đang nở thành những bông hoa mảnh mai, còn những bông khác được hái khi còn là những búp chắc nịch, sẽ chẳng bao giờ nở cả, chúng nom ốm yếu. Gian phòng có mùi tăm tối của một nơi không có người ở. Bàn ghế đều sẫm màu, khiến Thelma ghê sợ, cô đi đi lại lại trong phòng đầy đăm chiêu. Cô ngạc nhiên là mình có thể thoát khỏi bất cứ một cái gì xác thực. Hay thoát khỏi bản thân cô. Những mối ngờ vực của cô lẫn quất trong đám đồ gỗ gụ. Vì thế cô buộc lòng phải quay trở về với thực tại. Thoát một cái, hình như thế, cô tuột đôi găng tay khỏi đôi bàn tay dài, những chiếc nhẫn trên đó lấp lánh không một chút e dè.

Amy Parker, người thờ hẩn hẩn trước khi làm mọi việc, bưng vào một ấm trà to, trắng men bóng nhoáng, một cái bánh ngọt vàng ruộm và vài chiếc bánh nướng trên một cái giá bằng thủy tinh. Bà nói:

- Thelma, con có đến thăm gia đình Bourke không?

Đôi lúc Amy làm những đờn điếng người, không cố tình nhằm vào một đối tượng đặc biệt nào, mà chỉ nhằm vào những ai tình cờ phải chịu. Những lúc đó lẽ ra bà phải nói: “Tôi chẳng có ý định gì cả, chỉ cốt để có cái mà nói thôi!”

- Không ạ. - Thelma trả lời, mắt đăm chiêu nhìn vào cái tách. - Con không gặp.

- Gia đình Bourke? - Chồng cô hỏi. Anh mỉm cười trước điều mình không hiểu hay không nhận ra, dù là Bourke hay chỗ thủy tinh phồng lên trên cái khay đựng bánh nướng.

- Họ hàng, - Thelma nói, cắn một mẩu bánh nướng rất nhỏ. - Có một dạo em sống với họ.

Khuôn mặt cô biểu cảm hòa nhã. Có thể cô đã từng chấp nhận gia đình Bourke, chứ không phải bản thân cô trong chiếc áo khoác lông thỏ nhuộm này. Đó là thời đại kẹo nuga và tạp chí. Mấy tháng liền cô bị mụn nhưng chỉ chữa bằng cách học qua thư từ.

- Họ rất tốt, - cô nói, vứt bỏ một mẩu bánh vụn.

Giờ đây, từ gian phòng thanh nhã riêng của mình mà gia đình Bourke sẽ chẳng bao giờ tìm đến, cho dù họ có đọc được địa chỉ trên báo, cô đủ khả năng để tỏ ra thiện tâm. Cô đã đạt đến địa vị cao, có thể làm từ thiện. Nếu cô không ký một tấm ngân phiếu thực sự, mà cô vốn rộng rãi, nhiều người nói như vậy, cô có thể trả sạch bằng sự thờ ơ. Cô ít khi gắn mình vào cảm xúc, điều này hại đến sức khỏe cô, hoặc gắn với một quan điểm nào đó, vì như thế có nghĩa là có một quan điểm. Ngay cả gian phòng yên tĩnh của cô

cũng chẳng ràng buộc gì, nơi đó cô bày những bình hoa lớn, dành cả buổi sáng uốn lại một cành hoa, sợ ảnh hưởng đến hiệu ứng chung.

Thelma đã đọc được biết bao nhiêu điều, và vừa đeo găng tay, vừa đọc sách. Amy Parker trầm ngâm bên tách trà.

- Tội nghiệp ông cụ Horrie Bourke đang ốm, - Stan Parker nói.

- Ông cụ đến chết mất thôi. - Vợ ông nói. Trà đặc thường khiến người ta u sầu.

Vậy là ta không thoát được gia đình Bourke, Thelma Forsdyke kết luận. Và cô tỏ vẻ buồn đúng mực.

Cô đã buồn thực sự trong căn phòng tắm tối, tuy buồn cho bản thân, mà cô đang chôn lấp. Mùi hương thoang thoảng của những bông hoa đằm con gái đặt lên nắm mồi những con chim sẻ khiến cô rưng rưng nước mắt. Hoặc ánh đèn ban đêm làm cô ghệt thờ, trước bà mẹ; với những nét mộc mạc, sơ khai trên khuôn mặt thuở ban đầu, giúp cô hít thở lại được. Thelma Forsdyke ngồi đấy, bẻ vụn miếng bánh, cái bánh ngọt vàng ruộm, làm vội nên bị lỗ chỗ. Có nhiều mẫu nhỏ của bản thân mà cô có thể bẻ vụn và vứt đi, nếu chúng không có khả năng ngày một tăng thêm.

- Dudley, anh có chơi bài không? - Amy Parker hỏi.

- Không ạ. - Anh nói, nở một nụ cười.

Nét tô điểm trên khuôn mặt anh quả là không đúng chỗ. Thực tế anh hơi hoảng khi thấy mọi người đều nghĩ là anh có một sở thích

cực kỳ phù hợp với anh. Bà mẹ vợ biết được gì về anh nào? Hay vợ anh? Hay cả bản thân anh, trong căn phòng xa lạ này, mà từ bất cứ góc nào, một tập quán nào cũng có thể nổi lên. Chiếc giá thủy tinh đang nhấp nháy dưới làn khói bánh nướng.

- Không ạ. - Anh lúng túng nói, mồm đầy ứ. - Tôi chẳng bao giờ chơi bài.

- Ở đây chúng tôi cũng không chơi. - Amy Parker nói. - Dẫu thế buổi tối cũng có người muốn góp một chân.

Mình phải nhớ hỏi mẹ về chuyện riêng của bà. Thelma tự nhủ, trước khi về, song phải nhớ rằng hỏi không chưa đủ, vì người ta không nói hoặc không thể nói cái điều le lói trong lòng họ. Tuy nhiên hỏi han là việc tốt.

Rồi viên cố vấn pháp luật ngồi thẳng người trong bộ quần áo hàng Anh rất tốt, vải tuyết lốm đốm, nó sẽ thay cho tính kiên cường vào lúc gay go, anh nói:

- Thế anh con trai kia thế nào, bà Parker, anh con trai của bà mà tôi chưa hề gặp bao giờ ấy?

Đây là cái điều mà chúng ta đang chờ đợi. Thelma Forsdyke thấy rõ.

Vì đã mua dây buộc mình, viên cố vấn pháp luật không chắc lắm nhưng anh hơi ngờ, nên anh chuẩn bị thăm dò, hết sức thận trọng, với một cái gậy.



Bây giờ ông bố ngồi ngả về phía trước, vê thuốc lá giữa hai lòng bàn tay cho đến khi hương thơm tỏa khắp phòng, và hai bàn tay của ông đầy thuốc.

- À, Ray. - Bà mẹ nói.

Bà cắt một lúc mấy miếng bánh, mặc dù mọi người đã dùng xong. Bà cứ để đấy.

- Ray nó vẫn khỏe, - bà nói, nhưng thận trọng. - Một ngày nào đó nó sẽ về thôi.

Đoạn bà nhìn ra cửa sổ, nơi thời tiết xấu cuối cùng đã bị chặn lại, và tất cả mọi người đều nhìn ra, qua những bụi mía và lá cành, vào vùng ánh sáng xanh lục và sự tĩnh mịch.

- Ray là một thằng bé dễ thương, - bà nói. - Anh sẽ thấy, da nâu, môi đỏ. Khỏe mạnh. Nhưng hình như nó cho là chúng ta không hiểu. Nó lẩn tránh ở dưới thung lũng. Tôi chẳng theo nó được. Một lần có những con hải điều bay tới, nó bắn chết một con rồi mang chôn. Sau đấy nó lặng yên. Nó tưởng tôi không biết, nhưng tôi có thể đánh hơi thấy trên bàn tay nó. Lại một lần, khi còn bé tí, nó bắt mấy con chó con và vứt xuống cái hố đằng sau. Ban đêm nó gào khóc nhé! Tôi chẳng làm sao đỡ nó được. Nó làm một số việc vì nó phải làm. Tôi nhớ có một anh chàng người Hy Lạp làm ở đây cách đây mấy năm. Thằng Ray và cậu người Hy Lạp thân nhau. Nó quý anh chàng kia nên không thể làm tổn thương cậu ta. Không - bà nói tiếp - tôi không hiểu. Nhưng tôi biết cả.

Thelma bỗng thấy tức ngực vì kinh tởm. Cô ho dữ dội, không tài nào ngăn được.

Viên cố vấn pháp luật nhìn thấy cái mũ của mình trên một chiếc ghế tựa, anh đã đặt trên đó lúc vào nhà. Anh vui mừng sẽ được trở lại nơi mà tất cả cửa của mình đã được an bài. Anh có xi gà trong cái tủ con, và một bộ sưu tập chim ruồi nhồi rơm.

- Mẹ nó ời, không nên mang những chuyện cũ rích ấy ra kể lể. - Stan Parker nói. Ông vừa quán xong một điếu thuốc có hình thù quái gỡ bậc nhất.

- Tại sao? - Bà nói. - Chúng đã cũ đâu. Chúng chưa cũ.

Bà nhìn chồng. Thế rồi hai bàn tay của người đàn bà trước kia ông suýt bóp cổ chết như đang thắt chặt lấy chính cổ họng của ông, các cô gái trong những chiếc áo chui đầu bằng lụa hát những bài ca về biển cả. Cũng có cả gã đàn ông, người bán hàng, một người to lớn, chắc là có tàn nhang, cũng bước vào, ngồi giang hai chân, kể chuyện phở xá theo kiểu anh ta, nhai từ ngữ trên đôi môi dày. Và đôi mắt có những tia máu đỏ.

Tất cả đều nhìn nhau, biết nhau hơn là hiểu nhau. Cuối cùng bà mẹ và ông bố vẫn sống với nhau trong ngôi nhà, với sự hiện diện các nhân chứng, vì chẳng bao giờ họ dám ở một mình.

- Con muốn uống nước không. - Amy Parker hỏi Thelma, cô vẫn ho rũ rượi.

- Không, không, - cô nói bằng cái đầu và đeo đôi găng da lợn rất mịn tối màu vào.

- Không phải lên cơn đúng không? - Bà mẹ hỏi đầy hy vọng.

- Không, - Thelma ho, - không phải đâu.

- Sẽ qua thôi, - Dudley Forsdyke rất trầm tĩnh nói.

Như thể nó thực sự sẽ qua trước khi anh đến chỗ cái mũ, và rồi lời bào chữa đó được xóa bỏ.

Bà mẹ đang tặc tặc lưỡi.

Stan Parker, người ít nhiều cam chịu cái tình trạng vô thần mà ông đã chọn khi khắc nhỏ Chúa ra khỏi cơ thể mình và bóp nghẹt mọi khát vọng lộn mửa cầu mong tha thứ, đã được hưởng tự do. Ông nhìn đồng hồ. Chốc nữa thôi là đến giờ phải xuống với đàn bò, và tối nay, nếu Amy chịu ở lại rửa bát đĩa thì ông sẽ được hoàn toàn tự do trong cái lán rộng, lạnh lẽo, đàn bò đứng trong những giá vắt sữa, còn ông thì cầm tựa lên hai đầu gối và vắt sữa. Rồi bầu trời rộng lớn, giá buốt, trống trải và tự do. Ông thấy rõ điều đó, và run lên khắp khởi trong chiếc gilê ít khi mặc đến.

Lúc đó, Thelma, hay là bà Forsdyke, ra về cùng với chồng.

Những nụ hôn bắt đầu. Không khí vương vấn sự luyến tiếc, và những giọt nước mắt miễn cưỡng rơi trên khóm hồng.

- Cài khuy cổ vào đi, con. - Bà mẹ nói.

- Nó không có cúc. - Thelma cười vang. - Có cúc thì nom xấu lắm.

Cô đã qua cơn ho, hoặc do khí trời khắc nghiệt, hoặc do nhìn thấy ô tô của mình.

Cô đã sẵn sàng. Bỗng cô sực nhớ là đã quên không nói với mẹ để bà kể chuyện của mình cho nghe, rằng bà là hạng người nào, và về những gì đã xảy ra với bà. Thôi, biết làm thế nào được.

Thế là họ đã xong xuôi, và ra đi. Cô cũng quên không hôn bố, vì với bố thì đành phải thế, bố cứ đứng yên như thế, thân hình thẳng đuột và lạ lẫm, như chôn xuống đất.

Forsdyke thở phào và lái xe đi.

- Gia đình Bourke ấy, - anh nói, - anh chẳng nghe nói đến bao giờ.

- Bà ta thuộc kiểu quý tộc. - Thelma phá lên cười - Hầu như lúc nào cũng mặc màu xanh. Chỉ màu xanh.

Và như thế chưa đủ thô bạo cô nói thêm:

- Còn ông ta là một tay huấn luyện ngựa.

Xe vẫn phóng đều.

- Chẳng có lý do gì, - Dudley Forsdyke nói, - mà em không đối xử tử tế với họ.

Cái mầm của những hành động tốt đẹp ăn sâu vào người khác tạo ra tinh thần cao thượng.

- Còn Ray nữa, anh của em ấy, anh chưa bao giờ gặp cả. - Anh nói. - Tại sao anh chẳng bao giờ gặp Ray?

- Chẳng tại sao cả. - Bây giờ đến lượt Thelma nói. - Anh ấy đi xa. Có thể thôi. Anh ấy sẽ xuất hiện thôi, em mong thế.

Thật thế không? Dudley giật nẩy người, thắc mắc không biết ông anh vợ mình thật sự là hạng người nào.

Họ tiếp tục phóng xe, mỗi người tự hỏi ai là người cầm lái.

Khi chiếc xe đã đi đủ xa để khuất dạng, người bố và người mẹ bị bỏ lại đứng mãi ở cổng, lòng dạ bùi ngùi. Họ quay lại nhìn nhau, rồi Amy nói:

- Anh Stan này, liệu chúng có vừa ý không nhỉ?

- Chúng chẳng ăn gì cả, mà người ta ai cũng vậy.

- Nhưng chúng có vừa ý về *chúng ta* không, anh Stan?

- Chúng ta chỉ tiếp có một buổi chiều thôi.

- Hai người vừa ý nhau lắm.

- Anh chàng hơi giống một bà lão.

- À, Thelma bao giờ cũng thích mọi chuyện đều êm đẹp.

- Chiếc ô tô bóng nhoáng, đẹp thật.

- Nhưng liệu con bé có *nắm* được anh chàng không?

Nhìn vào mặt chồng.

- *Nắm* được anh ta à!

Ông quay mặt đi, tóc dựng lên vì lẽ gì đó, đôi khi tóc ông vẫn dựng lên, phía sau gáy.

- Ai nắm cái gì? - Ông nói.

Ông vui sướng quay đi lấy mấy cái xô, lần theo những đường mòn quen thuộc, đi tới đi lui và xuống chuồng trại, một tập quán đã biến thành những nét kỷ hà.

Còn Amy nhanh chóng đi lấy con gà bà quay hôm đó, mùi thơm bay tỏa ra khắp nhà. Bà cầm một chiếc bánh mì dài, hơi dính bột, sắp sẵn vào trong làn. Bà rất nhanh nhẹn và vững vàng, vì tính bà xưa nay vẫn thế khi có vấn đề gì bí mật. Rồi bà nghĩ đến bức thư vẫn nằm bí mật trong ngăn kéo.

Amy Parker ra đi trong ánh sáng bí mật kia. Hương nồng của chiều tối bốc lên từ những lá cỏ dài tươi tốt. Chim ríu rít trở về tổ, hay những chiếc lông vũ mùa xuân lú lo trên những cành cây đen. Các bụi cây thấp đang chuyển động. Những cuộn chỉ đêm giăng bên con suối sủ tung ra. Ai đó đang nhóm lửa từ lá cây ẩm ướt, nhưng chỉ gây được khói mù. Mọi vật đều cuộn lại và tan đi vào giờ phút ấy, trước các vì sao.

Còn người đàn bà rảo bước trên đường, trong chiếc váy sẫm màu, thật rắn rỏi và kiên định. Bước chân ồn ã át cả sự tĩnh mịch. Bà bước tiếp. Bà khấp khởi vì đã nhận được tin mật vào lúc hoàng hôn, đặc biệt về đứa con trai. "*Đừng cho bố biết,*" Ray viết trong thư,

*“ông cụ lại làm toáng lên.”* Tất nhiên là chẳng đời nào, bà tự nhủ, bà sống bằng những điều bí mật, chiếc túi mùi soa giấu kín những bức điện. *“Và nếu có thể mang cho con vay hai năm đồng;”* Ray viết trong thư, *“thì mẹ mang đồng năm, ý con là tờ năm đồng, như thế dễ mang, đến Glastonbury: ở đấy buổi tối yên tĩnh, con sẽ gặp mẹ trong bếp, con không ở lâu mẹ ạ, con có việc phải đi, nhưng con sẽ gặp mẹ. Con yêu quý của mẹ”*.

Thế là bà bước tới. Bà mang theo một cái đèn chống lại bóng tối và nó kêu loảng xoảng.

- Kìa, Amy, - Doll Quigley hỏi, bà đang đứng bên những cây bách trong thung lũng, chỉ nghe thấy tiếng, không rõ người. - Chị đấy phải không nhỉ? Có việc gì thế?

- Chẳng có việc gì đâu, Doll ạ. - Amy Parker nói chẳng thích thú chút nào.

- Tôi đi với chị một quãng. - Doll nói và hình hài hiện rõ dần, người dài ngoẵng trong bộ váy dài.

Trời, thật là, Amy Parker nhủ thầm.

- Tôi đi để đầu óc đỡ căng thẳng. - Doll Quigley nói. - Cậu em của tôi ấy mà.

- Sao, Bub có chuyện gì thế? - Bà bạn hỏi.

- Lại lên cơn ấy mà - Doll Quigley nói. - Ô, bao nhiêu năm nay nó vẫn bị cái chứng ấy. Những giờ càng ngày càng nặng.

- Thế chị làm thế nào?

- Tôi nhét vào mồm nó một nút chai, nếu nó cắn vỡ, tôi lại nhét cái thứ hai. Thế thôi. Tôi theo dõi. Đừng để nó đập phá cái bếp lò. Song mỗi khi lên cơn, thằng Bub khoẻ lắm, khổ thân thằng bé.

- Hay tốt hơn chị đưa nó đi một nơi nào đó. - Amy Parker nói, về tuyệt vọng.

Rồi giọng của Doll Quigley cất lên: Thằng bé là thứ tôi có.

- Và mình thì có Doll, Amy Parker nhủ, nhẽ ra mình không nên ghê tởm ả, nhưng biết làm sao được.

Doll Quigley kể về cuộc sống của mình với Bub, hai người đã ngồi bên ngọn đèn ngắm nhìn những hòn đá kỳ lạ, những bộ xương lá như thế nào, và cuộc sống này đôi khi là dĩ vãng, nhưng vẫn luôn hiện diện, cái ánh vàng không đổi.

- Chị thấy đó, - Doll nói - tôi không thể tổng khứ nó được, Bub còn quá trẻ về tinh thần.

Bub là một lão già chảy dãi nhớt về thể chất, Amy Parker biết rõ. Lúc này bà cúi lằm.

À, chị này, - bà nói, váy phần phạt trong bóng tối. - Tôi phải đánh xe đi đây. Tôi muộn mất.

- Chị có hẹn chắc? - Bà Doll bình thản hỏi.

- Tôi mang một vài thứ đi, - Amy Parker rít lên.



Và gần như thêm vào là cho bà Gage, người đã rời quận không lâu sau khi chồng bà tự tử trên cây.

- Tôi mang một vài thứ đi, - Amy Parker nói, vừa được cứu thoát, - cho một người bạn đang gặp khó khăn.

- Những linh hồn khốn khổ. - Doll Quigley nói về cả nhân loại.

Giờ bà ta ngưng lại, còn Amy Parker đưa tay sờ vào người bà, về yêu thương nói:

- Doll ạ, chúng ta phải nghĩ cách gì cho Bub, cách gì hay nhất, tử tế nhất.

Nhưng Doll Quigley chẳng tin tưởng và biết là mọi giải pháp đều phải do chính mình nghĩ ra, song làm cách nào thì bà không nói được.

Ngay sau đó Amy Parker lạc mắt Doll Quigley trong bóng tối và rảo bước về phía cổng Glastonbury. Chúng vẫn đứng đấy, hầu như chẳng gì lay chuyển được trong hoen gỉ. Để mở được cửa phải đấu tranh với thời gian tích lũy, nhưng nếu anh thắng, như Amy Parker đã thắng, bà vẫn còn là một phụ nữ cường tráng, tim bạn đập mạnh hơn khi ở bên trong cái nơi kỳ lạ đó: trong đấy có thể tìm thấy bất cứ cái gì, bị chôn vùi một nửa, những đồ vật đẹp hay chỉ một chiếc can gỉ nhỏ có thể cọ sạch và lại dùng được. Con người đôi khi vươn lên từ dưới những lùm cây, từ ăn uống, hoặc làm tình, hoặc chỉ đơn thuần xua đuổi tâm trí u uất của chính mình. Vì thế không khí, nếu có điều bí mật, thì cũng thành công khai. Những cành sẫm đen, xì xì của những loại cây không được chăm sóc, những dây nho rậm

rap từng được những bàn tay sửa sang làm cho tươi tắn thêm. Nhiều đoạn đã bị lôi đi hoặc giăng ra và vứt bỏ. Một đôi lần, mấy con dê đã len vào dọn sạch. Suốt cả một mùa. Sự hoang dã không ngừng phát triển hình thành liên kết với những con vật nhỏ luôn theo dõi, chuyển động, cành lá và không khí, đặc biệt vào lúc đêm hôm, khi hương thơm êm dịu hòa lẫn với xú khí của rữa nát.

Amy Parker xăm xăm bước lên đồi, bà vướng phải những vật rắn hơn, bị rách một chỗ, nhưng bà cũng giẫm nát bao nhiêu cỏ dại mập mạp và hiền lành hơn dưới gót chân kiên quyết của bà. Đêm càng tối bà càng thấp thỏm. Bây giờ thằng bé trông như thế nào nhỉ? Liệu đứng trước một người xa lạ bà có lúng túng không? Liệu bà có hơi nặng tai nghe tiếng được tiếng chẳng không, hoặc mỉm cười không đúng chỗ như người điếc vẫn thường biểu hiện để tỏ ra là mình hiểu ý không? Dĩ nhiên bà không điếc. Bà không hề điếc.

Lá cây thềm thì cùng yên lặng. Chị em Quigley đôi khi hiện diện, đi cùng với bà, khuôn mặt của Doll làm bà bực tức vì sự toàn thiện tuyệt mỹ. Ta không toàn thiện, may quá, Amy Parker nhủ thầm, còn Doll là thứ xấu xí, cái bị da lủng lảng ở cổ. Và lão em, Bub, phì... Lá cây ở chốn kia đang rữa thối. Đó là thứ mùi thum thum, khiến bà vội rảo bước tránh xa. Nhưng chị em nhà Quigley thì không lảng tránh được. Doll nói: “Thằng bé là thứ tôi có,” là cái cách bà bám trụ. Vậy thằng bé là thứ mình có, Amy Parker nhủ thầm, chẳng phải Thelma, chẳng phải bất cứ ai khác, vậy thì là nó.

Thế là bà khấp khởi dần bước tới nơi xưa kia là đường xe chạy, giẫm lên bờ công anh và sỏi đá, tìm kiếm một dấu hiệu. Nhà Quigley bất biến, nếu có tồn tại, cũng tan biến bởi ý chí hoặc bóng tối. Chỉ

riêng ngôi nhà đứng sừng sững, hoặc nửa ngôi nhà, mà ông Armstrong đã khởi công và bỏ dở khi hình như không còn mục đích nào ngoài việc dựng một tượng đài cho người quá cố. Amy Parker bắt đầu thấy sợ, nhớ lại những người đã khuất mà bà biết, hay những người chưa chết, nhưng có thể đã chết rồi, những người đã ra đi. Chim chóc bay qua màn đêm, những chiếc lông vũ khẽ chạm vào đêm tối. Bàn tay của một pho tượng đã gãy lìa.

Khi người đàn bà bằng xương bằng thịt đã đi vòng phía sau nhà tới khu nhà bếp, và nhìn thấy cánh cửa của cái hẻm là gian bếp phụ, bà thật sự cảm thấy yên tâm, nhớ lại cái lồng vịt tơ bà đã mang đến đây thời còn trẻ. Bà đã đốt đèn và bước vào. Căn phòng rộng, tăm tối và trống trải. Chỉ có lá cây lay động hoặc một con chuột.

Nhưng một lát sau Ray đến.

- Con đây phải không, con yêu quý? - Bà hỏi.

Bà giờ cao ngọn đèn, người run lên vì sự yêu thương, và vì cái từ lạ lẫm và đã dùng để biểu thị tình cảm đó. Nhớ bà dùng từ đó đối với một người lạ thì sao? Hoặc có thể con trai bà thích như thế hơn? Vì thế bà run lên.

Nhìn thẳng vào ánh đèn, bởi vì ánh lửa ấy là tất cả những gì hấn thấy, người đàn ông cau mày và rúm người lại. Điều này hoặc điều nào đó đã khiến hấn dò dẫm quanh căn phòng. Hấn to lớn, tuy không to lớn bằng cái bóng của hấn.

- Tắt quách nó đi, - hấn nói, - chỉ làm quáng mắt thôi.

- Được rồi, - bà nói, đặt cái đèn lên bậu cửa sổ. - Mẹ phải mang đèn. Nếu ta phải gặp nhau ở đây. Sao con lại chọn chỗ này? Một nơi hoang vu. Và là một ngôi nhà vô chủ nữa.

- À, - hấn nói, - con vẫn nhớ mãi cái nơi này.

- Con chỉ nhớ có thể thôi ư? - Bà hỏi.

Giờ họ đã bình thường, đứng trên đôi chân của mình, với đúng thực chất của mình, bà tiến tới để nhìn hấn.

- Việc gì thế? - Hấn cười vang. - Mẹ định nhận dạng con đây sao?

- Con thay đổi nhiều quá. - Bà nói.

- Thế mẹ tưởng con thế nào?

Bà không biết. Có thể là một hình phản chiếu của bà, nhận ra trong những tấm gương. Hay một thằng bé mà bà có thể ôm hôn, hoặc khuyên nhủ về quần áo lót. Còn lúc này bà lại thấy kinh ngạc trước sự huyền bí của một người đàn ông. Thế đó, có vài người đốt lửa lên, rồi khi ngọn lửa biến đi họ chỉ biết vịn tay mà nhìn. Nhưng trông hấn cũng dễ coi.

- Con đã trưởng thành. - Bà nói, dăm dăm nhìn, hơi ngượng ngùng.

Giá mà được nhìn nó giữa ban ngày.

Rồi hấn tiến tới, sờ vào khuỷu tay của bà, và nói:

- Mẹ có mang các thứ con yêu cầu không, mẹ?

- Có. Ray, con chưa cạo râu đấy.

- Con đi nhờ xe tải. Từ Melbourne. Con từ miền Tây về, con đi nhờ một chiếc tàu chở hàng đến đây.

- Từ Albany.

- Vâng, Albany, Broome. Có lần con ghé lại Coolgardie.

- Con đã đi khắp nơi.

- Bao giờ cũng vẫn còn một nơi nữa.

- Thế mà bố mẹ cứ nghĩ con ở Albany. Có công việc ở đây, con bảo thế mà.

- Cái gì thế này? - Hấn hỏi, mắt nhìn vào chiếc làn, đó là đồ vật khả nghi duy nhất trong căn phòng đó.

- Một ít thức ăn, con ạ. - Bà mẹ nói, quên khuấy rằng bà sẽ sung sướng biết bao được ngồi nhìn con ăn.

Hấn ăn ngay, rất nhanh, xé vụn đùi gà, vụn mạnh chiếc bánh mì, làm vụn bánh rơi vãi lung tung hoặc vương vào bên mép. Hấn ăn nom rất xấu xí. Khuôn mặt hấn đầy đặn hơn, ánh lên màu mỡ vàng trào ra khỏi miệng, nghĩ ngay đến miếng bì giòn vẫn còn trên miếng xương, hấn đặc biệt thích ăn bì giòn.

- Con đói đến thế sao? - Người đàn bà nói, bà đang nhìn người lữ khách được bà cho ăn, tình cờ lại là con trai bà.

- Từ hôm qua đến giờ con đi suốt.

Hắn ném xương vào một góc, cả cái khung xương trong có quả tim quất lại bé tí.

Rồi hắn thở dài, cảm thấy thoải mái hơn.

- Mẹ quên không mang táo cho con, - bà nói và tưởng tượng hàm răng của hắn đang cắn ngập quả táo.

Hắn trông khá vạm vỡ, tuy chưa hết lớn. Hắn đi đi lại lại trong phòng, đôi lúc vàng rục lên khi ánh sáng chiếu tới.

- Con làm ăn khá lắm. - Hắn nói, vừa lau chùi vừa nháy mắt.

Bà thích nhìn hắn.

- Bây giờ con có thể nói cho mẹ nghe về con, được không? - Bà hỏi. - Những gì con đã làm và đã nhìn thấy.

Bà đang đứng hai tay khoanh lại trên chiếc váy màu sẫm. Những ý nghĩ đã bỏ rơi bà trong một thái độ rất vụng về.

- Mẹ vẫn chưa bỏ cái tật ấy. - Hắn nói, vừa co quắp người lại, như hắn vẫn làm những lúc cần tự vệ. - Cái tật hạch vấn người khác. Mẹ sẵn sàng giết người để xem bên trong có cái gì.

- Con xem, sau bao nhiêu năm tháng đợi chờ, - giọng bà bỗng thiết tha, - mẹ cũng được quyền nghe những lời giải thích chứ con.

- À, đúng rồi, - hắn nói, mắt nhìn mấy ngón chân mình. - Nhưng những lời giải thích chẳng giải thích được cái gì cả.

- Thế bố mẹ có thể chờ đợi gì ở con nào? - Bà nói, cứng rắn hơn trước. - Con có gì để bày tỏ không?

- Không.

Khi bà tóm được con không có gì tự vệ, bà lại khóc thương nó. Đã bao nhiêu lâu rồi bà mong đợi cái phút này.

- Ôi, Ray, - bà khóc, đặt hai bàn tay lên vai con để khuấy khóa trong lòng.

Hai người chiếm hết gian phòng trống trải. Không sao lẫn tránh được nhau, như gian phòng đầy đồ đạc. Ở đây họ đành quy phục. Và lại chàng trai chưa nhận được số tiền, còn bà là mẹ, bà chưa vắt hết nỗi buồn chất chứa từ lâu.

Sau đó hắn thấy mẹ tựa vào người mình khóc lóc hồi lâu, và cảm thấy như bị thôi miên. Hắn nói:

- Con thật có lỗi với mẹ.

- Không, lỗi ở tất cả chúng ta.

Bà ấn chiếc mũi soa ướt sũng vào cái mũi sưng húp. Bà nói:

- Mẹ hy vọng ít ra con cũng là người lương thiện, Ray ạ.

- Lương thiện là thế nào? - Hắn hỏi.

- À, nghĩa là con không bao giờ phạm một tội gì.

- Tại sao? - Hắn hỏi. - Mẹ có phạm tội không?

Chung quanh ngôi nhà bỏ hoang, đêm tối đè nặng, cả cây cối nữa. Có những cây thông, cây con của những cây đã bị đốt trong đêm hỏa hoạn. Chúng chồm vào các tường nhà, cào vào cửa sổ. Một nỗi lo âu tràn ngập căn phòng.

Phút giây thúc ép người đàn bà phải tin là mình vô tội. Không thể nào khác được. Dẫu sao bà cũng chưa hề giết một ai, hay ăn cắp cái gì.

Chàng thanh niên nhìn thấy lợi thế của mình, hấn liền nhanh chóng khai thác đến cùng.

- Mẹ à, con còn phải đi xa. Mẹ đưa tiền cho con đi. Con phải gặt một tay ở Cairns chờ hàng lên trên ấy. Con sẽ lên xe nếu kịp.

- Thật không? - Bà hỏi, vừa lấy số tiền từ trong áo ra.

Hấn cười vang, nhìn xấp giấy bạc.

- Mẹ chẳng tin con. Vì một lý do nào đó. - Hấn lại cười, rồi nhận số tiền.

- Mẹ tin con. - Bà thở dài. - Mẹ đã quá già để tranh luận rồi.

Hấn đếm tiền rất nhanh.

- Con ở lại đây chút nào, Ray. - Bà nói. - Ở lại mà chuyện trò với bố mẹ. Con có thể giúp bố con trông nom bò. Mẹ sẽ làm một cái bánh táo. Con còn nhớ bánh pudding nhân bầu dục mà con vẫn thích ăn không?



Nhưng Ray hầu như đã ra đi rồi. Trên tàu hỏa hấn cho hai chân lên ghế đối diện và cảm thấy những cột dây điện thoai lấp lóa. Hấn huýt sáo. Hấn chơi bài với những tay chào hàng trên tàu hỏa, những người chào hàng mặc áo khoác tránh bụi màu ghi, và có thể tự lo liệu ổn thỏa lấy bản thân. Đôi khi hấn đi bộ tắt qua đồng quê, không theo đường lớn nếu thấy tiện, đất đai người khác chẳng làm hấn đi chệch. Hấn bẻ bắp ngô để nhai. Hấn giật từng chùm mận ăn rồi phun hạt chua xuống đất. Ban đêm hấn ngủ ở khoang sau các xe tải đi nhờ, ngủ trên đồng bao tải sặc mùi bao tải và bất kỳ thứ gì đựng bên trong. Mặc dù xe xóc và bao tải rậm hấn vẫn ngủ ngon, rồi bước xuống, tán gẫu với người ta dưới ánh sao, sau khi tiểu tiện. Ở các thị trấn, đám con gái nhìn hấn từ trên cửa sổ. Hấn thích nhất những cô ngực to. Các giường sắt kêu cọt két dưới sức ép của các cô gái, một số cô xúc dầu ướt bóng, một số cô trát đầy phấn. Khi hấn thấy đủ hấn lại tiếp tục đi.

- Ray này, con phải ổn định đi thôi. - Mẹ hấn nói trong căn phòng trống trải. - Tìm lấy một cô gái nề nếp, nét na.

- Không, - hấn cười, vừa cài túi đựng tiền. - Con có qua lại với một cô gái điếm ở Albany một dạo.

- Thế con bé ra sao?

- Con bỏ đi.

- Mẹ nghĩ rằng con biết rõ hơn ai hết. - Bà mẹ nói biểu lộ sự hài lòng, và mặc dù thời gian đang tuột dần khỏi tay bà.

Dưới ánh đèn hắt vàng rực, như khi còn là một chú bé, ngắm nhìn cái đồng hồ cẩm thạch.

Ta đã trở thành một thằng đàn như bà cụ mong đợi rồi chẳng? Chàng thanh niên tự hỏi.

- Con phải đi đây, mẹ ạ. - Hấn nói.

- Để mẹ ngắm nhìn con một tí nào.

Rồi hai người đi vào căn phòng đồ sộ, căn phòng được đặt vào bóng tối không vì mục đích nào khác nữa. Bà hôn hấn. Bố bây giờ ở đâu nhỉ, hấn băn khoăn, ta cũng chẳng hỏi gì về bố cả, mẹ có để ý không? Ông già đang đọc báo ở một nơi nào đó, giữ chặt lấy tờ báo như thể những tấm ván. Chàng thanh niên đưa mắt nhìn chỗ khác, như hấn vẫn thường làm mỗi khi hôn ai, nhưng chịu khuất phục. Hấn nhắm mắt lại vì cơn choáng của thời thơ ấu quá lớn, những chiếc xoong rỗng và những cái hôn thời ấy đang phả vào người hấn hơi ẩm của mùa hè. Bà chỉ mang những đồ chơi của hấn đi như để trêu, hình như thế.

- Ray, mẹ không thể tin là con sẽ ra đi. - Bà nói nhìn vào khuôn mặt con.

Nhìn vào đôi mắt hấn.

- Con đừng đi.

Nhìn vào hai đồng tử của đôi mắt đứa con, tuy bà không thể nhìn thấy bản thân mình dưới ánh sáng kia.

- Mẹ không biết con đang tìm cái gì. - Bà nói.

Có những ngày hè bản thân bà đã tin rằng sự vĩnh hằng đến trong vẻ yên tĩnh của nó.

Rồi bà lại hôn con một lần nữa như chưa từng hôn nó, run run ngóng chờ một lời đáp trên đôi môi người thanh niên, người chỉ tình cờ thôi lại là con trai bà.

- Mẹ này, - hắn nói, cười vang đùa chơi, - con phải đi, con đã nói rồi.

Bắt đầu dùng vai gỡ ra khỏi vòng tay bà, như một chú bé vụng về hay một con chó. Bà khiến hắn ra như vậy. Giống chó mỗi khi được vỗ về cứ chạy vòng quanh trong xấu hổ thích thú và xô đổ bao nhiêu thứ.

- Ủ, - bà nói với một giọng rầu rĩ.

Bà đội lại cái mũ cho ngay ngắn. Nom bà già hơn. Đó là do cái mũ. Đó là kiểu mũ phụ nữ vẫn đội trên xe buýt, ngồi thành hàng ghế dài. Nó có gắn một thứ trang trí mà ta không nhận thấy nếu không nhìn kỹ, mà chẳng phải lúc nào cũng nhận thấy.

- Thôi, tạm biệt mẹ. - Hắn nói.

Ray Parker thường thúc mạnh vào khuỷu tay vào mọi người khi nói tạm biệt.

Giọng bà lạc lõng hơn. Nó cần một viên thuốc an thần để giúp vượt qua bế tắc.

- Con sẽ báo cho mẹ biết công chuyện ra sao. - Hấn cười, nói trong khi đêm tối ùa vào ở cửa ra vào.

Giờ đây cái căn phòng được xếp đặt nhằm một mục đích rõ ràng là phù hợp. Lá cây bay vào.

- Mẹ bao giờ cũng muốn nghe tin. - Bà nói. - Dù chỉ là một tấm bưu thiếp.

Hấn phá lên cười như mất trí để pha trò khi hấn ra đi và quay lại nhìn một lần nữa.

Lạy Chúa Jesus, hấn nhủ thầm, cổ hấn nóng và ướt.

Có một ngôi nhà kích thước tương tự như thế này, có lần hấn đã vào đơn giản bằng cách đập vỡ một cửa sổ. Trong ngôi nhà đó, tạm thời là của hấn, hấn đã gặm rú như thú vật trước những bức chân dung và tọng đầy mồm quả cây ướp lạnh, cho đến khi bao nhiêu đồ vật vô tội và bừa bãi ấy đã khiến hấn kính nể, gần như quý mến các chủ nhân của chúng, rồi hấn bỏ đi, chỉ mang theo một cái chặn giấy và một cái hộp nhỏ đựng vài thứ linh tinh.

Thế là Ray Parker, đang nhớ lại mẹ mình đội chiếc mũ bị lãng quên, trong căn phòng, giữa những vụn bánh mì, lạng lẽ lê bước trong bóng tối với nỗi buồn về một cái gì hấn không bao giờ đạt được. Hấn nặng nề hơn và già đi trong thân thể khỏe mạnh nhưng chẳng còn sinh khí kia. Hấn già đi, nhưng không già lắm.

Còn Amy Parker, nãy giờ vẫn cuộn tròn chiếc mùi soa thành một quả bóng, trước khi sực nhớ ra nó không phải là cái để vứt đi, cầm chiếc làn lên. Chiếc khăn bà dùng để giấu con gà, thứ Hai tới bà sẽ

giặt. Bà nhìn những mẫu vụn bánh mì trên sàn nhà, băn khoăn không rõ mình có hồi lại được cuộc sống của mình, đến mức độ quét sạch chúng không. Nhưng một con chuột tới, hoặc bị thổi vào theo những chiếc lá xôn xao, và lập tức biến sàn gỗ thành lãnh địa của nó. Bà từ trên nhìn xuống theo dõi hoạt động mãnh liệt kia, trong ngôi nhà yên lặng, mà cái ẩm ướt len vào, xuyên qua các vết nứt, lên cao hơn xuyên qua cả cái khối gạch lạnh buốt, và ra bên ngoài từ những đồ gỗ giữa một khối nấm lớn chậm.

Tất nhiên giờ này con trai bà đã đi xa, vì thế Amy Parker nhanh chóng bước ra. Vậy ta có cái gì? Bà tự hỏi, và sự trống trải giày vò bà, ngọn đèn lắc lư đi xuống dốc đồi. Cổ họng bà khô khốc. Bỗng bà cảm thấy sợ trong bóng tối đầy những lá tươi ướt sũng. Đêm tối đang đung đưa. Mây đã tụ về, và một vài vì sao nhỏ đang lấp lánh dữ dội. Người ta vẫn nom thấy Bub Quigley lang thang trong khu đất của Glastonbury vào ban đêm, nhưng hẳn là khi ông ta trẻ hơn, những cơn bệnh còn chưa quá trầm trọng. Giờ thì ông thường dạo chơi dưới nắng vào những buổi sáng yên tĩnh, chỉ đi gần thôi khi ông khó ở, một bàn tay dài ngoẵng đan chặt vào bàn tay người chị, gần như một đôi tình nhân, cứ đăm đuổi bên nhau.

Nay thì Amy Parker đã lạc trong bóng tối hỗn độn, bà bỗng khao khát nắm được vài kiến thức mà rõ ràng thuộc về người khác. Ta chẳng có gì, ta chẳng biết gì, bà nghi ngờ. Hơi thở bà hỗn hển muốn biết trong khi hai mắt cá chân va vào đá sỏi, song chẳng có là phải bắt đầu từ đâu và như thế nào. Nếu ta có thể hỏi được, bà nhủ thầm. Tuy nhiên người ta làm ra vẻ ngạc nhiên và kinh tởm khi bị dồn bởi những yêu cầu có phần nào đặc biệt. Bà biết rõ, bởi vì chính bà cũng đã làm như thế.

Sau khi lang thang một quãng bà trở lại căn bếp đầy ánh sáng của bà, và chồng bà đang ngồi trong đó.

- Em chuẩn bị đặt nước, - bà nói - và pha trà đây, anh Stan ạ.

Stan ngược mắt nhìn lên tờ báo đang đọc. Vì người bà đang toát ra hương đêm và đôi má bà đỏ rực lên, ông hẳn muốn dò hỏi nhưng lại quyết định thôi.

Ông chỉ nói:

- Cám ơn Amy. Anh chẳng muốn phiền em. Dầu sao cũng cảm ơn em.

- Nhưng anh uống một tý cho ấm người.

Ông cười phá lên. Ông biết rõ hơn.

- Anh đã đủ ấm người rồi. - Ông nói.

Chắc hẳn Stan biết khỏi chuyện, song ông không bao giờ nói ra, Amy Parker cảm thấy như vậy.

- Thế thì em sẽ uống một chén. - Bà nói. - Uống một mình.

Và bà mang cái siêu đen sì đi.

Stan trở lại đọc báo, trong đó mọi biến cố trên đời được soi chiếu bằng ánh điện. Chẳng có quy phạm nào bắt ông phải theo những con đường xa lạ. Hai con người không thể làm lạc vào cùng một thời điểm được, nếu không họ đã có thể tìm thấy nhau, và được cứu thoát. Chuyện đời chẳng đơn giản thế đâu.

## PHẦN BỐN

### CHƯƠNG 20

Vườn tược hầu như chiếm cả khu nhà của gia đình Parker. Đó là một loại vườn lộn xộn. Bà Parker say sưa trồng một bụi cây mà trước đây bà đã nhìn thấy ở đâu đó và khát khao muốn có; bà đã trồng và rồi quên bẵng đi. Sau bỗng nhiên nó phát triển, tràn khắp chung quanh. Cơ man là hoa, là lá chằng chịt nhau trong khu vườn. Các bụi cây đua nhau nở hoa. Đôi khi bà Parker từ trong nhà đi ra và nóng nảy gạt các cành lá sang một bên, rồi đứng nhìn. Làn da nâu nhão phía mắt bởi những ngày dưới ánh mặt trời. Da bà thô ráp. Cành cây, bụi rậm vướng vào tóc bà và kéo nó ra. Lắm khi rối bù lên, nhưng biết làm thế nào? Bà luôn luôn cào và vuốt mớ tóc xuống với bàn tay nâu mang chiếc nhẫn xỉn màu. Bàn tay của bà hơi thô cứng nhưng đáng yêu. Ai cũng muốn nhìn vào đó.

Và họ muốn nhìn bà, khi vừa ló ra từ trong các cành trúc đào luôn bám bụi, mỗi mùa hè, hoặc khi bà rẽ, vạch các nhánh chè tìm chỗ ghép cành. Đôi khi bà Parker ngắm những người qua lại trên đường, nhưng bây giờ bà không nói chuyện với họ, chẳng nói mấy. Bà lặng lẽ quay trở vào nhà, leo lên các bậc cấp cẩn thận, thường khoác một chiếc áo len đan quanh thân hình đầy đà, luôn nở nang hơn ở phần hông. Rồi bà đi vào trong nhà, một người đàn bà khá bí mật vào ngôi nhà màu nâu, không thể tách biệt khỏi khu vườn, khỏi phong cảnh xung quanh.

Ngôi nhà chưa hề có một cái tên nào. Ban đầu nó chẳng cần. Người ta biết đó là nhà vợ chồng Parker và cứ giữ nguyên như thế. Chẳng một ai trong vùng Durilgai, chẳng một ai trong các quận lân cận có thể nhớ hồi gia đình Parker chưa dọn đến. Mọi người cho là đương nhiên và chẳng bao giờ nhìn đến nó. Nhiều người nghĩ nó xấu xí. Dẫu sao nó cũng cũ kỹ và đã ngả màu nâu, chẳng có kế hoạch gì hơn là để nó tùy ý.

Tuy vậy ông Parker đã trông nom sửa sang khá gọn gàng. Ông giữ các máng rãnh luôn sạch, gỗ luôn được sơn lại và thay các tấm ván bị mối xông. Ông là hạng người tận tâm. Chăm chạp. Nom ông to lớn, mỗi khi ông leo lên dốc từ chỗ đàn bò hay đánh luống trồng ngô. Bây giờ ông phải mang kính, và nhớ lại cái ngày mới mang đôi kính nhỏ, gọng kim loại, vì bị đau đầu dữ dội. Thật là của nợ, nó bị gãy. Ông phải dùng chỉ bôi sáp buộc lại. Nhưng đôi kính bỗng hợp với khuôn mặt ông. Ông leo dốc cùng mấy cái xô, gặt mạnh đầu chào mọi người, cả những người không quen biết để qua ngày. Mọi người mến ông. Nom ông rất trung thực.



Một ngày mùa đông, khi công việc ở trại đã thư thơi, Stan Parker đi đến nhà Joe Peabody giúp anh ta rào cái vườn. Chàng trai Peabody vừa mua được cái nhà này ở Hungerford, nhưng vẫn chưa đầu vào đâu, gặp hết chuyện này đến chuyện nọ. Có năm anh ta bị gãy chân, có năm bị bò húc. Rồi đến bà mẹ vợ ốm, bà bị chứng đau tim, vợ chồng anh phải trả tiền cho bác sĩ chuyên khoa. Peabody đã lấy một cô em họ, bởi vì đạo ấy quanh đó chẳng có mấy con gái. Nhưng cô ta ngoan và khỏe mạnh, họ sinh con đẻ cái ở một bên của cái màn bằng bao tải ngăn đôi họ với bà mẹ vợ. Lũ trẻ làm anh vướn chân vướn cẳng, dù sao cũng chỉ nhất thời nhưng anh rất vui vẻ, đến nỗi chẳng ai nghĩ đến chuyện thương hại anh cả.

Stan Parker thỉnh thoảng cũng lên trên đấy, vì Peabody vẫn hay nhờ việc này việc nọ và hỏi ý kiến ông. Vì thế ông già rất thích chàng trai. Tình bạn bất ngờ này khiến ông cảm thấy khoan khoái và phần chần trong lòng.

Ông đang chuẩn bị đi giúp bạn rào vườn như đã hứa, đang tìm và mang cọ chiếc xà beng, bởi ông không thích dùng dụng cụ của người khác, thì vợ ông đến bên nói:

- Anh sửa soạn đi lên nhà Joe Peabody đấy sao!

Đó là một câu khẳng định, không phải một câu hỏi. Và bà đứng đấy, hai tay cho vào túi áo khoác len, nhìn chồng cọ rửa dụng cụ. Stan không trả lời, chỉ ậm ừ xác nhận, sống với nhau bao nhiêu năm rồi nên bà đã dịch được.

Cách đây một vài năm Amy Parker bực bội với quan hệ này giữa hai người. Bà phàn nàn là anh chàng ấy chẳng bao giờ nói thẳng

với bất kỳ ai, mà chỉ đứng nghech sang một bên. Đúng thế thật. Chàng trai Peabody rất ngại vợ bạn mình. Thế là Amy Parker bỗng đâm ghét hình thù cái mũi của anh chàng, và nói linh tinh chuyện này chuyện nọ về cô vợ trẻ của anh ta. Ôi dào, chẳng qua cũng chỉ là một cái máy để, bà nói như vậy.

- Em không thích cậu ấy. Tại sao? - Stan hỏi. - Cậu ấy chẳng làm hại ai cả.

- Em không *ghét* cậu ta, - bà vợ ngạc nhiên nói. - Nhưng em không thể ưả nổi. Anh hiểu em định nói gì rồi.

Người chồng chẳng hiểu gì cả, hoàn toàn không.

Thế rồi Amy Parker nhớ lại chiếc ca-vat màu xanh mà Joe Peabody đeo vào cái ngày hôm ấy, vì thế bà chẳng bao giờ tha thứ cho anh ta. Đó là một cái màu sáng chói, như tổ cáo người khác mà đàn ông chẳng nên đeo. Hoặc giả lúc đó bà chưa kịp chuẩn bị. Bà đã bị tổ cáo.

- Em chẳng thù ghét gì cậu ta cả. - Bà nói, giọng quả quyết.

Nhưng rồi chồng bà vẫn tiếp tục đến chơi với Joe Peabody, và rồi bà cũng chấp nhận tình hình này, vì phần lớn tình hình cuối cùng đều được chấp nhận.

- Em không chuẩn bị bữa trưa cho anh đâu. - Bà nhìn chồng thu xếp dụng cụ, vừa nói.

- Đúng rồi. - Ông trả lời. - Họ chẳng thích thế đâu.

Bà nhìn cái đầu của ông. Chà, bà nhủ thầm, mình rất mến anh ấy. Nó dễ chịu hơn tình yêu.

Khi ông đứng thẳng người lên, và rõ ràng sắp sửa lên đường, một tình cảm yêu thương tha thiết tràn ngập lòng bà vì tất cả hành động của ông; bà cọ tay áo vào người ông và nói:

- Thế anh không hôn em sao?

Ông cười vang rồi hôn vợ, nhưng rất vụng về, với đôi môi khô khốc.

Vì môi bà ướt hơn nên bà nghĩ rằng mình tha thiết hơn. Thậm chí bà còn yêu ông nữa. Dĩ nhiên bà yêu chồng. Ông đang đi khỏi sân với đồng dụng cụ nặng nề.

Rồi Amy Parker nhìn chồng nỏ máy ô tô, một trong số những cái ô tô cũ, và lái đi, lưng thẳng đờ. Trong ngôi nhà mà lúc này bà thấy vui mừng được sống một mình, mặc tình thương yêu của bà hoặc có thể vì tình thương yêu đó, sự thanh bình dường như có thể đạt tới được. Thế là bà miệt mài, khéo léo lau chùi bàn ghế giường tủ trong nhà cho đến khi màu gỗ hồng tâm lâu năm thấp sáng ngày đông tháng giá. Rồi bà nhìn ra cửa sổ ngắm những lá cỏ lóng lánh, những cây keo vừa mới đâm chồi ở lưng chừng đồi. Lúc này, ít nhất bà chỉ đòi hỏi những cái gì bà biết.

Trong buổi sáng thanh bình ấy mọi người đều ngồi thoải mái, điều đôi lúc có thể thực hiện được vào những ngày đông yên tĩnh. Còn Stan Parker, đang lái xe chạy dọc con đường sỏi đá về hướng nhà Peabody, cũng vui mừng được tắm mình trong buổi sáng đó.

Ông đã lái xe qua nhiều chỗ ông từng quen thuộc, trẻ con không nhận ra ông, mấy con bò giương mắt nhìn ông, một chú gà trống lông cánh sặc sỡ bay vút lên nóc nhà và đứng ở đó, dáng oai vệ.

Cuối cùng xe đã đến nhà Peabody, người chủ trại trẻ tuổi từ trong lán, nơi họ ở, chạy thẳng ra qua lũy tre và chó, tiếng hét và tiếng sủa. Hai người đàn ông, một trẻ một già, sải bước dài trên sương ướt đến chỗ dây hàng rào đã dựng được một phần.

Họ bắt tay ngay vào việc, đào lỗ chôn cọc trong đất đỏ, mấy con chó chạy đánh hơi trong đám cỏ tìm thỏ. Vì nhờ ông hàng xóm làm không công nên anh chàng Peabody thấy mình buộc phải làm vất vả gấp đôi. Nếu không thì anh phải làm tất.

- Bác Stan, cho cháu cái xẻng. - Anh ta nói, sau khi ném cái xà beng xuống đất.

Nhưng Stan không thích như vậy. Đến lượt ông, ông cầm chiếc xẻng và hất tung đất lên.

Cứ như thế họ làm việc, tôn trọng nhau như hai kẻ cuồng dại.

Trời càng nóng và oi ả, một con điều hâu đen là là bay trên bầu trời quang đãng. Peabody cởi phăng áo, nhổ nước bọt vào hai bàn tay, rồi tiếp tục làm cật lực.

Stan Parker, vẫn mặc áo sơ-mi, ngắm nhìn thân hình của chàng trai, một thân hình cường tráng, đầy sự lãng quên và tự tin của một thân thể trẻ trung, trần trụi. Thế là ông mơ màng nhớ lại cái thời xa xưa trong khi dẫn cây và đào đá. Nhớ lại những kỷ niệm xưa, miệng ông nở một nụ cười mỉa mai. Ông còn nhớ lại được cái thời chỉ cần

làm hàng rào chung quanh, đám đất sẽ là của ông. Niềm tin ấy biểu lộ rõ trong đôi mắt trong của chàng thanh niên vạm vỡ, người đang luôn tay đào lấp loang loáng như dao với sự tin tưởng mãnh liệt.

Cuối cùng hai người gặp phải một cái gì đó làm rung cả xương sườn của Peabody. Anh đứng đấy hồi hộp, thân hình bóng lộn như xoa dầu.

- Cái này đúng là chết người đây, - anh nói, bỗng thấy hoài nghi trong chốc lát. - Có khi phải cho nổ mìn.

Rõ ràng hai người đang đào quanh một tảng đá to vô tận.

- Đá à? - Stan Parker mỉm cười nhìn cái hố khá lâu, rồi nói tiếp - Còn có hòn gay hơn cơ. Ta quyết không chịu thua nó, một hòn đá choắt kia.

Ông cầm chiếc xà beng.

Joe Peabody đứng hai tay chống nạnh, thầm hy vọng ông già sẽ xử lý được việc này.

Stan Parker bắt đầu. Thanh xà beng rung lên khi đập mạnh vào đất, chẳng biết vì khinh miệt hay hy vọng. Ông tiếp tục. Phải chăng cầm thù đang tuôn trào khỏi hai cánh tay ông? Chỉ biết ông đã phá lên cười một, hai lần. Một đôi lần tảng đá tóe lửa, những vết thương màu xám hiện ra. Thân hình khô khốc, mảnh mai của ông đang chọi với tảng đá ngoan cố. Ông nhớ ra ở dưới đáy rãnh có một dòng nước màu nâu, vào những ngày mát mẻ chảy từ trong lòng đất ra, và những dây thỏ phục linh màu đỏ tía xoắn chặt lấy những bụi gai

màu xám. Thành linh ông gập người lên trên chiếc xà beng, ép bụng vào đầu cán, mang hết sức mạnh và trọng lượng đè lên.

Tảng đá trong hố chuyển động.

Ông lôi xà beng ra và chọc liên tiếp vào các góc, sau khi thấy một chỗ yếu. Tảng đá nhô lên, hình dáng hiện ra rõ nét.

- Tuyệt quá! - Peabody vốn rất khâm phục ông bạn già hét lên - Sao bác làm được vậy!

Stan Parker mỉm cười.

Mặt ông hơi tái đi. Ông buông thanh sắt xuống, nó rơi đánh keng xuống đất. Người ta thoáng có cảm giác là chính người đàn ông này, mặc dầu vẫn đứng vững, cũng giống như tảng đá, đã bị loại bỏ. Sương mù màu xám trôi lơ lửng trong nắng sớm. Ông cảm thấy buồn nôn. Hơi thở dồn dập. Chứng đau lưng hay gì đó.

- Bác làm sao thế, bác Stan? - Chàng thanh niên tiến lại gần, sờ vào người ông bạn già. - Làm vừa thôi bác ạ. Bác có thấy trong người khó chịu không?

Anh ta rất lo lắng.

Stan Parker dụi mắt, đưa tay che kín gương mặt bối rối của mình. Toàn thân ông run lên cầm cập. Nhưng khi ông bỏ hai tay khỏi mặt, điều mà ông phải làm, ông lại mỉm cười và nói:

- Tôi chẳng làm sao cả, Joe ạ. Tôi không còn được khỏe như trước, thế thôi.

Chàng thanh niên nhìn ông già và nói:

- Bác không nên làm quá sức ạ.

Giờ anh hài lòng nắm quyền điều khiển, khi tảng đá đã hoàn toàn bị bẫy lên khỏi mặt đất, anh lệnh cho Stan ngồi lên trên, và Stan đã làm theo.

Stan ngồi đấy trong buổi sớm mai đẹp trời, đưa tay sờ nắn cái cổ đầy sụn và hai bên xương sườn già yếu. Nếu ông có thể đặt tay được lên linh hồn của mình xác định hình dáng, tuổi tác, độ cứng và độ bền của nó thì ông đã làm. Vì chẳng làm được nên ông cảm thấy xoắn xang trong lòng, cảm thấy mình không tồn tại nữa, mặc dù ông vẫn mỉm cười trong cơn mệt mỏi lơ mơ, nhìn chàng thanh niên làm việc theo nhịp độ bình thường, bởi chẳng còn ai cạnh tranh nữa, lắng nghe ông góp ý về việc làm hàng rào, điều với người nghe bắt đầu có vẻ là chắc chắn chứ không phải huênh hoang nữa.

Lát sau, một chú bé con chạy trên mảnh đất bị giày xéo, nó chạy hơi quá nhanh so với sức, nhưng buổi sớm mai đẹp trời đã thôi thúc nó. Hai bàn chân đi đất chạy thình thịch, đôi chân đầy vẩy sẹo loáng loáng, nó chạy đến gần. Nó cầm một mẫu vỏ bánh mì mà đã thôi không nhai, một miếng vụn còn dính trên đôi má ửng đỏ.

Nó đến và lấp bấp điều gì đó.

- Cháu nó nói cái gì thế? - Stan Parker bây giờ đã già rồi không nghe rõ.

- Nó bảo mẹ đã làm cơm trưa xong. - Ông bố trả lời, tranh thủ xúc thêm mấy xẻng đất nữa, theo nguyên tắc.

Chú bé đứng nhìn Stan Parker, vẻ trầm ngâm, chỗ vụn bánh vẫn còn dính trên má.

- Ông Parker làm sao thế hở bố? - Chú bé hỏi. - Tại sao ông không làm việc?

- Không việc gì đến con. - Joe Peabody nói. - Ông nghỉ tay một tý.

Ông bố trẻ mặc áo. Anh có một vết lông nhỏ, đen chạy suốt từ ngực đến rốn, chia thân hình làm đôi. Anh không để ý nhiều đến thằng bé mà anh đã sinh ra nó trong túp lều tăm tối. Anh coi điều đó là hiển nhiên, đặt tay lên lưng người bạn, nói:

- Nhanh lên bác Stan. Chúng ta phải kiếm gì cho vào bụng chú.

Thế là Stan được dắt đi, ông cảm thấy hài lòng. Thằng bé vừa nhảy lò cò đằng trước vừa nhá mẩu bánh mì, rồi quay ngoắt lại, nhảy lùi về phía sau để nhìn cho rõ, đoạn kêu lên:

- Thế ông Parker ốm à?

Ngay khi bị bố nó đập vào người, thằng bé hét lên vờ khóc, đùa nghịch khoái trá, và bố nó cũng thích vậy.

Trong cái lán đông đúc, mà người vợ trẻ vừa cho đứa bé nhất ăn xong, họ ngồi xuống dùng món hầm có lũng bống vài ba miếng cà rốt. Trên cái đĩa của hai người đàn ông có một đồng khoai tây.

- Tôi đoán các ông đói lắm. - Cô Joe Peabody nói, cô có nước da bánh mật, mang nét mặt rạng rỡ, vui vẻ, vì mọi điều.



- Ông Parker, ông ăn khỏe vào nhé. Mẹ tôi và tôi dùng đủ rồi.

- Hôm nay tôi ăn không ngon miệng. - Bà cụ nói. Cụ cũng tên là bà Peabody. - Ông Parker cũng vậy, tôi chắc thế. Chỉ có cánh trẻ là ăn như hùm. Cũng may mà còn có khoai tây.

- Tôi chẳng bao giờ bỏ bữa cả. - Stan Parker nói, mặc dù lúc này ông chẳng thể nhìn nó được.

- Cái gì đến thì sẽ đến thôi - bà cụ Peabody nói với vẻ kính tởm. - Ông không còn trẻ nữa, tôi nói thật đấy, chẳng có ý gì đâu.

Ông khách hoàn toàn không thể tự vệ. Một vài đứa trẻ thôi không còn kính trọng ông nữa.

- Kìa, mẹ đừng nói đến chuyện ấy. - Người chủ nhà nói, mồm đầy thức ăn. - Để cho mọi người được yên.

- Bà không ăn được kẹo nữa. - Người con gái nói, đưa mắt nháy ông khách.

- Các người đừng có mà bắt nạt tôi. - Bà cụ than vãn, tóc dựng lên từng túm hoa râm trên làn da nhăn nhúm. - Tôi đã nuôi bảy đứa con gái, đứa này nối đứa kia chuyển tôi đi. Như một gói hàng.

- Mẹ thế là may lắm, - vợ Peabody nói - mới sinh được nhiều như thế. Nếu không thì mẹ chẳng được lâu như thế. Chắc chắn cái gói đã rơi rụng rồi.

Chị khẽ đập vào lưng mẹ một cách hóm hỉnh và trêu mếu, khiến bà cụ bật khóc, vì mọi ân huệ bà nhận được, rồi đi ra qua bức rèm

bao tải, đến góc phòng bà sống.

Một lát sau Stan Parker gạt đĩa sang một bên.

Vợ Peabody nhìn mấy củ khoai tây lênh bênh trong món hầm.

- Kìa, - chị nói, nhưng không tiếp tục nữa.

Chị có ý nghĩ rằng người bạn của chồng là một đối tượng phải được che chở, vì thế chị vòng tay qua người ông để lấy cái đĩa, và khi chị lướt qua người ông, Stan Parker cảm thấy sự che chở ấm áp của chị.

- Tôi sẽ pha cho ông một chén trà. Ông sẽ thích uống trà thôi. - Vừa nói chị vừa quay lại phía ông già.

Stan Parker cảm thấy nhục nhã, không phải vì trước nay ông vốn là con người kiêu hãnh. Mà ông xấu hổ nhìn hai đầu gối quàn, và nhìn cái nền đất nhà Peabody, nơi có một khuôn mặt trẻ con đang nhìn ông chằm chằm. Đến cuối đời, ông lại bị đưa trẻ trong sáng lôi cuốn. Ông muốn nói với nó một điều, nhưng nó ở xa quá.

- Trà đây ông, - người mẹ trẻ nói, đặt chén nước trà đầy tràn lên bàn. - Có đường đấy. Ông tự cho đường nhé. Đừng giục ông, anh Joe ạ. Để ông lão thưởng thức một chén trà ngon.

Chẳng ai thúc giục Stan Parker nữa. Đôi môi chậm chạp của ông nhắm nháp chén trà. Ông ngồi trao đổi những chuyện xa xăm, rồi đi cùng Joe đến chỗ hàng rào, nhưng công việc tiến hành mà không có ông tham gia. Suốt chiều hôm ấy ông thơ thẩn, và trong thâm tâm

Joe cảm thấy hài lòng, anh nhủ thầm: “Ông lão đã trở thành của nợ rồi, chẳng còn làm được mấy, nhưng là một ông lão tốt bụng”.

Khi Stan Parker về đến nhà, vợ ông nói mà không ngẩng mặt lên nhìn.

- Anh về sớm thế?

- Ừ, anh thấy khó chịu trong người.

- Sao, khó ở à?

Bà giật lùi, tuy ông không đánh đập gì.

- Chẳng là bọn anh cố bẫy một tảng đá để đóng cột, bỗng anh cảm thấy mình yếu như một đứa trẻ. Lúc đầu chỉ hơi chóng mặt. Song cứ thế mãi không dứt. Hôm nay anh không được tích sự gì, Amy ạ.

Nhưng đến tối ông trở lại là người đàn ông khỏe khoắn và lạc quan. Dưới ánh sáng gay gắt của ngọn đèn điện trong gian phòng vuông vắn, hai người vui vẻ đùa nhau về tuổi già. Ông lại khỏe đến mức mà có lúc bà đâm một cái vào người chồng.

- Ta nên bán mấy con bò khốn kiếp kia đi. - Bà nói. - Suốt đời ta làm cái gì nào? Chỉ lặn lội lên xuống con đường mòn kia để vắt sữa một đàn bò khốn khổ.

Bà theo dõi xem ông lão có xót không. Nhưng ông vẫn bình chân như vại.

Sau khi phơi chiếc khăn ướt lau bàn cho khô, bà đến cạnh ông. Mùi hương từ khoảnh vườn lạnh giá lùa vào qua cửa sổ, mùi hoa

thanh thảo và hoa violet đầu mùa. Hôm ấy bà đã chải tóc thật mượt để cho ông thấy, hoặc nhớ lại nhan sắc của bà. Hai người hôn nhau, khá mãnh liệt, và cả hai đều cảm thấy dễ chịu khoan khoái với cái ảo tưởng là thể xác họ đã trở lại như xưa. Người đàn ông may mắn thiếp ngủ trong ảo tưởng kia, còn người đàn bà nằm thao thức lâu hơn trên chiếc giường họ đã nằm ngủ suốt đời, không rõ vì biết ơn hay tò mò bà đưa tay sờ nhẹ đầu ông.

Bà sờ cái sọ của ông, vì hình như trong giấc ngủ da thịt đã tiêu biến. Ông không phản đối nhưng nằm xa ra thờ. Một lát sau bà cũng ngủ thiếp đi trong khuôn khổ gò bó của ngôi nhà. Lần này đến lượt bà ráng sức bẩy tảng đá đang nằm bên cạnh bà, nặng nề trên giường.

Ban ngày, dĩ nhiên, lấy lại sự tin cậy vào thể xác hoàn toàn chẳng khó khăn gì. Trong những ngày đông thanh bình, vào lúc xế trưa yên tĩnh, Amy Parker thường ngồi ở hành lang phía trước ngắm nhìn cảnh vật từ sau giàn nho và những thân già cỗi của một khóm hồng phải vứt bỏ đi, vì chiếm quá nhiều chỗ và đã quá già. Khi ấy bà ngồi ngóng chờ một cái gì sẽ xảy ra, tuy phần lớn chẳng có gì.

Trừ một hôm, vào tháng Sáu, một cơn gió lạnh thổi rạp những lá cỏ trong vườn, ánh nắng yếu ớt chưa chiếu đến mục tiêu thì đã tan biến, nhưng hôm đó một chiếc ô tô đi qua, một chiếc ô tô nhỏ, gọn gàng, được lau bóng với niềm tự hào và sự cẩn thận. Bà Parker uốn cong một cành cây xuống để nhìn. Xa quá bà không thể nhìn được chi tiết. Mắt bà ngày càng yếu đi. Bà không thể. Chỉ thấy có một phụ nữ bước ra, nhìn quanh như để tìm kiếm một lời xác minh. Người ấy mặc áo lông đen.

- Xin bà bảo giùm, - người phụ nữ gọi to, sau khi dừng xe lại, - có phải bà Parker ở đây không?

- Xin lỗi bà. - Bà Parker thận trọng trả lời.

Bà chưa muốn xuất đầu lộ diện, xem sao đã.

- Trước kia có một bà Parker. - Người phụ nữ đứng yên nói, giọng bà ta vang lên và lặc lợng trong chốn thôn quê giá lạnh mà bà vừa dừng xe lại.

Bà ta đã già như thế mà còn lái xe đi xa thế này, Amy Parker nghĩ thầm.

- À, vâng, có đấy. - Bà nói, rồi cân nhắc, hắng giọng.

Người phụ nữ này có một gương mặt vàng vọt, giống xà phòng. Giọng bà xoáy vào người Amy Parker, như bới tìm một cái gì.

- Thế bà không phải là... - người phụ nữ nói, - đúng bà là bà Parker rồi phải không?

Bà Parker đỏ mặt.

- Vâng, - bà nói - bà Gage đó phải không?

- Tôi không nhận ra bà, - bà Gage nói. - Bà béo ra nhiều quá.

- Bà cũng đẩy ra đấy. - Bà Parker nói, vừa đưa mắt nhìn phong cảnh chung quanh.

Nhưng hình như bà hài lòng về điều bà nhìn thấy.

Rồi cả hai cười vang lên, tiếng cười vút cao, nghe như tiếng vọt gỗ mỏng đập vào nhau trong không khí.

- À, tôi làm gì có chuyện ấy. - Bà cựu trưởng trạm bưu điện nói, sau khi hai người đã cười đến mệt cả người.

Amy Parker ngấm nhìn khuôn mặt kia, khuôn mặt vàng vọt và linh hoạt kỳ lạ, như đong đầy nước xà phòng. Bà thấy bà Gage đã thoải mái trở lại, và hy vọng bà cựu trưởng trạm bưu điện sẽ kể hết đầu đuôi câu chuyện. Ngay sau đó bà ta kể thật, vừa lấy ngón tay mân mê những nút cửa bằng kền của chiếc ô tô con, và mơ màng hồi tưởng lại quá khứ.

- Khi tôi làm đơn xin chuyển khỏi Durilgai, - bà nói, - sau khi ông Gage tự sát, như bà biết đấy, tôi được cử đến Winbin.

Ở cái quận miền nam khủng khiếp ấy, băng đóng răng rắc trên vũng nước mưa. Có thể nghe thấy tiếng. Có thể nhìn thấy trận mưa vàng vọt, dầm dề đổ xuống thung lũng và quật mạnh đám cỏ vàng. Ở đấy có con đường với cái lò rèn và quán rượu. Có một lần đã xảy ra án mạng, nhưng đã là nhiều năm trước rồi, và chẳng bao giờ xảy ra nữa. Vãn phòng màu nâu, dựng trên những cái cọc, trên thùng phuy rỗng và ghé gãy, gió đã làm xiêu vẹo một vài đồ gỗ. Trong căn phòng màu nâu mà bà Gage đứng có mùi bếp lò và mực viết khô. Mực, cặn mực thì đúng hơn, thường xuyên đóng băng, khiến người ta chẳng muốn chạm vào. Thứ mực đông lạnh ấy chỉ làm người ta phát kinh. Vì thế bà Gage, vừa xoa chỗ bị cước vừa lắng nghe tiếng sột soạt của cánh tay áo bằng giấy nâu, đã đưa cho mỗi người một cái bút chì.

- Ở Winbin tôi gầy hẳn đi, - bà trưởng trạm bưu điện nói. - Thật sự cũng vì ông Gage qua đời theo cách đó. Từ ấy tôi bị căng thẳng thần kinh. Rồi bắt đầu gặp khó khăn với giấy má. Bà có thể tin được không, tôi chẳng biết mấy tập tem để đâu mất? Chán nhất là thỉnh thoảng khi ghi điện báo tôi ngã lăn đùng ra, mà tôi tỉnh, thế mới phiền bà ạ. Tôi nghe rõ tiếng bút chì nảy trên bàn gỗ. Tôi nom thấy rõ cái trần nhà trên cao. À, nhiều người không thích chuyện đó. Bởi vì họ không biết phải làm gì khi một người ngã xuống. Vì thế tôi xin thôi việc.

Bà Gage lấy mùi soa chấm nhẹ môi. Cuộc đời bà qua lời kể luôn luôn cô vẻ chân thực.

- Ông Goldberg bảo tôi: “Đã đến lúc rồi đấy. Nếu không thì bao nhiêu thông tin có giá trị sẽ mãi mãi mất đi.” - Bà Gage nói.

- Ông Goldberg? - Amy Parker hỏi, hai tay vòng trước ngực, tựa như cầm thạch.

- Lúc nào đó tôi sẽ kể cho bà nghe. - Bà trưởng trạm bưu điện nói. - Khi tôi về hưu và rời Winbin, tôi đến nhà bà Small, người chị em họ ở Barangoola. Bà ta tốt với tôi đến phát sợ, mùa đông ăn xúp, mùa hè cá nấu đông. Bà ta phải tật nói lắp, thật khổ thân, vì hồi con gái bị bỏng nước sôi. Bà biết đấy, Barangoola là một nơi nghỉ mát, vào những dịp đông khách bà Small có nhận một, hai người ở trọ. Do đó chúng tôi quen ông Goldberg, một con người phong nhã, có học vấn, ông đọc rất nhiều sách và còn làm thơ, ông cho tôi xem một vài bài, rất hay.

Vào những buổi tối mùa hè, trên cái đê chắn sóng, mà thực chỉ là một đập đá nhọn hoắt, chẳng ra sao, nhưng được cái kín đáo, ông Goldberg ưu ái lắng nghe câu chuyện rủi ro của bà Gage. Ông lắng nghe tiếng tảo biển sột soạt và ngắm những cái mồm của mấy con hải quỳ, thỉnh thoảng cho chúng một con cua. Đôi khi ông Goldberg ngẩng đầu lên tựa một con ngựa và như muốn hí lên trước cơn điên của chồng bà Gage.

- Bởi vì, dĩ nhiên, - bà nói, - tôi phải kể lại cho ông ấy nghe tất cả chuyện đó. Nhưng thoát tiên tôi không cho ông ta xem các bức họa mà tôi đã mang từ Durilgai đến Winbin, rồi từ Winbin đến Barangoola, buộc bằng một sợi dây thừng, vì tôi hầu như chẳng biết làm gì với chúng.

- À, - bà nói vừa nhổ nước bọt, - nếu cuối cùng mà tôi đưa cho ông ta xem các bức họa thì sự việc đã xảy ra như thế này. Một buổi sáng, chúng tôi ở ngoài thành phố, trên đường đi đến thư viện cho mượn sách mà ông Goldberg đỡ đầu, thì một người tiến đến gần, một người ông ấy quen, hình như thế, họ cùng quen nhiều người với đủ kiểu tên khác thường. Người đó đứng lại nói chuyện một lát lâu, nhưng nhìn tôi và mỉm cười, rồi lại nhìn, tuy nhiên theo kiểu một quý bà sang trọng. Dĩ nhiên, tôi nhìn vào một cửa hiệu vì tôi biết rõ hoàn cảnh của mình. Thế rồi bà ta đến gần tôi, bà ăn mặc rất trang nhã, cầm hai tay tôi, hết sức kích động. “Bà Gage,” bà ta nói, “chính là bà, tôi cứ phân vân mãi, những bức họa chồng bà vẽ thật sự đã ám ảnh tôi bao nhiêu năm nay”. Bà chẳng bao giờ đoán được đâu, chẳng ai xa lạ mà chính là bà Schreiber, người đã ở đấy vào cái hôm ông Gage qua đời, đã xem những bức họa cùng với bà và những người khác, chắc bà sẽ nhớ ra, gương mặt bà ta nom khác



hắn, nhưng không thể nói là không thanh tú. Thế là những bức họa bị lộ. Chỉ còn có cách là đưa cho ông Goldberg xem. Ông ấy ép tôi. Ban đầu tôi từ chối. Nhưng cuối cùng phải đưa cho ông ấy xem.

- Ôi, - bà quả phụ nói, mặt tươi hẳn lên, - xem ra ông Gage nhà tôi là một thiên tài, bà có tin như thế không? Mặc dù những người quen biết nhà tôi, tội nghiệp cho ông, đều biết là ông hơi khác thường. Bà không biết chồng tôi đâu.

- Vâng, - Amy Parker nói, tuy bà có biết.

- Chẳng bao lâu tôi thành đối tượng được chú ý, - bà trưởng trạm bưu điện nói tiếp, tay gỡ một cái gì dính vào áo lông, - nhờ sự nhiệt tình của ông Goldberg và một số quý ông khác đối với những bức họa sơn dầu của nhà tôi. Ông Gage tội nghiệp mà ở đó thì chắc chắn sẽ ngạc nhiên. Tôi chỉ tiếc là ông ấy đã ra đi, vì tôi thấy rõ là chúng tôi có thể làm ăn được đôi chút. Dẫu sao, tóm lại, tôi đã bán những bức họa. Tôi phải nói với bà là tôi đã làm đúng. Tôi bán tất trừ một bức mà tôi không thể dứt ra được vì lý do tình cảm, và cũng vì đó là một tác phẩm nghệ thuật, ông Goldberg bảo, có một không hai. Tôi treo nó trên lò sưởi trong phòng khách. Riêng cái khung đã trị giá mười lăm bảng rồi. Đó là bức họa về một người đàn bà, nhưng chắc bà không nhớ đâu. Người đàn bà đang đứng đấy, đúng thế, bà ta khỏa thân, nói thật với bà. Nhưng mà tại sao lại không? Bây giờ tôi phóng khoáng rồi, vì tôi biết như thế là đáng thôi.

- Tôi còn nhớ bức tranh ấy. - Amy Parker nói.

- Thật ư? - Bà Gage nói, như bị khiêu khích. - Thế bà có thích nó không?

- Tôi chẳng biết. - Người đàn bà thô kệch nói. - Tôi không hiểu ý nghĩa của nó.

Bà không hiểu bản thân mình, nặng nề đứng giữa đường, vào lúc đó hay bất cứ lúc nào. Bà không hiểu con mắt của người ta. Và người đàn ông quá cố, liệu ông ta có nhìn thấy bà như bà đã không thể lĩnh hội được bức họa không? Lúc ấy, đi giữa hàng cây ban đêm, liệu bà có nên yêu ông ta không, khi hai cánh tay ông chẳng còn xương xẩu nữa? Bà cảm thấy mình không yêu ai cả. Bà thấy xốn xang. Bà thấy sờ sợ.

- Dẫu sao, - bà cựu trưởng trạm bưu điện nói, - sau đó ít lâu tôi đã có được ngôi nhà riêng. Rất hiện đại. Tôi vừa mới trả xong tiền cái tủ lạnh. Còn bà thế nào? - Bà ta hỏi, nhìn quanh có vẻ ngạc nhiên. - vẫn như xưa. Còn bà O'Dowd?

- Tôi chẳng biết bà O'Dowd có khỏe hay không. - Bà Parker nói một cách trịnh trọng.

- À, - bà Gage nói.

- Ồ, chúng tôi chưa bao giờ điều qua tiếng lại. - Bà Parker vội vàng thanh minh. - Nhưng tình bạn cứ nhạt dần.

Rồi bà trưởng trạm bưu điện hỏi han đến con cái, bằng cái giọng để nói với trẻ con.

- Thelma tốt lắm. - Bà Parker trả lời một cách chính xác. - Nó cưới một ông cố vấn pháp luật. Nó làm ăn rất khá.

- Còn Ray, phải không nhỉ? - Bà Gage hỏi.

Vì cũng phải hỏi chứ.

- Thăng Ray, - bà Parker thở dài, nhẹ nhàng vượt cái tạp dề theo những nếp từ trên xuống. - Thăng Ray cũng đã trưởng thành. Nó chuyên bán ô tô, nghe nói thế. Nó cũng sắp lấy vợ rồi, con bé nét na lẫn.

- Ai vậy?

- Elsie Tarbutt, - Bà Parker nói. - Quê ở Sydney.

- Ồ, thế à? - Bà Gage nói.

Thật kỳ lạ hơn nữa là người khác cũng sống cuộc đời của họ. Cuộc đời của bản thân bà Gage chiếm vị trí nổi bật. Bà không thể tin nhiều vào cái khác. Lúc này bà bắt đầu ấn và lòi những nút bạc trên cửa chiếc xe con của mình. Bà nói:

- Nếu tiện đường xuống Drummoyne, bà phải ghé lại chỗ tôi đây, tôi sẽ rất mừng được gặp bất cứ ai để nhắc lại thời xa xưa.

Vì bà biết khá chắc là bà Parker sẽ chẳng bao giờ ghé thăm, lời nói đó chỉ làm tăng thêm tính hào phóng đơn thuần của bà. Còn đối với bà Parker, người dứt khoát sẽ không bao giờ ghé thăm, nghĩ mà thấy buồn cười, bà cũng đã quá thỏa mãn. Bà đứng thì thầm một cách hài lòng giữa những tảng đá.

Vừa lúc đó một luồng ánh sáng lạnh lẽo của buổi chiều hôm chiếu sáng bầu trời và gương mặt bà Gage đã tươi tỉnh lại sau khi chuyện trò.

Bà ta nói:

- Được chuyện trò thật dễ chịu. - Bà mạnh dạn nói tiếp. - Rốt cuộc tôi cũng hạnh phúc.

Rồi bà ấn một cái gì đó và trườn vào chiếc ô tô hào nhoáng của bà.

Amy trầm ngâm trở lại hàng hiên. Suốt buổi chiều bà đứng đợi các nhân chứng khác của quá khứ, nhưng chỉ thấy những người trai trẻ chưa hề từng trải và những người xa lạ lạnh lùng hoặc tử tế. Vì bà biết nhiều hơn những người này, nên bà như thấy hơi thở khó nhọc, hay mũi thở phì phì, cổ trắn tĩnh và đứng thẳng, không lắng nghe, do đó nom bà rất dữ tợn. Một vài người nói rằng bà Parker là một cụ già khó tính.

Đúng thế mà cũng không đúng. Bà từng chờ đợi một điều gì đó xảy ra, một hành động có tính chất khai sáng, và vì điều ấy đã không xảy ra hay đã qua đi mà không ai nhận ra, nên bà trở nên cau có. Những lúc đó bà thường gãi chân hết sức bực tức. Bà ngẩn cổ nhìn một cảnh tượng dễ chịu xa xa, mà thị lực bà dĩ nhiên không cho phép. Do vậy lắm lúc nom bà như người dở hơi và xấu xí. Hoặc đôi lúc bà thấy khuây khỏa với quá khứ. Bà trở nên thanh thản và thậm chí khôn ngoan với những tấm ảnh chụp nhanh mà bà có thể đưa ra tùy thích từ ống tay áo. Dĩ vãng là một điều kỳ diệu của các tiểu môn thần.

Khi Thelma Forsdyke về chơi, dạo này cô hay về hơn mong đợi, cô kinh ngạc thấy mẹ ngồi đấy, lại có vẻ hoạt bát nữa.

- Mẹ ơi, mẹ có khỏe không? - Cô thường hỏi.

Bản thân vốn thụ động, cô không chịu được tính thụ động ở những người khác. Từ ngày phát hiện sự tồn tại của văn học, cô thường ngụy trang tính lười nhác của mình bằng một cuốn sách. Tuy nhiên cô cũng đọc, đọc khá nhiều. Cô rất mê môn đạo đức và đang nghiên cứu nhân chủng học. Nhưng cứ ngồi trơ trơ như thế cũng dễ khiến người ta nghi ngờ hoặc là một dấu hiệu của bệnh tật. Đôi khi cô hoảng hốt lo mẹ mình có thể bị ung thư vào tuổi già và cần chăm nom gần gũi. Dĩ nhiên con gái bà sẽ trả được hết các khoản ấy, vì cô giàu. Nhưng làm sao mà chịu nổi bao thứ mùi bệnh tật kinh người trong một căn phòng con con được. Vì thế Thelma cố tìm trên khuôn mặt mẹ những dấu hiệu của bệnh tật.

- Mẹ không ốm, - Amy Parker nói. - Mẹ vừa ngồi một tý vì mẹ thích thế.

Bà mỉm cười ngờ vực nhìn con gái, nhìn thứ vải áo cô và chuỗi hạt trai. Hai mẹ con áp má vào nhau. Bà cảm thấy khá dễ chịu. Bà chẳng còn khát vọng chiếm lấy con gái mình, bởi vì bà đã thất bại rồi. Nhưng bà đã tham dự vào câu chuyện của đời Thelma Forsdyke, bà đã gián tiếp tạo ra nó, vì thế đôi khi bà đòi quyền chỉ trích hoặc góp ý về một số vấn đề thuần túy tự nhiên.

- Con nên có con, Thel ạ. - Một lần bà đã nói như vậy.

Và người đàn bà, con gái của bà, quay mặt đi chỗ khác nói:

- Con chưa sẵn sàng, vấn đề không chỉ là có con. - Cô nhún vai, bực tức.

- Mẹ có biết đâu. - Bà mẹ nói, trề môi.

Bà nhìn đôi bàn tay con gái. Bà mẹ đương nhiên là hơn hẳn con gái. Bà ngờ vực đôi bàn tay đang đặt trên lòng, bắt chéo nhau như quạt giấy kia. Nhưng bà không nói gì thêm về chuyện đó nữa.

Thỉnh thoảng bà hỏi thăm ông con rể.

- Forsdyke thế nào? - Bà thường hỏi.

Forsdyke đang chuẩn bị đi câu cá thư giãn với các doanh nhân khác, hoặc đang bị viêm xoang, một lần anh bị loét hành tá tràng. Hầu như lần nào anh cũng gửi lời thăm hỏi mẹ vợ, bởi vì anh vốn là người lịch thiệp. Đam mê không biến anh thành một con người thô lỗ.

- Con vô cùng biết ơn Dudley, - Thelma thường nói vậy, mắt cô ươn ướt.

Cô ngạc nhiên về sự khiêm nhường của mình, nhưng cảm thấy dễ chịu. Cô đã giành được quá nhiều, về mặt vật chất, nên chẳng còn chỗ nào nữa để kiếm thêm, do đó cô quay lại quan tâm đến việc nâng cao đời sống tinh thần. Cô sẵn sàng xả thân cho một người nào đó, đặc biệt là chồng cô, người không tạo cho cô một cơ hội, ngoại trừ trong cái cung cách anh hăng giọng, và lúc nào cũng lo bị gió lừa. Không chắc cô sẽ có con, vì những lý do tế nhị, điều này đôi lúc làm cô buồn phiền vào những buổi chiều hôm hay đêm tối, khi cô một mình ngồi lại với đôi bàn tay, cho đến lúc nhận thấy mình sẽ chẳng biết làm gì với những đứa trẻ đập phá lung tung đồ đạc trong nhà, hoặc với những đứa lớn hơn khám phá ra ham muốn tình dục.

Dĩ nhiên cô còn phải lo sức khỏe, cô bị hen, nhiều người vẫn nhớ hỏi thăm, nhất là những người mang ơn cô.

Thỉnh thoảng ông mục sư đến thăm. Thelma Forsdyke quyên cho nhà thờ nhưng không ủng hộ cha xứ, vì ông này không phù hợp với ý đồ xã hội của cô. Cô trở nên rộng rãi, cố tình. Cô biếu đồ quý hiếm, hoặc tiền vượt quá mức yêu cầu, mỗi lần làm như thế mắt cô đỏ hoe. Do cô e ngại, hoặc không thể xả thân, sự ham thích hào phóng đã trở thành một nhu cầu. Đó là thói tật bí mật của cô, là rượu gin giấu trong tủ quần áo, là mũi kim tiêm dưới da. Cho đến nay chưa ai phát hiện. Trừ mẹ cô.

Cô thích nhất là mang quà về cho bố mẹ, những món quà đắt tiền, khiến người ta phải trầm ngâm, phải day dứt. Ngồi trong chiếc ô tô riêng mà cô đã tập lái, cô nhíu mày vút qua những biệt thự và những lò mổ, đi về vùng nông thôn dành cho cô nhiều điều kinh ngạc nhưng trong đó cô không dự phần. Xuôi theo con đường ấy, con đường toàn dây kẽm gai lỏng lẻo, cây cối đầy bụi, không giống với những con đường khác chỉ vì bố mẹ cô ở đây, cô lái xe từ từ thận trọng, nhớ lại một lão già có lần đã khoe thân trong bụi rậm. Cô e ngại rằng sống mãi trong khuê phòng cũng chẳng ngăn chặn được những biến cố cần phải ngăn chặn.

Cô đã đến nơi. Những cuộc thăm viếng này thật phi lý, cô gượng gạo nhận ra, tuy rất cảm động, khi phửi bụi bám vào áo. Không gian vang tiếng chim ác là.

Có một lần cô mang đến cho mẹ một quả dưa, một con cá tươi, và một bộ khăn bàn thêu cảnh săn bắn mà cô đã mua ở một gian hàng từ thiện. Cô mở ra cho mẹ xem, trải dài tám khăn, bởi vì đây là

một phần của trò chơi, được lao vào cơn khoái lạc của tình thân ái. Cô quá tốt bụng.

- Mẹ xem này, - cô vừa nói vừa đặt con cá vây bạc lên đôi tay trần. - Đẹp thật mẹ nhỉ?

Con cá quả là đẹp. Nó óng ánh. Sự tồn tại của nó không thể kết thúc bằng cái chết.

Mắt bà mẹ dạo chơi giữa đám quà, bà thốt lên:

- Ôi, mẹ biết làm gì với những thứ này, Thelma?

- Mấy chiếc khăn bàn ư? Đẹp đấy chứ, mẹ? Rồi sẽ có dịp dùng đến, mẹ ạ. Cứ cất đấy rồi xem.

- Con thật chu đáo với mẹ, Thelma. - Bà mẹ nói, đưa mắt nhìn con gái, nhìn thẳng vào cô.

Và cô con gái, nay đã trở thành một thiếu phụ mảnh khảnh và phong nhã, cầm con cá lên đi ra ngoài, đặt nó ở một nơi mát, trong ngôi nhà mà cô biết tận chân tơ kẽ tóc nhưng không còn thuộc về nó nữa. Cô quả quyết mẹ mình đã có chiều vị kỷ khi coi mọi chuyện là nghiêm nhiên. Dù đúng như thế hay không, bà lão vẫn tiếp tục nhìn một cách mỉa mai, không nhìn mấy chiếc khăn, mà nhìn con gái, lúc đó đã vào nhà trong. Bà vẫn nhìn đứa con gái bé nhỏ ép sát miệng vào tấm gương soi cho đến khi cái miệng trong gương sát cái miệng ở ngoài.

Tuy vậy, khi bà Forsdyke trở lại, vừa đi vừa kiểm tra hai bàn tay sạch trên chiếc mùi soa trong suốt, bà lão cảm thấy lòng tràn ngập



một niềm biết ơn hiền dịu. Bà nói:

- Con cá đẹp lắm, Thelly ạ. Mẹ sẽ mang bỏ lò. Bố thích ăn như thế lắm.

Hai người, mẹ và con gái, vừa chơi một trò chơi thân ái. Bà Forsdyke rất khoái cái cảnh đó và bỏ qua việc mình được gọi là “Thelly”, điều làm cô nhớ đến những hòn đá cuội giấu trong cặp đeo sau lưng mỗi giờ tan trường.

Đôi khi Thelma Forsdyke đi quanh phòng khách và đóng chặt các cửa sổ khi nhớ lại nguồn gốc lai lịch bản cùng của mình. Đó là một cái gì không thể trốn thoát được. Nó lẻo đẹo theo suốt đời. Vì thế khuôn mặt của cô không thuyết phục được cô, ngay cả những lúc nó xinh tươi nhất. Mỗi lần bàn luận về âm nhạc, giọng cô đều ngập ngừng. Sự tiến hóa của một tâm hồn giả tạo luôn mang vẻ kinh tởm. Cô nhớ lại gia đình Bourke, nhớ lại nhung Genoa mịn màng, và hương vị kẹo lạc khi cô ngồi đánh móng tay.

Một lần người hầu bước vào, một bà đứng tuổi, cung cách nhẹ nhàng, đã từng được ai đó dạy dỗ chỉ bảo.

- Thưa bà, có một ông xin gặp bà. Ông ấy bảo là có việc riêng gấp. Ông ấy không chịu nói tên. - Bà người hầu đội mũ trùm kín nói.

An tâm làm sao, đáng kính làm sao, thậm chí cả những người hầu đứng tuổi cũng thế.

Ông khách đó là Ray Parker, anh trai của bà Forsdyke.

- Anh đoán thế nào em cũng ngạc nhiên, Thel ạ. - Ray cười vang, vừa bước vào phòng khách vừa tung cái mũ hấn mang theo, một cái mũ mới, màu nâu, nom rất gọn. - Anh thích làm người ta ngạc nhiên. - Hấn lại cười phá lên. - Làm thế người ta mới ra khỏi đường mòn. Nhưng em đang ở trong đường mòn còn khá tốt. - Hấn vừa nói vừa đảo mắt nhìn quanh.

- Chúng em chọn ngôi nhà này để ngắm cảnh chung quanh. - Cô vừa nói vừa bước tới phía trước để đón khách. - Ba mặt đều có nước. Anh có thể nom thấy cảng ngay, và phía này, nhìn ra Hội đua thuyền.

Rồi cô nhìn ông anh, cố đoán xem anh cần cái gì. Khuôn mặt của cô trở xương. Sau này, người cô sẽ dài ngoẵng như sợi dây. Cô cũng cứng rắn lắm, mặc cho sức khỏe hom hem, cái chứng hen khò khè ở cô có thể làm người ta sợ hãi. Cô phải cứng rắn để có được gần như mọi điều cô muốn. Điều cô muốn, ấy là tột đỉnh của khát vọng, đã lần tránh cô, do đó cô chỉ biết đoán mò, về khó chịu bên ngoài, khi cô hỏi:

- Anh cần cái gì, anh Ray?

Người đàn ông vừa ngồi phịch lên chiếc đệm bọc gấm bạc màu của cô, dạo này hấn béo ra, muốn trêu Thelma một tí. Hấn phồng má lên, đôi má mang màu da thị thành, làm hiện ra hai lúm đồng tiền. Một số người cho là chúng rất hay. Hấn nói:

- Anh đến đây để ngắm em một chút, Thelma ạ. Chúng ta là họ hàng thân thích. Nhưng người nào chỉ biết em hoặc chỉ biết anh thì không biết chúng ta là anh em.

Cô cười vang.

- Thế những con người giả định đó mà biết là chúng ta là anh em thì có lợi gì nào?

- Nếu đó là chuyện có lợi, - hắn nói, vừa nhún bộ vét bắt mắt, hy vọng cô sẽ mời uống thứ gì đó.

Hắn là một con người ham xác thịt, cô thấy vậy, mà cái thú nhục dục làm cô lo lắng, tuy hắn không nhận thấy. Chắc là hắn cũng ngu dần trong nhiều chuyện, nếu không phải trong mọi chuyện. Điều mà cô ngại nhất là hắn, như cô hơi nghi, là một người anh trai trung thực, vì cô biết hắn là một người bất lương.

- Dẫu sao, - cô nói, thoáng mỉm cười và ngồi xuống, - anh cũng có ở đây.

- Còn hơn thế nữa kia, - hắn nói ồm ồm, về cọt nhả. - Thế anh chàng luật sư mà anh chưa hề gặp bao giờ thì về?

- Còn tùy, - cô nói. - Các chuyên gia làm việc không theo đồng hồ.

- Anh có thể chờ được. - Ray Parker nói.

Nếu cái phòng tắm tối này không giết hắn. Mọi người làm gì trong những căn phòng yên tĩnh thiếu vắng những con ruồi vo ve?

- Bởi vì anh muốn gặp anh ta.

- Em thấy hai người chẳng có điểm nào chung cả, - Thelma Forsdyke cười vang, không cân nhắc các khả năng.

- Em chẳng hiểu đâu, - Ray Parker nói. - Anh quen nhiều gã trên xe lửa và trên thùng các xe tải. Chắc em ngạc nhiên lắm.

- Dudley, - Thelma nói, - chắc là chẳng bao giờ lao vào những chuyến đi nguy hiểm như thế.

- Anh ta có ẻo lả không?

Thelma không trả lời.

- Chỉ cần ngồi trong phòng này anh cũng tìm hiểu em được.

Cô không trả lời.

- Em gầy lắm. Gầy quá thể.

Mồ hôi bắt đầu toát ra ở hai bên thái dương cô, dưới mái tóc vừa mới làm ngày hôm kia. Hắn tiếp tục:

- Anh không thể chịu được sự gầy gò. Lẽ ra anh phải làm được một cái gì to tát, nhưng chẳng bao giờ tìm ra được cách làm, anh đành hài lòng với việc thien một con ngựa hay phá một cái tủ két. Ồ, em không phải lo, Thelma ạ. Bây giờ thì anh lương thiện rồi. Tức là, anh đang buôn bán làm ăn. Anh buôn ô tô. Anh đã tiếp rựu một số người sang trọng nhất đấy. Nhưng mọi thứ đều tốn kém. Và anh đã cạn túi rồi. Hôm nay sở dĩ anh đến đây, mong em hiểu cho, là để phiến em hai chục đồng. Thứ Ba tới anh sẽ cưới một cô tên là Elsie Tarbutt.

- Cô ta có ý thức được điều mình đang làm không? - Bà Forsdyke hỏi, đi đến chỗ cái tủ con mà cô đã trả rất nhiều tiền để

mua với cảm nghĩ thứ đồ đáng yêu đó đúng là đồ cổ chính cống.

- Có, - Ray Parker nói. - Cô ta sẽ cải tạo anh đấy. Cô ta là người theo hội Giám lý.

- À. - Người em gái nói.

Cô viết một ngân phiếu, ký một chữ duyên dáng mà nay cô không cần phải tập nữa.

- Em phân vân không biết có nên gặp cô ta không. - Cô mỉm cười nói, khi đưa tiền để tổng khử ông anh đi.

Cô lại nghĩ thầm: “Ray khó mà làm nên đại sự. Quả là món tiền ít ỏi.”

- Gặp Elsie ư? - Hấn nói, đưa mắt nhìn con số cô vừa viết. - Đừng. Không hay đâu. Trong gia đình có một tên vô lại là đủ rồi.

Thế là họ đứng đấy căm ghét nhau, mà không hiểu được vì sao.

Rồi trong gian phòng im lặng mà hai người trao đổi tâm tư, họ bỗng cảm thấy xúc động vì nhau. Có những lúc người đàn ông đàn độn và ghê tởm này bỗng dựng run lên, người đàn bà nhận thấy vậy. Liệu anh có bình tâm lại nếu ta hôn anh ấy, mặc cho mùi rượu và thuốc lá nồng nặc hay hàm răng cái mả, hôn anh ấy thắm thiết, như ta vẫn ngại không dám hôn một người nào, hay anh lại cộng cái bí mật này vào những điều mà anh đã khắc cốt ghi tâm? Vì thế người đàn bà tiếp tục xoắn vặn những chiếc nhẫn của mình. Và người đàn ông thương hại cô, nhớ lại mình đã run bắn như thế nào

trên một chiếc tàu hỏa chở hàng xinh xịch chạy về phương Bắc trong đêm tối, biết rõ ở đây chẳng có gì cả.

- Anh đi đây, - Ray Parker nói, nhặt chiếc mũ diêm dúa lên. - Thế này tạm ổn.

- Tạm biệt, Ray. - Cô nói.

Cô để mặc cho hấn tự tìm lấy lối ra, sau khi đã suy nghĩ kỹ, nhất quyết rằng việc đó đơn giản thôi và chả có gì hấn có thể thó được.

Hấn vừa đi khỏi, cô vội ngồi xuống ghế.

Cơ thể cô lặng yên, nhưng bên trong cô đang lao về phía mình, như thể cô là một cái tủ, để lôi các đức tính ra khỏi ngăn kéo, và tìm một cái gì tốt đẹp. Nhiều người hàm ơn cô, những người tốt, thấp kém đã nói rằng cô là người tốt, vậy thì cô phải là người tốt. Con mắt người đời nhìn rõ hơn mắt của bản thân, hay mắt của anh trai mình. Chẳng qua đó là điều bỗng dưng nhảy vào đầu anh ấy, cô tự nhủ, và chỉ nói để tỏ ra thông minh. Nhưng một mùi vị kim loại đã tràn vào mồm cô. Cô chỉ muốn nhổ cái lưỡi ra, cái lưỡi bằng kim loại mỏng và đắng. Thế rồi cô bị đau đầu. Cô cảm thấy mình hâm hấp sốt. Cô uống một viên aspirin. Cô lấy một vài cuốn sách.

- Thưa bà, tôi mang trà lên, - người hầu đứng tuổi nói. Bà ta đặt khay trà lên chiếc bàn con.

Những thói quen Thelma Forsdyke đã chọn lựa hết sức cẩn thận không có tác dụng bao nhiêu. Có một tội ác nào đó mình đã quên, cô cảm thấy như vậy, trong khi cô tìm kiếm giữa những dòng chữ, vì cô thường liếc mắt vào sách khi dùng trà, tay phải khỏi trang sách

những mẩu bánh và bơ rất bé. Hoảng lên - cô tự nhủ - bởi một tên ngu dốt và thô lậu, thật vô lý. Cô đọc vài ba chữ. Song cô hoàn toàn thất bại. Vậy bên trong cô có gì? Cô tự hỏi. Mấy ngón tay thon dài của cô run lên. Những đợt sóng hoài nghi rúng động tâm hồn cô khi cô đọc một cuốn thơ mua bừa trong một cửa hiệu, cô hài lòng về sự lĩnh hội của mình:

*“Kìa, như một trận gió qua rừng cuồng loạn,  
Thổi ào ào cơn bão của đời;...”*

Đó là một bài thơ lạnh giá. Những lời thơ như thổi mạnh qua chiếc áo mềm mại của cô, quét lên tâm trí cô, để lại một cảm giác tê dại, nhưng cũng là một sự sáng tỏ kỳ lạ. Cô đọc với sự mê hoặc ảm đạm.

*“Cây người đó chẳng hề yên tĩnh  
Xưa là người La Mã, nay tôi”.*

Có lẽ, cô cảm thấy, phải trí thức, chứ không phải aspirin hay ephedrine<sup>[5]</sup> mới mang lại sự khuây khỏa. Vì thế cô đọc tiếp qua kẽ răng:

*“Cơn bão lốc thổi cây non gập lại  
Thôi điên cuồng, nhưng sẽ chóng nguôi tan:  
Người La Mã với nỗi đau quần quại  
Dưới Uricon còn lại nắm tro tàn<sup>[6]</sup>.”*

Đọc xong bài thơ cô vẫn ngồi lại. Chẳng có gì để cô có thể gọi điện và yêu cầu. Chưa cảm thức được hết bài thơ, cô cay đắng oán trách cha mẹ đã đặt cô vào cái tình cảnh hiện nay. Cô cũng oán trách Chúa đang lừa dối cô.

Cuối cùng chồng cô bước vào với tờ báo buổi chiều. Ông nói:

- Tối nay nom em xanh xao quá, Thelma ạ.

Tay sửa lại vị trí của một bản tranh khắc treo trên tường, ông hỏi:

- Em thấy khó ở phải không?

Tay sờ vào bản tranh khắc. Vợ chồng Forsdyke mua nó bởi vì họ chẳng dám chọn một bức họa.

- Gió mùa đông bắc đấy thôi.

Đúng là có một đợt gió khó chịu. Những lớp sóng nhỏ xám xịt tô điểm cho làn nước trong vịnh. Cát cào vào các khung cửa sổ.

- Ray vừa ở đây, - cô nói. - Ray, anh trai em ấy mà.

- Anh ta cần gì? - Viên luật sư hỏi, ưỡn cái bụng lên, vẻ bức tức.

- Chẳng có gì cả. - Cô nói.

Bây giờ mà luyện tập trò lương thiện thì quá muộn rồi, cô quyết định, biết làm sao đây.

- Chúng em trao đổi vài chuyện, - cô nói. - Anh ấy sắp lấy vợ.

- Thế hai người bàn những gì? - Dudley Forsdyke hỏi. Anh ta quên băng tờ báo buổi chiều.

- À, chuyện gia đình ấy mà. - Cô nói.

- Thế tại sao em lại bối rối vậy, em thân yêu?



- Ray bao giờ cũng nhiều sự. Anh ấy tác động tới em. Anh ấy xung khắc với em. Kiểu như thế. - Thelma Forsdyke nói.

Viên luật sư đặt tờ báo vẫn còn nóng trên tay xuống. Anh đi đi lại lại, vừa xoa tay. Anh rất mong muốn gặp người anh vợ của mình. Bất cứ ai chưa từng xâm phạm hay bị xâm phạm, cũng giống nhau, đều có lúc tò mò. Dudley Forsdyke là một người khô khan, nhưng chân chính. Vì thế ông run sợ cho những mảnh sự thật, để xé chỉ một lần thôi, hay bị xé.

- Anh tiếc là không được gặp anh ấy.

Ray Parker chắc chắn phải nổi một đường gân trên trán.

- Anh ấy thực là một con người thô bạo. - Thelma nói.

- Dẫn sao, anh ấy cũng là anh rể.

Hai anh em, em rể và anh vợ, sẽ trao đổi những kinh nghiệm thân mật gì với nhau khi đi xuống bậc thềm đá? Viên luật sư đã đoán được qua một vài nhận xét của vợ rằng Ray Parker là một người béo tốt.

Anh cảm thấy như có một bàn tay đặt vào hông.

- Dẫn sao, em cũng mừng là anh không gặp anh ấy. - Người vợ nói.

Cô cảm thấy mệt mỏi.

- Em đi nằm đây. - Cô nói. - Em không bận tâm về bữa tối đâu.

Anh hôn cô, như họ vẫn làm vào những khoảng thời gian trống, và đi vào phòng ăn món cá. Trong sự im lặng của người hầu đứng tuổi, tên là Dorothy, anh không còn bị sự tự hủy hoại ám ảnh nữa. Sự thận trọng trở lại, còn cao hơn sự thận trọng của người đàn bà cứng nhắc đang cúi xuống và thở trên người anh, cho đến khi hai tính thận trọng sinh đôi gặp nhau, quện vào nhau trong sự thán phục lẫn nhau. Bằng cách đó viên luật sư được đưa trở lại bề mặt mà anh vẫn quen nổi trên đó.

Sau đó ít lâu, bà Forsdyke thấy cần thiết phải đi thăm mẹ một lần nữa. Tuy có những lúc cô oán trách mẹ vì đã sinh ra mình, song cô vẫn khát khao được trở về lòng mẹ. Thế là cô lái xe về nhà, và hai mẹ con lại trò chuyện với nhau trên hiên nhà, nơi gặp gỡ quen thuộc của hai người.

- Mẹ rất tiếc là con đã không đến dự đám cưới. - Bà mẹ nói, bắt đầu thích chuyện trò, thắt chặt thêm quan hệ, trong đó ngay cả những vết rạn cũng trở thành thú vị.

- Con không được mời, - cô con gái nói, bắn khoăn không rõ mình có hơi bị xúc phạm không.

- Mẹ vẫn nghĩ rằng mọi bất đồng đều được bỏ qua để chuẩn bị cho đám cưới. - Bà lão nói. - Song mọi người vẫn giữ ý kiến của mình. Ray đã làm lại cuộc đời.

Người mẹ đã quyết định điều này. Bà vốn không hiểu rõ bản thân mình nên cũng chẳng nghi ngờ gì. Hoặc giả bà cụp mí mắt xuống mỗi khi nghi ngờ, cụp xuống trên chính cuộc đời mình, do đó về mặt

bà nom thật thà. Khi đăm đăm nhìn ra bên ngoài, bà quyết tâm nhìn tất cả những gì mang đến cho bà niềm hy vọng. Bà nói:

- Đám cưới vui lắm. Ông Tarbutt là một người bán tạp phẩm ở Leichardt. Có nhiều tặng phẩm đẹp. Có người tặng cả một hộp dao đĩa bằng bạc. Dĩ nhiên Ray phấn khởi ra mặt. Mọi người rất thích Ray. Nó còn hát nữa. Con có biết là Ray biết hát không? Hình như bây giờ nó khảm khá lắm.

Thelma Forsdyke lúc đó đã ngồi xuống rìa hành lang, giờ cô tự tin làm những cử chỉ kém trang nhã; nét mặt cô lộ rõ vẻ hoài nghi mà ánh nắng chiều đông thường mang lại. Ánh nắng, cô phát hiện ra với lòng biết ơn, là một kho báu không hề bị thời gian làm giảm giá trị.

Mẹ cô nói tiếp:

- Có cả một khúc giảm bông to tướng, thái thành lát mỏng để mọi người tự đến lấy ăn.

- Thế còn Elsie? - Thelma hỏi.

- Elsie không xinh đẹp, - bà Parker nói. - Nhưng con bé đúng là người Ray muốn. Nó sẽ là một bà vợ cừ.

- Chị ấy là người theo Hội Giám lý. - Thelma nói.

- Con cũng biết à?

- Và mẹ không thích chị ấy.

- Điều đó thì con không hiểu rồi, bởi vì nó không đúng. - Amy Parker nói, xoay người trong chiếc ghế khiến nó kêu cọt két. Bà xem xét chiếc gậy như để lần đầu mới. - Hoặc giả điều đó là đúng thì chẳng mấy chốc mẹ sẽ làm cho nó không còn như thế nữa. Elsie quả là một cô gái tuyệt vời.

Những người khác cuối cùng đã thắng thế. Amy Parker đã dự các đám cưới, đám cưới con trai bà, và đám cưới của những thanh niên khác. Bà dõi nhìn những người đang khiêu vũ. Bà ăn bánh kem màu hồng, nghe nó lạo xạo trong mồm. Một vài chiếc có cát. Bà đi dự đám cưới nhưng không thích lắm, mặc dù những đám cưới đó rất vui và đẹp. Mấy dịp ấy, những động tác khiêu vũ và những cuộc đàm thoại diễn ra phức tạp, đã tách quá xa khỏi bức tranh khảm yên tĩnh hiện tại của bà. Chính bà đã ghép bức tranh khảm đó. Bà không tin vào cái mình không tạo nên, như bánh ngọt hay tập quán.

Bởi vậy bà dõi theo Elsie. Dưới cánh hoa cam, ở hai bên thái dương, những lỗ chân lông nom khá to trên là da dày thô màu kem. Elsie có khuôn mặt bèn bẹt nhưng hiền lành. Cô đang chờ đợi điều gì đó khi cô tiến gần lại để nói chuyện. Cô cười vang khi nghe bông đùa, vì nó là như vậy. Rồi nín thinh, bởi nó đã chấm dứt. Cô có một khuôn mặt kín đáo chờ đợi được mở ra. Suốt thời gian đó, làn da sữa màu kem của cô khao khát được âu yếm nâng niu.

Amy Parker nhận ra rằng Elsie thật bơ vơ. Bà nhìn thẳng vào đôi kính của Elsie, xuyên qua những mắt kính dày cộm mà cô buộc phải đeo, và thấy cô gái chẳng có gì để che giấu. Điều này khiến cho bà già bối rối. Bà không thể tin được.

Thelma Forsdyke ngồi ở thềm hiên. Cô mang đôi bốt bằng da cá sấu, do hiệu Tennyson thừa riêng cho cô. Cô che mặt cho khỏi chói nắng, Elsie và toàn bộ buổi lễ của đám người bình thường kia cũng ám ảnh cô. Cô cũng có thể tự xoay tròn, với những động tác nhanh thoăn thoắt, tự bảo vệ mình trước chàng rể kia! Đám đồ bạc kia chắc là mạ, cô ngẫm nghĩ, với những tay cầm chạm nổi, kiểu gì cũng chóng mờ.

Nhưng tại sao anh ấy lại cưới Elsie? Thelma thắc mắc.

Ray Parker cưới Elsie Tarbutt như thế đó. Một tối hắn đi qua công viên ở ngoại ô nơi Elsie sống. Đó là một đêm trăng, trừ những thân cây đen bóng cũng vững chãi và đầy chất nhựa. Một con ngựa già ăn cỏ ở khoảnh đất hình trái xoan đang gặm nhấm cái yên tĩnh, vẻ ngây thơ nặng nề và mệt mỏi của nó theo đuôi, trêu chọc người đàn ông đang đi bộ. Hắn nhìn thấy những sợi lông bông xuống từ nách cành cây, những chiếc bầy chim dài và bất động. Hắn bắt đầu không thể chịu nổi. Hắn xoay xoay số tiền trong túi. Bằng giờ này ngày mai ta sẽ tự do, hắn nói một cách ngớ ngẩn. Hắn đi qua công viên rộng lớn, dọc theo đường rải nhựa, tiếng bước chân dài, bèn bệt nện vào tai hắn.

Rồi có tiếng bước chân khác. Hắn nghe thấy. Tiếng bước chân của hắn pha lẫn tiếng bước chân ấy. Sau đó là một cuộc đấu tranh dữ dội để tìm ra hay để mất, trong khu công viên trống trải màu trắng.

Khi hắn tiến lại gần, điều mà hắn đang cố sức làm, người đàn bà hay cô gái ngoảnh mặt đi chỗ khác để tránh nhìn một cái gì khiến nàng khiếp sợ. Nàng đội một cái mũ to, màu đen, mà lúc này nàng

đang kéo sụp xuống mặc dù không có gió, bóng dáng nàng công  
kênh và đen sẫm, tuy có lẽ không đen. Sự trong sáng bình lặng của  
ánh trăng đã tẩy trắng mọi màu sắc bằng sức mạnh của nó.

- Tôi muốn đi cùng cô, - Ray Parker nói, sánh vai người con gái.

Nàng nín thở. Nàng run lên vì kinh hãi.

- Để chuyện trò với cô. - Hấn nói.

Tại sao chẳng bao giờ có thể nói điều ấy?

- Đi đi, - cô gái nói. - Rời ngay.

Tất tả cất bước.

Hấn rơi lại đằng sau. Hai bắp chân nàng nom chắc nịch trong đôi  
tất dài sẫm lại dưới ánh trăng. Hấn nhìn thấy khuôn mặt của nàng,  
một lần thôi, với những nét hư ảo dưới mặt trăng.

Cô gái vội vã bước đi, và khi họ đi đến cuối công viên, hấn cảm  
thấy mình sẽ không bao giờ có thể đổ tội của hấn cho bất cứ ai. Khi  
điều này trở nên cấp bách. Phải nói cho cô gái này nghe.

Lúc đó cô gái lên vào một ngôi nhà vuông ở rìa công viên, đằng  
sau vài cây ngô đồng, cạnh một cửa hiệu. Nàng đi đến đó và ngoái  
lại nhìn. Gương mặt bèn bẹt trắng bệch của nàng những muốn lắng  
nghe. Nhưng cánh cửa đã nuốt chửng nó.

Ray Parker trở lại nơi ấy, quần quanh ngôi nhà và cửa hiệu tạp  
hóa. Một lần, từ một ngõ hẻm ở sau nhà, hấn dõi nhìn cô gái đang  
rửa bát đĩa. Nàng là một cô gái giản dị, nhưng nàng đã trở nên cần

thiết đối với hắn. Khi nàng lau khô tay, hắn thấy rõ chẳng còn có lý do gì mà nàng cứ nán bên cửa sổ, hắn băn khoăn không biết mình sẽ tiếp tục làm gì.

Rồi dần dà do quen thuộc, và vì bản thân người ta cũng không tin vào tội lỗi đủ để từ chối hắn, hắn được cho vào nhà. Thế là tối tối, hắn ngồi tiếp ông bố bán tạp hóa, vốn thích nói chuyện. Khi hắn cầu hôn cô con gái, thậm chí thú nhận với nàng về mấy tội vạ của mình, nàng cân nhắc vấn đề này rất nghiêm túc, nàng cầu kinh trong phòng về chuyện đó, giữa những sách báo về tôn giáo và những vật kỉ niệm của thời học trung học. Tầm quan trọng của vấn đề đè nặng lên khuôn mặt tha thiết của nàng, nhưng nàng quyết định nhận lời, cho dù nàng bị giày vò biết mấy. Elsie Tarbutt là loại con gái như thế. Nàng mong muốn làm một điều gì đó quá sức mình, và chắc hẳn việc này là điều ấy. Trở thành một nhà truyền giáo có lẽ ít bề mặt hơn, vì thế nàng chọn Ray Parker.

- Em sẽ kết hôn với anh, Ray ạ, - nàng nói, ngẩng khuôn mặt mơ màng như thể đang ngủ.

Hắn không hề mong đợi sự việc xảy ra như vậy và hầu như giật nảy người, nhưng cuối cùng hắn đã hôn nàng.

Hai người sống trong nhà, hay dinh thự, như nhiều người vẫn gọi, của người chủ hiệu tạp hóa, bởi vì ông là một người có của nhưng không kiêu căng. Đôi vợ chồng trẻ, như người ta vẫn gọi không hề có ác ý, có phòng riêng của họ, nơi người chồng cố gắng để sống. Buổi tối người vợ khâu vá hoặc đọc sách. Nàng đọc cho hắn nghe những đoạn trong sách Phúc âm. Một ngày gần đây ta sẽ kể cho nàng tất cả về ta, hắn tự nhủ, rồi xin nàng tha thứ. Trong khi

nàng đọc, hấn cố gắng đi lại nhẹ nhàng qua các tấm thảm màu nâu, hay ngồi rướn về phía trước trên ghế, đôi bàn tay đan vào nhau giữa hai đầu gối dẹt ra, gân nổi trên vàng trán.

Hấn lắng nghe, những sự thực về niềm tin là những thắt nút không thể gỡ được. Bản thân hấn cũng bị thắt nút chặt.

Nhưng Elsie Parker rất hạnh phúc, nàng tin như vậy. Ngay cả ở cái tuổi này, nàng cũng vẫn vững tin rằng buồn đau là một niềm hạnh phúc ta phải gánh chịu. Vì thế thân hình mập mạp của nàng tỏ ra ngoan ngoãn, nếu không phải là quy phục, trái với bản chất của nó. Dĩ nhiên nàng mang thai rất nhanh, và sinh được một chú bé mảnh khảnh được đặt theo tên của bố nó.

Căn phòng nơi người bố và người mẹ sống bắt đầu đượm một mùi hương ngây thơ non trẻ, khiến người đàn ông không thể chịu đựng được hơn. Hấn có nghĩa gì đối với đứa bé này, ngoài gốc gác ra? Trò đùa khủng khiếp về trách nhiệm đè nặng lên người hấn. Những tối mùa hè, dưới lùm cây lốm đốm, người qua lại trên đường phố, cười vang qua cửa miệng lặng thinh. Hoặc ngẩng lên nhìn ra xa, như thể hấn không tồn tại, nhìn hấn bằng đôi mắt mù lòa. Có một lần hấn chạy xuống, băng qua các con phố, để gặp một anh chàng tên là Kennedy, trước đây từng làm ăn với hấn, và đi một chặng đường dài trên cỗ xe ngựa của Kennedy, để thực hiện một vụ giao dịch cũng của Kennedy, ở một ngôi nhà hẻo lánh. Ray Parker, người bạn đi cùng, ngồi chờ trong xe, trong mùi dạ nỉ nóng bức, đợi người kia quay lại. Hấn không thuộc về nơi đó. Hấn không thể thoát khỏi cuộc đời mình. Chẳng ai thêm đưa hấn vào cuộc đời họ.



Nhất là Elsie. Thế nhưng nàng cầu nguyện cho hắn, sau khi chải tóc.

Một lần, đứng thẳng trong chiếc váy ngủ có dây viền rất dài, nàng nói:

- Em muốn chúng ta cùng cầu nguyện, Ray ạ.

- Không. - Hắn nói.

Hắn trở lại với bản chất thô bỉ của mình.

- Anh chẳng chịu để em giúp đỡ anh gì cả. - Nàng nói, vừa cầm tay hắn.

Hắn thờ phì. Hắn nổi giận vì thấy mình không thể tự giúp mình. Hắn nói:

- Các người thích nghĩ rằng bọn này đang đấm mình trong tội lỗi để đọai các người cứu vớt.

Nhưng nàng không muốn lòng tin của mình bị xúc phạm. Thế là nàng bỏ đi chỗ khác.

Một lần, sau khi đưa con ra đời, sau khi nàng trở lại làm việc, nàng thuyết phục hắn đi với nàng đến một cuộc họp. Cuộc họp này được tiến hành trong một hội trường, gần đây trông xập xệ đi, nhiều đồ đạc bằng gỗ bị rộp, xi măng giữa những hàng gạch bị lở. Khi họ vào bên trong, đôi vợ chồng trẻ ngồi xuống chiếc ghế dài màu nâu, hay đúng hơn là Ray đã ngồi xuống, vì Elsie đứng dậy ngay, để chia sẻ ánh hào quang của nàng với các sinh viên, với các cô gái và các

bà đứng tuổi, những người đến đây làm nhân chứng. Nàng cảm thấy khuây khỏa - hẳn nghĩ rằng hẳn nhận ra điều đó - khi được nói thứ ngôn ngữ bí mật với những người học nó, hay đúng hơn, vừa đề ra đã thạo. Thế rồi anh chồm trở nên ủ rũ, nhìn mấy ngón chân, di mạnh hai bàn chân thành tiếng trên sàn gỗ ram ráp, như thể đang nghiền tất cái đầu thuốc lá. Hẳn ngồi thườn thọt trên chiếc ghế dài, giận dữ hỏi thăm: những kẻ này thì biết được cái gì, có thể có được lòng tin gì, một khi họ chưa hề sống? Hoặc các bà đứng tuổi. Hẳn nhìn thấu họ qua những cổ áo sơ mi kín đáo, đến tận bộ ngực, những bộ ngực không hề gợi cảm. Hẳn thở phì, chặc lưỡi, đụng vào một chiếc răng lẽ ra đã được hàn, chỉ vì hẳn hoãn lại.

Trong suốt thời gian đó những người đến dự cuộc họp tiếp tục nói cười, cho đến khi những người thực thi sứ mệnh tập họp trên cái sân khấu nhỏ. Elsie, một người trong số đó, mỉm cười với chồng, nhưng nụ cười xa xôi quá, như thể nàng phải căng mắt nhìn những thứ ấy. Và họ đã hát về tội lỗi và nước thánh. Cũng có những người cầu kinh, nhưng ở chốn ấy họ vụng về. Thế là Ray bắt đầu trở nên hung hăng. Tính dâm dăng của hẳn bốc lên. Hẳn khám phá ra những hành động bạo lực kỳ lạ mà hẳn đã phạm và đã quên. Toàn bộ ý niệm về việc cải tà quy chính, dường như từng là một điều ao ước, đã trở nên ghê tởm khi được đưa ra như một sự cứu rỗi.

Có lẽ Elsie đã bắt đầu cảm thấy điều này trước khi nàng đứng lên, khi đến lượt nàng hát. Nàng có một giọng nữ trầm chân chất, dễ nghe, nếu không phải là xuất sắc, làm xúc động một số người. Chồng nàng đứng đấy đánh một nhịp khác với mũi giày, khiến ông quần đung đưa. Mệt mỏi vì sự thờ ơ, hẳn ghê tởm nhận thấy chiếc váy len dài màu xanh lục nàng mặc mỗi khi có dịp, và chiếc vòng tay

bằng vàng thô nặng mà bà nàng, một phụ nữ người Anh, đã để lại. Hai cổ tay nàng căng lên khi hát. Jerusalem này là cái gì? Hấn tự hỏi, sao vững chãi thế, để mà làm gì. Song mọi người đều bị thuyết phục, mọi người trừ Ray, và bây giờ có lẽ cả Elsie. Hấn không thể thôi không bàng hoàng nhìn vợ.

Cuộc họp chấm dứt đúng lúc, sau bài phát biểu của một vị mục sư bên chiếc bàn con, mà trên đó một người đàn bà nào đó đã bày một chiếc cốc thủy tinh cắm hoa hồng nở xòe.

Ray đi ra ngoài để hút thuốc và để thư thả duỗi chân. Hấn nhả khói thuốc lên các vì sao. Hấn hút mấy điếu thuốc liền, cho đến khi ngửi thấy mùi nicotine trên đầu ngón tay. Trên ngón trỏ của hấn cũng có một vết chai, hấn cắn vào đó rồi phun ra miếng da cứng và đắng. Hấn không biết hấn đang ở đâu, chỉ biết là một cái sân sau nào đó. Đối diện với hấn, trong khung cửa sổ một ngôi nhà, một ông lão đang thận trọng bóc một cuộn tiền và giấu nó dưới đáy lọ đựng thuốc lá. Kẻ quan sát vừa thở qua làn khói thuốc vừa nhủ thầm: Cái đầu của lão già kia sẽ bị bỏ đôi như chiếc cùi ngô. Đoạn hấn khẽ run, vì cảm thấy bồn chồn, lo ngại rằng ngay cả hấn cũng có thể là hạng rẻ mạt.

Sau khi hấn trở lại trong phòng và thấy vợ - nàng đã khoác chiếc áo ngoài lên bộ váy màu xanh lục, đang ngồi đợi trong căn phòng hầu như trống trải, họ cùng nhau đi về nhà, nơi mẹ nàng vừa chợp mắt ngủ và đứa trẻ đang khóc.

Elsie bắt đầu thay khăn ăn, đi đi lại lại, làm những việc cần thiết cho đứa bé. Nàng vốn không hay hỏi chồng, nhưng lần này nàng nói

bằng một giọng yếu ớt - vì hắn đã làm nàng yếu đi khi cứ chăm chăm nhìn nàng:

- Thế anh không thích cuộc họp à?

Hắn đang ngồi bên mép giường hút điếu thuốc cuối cùng.

- Đó không phải là cái ta có thể *thích* hay *không thích*, - Hắn vừa nói vừa xê dịch hai bàn chân trần. - Nhưng anh đã ngáy đến tận cổ.

Chiếc áo pyjama của hắn phanh trước ngực, một bộ ngực đầy lông.

Nàng tự nhủ: mình sẽ không nhìn anh ấy. Còn một số bồn phận phải hoàn thành. Nàng ngồi xuống và cho con bú.

Nàng cũng muốn được phấn chấn. Song mình chẳng nhận được bao nhiêu ưu ái - nàng tự nhủ - có lẽ số mình là bị người đàn ông này đánh bại sớm. Nàng cho con bú xong và bắt đầu gấp các thứ. Dưới ánh sáng lúc ấy da nàng biến thành màu kem, nhưng sau này có thể nói là nàng có vẻ mặt nhợt nhạt.

Elsie Parker thường hay đưa con đến Durilgai thăm ông bà, cố làm mình thích thú cái bồn phận này. Nàng khoan thai đi xuống con đường đất ấy, con đường mà chẳng xe buýt nào chạy qua. Nàng xăm xăm bước, tay ôm đứa bé ủ trong chiếc tã nàng giữ rất sạch. Hay sau này, khi đứa bé đã chập chững đi, chính nàng cũng bước chập chững, bế hờ đứa bé bên hông. thỉnh thoảng dừng lại để thở, nàng đưa tay vuốt ngược mấy sợi tóc xoắn xuống đôi mắt trong sáng của đứa bé để ngắm nhìn nó. Về sau này nàng vẫn đi thơ thẩn, nhìn vô định trên những cánh đồng, trong khi đứa bé, lúc này đã thành

một thằng cu, chạy bên cạnh, hoặc lang thang, hoặc dừng lại, rồi tung tăng chạy lại với mẹ, hỏi tên các côn trùng và cây cối.

- Mẹ chẳng biết những thứ này đâu. Ông có lẽ biết. - Nàng nửa như nói với con nửa lại không, đồng thời tự hỏi có điều gì thì mình biết.

Nhưng thằng bé không bị sự dốt nát của mẹ đánh lừa. Nó không quan tâm lắm đến những câu trả lời. Bản thân sự vật đã đủ rồi. Thế là nó chạy tiếp, tay cầm cành lá, hay cọng lông chim, trong khi mẹ nó chỉ tập trung vào đi đến nơi, những phát hiện mới kéo dài vô tận sự tồn tại của nó.

Gần như lần nào hai mẹ con về, bà nội cũng vừa lấy mẻ bánh hạnh nhân ra khỏi lò, bà ra cửa đón, người sực mùi bánh ngọt và nói: “Mẹ con đã về rồi.”

Người mẹ trẻ bắt đầu kể lại vài chi tiết của chuyến đi, chính xác mà nhạt nhẽo, chẳng ai buồn nghe. Nhưng nàng vẫn kể say sưa vì cảm thấy người ta mong đợi ở nàng điều gì đó. Bà mỉm cười nhìn ra ngoài cánh đồng. Thằng bé cũng mỉm cười, vừa lôi bút tắt ra khỏi chân vừa thở hỏn hển. Suốt từ lúc nó đến, bà nội không hề hỏi nó câu nào, hay nhìn thẳng vào mặt nó, chắc chắn bà cũng không hôn nó, bởi cả hai đều kìm nén vì những giây phút thân mật tế nhị hơn.

Amy Parker không có ý định chiếm hữu đứa bé xa cách này, nhưng rất cuộc nó lại trở nên thân thiết hơn đứa con của bà. Bà rất bình thản với nó. Bà đương nhiên là một bà già. Như thế dễ dàng hơn. Ngay cả trong những giây phút trớ trêu, hay khi bà có linh tính rằng chú bé này cuối cùng sẽ làm hoặc nói một điều tàn nhẫn nào

đó, hoặc mang trong người nó một điều bí mật bà không sao giải đáp được, sự viên mãn của bà vẫn không bị quấy rầy. Bà đi bộ trong vườn, vuốt ve hai cánh tay áo len.

Đôi khi bà đưa đứa bé vào nhà và cho nó xem thứ này thứ nọ. Có một thuyết thần bí về đồ vật, mà một số người vừa mới thụ giáo, như bà cụ và chú bé này.

- Lại đây, - bà nói, - bà cho cháu xem cái này.

Bà không gọi tên nó, cái tên giống bố nó. Chỉ có người lạ mới gọi nó bằng cái tên ấy.

- Cái gì đây ạ? - Nó hỏi.

Bà vừa thở mạnh vừa mở cái hộp.

- Cái gì vậy? - Nó hỏi, lấy ngón tay sờ vào, hàng mi đổ bóng trên đôi má.

Bà nhận thấy thằng bé xanh xao.

Trong hộp có mấy bông hoa đã khô giòn, đó là hoa cúc La Mã, đúng thế, bà đã hái để pha trà chữa đau dạ dày. Có cả những mảnh thủy tinh vỡ màu đỏ.

- Mảnh thủy tinh gì thế ạ? - Nó hỏi.

- Của một chú bé mà người ta vớt được trong trận lụt, - Bà nói. - Vào một đêm ở Wullunya, ai cũng đến để xem nước lũ, và ông cháu đang cứu vớt những người bị nạn. Bà nghĩ rằng ông bà có thể giữ đứa bé lại. Cháu biết rồi đấy, nhận làm con nuôi. Nhưng ông cháu

không đồng ý. Dẫu sao thằng bé cũng bỏ đi. Một buổi sáng nó biến mất. Nó không thích ở đây. Và nó để lại mảnh thủy tinh này.

- Thế nó làm gì với mảnh thủy tinh ạ? - Đứa cháu hỏi. Nó cầm mảnh thủy tinh lên và nhìn qua đó. Một màu đỏ thắm chảy trên khuôn mặt nó, trừ ở các gờ màu xanh lục nhạt. Đó là màu xanh xao mà miếng thủy tinh màu đỏ thắm không tài nào hút hết được.

- Đứa bé cũng nhìn qua miếng thủy tinh, giống hệt như thế. Cháu xanh lăm. - Bà nói, đưa tay sờ chân tóc ở cái trán nham nháp mồ hôi của nó.

- Cháu không xanh đâu. - Nó thét lên, vung miếng thủy tinh. - Hoặc nếu cháu xanh xao thật, là do để ra đã vậy.

- Đương nhiên là thế. - Bà nói với một giọng mỉa mai, đặc biệt đối với chú bé. Và điều đó không làm nó tự ái.

- Cháu có thể giữ miếng thủy tinh này được không? - Nó hỏi, mắt vẫn nhìn vào đó.

- Cháu sẽ làm gì? - Bà hỏi.

- Cháu sẽ giữ nó, như một vật bí mật. - Nó vừa nói vừa vụng về di di hai bàn chân.

- Nhưng bà cần phải biết về điều đó.

- Chẳng hệ trọng gì lắm. Dẫu sao bà cũng già rồi.

- Bà cháu ta sẽ có một bí mật chung. - Bà nói, với niềm vui thú bà không muốn giấu, vì chẳng có ai khác ở đây.

Hồi tưởng lại, bà không nhớ mình đã từng chia sẻ với ai điều bí mật nào. Điều bí mật của bà được giữ kín trong lòng bà, giống như những thỏi chì.

Bà đưa nó vào chạn thức ăn thông với nhà bếp, phòng này là một trong những phòng vừa mới xây thêm, đúng ra là một hành lang đầy giá treo. Ở cuối phòng có một cửa sổ để đón không khí mùa hè, sau khi nó được lọc qua những phiến gỗ, hay đón một tia sáng mỏng manh, thận trọng vào mùa đông. Ở đây bà nội trợ cho con trai mình, quả thật đã nó như con trai của bà, xem các cái vại và chum muối thịt, cùng một chiếc bẫy bằng thủy tinh để bắt ruồi. Có rất nhiều vại, kim quất hoặc châu báu lấp lánh bên trong. Thằng bé dán mắt vào cái vại, nhìn chăm chăm vào quả kim quất cho đến khi thấy hoa cả mắt.

- Còn nguyên cả. - Nó tự nói cho mình nghe.

- Phải rồi, - bà cụ thờ dài, bà đã phát ngáy cái trò chỉ trở và chỉ muốn đi ra, ngồi xuống nghỉ ngơi. - Cháu lấy chiếc kim khâu len mà chích vào nó. Như thế sẽ giữ được vị ngọt. Nếu không thì ăn sẽ đắng lắm. Rất lười lắm. Cháu thử xem.

- Không. - Nó nói. - Cảm ơn bà.

Nó nhìn những vật khác.

Liệu thằng bé có khác người không? Bà tự hỏi. Con trai đứa nào cũng ăn kim quất, nước đường chảy ròng ròng hai bên mép. Hai môi của Ray, bố nó, cứ đỏ hồng. Hễ ăn kẹo hay chất mỡ là cứ bóng



nhảy lên. Trước kia nó vẫn thích ăn mỡ trên thịt lợn xông khói. Còn thằng bé này thì gầy gò, xanh xao.

- Cháu xem bên trong cái ống bơ trên kia có được không? - Nó hỏi.

Đó là một hộp sắt tây có hình những bông hoa nhỏ. Quà tặng của người chủ hiệu tạp hóa, có lẽ là một món quà Noel, bà quên mất rồi. Bà lấy hộp xuống. Trong đó có một ít hạt giống, có thể là hạt mấu đơn. Bà cắn vỡ mấy hạt, để thử xem, và phun ra.

- Đây là những thứ vứt đi, - bà nói, - bà quên khuấy mất.

Có những thứ khác bà đã quên, như các vại đựng đồ đã trở mùi mà thằng bé lục lọi thấy, những khi nó ở một mình, chẳng nói gì cả. Nó yêu bà, yêu thầm lặng, đó là lẽ đương nhiên. Có lần nó nghe bà nó ợ vào một buổi chiều, rồi giấu kín điều ấy, thậm chí cả với bản thân.

- Cháu có thể giữ chiếc hộp này không? - Nó hỏi.

- Nếu cháu muốn. - Bà nói, hoặc ngáp, vì bà buồn ngủ và thường hay chợp mắt vào giờ ấy, không hẳn là ngủ, bởi vì bà chưa già hẳn, tuy nhiên bà muốn ngả lưng vào ghế, mắt nhắm lại. - Cháu sẽ làm gì với một chiếc hộp như thế? - Bà hỏi.

- Cháu sẽ đựng bút chì. Cháu có mười lăm chiếc không kể bút chì màu.

- Cháu làm gì mà có lắm bút chì thế? - Bà hỏi, bà cũng có một mẫu trong ô kéo và vẫn dùng khi cần thiết.

- Để viết. - Nó trả lời.

- Viết cái gì? - Bà hỏi.

Nhưng nó đang mãi nhặt nhanh trong đám đồ gỗ.

- Bà sẽ cho cháu một cuốn vở để cháu viết. - Bà nói. - Bà mua cho bố cháu, nhưng bố cháu không dùng. Thế là ông giữ, bà chẳng biết tại sao.

Ông bảo để làm danh sách gì đó. Thế rồi bà tìm thấy nó trong ngăn kéo, vẫn chẳng viết chữ nào.

Nó cảm ơn bà. Nhưng nó mệt chẳng buồn chuyện trò nữa.

Bà cũng mệt. Vậy là hai bà cháu rời khỏi cái chạn với những vại quả. Nó là một chú bé trầm lặng và xanh xao, bà nói, nếu nó có mệnh hệ nào thì sẽ ra sao. Nếu bà mà năng trò chuyện với bà O'Dowd thì hẳn bà sẽ lo sợ cái điều mà bà hàng xóm cuối cùng rồi sẽ nói ra. Tuy với Thelma mọi việc đều ổn cả.

Bà và cháu đi bộ xuyên qua ngôi nhà. Hồi ấy, trong con mắt của đứa bé, đó vẫn là một ngôi nhà lớn. Chẳng bao lâu, bà lão ngủ thiếp trong chiếc ghế vừa với thân hình bà. Đứa bé mon men qua đám cây con vào những gian phòng quan trọng hơn, bên kia mái nhà và kèo nhà màu xanh lục sủi nhựa là một mái vòm, mà đứa bé nhìn chăm chú đến nỗi có thể biến nó thành một bức tranh khảm màu xanh biển.

Amy Parker ngồi trong chiếc ghế bện, trầm tư hay gà gật. Bà đang nói chuyện với con trai bà. Thật buồn cười, bà nói, chúng ta lại

có thể nói chuyện với nhau, điều này thường là bất khả với người khác. Dưới cây tiêu. Những hạt này là những viên đạn, hấn nói. Đừng bắn vào mẹ, Ray ơi! Con không phải là Ray, hấn cười vang. Con là Ray. Chúng không phải là đạn, chúng là những lời nói. Lời nói là đạn, bà nói, nếu con muốn thế, ta sẽ bắn nó, bắn liên tiếp, và hấn lại đứng lên để nhận thêm đạn. Con đang bắn mẹ đây, hấn nhe răng cười. Những từ ngữ khủng khiếp bắt đầu đối chất với bà, từng tràng dài. Raaaaay. Ăn miếng trả miếng, thằng bé cười vang, bắn vào ai mặc kệ. Bà toát mồ hôi. Stan không phải người Ray yêu, không phải. Thế ông cháu là gì với cháu, ngoại trừ là một lão già suốt ngày đóng đinh trong xưởng mộc, chẳng chịu về dùng bữa trà? Nào nhanh lên, ngoan nào. Bà trề môi ra, nom đến ngốc nghếch.

Amy Parker chạm vào chiếc ghế mây. Bà vừa tỉnh khỏi một giấc ngủ khốn khổ, chỉ được vài phút, nhưng ẩm ướt lạnh lẽo. Bà muốn được gặp một người nào đó bà yêu.

Mà buổi trưa sao vắng vẻ thế.

Thằng bé đã lĩnh đi rồi. Bà nghĩ thầm, đến lúc nào đó mình sẽ không hiểu được nó. Một người đàn ông cao lớn từ con đường mòn tiến lại và coi bà như một trò đùa. Những người có học vấn thường vắt sạch ý nghĩa trong các từ ngữ, đến nỗi chẳng còn sót lại chút màu sắc gì.

Bà lảm bảm và liếm đôi môi.

- Gì thế, mẹ? - Cô con dâu hỏi. Nãy giờ cô đang mài lau mấy cái cốc thủy tinh, bỏ chúng ra một bên, thay giấy lót trên giá đã bẩn, và làm những việc linh tinh.

- Thằng bé đã đi đâu rồi ấy, - Amy Parker nói. - Nó có làm sao không?

Ta có làm sao không? Ý là như thế. Những giấc mơ ban trưa, khi xảy ra, đều tàn nhẫn hơn những giấc mơ ban đêm. Chúng được cuộc sống chung quanh tiếp sức, hành hạ kẻ nằm mơ một cách tàn bạo, vì người ấy bị bức phải từ bỏ giấc mơ.

- Nó chẳng sao cả, con nghĩ thế, - Elsie nói. Lòng tin của cô không cho phép cô dự đoán một điều bất hạnh, trừ cái điều cô gặp phải. - Thằng bé ngoan mà mẹ.

Người thiếu phụ cũng muốn làm cái gì đó để bà mẹ chồng cảm thấy thoải mái hơn, suy tính rằng làm như thế hai người sẽ có thể gặp nhau ở một điểm chung. Cô nhìn bà lão, nghĩ xem có thể làm cái gì đó, nhưng cô thấy ngay không thể được.

Bởi vì Amy Parker không thích Elsie.

Bà ngồi nhìn Elsie đang móc sợi. Bà nhìn chăm chăm vào làn da dày màu kem của cô. Elsie vẫn không ngẩng lên, vì cô luôn cắm cúi vào công việc của mình và vì chẳng có gì phải đề phòng. Đôi lông mày đen bóng không bao giờ nhú lên để tra vấn, chỉ mang vẻ ngây thơ.

Có một lần nét mặt cô rạng rỡ hẳn lên. Cô cười vang và đổ mắt. Điểm mạnh của cô là trình bày, chứ không phải là tự thuật, tuy hình như lúc này có một điều gì đó cô cần nói ra.

- Con có biết một cô gái luôn luôn móc sợi. Lúc nào cô ta cũng bỏ que móc xuống và đếm các mũi móc, nhưng rồi cô lại quên. Vì

thế chẳng đi đến đâu cả. Song cô lại bắt đầu, đủ mọi thứ, lúc thì cái chần, lúc thì mũ trẻ con, cô móc cho các cháu gái. Ô, hình như có một lần cô ấy hoàn thành một món. Đó là một cái khăn lót, vì sau đó bà mẹ đã giúp cô. Tên cô ấy là Ethel Bonnington.

Thật là chán ngắt.

Trời ơi, Amy Parker nhủ thầm, mình chẳng thể hiểu gì cả.

Vào thời kỳ này trong năm, cỏ úa đứng thẳng trên đồng cỏ, hoặc nằm bẹp xuống. Hầu như ngày nào cũng có gió. Chim chóc lượn lờ trong không gian, kêu những tiếng dài và chậm rãi, gần như bị giam hãm, trong khi hai người phụ nữ ngồi trong ngục tù của cảnh bầu bạn.

Trời ơi, Amy Parker nhủ thầm, có lúc mình như muốn nổ tung.

Nhưng Elise vẫn tiếp tục đến thăm cả ngày trời, hoặc suốt những ngày cuối tuần, hoặc mấy tuần liền. Mang thằng bé theo, đương nhiên rồi. Cô cũng vẫn làm việc. Cô giặt các tấm chần. Một lần cô gỡ đệm bông gạo, cô biết cách làm nó bung ra. Và cô yêu quý mẹ chồng, cô đã bắt đầu yêu và sẽ chẳng bao giờ ngừng.

Thế rồi Amy Parker đứng lên, bà buộc phải làm thế để xem mình có thể gây một ấn tượng nào trên gương mặt phẳng lì của Elsie không.

Họ ngồi trên hành lang, như nhiều lần trước đó, Elsie đang móc sợi.

Amy Parker nói:

- Cô Ethel mà con kể có họ hàng gì với con không?

Elsie cười vang và đỏ mặt:

- Ô, không ạ.

- Hình như cô ấy là một cô gái ngốc nghếch.

- Tội nghiệp Ethel, - Elsie nói. Cô chẳng thù oán gì Ethel. - Hồi đi học cô ta rất sáng dạ. Thi cử mọi thứ cô ta đều đỗ cả. Cô ta thạo lý luận lắm. Nhưng cuộc sống dĩ nhiên chẳng phải là lý luận. Thế là Ethel cứ rối tinh lên. Cô ham say cái trò móc sọt. Mà cô rất tốt với mẹ mình.

- Hay gớm, móc sọt. Giá đan len thì còn được.

- Con thích móc sọt. Nó xoa dịu tâm hồn. - Elsie đỏ mặt.

- Công việc ấy có vẻ tửn mủn lắm. - Amy Parker nói.

Elsie thở mạnh.

- Mẹ cũng chẳng biết mình có đặc biệt cần được xoa dịu không, - Amy Parker nói. - Ray bây giờ ở đâu, Elsie?

- Anh ấy có công việc của anh ấy - Elsie nói.

- Ray bỏ con rồi ư? - Amy Parker hỏi.

- Con không biết. - Elsie trả lời. Đối với cô, cái mẫu hình đã trở nên phức tạp, cái mẫu đôi hoa hồng nhỏ trên tấm lụa màu be bóng mà cô đã chọn. - Anh ấy đã trở lại.

Thế là Amy Parker bắt đầu thương hại Elsie. Làn da của cô thâm hại quá, vừa dày vừa thô. Nó như phồng lên từ cổ. Trong mỗi thương cảm, sự thất bại của bà lão dường như giảm đi và trở nên gần như thắng lợi. Bà bắt đầu mến Elsie.

- Con đừng quấn chặt thằng Ray. - Amy Parker nói.

Bà đã từng đi Glastonbury vào một cái đêm tương tự, đen như mực và đầy sấm chớp, để cho hắn vào một cái hộp, trong đó bà đã đặt cả tình thương con người, vì sự an toàn.

- Nhưng con không có ý định *quấn* Ray, - Elsie nói. - Hay bất cứ ai.

Bất kỳ cái gì cô cũng không biết, song điều này cô biết rõ.

Nhưng bà lão nhìn cô gái.

Bầu trời phía trên cuộn lên những khối mây đen và những vệt sáng màu đồng, buông thấp xuống, lơ lửng trên đầu họ. Bà lão không thích thú lắm vì nó mang đến những mối đe dọa cho cá nhân hà. Còn cô gái thì vẫn bình thản, hoặc quá xúc động đến mức khiếp sợ. Trong tâm trạng vô ngã, cô tưởng chừng như bị xé toang. Gió thổi vào mái tóc cô, để lộ hai thái dương kín đáo. Trong giây lát gương mặt cô nom đỡ bệch.

Nhìn Elsie, hay nhìn thấu Elsie, dù chỉ trong chớp nhoáng, Amy Parker biết là bà đã bắt đầu yêu cô. Bà tự nhủ, Chúa Trời phù hộ, có lẽ Elsie mạnh mẽ.

Rồi cơn bão hoành hành quanh hai người phụ nữ. Ghế ngồi của họ kêu cọt kẹt. Họ cười vang và trấn tĩnh lại, đuổi theo cuộn chỉ tơ cứ chực trốn chạy, gió thổi gập thân hình họ khiến họ biến dạng và nom mềm mại lạ thường. Mắt họ ngời sáng trước cơn bão ầm ướt và ánh chớp màu xanh lục.

Mãi sau bỗng nhiên bà nội sực nhớ và kêu lên:

- Thằng bé đâu rồi? Nó không chạy ra ngoài lúc mưa bão thế này chứ?

Nhưng người mẹ vẫn được tâm trạng của mình che chở.

- Chắc là cháu chui vào xó xỉnh nào đó. - Cô nói, như an ủi, vừa đưa tay vuốt tóc.

- Còn Stan nữa.

Bà lão sực nhớ đến chồng, mà bà đã quên bằng. Bây giờ cả ngày bà quên ông.

Hai người đàn bà đi như một cái máy qua ngôi nhà đang rung chuyển để tìm kiếm những gì họ định tìm kiếm.

- Hai ông cháu vừa làm xong. - Stan Parker nói, vừa lau nước trên khuôn mặt rắn đanh. Ông đang đứng bên cửa ra vào ở sau nhà, lưỡi thép ở cửa còn đang run rẩy.

Thằng bé áp mặt vào kính cửa sổ cho đến khi mũi nó trắng bệch, và nó nhìn ra bên ngoài qua làn nước.



- Xem này, - nó phản kích gọi, quay nhìn vào căn phòng. - Cuộc sống dưới nước chắc giống như thế này. Đối với một con cá. Đến đây xem. Mọi người sẽ thấy.

Nhưng chẳng ai chia sẻ niềm tin của nó, thậm chí cũng chẳng nghe những lời nó nói. Những điều phát hiện chẳng bao giờ được truyền đạt một cách chính xác như khi phát hiện được. Thế nhưng thằng bé biết vậy.

- Cháu không bị ướt, - nó phản đối, ẩy bà nó ra. Bà đưa tay sờ vào người chồng bà, trong lòng ít lo lắng hơn, nhưng cốt để xác lập quyền lực của mình.

- Cả hai ông cháu đều ướt sũng, - bà nói, - ít ra tay tôi cũng cảm thấy như thế.

Và bà giận dữ. Đó là quyền của bà.

- Mưa rào thôi. - Stan Parker nói. - Ướt một tí chả hại gì.

Ông bắt đầu vê thuốc lá và cuộn một điếu.

- Thế ai phải trả giá? - Người đàn bà giận dữ hỏi.

Bà cảm thấy bất lực, song bà oán giận cái tính lì lợm của ông chồng hơn tất cả.

- Bà chứ còn ai nữa, - Stan cười vang, liếm tờ giấy mỏng.

Thằng bé lúc này cảm thấy toại nguyện trong căn phòng khô ráo, sực mùi khói thuốc, nó đến ngồi cạnh ông. Nó thích xem những

công việc tỉ mỉ. Nó thích cái mùi của cái túi cao su nhỏ ông đựng thuốc.

- Cháu chăm né? - Nó hỏi khi ông đã cuộn xong cái vật bé nhỏ và leng keng.

- Được thôi, - Amy Parker nói, mắt bà rục nóng bởi những gì bà đã chịu đựng, và còn phải chịu đựng vì Stan.

Một lần, bà đã nghĩ đến chuyện lấy một con dao, không phải để đâm chồng, như thế sẽ ít đau đớn, mà để đâm mình, đúng vào chỗ giữa hai cái vú, phập mạnh vào. Lưỡi dao sẽ vấp phải cái gì, bà băn khoăn tự hỏi trong lúc nhàn rỗi, và ông ấy sẽ thốt ra những lời gì khi họ chăm chú nhìn những giọt sấm hồi to rỏ xuống sàn nhà?

- Kìa, ông, - Elsie nói, đối với cô chẳng có gì là kinh khủng cả. - Ông đi thay quần áo đi.

Thằng bé đang mãi nhìn tờ giấy bắt lửa. Nó bùng lên, rồi cháy đều.

Ông lão đi thay quần áo ngay.

So với phần lớn những người khác, quần áo ít làm thay đổi Stan Parker hơn. Đối với vợ ông, mỗi thứ quần áo khác nhau lại có những điều bí ẩn khác. Nhưng ông chồng thì trung thực hơn, điều này khiến ông làm cho người khác bức mình. Dẫu sao, ở lứa tuổi này, ông có thể nhìn nhận một đồ vật đúng với bản chất của nó và lý giải một cử chỉ theo ý nghĩa của nó. Cuộc đời của ông không vì thế mà kém kỳ diệu. Nếu vợ ông chết, ông tự nhủ, ông sẽ sống trong một căn phòng có một cái giường và một chiếc ghế, ông có thể

đựng gia sản trong vài chiếc rương, treo các thứ vào móc trên tường. Song vợ ông không chết, chẳng có vẻ gì là sắp chết, ông vui vẻ chấp nhận điều đó. Ông rất yêu vợ, mặc dù bà thường làm ông suýt gãy quai hàm vì nghiến chặt răng.

Suốt cả đời họ sống bên nhau, đã có những thói quen đơn giản nhất định. Họ thích ăn thịt luộc hơn vì nó dễ tiêu. Bà vợ thường tỉnh giấc giữa đêm, nghe tiếng ông dò dẫm trong bóng tối, ông thường thức dậy khoảng một giờ sáng, đi giải, sau đó hai vợ chồng lại chìm sâu hơn vào giấc ngủ cuối cùng.

Vào cái đêm bão tố hay mưa rào ấy, khi Stan Parker ướt đẫm, ông chưa bao giờ nhìn thấy sự vật rõ hơn. Sau khi thái xong thịt bò, ông ngắm nhìn vợ, nơi tóc bà đã thưa đi đường rẽ; lúc cãi nhau bà chẳng chịu ngẩng lên, chẳng chịu nói gì. Ông nhìn đứa cháu nội đang dùng máy đầu ngón tay ẩm ướt nhặt các mẫu bánh mì và thè lưỡi liếm sạch. Mẹ nó đang ở đây sẵn sàng bảo vệ một người nào đó.

Rồi ông lão buông chiếc dao thái thịt xuống. Nó kêu đánh xoảng.

- Ôi giờì, - bà vợ than vãn, tay đặt chỗ tim.

Dưới ánh điện mọi thứ đều rõ mồn một.

Elsie đã bắt đầu kể về một người nào đó mà cô quen biết.

Nhưng ánh đèn rục rờ của ông lão thách thức mọi thứ khác. Mọi thứ bắt đầu trôi lơ lửng trong thế giới ánh sáng của ông. Ông nhớ lại những giá sách ông đang đóng; mấy năm gần đây ông đam mê làm mộc, bây giờ ông có thể nhìn rõ thớ gỗ của tấm gỗ ông đang làm,

cái khóa nhỏ gần móng đuôi én, vốn làm ông lo lắng vì nó thường để lại một khuyết tật. Mặt khác, sự giản đơn và độ chính xác của những vật ông làm khiến người ta hết sức mãn nguyện.

Sau khi ngòl ngắm vật này một lúc, và nở một nụ cười trên đôi má dày dặn đầy thông cảm, đột nhiên ông nói:

- Tôi đi vào nhà trong đây, ngủ sớm một tí.

- Đấy, - Amy Parker nói khi ông đã đi khỏi. - Ông ấy bị lạnh rồi.

Bà đã biết rõ điều đó, bản thân bà cũng ngầy ngấy sốt từ nãy đến giờ. Bà sẽ là trung tâm của bất kỳ thảm kịch nào xảy đến tiếp theo.

Bà đã lắng nghe chồng mình trong đêm tối, đôi lần chạm vào ông. Ông ngủ say hay định trêu tức, bà không rõ.

Rồi bà ngủ thiếp đi. Bà đang ngủ thì chồng tỉnh giấc và nằm cứng đờ trên giường, nhìn vào bóng đêm. Cơn sốt không làm ông trống rỗng. Tất cả những gì ông đã sống, tất cả những gì ông đã thấy, đều mang về tử tế giản dị đến tột cùng. Mọi hành động ông hồi tưởng lại trong bóng tối thênh thang của căn phòng đều được thực hiện với sự thành thực của gỗ mới bào. Thế nhưng khuôn mặt cứng đờ của ông không tin. Nó xoay đi xoay lại và kêu loạt xoạt trên gối. Cái miệng khô khốc của ông nhẽ ra phải chất vắn, dĩ nhiên không phải hỏi vợ ông vì bà không biết, mà hỏi một nguồn tri thức bí mật nào đó ông chưa khám phá ra được. Thế rồi thứ ánh sáng nóng sốt, trong suốt, trong đó ông nằm suy nghĩ, và nhìn thấy sự vật, bắt đầu mờ nhòa. Ông thích đọc những thông điệp in to, rõ ràng. Nhưng khi

không có tín hiệu nào cả, ông đành cọ má vào gối và sờ các khớp xương. Bây giờ ông đã mệt, lắm khi cảm thấy đau đớn nữa. Con đau ngán ngủi. Đôi lúc, ông nói một đôi lời để biểu thị nỗi đau đớn và buồn khổ của mình. “Lạy Chúa, lạy Chúa,” thỉnh thoảng ông thốt lên, nhưng rất khẽ khàng và mịn màng như mùn cưa.

Một lần, người đàn ông nhìn thấy dưới mi mắt mình rằng họ đang đứng trong xưởng mộc, giữa những bảo cưa cuộn tròn nơi mắt cá. Thằng bé ở bên ông, đương nhiên là thế, vì ở cái tuổi này, đứa cháu nội là mối quan tâm lớn nhất của ông, tuy ông chưa bao giờ thừa nhận điều ấy. Mối quan hệ của họ thật diệu kỳ, hầu như chỉ giới hạn trong xưởng mộc. Bên ngoài xưởng mộc hai người đối với nhau như không hề tồn tại. Họ hoàn toàn im lặng nói một câu. Nhưng trong xưởng mộc mỗi cuộc đàm thoại giữa họ đều mang tính chất tâm tình.

- Xem này, - ông lão vừa nói vừa mạnh tay đưa một nhát bảo lên mặt gỗ. - Nó giống như một bản đồ. Đây là những dãy núi. Kia là một mỏm núi. Cái tròn tròn ấy. Đó là mỏm cao nhất.

- Phải rồi, - thằng bé nói. - Còn đây là sông và vịnh.

- Ngày còn bé, - ông cụ nói, - thỉnh thoảng ông vẽ bản đồ và tô xanh các vịnh. Vịnh Mexico, đó là một vịnh rất lớn.

- Cháu chẳng vẽ mấy, - thằng bé nói.

- Cháu tính sau này sẽ làm gì?

- Cháu sẽ làm thợ. - Thằng bé nói.

- Cháu biết gì về thơ? Cháu đã đọc bài thơ nào chưa?

- Chưa ạ, - thằng bé nói, nhai nhai bên trong má. - Nhưng cháu biết.

Thằng bé dang hai cánh tay ôm cả bầu trời trong buổi trưa ngái ngủ. Hai mắt nó mở to.

- Chỉ biết thôi là chưa đủ, hờ ông?

Lúc này ông đã bị giam hãm trên chiếc giường, nên không trả lời được. Cổ họng ông sao mà khô đến thế.

Trong cơn ngây ngây sốt và tâm tính trẻ con của mình, có cái gì đó ông vẫn còn phải làm, còn phải biết. Thế là ông lại vùi đầu vào gối, nghiêng ngả bóng tối, hy vọng niềm tin sẽ được tưởng lệ bằng một điều phát hiện.

Song, chỉ có ánh đèn bùng sáng.

Đến giờ rồi, Stan ạ, mí mắt nặng trĩu của bà vợ nói.

- Anh cảm thấy khó chịu kinh khủng, Amy ạ. - Ông già nói. - Em gọi Jack Finlayson đến giúp một tay lo cho mấy con bò.

Sau đó, Stan Parker ốm một thời gian. Ông bị sưng màng phổi. Mọi người chăm sóc ông suốt. Jack Finlayson đến, bằng lòng giúp đỡ. Anh ta là người tử tế, cứ tự làm công việc rồi tinh lên, chị vợ Merle cũng đến giúp những việc vặt, và đang vừa kéo sợi ở lối cửa ra vào vừa uống trà pha sữa. Stan Parker cảm thức mọi điều này, mọi thứ người ta đang làm. Ông để mặc họ. Ông không vội vã, ông

đứng lên khi họ bảo, được họ xúc nách, và chẳng bao lâu ông đã đi lại trong bộ quần áo rộng thùng thình.

Tuy nhiên, ông đã đi sâu thêm một bước vào nội tâm mình. Trong thời gian an dưỡng, ông thường liếc mắt nhìn mọi người. Phần lớn họ vội quay đi và trò chuyện với vợ ông. Đương nhiên ông chưa hoàn toàn khỏe. Ông có thói quen nhìn người chung quanh, như thể có cái gì đó đằng sau họ, và họ không thích vậy, bởi họ không thể dễ dàng quay lại để xem có cái gì.

Nhưng Stan Parker rất đỗi ngạc nhiên về cái những điều mới mẻ ông nhìn thấy.

## CHƯƠNG 21

**T**rong mấy năm gần đây một số nhà mới đã được xây dựng dọc theo đường cái ở Durilgai, nơi gia đình Parker vẫn luôn sinh sống. Đó là một ít những ngôi nhà có lợp ván tấm độc đáo, mà cảnh quan đã chiếm lĩnh và dường như đã bị dồn về phía sau bởi những phát triển mới. Các căn nhà gỗ đứng đó, giữa đám cây lá mù mịt, giống như các ốc đảo trong sa mạc. Chúng đang trong quá trình bị lãng quên, sụp đổ, và cuối cùng sẽ bị quét sạch cùng với hài cốt những ai đã sống lay lắt trong đó, những người dẫu sao chẳng chút quan trọng, chẳng còn chút hy vọng hoặc đã già cỗi. Nếu linh hồn của các căn nhà tranh cũ kỹ này quấy rầy, đơn giản chỉ cần đóng cửa sổ lại và mở máy thu thanh là có thể xua đuổi cái cảm giác khó chịu đó ra khỏi các biệt thự bằng gạch ngói. Các ngôi nhà gạch cổ nhiên đều có chủ. Màu đỏ tía, xanh xi măng, tiết bò, và hồ xí công cộng. Ở đây các lễ tiết của gia đình được cử hành, không còn nhớ vì sao, với một sự chính thống nhiệt thành, quy củ, và có một lần vật hiến tế được dâng lên, bị điện giật, bằng máy hút bụi, vào một buổi mai nóng bức, khi các hàng cây hoa ngũ sắc sắc mùi mè.

Có những căn nhà gỗ cũ kỹ chẳng bỏ công để ý, có những ngôi nhà gạch không thấm nước. Cũng còn có một loại nữa, khiến cho nhiều người cảm giận, và người ta hy vọng Hội đồng quận sẽ xét lại chính sách này. Có những ngôi nhà làm bằng fibro-xi măng. Những



nhà này được tìm thấy ở khu đất trời lên, thuộc một tầng lớp khác. Dĩ nhiên họ kéo dài được tý nào thì hay tý ấy. Nhưng được bao lâu? Trong khi đó con người vẫn tiếp tục sống bên trong đấy. Những cặp vợ chồng trẻ khóa cửa lại và từ giã những ngôi nhà của họ, như thể chúng không mở. Một đứa trẻ đã đá thủng một lỗ ở tường, để nghịch. Và ban đêm các ngôi nhà bằng fibro-xi măng dấy lên âm thanh, thay hình đổi dạng dưới sức ép của tình yêu hay nỗ lực, biến đổi và trở lại, đứng chơi vơi dưới ánh trăng, hòa tan trong những giấc mơ.

Tất cả mọi ảnh hưởng của những điều đang diễn ra chung quanh họ không tác động gì đến vợ chồng Parker. Chúng không tác động đến họ bởi họ đã đến cái tuổi mà mọi sự xảy ra rõ ràng lại khó mà tin được. Những sự kiện của dĩ vãng trong sự hồi tưởng sẽ làm vỡ gạch và tung các mảnh ra. Cái gì vẫn còn xảy ra phải trôi song song, chứ không cùng một dòng. Cái mà chúng tác động rõ rệt hơn đối với những người già này là tài sản của họ đã bị phân tán và bán đi phần nhiều.

Điều này xảy ra không lâu sau khi ông Parker bị bệnh. Những con bò chẳng thể làm xiêu lòng ai đứng trong buổi chiều êm dịu hoặc những buổi sớm mai, cọ cổ vào các cột màu xám. Người đàn ông tiếp tục đi xuống như thường lệ, nhưng xơ cứng hơn trước, thỉnh thoảng thấy nhói dưới da khiến ông bất giác mỉm cười, còn người vợ, đôi chân gầy phiền hà, cùng hai móng hơi phát tướng, đã già và hần học; bà bám vào đàn bò như một động cơ để tồn tại, không dám thay cái khác. Giống như nhiều người già sắp kết thúc cuộc đời, họ không thể tự điều chỉnh bản thân, họ sợ phải ngã gục. Thế là họ tiếp tục lê bước. Cũng là chuyện vắt sữa bằng tay. Ông

Parker một mực không chịu sấm máy vì theo ông biết, chúng không tốt cho núm vú bò. Cánh thanh niên cười nhạo lão Parker, người dù sao chỉ có một nhúm bò trong cái vùng trên thực tế đã trở thành ngoại ô. Đối với đa số người, việc họ không nghĩ đến chuyện đó chẳng quan trọng tí nào. Nhưng rõ ràng là phải làm một việc gì đấy.

Thế rồi bà Forsdyke, con gái của họ, lái xe riêng về thăm: vợ chồng Forsdyke có hai xe. Phần lớn mọi người không hề biết bà Forsdyke, hoặc giả có biết thì đã quên đó là Thelby Parker. Những kẻ có thể còn nhớ thì bà cũng không khuyến khích, vừa nheo mắt cho đến lúc làn da hầu như làm mờ lương tâm của bà. Những kẻ không hề quen biết, bà chẳng thiết, và lướt qua trong chiếc xe đen rất êm, nhanh chóng bỏ lại đằng sau tất cả những gì tầm thường hay không tao nhã.

Ông bố đang đợi con gái đến. Mí mắt và cổ tay ông hơi nhăn nheo, nhưng răng còn khỏe và tốt. Ông cụ mỉm cười với con gái.

- Có chuyện gì thế, Thel?

Bởi vì bà Forsdyke trước đó có gửi một lá thư nói là bà có điều *mong muốn* được bàn. Bà thích dùng động từ đó, vì nó kín đáo nhưng mạnh mẽ.

- Ồ, - bà cười vang, nhìn ông cụ, thích thú về mối quan hệ xa xôi với một ông già giản dị, đồng thời, một cách kín đáo, là bố bà. - Có một kế hoạch nhỏ thôi. Con hy vọng bố sẽ thích. Không phải vì đó là kế hoạch của con, hoặc giả con muốn ép buộc một điều gì, nhưng làm như thế rất có lý. Dudley đã tán thành.

Bà Forsdyke thuộc loại phụ nữ thường hay vin vào chồng mỗi khi họ ngại có sự chống đối.

- Nom bố hơi mệt đấy. - Bà vừa nói vừa bước ra khỏi xe và tiến đến cạnh bố.

Bà cũng hôn bố. Khi bản thân mệt lử, bà thường mong muốn người khác cũng thế. Nhưng làn da bố bà vẫn còn sức sống, bà nhận thấy rõ, bà đỏ mặt, hết mức máu bà có thể làm. Bà là một phụ nữ mảnh mai, song không đến nỗi yếu đuối, xách một chiếc túi da cá sấu.

- Bố không mệt hơn mọi khi, - Ông cụ nói.

- Không phải đâu, bố ạ, - Người con gái nói, vừa gỡ mấy con ốc sên ở bụi cây ra và dùng giày dí nát. - Nếu bố không mệt thì tức là bố không mệt.

Bà rúm người lại vì mấy con sên, nhưng vẫn quay lại nhìn vì tò mò.

- Bố quá yêu bò nên chẳng bao giờ mệt đâu. - Bà Forsdyke nói.

- Yêu bò thì chẳng thành vấn đề, - ông cụ nói. - Bò rất tốt. Nhưng bố có cưới chúng nó đâu, như người ta vẫn thường nói.

- Trước đây con vẫn thường nghĩ rằng một người đàn ông nhất thiết phải cưới những con bò của mình, - con gái ông nói.

Ông cụ gây ra một tiếng động.

- Nhưng nếu không phải, - Thelma Forsdyke nói, - thế thì dễ rồi.

- Sao, dễ gì?

- Dễ tổng khứ chúng vào trong một cái... cái gì nhỉ? Một cái bè. Và ngày hôm sau cứ nằm muộn hơn trên giường, để xem bố có thích thế không, và nếu có thì nằm muộn trên giường ngày hôm sau nữa. Cho đến khi quen với việc ngồi không. Ồ, khi con nói *ngồi không*, con muốn nói là bố có thể làm theo sở thích riêng. Đây cái nghề mộc mà bố vẫn làm đó. Hẳn là vui thú lắm. Mùi gỗ mới ngửi rất dễ chịu. Với lại bố xưa nay vẫn chưa hề đi đâu. Được rồi, bố có thể đi với mẹ, tội nghiệp mẹ. Bố mẹ thỉnh thoảng có thể đến với chúng con vào ngày Chủ nhật. Bình thường chúng con rất yên tĩnh. Ngày Chủ nhật mọi người thường ở nhà. Với gia đình họ. Bố không thích thế sao?

Stan Parker không nói là mình thích hay không. Chắc chắn là ông thích ngồi thật lâu ngắm nhìn vết bò của một con sên vừa thoát khỏi một bàn chân. Ông sẽ ngồi, trong thời gian rỗi của mình, nhìn lại con đường của chính ông, nhỏ hẹp và ánh bạc, qua lớp sương mù. Nhưng ông không nói.

Người già dễ tự ái, Thelma sốt ruột nghĩ. Nếu có một đứa trẻ, dĩ nhiên bà không có, bà đã có thể đặt tâm trí mình vào đứa bé, theo dõi nó lớn lên như một cây xoài vươn lên từ cát. Lãng quên thời thơ ấu của mình từ lúc bà thôi không sống nữa, bà chưa hề thất bại trong việc triển khai lý thuyết. Tuy nhiên đứa bé già khụ này có thể rất khó khăn.

Thực ra ông không thế. Ông suy nghĩ, ông đã suy nghĩ về những điều con gái nói. Ông có thể từ bỏ dù chẳng phải vì những lý do đó. Thelma ngốc nghếch, ông nghĩ thầm, bố không khờ dại như vậy,

nhưng con bé cũng có lý. Ông có thể từ bỏ tất cả những gì con gái đã gợi ý, thậm chí hơn thế, cả đất đai, thậm chí cả cuộc sống của ông, chỉ đơn thuần vì một lẽ nó chẳng phải là của ông để mà phải giữ. Điều đó đã trở nên quá hiển nhiên.

Ông nom xanh mét, so với bình thường.

- Bố sẽ thấy, - Thelma vừa vỗ nhẹ vào bàn tay bố vừa nói, - những ngày cuối đời bố sẽ cảm thấy dễ chịu hơn biết chừng nào.

Bởi vì ông không kháng cự, lúc đó và sau này, vào cái buổi sáng thụ động kia, nên Thelma bỏ đi, lòng đầy thương xót và tự mãn, thương xót bởi vì ông lão tội nghiệp ngày càng suy yếu, còn tự mãn vì mình là người cố vấn cho cuộc đời của những con người bình dị. Cô vui vẻ lái xe đi, nhằm lẫn giữa phương tiện và quyền lực.

Sau khi Thelma ra về, Stan Parker bước thong thả quanh nhà, bề ngoài hoàn toàn không vì mục đích nào cả, đó là cái ấn tượng mà hoạt động tinh thần vẫn thường gây nên, trong khi sự hòa hợp giữa nội tâm và cảnh vật luôn diễn ra, cảnh quan xâm nhập vào người ông với sự ham mê và cường độ ngày càng tăng, cây cối vây quanh ông và mây vẫn lơ lửng trên đầu ông với xiết bao âu yếm mà ông chưa hề trải nghiệm. Ông dường như có thể sờ được những làn mây. Lúc này, khi lẽ ra ông phải hoàn toàn vô tư thì ông lại cảm thấy bối rối, dùng chiếc gậy nhỏ quất vào ống quần. Bởi vì cảnh tượng này vốn là của ông, lại cũng không phải, thật quá đau lòng. Ông vội cúi xuống ngắm nhìn bầy kiến đang tha một chiếc cánh bướm qua sa mạc sỏi đá. Một hoạt động có ý thức của bầy kiến lao xao. Rồi đột nhiên ông giật chiếc cánh ra. Ông tung nó vào trong nắng, nó chấp chới và lung linh, hồi phục trong không khí, nhưng trong khi nó

còn đang chơi vui và sa xuống, ông bỏ đi, lòng xốn xang vì sự thô bạo của lẽ trời.

Thế rồi chẳng bao lâu sau, họ bắt đầu bán trang trại của nhà Parker theo từng mảnh. Việc này thực hiện dễ dàng, bởi vì đó là mảnh đất lý tưởng, trong một khu đang được mở mang. Ông cụ không trực tiếp bắt tay vào công việc mua bán, vì đã có người con rể, và tích cực hơn là cô con gái. Ông để cho người khác vận hành cái bộ máy cần thiết nhưng vô nghĩa của giai đoạn này. Điều này khiến những người liên quan hài lòng, sự kính nể và ngoan ngoãn của ông làm nổi bật các năng khiếu ưu việt của họ, và ngay lập tức thái độ cảm tình họ phát triển thành một loại mà người ngoài trông vào sẽ thấy sự tầm thường của ông. Ông lão đáng thương, họ mỉm cười, chẳng có chút đầu óc kinh doanh nào cả. Vì thế họ tìm mọi cách giữ cho ông khỏi bị xem thường bởi bất cứ một ai, thậm chí bởi chính họ.

Khi đất đai đã bán xong, vợ chồng Parker còn lại ba hoặc bốn mẫu gì đó. Một con mương ở sau nhà và một đồng cỏ ở bên cạnh. Họ nuôi một con bò cái có đôi sừng không cân đối, và ông Parker trồng một ít bắp cải vào mùa đông, trong cái luống mà bà vợ ông vẫn đi dạo quanh, mặc một chiếc áo len đã cũ, trong những ngày âm áp, và cúi xuống nhổ một lá cỏ mọc không đúng chỗ.

Một hôm khi Amy Parker đang đi giữa những luống cải, như thói quen của bà bây giờ, bà cố nhớ lại một điều gì đó. Sự bồn chồn của hồi tưởng bắt đầu xâm chiếm bà. Thế rồi thời thanh xuân của bà bỗng trở lại giữa cái thế giới bắp cải. Bà nghe thấy tiếng xe ngựa đầy ắp bắp cải xanh đi tới, tiếng đai loảng xoảng trong sương muối,

khi thò vai ra ngoài cửa sổ nói chuyện với chồng, bà nhớ lại bao nhiêu buổi sáng. Và những hạt giống bắp cải nhỏ ông đã gieo vào đất, vào những lỗ mà ông đã chọc bằng cán mai. Bà nhớ lại hai cánh tay của chồng lao động trong nắng, những sợi lông nhỏ trên cẳng tay và những tĩnh mạch ở cổ tay. Bỗng nhiên bà cảm thấy như mình sẽ không còn nom thấy ông nữa.

Vì thế bà rảo bước dọc các luống cây. Đó là những cái bắp cải to, xanh lục và nõ toác, không giống những cây phù du lung linh trong miền ký ức; bà vội vã đến với chồng, người chẳng bao giờ xa bà, hai người chẳng thể thoát khỏi nhau dẫu có ước mong vậy.

- Tại sao ta không bán một ít bắp cải này đi? - Bà hỏi, giọng gắt gỏng, khi đến chỗ ông đang đào ít khoai tây để cho bữa trà. - Dùng làm sao hết được. Chúng ta đến phát ồm những bắp cải quý hóa này.

- Chẳng bỏ, - Stan Parker nói. - Chỉ được vài ba đồng mà phải cật công mang ra chợ.

- Thế thì ta sẽ làm gì với chúng bây giờ? - Bà hỏi, đưa chân đá vào một cái bắp cải sáng và chắc.

Bà đứng lạng lạng giữa đám bắp cải, và có lẽ muốn ông cũng thế.

- Chúng ta sẽ ăn một ít, - ông nói, nhìn xuống đất, bởi vì ít ra bà cũng đã rần ãe được ông, - và biếu một ít. Bò có thể ăn khá nhiều. Chúng ta sẽ tính xem còn cách gì khác không.

Thế là họ đứng đấy, những gì vốn là ngọc ngà ngời sáng trên cánh đồng của dĩ vãng hiện tại đã trở thành những tảng cao su vô sĩ

lố lảng.

- Thật là công cốc, - ông nói giọng căng thẳng.

Lý giải chuyện ấy theo cách đó.

- Em thích biết lý do của mọi sự. - Bà nói, nhìn chiếc áo choàng len cũ bà đang mặc và tháo một mẫu len bị tung.

Nhưng ông không thể giải thích việc họ tiếp tục cùng tồn tại trên mảnh đất trồng bắp cải, rồi những con chim ác là, những con te te vui nhộn, những con chim nhỏ vô danh bay đến, sà xuống, mổ vào đám đất ẩm ướt, như thể người đàn ông và người đàn bà không có ở đó.

Những người khác, Thelma chẳng hạn, nói rằng khi chẳng biết làm gì thì ông phải làm nghề mộc, đan áo len hay đi chơi chỗ nào đó. Amy Parker, vốn dốt nát, không tin bản thân có một lối thoát khỏi cảnh hoang mang, ngoại trừ phải chung sống cùng nó, mặc dù bà đã từng thử cách khác, bà chế giễu nó, cười cợt cả hai người trong khi vẫn hy vọng, bà nói:

- Tại sao ta không đi đâu đó thử một lần? Ít ra cũng lên thành phố, em muốn nói là đi thăm thú đàng hoàng, trước khi chết. Làm một cái gì đó, ý em là vậy. Ngay cả có thất vọng thì đi mới biết.

Ông chồng thác mắc không biết sẽ tốn kém bao nhiêu, chắc phải nhiều lắm. Tuy nhiên ông không phải là người bủn xỉn. Ông thận trọng thôi. Và vợ ông cười vang, xấu hổ vì đã gợi ý những chuyện ngớ ngẩn như thế, rồi vui mừng là họ sẽ không đi. Bao nhiêu chuyện rùng rợn đã được hình dung. Chỉ một ngày đi đường cũng đủ làm bà



bị táo bón. Họ lo lắng nếu thịt không được đun kỹ. Họ ăn sữa đông của con bò họ nuôi. Do vậy họ không đi.

Rồi bỗng nhiên họ đi lên thành phố. Điều này được quyết định vào một buổi tối. Họ dự định sẽ ở một tuần trong khách sạn phải chăng, Jack Finlayson sẽ phải đến vắt sữa, cho gà ăn. Bàn tay của Stan Parker run lên với quyết định này. Vợ ông đổ mặt. Máu bà dồn lên mặt, lúc này mồ hôi lấm tấm ở hai thái dương, và bên trên miệng.

- Em sẽ đi ra biển, - bà nói, cười sảng sặc, - và ngồi dưới những cây thông nhìn nước biển tràn vào.

- Làm thế thì lợi gì cho em? - Chồng bà hỏi, làm rơi vãi thuốc lá đang cuốn.

- Anh chẳng bao giờ biết được đâu. - Bà nói, như thể bà biết.

Vì bà chẳng bao giờ thành công trong việc yêu ông hết mức, nên đôi lúc bà làm ông tổn thương. Chỉ có điều là ông chẳng bị tổn thương nữa rồi.

Dẫu sao, hai ông bà già cũng đi. Họ sống một tuần ở một khách sạn bình thường, họ đủ tiền ở một khách sạn khá hơn, nhưng sợ thiên hạ nhìn vào quần áo của mình. Vì thế hai người chọn một khách sạn mà vải lót sàn đã hơi sờn. Họ xin lỗi người thiếu phụ khi mang gửi chìa khóa. Thực ra cũng không hẳn bằng lời nói, chỉ thái độ của họ thôi.

Nhưng cả hai đều hài lòng.

Họ hài lòng là mình vẫn còn sống sót, và đang sống sót. Cặp vợ chồng lịch thiệp đang đi ngoài phố không đi xuống trước những làn sóng vô danh. Họ phát hiện ra là mình vẫn khỏe. Cuộc sống cô đơn của họ có lẽ đã tạo cho họ những chỗ tựa.

Một lần đôi vợ chồng già đang đi ngoài phố vào ban đêm, lắng nghe một máy thu thanh phát ra cái giọng vàng - đỏ hát về cảnh hoàng hôn và sự hy sinh.

- Cô ấy đang hát gì đấy, anh Stan? - Amy Parker hỏi.

- Anh không biết, - ông nói, - nghe như tiếng Tàu.

Rồi họ cười vang. Họ ở tầm cao hơn thế. Một điều huyền bí chẳng còn huyền bí đối với một tâm hồn cự tuyệt, cứ thế còn hơn phơi bày nó ra. Thế là họ đi tiếp.

Thành phố không tĩnh được lâu, họ cũng vậy, nó giống những giấc mơ, chỉ có điều là ít riêng tư hơn. Các động thủy tinh mà hai ông bà già nhìn vào, đặc biệt trong cái đêm màu đỏ tía, đang mở ra cho những người khác. Họ đang mơ giấc mơ của một người nào khác. Bao giờ thì chúng mình sẽ lại nằm xuống? Gương mặt họ hỏi nhau. Giấc mơ đơn sắc của họ, tuy lắm lúc ngọt ngào bởi hận thù hoặc nghệt thờ vì yêu đương, thường đòi hỏi ít hơn.

Một buổi tối Stan bảo sẽ đi xem kịch.

- *Vở Hamlet*, - ông nói. - Đó là một vở kịch của Shakespeare.

- Thế à? - Vợ ông nói, đối với bà sự táo bạo như thế có phần khả nghi.

Hình như nó cũng soi sáng phần nào con người ẩn kín của chồng bà. Đây là cái điều trong Stan mà mình không thích, bà tự nhủ, mình không thích những điều bí mật. Bởi vì tuy ông sẽ đưa bà đi xem vở kịch ông chọn, bà vẫn cảm thấy mình sẽ không thể chia sẻ được.

Dẫu sao họ vẫn đi. Thỉnh thoảng dừng lại để thở, họ leo lên cao, đến chỗ họ sẽ ít bị chú ý đến, và từ đó họ có thể nhìn xuống qua quả trám cửa và những bức tượng thiên thần, vào cái sân khấu vàng kim đang sục sôi bởi sự chờ đợi. Tất cả mùi hương và bụi, tiếng cười và không khí nóng dâng lên từ sân khấu như đáy bát, khiến người đàn bà ngồi bên vành ngây ngất. Bà không nhìn được rõ, càng khiến quang cảnh trầm trọng hơn, hoặc huyền diệu hơn. Bà nom thấy một người đàn bà khỏa thân, đúng thế không nhỉ? Trên ngực có một bó hoa violet. Sương mù màu xám bốc lên từ da thịt người ấy, trước khi đọng thành vật thể. Hai người như bị chôn chặt. Thời gian trôi qua và âm nhạc bắt đầu nổi lên từ cái góc nhỏ nơi các nhạc công ngồi, rất nhiều thứ đã trở nên rắn chắc quá không thể bay lên cao được. Ghế ngồi cũng rắn. Có mùi caramen nóng và thuốc sát trùng.

- Đàn bà ăn mặc như thế mà cảm thấy có quần áo trên người ư?  
- Amy Parker hỏi.

- Nếu họ không cảm thấy có quần áo trên người thì chắc chắn đó là ý định của họ. - Người chồng nói. - Nhưng sắp bắt đầu rồi kìa.

Tám màn bốc lửa, và khi nó đã cháy trụi, thời thơ ấu của ông hiện ra, duy chỉ các ngôn từ đã mang một hình hài, đang đi đi chạy chạy trong đôi bít tất lụa. Mẹ ông ở đây, đeo một chiếc nhẫn trên ngón tay thấp khớp, đang chỉ trở giải thích. Nhưng vở kịch đôi lúc

thoát khỏi những lời giải thích. Nó đi tiếp con đường của mình, như cuộc sống hoặc như những giấc mơ. Ông ngửi thấy được mùi ẩm trong cuốn sách cũ với những miếng vá màu nâu, từ cơn đại hồng thủy nào đó mà bà mẹ đã kể cho ông nghe nhưng ông đã quên. Ông nhớ về Horatio, một người bạn. Một người bạn đồng điệu và cũng nam tính, lớn tuổi hơn ông, điều ông hằng mong ước, nhưng ông đã trải qua suốt thời thơ ấu hầu như chẳng bạn bè, đi qua đám cỏ cao và nằm vắt người trên các cành cây, chờ đợi già đi.

Ông cũng đã từng mặt đối mặt với điều ma quái ở một vài chặng đường đời, tuy chẳng có ai đưa ông ra khỏi đó. Họ không nhìn thấy ông mấp máy đôi môi. Nói với màu xanh lục. Rất nhạt. Chẳng hạn. Thứ đó lướt qua bầu trời cũng chậm chạp và mang nặng tai ương như cái bóng ma vật chất hơn, dành cho Horatio và các bạn của ông. Và lặng lẽ. Đó là điều khiến đàn ông hò hét, nếu họ là loại người hò hét, những Horatio, những người đàn ông tốt mà ông đã quen biết sau này và đã tử trận, hò hét trước nỗi sợ sệt của họ.

- Ô kìa, một con ma. Hơi gượng gạo một tí. - Amy Parker nói.

Bà cười vang, nhưng thích thú.

Con ma duy nhất bà nhìn thấy là lương tâm bà trong những tấm gương. Nó có một bộ mặt màu xám, bị tổng khử rất nhanh, bằng cách không nhìn nó nữa. Nhưng con ma màu xanh lục này lại đội vương miện. Làm diễn viên lạ lùng thật. Đó không phải là công việc của con người mà chỉ là nói huyền thuyên. Cuộc sống không phải là nói năng, mà là sống. Thế là bà già này, tay nắm chặt cái lan can bằng đồng mà bà đang bám vào, bản khoản không rõ mình đã sống cảnh đời gì. Bà ngồi trên ghế ở hiên và lắng nghe tiếng những cây

hoa vân anh. Bà cũng muốn nhìn thấy, nghĩ đến, những minh chứng rõ rệt của cuộc sống. Người đàn ông kia. Leo. Nhưng đang phai mờ. Đó là cả nhà hát đang đứng lên quanh bà, cái cảnh mà bà chưa quen thuộc. Đó là những ngôn từ vô nghĩa.

- Chưa bao giờ em nghe nói chuyện nhiều như thế, - bà nói giọng cáu gắt, gần như thóa mạ.

Ông bảo bà im, và bà quay đầu sang chỗ khác.

Phải chăng đây là Hamlet, ông tự hỏi, đến rồi lại đi suốt vở kịch, một người đàn ông trắng trẻo, hơi gầy, mặc y phục màu đen? Mà chúng ta trước giờ vẫn chờ đợi? Đây là Hamlet của chúng ta ư? Với hai đầu gối yếu mềm. Những lời mà anh ta đã đọc, và đang nhớ, cố sức thuyết phục ông già. Một lần, ông biết một con ngựa già tên là Hamlet, một con ngựa hồng, không, một con ngựa thiên già màu nâu, một con ngựa kéo xe, thuộc về một lão già, tên là Furneal... hay Furness? Người này thường hay đánh xe vào làng mua tạp hóa, quất roi xua ruồi trên mình con Hamlet. Đó là một Hamlet. Hoặc đứng trong lán cỏ, trong chiếc áo bạt mà ông mặc mãi cho tới sau chiến tranh hàng bao nhiêu năm, đến khi nó ngả màu xanh lục, cúc đã rơi hết, và chẳng còn như ban đầu nữa; nhưng sáng hôm ấy, hay thực tế là nhiều buổi sáng, khi ông trộn lẫn cám và trấu, Hamlet thực sự trôi đến như một điều lý giải, hay đây là một nỗi hoang mang mới mẻ? Những buổi sáng màu xám này không khí toàn mạng nhện, mặt trời hiện lên qua những đám mây lớn, những hạt cỏ màu trắng rơi xuống kêu lách tách. Hamlet cảm thấy hoang mang, sau trận oanh tạc, phải chứng kiến màn kịch cưa cây kế.

Ông già ngồi trên khu ghế chót của nhà hát tiếp tục bị những lời kịch tấn công tới tấp đến suýt bất tỉnh, song nó cũng làm ông phấn chấn. Rốt cục, chẳng có gì phức tạp bằng vở kịch này, ông tự nhủ. Ông ngẩng đầu lên từ chỗ ông tựa vào lan can bằng đồng. Ông cứ bám chặt lấy bùa phép của sự bình dị. Nhưng chúng ta cũng là những con người bình dị, ông kinh hãi nhủ thầm, Amy bình dị, ta cũng bình dị, và không biết rõ mình. Thế là ông lại bị đợt sóng cồn của ngôn từ nuốt chửng, và đang đi lang thang trên sân khấu, nhìn vào mắt các diễn viên.

Bởi vì họ là như thế đó. Hamlet là một diễn viên. Phụ nữ đọc về anh ta trên báo chí và nghĩ đến anh trên giường. Họ run lên khi gió lùa xoáy mạnh từ bên dưới tấm màn và đập lên đôi vai trần của họ. Một vài người đính hoa lên khe ngực. Nhưng chính là Stan Parker đang nói chuyện với các cô gái dịu dàng bằng những câu đố, nghe chẳng khác gì những điều đã nói. Giá ông nhớ lại được những gì ông đã nói khi họ đứng ở đầu cầu thang, nhưng ông chẳng nhớ được lời nào. Nét thơ của ngôi nhà bốc cháy không làm bằng từ ngữ. Đúng ra, ông có thể nhớ lại bộ tóc đỏ của cô gái đã cháy thế nào, bộ tóc xém của họ đã xoắn lại thế nào, mỗi cái đầu vúi vào cái kia bằng những cái móc. Nhưng chẳng hề nói. Người ta không nói khi trao đổi tâm hồn.

- Thế thì ai điên? - Amy Parker hỏi.

Nhưng ông suýt bà im.

Không phải là mình, bà tự nhủ. *Xi, xi!* Rõ vớ vẩn. Tuy đôi lúc nó cũng có ý nghĩa.

Ôi trời, bà nhủ. Rồi bà bắt đầu nhìn theo con đường mà bà đã nhìn theo suốt cả đời, và đằng xa có một phụ nữ cưỡi ngựa, ngực cài hoa violet. Thơ không phải lời nói. Đó là tiếng leng keng của đinh thúc ngựa, hay của những sợi cương, hàm thiếc, có thể thế, mà nàng đeo, điều có người nói là tàn nhẫn. Người phụ nữ này chẳng chịu nhìn xuống. Nàng đã nhận ra khoảng cách. Thế là những lời thơ tàn nhẫn khác phi nhanh từ quá khứ vào bầu trời màu tím violet. Ngày ấy mình quá xoàng xĩnh, bà già tự nhủ. Mình không biết một điều, mình có thể đã được yêu dưới bất cứ dạng hình thức nào.

Rồi Amy Parker đang từ trên hàng ghế nhìn xuống cái vòng tròn, tay bám vào lan can của ký ức, chợt quả quyết đó là Madeleine. Đây là những bông hoa violet Madeleine chẳng bao giờ đeo, mà đáng lẽ thế, trong cái đám lá. Do vậy bà già nhìn đăm đăm qua bóng tối, tới hai vai ánh lên, và Madeleine đưa tay lên vuốt một sợi tóc hoặc phủi nổi chán chường ra khỏi đầu óc trong lúc diễn.

Khi đèn bật sáng nghỉ giải lao, người phụ nữ tan biến như bong bóng xà phòng.

- Em thề rằng người đàn bà cài hoa violet kia là Madeleine, - Amy Parker nói, ngả người xuống.

- Madeleine nào? - Chồng bà hỏi.

- Người trước đây suýt lấy Tom Armstrong. Người mà anh đã cứu sống trong ngôi nhà bốc cháy ấy.

Bà già tưởng chừng có thể cúi xuống nhặt những bông hoa violet, ký ức của bà thật tươi mát, và ấm sương.

Rồi chồng bà chậm rãi nhìn bà và nói với sự thô bạo của các ông chồng:

- Nhưng Madeleine lúc này đã là một bà lão rồi. Bà ta lớn tuổi hơn em, Amy. Mà em thì đã già rồi.

Và lắm lắm nữa, ông thấy rõ. Ông có thể thấy rõ điều này không có chút ác tâm. Rõ là có thể yêu những bà già lắm lắm và đáng ghét.

- Có lẽ vậy, - bà nói. - Ừ. Em không nghĩ ra.

Các bà lão mà xưa nay vốn tinh tế, lắm lúc tinh tế ghê gớm, thì trở nên lắm lắm hơn khi họ bắt đầu lắm lắm, như thể sự tinh tế đã làm cho họ kiệt quệ.

Thực tế Amy Parker mệt mỏi rồi. Bà chậm rãi ăn chocolate và để cho cái khoái cảm ngọt ngào ấy tràn ngập người bà khi không còn những thứ khác. Chắc hẳn Madeleine đã chết. Điều ấy dường như cũng không quan trọng.

Nhưng bà bỗng cảm thấy buồn, hoặc cảm được vị chocolate. Chocolate có cái u sầu của nó, ở nơi cao vút và tăm tối. Bởi giờ đây nơi này rất tối. Cái khu ghế chót tai ác của ký ức, trong đó bà lão bị đẩy vào để hưởng thụ, sột soạt hơi thở và giấy, trong khi những người khác để cho những con rối của họ nhảy múa. Những kẻ đang ở trong khung vàng của sân khấu ít sức thuyết phục hơn, vì họ đang lặp lại những lời trong sách. Mà sách thì không thể tha thứ được. Anh không thể làm theo những điều được ghi chép.



Thế là Amy Parker, người bắt đầu hơi gật gù khi ngồi trong bóng tối từ trên cao nhìn xuống, tràn ngập những ngôn từ hoặc những chiêm ngôn kia. Cũng như bà đang tràn ngập trong lòng. Lúc này bà bước đi, mặc toàn xa tanh và có thể bị vướng vào bụi hương thảo hay bất kỳ loại cây sắc nhọn nào khác trong vườn, đương khi nói chuyện với Hamlet. Đồ của bà màu đỏ. Thật là kỳ quặc khi nghĩ rằng chàng Hamlet bạch diện, lại là con trai của bà hoàng hậu kia, một người phụ nữ to lớn, thậm chí đầy đà, xiêm áo bằng xa tanh cho thấy rõ. Ngay cả các hoàng hậu cũng oằn mình và lúng túng. Hamlet có ghét mẹ mình không? A, Ray, Ray, bà tự nhủ, cho mẹ cái miệng của con một lần, để mẹ có thể nói được điều đó qua cái hôn. Nhưng căn phòng ấy, gian bếp cũ, cũng trống trải như một sân khấu, theo bà nhớ thì cũng chẳng mang những câu trả lời thực sự như Hamlet, nó đã biến mất trong đêm tối, cái đêm đầy tia chớp và lá cây.

- Hừ, - bà nói, mồm bà ngậm một mẫu nhân cứng cứng, caramen hay thứ gì đó, dính vào răng. - Những người này nom ngộ nghĩnh thật. Họ ăn diện như thế để làm gì nhỉ?

- Họ là những người diễn kịch, - Stan Parker nói, lúc này ông đang đọc lại vở kịch, trước giờ ông luôn thắc mắc về đoạn này. - Họ đang diễn một vở kịch hoàng hậu phụ tình cha của Hamlet. Hoàng hậu đã lấy vị vua hiện nay, kia kìa.

- Tttt - Amy Parker chặc lưỡi.

Ngay sau đó các diễn viên diễn xuất chính xác tới mức cứng nhắc.

Stan Parker nhớ lại cái vỡ kịch nhỏ ấy, mà trong đó bản thân ông đã bị đầu độc, và tổn thương. Song lúc này ông không đau đớn. Nom thấy diễn viên lên ra và phóng chiếc ô tô màu xanh đi mất. Nom thấy cái thân hình to lớn của gã thương nhân lao nhanh qua cửa vào trong ô tô. Mọi đau đớn đều nguôi dần. Ông cụ bắt đầu xát xát lớp da của hai bàn tay già nua trong bóng tối. Nỗi trống trải làm ông kinh ngạc. Ông đã đọc ở đâu đó: con thuyền vắng bóng người. Đêm hôm ấy, khi ông nằm nôn mửa trên đường phố, khi ông đứng trên đường phố và khạc nhổ vào Chúa, vào mọi thứ, ông trở nên trống rỗng. Nhiều năm trong cuộc đời nhẹ tênh và dễ chịu nhưng rỗng tuếch đã làm ông hài lòng, nếu như không có cái ký ức nhỏ bằng hạt đỗ kia cứ lọc cọc bên trong. Bây giờ nó bắt đầu làm ông cáu tiết. Vỡ kịch này định nhằm cái gì đây? Ông tự hỏi, xoa hai bàn tay già cỗi vào nhau, hai bàn tay vẫn chai sạn mặc dù ông đã thôi không lao động nữa.

- Cứ tiếp tục như thế thì thật buồn cười, - Amy Parker nói.

- Sao, ngoại tình ư?

- Không, - bà làm bầm nói tiếp. - Đổ thuốc độc vào tai người đàn ông.

Bà không chịu nổi glycerin, hay dầu nóng, mà thỉnh thoảng người ta dùng để chữa viêm tai với một cái thìa kê rờ rờ. Bà rùng mình. Những dòng suy nghĩ cứ tuôn ra từ những khe trong bộ não...

Chính những buổi xế trưa đã dần đầu độc bà. Bà rất có thể đã đập đầu vào tường, chờ đợi. Người đàn ông ấy, gã ấy. Đóng kịch như thể mình không muốn. Rõ là đóng kịch.

Bà rạo rức khát khao được ngồi kề bên chồng trong bóng tối.

Đúng thế, mình đã chế ngự được nó. Mình không muốn cái ấy. Có thời mình không muốn gì cả, bà suy tư. Hay trong một cơn kinh hoàng, nó ập đến với bà, theo luồng ánh sáng và tiếng động từ sân khấu sáng trưng, có một thời mình muốn mọi thứ và không biết đó là gì. Ta muốn Stan, ta muốn Ray, hoàng hậu nói, và ta không chắc rằng ta đã có cái gì, rằng ta có biết mình có gì hay không.

Trên sân khấu bỗng âm âm dữ dội khi hoàng hậu và hình bóng của bà vụt chạy vào bóng tối, khỏi cái màn kịch nhỏ thô cứng. Hình như bà bị đánh bại, bởi cơn sợ hãi.

Bà lão trong khu ghế chót vẫn ngồi lại, vô cùng đau khổ. Bà đang cố giành lại thằng bé con. Bà đang ngồi trên giường sắt, đầu gối bà chạm vào đầu gối người chồng trẻ.

Nhưng vở kịch vẫn tiếp diễn, vở kịch lớn *Hamlet*, điên loạn và đứ thú.

Felia không gây xúc động bằng, vì thiếu cá tính riêng. Cô ấy không làm mình sợ hãi như Bub, vì mình đã quen với mọi thứ. Trong khi vẫn còn học hỏi. Mình có lẽ sẽ kịp hiểu về Stan. Nhưng tất cả sự điên loạn này. Vở kịch này lắm điều vớ vẩn. Người điên nói ngôn ngữ riêng của họ, giống như người có học.

Dẫu vậy, chết chóc và mai táng, anh phải đương đầu với nó, khá giản đơn và chẳng điên rồ. Họ đang chôn bà. Đất đang rơi xuống.

Những dấu nhấn lớn của số phận đang tràn ngập nhà hát, nên mọi người quên mất sự gò bó và các nếp nhăn trên áo quần cùng

sức ép không chịu đựng được của thi ca. Đã gần đến kết thúc. Mọi người đều cầm dao găm kề tim, hay kề hoa violet, tùy từng trường hợp.

Ngay sau đó, các diễn viên uyển chuyển đâm chém nhau bằng kiếm và lời nói. Bản thân Hamlet, người cho đến lúc này vẫn đóng vai Con Ma Thứ Hai, con ma của ký ức, rạn vỡ lao vào sự hiện diện của cái chết, mà cũng là thực tại, còn mọi thứ khác đều là dĩ vãng và tương lai, những câu chuyện và niềm hy vọng, nếu ta đem so sánh. Trong một lúc các diễn viên đều im lặng, ngoài việc thở hổn hển và vung vũ khí loảng xoảng, khi không thể thốt ra được những từ ngữ tôn kính. Một ngọn đèn chói sáng trong chiếc sơ mi ướt của chàng Hamlet đang đứng dậy.

Nhiều người trong đám khán giả đang ngồi trong bóng tối theo dõi cũng toát mồ hôi, bởi vì kết thúc của Hamlet quá phức tạp không theo dõi nổi, trừ phi họ đã sống qua. Song Stan Parker, ông già ngồi ở khu ghế chót, cảm thấy lạnh ngắt và trở như đá khi những người chết chông chất lên nhau. Sau khi lang thang qua sân khấu qua hàng thước ngôn từ phun ra, thở từng hơi thở với các diễn viên, và trải nghiệm những ảo mộng giống nhau suốt cả buổi tối, ông lùi lại một khoảng vào cuối vở kịch. Ông ngồi đó. Một ánh sáng màu xám bao trùm, vô tình hay cố ý, giống thứ ánh sáng nhìn thấy trong buồng ngủ vào buổi sáng. Đây là thứ ánh sáng mà ở đó con người nhận thức được rằng mình sẽ chết.

Vậy là mình sắp chết, ông tự nhủ. Hình như điều ấy là bất khả.

Sau khi các xác chết đứng lên và cúi chào như thể họ chịu trách nhiệm về sự thăng cao của họ, chiếc màn đỏ hạ xuống, Stan Parker

ngồi nán lại và tự suy xét mình.

- Áo của anh đâu rồi? Không đánh mất chứ? - Bà vợ hỏi, bà cảm thấy buộc phải đóng góp cái gì đó vào cuộc sống.

- Đâu dưới ghế ngồi thì phải. Anh để ở đây mà. - Ông già nói.

- A, - bà nói, - toàn bụi là bụi. Nom kia! Nhìn nhúm cả. Cái áo đẹp của anh đấy!

Vậy mình phải chết. Nhưng vì điều này quá mênh mông không nắm được, ông đứng lên, như một diễn viên rời sân khấu, và hỏi:

- Em có thích không?

- Em muốn có một tách trà ngon, nhưng đừng mong ta sẽ có được, - Amy Parker nói. - Cái áo của anh hỏng mất rồi.

Bà cũng chải chải và đập đập mái. Để khôi phục một cái gì đó. Nhưng ông để mặc bà.

Và bà mừng là ông không hỏi bà nữa khi hai người đi xuống theo cầu thang, bởi có nhiều điều bà nhìn và nghe làm bà phiền lòng. Điều họ đã nói về vị hoàng hậu. Thế đấy, da thịt bà trần trụi. Cũng có những điều bà không hiểu được nhưng cảm thức lờ mờ trong khu rừng từ ngữ được hồi tưởng lại.

Thế là vở kịch đã kết thúc, và sau đó không lâu họ trở về nơi của họ.

Sự trở về của họ là sự trở về cái tập quán quá quen đến nỗi chẳng bao lâu Stan Parker sớm có thể gạt bỏ được linh cảm về cái

chết. Không cố tình. Thật ra sự cố ấy đã tuột khỏi ông. Tập quán thay thế cho suy tư, hoặc rút cái nọc khỏi nó. Nay ông mỉm cười thường xuyên hơn, không phải với những công việc cần thiết, hay những việc ông phải làm và tuy nụ cười có phần nào trừu tượng nhưng mọi người vẫn coi đó như một dấu hiệu của sự hài lòng và khả ái. Ông đã nổi tiếng là một ông lão tốt bụng, và là người lảng giềng trông mặt mà bắt hình dong?

Tuy nhiên ông cụ rõ ràng rất bình thản. Ông đã học nghề đan lưới, làm được vài cái lưới bẫy cùng đôi chồn sương ông mua. Sau đó không lâu ông đi lang thang, xuống cái rãnh ở sau nhà, quanh vùng chưa xây dựng xong, mang theo đôi chồn sương trong một cái hộp nhỏ đeo giữa lưng, một khẩu súng cũ khá nặng, theo sau là một con chó đen bản thủ bị viêm loét một tai.

Đêm hôm ấy, cái đêm mà Stan Parker sẽ nhớ mãi vì cái sự cố đã xảy ra, một trong những đêm mùa đông yên tĩnh, khi gió đã ngừng, nhưng vẫn có luồng không khí lạnh thổi qua, như tiếng nước chảy dưới lòng khe khô cạn. Những cành khô kêu rảng rác, tiếng ho vang lên dưới bầu trời mang màu sắc hai kim loại, chì và đồng, bên dưới là một cụ già đang bước cùng một con chó già. Có thể tin rằng con người ta cô độc trên cõi đời này. Những chiếc lá cứng nhọn của bụi cây không tiết ra chút nhựa ưu ái nào. Mà người ta cũng không cầu xin lòng tốt. Đá tảng và sự im lặng tự bản thân chúng đã đủ rồi.

Thế rồi ông lão đang bước ngoan cường trên đôi bàn chân run rẩy bỗng nhiên trượt ngã. Ông là một con bù nhìn già với hai cánh tay gỗ, khẩu súng huơ huơ ở cuối một cánh tay, và cái hộp nhỏ ngộ nghĩnh đựng chồn sương có nhiều lỗ thông hơi nhún nhảy trên

xương vai. Khi bầu trời nghiêng ngả, ông cụ bấm cò. Mọi việc diễn ra quá nhanh, đến nỗi nó cứ chầm chậm day dứt trong trí óc ông. Sao chổi vẫn vụt qua chậm rãi trước mắt, vừa nóng vừa lạnh, vừa thực chất vừa hải hùng, trong khi ông nằm dưới đất và nhận thấy rằng ông suýt bắn trúng mình. Con chó đen chạy quanh hít hít và phát ra những tiếng khịt khịt.

Rồi ông cụ đứng lên và tiếp tục đi, sau khi đóng chốt an toàn. Ông rần rỏi, đương nhiên. Ông đã từng lao động vất vả và có thể chịu đựng một chút va đập. Nhưng bây giờ ông đi run run tuy người vẫn thẳng đứng. Đôi mắt ông nhức nhối. Dưới mắt là những vành đồ, giống như những vành có thể nhìn thấy dưới mắt vài con chó già.

Con chó đen đang chạy khắp khiêng đằng trước chủ, bỗng tru lên ở cửa một cái hang.

- Tốt lắm. - Ông cụ thở dài tán đồng.

Ông đi vòng quanh, nhìn xuống đất, rõ ràng là tìm những lối khác vào hang để cắm bẫy lưới. Nhưng ông lòng sục vô định. Một lát sau ông cụ ngồi xuống một tổ kiến. Ông chỉ ngồi thôi. Trong khi đó con chó đen vẫy đuôi và tru lên. Mấy con chồn sương cũng quay đi quay lại và lục cục trong bóng tối của cái hộp quen thuộc treo lơ lửng.

Chẳng mấy chốc, ông cụ nghĩ.

Trong lúc đó ông vẫn ngồi. Và kiến bò ra xuyên qua lớp đất.

- Ôi Chúa ơi, - Stan Parker nói.

Ông như treo lơ lửng.

Rồi cuộc đời dễ chịu của ông, đã trở nên trống rỗng hàng bao năm nay, bắt đầu đầy dần. Không phải tự nhiên mà sự trống rỗng sẽ chiếm lĩnh, cuối cùng đầy ứ, hoặc với nước, hoặc trẻ con, hoặc bụi bặm, hoặc tinh thần. Thế là ông già ngồi nuốt vào. Miệng ông khô và đóng bánh, cái miệng cũng đã từng nôn ra cuộc đời của ông đêm hôm ấy ở ngoài đường phố, ông vẫn còn nhớ. Ông nghĩ đến điều ấy khôn nguôi.

Cái gì đã được định trước bởi ta và cho ta? Ông băn khoăn. Ta chẳng biết gì cả.

Dẫu vậy chẳng ai trả lời ông.

Một lát sau ông cụ gọi con chó già vẫn cứ ngồi trước cửa hang, héch cái mõm xám, lắc lư cái tai lở loét, rồi cả hai bước đi. Ông cụ bước thận trọng, lòng khuấy khỏa bởi cảm thấy mình vẫn tiếp tục tồn tại dưới bầu trời đêm.

Đêm hôm ấy khi trở về nhà ông gặp con gái đang ở đó. Nàng đang đứng trong bếp, ngỡ ngàng nhìn mẹ nhúng một miếng thịt bò vào xoong súp đang sôi, như thể chưa từng nom thấy cái điều kỳ diệu ấy bao giờ. Tất cả các cuộc viếng thăm của Thelma Forsdyke đến nhà bố mẹ đều nhuộm một vẻ kỳ diệu hài hước cùng với sự thành đạt, để thay thế cho cảm giác hổ thẹn trước đây. Những cuộc viếng thăm khá thường xuyên, hầu như vào đầu giờ chiều, để nàng có thể về nhà, và nghỉ ngơi trước khi mặc quần áo xuống ăn tối. Nàng cũng thích tắm, và sau đó có thể chịu đựng hầu hết mọi thứ. Sau khi đeo mấy chiếc nhẫn vào bàn tay không chút vết của nàng.



Tuy nhiên lần này bà Forsdyke mang vinh dự đến cho bố mẹ vào dịp cuối tuần, một điều hoàn toàn bất thường. Nàng nỡ điều gì hay chờ đợi điều gì có lẽ? Không rõ lắm. Nhưng nàng đã đến, bảo đảm không bị thiếu thoải mái bằng thịt hun khói, một lọ muối tắm, và một chiếc gối con xinh xắn độn lông trong chiếc áo gối màu hồng, để kê đầu khi mất ngủ, đặt trên các chiếc gối thô xấu nhà bố mẹ.

Nàng cũng mang theo nhiều trào lộng hơn mọi khi đến cho đôi vợ chồng già hóm hỉnh này, những người khá hiền lành và kỳ quặc.

Khi bố nàng bước vào bếp, nàng đi về phía bố, ngẩng mặt lên cho bố hôn, và sau đó nói:

- Kìa bố, da bố lạnh quá. Bố ở đâu về đây?

- Đi loanh quanh trong khe nước. - Stan Parker nói.

Song nàng không lắng nghe câu trả lời của ông, cái mà nàng đoán là chẳng quan trọng gì. Nàng đang nghĩ mình thích hôn bố biết chừng nào khi giờ đây bố đã trở thành một ông già lạnh buốt.

- Bố con có hai con chồn sương tuyệt vời, - bà mẹ nói.

Mà có một thời hẳn bà mẹ đã oán giận.

Ta sẽ không nói cho họ biết là ta suýt tự giết mình, Stan Parker nhủ thầm.

Đó là một sự cố rất riêng tư, không thể giải thích một cách thuyết phục. Đó là một bộ phận của nửa con người bị nhấn chìm của ông.

Thế là ông ngồi thái miếng thịt, cách xa, và nghe loáng thoáng tiếng vợ đang kể lại với cô con gái câu chuyện của những mẫu đời khác.

- Mẹ chưa bao giờ kể với con, Thelma ạ, - Amy Parker nói. - Ray đã bỏ Elsie rồi. Cách đây ít lâu. Có lẽ con biết rồi nhỉ?

- Con làm sao biết được? - Thelma nói, mắt nhìn xuống.

Món thịt bò thật kinh khủng.

- À, chẳng nào nó cũng bỏ rồi và ít lâu nay đang sống ở Darlington với một vài người đàn bà khác, hình như thế. Chắc hẳn chẳng ra gì.

- Người đàn bà chẳng ra gì là kẻ thua cuộc. - Thelma nói.

Thelma đang mài tò mò dò xét thớ thịt và lớp sụn xám.

- Đó là một cách nói, - bà mẹ nói. - Thật tội nghiệp Elsie.

- À, vâng, khổ thân Elsie. - Bà Forsdyke thở dài. - Hay đúng hơn Elsie đáng thương đã thoát nợ.

- Thelma, con nhẫn tâm quá. - Amy Parker nói.

Bà mẹ quên bằng bản thân mình.

- Con thế đấy. - Thelma nói. - Đó là cái tội lỗi lớn của con. Con đã cầu nguyện để thoát khỏi nó nhưng vô hiệu.

Nàng đã từng nom ướt át như lúc này. Biết rõ bản thân là thứ xa xỉ đáng buồn nhất. Nhưng qua kinh nghiệm và học tập nàng đã đạt

được điều này, cùng với tiếng Pháp và những chiếc áo lông.

- Nhưng Ray không hoàn toàn có lỗi. - Bà mẹ bây giờ mới nói.

- Chẳng ai hoàn toàn có lỗi cả. Nếu có một vài người như thế thì đơn giản biết bao. Có thể tổng khứ họ.

- Mẹ không biết chuyện ấy. - Amy Parker nói. - Mẹ mới là người có lỗi.

- Kìa, mẹ. - Thelma nói.

Nàng ước gì mình đừng tới đây.

- Nhưng mẹ yêu anh con. - Bà mẹ nói.

Lúc này Thelma co lại. Khi nghe từ “yêu”. Xưa kia đọc về khát vọng tình yêu, nàng vẫn thường thích được tắm mình trong dòng nước ấm áp của tình thương. Những anh chàng mặt đỏ, béo ị, những anh chàng hay cáu, mà Ray là một trong số đó, nhìn nàng từ mọi góc ngách.

- Thật đáng tiếc là người hàng thịt đời thứ hai không sinh sống ở Durilgai. Có cạnh tranh thì sẽ có khác biệt. - Nàng nói.

- Miếng thịt này khá đầy. - Người bố nói.

Bởi vì đã đến lúc ông phải nói.

Ông đã nghĩ đến thằng cháu nội, cảm thấy được an ủi phần nào, và cảm thấy có lỗi.

- Đây là miếng ngon nhất ta tìm được rồi. - Ông nói với vẻ thù hằn, khế đập vào miếng thịt.

- Trong chuyện thịt cũng như trong mọi chuyện, nó tùy thuộc ở cái tiêu chuẩn mà ta chấp nhận. Hay phải chấp nhận. - Thelma vui mừng nói.

- Nó cũng đã bỏ việc, - bà cụ nói, - và đang làm ở đâu có trời mới biết được. Nó đang bị con mụ đàn bà này xỏ mũi. Hồi còn trẻ ả lẳng nhăng lẳng, có vẻ thế, giờ thì chẳng còn trẻ mà cũng chẳng tốt đẹp gì.

- Mẹ, con thét lên bây giờ đây. - Bà Forsdyke nói, đưa hai tay bịt tai.

Nhưng nàng không thể nhắm mắt.

- Ta không ăn pudding sao, bà nó? - Stan Parker hỏi.

Rồi Amy Parker đi vào và mang ra một chiếc pudding nhỏ khô mà bà rất tự hào. Thelma yên lặng ngồi ăn.

Đến khuya, khi đã khôi phục lại được cái không khí thuận hòa, khi các dạ dày đã sôi ùng ục, và có mùi thuốc lá, Stan nói:

- Tôi đang nghĩ đến chuyện sáng mai đi lễ đây.

- Thế thì hay quá, - bà mẹ trả lời. - Thelma cũng có thể đi luôn. Mẹ sẽ chuẩn bị bữa trưa hai bố con về ăn cho nóng sốt.

- Tôi muốn đi lễ thật sớm kia, lễ Ban thánh thể ấy. - Ông lão nói.

- À, thế đấy. - Amy Parker nói. - Đã lâu lắm ông chưa đi lễ Ban thánh thể, cho nên tôi không biết là ông định đi lễ đó. Tôi chẳng thích lễ Ban thánh thể tí nào. Chẳng có thánh ca.

- Chẳng ai cần đến chỗ mình không thích, - ông cụ nói, - và ý thích là một vấn đề của lương tâm.

- Con sẽ đi với bố, bố thân yêu. - Thelma nói, khẽ cúi đầu, mỉm cười nghiêm nghị dịu dàng.

Ông không muốn thế.

- Con sẽ lái xe đưa bố đi. - Nàng nói.

- Thôi. - Ông cụ nói.

Ông không thích chiếc xe ấy.

- Chiếc xe cũ chẳng làm sao cả. - Ông nói. - Nó còn tốt chán.

Họ sẽ ngồi hàng hoàng trong đó.

Nhưng Amy lặng thinh.

Mình chẳng hiểu điều này, bà tự nghĩ. Đôi khi bà nghi ngờ những ai có quan hệ với Chúa. Dĩ nhiên bà cũng đã cầu nguyện, và sẽ tiếp tục làm như thế; nhưng bà không ý thức nhiều về lời lẽ như về đôi bàn tay mà bà hít thở ở phía sau, cùng bao nhiêu thứ quen thuộc bà nhìn thấy trong bóng tối kia. Chỉ khi bà ngờ rằng chồng bà đã nhận được ân phúc của Chúa, và ngay cả ông, một người khá bình dị, cũng đang bao bọc nó trong bí mật, thì bà mới bực dọc.

- Lễ sớm như thế rét lắm, - bà thở dài. - Ngồi không duỗi chân khó chịu lắm. Tôi lấy làm lạ là sao không đợi trời ấm lên rồi hẵng làm. Chẳng ai đến để thấy tôi tệ hơn cả, tôi quả quyết vậy. Tôi lỗi cũng như phần lớn những thứ khác vẫn cứ diễn ra.

Thế nhưng sáng hôm sau, khi Stan đã đi vắt sữa con bò có đôi sừng xấu xí, bà vỗ nước vào mặt. Bà đang run rẩy trong phòng. Bà có thể làm cái gì khác ngoài việc trần trở trên giường? Người run bắn, bà cài khuy, kéo áo xuống. Sau đó, thu thập để ra đi, Thelma mang găng tay, mặc quần áo giản dị nhất nhưng rất đắt tiền, và Stan, với những nét hiền hòa từ mũi đến mồm, mọi người đều trầm lặng hơn vì ngày Chủ nhật lạnh lẽo, yên tĩnh. Song Amy Parker có thể nghe rõ cơn run của mình. Liệu mình có khá hơn không? Bà bồi hồi tự hỏi trước nhà thờ. Bà lẽ ra cảm thấy xấu hổ mà thừa nhận rằng mình đang tìm kiếm những điều thần kỳ như các cô gái trẻ.

- Em cũng đi à, Amy? - Stan hỏi.

- À vâng, - bà nói, tức giận về điều hiển nhiên, chiếc mũ đội trên đầu. - Em biết làm gì ở đây sau khi hai bố con đi rồi? Anh không nghe thấy tiếng ô tô rồ máy ngoài sân, anh lúc nào cũng ở trong ấy.

Bà đỏ mặt giận dữ vì sự ngốc nghếch của Stan. Nhưng chẳng ai để ý. Và họ vừa đi ra vừa đếm tiền.

Sáng hôm ấy sương giá đọng trên nền đất đen.

Liệu ta sẽ được đề cao hay bị hủy hoại? Bà Forsdyke tự hỏi khi bà ngồi trong chiếc xe cũ của bố, nước mắt lưng tròng.

Ông cụ đưa họ đi rất thận trọng giữa hai hàng cây bạc trắng, tiến về phía cái chuông duy nhất đang vang trong tháp chuông. Nhà thờ ở Durilgai vẫn là cái nhà thờ thẳng tắp, trong đó các linh hồn đã lơ mơ ngủ, chim chóc đã chết, và tội lỗi đã thoát khỏi bọn trẻ đang kêu đình tai khi chạm vào nước, luôn luôn thế. Nhà thờ đứng giữa các bến tàu và những cây ké sữa. Một số bia đá dành cho người chết đã vỡ vụn. Mà chính những tảng mới kiên cố, bằng granit và cẩm thạch mới bộc lộ sự bất lực tồi tệ của chúng. Khi ô tô của ông Parker đến, một số người khác đang đi vào, các bà già, các cô gái lạnh lẽo, mặc màu đen hay màu ghi, những người đàn ông lịch sự mặc áo cổ cứng hơi vàng ở chỗ sát cổ. Cũng có một con chó vàng, tạm thời vô chủ, đang đứng trơ xương sườn và chỗ chiếc mũi ướt vào cái lạnh chung quanh.

Thelma Forsdyke, giờ đây không còn là một người nhà Parker nữa trừ về mặt lý thuyết, nghiền chặt răng sẵn sàng đương đầu với những gì nàng sắp phải chịu đựng. Nàng thích sắc đỏ tía thắm đượm của tôn giáo. Và tâm hồn nàng hưởng ứng như sắc màu đỏ tía. Hoặc trong khi đàm luận về niềm tin riêng tư với các cha cố đáng kính. Đôi khi nàng vươn lên đỉnh cao vời vọi, nhưng không đứng vững ở đấy, bởi vì chẳng có ai nâng đỡ nàng, trừ đức Chúa, và nàng run sợ trước sự thân mật kéo dài đến mức độ ấy.

- Bà Westlake kia. - Amy Parker nói. - Bà vừa cắt một khối u đấy.

Mọi người ngấm nhìn con gái nhà Parker, ngấm nhìn quần áo. Những người già nhớ lại khi nàng còn thò lò mũi, nhưng họ giấu sự hiểu biết của mình đi. Các cô gái trẻ tròn xoe mắt kinh ngạc.

Lướt qua sự xao lãng đó, họ đi vào. Gian phòng vẫn còn vang tiếng chuông chưa đầy người. Quá ít người có đủ can đảm. Những ai có đủ thì chưa vươn lên khỏi thân xác của họ. Họ mở sách ra và đọc những lời dành cho các dịp khác, cứ như là họ có thể tìm ra đầu mối cho hiện tại. Mọi người đều cứng như gỗ, hình như thế, trong cái nhà thờ bé nhỏ phảng phất mùi gỗ lạnh này. Những gương mặt băng khuôn đang mong đợi ân huệ từ trên ban xuống. Trong khi đó lớp cước trên chân tay than khóc.

Khi cha xứ bước vào, đóng sầm cánh cửa, vì ông là một người quyết đoán, mang đôi ủng rất bền, bà Forsdyke liền thấy ngờ vực, có thể ông không kính trọng sự giàu có của nàng đúng mức, rồi hồi hận, mọi người đều đứng dậy với cử chỉ vô cùng lúng túng, hầu như quên hẳn mục đích họ đến đây. Cha xứ không giúp được gì. Ông đã cọ xát bộ mặt của tôn giáo cho đến khi mọi nuối tiếc riêng tư phải bật ra khỏi nó. Ông là người khá khỏe. Bản thân những cơ bắp của ông không cho phép ông ngờ vực, dẫu sao cũng đã mấy năm nay, khi ông vật lộn với bằng chứng của sự dửng dưng. Các lỗ chân lông của vị cha xứ ít lời này thường xuyên toát ra mồ hôi, đôi khi ngời sáng, đôi khi chỉ là mồ hôi.

Bà Forsdyke rùng mình.

Cái lạnh lẽo của lòng tin đã xâm chiếm con người, nàng tự nhủ: thế là ta không tin. Nàng sẵn sàng từ bỏ hết quần áo lông với tốc độ đáng xấu hổ, trốn chạy. Mẹ nàng đang cầm một cuốn sách với dáng điệu không tự nhiên, giở các trang với cung cách người già, không để ý đến nàng. Chẳng ai để ý tới bà Forsdyke. Thật là kỳ lạ, thật là kinh khủng, thậm chí bi thảm nữa. Vì thế trong tâm trạng không có ý



định cầu nguyện nhiều khi nàng thật sự có lúc vươn tới Chúa, tay nắm chặt các đơn thỉnh cầu như thể chúng có thể vỡ tan, nàng buộc phải đi lang thang giữa những tấm bia, bài vị dùng cho người chết, lòng buồn rầu, khiến cho tâm hồn khô cằn của nàng mang thêm vẻ xấu xí đang ngự trị kia.

Buổi lễ diễn ra trong cái giá lạnh đã ấm lên đúng lúc. Những từ ngữ tựa cảm thạch leo cao dần, nối tiếp nhau, được chà xát bởi lòng nhiệt tình hay hơi thở của giáo đoàn, khi họ quỳ xuống hay tạm đặt đít ngồi bên rìa các ghế nhà thờ. Máu bắt đầu lưu thông. Thịt da của từ ngữ sinh sôi từ cảm thạch. Do vậy Amy Parker như được đưa tới sát kề lòng thành tín. Bà cảm thức được từ ngữ. Bà nghe như có lúc chúng rít lên. Và chập chờn lắng nghe chúng. Hoặc hôn chúng. Từ ngữ cũng hôn. Và lúc ấy những cơn ngáp làm bà nứt toác, và một suy nghĩ tục tĩu đến mức khiến bà nhìn khắp mọi người để xem họ có nhận ra trong bà già họ quen biết, một người nào khác không. Nhưng họ không nhận ra.

Mỗi một con người đều bị thu hút vào những bí ẩn của bản thân. Họ cúi đầu dưới cái mũ cầu kinh, tạm thời xóa bỏ cá tính của họ. Ngay cả những khuôn mặt của trẻ con cũng bị rút sạch, cổ của chúng mảnh mai và không thể nhận ra được, khi quỳ ở đấy, cào cào nhau và đâm chọc nhau.

Amy Parker, bà cụ già mặc váy sẫm màu, hoặc không phải thực sự là một bà cụ, có làn da đôi khi hồi sinh, lắng nghe những lời vị mục sư khỏe mạnh phát ra với sức mạnh đến dường ấy. Dĩ nhiên những lời này dành cho người khác, và vì lẽ đó bà có thể chịu đựng những điều tệ hại nhất. Chúng rơi xuống cái đầu đang cúi của bà mà

không xuyên qua cái khiên sẫm đen là chiếc mũ, để cho bà cuối cùng có thể đứng lên khỏi cái tư thế bất tiện, chân bà cũng đang đau, và tuyên bố lòng tin với cả lòng yêu thương cùng sự sôi nổi; nó lộn xộn trong bà trên những sợi dây của ký ức, qua đôi môi ướt, và bà đang xoa mạnh hai tay phía trước mặt, cả hai cổ tay, qua lần áo, hai cánh tay biết thương thức của bà, làm cho chúng hồi sinh.

Mình không nghĩ rằng mình có thể thương thức buổi lễ này, không bao giờ, Amy Parker tự nhủ. Nhưng nó chạy ngoằn ngoèo phía trước bà, với giọng đàn ông của nó, và bà lắng nghe, nó phát sáng, ngay cả trong những điều bí ẩn đen tối hơn của nó, bà đã có thể làm dứt cơn đau bằng cách đặt hai bàn tay ấm áp của bà lên.

Thế thì mình sai chằng? Bà tự hỏi, đưa mắt liếc nhìn chồng, người tạm thời lúc này không quen biết bà, và nom có vẻ gầy gò, khốn khổ, với cái cổ cong cong, khẳng khiu.

Bà cụ già những muốn tận hưởng ánh sáng đỏ thắm rơi từ cái viên thủy tinh của Chúa xuống sàn nhà, nằm đó, trong từng ô quân cờ nhỏ nhỏ, nằm trong bụi, nhưng đỏ thắm. Châu báu óng ánh trong đôi mắt bà khi bà theo dõi những ngôn từ của người đàn ông trong buổi lễ với chuyển động khe khẽ của cái đầu do thói quen. Bà cũng đã có thể theo một tôn giáo mà bản thân bà cần đến và leo cao. Nhưng ông chồng chẳng để cho bà làm như thế. Đối với Stan thì Chúa là cái gì? Bà băn khoăn, tựa vào vai chồng, ta không biết Chúa, Stan chẳng để ta làm thế. Bà thích đổ tội cho người khác thay vì bản thân, và gần như thấy thuyết phục. Lúc này bà làm bầm, càu nhàu ra tiếng. Ông ấy đã biến mình ra thế này đây, thư giãn trên chiếc nệm của sự tầm thường của bà. Bỗng bà sức nhớ đến cái

bánh pudding mà mình làm ngày hôm ấy, lần đầu tiên, với một quả đóng lọ và cùi bánh mỡ cứng.

Song Stan Parker thì không nghĩ đến vợ sáng hôm ấy sau khi bước lên xe. Đứng đấy, đầu óc ông thực ra trống rỗng, có thể đó là tình trạng thất bại, hoặc giả là một sự hiến dâng. Ta không thể cầu kinh được, ông tự nhủ, không muốn cố, vì ông biết rõ cái vô vọng của nó. Thế là ông cứ đứng, hoặc quỳ, một tù nhân trong bộ xương sườn của mình.

Cha xứ đã bắt đầu nhồi lòng tin vào tâm hồn của mọi người trong giáo xứ của ông. Ông sẽ dùng búa nếu cần để đóng nó xuống. *Hãy nghe những lời an ủi biết bao, cái giọng trai trẻ, khiêm nhường nhưng lạnh lạnh của cha xứ vang lên, và cũng hãy nghe những gì Thánh Paul nói... Và cũng hãy nghe những gì Thánh John nói... Nếu người nào đó phạm tội...*

A, giá như điều này đúng, Thelma Forsdyke tự nhủ, mình không có ý định báng bổ, nhưng mình không thể tin điều đó là đúng được. Nàng run rẩy trong tấm áo lông. Có gió lùa, vì họ không đóng cửa, và chỉ có nàng cảm thấy lạnh. Người run bắn, nàng cố gắng để tin rằng điều đó chẳng quan trọng. Tin. Tiếng ấy sao mà đáng thèm thế. Chẳng phải là nàng không có lòng tin, có điều là cảm hứng có nhiều cao độ khác nhau. Thế rồi lòng dạ bắn khoăn, nàng đưa mắt nhìn quanh để xem khuôn mặt nào trong số này sẽ được cứu rỗi bởi niềm tin ẩn kín, bà cụ già có khối u, hay người đàn ông tóc chải gom xuống thành từng dải, người vừa học được sự rèn luyện của lễ nghi, hay mấy người xấu xí vừa vùng dậy khỏi giường do ngẫu hứng,

hoặc do lò xo, có phải thế không, có lẽ phải có một cơ chế cần thiết sẵn sàng hiến dâng, để bắn lên thiên đường.

Tôi tin kia mà, tôi tin, tôi tin, Thelma Forsdyke khẩn khoản.

Và vị mục sư của Chúa, người đang dùng đầu ngón tay lấy bánh mì, cái mồm lóng ngóng vụng về đang ném rượu, cũng cố gắng đến tuyệt vọng vượt lên bánh mì và rượu. Nhưng hành động cao cả này quá khó khăn. Đôi má khốn khổ của ông tiếp tục trệu trạo. Một mẩu bột dính vào lợi ông.

Mọi người bắt đầu đi lên, quỳ xuống bên tay vịn lễ Ban thánh thể. Thân hình họ thật là khủng khiếp. Đế giày của họ, bày trước gian giữa của giáo đường, đã hai lần hồi lỗi.

Đây là cái phần khủng khiếp, Thelma Forsdyke tự nhủ, mình sợ lắm.

Vứt bỏ chiếc mũ soa đất tiền mà nàng đã vo thành một viên tròn mềm mại, ẩm ướt và thơm thoang thoang, nàng cũng bước lên, lo lắng cho bố mẹ mình, những người mà lúc này nàng đã biến thành những kẻ tàn phế.

Tất cả mọi người đều bước lên. Tất cả đều quỳ xuống. Xương của ai đó kêu răng rắc.

Chờ mong quả là rùng rợn. Một số người mà trong cuộc đời vẫn được coi là đứng tuổi đã đi quá tuổi già và đến bên cái chết. Những chiếc mặt nạ của họ đã vượt qua niềm vui và nỗi khổ. Họ hoàn toàn trong trắng khi hồi hộp đợi chờ. Những kẻ khác đang đói, dạ dày của họ sôi ùng ục, không chỉ riêng buổi sáng hôm ấy mà suốt cuộc

đời họ, đến nỗi khi đến lượt, họ ăn ngấu nghiến, vụng trộm, và sau đấy liếm sạch vụn bánh, ngay cả khi chẳng còn tí gì nữa, trong lòng bàn tay của họ mà trên đó cuộc đời của họ được trải ra. Điều đó đã làm cho một số run rẩy. Sự táo bạo của bàn tay họ.

Mặc dù trọng lượng đôi bột vững chắc đang cố ghìm ông xuống chiếc thảm, nhưng cuối cùng vị mục sư trẻ vẫn bước lên. Song cuộc vật lộn đã bị kéo dài. Ông lớn lên về tầm vóc nhưng bị kìm hãm. Trong khi ông di chuyển dọc theo dòng người, một luồng ánh sáng đỏ tía của thủy tinh trên cao chảy qua chiếc áo choàng cẩm thạch của ông. Cái đầu ông, ở tận cùng thân hình, phát ra giọng nói của ông, cuối cùng đã chạm tới thành tựu. Những khối vuông bánh mì là thực bởi chính thực chất của chúng.

Như vậy mọi người đều lần lượt được ăn bánh thánh. Một số cảm thấy tội lỗi thoát khỏi người họ một cách thiêng liêng. Tuy thế những người khác thấy chúng dính với họ mãi mãi, trừ việc họ nhận được ân huệ là biết rõ những tội lỗi kia hơn.

Muốn được tha thứ, cần phải rất giản dị, rất tốt, như bố mẹ mình, Thelma Forsdyke tự nhủ khi nàng nhận và ăn bánh thánh, với một cử chỉ thoáng qua, khiến cho đối với những người quan sát cứ như là hành động đó chưa hề diễn ra. Dĩ nhiên, nàng đã học được tính thận trọng trong mọi chuyện. Trừ bố mình và mẹ mình, nàng tự nhủ. Sự có mặt của bố mẹ quý bên cạnh đã làm nàng khuây khỏa hơn là bánh thánh. Cuộc đời của bố mẹ trong suốt và đáng yêu trong làn ánh sáng buổi sớm ấy. Thelma Forsdyke quý xuống, sùng bái trạng thái ngây thơ ban đầu, vốn là sự chuộc tội duy nhất, và vì nàng

không thể khôi phục điều này được, chẳng hơn gì ngoài quay lại thể xác của Thelly Parker, tội lỗi sẽ ở lại.

Vào lúc này nàng đang chuẩn bị lau mép với cái mùi soa, nhưng vì còn bận khoản không biết làm thế có thỏa đáng không, và dầu sao chiếc khăn cũng đã bị bỏ lại ở chiếc ghế cầu kính, nàng ho. Ho sù sụ. Có lẽ nàng sẽ bị lên cơn.

Stan Parker, lúc này tạm thời ngây thơ như con gái ông mong muốn bốc bánh mì ăn. Bàn tay của ông cứng. Nếu ông biết cầu kính thì ông đã cầu rồi. Song cổ họng ông khô. Về mọi phương diện ông rất đúng đắn song khô khan.

Tại sao ta đến đây hỡi Chúa? Ông tự hỏi.

Cái từ đó, cuối cùng ông đã thốt ra, không phải tự nhiên mà đến, mặc dù ông có thể cảm thấy nó. Ông biết rõ điều ấy. Giờ đây ông nhắm mắt lại, hoặc giả để che giấu sự trống rỗng, hoặc để chống đỡ một luồng ánh sáng quá mạnh. Trong cả hai trường hợp mí mắt ông không hề bảo vệ mình. Ông quỳ ở đấy nom vẻ bị phơi bày.

Ánh sáng chiếu lên bụi bặm của tấm thảm mà họa tiết đã sờn. Mòn mỗi gần như là hạnh phúc. Hoa trong các lọ đã quá căng, quá chặt, đến nỗi chỉ có quy luật thiên nhiên mới ngăn chúng bay biến bằng sức mạnh của sự bất động ở chúng.

Ngôn từ cứ tuôn ra như máu quý khi cha xứ mang cái chén tới cho mỗi người. Giữa họ với nhau lúc này chẳng có gì trừ hai cổ tay to lớn của ông. Cái chén và lời nói hòa tan vào nhau một cách từ bi

đến nỗi đối với một vài người, mà đặc biệt nhớ ơn và xấu hổ về mình, cảm thấy chất rượu òng ọc nóng ran trong cuống họng.

Amy Parker, người mà thời điểm khoan dung đã đến, cầm lấy chén, đưa lên khá cao, chỉ hơi nghiêng một tí, để có thể cảm thấy giọt rượu nhỏ vô cùng trên đôi môi, thêm nữa bà không dám, và cứ thế dòng máu từ cổ bà chảy xuống như điện giật, mang theo thứ thuốc độc của những ý nghĩ xưa cũ. Thế đấy, vị hoàng hậu đã cầm cái chén khác, cái chén bằng gỗ, hay có vẻ như thế, trước khi nàng ngã gục, chết trên sân khấu. Chúng đã đầu độc hoàng hậu, người cũng có lương tâm, thứ đôi lúc chảy trong người bà. Rượu rất hiệu nghiệm. Ta đã căm ghét, bà già tự nhủ. Ta yêu hay ghét? Bà bối rối dưới chiếc mũ đẹp nhất của bà, một cái mũ nhung. Tại rượu. Tại Stan, bà nhủ thầm, lại với tình yêu và căm thù, a, hãy nhìn em nào, anh Stan ơi, nhưng dĩ nhiên anh không thể làm thế lúc này. Thế rồi bà nhận thức rằng, giữa bà và Chúa cuối cùng đã kết thúc, rất có khả năng bà sẽ không bao giờ cậy được miệng chồng bà, nhìn vào bên trong, rằng ông đang bị giữ chặt vì những mục đích khác.

Đoạn cha xứ cầm lấy một cái chén nơi bà cụ, người hình như cố bám lấy nó vì một lý do nào đó.

Giả sử mình đánh rơi cái chén này như hoàng hậu đã bị đầu độc làm, Amy Parker rùng mình nhủ thầm, thì họ sẽ nghe thấy như một tiếng sấm.

Rượu vang đỏ thấm nghe chùng và nom chùng bất trị khi nó cuộn chảy khắp người bà.

Nhưng cha cố cầm lấy cái chén và đưa cho người chồng đứng thẳng của bà, như thể bà không tồn tại.

Khi đón nhận chén rượu ông già dẫu mỗi một cách ngập ngừng để uống, nhô chiếc cằm đờm dãi đã chảy xuống ban nãy, hiện vẫn còn, và mật đắng hòa lẫn với vang nóng trong miệng ông. Song ông vẫn nuốt. Rồi ông hy vọng ở Chúa.

Thật là yên bình biết bao được quý trên tấm thảm một khi ta đã chạm xuống, tựa người vào tay vịn vec-ni, mà cái nóng từng mùa đã làm nứt nẻ. Yên bình tự bản thân nó là điều đáng mong muốn, ông tự nhủ, vì thế trong khi còn thiếu bằng chứng, mà ông sẽ nhận được thêm, ông chấp nhận điều này với thái độ khiêm tốn và hàm ân.

Thế thì tại sao ông lại chờ đợi, như nhiều người trên thực tế đang làm, sau khi cha xứ đã quay lưng lại với họ, sau khi mọi chuyện đều xong xuôi? Một con ruồi bò trên tay vịn, băng ngang qua bàn tay mà ông lão không hề hay biết. Ông đang chờ đợi, lắng nghe, nhìn vào một điểm cố định, lòng dạ bồn chồn. Không thể nào, ông lão suy tính, cuối cùng ta lại không nhận được một cái nhìn. Điều này khiến ông cười rạn rỡ. Hoặc giả đó là sự ám áp bắt đầu tràn ngập người ông vào buổi sớm mai lạnh lẽo, hoặc giả đây là lòng nhân từ đối với đồng loại mà một vài cụ già đạt được vào cuối đời mình.

Song con gái ông nhủ thầm: Việc này thế là đủ rồi, vì bao giờ nàng cũng muốn dọn dẹp sạch mọi thứ.

Nàng đặt bàn tay dưới khuỷu tay của ông bố, để chứng tỏ một tình trạng bình phục, hay sự trở về thời thơ ấu, và lời bố mẹ xuống



với thể xác của nhà thờ, như thể họ đang mang những dây cương nhỏ buộc vào cánh tay, còn nàng đang dẫn dắt họ đi.

Vẫn thật đáng cảm động, Thelma Forsdyke tự nhủ, rằng những người già lại thuyết phục được, và khiến người ta ganh tị vì sự thiếu nỗ lực. Nàng nghĩ thế trong khi đi phía sau họ. Trong giây lát tâm hồn nàng cố vươn lên trong một niềm yêu thương và khoan dung, nhưng nó yếu ớt quá và tụt xuống rất nhanh. Sau đó, quỳ trên ghế nhà thờ, nàng vừa xì mũi vừa lắng nghe những lời kinh cuối cùng chẳng liên quan gì đến bản thân, vì nàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, và tin chắc rằng mình đã bị cảm lạnh như đã dự tính và sợ hãi, nó chẳng được bà mẹ tán thưởng, người đang đội chiếc mũ màu sẫm không một người nào khác có thể tìm thấy được, kể cả cha nàng, con người mang nặng mùi của các ông già.

Khi họ đi ra, Stan Parker dẫn đầu. Ông đã lấy lại phần nào uy thế của mình, mà vẫn giữ khoảng cách trong bố cục của sự vật và trình tự của sự kiện. Ông đi giữa đám người quen biết trên các bậc thang, mỉm cười từ cái khoảng cách và bình diện kỳ quái ấy, ông nói chuyện với họ về đàn gia súc và rau cỏ. Một vài người nhận thấy giọng nói trống rỗng của ông mà không hề tìm hiểu sâu xa, bởi tất cả đều đang bận bịu trên những chiếc dạ dày rỗng tuếch của họ, trong buổi sáng tuyệt trần đó, đầy ác là và cỏ ướt.

Họ bắt đầu lướt đi, thiện chí có những biểu hiện do dự trên gương mặt tỉnh táo của họ. Gia đình Parker đang đi. Hai người đàn bà đang bảo ông lão phải làm cái gì, vì hình như ông hơi mơ hồ. Ông đang suy tính và chỉ trở, ông đang suy ngẫm về sự không thỏa

đáng của mình, điều này, trong ý nghĩa nào đó cũng có thể là một phần thưởng.

## CHƯƠNG 22

Có những lúc lạc vào rừng rậm của những thất bại trong quá khứ, Amy Parker đã có những cây con của mình, chủ yếu không phải những cây lớn nhanh và lấn át ngôi nhà với những lùm, những bụi hung hăng, bản thân chúng đã là rừng rậm, cảm dỗ bằng mùi ám ảnh của mục rữa và hương thơm của hoa lạnh trong ánh sáng màu vàng chanh của những bí mật và những ngọn lá to. Chủ yếu không phải những cây đó, mà là những cây con bà trồng trong chậu quanh hàng hiên nhà, những cây mảnh mai, nhợt nhạt hơn mà bà thường xới lên rồi than thở, nhìn xoáy vào chúng cho đến khi thấy cả côn trùng, lỗ hút nước và bề mặt sần của lá cây sẫm màu. Những cây con mà bà yêu quý, và vì chúng mà bà đã làm các tổ ẩm ướt bằng vỏ cây và rễ con, hầu như đều ngăm đen, tươi tốt. Và dĩ nhiên là không có tên tuổi. Bà không gọi tên các vật được.

Phần lớn thời gian bà thường đi giữa các cây con, sờ mó chúng, chờ đợi những dấu hiệu của cuộc sống thanh bình. Hoặc nhìn cuộc sống đang diễn ra bên ngoài, xa xa, nhìn các thanh niên nam nữ tay đan chặt vào nhau, nhìn gương mặt những người lạ, mà từ đó mọi thứ đều được bòn rút, đến tận ý nghĩ và hàm răng. Bà cũng nhìn ra chỗ chồng đang đi loanh quanh, tìm cách lôi kéo ông ra khỏi những cung cách nguyên bản của ông, bà gọi to:

- Anh nên ra đây một lúc, thư giãn đi anh Stan ạ. Ở đây có nắng và cây cối rất thích.

Rồi người phụ nữ da ngăm đen ngồi xuống và lắng nghe trong sự im lặng bùng nổ.

- Nhưng ở đây cũng thích, - chồng bà nói. - Anh không thể ngồi một chỗ được. Anh phải lục lọi tìm kiếm trong khi trời còn sáng.

Ông cũng nheo mắt và mỉm cười.

Bà già to béo, cũng là người hiểu biết hơn cả, ngồi xuống và thờ giữa đám cây. Bà ngồi trong một chiếc ghế mây cũ kêu cọt két. Chiếc ghế bị xỏ đã bao năm nay rồi, nhưng ngồi vẫn còn thoải mái. Mặt trời đỏ nằm ngay trong lòng bà, đôi lúc bà hòa mình vào những cây con xung quanh mà bà yêu quý nhất, bà cảm thấy hài lòng.

Trong khoảng thời gian đó có hai cuộc viếng thăm bà Parker. Cuộc đến thăm đầu tiên bà bồi hồi lo ngại. Cuộc đến thăm thứ hai làm bà hồ hởi. Nhưng bà suy ngẫm về cả hai sự kiện đó trong nhiều năm ròng, về khía cạnh nào đó mà bà đã quên. Rồi bà sẽ xem xét nó dưới ánh sáng chói chang, những đường nét rõ rệt, ngồi sáng, những từ ngữ gay gắt hoặc ngộ nghĩnh được trình bày rõ ràng, như thể in trên bìa các-tông màu xám, bà thực sự nhìn thấy chúng khi bà ngồi giữa những cây con yên tĩnh.

Người đầu tiên đến thăm bà là một người đàn ông, anh ta đi dọc theo con đường mòn, đội cái mũ màu nâu có cài một nụ hoa. Đầu anh ta cúi xuống, nên bà vẫn chưa nhìn thấy, nhưng bà nghe thấy tiếng của người đàn ông, của tiền bạc và da thuộc, và tiếng đặng

hắng. Bà cũng nghe thấy những từ ngữ trong giọng nói người đàn ông, vì anh ta vừa đi đến vừa chuyện trò với một đứa bé, một đứa bé rạng rỡ, béo tốt, hồng hào, vừa nhảy nhót, vừa chạy thụt lùi và ngắt những chồi non trên đường đi. Chú bé không chắc là cùng đến với người đàn ông kia. Nó tình cờ ở đây, như trẻ con vẫn thế, tiếp tục nhìn, làm, và sống cuộc sống của nó. Nhưng người đàn ông bồn chồn. Anh ý thức quá rõ về sự có mặt của mình ở đây, mặc dù anh đã đưa tay gạt lùi những bụi trúc đào nhọn hoắt với vẻ thoải mái vừa đủ và nói chuyện gẫu với chú bé.

Người đàn bà trầm tĩnh tiếp tục ngồi giữa đám cỏ cây, đợi xem điều gì sẽ xảy ra, và xem liệu mình biết làm gì. Tim bà đập thình thịch vì người đàn ông ấy. Vì bất cứ ai. Những người lạ ở sát kề ta thường nom hết sức đồ sộ. Vì thế bà sợ hãi đợi anh ta ngẩng đầu lên.

Anh ta ngẩng đầu, lay động bụi hoa vân anh. Người đàn ông chính là Ray.

Trước khi hấn nhìn thấy bà, bà đã ngấm nhìn anh chàng sang trọng này mà một thời bà yêu quý. Đôi môi bà hé mở. Hấn thực sự sang trọng, giống một thương nhân.

- Kia, chào mẹ, - Ray nói. - Ở đằng kia con không nhìn thấy mẹ.

Giọng hấn oang oang. Bàn chân hấn rụt lại, như thể giẫm phải một vật gì, một con chim hoặc một con mèo.

Amy nhìn quanh đám cây con của bà.

- Thỉnh thoảng mẹ lại ngồi đây, - bà nói, - vào buổi trưa. Để sưởi nắng.

Chú bé tiến gần, nhìn cái người nó chẳng muốn chuyện trò nhiều hơn là với một cái cây hay một hòn đá.

- Ý nghĩ đó hay đấy, - Ray nói, như chế giễu bà cụ; có lẽ hẳn sẵn sàng biến thành một cậu bé to béo, hiền lành. - Nắng mùa đông ư?

- Mẹ không ngờ lại gặp con, - tiếng bà thốt ra từ bên trong quần áo. - Con đến làm gì thế?

- A, thôi đi, mẹ ơi. - Ray nói. Hắn cố làm ra vẻ thân mật như kiểu các thương nhân lớn sang trọng cười âm ỉ, đầy tự tin. Thế rồi hẳn sực nhớ ra điều gì. - Tại sao lúc nào con cũng cứ phải rình mò cái gì đó của bố mẹ? Con không thể đến đây la cà được một tí sao? Con muốn đến đây nhìn lại cái chốn này một tí. Gần đây con cứ nghĩ đến nó luôn. Chỉ thế thôi.

Nhưng mặt bà đã tối xạm; bà đưa mắt nhìn những lá màu sẫm.

Tuy vậy hắn cứ tiếp tục nói.

- Con không nhận ra nơi này, - hắn nói, ý thức về bộ com-lê của mình. - Dạo này nom mẹ phát phì ra. Như thế sẽ khốn đấy mẹ à. Có việc gì không mẹ? Mẹ còn nhớ các tổ chim én không? Có một năm con đã lấy trứng và thổi vào bằng một ống thủy tinh, rồi đặt chúng vào một chiếc hộp các-tông, có lót bông xơ. Cho đến lúc chúng vỡ. Rồi chúng vỡ ra. Mẹ còn nhớ không?

- Không! - Bà nói.

Dù bà có nhớ hay không. Bà khẽ ngẩng đầu lên.

Đoạn anh chàng nhỏ toẹt vào đám cây hoa vân anh.

Người hấn nom xọp hấn và vàng như nghệ. Trong một vài hoàn cảnh, ký ức trở thành một tội ác.

Giống như một thương nhân, bà tự nhủ, rất khó chịu. Bà không cho phép mình nghĩ về chuyện đó, ngoại trừ sau này, lúc ngồi một mình. Mình sẽ không nghĩ ngợi gì về Ray, hay bất cứ ai khác, bà tự nhủ. Và thế là bà ngồi đấy.

- Con cứ nghĩ rằng con có thể nói chuyện với mẹ, - hấn nói như thể không có thằng bé ở đấy. - Song con không thể làm thế được.

- Thì ta vẫn chuyện trò đấy, - bà nói, - thường xuyên.

Nhiều hơn trên thực tế. Bà quệt môi.

- Con chẳng mang gì về cho mẹ cả, - hấn nói.

Mặc dù thực ra hấn có mang. Một hộp chocolate to với chiếc nơ xa tanh màu hồng. Khi trao quà ta dễ dàng xin lỗi hơn.

Giờ đây hấn đang đứng kia, không có quà tặng, lúng túng.

Mẹ kiếp, hấn nghĩ bụng, ta chẳng hề đâm chém ai cả. Thế thì có chuyện gì ở đây? Có chuyện gì đây? Cả chốn này đang ngủ gà ngủ gật trong ánh sáng yếu ớt của mùa đông; những con bò câu, loại chim đất sét kia đang đứng đưa trên đôi chân. Nơi này đang thoát khỏi hấn. Ở đây ánh sáng sao mà lạnh lùng thế.

Bà cụ nhìn đứa bé một lúc, nó đang chăm chăm nhìn qua các cửa sổ của ngôi nhà để xem bên trong có gì.

- Thằng bé đấy, - Ray nói.

- Thằng bé nào?

- Con của Lola.

- Lola là ai? - Bà hỏi, tuy bà đã biết rồi.

Ray giải thích.

Bà nội nhìn thằng bé, hoặc nhìn phía sau gáy nó lúc này đang nóng rực.

- Con trai của bố, lại đây nào, - Ray nói, - lại đây cho bà nội xem nào.

Thằng bé bước tới. Nó ngẩng lên nhìn bà cụ. Nó rất đẹp trai. Nhưng nó đang mãi nhìn một cái gì đó khiến nó sợ hãi.

- Đứa này không phải của tôi. - Bà cụ nói. - Đứa kia mới thật sự là của tôi.

- Nó là một đứa bé xinh xắn khỏe mạnh. - Người đàn ông nói.

- Khỏe với chả yếu, - bà cụ nói và đứng lên.

Bà bước vào trong.

- Ray ạ, con nên đi đi. - Bà nói. - Mẹ không muốn nhìn thấy con. Hay thằng bé. Mẹ phải chuẩn bị bữa trà cho bố con.



Đoạn bà đóng cánh cửa màu nâu lại.

- Đây là con trai của tôi, - Ray Parker hét lên. - Nó giống tôi như đúc.

Vì lý do đó, lẽ ra bà đã hôn thằng bé, nhưng bà chạy đi, và đang run rẩy bên kia cánh cửa. Hẳn bà phải yêu thằng bé kia và đã yêu thật sự, tuy nó hơi xanh xao, thằng bé mà bà đã cho nó mẫu thủy tinh gia bảo. Bà đang run rẩy.

Sau khi đã lắng nghe hơi thở của mẹ một lúc và nguyên rửa bà, người đàn ông rời cánh cửa.

- Thế thì ta đi thôi, - hẳn bảo thằng bé.

Ăn mặc rất diện, hai bố con đi chậm chậm đến chỗ đập nước được xây bên rìa những gì còn lại của cơ nghiệp gia đình Parker. Những ai đến chốn này đều nom ngó ngẩn; hai người cứ tha thẩn trong khi người đàn ông suy nghĩ. Chiều hôm ấy thằng bé cũng trầm tư, sau khi nó đã nghe nhiều điều.

- Thằng bé kia là ai thế hở bố? - Nó hỏi.

- Đây, - bố nó nói. - Bố con ta thi ném thia lia xem ai được nào?

Người đàn ông nhặt một hòn đá.

- Ném thế nào? - Thằng bé hỏi.

- Trên mặt nước, - Ray Parker nói.

Hòn đá hấn ném phạt trên mặt nước màu nâu, bay thia lia, tung bọt nước. Hấn ném rất nghệ, nhưng sau đó đứng thờ hỏn hỏn. Hấn thờ không ra hơi.

Thằng bé, nãy giờ nhúu mày nhìn mặt nước, bỗng rạng rỡ lên, nó nhặt từng vốc đá, nhặt lầy nhặt để, khi đã được một đồng tương, nó bắt đầu bắt chước làm theo bố. Chỉ có điều là đá nó ném đều rơi tõm xuống nước. Nhưng nó vẫn tiếp tục ném, có lúc ngỡ là mình ném thành công. Nó cười âm ỉ khi một hòn đá đã chìm ngòm. Nó nói:

- Hòn kia suýt nữa hơn bố rồi đấy, bố ơi!

- Cứ tiếp tục đi, - người bố nói, - cứ tiếp tục đi rồi con sẽ giỏi thực sự.

Thật khỏn khỏ, hấn cảm thấy vậy.

Thế rồi người đàn ông lòe loẹt, béo mập, vẫn còn thờ dỏc và tự lự, bỗng ngò xuống, trong khi thằng con của Lola vẫn tiếp tục ném đá.

Ở đây hình dáng cây cối và hàng rào quá tách bạch khiến Ray cảm thấy mơ hồ. Hấn đã sống đến cái giai đoạn mà người ta nhận ra mình chẳng có gì cả. Người đàn ông trong cảnh quan xa lạ này cảm thấy hải hùng trước vẻ cách biệt của nó. Bầu trời nhàn nhạt và đáng yêu lẫn tránh hấn. Những búi cỏ màu đồng thau mà ngày còn bé hấn thường lang thang trong đó vẫn im lìm. Chẳng có gì ở đây cả, hấn tự nhủ, dùng những chiếc răng cải mả lỏi mạnh một lá cỏ trên đường.

Đầu óc hắn bắt đầu sục sạo xung quanh, từ cái chốn lạnh lẽo này vào trong cái thế giới mà hắn tạo dựng nên, như một cái gì đó có ý nghĩa và thực chất. Lúc này hắn là Lola đã thức dậy sau cơn đau đầu. Họ thường ăn một miếng bít tết và vài ba miếng sườn. Hắn thích mỡ, thích mùi thịt bò khi nó bốc lên trên bếp ga và tỏa mùi thơm đến tận cầu thang. Hắn thích cái mùi của tờ báo buổi tối, tất cả các mùi buổi tối, khi lên đèn, quanh khúc đường cong và dưới đường tàu điện xoẹt xoẹt tia lửa màu tím, trải theo những sợi cao su nóng bỏng dài vô tận. Thảng hoặc, tận đêm khuya, khi trở lại với bộ mặt gầy trơ xương và mọi cảm giác đã tê cứng, người nàng thoảng mùi phòng khuê chần ảm. Lúc đó bộ mặt màu xám của ban đêm hiện ra lù lù. Tro đã rơi xuống. Cái chứng đau đầu khốn kiếp trở lại, nàng tự nhủ, nhưng ta sẽ uống vài viên aspirin là khỏi ngay. Chiếc giường kêu cọt két dưới cặp đùi xám xịt. Những con hàu bị vớt bỏ đã lâu rồi.

- Bố ơi, - thằng bé bắt đầu co kéo và khóc nhè. - Sao không về nhà hờ bố, con đói rồi. Bố?

- Đúng rồi, - Người cha nói. - Con có thích ăn cá không?

Hắn bắt đầu dứt khỏi trạng thái không tự nhiên khiến người hắn tê cứng. Hắn khạc nhổ, rồi dùng cạnh bàn tay làm lõm cái mũ, chuẩn bị cho một giai đoạn mới, hay hâm lại một giai đoạn cũ.

- Cá? - Thằng bé hỏi. - Cá đâu? Làm gì có cá ở đây?

- Được rồi, dọc đường ta sẽ kiếm một ít, - Ray Parker nói. - Ở một nơi nào đó.

Hai bố con bắt đầu đi dọc theo con đường trở lại Durilgai, chân mang giày vàng bóng lộn.

- Con mê... ệt... - Đứa con khóc nhè.

- Con không đi thì sẽ không có cá đâu, - Người bố nói.

- Cá! Con không cần cá. Con mê... ệt...

Từ một cửa sổ màu vàng Amy Parker theo dõi diễn biến này, căn phòng bên trong tối om, chỉ nghe thấy tiếng đồng hồ tích tắc. Ta có nên ra không? Bà tự nhủ. Họ chậm quá. Bụi đường chậm, chiếc đồng hồ chậm chạp tích tắc trong mạch máu bà. Nhưng khi người đàn ông và đứa bé dâng lên đến cổ họng bà, bà vẫn đứng yên. Thằng bé có cái mồm của Ray, đang hôn lên chiếc đồng hồ cẩm thạch, hay đang ngủ. Bà vẫn đứng. Ray đã đi thực sự rồi, hay bóng tối buông xuống, và cái gì đó đang cháy trong lò.

Khi bà suy ngẫm về sự việc này, giữa đám cây con bà chăm bón, vào những buổi trưa mùa đông thanh vắng, bà băn khoăn không rõ mình hành động có đúng không. Bà bao giờ cũng đi đến những kết luận khác nhau, vào những buổi trưa khác nhau.

Cuộc viếng thăm bà thứ hai vào mùa đông năm ấy hoàn toàn khác hẳn. Nó không làm đau lòng mà làm khó chịu. Nó thật bất ngờ, mà Amy Parker đã hết thích việc đó rồi, trừ khi bản thân bà chính là điều bất ngờ. Ngay cả nếu đột nhiên bị bắt gặp trong gương, bà cũng không thiết. Ta có giống thế không? Bà tự hỏi, và cố gắng nhớ lại mình trước đây, nhưng luôn luôn mơ hồ.

Dù thế nào đi nữa, Thelma đã đến, lái xe vào buổi trưa, và điều này rất bình thường.

Thelma bước vào và nói:

- Mẹ khỏe không, mẹ thân yêu?

Như thể nàng đang chờ đợi mẹ nàng ốm.

- Mẹ khỏe, cảm ơn, - bà cụ nói, giọng gay gắt.

Thelma ăn mặc rất diện. Xưa nay ít ai chú ý đến áo váy của Thelma, vì nó sang nhưng quá kín đáo. Bây giờ thì chính mẹ cô lại thấy cô quá diện.

- Con đưa một người bạn đến, - Thelma Forsdyke nói. - Bạn con rất nóng lòng muốn gặp mẹ.

Đó là một người bạn hết sức bất lương, bà cụ cảm thấy thế.

- Bạn nào? - Bà nghi ngờ hỏi.

- Đó là một mệnh phụ, - bà Forsdyke nói. - Đó là bạn con, bà Fisher.

Một mệnh phụ bất lương, đây là điều tệ hại hơn. Bà cụ bèn đứng lên khỏi cái ghế sâu nãy giờ vẫn ngồi một cách dại dột. Đứng dậy thật kinh khủng, nếu không phải bắt buộc. Do đó bà phải gắng gượng.

- Kìa, mẹ chẳng cần phải lo. - Con gái bà nói, nàng muốn trói tay trói chân mẹ mình, nàng thích kiểm soát mọi người, rồi tỏ ra uy

quyền và tử tế.

- Con mang đến cho mẹ một hộp bánh con. Chẳng cần phải làm nặng xị lên, - nàng nói.

- Đến chơi nhà, - Amy Parker nói, - mẹ sẽ phải làm một mẻ bánh nướng. Con thấy có nên cho bí không, hay bà ấy thích bánh chay?

- Con hoàn toàn chẳng biết gì cả, - Thelma Forsdyke nói. - Không cần thiết.

- Nhưng bà ta là bạn của con.

- Tình bạn không thể nuôi dưỡng bằng bánh nướng, mẹ ạ. Chúng con có chung sở thích.

Thật là khó xử. Bà Fisher rõ ràng cũng đang đến gần, ung dung, nhưng tự tin.

- Tôi có phải vào không ? - Bà hỏi.

Và bước vào.

Bà Fisher lúc này khá già, hay có lẽ chưa già lắm, khó mà nói được. Song bà ta không còn trẻ nữa.

- Bà Parker ạ, chúng tôi quấy rầy bà, - bà ta nói với một nụ cười khoan thai. - Tôi thấy rõ là bà không thích những điều bất ngờ. Tôi cũng thế. Dẫu sao cũng trong những chuyện nhỏ. Nhưng nếu cần phải có một sự bùng nổ thực sự, có khói mù và lửa ngọn, thì cứ để nó bùng nổ bất ngờ. Như thế có thể làm phẫn chấn lòng người.

Mồm bà đỏ chót.

Thelma Forsdyke không hài lòng về cảnh tượng đó. Những mối ngờ vực trước kia trở lại với nàng. Dù biết rõ những chuyện đó là chính đáng nàng cũng chẳng vui tí nào. Nàng có thể hy sinh mẹ nàng chứ không thể hy sinh bạn được.

- Vậy mời bà ngồi, - Amy Parker nói, - để tôi còn chuẩn bị bữa trà cho cả nhà.

- Cảm ơn, - bà Fisher nói. - Xin thật nhiều trà ngon. Một trong những điều tôi dám chấp nhận. Khi tôi ngồi một mình, điều này thỉnh thoảng vẫn xảy ra ở cái tuổi của tôi, tôi luôn luôn uống cạn một ấm trà.

Để một món đồ lông thú nhỏ bắn thối rơi xuống sàn nhà bên ghế bà. Món đồ nhỏ đó thực sự là lông chồn, nhưng Fisher phu nhân chủ trương quên điều ấy.

Thelma thì không thể, nàng chạy đến nhặt nó lên và chải sạch. Nàng run sợ cho sự liều lĩnh của bạn, và sự thiếu liều lĩnh của bản thân mình. Bà Fisher dĩ nhiên đã quen cái trò này lâu rồi, bà giàu hơn kẻ giàu, và đủ khả năng để quên.

- Tôi sẽ làm ít bánh nướng, - Amy Parker nói, thôi nhìn ngắm căn phòng của mình mà nhìn lên sân khấu, trên đó các nữ diễn viên hoạt náo nói những lời thoai lạ lùng đang vào vị trí.

Bà Fisher rạng rỡ.

- Bánh nướng à? Chúng ta dám ăn ư? - Bà hỏi bạn mình.

Nhưng Thenlma đã quên câu trả lời. Nàng đã biến thành hai người trong phòng này, chơi đồ xí ngầu cùng nhau. Nàng bối rối.

- Tại sao? - Bà Parker hỏi. - Bà không được phép ăn bánh nướng sao?

- Ồ, - bà Fisher nói, - để giữ dáng thôi. Bao giờ cũng chỉ có thể.

Da của bà ta khô khốc. Trên một bên má, đôi lúc nhăn lại thành tạt máy giạt, hình như có một vết ram ráp nhỏ, không phải là mụn cưa, điều này không thể có được, nhiều khả năng là phẩn dính vào lông tơ làm ngứa ngứa. Song bà Fisher không dám liều lĩnh. Ngay cả đối với mẹ của bà Forsdyke bà cũng giấu khuyết điểm của mình, bằng cách phô bày cái tốt, để cho người ta chỉ nhìn thấy mặt nghiêng, giống như con vẹt bà đeo. Đó là một chiếc trâm cài áo bằng vàng đã cũ nhưng rất thanh tú, men ánh lên ở đuôi con vẹt, một viên ngọc đỏ làm mắt, một dây chuyền vàng đeo từ mắt cá chân con vẹt đến cái thanh đậu màu vàng.

Lúc này bà Parker nhìn thấy chiếc trâm cài áo, bà bước tới, như nhiều trẻ con vẫn thường làm, và nói:

- Ôi chao, chiếc trâm cài áo đẹp quá! Thật đáng yêu.

Bà Fisher ngược mắt lên. Đôi mắt của bà vẫn còn trong sáng. Làn da của bà có thể sẽ tươi tắn lại trong con mắt của người thán phục. Miệng bà đã ướm. Bộ máy duyên dáng đang hoạt động. Bà nhoẻn miệng cười với bà Parker.

- Chiếc trâm cài áo ư? Vâng, - Bà nói. - Nhưng trở lại câu chuyện bánh nướng. Thật tình tôi rất thích ăn, rất *nhiều* bánh nướng *của bà*.



Bởi vì bà biết là trong chuyện tán tỉnh, giới tính không quan trọng.

Bà Parker sợ rằng cơn sốt ấy có thể lây lan.

- Chỉ là bánh nướng thường thôi, - bà nói, xoay xoay chiếc nhẫn to trên tay.

Bà Forsdyke cười cay đắng:

- Bạn sẽ trở thành bạn của mẹ mình suốt đời.

Người phụ nữ trát phấn này oán giận về duyên dáng. Vai nàng gầy và hẹp, hai bàn tay dài và hai bàn chân hoàn hảo. Mọi bằng chứng cho sự thán phục của người khác dành cho nàng đều là lời chế giễu. Thế là nàng ngồi xuống. Liếm môi. Mái tóc nàng thò ra vài lọn dưới chiếc mũ không còn hợp thời trang nữa, cùng với tuổi tác tóc nàng trở nên như phủ một lớp bột. Da của nàng đã ngả màu sữa, không ốm o nhưng đầy vẻ bực dọc. Nàng không phật lòng về bất kỳ điều gì nói trên.

- Mẹ làm bánh nướng đi. - Nàng nói như đuôi. - Còn con sẽ đi tìm ấm chén.

- Tôi chẳng cần ai giúp đỡ, - Amy Parker nói, - trong bất cứ việc gì.

Bà đã nổi giận về một việc gì đó, tuy bà không biết rõ là việc gì.

- Bà lão thật buồn cười, - bà Forsdyke nói khi bà mẹ đã đi khỏi.

- Khá dễ thương, - bà Fisher thờ dãi, cảm thấy thư thái.

Bà nhìn quanh ngôi nhà của một người khác.

- Ngôi nhà này. Thế này mới gọi là phòng chức. Quả là hấp dẫn khi nhìn thấy người ta sinh hoạt. Thelma thân yêu, rất cảm ơn bạn đã đưa mình đến đây.

Thelma rụt người lại. Nàng không vui tí nào.

- Đây chỉ là một căn phòng giản dị, - nàng nói.

- Còn gì quý hơn sự giản dị, - bà Fisher nói.

- Xưa kia tôi ghét nó lắm.

- Dĩ nhiên. Cái gì gần gũi với mình thì mình hay ghét, - bà Fisher nói.

Bà tựa đầu vào tay. Bà đi guốc trong bụng bạn.

- Nhưng đồ đạc xấu có khi lại hấp dẫn nhất, - bà nói tiếp rồi mỉm cười. - Chúng có nét thực.

- Có phải bạn thích thú *mọi thứ* không? - Thelma cúi tiết hỏi.

- Đúng thế, - bà Fisher nói. - Phải thích thú chứ, không thì chán lắm.

Forsdyke đã hết hơi vì đối đáp không ngừng với bà bạn đáng kính. Nàng nói mặc dù mẹ nàng đã ra lệnh nhưng nàng vẫn sẽ lên vào bếp xem sự thể thế nào. Sự thiếu vắng bản thân đã theo đuổi nàng suốt hành lang. Từ lúc thú tội với mẹ nàng cảm thấy hết sức khổ sở.

Bà đứng ở bên bàn với cái chậu ngào bột, cái chậu có kẻ sọc. Người bà dính đầy bột.

Amy Parker không nói.

Bà đang ngào bánh nướng.

Thở hỏn hển.

Quãng thời gian ngắn ngủi ở một mình trong bếp, bà cố ghép nối lại các mảnh sáng ngời của bà khách, bởi vì chúng ào xuống như những trận mưa rào, của lời nói, của cái trâm cài áo trắng men, nhưng bà không đương đầu nổi vì người bà mềm nhũn, bà va vào đám đồ gỗ, những thứ đồ gỗ nhẵn bóng sau bao nhiêu năm tháng. Một lần bà va mạnh vào chiếc rây, khiến nó rơi xuống kêu lẳng xềng. Bà nhặt nó lên. Chiếc váy của bà bị vướng gấu vào chiếc áo lót bên trong. Thế nhưng, đôi lúc, nhất là chiều tối, bên phía nhà có mấy bụi trà hoa lâu đời, tâm trí bà phiêu diêu, đi đi về về, thăm lại những hang động tối tăm, hoặc trong hiện tại, thì giải quyết một vấn đề nào đó cho chồng nếu ông nhớ đến. Bà đứng đấy nhám nhám mấy cánh hoa non của đóa hoa trà, và lúc đó bà nhận ra thơ ca nếu bà nghe thấy.

- Mẹ không biết bà ấy thích món gì, - bà nói với con gái, khi thấy cô đi vào.

- Con đã bảo mẹ là chúng con không muốn phiền mẹ, - Thelma nói.

- Thế nhưng, - bà mẹ nói, - kỳ vọng là lẽ thường tình của con người. Con quen bà này đã lâu chưa?

- Lâu rồi. Nghĩa là đã mấy tháng nay. Như thế cũng khá lâu rồi đó. Người ta đến rồi lại đi.

- Ở đây chúng ta quen nhau cả đời, - Amy Parker nói.

- Trong cuộc sống của con, - Thelma nói, - thì hoàn toàn khác.

Nhưng Amy Parker suy nghĩ về bà khách. Lúc này bà ta đang nhìn gì trong phòng này nhỉ? Chỉ ngồi không thôi. Bức rèm thả lưng chừng. Bên trong là một màu xanh lá mạ. Một số người bắt di bắt dịch khi ngồi lại một mình. Họ khép mí mắt lại. Nhưng con người này thì sẽ biến thành một hình dáng khác. Và hình dáng của bà ta cuối cùng sẽ là gì, nếu không phải là ánh sáng hay tiếng leng keng?

Bà cụ đang đặt bàn tay vào lò để xem bánh ra sao, bà đã quên bẵng là con gái bà đang đứng đấy. Giờ bà vẫn hay quên mọi người, trừ phi cần thiết cho suy tư và tưởng tượng.

- Mẹ không biết, - bà nói, - người ta đeo châu báu cho lắm vào để làm gì. Họ chẳng nhìn thấy kia mà. Mẹ thì chỉ thích bày chúng trong hộp để ngắm nhìn rồi cất đi. Như thế mới là châu báu của mình chứ. Như thế mới rục rở chứ. Nhưng chiếc trâm áo phía trước kia thực là rục rở.

- Mẹ ngưỡng mộ nó là phải. Bà Fisher được thán phục vì những châu báu của bà ấy đấy. - Thelma nói giọng bất lực. Bản thân nàng không dám đeo đồ trang sức, sợ mất hoặc bị đánh cắp.

Song bà Amy Parker rất tức giận. Bà “phì” một cái.

Bà giận sự thán phục và khát khao của bà. Bà không biết nhiều thứ. Bà không biết cái đèn chùm, và bà đã thoát khỏi một cơn say.

Bà Fisher, ngược lại, biết rất nhiều thứ. Lúc này bà ngồi nhưng không đợi, ngồi trong căn phòng kia cũng đủ lắm rồi, hình như nó tạo cho bà một cái túi mà bà muốn được chui vào. Bà khởi đầu bằng việc tìm hiểu đàn ông. Trước kia bà thích những người đàn ông khỏe như ngựa, những người nom mạnh mẽ, sặc mùi xì gà và sáp bôi đầu, cho đến khi bà ngờ là thể xác họ yếu ớt. Sau một thời gian đắn đo và khước từ, bà đã lấy một người buôn vải giàu có; ông này cũng sưu tập cả đồ gỗ, đồ quý hiếm và những bức tranh về rau quả. Ông ta hơi trầm tư, bà hối tiếc, nhưng chẳng làm gì được, đó là cung cách của ông ta. Bà Fisher tiếp tục tìm hiểu đàn ông. Bà đã ngủ với một vài nhà khoa học. Bà có thể nghe giảng lý thuyết. Bà từng quen một nhạc sĩ và có thể thảo luận về Bach kỹ càng. Cần thiết phải trao đổi nếu ta muốn lấp các lỗ hổng, và tuổi già là lỗ hổng gần cuối. Bà Fisher đã học hỏi như thế đó. Bây giờ bà có thể tỏa sáng những khi trò chuyện, như kim cương, trên gác thượng nhà bà vào ban đêm, buộc chặt khách khứa bằng ngôn từ, nhúu mày gạt những con ngài và những tua hoa nhài lạc vào khuôn mặt trau chuốt của bà. Một số đàn ông nước ngoài vẫn hôn tay bà. Nhưng bà chỉ trở lại với ngôn từ. Hoặc trở lại với những chàng trai có đầu óc Byron<sup>[7]</sup>. Bà rất khoái những mối quan hệ *vui vẻ* với các anh chàng nghệ sĩ trẻ mà những yêu sách của họ có tính chất làm cảnh. Khi họ bám quanh bà như một nhóm riêng tư, còn bà thì nuôi dưỡng họ bằng tài trí của họ, các chàng trai ấy đe dọa sẽ gãy hông. Cái thứ cổ lỗ sĩ. Họ chỉ đơn thuần ngưỡng mộ bà.

Tuy nhiên, đôi khi cái toán học, cái cơ học của sự ngưỡng mộ khiến bà Fisher phát ngán. Một lần, trên con đường có mái vòm mà họ đi vào để chọn một vài chiếc bánh con, loại bánh chưa ai phát hiện ra, bà đã trốn khỏi bà bạn Forsdyke trong khi bà này đang mải ngắm bánh. Bà Fisher chạy trên đôi chân mảnh dẻ vào lối đi dài dưới vòm thủy tinh, xuyên qua ánh sáng vàng nhạt, như thể bà có được một cái gì đó để che chở. Có một đợt hai người bạn đùa cợt mãi về chuyện bà Fisher đã đi lang thang và lạc đường trong khi mua sắm.

Bây giờ bị bỏ rơi trong căn phòng đầy bàn ghế, bà nhớ lại sự cố này, cùng bao nhiêu hoàn cảnh khác mà trong đó đôi chân bà hoạt động, ước gì ta có thể nhớ lại rõ ràng, bà tự nhủ, nhưng liệu ta có đủ trung thực không? Bà ngồi xuống, nhắm mắt lại, và nhú mày, khiến bà có một vẻ đen tối bên trên cái mũi. Bà cố nhớ lại bản thân hồi con gái, nhưng tất cả những gì bà thấy được chỉ là một chiếc váy bằng xa tanh, với một chuỗi hạt, đúng thế không nhỉ? Đúng thế, bao giờ bà cũng chải chuốt. Cố nhớ lại cái ý niệm đầu tiên của mình về cuộc đời, bởi vì bao giờ cũng có ý niệm đầu tiên, mà kinh nghiệm không thể làm tăng thêm được, nếu không bị lẫn lộn. Bây giờ sự lẫn lộn đã làm mờ tầm mắt. Bà cũng chẳng nghe thấy giọng nói của mình. Tuy ở một thời kỳ nào đó bà đã nói những điều ngây thơ, làm lạc, những điều thậm chí đã phơi bày tất cả.

Khi bánh nướng được mang lên, và mấy cái chén bên trên cắm mấy bông hoa păngxê, cùng một bình trà mạ bạc bị mẻ một bên, bà Fisher mở mắt ra rất nhanh, phóng mắt vào gian phòng, rồi xoay người, ngồi sáng như ngọn đèn pha sục sọi.

- Bà Parker ạ, - mắt bà lóe lên. - Tôi đã ngồi trong phòng bà, một căn phòng hoàn hảo, và rất thấu hiểu bà. Tôi biết bà *tường tận*.

- Thế thì bà biết hơn tôi đây, - bà Parker nói, mừng thầm là lúc ấy bà có mấy chiếc đĩa để làm một cái gì đó và bà đã làm.

- Christine này, bạn hãy thuyết phục bà cụ rằng bản chất của mình là chân thật đi. - Bà Fisher mắt ánh lên, ra lệnh.

- Christine?

Bà Parker ngẩng lên nhìn. Thật bất ngờ, cái gì thế này?

Nhưng Thelma đỏ mặt. Đó là điều bí mật mẹ nàng dĩ nhiên không biết, như con gái vẫn hay giữ bí mật. Đó là trò tiêu khiển của họ. Thư từ, hoa ép, và tên. Cái tên này chẳng có gì xấu hổ, trừ khi bị tiết lộ một cách nhẫn tâm cho những người họ giấu giếm. Nàng dành riêng tên ấy cho bạn bè, hay đúng hơn là cho người quen, những người đột nhiên được hưởng tước vị cao, với họ nàng sống trong nỗi kinh hoàng, nơm nớp sợ họ cắt đứt quan hệ vì một lý do nào đó. Vì thế nàng dành cho họ cái tên Christine, như là một bảo đảm cho mối thân tình. Và lại, nàng ghét cay ghét đắng cái tên Thelma hơn bất kỳ một cái gì vện vào người nàng. Cái tôi trần trụi có thể là cái đáng ghét nhất.

- Chỉ là một cái tên, - bà Forsdyke gầy gò nói, giả vờ ho để lãng đi, - một cái tên mà bạn bè con thường gọi.

- Ô? - bà mẹ nói, hạ thấp giọng.

Nhưng Thelma vẫn là Thelma.

Thelma khốn khổ. Bà cụ ngồi đấy, chính bà cũng đở ửng, mỉm cười trước những điều kỳ lạ này, bỏ từ những chiếc bánh nướng ngon lành nhỏ giọt xuống giữa những ngón tay bà. Con bé đại dột, bà tự nhủ. Rồi bà liếm các ngón tay và tỏ ra thích thú.

Trong khi họ cắn bánh ăn, nghe rằng một cách khéo léo, hai người khách bắt đầu bàn tán về Mabel, người vừa lấy một ông quý tộc nào đó. Mabel, bà cụ đoán, vẫn nghèo túng tuy có nhiều ô tô.

- Bởi vì lão ta đối xử với chị ấy quá tồi tệ, - bà Fisher nói.

- Nhưng chỗ ấy đẹp lắm, - bà Forsdyke gợi ý một cách dè dặt.

Nàng không quen biết Mabel nên chỉ nói hú họa, thậm chí liêu lĩnh, nhưng nàng thích thú với cái trò hú tim này.

-Ồ, *chỗ ấy*, - bà Fisher nói, - tuần trước chúng tôi đánh xe xuống đấy thăm họ nhân dịp đi qua đó. Mabel tội nghiệp mà nghe thì hẳn tự ái. Chỗ ấy thật là, thôi, bạn có thể đoán được rồi. Chỉ toàn gỗ sồi và cầu thang. Nếu bạn thích sồi.

Bà Forsdyke, xưa nay vẫn nghĩ rằng mình thích, bây giờ chỉ ậm ừ buồn thảm.

- Nhưng giờ họ ở Antibes, - nàng nói.

Đúng ra là nàng đã đọc trên báo.

- Ở Antibes, - bà Fisher dài giọng. - Ở biệt thự Bò Câu Xanh. Đúng rồi. Mabel tội nghiệp đã viết một trong những lá thư nổi tiếng của chị ấy. Họ đã đọc giống như đọc giờ giấc ghi trên xe buýt. Nghe



êm tai lắm. Chết là ở chỗ đó. Ở biệt thự Bồ Câu Xanh, - bà hét lên, - quả là điên rồ. Mùa đông ở biệt thự Bồ Câu Xanh thật tuyệt trần. Nó quá nguyên sơ. Nhưng về mùa hè, như chúng ta đều biết, *hôi* lắm.

Bà Forsdyke co người lại. Chẳng bao giờ nàng có thể ganh đua với bạn được. Chẳng bao giờ nàng *biết*.

Trong nỗi khốn khổ nàng bỗng nghĩ đến chồng. Không lý do nào có thể giải thích thỏa đáng tại sao vợ chồng Forsdyke chưa hề sang châu Âu. Nhưng họ chưa hề đi thật. Như thế Thelma bị đặt vào một thế trái cựa, hay bị phục kích về mặt đàm thoại, mà nàng đã thoát ra khỏi một cách yếu ớt.

- Dĩ nhiên, - nàng nói. - Mùa hè ở miền Nam nước Pháp quả là có mùi. Hãy cho tôi những bãi biển xanh cát sạch. Dòng máu Ăng-lê của tôi thế đấy.

Nhưng bà Fisher đã khép lại. Bà căm giận quá không nói thêm được nữa. Vả lại miệng của bà tạm thời biến mất. Khi bà đặt nó trở lại, sờ lên mái tóc, mái tóc màu đỏ khi ra đời và càng đỏ hơn vào cuối đời, bà dịu dàng, thận trọng nói:

- Chẳng điều nào là lý thú đối với bà Parker tội nghiệp cả.

Bà cụ không thể nhã nhặn phản đối rằng không đúng như thế, vì vậy bà ngồi không yên, nhìn hết người phụ nữ này đến người phụ nữ kia, những con người khô khan bà đang ngồi cùng. Một người là con gái bà và có thể xem như chỗ quen biết theo các tiêu chuẩn đã được chấp nhận, nếu không dựa trên thực tế. Người đàn bà thứ hai khiến bà Parker bực mình, như những giấc mơ thường làm bà bực

mình, vì chúng đến không đúng lúc và chẳng bao giờ hiện nguyên hình vào buổi sáng hôm sau. Đây là một giấc mơ sáng chói, một giấc mơ trên người bằng những nụ cười, những chuyện cổ tích và những cử chỉ tử tế bất ngờ, chứ không chịu đứng im để người ta khám phá ra cái ý nghĩa bí mật của nó.

Bà Parker nhấp nhồm trong chiếc ghế nóng và nói:

- Tôi vui mừng là bà và Thelma có rất nhiều cái chung, bạn bè và vân vân, để nói chuyện với nhau.

- Mặc dù rất có thể bà cũng biết con người mà chúng tôi đang bàn tán với nhau, - bà Fisher ân cần nói. - Đó là Mabel Armstrong. Trước đây họ sống trong quận này. Cơ ngơi của họ có tên là Glastonbury.

Bà Fisher đã ngán về sự tiết lộ này. Bà đang tìm gắng tay và vui mừng có được tám lông thú để cọ người vào. Bà không thể ngồi mãi trong gian phòng xấu xí này.

- Dĩ nhiên là tôi biết gia đình Armstrong, - bà Parker nói với giọng kẻ cả, bởi vì cái quận này và quá khứ là hai thứ mà bà gìn giữ lại. - Ông Armstrong là người mà tôi biết rõ nhất. Nhưng tôi thường để ý đến các cô con gái và nói chuyện với họ.

- Đó là một ngôi nhà xinh đẹp, - Bà Fisher nói, giọng bà vỡ ra.

Bà đang xem xét đôi chân gầy guộc đeo tất chỉ để ra vẻ.

- Nó gần như đã tan tành, - Amy Parker nói một cách thô bạo.

Bà cảm thấy đôi môi căng lên, lộ màu mận chín, trên khuôn mặt đầy đặn và vẫn còn ham muốn nhục dục của bà.

- Vì chẳng có người chăm sóc. Bà nên đến mà xem, - bà nói, bởi vì người phụ nữ này đã nắm thế thượng phong. - Dây nho bám từng mớ lầy ngô nhà. Rễ cây chọc thủng sàn gỗ.

Chính bà đang đi ngang nó, đã lay động nó một cái.

- Buồn lắm, - Thelma nói, vừa đứng lên, và nhận thấy mình chẳng vui vẻ gì, nàng chưa bao giờ vui vẻ, trừ phi nàng có thể dự kiến trước.

- Cả một cơ ngơi như thế. Bà Fisher hỏi con gái đã từng ở đây. Có phải thế không, Madeleine?

Madeleine đang đứng lên từ đồng tro tàn.

Bà Parker hít thật nhanh qua kẽ răng.

- A... a, - bà nói. - Hóa ra là bà. Madeleine!

Fisher đứng thẳng lên không cần ai giúp đỡ, chọn ngay một trong những tư thế xưa nay bà vẫn nổi tiếng vì nó. Bà nói:

- Thế nào? Chúng ta đã gặp nhau rồi sao?

- Không, - Amy Parker nói. - Không hẳn thế. Ngày trước bà vẫn cưỡi ngựa trên các đường lộ. Một con ngựa ô. Bà mặc một chiếc áo khoác ngoài màu xanh cổ vịt, hình như thế, dù sao thì cũng màu sẫm.

- Quả là tôi có một chiếc áo choàng màu xanh sẫm, - bà Fisher quá đỗi thích thú nói. - Rất diện. Tôi thường cưỡi ngựa đi khắp nơi. Tôi thường được mời đến nghỉ tại các trang trại ở nông thôn. Nhưng tôi chẳng tài nào nhớ được những con đường bà vừa nói đến. Bà Parker ạ, con người ta chẳng làm sao nhớ được mọi thứ trên đời này.

- Tôi thì nhớ, - bà Parker nói, mắt ngài sáng. - Tôi cho rằng tôi nhớ được.

- Quả là một tai họa khủng khiếp, - bà Fisher tuyên bố.

Amy Parker đứng lên, động tác của bà chậm lại bởi ký ức, và điều này tạo cho bà một tầm vóc.

- Bà còn nhớ những đám cháy ngày ấy không? - Bà nói giọng đắc thắng. - Đám cháy rừng? Và ngôi nhà bốc cháy?

Hai người kích động trong tiếng nhạc lửa vừa được gọi hồn về.

- Có, - bà Fisher nói.

Amy Parker định tiếp tục bốc cháy hừng hực, từ hồi còn trẻ bà chưa bao giờ nồng nhiệt đến thế, nhưng người kia không muốn thế, sợ mình sẽ bị thiêu cháy ngay.

- Cũng đáng hồ hởi theo cách của nó, - bà nói, vừa rĩ người. - Như bà biết đấy, suýt nữa tôi đã chết luôn trong đám lửa. May mà có người đưa tôi ra.

- Tôi chỉ còn nhớ mang máng đám cháy ở Glastonbury. Hồi ấy tôi còn bé quá, - bà Forsdyke nói.

- Mong bà vui lòng đừng nhắc đến những sự thực làm gì. - Bà Fisher cười vang khi hai người miễn cưỡng bước ra.

Amy Parker theo họ ra khỏi phòng. Bà đi dép lê, vì không kịp thay giày. Bà nhớ lại cô gái xấu xí tóc bị cháy xém.

Bà hoàn toàn không thể xóa tan cái hình ảnh yêu kiều của Madeleine, vốn là vậy. Thế là thơ ca, sau khi đã được tận dụng hết, phải ra khỏi hệ thống. Phải loại trừ nó, như loại trừ mật đắng, nếu cần.

- Ngôi nhà trước kia ở đâu đó đằng ấy, - bà Fisher đứng trên bậc thềm nói, ngần ngại không dám bước ra khu vườn lạnh lẽo. - Ta đứng đây có thể nhìn thấy không nhỉ?

Nhìn đằng sau bà nom già hơn nhìn đằng trước.

- Bây giờ thì không nhìn thấy đâu, - Thelma nói. - Cây cối đã mọc lên rồi.

Hình như bà Fisher định cố kiễng chân, như thể cơ bắp của bà vẫn còn tốt, nhưng bà Forsdyke đã đặt bàn tay bên dưới khuỷu tay bà, và bà đã thay đổi ý định.

Thelma Forsdyke nom nhợt nhạt hẳn. Nàng có thể yêu những ai phụ thuộc vào nàng, thừa hưởng sức mạnh từ sự yếu đuối.

Dưới bầu trời ấy, bầu trời có màu tử đinh hương ở những nơi nào nó chưa tan biến đi, mấy người đàn bà xuôi theo con đường gạch cũ, mà trên đó rêu đã mọc đầy như những chiếc đệm lót con bằng nhung sẫm. Ngoại trừ tiếng chim trong trẻo, khu vườn im lặng như những người đàn bà đang đi trong đó. Một mặt, những người đang ra đi chưa nhận thức được bản thân họ một cách đầy đủ, nhưng có lẽ sẽ làm được điều đó, nếu thời gian đứng vững. Mặt khác, con người vẫn còn đó, con người không chịu từ bỏ ngay cả sự khó chịu của bầu bạn, đã tạo một thói quen trong một thời gian ngắn.

Ngay sau đó một cụ già từ phía khác của khu vườn bước đến, rạp mình dưới những cành cây, rẽ lối qua lùm cây bụi. Ông mặc chiếc quần màu xanh nhả nhúm ở mắt cá; nhìn chung quần áo ông rộng rãi, thoải mái. Khuôn mặt ông nhăn nheo, mang màu da cam dưới ánh chiều. Ông cụ già giống như da thuộc bước tới trên nền đất ẩm ướt. Từ mảnh đất mà ông giẫm lên, bốc lên một mùi ẩm ướt nhưng dễ chịu.

Amy Parker nghển cổ lên. Lông mày bà lấp lánh. Chúng vẫn rậm và sẫm đen.

- Đây là chồng tôi, - bà nói.

Thelma hôn ông cụ khi ông bước đến, bởi vì bao giờ nàng cũng tận dụng triệt để việc ông cụ là bố mình. Bà Fisher chìa bàn tay đeo găng cho ông bắt. Tất cả họ đều đứng dưới ánh sáng vàng nhạt nhạt. Stan Parker không nhìn người đàn bà lạ mặt, hình như thế, đổ lỗi cho ánh chói của mặt trời lặn.

- Nãy giờ anh ở đâu? - Vợ ông hỏi, mỉm cười giận dỗi.

- Dưới kia, - ông trả lời, khẽ nháy mắt trước ánh mặt trời.

Rõ ràng ông có ý định lẩn tránh các chi tiết.

- Tôi đang đốt mấy thứ linh tinh.

Đúng là có một làn khói nhẹ đang dâng lên, có mùi khói, và vài ngọn lửa nhỏ lung linh sau những cành cây.

- Chồng tôi rất thạo việc đốt lửa, - Amy Parker nói. - Theo tôi, phần lớn đàn ông có thói quen đứng quanh một đám lửa và nhìn vào đó sau khi nhóm lên.

Bà muốn bới móc chuyện này, nhưng nhớ lại chồng mình thời cường tráng, bà lại thôi. Và thế là họ đứng bên nhau trước mặt người lạ. Họ ở bên nhau. Người đàn ông này y hệt con người trước giờ ta vẫn biết, bà nhủ thầm.

- Cái mùi này thích quá, - bà Fisher chân thật nói. - Cái mùi của mùa đông. Cái mùi đáng yêu quá, ở đây và ở khắp nơi. Chẳng bao giờ dứt.

- Nhà ta có nuôi ong không? - Bà hỏi, quay nhanh về phía ông cụ.

Mặt trời như quả bóng đang chìm dần, những ngọn lửa giống những chiếc lưõi con nháy nhót phủ lên mọi người một màu vàng dịu.

- Không, - Stan Parker nói. - Tôi thậm chí chưa hề nghĩ đến chuyện ấy, thực tình mà nói.

Ông có nhìn người đàn bà một lần, bởi vì việc bà ta hỏi ông thật kỳ lạ. Ông nhìn vào khuôn mặt đang sụp đổ của bà ta, trong đó đôi mắt vẫn còn hoạt động.

- Tôi cũng muốn nuôi ong, - bà Fisher nói. - Kể ra cũng chẳng thích hợp đâu, tôi biết. Nhưng tôi muốn ra ngoài, mở tổ ong và nhòm vào đàn ong đang bám chặt lấy tổ. Tôi biết là chúng sẽ chẳng làm hại gì tôi. Ngay cả khi chúng tụ tập quanh cổ tay tôi. Tôi chẳng sợ chúng tí nào. Ôi những con ong vàng óng mới dễ thương làm sao. Nhưng bây giờ thì muộn rồi.

Chuyện gì đang diễn ra thế này? Amy Parker tự hỏi. Một vở kịch vĩ đại về lửa vàng đang giày vò bà. Chẳng có lý do gì để giả dụ rằng Stan đã nhìn thấy người đàn bà ấy thông qua ánh lửa, hay đã nghe thấy giọng nói của bà ta thông qua tiếng đàn ong vo ve.

Song ông mỉm cười.

- Nuôi chúng rất tốn thời gian, - ông nói. - Chúng hay bị bệnh và chết.

- Thế ra ông là một trong *những người ấy*? - Bà Fisher hỏi.

Tuy vậy khó mà nói bà đang nghĩ điều gì về ông.

Thelma bắt đầu xốc cổ áo. Nàng nói:

- Chúng ta cứ đứng chỗ ẩm ướt này không khéo chết cả lũ.



Bằng một giọng dành cho những người đã từ già nòng. Nó chứa đựng một sự dịu dàng giận dỗi.

Sau đó nàng dắt bạn đi, sợ rằng rút cục chuyến đi thăm có thể thành công mà nàng thì không có phần trong đó. Bà Fisher ngòl mồm cười qua cửa xe ô tô. Bà muốn thét to một điều gì đó, một điều đáng ghi nhớ lúc ra đi, như bà vẫn làm, nhưng bà không thể. Gương mặt khô khốc của bà nằm yên dưới chiếc mũ. Thật kỳ diệu là ý tưởng về đàn ong đã nảy ra trong đầu bà với sự say mê như vậy, cứ như đúng là thế, chứ chẳng phải làm bộ làm tịch như đúng ra bà phải thế. Giờ đây sự nuối tiếc ghê gớm về những cơ hội đã mất đang giày vò bà, khi bà kinh ngạc nhìn ngôi nhà gỗ vuông vức, nơi bố mẹ của người bạn bà đang sống. Mọi giải pháp đều lẫn tránh bà. Một lần bà bắt gặp một cuốn sách giải thích các giấc mơ trên cái bàn trang điểm ở một gian phòng trống trải, của một cô hầu gái mà bà vừa đuổi, bà vội vã xem ngấu xem nghiền, chuỗi ngọc của bà đứng đưa trên trang giấy màu vàng. Bà đang tìm kiếm một ý nghĩa. Thế rồi bà bỗng cười vang và xé tan cái cửa nơ ấy, mừng thầm là những kẻ ghét hoặc kính trọng bà không nhìn thấy.

Vì thế lúc này, để tìm những ý nghĩa chính xác, bà đã nhìn vào khuôn mặt của đôi vợ chồng già này, đặc biệt là ông cụ, vì ông là đàn ông và vì nước da màu cam của ông lóe lên một ánh lửa yên lành. Nhưng ông lão không nhìn mình, bà nhủ thầm. Bà cựa quậy, rồi đặt găng tay lên trên khung kính trượt của ô tô, như thể chỉ cần một cử động nữa là bà chồm về phía trước và bật mí mắt ông ra, để hai người trừng trừng nhìn nhau.

Thế nhưng chiếc xe đã đưa bà đi, qua đám khói của ngọn lửa tàn, qua đống rác mà ông vừa đốt. Bà phát hiện có những cuộc sống chỉ có thể chạm vào nhau chứ không thể gắn với nhau. Ngay cả trên một cầu thang rục rủa, hai người nằm chập chờn bên nhau, nhưng mắt của họ không nhìn sâu hơn các tia máu của nhãn cầu.

Amy Parker khẽ chạm vào người chồng.

- Rét thật, - bà nói, - ta vào nhà đi, anh Stan. Chẳng tốt gì cho cái lưng của anh đâu. Hay cho cái chân của em.

Bà muốn gắn mình với ông, thậm chí cả với nỗi đau đớn của ông.

- Em mừng là họ đã về, - bà vừa nói vừa ngáp, thư giãn cái lợi. - Anh có mừng không? Nhưng anh nào có đến. Dẫu sao bà ta cũng rất hay. Bà ta nói nhiều chuyện buồn cười thật.

Họ đi dọc theo con đường mòn trong bộ quần áo bằng len dạ đã cũ nhưng thoải mái, trong khi những người kia đã về. Bà sờ một cái vỏ cây mà bà đã quen thuộc từ lâu. Cuối cùng bà cúi lên vì ông chẳng nói năng gì cả.

- Bà ta đến đây ngày còn là một cô gái, - Amy Parker thận trọng nói. - Bà ta bảo như thế. Bà ta đã từng ở đâu đó trong vùng này, anh ạ.

Nhưng chồng bà đã hình thành một thói quen khủng khiếp là không trả lời hay tỏ ra dấu hiệu nào. Vì thế chẳng mấy chốc máu trong người bà sôi lên sùng sục.

- Thế nhưng nom bà ấy tiều tụy quá, - bà cất tiếng cười vang. - Bơ dính đầy mồm sau khi ăn bánh nướng. Dĩ nhiên bà ta có sửa sang lại ngay. Nhưng là sau khi đã có người trông thấy.

- Trong vùng này. Nơi bà ta ở hẳn là cơ ngơi gia đình Armstrong. - Stan Parker nói. - Thế bà có nhìn thấy tóc của bà ta không. Màu đỏ đấy.

- Nhuộm đỏ đấy. - Amy Parker nói với vẻ hiểu biết lạnh lùng. - Một số bà thường làm thế.

Còn ông thì chất phác thế, có đúng không? Bà tự hỏi. Nhưng không có câu trả lời, bà đi vào nhà.

Ông cụ bước theo. Đây là nơi họ sống. Ông cảm thấy hàm ơn về mọi thứ trên đời vào buổi hoàng hôn này, và ông đã không chất vấn cái điều không thể có được. Ánh lửa chiều đã tắt, chỉ còn một vệt đỏ dài. Dù sao thì ông cũng không tin vào cái ngôi nhà đang cháy ấy, vang tiếng đàn hạc, và tóc đàn bà.

## CHƯƠNG 23

Những ai không muốn dính líu đến cái chết chẳng mấy chốc đều tìm cách lảng tránh gia đình Parker. Hai người đi đây đi đó như thể không có việc gì xảy ra. Thật là buồn cười. Có lẽ họ chưa nghe nói về chuyện đó. Vì thế những kẻ sợ chết bắt đầu háp háy đôi mắt nhìn tang gia. Thậm chí họ ra ngoài và giúp đỡ những người đã miễn cho họ cảnh lúng túng phải phân ưu. Họ mang quà đến và giúp những việc lặt vặt. Song điều đó làm cho họ cảm thấy yếu mệt.

Thế rồi ông cụ Parker đọc báo, sau khi cuộc điều tra được tiến hành, biết tin rằng con trai mình đã chết. Ông lão đang đứng đó, trong sương giá, đầu trần, vì ông chỉ ra ngoài để lấy báo buổi sáng; cụ đọc lướt qua và thấy ngay cái tin về một người đàn ông tên là Ray Parker bị bắn vào bụng trong một hộp đêm. Nó chết rồi.

Đúng là thằng Ray. Ray đã chết, trong sương giá trắng, đứng trên quãng đường ấy. Thằng Ray, ông tự nhủ, kéo tờ báo về một bên như một cái cánh, đập đập. Ông nhìn theo con đường. Nó hoàn toàn vắng vẻ. Rồi ông lại đọc tiếp, về chuyện đã xảy ra. Hoặc nhìn quanh. Và run lên. Kêu một ai đó đến. Để xem họ đã đọc tin này chưa.

Mọi người trừ ông bà Parker đều đã đọc vụ án này, dĩ nhiên, nhưng lảng đi ngay khi có dấu hiệu là điều bí mật sắp bị tiết lộ.

Tối hôm ấy, Ray Parker đã xuống khu phố tồi tàn, mông quăn căng chật, vì vào thời điểm chết, hắn là một người to lớn, nhưng mềm yếu, quanh cái miệng dày với hai khóe mềm, ủ rũ. Hắn đi lại khá phóng khoáng ở những nơi quen thuộc, trên cái cầu thang lổ rổ, màu gio. Phía dưới, một vài người đàn bà đang trang điểm hoặc chải đầu, vớt những cuộn tóc rơi xuống dưới mấy cái bàn màu xám. Vào giờ ấy đêm trôi chậm chạp. Cái miệng ngáp không buồn ngậm lại mà cứ mở to ra, cho đến khi ta nhìn thấy sâu bên trong có cái lưỡi gà nho nhỏ ánh ngời. Vào một giờ khác ai có thể nghĩ rằng nó ở đấy? Hay âm nhạc, đang bập bùng quanh rãnh đĩa than, riêng tư như những chiếc kim đọc.

Ray đi lên thẳng chỗ Lola, người đang sống chung với hắn, cô mặc một chiếc áo sơ-mi vừa lấy ở thợ giặt về hôm ấy; nó còn mang mùi hiệu giặt, nhưng vẫn còn nguyên các vết xúp không tẩy sạch. Jack Cassidy cũng ở đấy, ngoài những thứ khác y có một cuốn sách, và dắt theo một gã đàn ông mà chẳng ai biết, chẳng ai từng biết. Có nhiều cô gái và phụ nữ khác cùng túi xách và chỉ có tên thánh. Họ ngồi ở đó đã một lúc lâu, trước một cái gạt tàn đầy tàn thuốc và những cốc bia. Lola bồn chồn lo lắng.

Nhưng mọi người mãi chuyện trò và cười âm ỉ, họ hỏi Jack Cassidy về cái tin có ai đó bị một người bạn làm rầy rà. Ray Parker ngả người qua cái bàn. Hắn đang nói chuyện với Lola, phân vân không biết mình sẽ nghĩ thế nào về người đàn bà đó, nếu vào phòng này và nhìn thấy ả lần đầu tiên, chắc là kinh khủng lắm, nhưng ả đã

trở nên cần thiết đối với hắn. Còn Lola đang nói chuyện với Ray nhưng không nhìn vào hắn, bởi vì ả không muốn nói chuyện với hắn trước mặt mọi người. Sau này ả không nhớ được hai người đã nói những gì.

Đúng lúc đó Alfie bước vào. Y tiến đến chỗ Ray. Ray quay ngoắt lại, và bị bắn bằng một khẩu súng lục mà chẳng ai có thể tin được. Cái chết chẳng thực tí nào. Đầu tiên Ray bị bắn vào háng. Hắn là một người to lớn, và ló lảng. Rồi Alfie bắn tiếp, lần này vào bụng, sau này Ray kể lại, lúc hắn đã qua cơn sợ hãi. Khi hắn nằm sổng sượt trên sàn nhà nhìn Alfie, cơ thể gã này co lại thành một lớp da vàng, như thể y cũng không tài nào tin được ý định của mình. Bắn Ray vì tội báo cảnh sát hay vì một lý do nào đó mà y đang tìm kiếm.

Dẫu sao Ray Parker đã bị bắn. Hắn đang nhìn vào chiếc áo của Lola may bằng xa-tanh trắng hay màu sò, cái màu sắc của ả, màu của ả lúc buổi sáng. Ả là một người đàn bà béo bệu. Và sau đó không lâu Ray chết, trước mặt người đàn bà này, cùng một viên cảnh sát và một nữ tu sĩ. Họ đang thăm ướt đôi môi của hắn khi chẳng bao giờ hắn còn có thể cúi mặt xuống hút nước màu nâu của cái đập, chẳng thể ném cho những hòn đá nhảy lên, hay nói ra thậm chí những lời đơn giản hắn vẫn quen nói. Hắn đã chết.

Một phần của câu chuyện này ông lão Parker đọc trong đám cỏ bạc bên đường. Ông cụ đọc tên và tuổi. Ray Parker nổi tiếng là một kẻ oa trử đồ ăn cắp. Hắn lãnh nhiều án tù ngắn hạn ở các bang khác về tội đột nhập và ăn trộm. Hắn khét tiếng ở trường đua ngựa. Đây là con trai của ông bà Parker. Chúng có được cung cấp bởi người vợ *ngoài giá thú* của người quá cố, Mary Brill, còn có tên là

Lola Brown hay Joanne Valera. Người đàn bà này chuyên làm trò mua vui, tờ báo viết vậy.

- Anh đang làm gì đằng ấy thế? - Amy Parker hỏi.

Bà khó chịu hết sức về việc ông không đội mũ.

- Ở cái tuổi này. - Bà nói.

- Ồ. - Ông nói rồi mỉm cười.

- Thôi, vào nhà đi. - Bà nói. - Trứng đã xong rồi.

Ông vào nhà và đặt tờ báo xuống đằng sau cái chạn bằng gỗ tuyết tùng nặng mà bà không di chuyển, trừ vào mùa xuân, khi đó bà thường nhờ ông giúp một tay. Thế là tờ báo ở yên đấy với bụi bặm.

Sau đó chẳng bao lâu Stan Parker nói với vợ:

- Anh có chút công chuyện phải đi lên Sydney, Amy ạ.

- Ồ. - Bà nói.

Bà hài lòng. Bà không hỏi. Cả ngày Amy Parker loanh quanh trong nhà, mở các ngăn kéo ra ngắm nhìn các vật bà đã quên, hoặc nhìn những cây đang vươn về phía mặt trời, rồi bà quay chúng lại, rồi lại ngắm nhìn. Những hành động riêng tư này làm cho bà khuây khỏa.

Thế là bà lắng nghe, không hề than vãn với con dao cạo trên má chồng bà, sau khi hôn da thịt nhẵn nhụi của chồng, cài cổng trước

bằng một cái xích con, bà trở về với những ý nghĩ của bà và chẳng bao lâu ngộp lợi trong đó.

Stan Parker, choáng váng vì đau buồn, muốn tâm tình với một người nào đó. Ông muốn nói chuyện với con dâu, nhưng Elsie và đứa con trai đang đi du lịch ở một bang khác với bố cô, một người buôn tạp hóa đã về hưu, một người tráng kiện. Còn Thelma đã đi New Zealand với chồng, thực hiện một cái gọi là chuyến đi nửa công nửa tư. Ray chết rồi, Stan Parker thầm nói. Ông bắt đầu nghĩ đến thằng bé con, cái điều quá ít ỏi ông biết về con trai mình. Một bí mật nào đó bắt đầu khép lại khuôn mặt của đứa trẻ. Cuối cùng trên tàu hỏa ông lão khóc một chút, quay người để khóc bên tấm kính cửa sổ và trước những ngôi nhà chẳng có hình thù. Miệng ông đầm đìa nước.

Khi tàu đến thành phố, ông bị xô đẩy khá nhiều tại Nhà ga Trung tâm, và nhận ra ông chưa biết mình sẽ làm gì. Có lẽ ông sẽ chẳng làm gì cả. Ông có thể làm được gì nào? Ông bị lôi vào cơn lốc của những người đang đi về một nơi nào đó. Chiếc mũ ông lão, một chiếc mũ mới, đã bị móp méo, nhưng ông không hề nghĩ đến chuyện nấn lại.

Trong khi ấy, mặc dầu bị xô đẩy và tâm trí bất định ông vẫn tiến tới, hỏi thăm đây đó, cho tới khi đến sát cái phố ngày trước người quá cố đã sống. Một anh chàng nhỏ bé, khô khốc, đeo tạp dề, thậm chí còn quen biết Ray Parker, tò mò nhìn ông lão.

Khi Stan Parker đến cái phố đó, vào một trong những buổi sáng màu xanh mà cái lạnh đã bị hút vào biển cả lộng lẫy, những đường hẻm màu đất sét rộng mở như trong giấc mơ, cả sâu bọ đều im ắng,



ông được mấy đứa trẻ nhanh chóng đưa đến một ngôi nhà; chúng biết rõ các chi tiết về vụ án mạng, đây là vụ đầu tiên chúng có liên quan.

Chúng đưa ông lên gác, nhưng đến chiều nghỉ thì bỏ ông ở đấy. Bọn trẻ chạy xuống theo lồng cầu thang, nhanh như gió, lan can nóng bỏng dưới bàn tay chúng.

Ngay sau đó, một người đàn bà đi đến cửa bên trên cầu thang. Chị ta đứng đấy, đợi người ta buộc tội. Ông cụ nghĩ thầm: Nếu không có cái chết của Ray thì cái gì khác có thể đưa ta đến với người đàn bà này?

- Có phải ngày trước Ray sống ở đây không? - Ông hỏi.

- Vâng. - Chị ta trả lời nhanh, hoặc nức vì khóc quá nhiều.

- Tôi là cha của nó. - Ông cụ nói.

Chị ta không tỏ vẻ vui mừng. Mặt chị sa sầm.

- Cháu không biết có gì để nói cho cụ. - Chị nói một cách lén lút.

Sáng hôm ấy tóc chị nom rất kinh khủng. Hệt như tóc người chết. Nhưng chị đưa ông vào qua một cái phòng nhỏ quanh có căng diềm, và theo thói quen bắt đầu mân mê bộ tóc, kéo hoặc xoắn mấy lọn tóc, miết xuống da đầu, lộ móng tay qua mớ tóc.

- Cháu không muốn cụ bàn chuyện về cái chết. - Chị ta nói khi hai người ngồi xuống bàn, hai tay đặt trước mặt. - Cháu ngấy lắm rồi. Cháu muốn mời cụ uống một chút nhưng nhà chẳng có gì. Đến

khi có người chết mới biết mình có bao nhiêu bạn bè, và họ uống  
nhấn ráo. Sau khi Ray bị giết chúng cháu bán tống bán tháo hết.

Ông cụ ước sao mình có thể nói được điều gì với người đàn bà  
này, và cảm thấy ngớ ngẩn vì chẳng làm được.

- Tôi muốn giúp đỡ cô. - Ông nói, bản khoản không rõ mình sắp  
sửa hứa hẹn điều gì đây.

- Cụ không thể giúp đỡ được người ta đâu, - chị ta nói, ân miễn  
cho ông. - Họ phải tự lo liệu lấy. Làm như thế ít ra mình cũng độc  
lập.

- Cây gì kia? - Ông cụ hỏi cái vật đang vũng vầy trong một cái  
chậu.

- Cây kia à? - Chị nói. - Cháu cũng chả biết nữa. Cháu kiếm  
được. Thế rồi đâm ra gắn bó với nó.

Chị xì mũi.

- Cô có định ở đây không? - Ông hỏi.

Bàn ghế ruồi bâu bốc lên một mùi mốc meo tởm lợm. Nhưng có  
một chiếc radio bóng nhoáng.

- Cháu chẳng biết. - Vợ của người quá cố nói; chị vừa mang đến  
một bao thuốc lá, nhét một điếu vào mồm như nhét một món thức  
ăn, và thổi ra một làn khói ở đằng mũi nom như chiếc kèn trumpet  
dài.

- Có bao giờ cụ biết được mình sẽ làm gì không?

- Có, - ông trả lời làm ra vẻ quả quyết.

Thực ra ông cảm thấy những ý định của ông bao giờ cũng bốc lên như làn khói. Chúng bị cuốn đi.

- Cháu chẳng bao giờ chịu trách nhiệm về bất cứ điều gì đã xảy ra. - Người đàn bà nói, nuốt một ngụm khói và nhả ra với vẻ trầm tư khó hiểu. - Ở quê cháu, - chị ta nhắc đến tên một đoạn đường sắt nào đó ở vùng tây bắc, - cháu vẫn thường nói rằng mình sẽ làm việc này việc nọ. Cháu nói sẽ là một ca sĩ. Bởi vì cháu có giọng hát rất hay. *Và rồi*. Cháu hát được bài *One fine day*, vâng vâng, và hát rất chuẩn. Cháu có tâm hồn nghệ sĩ. Cháu có một chiếc váy màu hồng, một chiếc mạng màu hồng, với mấy bông hoa hồng bà cô cháu thêu lên viền áo, và đôi giày xa-tanh. Nhưng đương nhiên cuộc sống ở đó cũng chẳng sôi động lắm. Chỉ những con lật đật lác lư trong gió. Mùa hè có thể nghe thấy tiếng ì ì ầm trong các bồn nước, vì nóng. Và có cả tàu hỏa ban đêm. Cháu thường lên tàu, mang theo ấm trà, và phục vụ mọi người cả bánh nướng, thứ bánh nổi tiếng. Ban đêm đèn thấp đẹp lắm, các gương mặt lạ lẫm cũng nom đều đáng yêu. Cháu nhìn đám hành khách. Chẳng ai biết bên trong cháu ẩn giấu cái gì, thật kỳ diệu. Mà cháu cũng chẳng hay. Khác hẳn với khi mình còn trẻ, ngồi với người lạ, bên ánh đèn. Ban ngày dĩ nhiên chỉ có tàu chở cừu. Chuyển lên chuyển xuống. Đàn cừu khốn khổ xếp chặt như nêm. Bố cháu là trưởng ga, cứ đi ra và thi thoảng chửi thề giữa cái nóng bức. Vào những ngày hè như thế chẳng mấy chốc mặt mày lấm đầy bùn. Nhưng ban đêm thì trời đầy sao. Chuyện gì cũng có thể xảy ra. Và cũng đã xảy ra. Cháu leo lên một chuyến tàu đêm với người gác, chẳng vì lý do gì ngoài việc bàn chân cháu đã đặt lên bậc cấp. Chỉ đơn giản thế thôi. Khuôn mặt anh ta hiện ra. Và suốt

đêm hôm ấy cháu cứ nghĩ rằng chuyến tàu là một điều vĩnh hằng. Thế đấy, cháu đã phạm nhiều sai lầm tệ hơn, nhưng sai lầm đầu tiên vẫn là sai lầm tồi tệ nhất. Người đàn ông ấy, cháu quên mất tên rồi - tên là Ron thì phải - anh ta có một sợi dây đồng hồ bên trên có gắn với mấy viên ngọc lục bảo, sáng ra anh ta đâm sợ vợ. Đàn ông là thế, họ thành ra dơ dáy khi ta thích họ, trừ phi ta là người đầu tiên, mà ai là người đầu tiên cơ chứ? Thế đấy, cháu không thể quay trở lại, và cũng không muốn. Cháu chẳng bao giờ có kỳ vọng về những điều lớn lao của quá khứ. Do vậy cháu cứ quẩn quanh mãi. Cháu có tham gia dăm ba xô diễn. Nhưng không trở thành ca sĩ đúng theo ý định của mình, như trước kia cháu đã tin chắc. Không phải là vì không còn muốn nữa. Mà như thể bị đẩy đi. Thế là đêm đêm, cháu cứ tỉnh giấc, lắng nghe tàu điện chạy qua, và biết mình sẽ chết dí ở đó. Đôi khi cháu khóc, nhưng thật ra cháu chẳng thiết gì nữa. Dẫu sao cháu vẫn có thể đi tàu điện tới Waston Bay và nhảy xuống, hoặc mua một miếng bít tết ngon đồ lừ, hoặc kiếm một gã đàn ông. Đó là tất cả những gì cháu chưa biết tới. Bởi vì ngày ấy cháu còn trẻ, có thể ngủ suốt ngày, và da thịt cháu còn tươi mát.

Ông lão từ nãy đến giờ vẫn lang thang trong màn sương của câu chuyện, bỗng nhận ra rằng nỗi khổ đau của ông lại trở nên riêng tư. Ông nghĩ đến đôi chân của Ray với những mẩu vụn bánh mì vàng rơi ra từ đó. Thế ra ta đến đây không phải để giúp đỡ mà được giúp đỡ. Ông hái hùng nhìn người đàn bà nhếch nhác kia.

- Cháu thật sự là một con nô lệ, - người đàn bà thở hển hển nói.  
- Mặc dù cháu không nhận thức được điều đó trong một thời gian. Rồi đến khi nhận ra rằng mình bắt đầu đi tìm một người để được giải thoát. Cháu tìm, tìm mãi.

Ông lão giờ đây lại nóng lòng muốn nói chuyện về con trai mình, hay ít ra là về người con mà ông biết, và nghe một điều gì tốt về hắn, nghĩa là về chính bản thân hắn. Ông bỗng hỏi:

- Vậy cô quen biết thằng Ray bao lâu?

Nhãn cầu của người đàn bà tên là Lola nhìn chăm chăm.

- Suốt đời cháu, - chị ta nói một cách quả quyết, - cháu biết Ray trong một cơ thể này, hoặc cơ thể khác. Đôi khi cháu nhìn vào đôi mắt anh ấy cố tìm xem ở đó có cái gì khác không, nhưng chẳng bao giờ thành công. Khi anh ấy chết, cháu ôm cái thân xác ấy, dựng lên, rồi cục nó chẳng khác gì mấy, chỉ nặng hơn thân xác của một người đã lấy đi tất cả những gì anh ta cần, và rồi ngủ thiếp đi.

- Cô có cầu Chúa không?

- Cháu sẽ không làm một loại nô lệ khác đâu. - Lola thét lên. - Thế cụ biết gì về Chúa nào?

- Chẳng là bao, - ông lão nói. - Nhưng tôi hy vọng cuối cùng tôi sẽ biết một cái gì đó. Còn gì khác đáng để biết nữa không?

- Ồ, cháu không đủ kiên nhẫn. - Lola nói, vò mái tóc chết khô. - Đôi lúc cháu nghĩ cuối cùng mình sẽ quay về nhà. Cháu muốn ngồi lại. Cháu nghĩ rằng trước kia mình tự do hơn. Hay là đã quên? Hay là cháu mơ điều đó từ bấy đến nay? Có một vài cây chết trong bình nguyên ấy. Cháu muốn ngồi đấy, cạnh chuồng gà. Chẳng có gì khác nữa, ngoài không gian trống trải. Thế còn tốt hơn cầu nguyện.

- Tự do. Nhưng cầu nguyện là tự do, hoặc nên là thế. Nếu con người có lòng tin.

- Không. - Chị thét lên. - Không, không, không!

Mặt lập tức đỏ bừng.

- Cụ đang tìm cách tóm cháu, - chị nói. - Nhưng sẽ chẳng tóm được cháu đâu.

- Tôi làm sao tóm bắt được cô, - ông lão hỏi, - khi bản thân tôi đang bị tóm? Tôi đã bị trói chặt.

- Các ông già, - chị lầu bầu, - luôn là người tội tệ nhất. Họ nghĩ rằng nếu nói chuyện họ sẽ chứng minh rằng mình khỏe mạnh. Cháu chẳng cần bất kỳ người nào cả, khỏe, hay già, hay bất cứ loại nào.

Mắt chị ánh lên với tình huống chị vừa tạo ra, với không gian mênh mông. Hơi thở của chị hắt ra như của trẻ thơ.

- Me... ẹ, - thằng bé bước vào gọi chị. - M... e... ẹ...

- Cái gì thế? - Chị hỏi, chộp lấy hơi thở vừa thoát ra.

- Con muốn ăn phó mát.

- Không có phó mát.

- Một tẹo thôi.

- Trẻ con không phải chạy lung tung vừa ăn phó mát.

- Con cứ.

- Thế này thì hư quá.

Khi sự yên lặng xoa vào chị được một hồi, chị đi vào căn bếp nhỏ, lấy xuống một cái hộp bằng thiếc trên có mấy bông hoa và thái một lát mỏng pho mát tựa như xà phòng.

- Đây, - chị nói, - chẳng còn nữa đâu.

Nó không cảm ơn mẹ, vì đó là quyền lợi của nó. Nó phải ăn.

Ông lão ngòì nhìn. Thằng bé như thể là con trai ông. Ông muốn nói với người mẹ: "Ta sẽ bảo cho cô biết cái gì đang dành cho cô," nhưng dĩ nhiên cô ta sẽ chẳng bao giờ tin đâu. Vì thế, ông hỏi thằng bé:

- Cháu có biết ông là ai không?

Một cách ngu xuẩn, lập tức nhận ra rằng ông sẽ phải chịu đựng.

Bởi vì thằng bé nhìn ông và nói:

- Không.

Rõ ràng là, với cái mồm đầy pho mát, nó không muốn biết.

- Ray chẳng bao giờ nhắc đến cụ cả, - người đàn bà mơ màng nói, không có vẻ nhấn tâm.

Chị đang vuốt mái tóc sống động của thằng bé, mà chị có thể người thấy thoang thoảng, và mỉm cười.

- Đây là ông nội con, - chị nói, - đến thăm mẹ con ta.

Ông lão ước gì chị không nói điều ấy.

- Sao lại thế? - Thằng bé hỏi.

Không ai có thể trả lời được.

Thằng bé hát mạnh đầu để giải thoát.

- Con chẳng cần ông nào cả, - nó nói, ngờ vực tất cả những gì không phải là thức ăn hay vui thú, đặc biệt là những điều nó chưa biết, cái làm lung lay sự tự tin của nó.

- Cứng đầu thật, - người mẹ nói với giọng không hề mắng mỏ.

Ông già chấp nhận điều ông đáng phải chịu.

- Đến đây mẹ chải tóc cho nào, - người mẹ bảo thằng bé, chị say đắm mớ tóc ấy.

- Không, - nó nói, - để lúc khác.

- Chỉ một tẹo thôi mà, - chị nài nỉ, vừa đi tìm một chiếc lược nhỏ có cán. - Nào, lại đây, Ray.

Như vậy thằng bé này cũng là Ray.

- Không. - Thằng bé nói. - Với lại đó là lược con gái.

- Cháu chẳng làm được cái gì với nó. - Người mẹ nói với vẻ vui sướng cực độ.

Một lúc sau ông già thấy mình phải để mặc chị ta với cảnh nô lệ của chị. Chị say trong tình yêu và hương tóc trẻ thơ. Thế là ông cụ



chuẩn bị ra đi.

Ông đi dọc hành lang mờ tối thêm vì lớp lót sàn cũ màu nâu, người đàn bà tên Lola chạy theo ông và nói:

- Cháu chẳng biết nói gì để cảm ơn cụ.

- Về chuyện gì?

- Cụ đã giúp cháu thấy rõ nhiều điều.

Đôi mắt ông đang nhìn chị lòa đi bởi sự bối rối.

- Cảnh nô lệ tất yếu này, - chị nói, - nếu đó là cái điều mà cụ định nói ra.

Ông vừa đi vừa cảm thấy ngạc nhiên rằng mình có thể làm sáng mắt ai đó bằng sự u tối của mình.

Nhưng đây chỉ là một trong những điều kỳ lạ.

Khi Stan Parker về đến nhà, sau khi tháo dây xích con cài ở cổng để ngăn đám súc vật từ vùng dưới lạc đến, ông nhìn thấy Amy đang ngồi ở ngoài hiên, như bà vẫn thường ngồi, nhưng nom héo hon. Liệu mình có khả năng đương đầu với chuyện này không? Ông lão bần khoản trong khi hai chân ông vẫn bước về phía trước.

- Cái gì thế? - Ông hỏi.

Mặc dù ông đã biết.

Khi ông bước tới ông thấy cô gái gầy gò vẫn nằm nguyên trong bà lão vững chãi này, và nỗi thương tâm kia cũng làm ông tan nát cõi lòng.

- Tôi định bụng tạm thời giữ không cho bà biết, - ông nói, - có thể thôi.

Ông vừa bước tới vừa đưa hai tay ra. Chẳng bao giờ ông chạm tới bà.

- Được thôi, - bà nói như thách ông chạm vào bà, vì bây giờ bà đã thôi khóc. - Em đã trải qua những chuyện như thế này nhiều lần, chỉ có điều là hơi khác nhau. Nhưng mỗi lần nó đến thì chẳng ai ngờ.

Khi tin ấy đến, Amy Parker đang ngồi ngoài hiên trong một ngày quang đãng. Một cây nhỏ bao nhiêu năm nay bà theo dõi lần đầu tiên đâm bông. Thật là một viên ngọc.

Thế rồi bà nghe thấy tiếng xích. Tiếng lách cách của một người lạ lẫn với nó; sau cùng người ấy đi vào, xô qua những bụi trúc đào và những bụi hồng mọc lộn xộn mọc vào quần áo, thậm chí còn cào rách người lạ, khiến họ bực mình.

Người lạ bước tới, mà hóa ra không phải người lạ, mà chính là bà O'Dowd, bạn của bà Parker đã bao nhiêu năm nay.

- Kìa, - bà O'Dowd nói, - chị thật là một người bạn tốt, nếu có thể gọi chị như thế, tôi không chắc lắm.

- Thế đấy, - bà Parker nói, - chị để lại bao nhiêu thứ, và rồi thời gian trôi đi.

Bà ngơ ngợ không biết mình có vui mừng không.

- Chị có khỏe không? - Bà O'Dowd hỏi.

- Khỏe, chị ạ, - bà Parker trả lời; bà không đứng lên, có thể vì cái chân, cũng chẳng mời bất cứ thứ gì.

Bà O'Dowd có vẻ ngoài chảy xệ, bây giờ mới nom rõ. Lớp thịt chắc nịch hầu như mất rồi, chỉ còn lại những lớp da nhẽo, cố nhiên là bà ta xấu xí và vàng vọt, nhưng hoạt bát. Bà luôn luôn là một người phụ nữ năng động. Cuộc đời chiếm hữu bà một cách không gọn gàng. Cũng may cho bà O'Dowd là bản thân cuộc đời bà cũng lộn xộn. Nó tạm bợ và vỡ thành nhiều mảnh nhỏ, mà đôi mắt bà luôn luôn soi xét song có lẽ chẳng bao giờ nhìn thấy đầy đủ, hầu như bất an và mờ đục.

- Thế ông O'Dowd thế nào? - Amy Parker hỏi, bởi vì bà phải hỏi.

- Máy năm nay tôi chẳng nghe tin tức gì cả.

- Ông ấy không được khỏe, - bà O'Dowd nói, vì sự thế không thể thay đổi được, nên cũng không đau buồn. - Ông ta giống như con chó kia.

Đó là một con chó già, màu đen, con chó của Stan, có một tai hỏng và đôi mắt lòa.

- Tội nghiệp ông ấy, - bà O'Dowd nói. - Ông ta bị đục thủy tinh thể, cả hai mắt. Ông cứ đi quanh quẩn như một con chó, chị phải

đến thăm ông ấy, chõ mũi vào mọi thứ, trông thương phát khóc.

Thế nhưng bà ta không khóc, bà đã quen thế rồi.

Amy Parker không muốn chứng kiến chuyện đau thương dưới bầu trời mùa đông yên tĩnh. Bà thay đổi tư thế trong chiếc ghế.

- Tôi có biết một người, - bà nói, - bị đục thủy tinh thể một bên mắt. Chị ấy đã mổ chữa nó.

- Ông ấy sẽ không chịu đâu, - bà O'Dowd nói. - Không phải ở cái tuổi này. Ông bảo là ông cảm nhận được sự vật, và sẽ chẳng nhìn thấy cái gì mới mẻ, ông nói vậy, bước đến cổng nghĩa trang rồi.

Bản thân bà O'Dowd, đương nhiên, biết rõ hơn, đưa mắt nhìn chỗ này chỗ kia.

- Đầu hồi mới có mái che, bà Parker nhỉ? - Bà O'Dowd nói.

- Vâng, - bà Parker nói, - cái ấy mới đấy. Sẽ còn nhiều cái mới nữa. Đối với chị.

Bà héch cái cằm về phía bà O'Dowd, và không phô ra quá nhiều, song bà bạn cũ - mới của bà, quay sang bên này bên nọ, trong chiếc áo choàng màu đen, với mớ tóc trên cổ áo nơi tóc thường xõa xuống, và chiếc mũ nhỏ màu nâu mà bà không thể nào tìm thấy nhưng hẳn nó đã mọc lên từ cái đầu bà, hình như lại sẵn sàng phô trương. Bà ta thật cởi mở, bề ngoài dẫu sao cũng thế.

Bà O'Dowd cười vang thẳng thắn, để lộ hai lợi ra, vì đã mấy năm nay bà bỏ hàm răng giả vào trong một cái hộp. Bà nói:

- Đấy, cái lợi của sự xa cách là thế đấy, chị bạn thân yêu. Xa bạn một vài năm, ta sẽ thấy bao nhiêu điều mới mẻ. Cũng sẽ thấy cả cái cũ nữa. Ôi.

Bà cười vang.

Và quệt sạch một vết đờm trên cằm.

- Chị sẽ nhìn thấy nhiều thay đổi dưới chỗ chúng tôi. Chị sẽ thấy các cây hoa vân anh bị chặt sạch. Chị có thể nhìn thấy ngôi nhà. Nói thật với chị, tôi bao giờ cũng ghét hoa vân anh, chúng chẳng bao giờ ngẩng cao đầu, đồ ngốc nghếch. Thế là tôi vớ lấy chiếc rìu vào một buổi trời mưa và chặt ráo. “Này,” ông nhà tôi bảo, “tôi có thể *cảm thấy* ánh sáng đang tràn vào, bà có nghĩ rằng chúng ta có thể chịu đựng được nó không? Và liệu bà Parker sẽ nói gì, bà ta vốn rất thích hoa vân anh.”

- Tôi không nhớ, - Amy Parker nói, - đặc biệt về chuyện thích hoa vân anh, tuy rằng dĩ nhiên chúng cũng đẹp.

Và run rẩy dưới những con chim luôn chõ mỏ vào, những cái mỏ dài màu đen.

- Ông ấy bây giờ xanh xao lắm, - bà O'Dowd nói, - và đôi lúc đi không vững. Ông ấy giờ chỉ còn cái vỏ người. Song vẫn làm những công việc lật vật. Ông ấy mò mẫm chế một chồng củi ngon ơ.

Bà ta ngẩng cao đầu và liếm môi.

Amy Parker thấy lại cảnh họ đã từng ngồi trong cái nóng như thiêu của mùa hè, dưới lùm cây hoa vân anh. Ông ta là một người

đàn ông đen đúa có lông mũi. Bà không có ý định ngồi một mình với ông, chưa bao giờ, trừ đúng một lần, rồi sau đó lại bỏ đi thật nhanh, chiếc váy lê qua các cây hoa vân anh. Ông không chạm vào người bà, trừ cái dịp ấy, còn sau đó chỉ bằng đôi mắt. Thế thì bà sợ cái gì? Đúng ra bà sợ một sự giả trang nào đó về sau. Ông ấy đã đi lên con đường mòn, và vận quần áo màu đỏ. Bà đã đợi ông ở đấy, có chủ đích, bà biết rõ. Ông ta hùng hục. Leo, ông bảo tên mình là thế. Nhưng ông ấy cũng đen đúa, người mà bà đã chạy khỏi trong khi vẫn còn sợ, bà chỉ có thể đương đầu với tội lỗi của mình dưới một màu sắc khác.

Do vậy bà O'Dowd đúng, bây giờ bà ta mới hỏi:

- Anh Parker đâu?

Ở chốn này chẳng có gì xuất hiện để đón chào một người bạn cũ.

- Anh ấy đi lên phố. Có công chuyện. - Bà Parker nói.

- À... à, - bà O'Dowd thở dài. - Đàn ông họ có thể vui mình vào những việc như thế. Nhưng rồi ông ấy sẽ đau buồn, như những đàn ông khác, tôi có thể đoán trước được, là sẽ không để lộ ra đâu.

Bởi vì lúc này bà đã nín thở đi thẳng vào vấn đề. Lời của bà tuôn ra như đám lông vũ nhẹ nhàng bay trong làn gió nhẹ. Bà cũng hoảng sợ.

- Trước giờ tôi vẫn thương cảm cho ông ấy. - Bà O'Dowd nói, - và đương nhiên là cả với chị nữa, chị thân mến. Tôi nói như thế nghe có vẻ ngốc nghếch. Chúng ta là bạn với nhau kia mà.

Và thế là bà từ từ lần theo đường nối trên chiếc áo đen bà đã mặc vì lòng thành kính. Lúc này long nảo khiến Amy Parker thấy giá lạnh. Quả vậy, những viên long nảo đang lúc lắc trong hai túi áo của bà bạn và phả hương thơm từng đợt.

- Bà định nói gì, chị O'Dowd? - Amy Parker hỏi.

Thế rồi trong giây lát bà bạn hối tiếc là mình đã quá liều lĩnh.

- Tôi không hiểu. - Amy Parker nói.

- À. - Bà O'Dowd nghẹn ngào.

Mình đang thả con mèo giương đầy nanh vuốt ra, bà ta nhủ thầm, thôi đành vậy, nhưng liệu ta có đủ mạnh?

- Lẽ ra tôi không nên nói ra, chỉ vì tôi nghĩ rằng chị chắc hẳn đã nghe rồi.

- Tôi chưa nghe gì cả, - Amy Parker lắng nghe giọng nói to và giá lạnh của chính mình.

- Thế thì, trời ơi. - Bà O'Dowd nói, nhìn vào trong cái túi không đóng lại mà bà thường mang theo vào những dịp quan trọng, để trả lãi suất, đi đám tang, và những việc tương tự, cuối cùng bà tìm ra trong đó mẫu báo bà đã giữ lại, chẳng vì lý do gì, bà đã đọc và thuộc tất cả các câu chữ, có điều bà không can đảm, không đủ can đảm để nói ra, vì thế bà đưa mẫu báo cho bà bạn.

- Đấy, - bà nói.

Amy Parker, trong khoảnh khắc biết được tin xé trời, đọc mẩu tin về cái chết của con trai bà.

Bà đang ngồi đó một mình.

Ray, bà thậm nói, mẹ đã bảo con mà, mẹ đã bảo con mà. Tuy bà chẳng biết rõ bà đã bảo gì.

Thế rồi tình yêu thương bỗng bùng lên dữ dội, bà đang hôn nó, và khóc.

Cho đến khi bà lảng giềng, nãy giờ vẫn theo dõi cái điều mình vừa đạt được, không phải vì ác ý mà vì chút hần học, bỗng cảm thấy buồn, nỗi buồn của cuộc đời đè lên bà trong chiếc mũ màu nâu.

Thế là bà ta cau mày, bắt đầu toát mồ hôi trước cái ảm ước thật sự đến. Các lỗ chân lông của bà lóng lánh khi bà nói:

- Đàn bà chúng ta luôn phải trả giá. Chị hãy nhớ điều này, chị Parker ạ, mỗi khi chị buồn phiền, là tất cả chúng ta cùng hội cùng thuyền. Ôi, thật tội tệ.

Và bà ta khóc. Bà có thể thổ lộ tình cảm với bất cứ ai một khi bà đã bắt đầu.

Nhưng Amy Parker vẫn cô đơn.

Cả một khoảng trống của cái lạnh lẽo bao la vây quanh bà, khoảng trống của khu vườn tăm tối, của muôn hương giá buốt, đó là những bông hoa violet đắm nước vào mùa này trong năm. Hoa violet nhè nhoẹt mọc khắp nơi. Thỉnh thoảng bà vẫn hái hoa và



dùng dây bó lại, rồi đặt vào một chiếc giày bằng sứ mà Ray vẫn thường mang theo khi không đựng thứ gì, nó thích mang vào giường để ngủ cùng. Giấc ngủ sẽ đến bù lại, nhưng không. Tất cả những người say ngủ bà theo dõi đều biến đi khi tỉnh giấc.

Bầu trời nhợt nhạt như căng ra.

Ta phải làm gì đó, Amy Parker tự nhủ, nhưng làm gì đây? Dĩ nhiên chẳng có gì để làm.

- Liệu chị có rượu trong nhà không, loại gì đấy? - Bà O'Dowd hỏi.

Bà Parker không có.

- Ôi, những linh hồn đáng thương. - Bà O'Dowd kêu lên.

Trong khi họ khóc than họ phần nào hòa nhập với nhau. Hai cô gái lại gần gũi, thân thiết. Túi của họ có thể đổi cho nhau, để trao cho nhau khăn mùi soa cùng lòng tốt. Tư tưởng và tóc tai hai người trộn lẫn vào nhau. Chỉ khi đã mệt nhoài thì hai cô gái mở màng mới co lại thành hai bà già nhẽo nhẹt, nhớ lại mình đang ở đâu.

Rồi họ xì mũi. Bà lảng giềng ảm ỉ hơn, bởi vì bà khóc cho bạn, cũng như sở dĩ Amy Parker trầm lặng vì nỗi đau là của riêng bà.

- Chị Parker ạ, bây giờ chị có thể trông vào tôi. - Bà O'Dowd nói.  
- về mọi thứ. Nếu chị muốn, tôi sẽ vãi ít thóc cho gà.

- Gà à? - Amy Parker nói. - Chẳng vấn đề gì đâu. Chị còn phải chăm nom ông O'Dowd.

- À, còn ông ấy, - Bà O'Dowd nói - Ông ấy đã thấy rằng sốt ruột chẳng thay đổi được gì đâu. Ông lão đáng thương ấy đã biết điều rồi, trước kia chưa từng được như thế.

Thế rồi khi bà O'Dowd sửa soạn chuẩn bị ra về, thì hình như dưới ánh sáng của tình bạn u buồn và những lùm cây ảm đạm, hành động của bà có vẻ đạo đức. Bà ta chạm vào người bạn và nói:

- Chị nhớ đến thăm tôi nhé, chị Parker, khi nào chị thấy khá hơn, chúng ta sẽ nói chuyện ngày xưa. Rồi cười vang, tôi đoán chắc. Tôi có mấy con vịt con, xem hay lắm.

Bà O'Dowd lại sắp sửa khóc vì lòng tốt của chính bà cũng như vì đôi mắt của bà bạn, nhưng vội vàng và tôn kính ra đi.

Và Amy Parker nói:

- Vâng, tôi sẽ đến. Một ngày nào đó. Uống một tách trà.

Khi bà đã sống trọn vẹn, biến cố vẫn còn đang diễn ra. Nhưng đó sẽ là vấn đề thời gian.

Do vậy bà vẫn ngồi, một người đàn bà già nua và nặng nề, hai chân dẹt ra, khi Stan bước vào, từ xa bà thấy rõ là ông đang đau khổ, mà bà thì chẳng giúp được gì.

- Nếu việc này cũng không thành thì ta định làm cái gì nữa đây? - Ông lão hỏi, người đã trở nên nhăn nhúm sau chuyến đi.

Đầu óc ông trống rỗng.

- Muộn quá rồi, - ông nói.

Thế là bà nhúc nhích, và run rẩy, quyết định giả ngơ.

- Sắp có sương giá, - bà nói một cách cân nhắc, - mà em thì chưa lo củi lửa gì cả.

- Mình già rồi, - ông tiếp tục, - chẳng có gì để phô trương.

- Em chẳng hiểu gì cả, - bà vợ nói, kéo tay áo may bằng sợi thô xuống. - Điều đó vượt quá sức của em. Em chẳng hiểu gì.

- Nhưng ta phải cố mà hiểu, Amy ạ.

- Thế thì được cái gì nào? Miễn là chúng ta sống cuộc sống của chúng ta.

- Nhưng đời đâu có phải dễ dàng. Ngay cả bây giờ.

- Em không hiểu anh, Stan ạ. - Bà nói, vội vàng đưa hai tay lên miệng.

- Anh đủ tầm thường để hiểu được điều đó.

- Khi chúng ta có nhau, - vợ ông nói, ấn trở lại nỗi bất hạnh vào trong miệng. - Những điều bí ẩn không phải dành cho chúng ta, anh Stan ạ, Stan? Stan?

Bà không chịu được việc ông thoát khỏi bà trong sự suy đoán buồn rầu chung chung, vì thế bà bắt đầu kéo ông về phía mình, dùng hơi ấm của cơ thể mình, như thể bà vẫn còn là một bà thiếu phụ trẻ tuổi hơn, và khi họ đã tìm kiếm nhau họ bỗng thấy sâu trong đáy mắt của họ rằng ngay cả những thất bại của họ cũng là tất yếu.

Rồi đôi vợ chồng già đã hồi phục dần dần, ngoại trừ cái cảm giác rín rít trong xương cốt, vì chúng chẳng bao giờ hồi phục sau những trận đòn họ phải chịu đựng. Những đồng cỏ vẫn mờ mờ. Các khóm bắp cải mùa đông mà Stan trồng trải dài một màu tím nhò nhò, tới tận hai bàn chân của ông, rồi chúng sẽ trở ra thực sự huy hoàng, các lá kim loại bung ra, phơi bày trên những cái đĩa màu xanh bao giọt nước như những giọt trên châu. Bà thường đến với ông giữa những luống cải bắp. Những lúc đó họ cảm thấy sung sướng, sưởi ấm nhau bằng ngôn từ tế nhị và sự gần gũi.

Trong tâm trạng thanh bình ấy, Amy Parker có ý định đi thăm người bạn, người hàng xóm, như đã từng được mời và hứa hẹn. Nhưng bà không đi. Bà ấy vẫn khỏe, Amy thàn nói, nhăn mặt lại. Bà rất muốn đi, nhưng không đi. Cô con gái Thelma đã sắm cho bà một cỗ xe ngựa hai bánh, một chú ngựa con, và bà thường đánh xe đi khắp miền quê. Một sự thay đổi. Với một cái chăn cũ màu xanh lục vắt ngang gối. Vó ngựa phi và phân ngựa rơi lộp bộp. Vậy thì thật dễ, quá dễ, nếu muốn đi thăm ông bà O'Dowd. Nhưng bà không đi. Tuy bà rất mến họ. Bà không thể gạt họ ra khỏi ý nghĩ của mình được, họ can dự vào những thời điểm quan trọng của đời bà, và sẽ còn như thế nữa.

Thế rồi chính bà O'Dowd đã đích thân trở lại vào cuối năm, hẳn là thế; sương giá đã phủ trên đất khi bà O'Dowd lại đến, đi dọc theo hàng rào như thể bà đang tìm kiếm một vài chiếc gậy, đúng đưa cái túi dây rút.

- Chị Parker này, - bà hàng xóm nói thấp giọng, mà bà ta đã lập tức cố gắng nâng cao. - Chúng ta đã quên nhau rồi, hình như thế.

Thật là đáng tiếc. Không kết thúc như đã bắt đầu.

- Lỗi là tại tôi. - Amy Parker nói một cách khiêm tốn.

Vào ngày im lìm này bà có thể nhận tất cả lỗi về mình. Bà đang nhìn quanh từ dưới bàn tay bà. Mọi dáng hình đều hiền hòa.

- Thật đấy, - bà nói. - Chị biết rồi đó. Tôi vẫn có ý định, và sẽ vẫn có ý định.

- Vâng, - bà O'Dowd nói, hắng giọng.

Bà đang vung vẩy một chiếc túi con có đựng một gói gì đó mua từ cửa hiệu.

Hình như họ sẽ không nói gì thêm nữa lúc bấy giờ. Cả hai đều nhìn những cọng cỏ vàng trên mặt đất.

Lúc đó bà O'Dowd mang màu ngọn cỏ mùa đông, liếm môi và nói:

- Vừa qua tôi bị ốm, chị biết không?

Amy Parker tỏ ra cảm thông. Mặt trời quá nhân từ, khó mà không biểu lộ niềm cảm thông xã giao nào.

- Phải nằm suốt à?

- A, - bà O'Dowd nói, đừng đưa chiếc túi, - nằm giường thì làm gì được chứ? Tôi chẳng bao giờ nằm cả, trừ ban đêm, hoặc có lúc vào buổi trưa, nếu ông ấy mong muốn. Bây giờ thì không đâu, cảm ơn. Không, hai bàn chân tôi sẽ đưa tôi ra ngoài, nếu Chúa sẵn lòng.

- Thế bà ốm sao? - Bà Parker hỏi.

Hai người đã cùng đến chỗ hàng rào màu xám.

- Tôi ốm. - Bà O'Dowd nói.

Cái gói nhỏ trong cái làn đang đung đưa bồng tung ra ngoài. Nó rơi xuống. Hai người nhìn theo nó.

- Đó là bệnh ung thư. - Bà O'Dowd nói.

Họ nhìn cái gói trên cỏ.

- Không thể nào. - Bà Parker nói.

Bởi vì cổ họng bà ứ lại. Đó là cuộc sống đang phản kháng trong bà.

- Không thể vậy được, - bà nói, - chị O'Dowd ạ.

- Đúng thế, - bà O'Dowd nói, - hình như thế.

Bản thân bà đang nhìn các sự vật một cách ngờ vực. Và nhìn cái gói nhỏ đang nằm kia, cần phải được nhặt lên.

- Sẽ có một thứ thuốc nào đó, - bà Parker nói, vừa cúi xuống, - thứ họ vừa mới tìm ra.

Cả hai đều cúi người xuống. Tay chạm vào nhau, hai tay đều mang nhẫn cưới màu vàng. Thậm chí họ va đầu vào nhau một cách ngốc nghếch.

Khi họ đã đứng thẳng lên, bà O'Dowd vuốt lại cái mũ, và cái gói được cất đi, bà nói:

- Họ chẳng phát hiện ra cái gì cho tôi cả. Tôi thối rửa vì bệnh tật. Bây giờ thì tôi đã rõ nó định sẵn như thế rồi.

Nhưng Amy Parker tiếp tục phản đối:

- Không đâu, - bà nói. - Không thể như thế được.

Bà giữ lấy hai bàn tay mình vừa bắt đầu run lên, vì dẫu có yêu quý và thương cảm bạn đến bao nhiêu đi nữa, thì nỗi đau ấy cũng là của bà. Bà kinh hãi về mối liên hệ không thể tin cậy được của bản thân bà với cuộc sống.

- Tôi sẽ không chết dễ dàng dù ngay cả như vậy đi nữa. - Lúc này bà O'Dowd nói. - Tôi sẽ vật lộn với nó. Như từ trước đến giờ vẫn thế.

Như bà ta đã vịn cổ vịt, vật một con bê, và một lần chọc tiết lợn, nếu cần thì cõi trên lưng nó cho đến khi sự sống tuôn trào ra khỏi nó. Bà đã tổng cuộc sống đi, và bây giờ phải đến lượt bà.

Hai người đàn bà vụng về đứng đấy, nuốt lấy bầu không khí đặc quánh, không muốn chia tay, mặc dù họ không thể đoàn tụ với nhau.

- Tôi sẽ đóng xe ngựa và đưa chị về nhà. - Amy Parker nói.

Để lấy trứng chọi đá. Và lại chết không khó bằng chứng kiến một người đang chết.

- Tôi không muốn làm phiền chị. - Bà O'Dowd nói. - Tôi đi bộ đến đây để dạo chơi và cho thư thái. Tôi sẽ tiếp tục như thế. Suốt dọc đường sẽ có bao nhiêu các bà đứng bên bờ rào tỉ tê trò chuyện với tôi. Bây giờ đường có xa vẫn dễ dàng đi được. Chị có nhớ ngày trước ta đã phải nói toạc ra ý nghĩ của mình để có được câu trả lời không?

Thế là hai người đàn bà da nâu cùng đi bộ với nhau một quãng ngắn, trên mặt đất rền vang, dưới ánh mặt trời màu đồng đen, và cuối cùng họ chia tay. Họ mang sắc lá tàn.

Khi Amy đã đi vào trong nhà, bà nói:

- Em buồn quá anh ạ, bà O'Dowd bị ung thư.

Ông già trả lời:

- Vớ vẩn!

Và vùi đầu vào một tờ báo, từ đó hai tai ông vênh ra. Ông bỗng nhớ lại thời niên thiếu của ông, các buổi sớm mai mới quan trọng làm sao, thực vậy, buổi sáng gần như là tất cả ngày. Cái gì phải xảy ra ắt phải xảy ra vào buổi sáng.

- Bà ấy nói với em bao giờ thế? - Ông hỏi, khi đã cam chịu sự ngăn ngủ ngang trái của đời mình.

- Vừa mới rồi thôi, - bà vợ trả lời. - Bà ấy nom kinh khủng quá.

Làn da bà đôi lúc vẫn còn ánh lên, và để xem sự diệu kỳ này có thể xảy ra không, bà đi dọc theo tấm gương, chậm chậm, kéo dài sự



phản chiếu, nhưng hầu như không để ý đến khuôn mặt mình bởi vì đôi mắt mộc của bà đang nhìn vào bên trong.

Tối hôm ấy gian phòng họ ngồi có cái gì bí hiểm đối với họ. Mỗi người đều hy vọng rằng người kia hiểu rõ vị trí của mình.

Hôm ấy về khuya trời bắt đầu mưa và mưa dai dẳng mấy ngày liền, phủ lên ngôi nhà nhỏ một màn mưa màu xám. Rồi, khi trời tạnh và dòng nước vàng không chảy hai bên đường nữa, miền đất này ngập ngừng vươn lên, không màu sắc, thì bà lão bắt đầu hắt hơi. Rõ ràng là bà bị cảm lạnh. Cũng rõ ràng bà không thể đi thăm bà láng giềng trong tình trạng này. Mà phải giữ gìn, quàng một chiếc khăn dày màu đen mà bà đã đan và quên khuấy đi. Ăn cháo hành. Và than vãn một mình.

Như thế bà ít nhiều giải thoát khỏi lời hứa đi thăm bà O'Dowd. Tuy sau này dĩ nhiên bà sẽ đến thăm với một thức gì ngon ngon, xúp hoặc một liễn xương khuỷu bê. Còn lúc này, bà chọn lấy nỗi thương cảm đối với nhân loại, và đặc biệt là đối với phụ nữ. Nhưng những buổi chiều tối thật buồn, khi những bóng râm ngả màu xanh đen phủ quanh thành giếng, và tiếng móng của loài thú túi trong ống khói. Rồi sự nhận thức về sự bất lực của bản thân mình, nay đã trở thành một sự phản bội tích cực, đã đưa Amy Parker đi khắp nhà. Bà trở nên hồi hộp, mắc chứng khó tiêu, đôi khi nấc thật to, tuy điều đó không hề gì vì bà thường ở một mình. Có một lần thậm chí bà nghĩ đến bạn trong tư thế chết. Bà hình dung việc ấy khá chi tiết. Thế thì nếu bà ấy chết, bà thậm chí nói, chúng ta sẽ không phải nói về những điều quá kinh khủng và quá tuyệt vời để nhắc tới, chúng ta sẽ không

nhắc đến quãng đời đã qua hay nói một cách thống khổ. Bà ấy sẽ chết. Nhưng người sống sót cũng không được yên bình.

Và một hôm vào lúc chuyển mùa, bà được giải thoát khi có một bé gái đứng ngoài cửa gọi bà. Em bé nói có người muốn gặp bà ở nhà bà O'Dowd. Đó là bé Marly Kennedy, và Parker nhận ra; mẹ của bé là Pearlie Britt, có lần đã gọi bà đến nhà bà O'Dowd về một công chuyện khác.

- Thế bà ấy có làm sao không? - Bà Parker hỏi, tay giữ cánh cửa đang lắc mạnh.

Nhưng cô bé nghe nói vậy thì đâm hoảng và bỏ chạy. Nó chạy để lộ gót chân trần và đũng quần dài, tóc bay ngược ra sau.

Bà Parker không đợi lâu, đóng ngay con ngựa con vào cỗ xe.

Bà đánh xe xuyên qua cơn gió từ hướng tây thổi đến tràn ngập người bà. Những luồng gió mạnh ào đến khiến bà lắc lư trong cỗ xe con. Chẳng mấy chốc hai má bà phồng ra. Gió thổi xốc xuống cổ họng, khiến bà cảm thấy mình thật quan trọng với cái sứ mệnh này. Bà vẫn là một phụ nữ đầy đà. Dù xe chạy bon bon hay lắc lư khi vấp phải đá, bà vẫn vững tâm. Có thể mọi lỗi lầm của bà, mà bà có rất nhiều, sẽ được bỏ qua.

Bà đánh xe đi tiếp, rõ ràng là bà đã chẳng hề thờ ơ với bạn, ngoại trừ việc nấn ná đến nông nỗi này. Rồi bà đánh xe xuôi về phía nhà O'Dowd, ngọn gió dừng cảm thổi rập các cây đại thụ, và bà lão trong cỗ xe con thật sự xúc động vì mong chờ, lo lắng và yêu thương.

Khi bà đến, nhà O'Dowd vừa bước vào một giai đoạn mới của quá trình sụp đổ. Gió đang tra tấn mái nhà. Nó cuốn một tấm tôn và xé toạc ra. Tấm tôn gỉ bám đầy, kêu leng keng, vụt qua sân, quật khá mạnh vào mông một con lợn. Xong xuôi, nó chìm xuống ao, hoặc một vũng nước màu nâu, từ đó một bầy vịt trắng phau vọt lên. Súc vật kêu inh ỏi, tưởng như có án mạng, nhưng chẳng ai để ý. Ngôi nhà, chung quanh là vài cái ô tô lắp ráp lỏng lẻo và xe ngựa kiên cố, trẻ con đang chơi, những con chó lông xanh đang nhấc chân lên, tự bày trò tiêu khiển.

Buộc ngựa xong, bà Parker đi vào nhà, chưa gì đã có mùi chết chóc cùng nhiều cơ thể sống. Họ thử làm một cái gì đó bằng cách rắc nước hoa Cologne từ một cái chai mua ở Bangalay, và đốt một thứ tỏa khói mù mịt khiến đám người lạc hướng. Nhưng sau khi bà Parker lách người bước vào, lại dậy lên nghi ngờ trong căn phòng đó, bà tìm thấy bà bạn, hay cái còn lại của bà ta, trên những chiếc gối cao.

Vì bà O'Dowd đã hoàn toàn suy sụp, chỉ còn chờ chết, nên toàn thân cứng đờ. Ngày hôm ấy bà đau đớn - có phải là cơn đau ghê gớm nhất không, bà vẫn chưa biết. Tuy rất yếu, hai lợi bà vẫn có thể mím lại mỗi khi đau, đến bật cả máu. Hai má đã biến mất. Còn đôi mắt, nơi linh hồn đã lụi đi, là hai vật lớn trắng lờ mờ. Chúng không phải của bà nữa, hay đúng hơn chúng là bộ phận của một con người không nhận ra được trên đời.

Một số người có mặt cư xử với bà như một người xa lạ hay như một người đã ra đi, dấu là mới về thể xác, đó là cái điều duy nhất họ dám tính đến.

- Ta nhắc bà ấy lên một tí nào. Bà ấy đã tụt xuống, - một người đàn bà nói. - Bà Kennedy, giữ một tay nào. Đấy, xóc ở nách. Khốn khổ. Chà chà. Thế này mà vẫn nặng ghê.

- Bao giờ thì cậu ta đến? - Bà O'Dowd hỏi.

- Ai bây giờ chứ? - Một người hỏi, ghì bà xuống một cái mền đan bằng kim móc vắt ngang cầm.

- Cậu ta bảo sẽ đến nếu cần. Bây giờ thì rất cần, - bà nói. - Tôi sẽ không trở lại vào thứ Ba nếu tôi không thể dứt điểm. Song chàng trai trẻ sẽ làm dễ dàng thôi. Chỉ cần xoa nhẹ thật tuyệt vời. Tôi chẳng bao giờ đi bộ, toàn chạy như bay.

- Cậu bác sĩ đấy. - Mọi người hiểu ra.

- Bác sĩ Smith. - Bà O'Dowd nói.

- Bác sĩ Brown. - Mọi người ồ lên, suýt cười ầm lên.

- Bác sĩ Smith là ông bác sĩ *già*, - một người đàn bà nhỏ nhắn có nốt ruồi nói; bà ta cúi sát xuống người ốm, do vậy bà nhìn rõ cái nốt ruồi như thể nó là một quả lý gai. - Cậu bác sĩ trẻ mới đến là bác sĩ Brown.

- Tên thì nghĩa lý gì? - Bà O'Dowd nói. - Những sợi lông cứng nhỏ kia sẽ cháy sém biến ngay khỏi lưng lợn.

- Chẳng biết bà ấy sẽ nói gì nữa đây? - Người đàn bà nhỏ bé đang cười khẩy thì thềm, vừa sờ cái nốt ruồi bị lãng quên.

- Đã cho mời bác sĩ Brown rồi, bà O'Dowd ạ. Ông Doggett xuống rồi. Ông bác sĩ lên Fingleton đỡ đẻ cho một thiếu phụ. - Một người đàn bà nói, - hay một mệnh phụ khác, theo cách vẫn thường gọi.

- Tôi không tin bà đâu, - bà O'Dowd nói. - Các mệnh phụ chẳng có con đâu. Họ biết một, hai thứ thôi.

Nói buồn cười thật, mọi người tự nhủ. Tội nghiệp.

- Tôi chẳng có con, - bà O'Dowd nói, nhắm nghiền mắt rồi lại mở ra. - Cũng chẳng phải là mệnh phụ. Trong quãng thời gian lâu đến khốn khiếp. Mà tôi cũng không biết đủ. Tôi vẫn mù tịt kinh khủng, - bà thở dài, - mù tịt về cuộc sống, về cái chết, thật thế. Tôi chẳng tin vào điều đó mãi cho đến khi nó đến. Làm thế nào được? Suốt ngày giặt giũ trong chậu, nướng bánh mì trong khay, nhìn lợn con bú lợn mẹ, thì làm gì được nữa.

- Bố tôi cũng cái kiểu thế. Ông cụ là loại người hầu như chẳng tin gì hết. - Một người đang ngồi kia, mặc chiếc áo có cái cổ cứng to, màu vàng, nói.

Người này tên là Cusack, có họ với nhà O'Dowd, ở Deniliquin thì phải, đã nhiều năm nay, chưa gặp lại ông O'Dowd, từ ngày chuyển từ cầu tàu vào đất liền. Gần đây anh có đến vùng này, nghe phong thanh về cái chết và đã đến đây, cũng khá tự nhiên thôi. Mọi người đều biết rõ anh chàng từ Deniliquin, nên đã biếu anh ta một chai bia để cho anh ta yên, nhưng chẳng ăn thua gì. Anh ta thích nhất là nói chuyện về thú vật và tiền bạc, bởi anh ta rất tò mò, lại có lòng kính nể, với cả gia súc cùng dã thú, đặc biệt là cá sấu, mà anh ta đã từng nhìn vào mắt nó, còn với tiền bạc, nó đã lẩn tránh anh ta, song anh

ta đã nâng nó lên cao bằng một sự sùng bái vô tư và thuyết thần bí, thậm chí cả màu sắc của nó.

- Thôi, bây giờ trở lại với bố tôi, - anh chàng ở Deniliquin nói, - hãy bắt đầu với ông ta, vì tôi tin chắc rằng đây là lần đầu tiên tôi nói đến quý ông già cả đó. Ông cụ chết vì bị đau tim trong hoàn cảnh rất khả nghi. Thế đấy, ông cụ đã được báo trước rồi, nhưng chẳng thèm nghe, cũng giống như tiền bạc không mọc ngoài cát bụi. Ông cụ cũng rất yêu hoa, và thường đi dạo giữa các bụi hồng, chạm vào hoa, như ông thường gọi là cảm nhận da thịt của hoa, là cái phần đẹp nhất. Ngay cả khi một số người không hài lòng bảo ông điên, ông cũng không tin, mà cứ sống như thế, mỉm cười với những người ông chẳng quen biết, khiến họ càng cho đấy là một dấu hiệu chắc chắn. Và khiến mẹ tôi gần phát điên. Bà không sao hiểu nổi tình yêu của ông đối với mọi người, đặc biệt là đối với những cô gái da ngăm, có hàng ria mép đen đen. Mẹ tôi, bà con thấy đấy, lúc nào cũng mạng dở. Bà luôn ngồi với một chiếc bút tất trên một quả đầu, cau mày nhìn nó, bởi vì xưa kia nó vốn là một công trình tuyệt vời của mẹ tôi, không bị vá víu, cắt xén. Bà cụ chuyên mạng. Nhưng bố tôi thích làm cho mọi người sung sướng, bằng sự sờ mó, bằng những biện pháp kém xác thực hơn, bằng cách làm sáng tỏ những thứ mà trước đây họ không hề để ý đến. Thế là với thiên bẩm của ông về cuộc sống, mà ngay cả mẹ tôi cũng phải thừa nhận, và với việc bà ghét ông vì yêu, ông không thể tin vào cái chết của mình, nó đang đợi ông trên gác ba một ngôi nhà ở đường Corrigan. Ngày ấy tôi chỉ là một chú bé con, người ta gọi tôi về vì là người thân thích, đương nhiên không thể nói với mẹ tôi, vả lại bà đang bị đau đầu. Họ bảo là bố tôi chết rồi, các quý bà làm ầm ĩ lên, như cụ Harry, nhất là quý bà La Touche, “Mấy quý bà nào vậy?” Tôi hỏi, hỏi ấy tôi là một

chú bé cả thẹn, “A,” họ cười âm lên, một số còn đủ tốt bụng để đỡ đỡ mặt thay tôi, “đó là máy ả gái điếm.” Họ nói:

“Bố cháu đã xuôi tay rồi, cháu hãy đến đón bố cháu đi, trước khi các bà phát cuồng lên.” Đương nhiên là tôi đi, bởi vì có những dịp ta không thể chạy được, tôi bị tóm lấy đũng quần đùi và đẩy đi. Thế là tôi đến đấy, một số đang khóc vì hoảng sợ, và một số đang cười, vì hiếm lắm mới có một người đàn ông được mang ra khỏi nhà thổ trong trạng thái cứng đờ. Chỉ quý bà La Touche, chủ nhà thổ, là lo ngại cho thanh danh của nhà bà. Thế đấy, người ta bàn luận rất nhiều về tình hình, một số véo tôi, và một số hôn tôi, bởi vì tôi là một đứa bé xinh xắn. Vâng, - anh ta nói, - nói chung cứ xoay vần như thế, chúng tôi đã đưa được ông bố đáng thương của tôi lên tận tróc nhà, và chẳng hề có ý đưa xuống. Ngay cả quý bà La Touche, lúc ấy đang mãi vui câu chuyện, cũng kinh ngạc. Thế là chúng tôi lại phải làm việc, phải đẩy, phải kéo, khiêng thi hài ông bố quá cố tội nghiệp của tôi, và vãi mồ hôi, bấy giờ là mùa hè, các vị nhớ cho, rồi một cô gái bỗng nói đến sữa mới trong xô, cô ta không bao giờ quên được hơi bò cái, cô ấy to lớn lắm, một cô gái nông thôn, vạm vỡ. Vậy chúng tôi đưa được ông bố đáng thương của tôi xuống. Vừa đứng tảng sáng thì chân ông cụ vừa đến cửa. “Thế nào,” tôi nói, “tôi phải làm gì bây giờ?” “Đó là việc của cậu, Tim ạ,” họ cười âm lên. “Bọn này không thể cho trẻ bú được đâu, bọn này không quen cái việc ấy. Có lẽ gọi một chiếc xe đi vậy.” Và họ đóng cái cửa đang mở. Ông bố tội nghiệp của tôi có khuôn mặt dễ thương lắm, vẫn chấp nhận được ngay cả lúc chết. Ông cụ chẳng tin cả điều xấu nhất. Ông cho mọi thứ là đương nhiên. Cho rằng trời sẽ hửng, như đang lúc bấy giờ, rằng sẽ có một giải pháp, luôn luôn là vậy. Thế rồi cuối cùng cũng có một xe tưới nước đến, tưới đầy đường trong ánh sáng lung linh. Lúc

này tôi sợ toát mồ hôi, hẳn là mặt tôi thuôn ra vì đăm chiêu. “Mày vớ được cái gì thế chú bé?” Người tưới nước hỏi. “Đây là bố tôi,” tôi nói, “và ông cụ chết rồi.” Thế là người tưới nước nói: “Được, nếu có thể đưa lên đây thì ta có thể đưa ông lão đến chặng tiếp.” Do vậy, chúng tôi đưa ông cụ lên xe, tạm thôi, tuy việc đó làm chúng tôi hút chết, và một lát sau ông ta đánh xe qua các phố tràn đầy nước. Ở đây hay lắm. Tôi chả bao giờ quên được. Tiếng nước chảy êm đềm qua các đường phố xám xịt. “Nghề này chẳng tòi đâu,” ông lái xe tưới nước nói, “đường phố sẽ nom như thế này sau Ngày Phán Xét.” “Thế chúng ta đã được phán xét rồi chứ?” Tôi hỏi, như một chú bé tự phụ. Nhưng người tưới nước chẳng nghe thấy. Và tôi cũng chẳng thiết, vì đó là một trong số ít điều không thể hỏi lần thứ hai. Do vậy, chúng tôi tiếp tục đi, tán chuyện ra trò, cho đến khi tiếng kèn trumpet xen vào, tôi phải che tiếng kèn bằng hai khuỷu tay, và suýt nữa là hát chúng tôi ra khỏi xe, rồi tiếng reo hò, phần lớn là của bọn gái điếm đang nhào người ta ngoài cửa sổ các phòng, bên trong những chiếc bàn dài đã bày sẵn. Rồi một thiếu phụ trẻ há miệng rộng đến mức tôi biết là mình đi tong rồi, tôi dặng hai chân trên chiếc xe, tránh né, bám lấy ông bố quá cố của tôi cùng lúc đó. Lúc này bố tôi ngồi dậy và nói: “Con ơi, nếu con phải ngã xuống thì con hãy dang rộng hai tay hai chân và bắt chước mùn cửa, như thế chẳng gãy cái xương nào.” Bố tôi lao xuống khỏi xe theo phương thức ấy, và cách đó hai phố tôi tìm thấy cái xác, tôi bị cộc đầu khi lăn ông cụ sang bên. “Cái xác của cậu thật khủng khiếp,” ông tưới nước nói đưa mắt nhìn xuống. Bây giờ mặt trời đã mọc. Mọi người đổ ra xem, đàn ông mặc áo may ô, đàn bà mặc xu-chiên, những người này chúng tôi quen biết cả. Họ nói: “Kìa thằng Tim Cusack và bố nó lại say bí tỉ nữa rồi, lão già khốn nạn.” Đó là lời phán xét chúng tôi nhận



được. Và vì tôi biết rõ hơn thế, tôi bỏ ngoài tai, trong khi dường như là không thể.

- Chắc... chắc, - người đàn bà có nốt ruồi có lông nói. - Chuyện kỳ thật.

- Để giết thời gian, - người đàn ông từ Deniliquin nói; anh ta cảm thấy luồng hơi từ tận nơi sâu thẳm trong người đang buồn bã dâng lên.

Lúc này bà O'Dowd, từ nãy giờ vẫn ngủ, hoặc bị kéo đi bởi một giọng kèm nhàn từ nào đó, mở mắt nhìn một cách hết sức đau đớn và nói:

- Vì có quá nhiều quý bà nên chẳng còn mút dâu nữa.

- Đúng như thế, chị Parker ạ. - Bà nói với bà bạn, đang ngồi ở đó, bên giường, trên một cái ghế, đầu đội mũ. - Trước đây chị bao giờ cũng thích mút dâu. Và thịt lợn ướp. Tôi còn nhớ rõ thứ thịt lợn ướp của chị như mặt của chính tôi. Chẳng bao giờ thấy có lông con lẩn vào trong thịt ướp. Chị còn nhớ không?

- Tôi nhớ. - Bà Parker nói, gật gật chiếc mũ đen ngay ngắn của bà.

Hai người nhận ra nhau, tuy một người là một bà già béo tốt trong lớp cải trang thời gian, còn người kia thì hầu như bị hao mòn.

- Đã vài năm nay tôi không làm thịt lợn ướp, - bà Amy Parker nói, như thể giạt mình thừa nhận những hành động mà bà không còn thực hiện nữa. - Cứ thôi không làm một cái gì là mất ngay thói quen.

Tất cả những lời lẽ của bà nghe lạ lẫm, vì bà bị thôi miên bởi cái chết đang đến. Bà đang nhìn vào gương.

- Tôi còn nhớ một người đàn ông có thói quen ăn nửa lít nước mật đường trộn với nửa cân cám. - Anh Cusack nói. - Mỗi buổi sáng.

Nhưng mọi người chặn anh ta lại.

Amy Parker nhìn gương mặt của bạn đang khép lại. Chị ấy đang chết, bà thầm nói, và ta không thể hiểu được điều ấy, không thật sự. Ta chẳng hiểu cái gì cả. Thế là bà gật gật đầu. Bà không được.

- Đó sẽ là một ơn huệ, - cô Kennedy trẻ tuổi nói. - Đến giờ bữa trà thì chắc sẽ xong xuôi.

- Tôi chẳng bao giờ đánh cược cái gì trên đời này. - Bà O'Dowd nói. - Aaaa, - bà thét lên, ngã ra sau. - cố nhiên là họ sẽ thắng tôi, khi mà họ đã sẵn sàng.

Amy Parker cũng muốn chịu đựng ít nhiều điều này, vì sự có mặt của bà buộc bản thân phải can đảm; vì thế bà ngã người về phía trước và cầm tay người bạn, trong đó cuộc sống vẫn đang từ từ nhỏ giọt. Như thế này hai dòng đời của họ lại chảy cùng với nhau, trong giây lát.

Sau khi bà lóng giềng đã nằm xuống, vã mồ hôi và mang sắc gio, đích thị là màu của tóc bà ta, mái tóc đã sổ tung, xõa thành hai cánh, bà bắt đầu thì thầm về những gì đang thấy hay đã thấy, khó mà phân biệt được bởi cả hai đều đang mang cùng một màu men

gio. Trong gian phòng ấy, gian phòng đã thu nhỏ lại với số gôi tăng lên, với những chần lông vịt chồng chất, với hàng dãy những đồ đan móc nặng nề, mọi người bắt đầu cảm thấy sức kéo của những dòng nước màu gio mà giọng nói của bà O'Dowd đang rót vào trong phòng, để bập bồng và tuôn chảy, đôi khi trên dòng chảy của những giấc mơ u buồn hiện tại của bản thân họ, đôi khi xoáy mạnh quanh những vật mà bà O'Dowd chỉ ra. Nhưng chính Amy Parker, người đang nắm lấy bàn tay sắp chết đuối, mới là người đang bị cuốn đi một cách kinh khủng theo dòng đời, trong khi hai linh hồn của họ lèo lái qua những trò đùa và hiểm nguy của dòng sông.

- Bởi vì trước kia chúng tôi có bảy người, - bà O'Dowd nói, - nếu tôi không quên người thứ tám, đứa con gái nhỏ bị ngã sấp xuống đầm lầy và chết đuối, hay chết ngạt, bởi vì sặc dưới bùn, cũng là một Mary, và lại chúng tôi toàn là Mary cả, đặt tên như thế là vì Đức mẹ của chúng ta. Tất cả bọn trẻ con chúng tôi, hay tất cả những đứa năng động nhất, thi thoảng lại bơi thuyền xuôi dòng sông trong một chiếc thuyền con, khúc sông rất đẹp, đôi chỗ có cỏ dại, khiến cho nước ngả màu nâu; chúng tôi cứ chèo mãi đến tận mấy cái cầu ở Wullunya. Cầu toàn bằng đá cẩm thạch, sờ lạnh buốt. Bây giờ tôi còn cảm thấy lạnh. Ngay cả khi có nắng trên cầu. Và di chuyển. Chính là nước thôi, nhưng cũng có thể nói là đá cẩm thạch. Trên cầu một vị phu nhân ngồi trong xe ngựa rất sang; bà ấy cho tôi cái cây này, chị nhìn thấy rõ đấy, chị Parker nói. Chị đừng nói là không nhìn thấy nhé.

- Cây nào, chị O'Dowd thân yêu? - Amy Parker hỏi.

Bà bối rối không muốn trở lại căn phòng đóng kín.

- Cây màu đỏ ấy, - bà O'Dowd nói, - rất xinh đẹp lúc chiều tối, trên bậu cửa sổ ấy.

- À, - bà Parker nói, - chị định nói cây phong lữ phải không?

- Đúng thế, - bà O'Dowd nói. - Đúng là nó. Đó là món quà tặng của một phu nhân ở Killarney. Bây giờ tôi không nhận ra bà ấy đâu, vì tôi nghĩ rằng bà ấy cũng chết rồi. Song chúng ta đứng trên cây cầu ấy, chị Parker ạ, chị sẽ nhớ thôi, ngắm nhìn đàn cừu đi qua, và bị xô đẩy đến đứt cả khuy áo, tuy đó là những con cừu say ngủ. Chị có nhớ tay chúng ta đầy len êm dịu và mùi len như thế nào không? Lúc đó chị nói: "Chúng ta không đến đây để chơi, mà có mục đích." Và tôi nói: "Nếu chúng ta không lựa chọn mục đích, thì làm gì có chuyến đi chơi này, có gì hay hơn một trận lụt." Trời ơi, chị đã sục tìm chồng trong đám đông. Tôi rất thích đám đông. Tôi thích nhìn vào lỗ mũi người lạ. Tôi nhìn chẳng biết chán cả. Tôi có thể xọc tay qua làn da của người lạ. Chị có biết không?

Một vài trong số những người có mặt ở đây, những người đang bị giày vò vì đã khám phá ra cuộc sống của họ, giờ đây thoát ra khỏi những cơn đau họ đang chịu đựng để cười vang.

Tiếp theo sẽ là gì đây? Một vài bà khịt khịt mũi, nhưng khẽ khàng, từ mũi xuống cằm.

Nhưng Amy Parker biết rõ. Có những lúc con người ta chẳng biết gì cả, song có những lúc lại biết tất cả. Thế là mắt bà ánh lên.

Do vậy bà cúi xuống từ trên cầu, để nhặt những khuôn mặt đang nổi ở đó. Vài đôi môi hé mở để nhận lấy những cái hôn, vài đôi môi

khác mím chặt. Tất cả bỗng bình trong dòng lũ màu gio. Cả những lá thư cũ và những tấm ảnh vàng ó.

- Chị nên nằm yên một lát, - bà nói với bà O'Dowd, - để lấy sức.

Bản thân bà cũng mệt nhoài vì vận động quá nhiều.

- Trong này ngọt ngọt thế, - người đàn bà có nốt ruồi nói và mở cửa sổ. - Buồn ngủ đến díp cả mắt.

Người đàn ông từ Deniliquin đến, anh Cusack, bị khói làm nhức cả mắt và chốc chốc lại ợ bia chua, rất muốn kể một câu chuyện gì đó, một câu chuyện khủng khiếp, nhưng rất thực, khiến cho mọi người quay lại nhìn, sẽ nhớ đến anh ta mãi về sau, nhưng một câu chuyện như thế, xét cho thật kỹ, đã lẩn tránh anh ta, và anh lại ngồi yên, một người đàn ông to lớn, cái cằm xanh xanh. Thế thì anh đến đây làm gì, nếu không phải để đưa một cái xác chết vào cõi đời này? Lúc này hầu như mọi người đều bị lừa dối. Chỉ có cây phong lữ là ánh lên trên bậu cửa sổ, lúc này trời đã về chiều.

Rồi ông chùng bước vào, người ta đã bảo ông ra ngoài để hít thở không khí, và tiêu khiển một tí. Đến cạnh giường ông chỉ có gậy phiến hà thôi. Đôi khi tình yêu của ông đối với vợ trở nên lố bịch, ông bỗng liếm bàn tay vợ, như một con chó mù, tru lên, rồi nhe bộ răng ít ra cũng còn trắng và nhọn.

Chẳng ai quan tâm đến ông O'Dowd. Ông là di vật của một con người. Rồi đây ông sẽ ra sao? Liệu ai sẽ lo cơm nước và khâu vá cho ông? Lòng thương xót có thể giảm đi. Tốt nhất là, như một con

chó, ông sẽ nằm xuống dưới một bụi mâm xôi và chết. Ông cũng sẽ làm như thế, nhưng bây giờ thì chưa.

Ông chồng đang dò dẫm đi qua căn phòng, va người vào những vật đã đổi chỗ, và vào người những kẻ ông không mong đợi, ông to lớn, lóng ngóng, trong bộ quần áo mặc quàng trong bóng tối. O'Dowd chỉ là mớ quần áo lồi thoi lếch thếch. Đôi mắt trắng dã của ông ửng ửng vì nước mắt hoặc chuyện gì đó. Nếu ông không kiểm soát được khuôn mặt của mình nữa, thì đó vẫn là nỗi đau buồn riêng tư, ít ra cũng đối với ông, bởi vì phần lớn các thứ trên đời đã được che đậy bằng sự riêng tư của bóng tối.

Cứ như thế ông tiến qua phòng. Một vài người quay mặt tránh đôi tay nổi cục của ông, lộ rõ vẻ hoảng hốt. Những người khác dịch sang một bên đầy thận trọng và trở nên mờ ám với sự dửng dưng giả tạo.

- Bà O'Dowd đâu rồi? - Người đàn ông bèn hỏi một cách vô vọng, bơ vơ giữa đám đông. - Bà ấy có đỡ hơn tí nào không? Nói cho tôi biết với.

- Bà O'Dowd ổn như chúng ta mong đợi. - Bà Kennedy lên tiếng, bà có một người chị họ đang tập sự làm hộ lý, vì thế bà xem ra khá quan trọng. - Ngồi xuống kia, song phải yên lặng. Không được làm phiền người khác đấy.

Bà dẫn ông đi qua căn phòng của ông, đến cái giường nơi bao nhiêu năm nay ông chiếm ưu thế tuyệt đối, trên đó ông đã tóm bắt bao nhiêu vắn thơ luôn luôn tuột khỏi tay ông.

- Ông muốn cái gì bây giờ? - Bà O'Dowd làu bàu, mắt vẫn nhắm nghiền.

Bà chẳng làm gì được nữa cho chồng. Mái tóc của bà đã trở nên quá nặng.

- Tôi muốn ngồi ở đây một lát. - Ông nói.

Sờ sờ cái chăn viền hình tổ ong.

Vì một lý do nào đó bà không muốn ông cầm tay mình, có lẽ vì bà đi trước ông rồi, bây giờ chẳng có nghĩa gì với ông cả. Ngược lại bà vói chặt lấy tay Amy Parker. Đôi người chỉ muốn có một người bạn mới để kể lại những điều bí mật nhất của mình. Và Amy Parker, nay đã già, trở thành một người bạn mới do lâu ngày xa cách. Thế là hai người đàn bà cầm tay nhau, vẫn còn nhiều cái để kể lể và tỏ bày.

- Tôi chưa bao giờ kể cho chị nghe, chị Parker ạ. - Bà O'Dowd mấp máy làn da môi. Và mỉm cười.

- Gì thế, chị? - Bà Parker hỏi.

Bà cúi xuống nhìn xem. Bởi vì bà không nghe rõ.

- Các bụi vôn anh, - bà O'Dowd nói, - đều bị chặt sạch.

Do vậy Amy Parker mới nghe thấy tiếng rền của kèn trumpet. Bà cảm thấy luồng gió nóng ban mai. Bà nhìn sâu vào đôi mắt của bà O'Dowd, nay đã ngả màu vàng sẫm, trầm ngâm với những chuyện vô cùng nhỏ nhặt.

- Vừa đây, - bà O'Dowd nói, - chị Amy ạ, tôi nhìn thấy khuôn mặt chị lần đầu.

Amy đỏ mặt, bởi vì suốt đời bà chẳng ai nói với bà một điều tâm sự như thế cả.

Lúc này ông O'Dowd, người không thể lý giải được bao nhiêu thứ ngôn ngữ người ta đang nói quanh giường mình, bỗng huơ hai tay vào không khí, phát câu lên và hét to:

- Tại sao các người không cút hết đi để chúng tôi được chết với nhau?

Nhưng người ta đặt ông trở về vị trí, vì những người lo tổ chức kia cho rằng chết là một hoạt động xã hội.

Và người đàn bà có nốt ruồi đến gần, hạ thấp nốt ruồi xuống tận mặt bà O'Dowd, nói:

- Bà có chắc là không mời cha cố đến không?

- Tôi sẽ làm gì với một ông cha cố chứ? - Bà O'Dowd hỏi.

- Bà cứ thử xem. - Bà hàng xóm nhiệt tình nói.

Vừa lúc đó ông O'Dowd bị một cơn đau dữ dội và đang vò bóp chiếc chăn, hét lên từ nơi sâu thẳm của buồng phổi, từ trung tâm của căn phòng tối đen, đến nỗi mọi thứ đều rung chuyển.

- A, Kathy, Kathy, em không bỏ anh đấy chứ? Anh biết làm gì đây nếu anh sống một mình?



Bà O'Dowd rất bình thản.

- Tôi sẽ không cần đến cha cố. Tôi không sợ. Tôi có thể tự biện hộ cho bản thân tôi. Cảm ơn Chúa.

Rồi tiếng ồn ào nổi lên, người khen, kẻ chê, tiếng chép miệng, tiếng người đàn ông kêu khóc, một vài người chỉ lắng nghe tiếng đó, vì rất hiếm khi có cơ hội nghe một người đàn ông kêu khóc, mà ông ta lại là người to lớn, ồn ào quá đến nỗi không ai để ý tới vị bác sĩ đang bước vào, người đã đến sau khi đỡ đẻ ở Fingleton.

Vị bác sĩ là một thanh niên ngờ ngác và rụt rè, ít dùng thuật ngữ y học nên chẳng mấy ai tin, mặc dù họ vẫn đến và thậm chí trả tiền anh. Nhiều lúc khốn đốn quá, anh ước gì mình là một nhà ảo thuật.

- Thế nào rồi? - Anh hỏi một người nào đó và tất cả mọi người.

Hoặc giả anh là một nghệ sĩ tung hứng. Để thu hút sự chú ý của khán giả bằng một chuỗi bóng màu.

- Bà ấy đau kinh khủng, nhưng vẫn khá tươi tỉnh. - Bà Kennedy nói với vẻ quan trọng. - Vừa mới đây bà ta có hỏi xin chích một mũi, nhỏ thôi.

Anh bác sĩ trẻ rất vui sướng lấy từ trong túi xách ra một cái gì đó mà hai đứa trẻ đã nhìn chăm chăm này giờ.

Nhưng Amy Parker, đang ngồi cầm bàn tay của bà bạn, biết rõ bà ấy hết rồi. Bà phải nói ra điều này ngay bây giờ, bà tự nhủ. Nhưng cổ họng của bà cứ nghẹn không nói lên lời.

- Bà O'Dowd, - cuối cùng bà nói, - chết rồi.

Và bỏ đi, áp chiếc mũi soa vào miệng để không bật ra tiếng khóc.

Bà không bao giờ khóc nhiều, và bây giờ cũng thế trước mặt mọi người.

Kết quả là tất cả những ai lao đến để xem, để làm, để so sánh, để liệm thi thể với bàn tay khéo léo từ bao đời lưu lại, và sau đó để uống trà trong mỗi thương cảm nồng nàn, đều nói rằng bà Parker trước giờ vẫn là một người đàn bà lạnh lùng, kiêu kỳ, chẳng rõ vì sao, và chẳng được bà con quanh đó ưa thích, của đáng tội.

Bà cụ đi ra khỏi phòng, qua cây hoa phong lữ vẫn còn ngời sáng và người đàn ông to lớn đang khóc than, bà không biết làm thế nào để phân ưu với ông; bà đi qua sân đến bên chú ngựa con mà bà đã đặt một cái túi vắt qua mông để phòng lạnh giá. Vào cái đêm mùa xuân ấy trời cũng khá rét, cây cối đung đưa trong làn gió yếu đi khi bà cụ đánh xe về nhà. Lăn trên cành và lá cây. Trong chiếc xe ngựa mảnh mai.

Khi bà vào nhà, ông cụ, chồng bà, đang quỳ trên sàn, cào mớ than hồng.

- Bà O'Dowd thế nào? - Ông ngẩng lên hỏi.

- Chị ấy đi rồi. - Bà nói, để mặc cánh cửa bật trở ra bên ngoài.

Hai ông bà già không nói thêm gì nữa về cái chết, một lát sau họ ngồi xuống dùng bữa gồm trà, thịt sườn và khoai tây rán. Khi họ lau

mỡ dính vào môi, uống mấy chén trà ngọt, và nói những lời ấm lòng tuy vô nghĩa, họ cảm thấy thiếu nhau.

Về sau họ bình tĩnh hơn, do một sự xếp đặt nào đó và khi họ nằm dưới chăn lông vịt, đã dám nghĩ đến người đàn bà quá cố tuy bà ta đã hòa lẫn vào trong đất cát dưới nghĩa trang. Thật là kỳ quái. Bà O'Dowd, nếu họ dám nghĩ đến, đang nằm trong một cái hố chật chội. Những lời nói của bà ta đã từng nhảy múa, và sẽ còn nhảy múa, dẫu sao cũng là trong ký ức, bản thân nó đang tàn lụi.

Cho đến khi, hai vợ chồng già cuối cùng cũng ngủ thiếp đi.

## CHƯƠNG 24

Gia đình Quigley vẫn còn đây, trong ngôi nhà của họ ở bên đường. Họ thuộc loại người lớn lên từ cảnh quan với cây cối, những cây bản địa gầy guộc, bụi bặm và không thể nào nhận ra được. Một số người quanh đây sống trong những nhà gạch lợp ngói chịu nước, có hàng rào thủy lạp, những người ở đó do thiên nhiên đẩy đến, và chính vì thế mà họ thích công bố đạo đức của họ, họ nói rằng mùi hôi thối của phân gà vịt bốc lên vào những đêm ướt át từ ngôi nhà cũ xiêu vẹo của gia đình Quigley, nơi giờ này là một khu dân cư, quả là điều ô nhục cần phải nói cho Hội đồng biết. Nhưng chẳng phải thế. Cuối cùng họ cũng chẳng mách tội bà Quigley, vì bà cứ nhìn họ, và gương mặt của bà thật cởi mở. Thế rồi những con người ấy rút lui vào những ngôi mộ bằng gạch họ đã xây để chứa đựng cuộc đời đã chết của họ, lắng nghe các chương trình phát thanh buổi sáng, khi họ đứng trên thảm hoa, giữa những bức tường gỗ bóng loáng, họ bắn khoăn về những sự hài hòa đơn giản đã lần tránh họ. Họ cũng sẽ trở nên giận dữ và tuyệt vọng như những cái chổi kê họ dùng.

Doll Quigley không thay đổi mấy, chỉ trừ làn da hơi ram ráp và đầy tàn hương, các đốt ngón tay to ra, cùng cái bấu vẫn mang trên cổ. Bây giờ bà chậm chạp hơn, do phải chặn gà tây bao nhiêu năm nay vì chúng bước khệnh khạng uể oải, thận trọng quanh các bụi

bạc hà đắng, hoặc đi xuống đồi, đến chỗ những bụi cây, luôn luôn tối tăm rầu rĩ. Doll có một chiếc tạp dề cũ vẫn mặc, bà đã khâu từ một cái túi sạch, thường mang vào mỗi khi chăn gà tây, hầu như lúc nào cũng thế. Việc này không thực sự cần thiết, nhưng bà thích, vì thế mà bà vẫn thường bước khệnh khạng, như một con gà nâu xám, đằng sau đám gà tây.

Có cái gì đang bình phục giữa những đôi cánh xám của đàn gà tây đang đi xuống đồi. Tiếng kêu của chúng ồm ồm, hay nói cho cùng là tàn tạ. Điều này giải thích tại sao Doll Quigley yêu quý đàn gà. Chẳng có ai mua chúng vì thương hại. Liệu bà có thể đi ra ngoài trời mưa, lấy cái túi trên đầu, rồi đặt trên vai một người nào đó không? Đối với Doll bao nhiêu biến cố chẳng bao giờ là đủ. Người ta sẽ chấp nhận sự thương hại, như một biểu hiện của lòng tốt trừu tượng, chứ họ chẳng nhận lấy và khoác chúng lên người, một lớp da xúc cảm của một người nào khác. Như thế sẽ rất lười thôi. Thế đấy, ngay cả Bub Quigley đôi khi cũng phát cáu vì bàn tay của chị.

Dẫu sao mọi người đều kính trọng Doll, lấy nhiều thứ của bà, và lợi dụng bà. Cứ lấy gia đình bà làm ví dụ. Chủ nhật họ thường đi ra ngoài trên những chiếc xe du lịch, mấy anh em cao kều, vạm vỡ đã trở nên xương xẩu, khô khan, còn các cậu con trai dài ngoẵng, trắng kiện và giống nhau thì họ thường nằm chơi, hoặc tìm một cái gì họ có thể thích, một công cụ nào đó, hay một mẫu sắt, hay con gà giò béo. Doll không thiết. Hoặc các bà vợ huênh hoang, hoặc vợ của các cậu con trai. Họ thích ngồi, chuyện cho nhau các tã lót ướt, kể cho nhau nghe về công việc, về các dụng cụ gia dụng. Thỉnh thoảng họ dừng lại, nhìn Doll, rồi vội ngoái nhìn lại cuộc đời của họ, những cuộc đời nhất thiết thu hút hơn. Trong bụng các cô vợ của các cậu

con trai thường xuyên đẩy trẻ con. Trẻ con, những đứa này chạy quanh chỗ Doll, đòi đi vào phòng vệ sinh, và đập vỡ các thứ. Buổi tối chúng chui vào ô tô, không quay lại nhìn, bởi vì chúng sẽ trở về. Chính cái không thay đổi được trong cuộc sống trẻ con là cái điều đáng ngưỡng mộ và tàn nhẫn nhất. Nếu Doll không bị tổn thương, chính là vì bà đã cho đi quá nhiều bản thân mình, chẳng còn lại được bao nhiêu. Song, đó cũng là logic thôi. Lòng tốt được ban cho để phân phát.

Đến lúc này, bà đã cô đọng thành cái tinh túy của lòng tốt, điều làm cho người ta xấu hổ hoặc sợ hãi, bởi vì nó quá hiếm. Thành thạo người em trai Bub của bà do tính giản dị, đã nhận ra bản chất của tình trạng khó khăn, hay sự tán tụng này, rõ hơn những người khác. Hắn chạy dọc theo hành lang và đưa mắt nhìn bà, giống như một động vật, giống như một con chuột người ta để cho sống yên ổn trong nhà, một con chuột nghiêm nhiên thừa nhận tình thế với trí óc hạn chế của loài vật, nhưng sẽ đột nhiên nhìn ra khỏi những hạn chế của nó và tiến sát đến ý thức của con người, trên bờ vực của mọi hình thái của sự hiểu biết huyền bí. Do vậy Bub, bây giờ là một người đàn ông đứng tuổi, có bộ răng đôi khi như răng chuột ướt, và vẻ mặt buồn bã, u uất, cứ đứng bên cạnh chị, tuy hơi lui về phía sau, trên sàn gạch của cái chạn thức ăn, bốc hơi lạnh quanh năm, và trong cái thế giới đầy ánh nến cứ chúi mắt vào sữa hoặc bánh mì, mà bản thân hình dáng những thứ đó cũng đã ngon và đạt sự hoàn hảo từ đầu đến cuối. Rồi Bub Quigley thờ dài như loài vật, nhìn chị hắn kỹ hơn để truyền đạt sự thừa nhận.

Nhưng bà, tất nhiên, người đang di chuyển các bát đầy sữa sừng sánh, hay sờ những ổ bánh mì mới, đã qua nhiều thăng trầm hơn

người em động vật của mình. Tình yêu vô hạn và sự yên bình cứ tràn ra từ những ngọn nến và phân hủy da thịt trong im lặng. Rồi ta sẽ sẵn sàng chết. Doll Quigley tự nhủ.

Tuy điều đó là sai, dĩ nhiên.

Và Bub ở đây.

Thế rồi bà bước lui thật nhanh, hít vào, và nói:

- Có chuyện gì, Bub, sao cứ bám gót chị trong căn phòng nhỏ này, chỉ có chỗ cho một người, và đừng có thờ vào sữa thế? Em cũng phải xì mũi đi. Em có thể tự xì mũi mà.

Điều ấy khiến Doll Quigley tức giận, và bỏ đi, đôi vai gầy của bà biết rõ điều đó. Ta phải yêu Bub hơn, nhưng như thế nào, bà tự nhủ? Còn Bub thì đang thò lò mũi ở đây. Chiếc mũi soa của hắn xoắn lại như một sợi dây. Tuy nhiên hắn cũng có thể xoay sở ra trò khi có người bảo.

Thỉnh thoảng bà đi ra ngoài và ngồi trên bậc thềm trước nhà, phía bên tay vịn chưa đổ, hai cánh tay ôm đầu gối theo kiểu bà vẫn làm hồi con gái, cố tình muốn đạt tới trạng thái hoàn hảo mà thỉnh thoảng vẫn tự nguyện rơi lên đầu bà như một cái túi đơn sơ, nhưng bà không thể luôn luôn làm được, bà bị sự vĩ đại và phong phú của vũ trụ hăm dọa, nó thu nhỏ những quyền lực hạn chế của chính bà. Em trai bà kia, ngồi phía sau bà, đang ngủ gà ngủ gật, gục đầu xuống trên hai đầu gối nhọn hoắt. Rồi bà cảm thấy ghen ở cổ. Bà đã sống một cuộc đời hạnh phúc, nhưng bỗng nhiên nó trở nên ngột ngạt và buồn tẻ.

- Tại sao em không vào nhà đi, Bub? - Bà ngoảnh sang một bên nói, với bóng tối. - Em đang buồn ngủ rũ người ra kia. Đến giờ ngủ rồi. Đi đi.

Nhưng ngay cả khi đi, Bub cũng hầu như luôn làm theo lời người ta bảo, bóng của hắn giật giật trên bức rèm, rồi bóng đêm buông xuống, bản thân Doll cũng không thoát khỏi những rối rắm tàn ác của các chòm sao, chúng chẳng bao giờ được lý giải cả, bà ngồi đấy rất muộn, siết chặt hai bàn tay.

Dĩ nhiên chẳng ai nhận thức được tí gì về điều này, bởi vì có những cái quá vĩ đại để nói ra. Cho đến cái hôm Doll xuống nhà ông bà Parker.

Bấy giờ vào mùa hè, Amy Parker vẫn nhớ, thời kỳ cổ đại ứa nhựa và không khí nặng trĩu. Doll ăn mặc rất trang nhã. Đôi chân bà nom khăng khiu bên trong bộ váy ca rô bằng vải cotton có một con mắt màu đỏ tía. Đó là bộ cánh đẹp nhất của Doll, bà Parker dần dần nhận thấy vậy. Có một vết phẩn vụng về nhòe nhoẹt hai bên mồm Doll, bình thường bà không thoa phấn, chỉ có bây giờ. Bà cài một chiếc trâm đá chạm. Đó là một chiếc trâm đẹp. Chẳng ai nhớ làm thế nào mà gia đình Quigley có được chiếc trâm ấy. Nó đẹp quá nên chẳng khơi gợi nhiều sự chú ý, tuy có một hôm một phu nhân dừng lại mua trứng có hỏi mua, nhưng chẳng bao giờ Doll chịu bán.

- Này, chị Amy, - bà nói với cái giọng kéo dài, uể oải của dòng họ Quigley khi vừa bật trở lại và ngồi xuống.

- Tôi có thể giúp gì được cho chị nào, Doll? - Bà Parker hỏi, lúc ấy đang làm ầm một đồng quần áo chuẩn bị là, bà thật sự hơi bực



mình.

- Tôi đến đây để nói với chị chuyện này, - Quigley nói, nhìn vào đôi bàn tay dài mềm mại của mình, - tôi chẳng biết nói với ai.

- Kìa, việc gì thế? - Bà Parker hỏi, chẳng mấy quan tâm trong một ngày oi bức như thế.

- Em trai tôi chết rồi. - Cô Quigley vội nói.

- Em trai của chị, cậu Bub ư? Đừng nói vậy.

- Vâng, - Doll nói. - Tôi hại nó. Tôi không định nói là giết. Bởi vì tôi rất yêu Bub. Bây giờ khi phải ra đi, tôi sẽ không cảm thấy tội lỗi đến thế, Amy ạ, nếu chị hiểu được. Đôi khi tôi thấy rất rõ, nhưng đôi khi tôi lẫn lộn. Tuy nhiên tôi biết rõ thế này là tốt nhất. Gương mặt của cậu ấy nói với tôi điều đó.

Đoạn hai người nhìn nhau, và gương mặt của Doll quá cởi mở khiến Amy Parker có thể nhìn thẳng vào trong tâm hồn của bà, rồi bà bỗng cầm lấy tay bạn, vuốt đi vuốt lại, và chà xát, bởi vì bản thân bà chẳng bao giờ hy vọng đạt đến đỉnh cao như thế của sự hy sinh thuần túy. Xoa một bên mặt mình. Và cảm thấy sự ngọt ngào của căn bếp. Hoàn toàn lẫn lộn hay mù tịt. Khi nỗi lo sợ và sự ghê tởm đối với cái logic hành động mù quáng của Doll đã len vào trong người bà.

- Trời ơi, thế thì chúng ta phải làm gì chứ, mà Stan thì không có ở đây. - Amy Parker nói, bà vốn là một phụ nữ hay rối loạn như loài kiến, thậm chí có cả mùi kiến.

- Chị Amy, chị gọi điện cho cảnh sát, báo cho ông ấy biết tình hình. - Doll Quigley nói.

- À vâng. - Bà Parker nói.

Và bà thực hiện.

Tin đó làm cho chiếc khuy rời lủng lẳng trên cổ ông cảnh sát Tuckwell rung rung.

- Ta hãy chờ ở nhà tôi. - Cô Quigley nói.

- Nếu chị muốn thế, Doll ạ.

-Ồ, cậu ấy chẳng làm ai sợ đâu. Người cậu ấy phủ vải rồi. Cậu ấy hiền lành lắm. Bub tội nghiệp.

Thế là hai bà già đi xuống, nhiều người đi ngược chiều trong những chiếc ô tô bóng lộn không chú ý tới họ. Đó là mấy bà lão, khá giản dị, thậm chí nghèo khổ. Cứ thế, hai bà đi xuống từ khởi thủy của đời họ, gắn bó với nhau vì một niềm an ủi mà thịt da họ vẫn khao khát. Mọi thứ xung quanh họ từng nhìn thấy đều thành xa lạ, và cũng rất cần thiết. Amy tiếp tục đi, mỉm cười với mọi vật, một thân cây hay một ống bơ, hay một bụi cây, mặc dù dĩ nhiên bà ít để tâm hơn.

Cũng có một con dê cái già tên là Nan, vốn là tài sản của người đàn ông quá cố, đã theo người chị của hắn đến nhà Parker, bây giờ nó chạy lộp cộp trở về theo sau hai người đàn bà, kêu be be, lắc lắc cái đầu, bởi vì vú của nó căng sữa. Thằng hoặc nó quên cảnh ngộ của mình, ngھn cổ tìm lá non, và hau háu dứt chúng ra khỏi cành

cây. Nhưng sức nhớ ra, nó kêu be be, chạy lộp độp và vãi cứt đen. Đầy hy vọng chạy theo hai người đàn bà.

Ngay sau đó họ đến chỗ Quigley. Amy Parker, vốn là một phụ nữ yếu đuối, suốt đời thất bại đã cầu nguyện có được sức mạnh, còn Doll Quigley thì tin tưởng hơn.

Người ta mang Doll đi và đưa vào một bệnh viện tâm thần tại Bangalay, một nơi dễ chịu. Bạn của bà, bà Parker, đến thăm bà vào mùa đông năm ấy, khi đã hồi phục sau cơn choáng, mang theo một ít cam ngon và táo. Doll khác nhiều. Bà ngồi trên một chiếc ghế thẳng đứng trong căn phòng sáng sủa nói chuyện với vị khách mà bà rõ ràng vui mừng được gặp lại.

- Chị khỏe không, chị Doll? - Amy Parker hỏi bạn, vừa liếm môi.

- Có, tôi khỏe. - Doll uể oải trả lời.

Khuôn mặt bà đầy đặn, khác trước nhiều.

- Nom chị lên cân đấy, - Amy Parker nói.

- Đó là nhờ ăn pudding mỡ đông, - Doll nói lóe lên tia sáng xám.

- Chị có nhắn gì mọi người không? - Amy Parker hỏi. - Nhắn gì cho bà con chung quanh chẳng?

- Đó là điều em trai vẫn thường đòi tôi. - Doll nói, rướn về phía trước như một người ngay thẳng. - Tôi chẳng nhớ được nữa. Khi chính tôi lại là người luôn luôn biết và phải nói cho cả hai. Tôi đã lạc

lối. - Bà nói, đưa mắt nhìn quanh như thể bà khó có thể tiết lộ được điều bí mật điên rồ kia. - Còn chị gái tôi thì luôn quấy rầy tôi.

- Nhưng chị Doll ạ, chị chỉ có anh em trai thôi, - Amy Parker nói và có thể nêu sạch danh sách, bởi vì trong hoàn cảnh này khó trò chuyện được.

- Chị tôi là con gái, - Doll nói. - Chị biết tên mọi thứ. Chị biết cả các vị thánh. Chị sẽ nói với chúng ta về lòng Từ bi Vĩnh hằng, thỉnh thoảng vào ban đêm, sau khi chúng tôi đã lên đèn, chỉ có hai chúng tôi thôi, và thật là thú vị. Bởi vì tôi chẳng bao giờ biết nhiều về bản thân mình. Tôi thông thạo lũ động vật. Các đường mòn và tổ chim. Tôi có một hộp đầy đá ngũ sắc và bốn cái xương lá. Vì thế, chị gái tôi phải chỉ cho tôi hầu hết mọi thứ, chị thấy đấy. Chị bao giờ cũng tốt. Mãi cho đến ngày chị tự sát. Chị ấy cửa bằng con dao thái thịt to mà suốt ngày thứ Năm chị mài vào thép. Chị nói: "Bub, Chúa sẽ nhận em." Nhưng tôi vẫn chưa được nhận, Amy ạ. Thế có tốt không?

Bà ngả người về phía trước, tiến vào mắt bà bạn cùng với tình thế, và Amy nhìn thấy Doll Quigley đang ở trong địa ngục.

- Chúng ta chịu đựng vì một mục đích nào đó, - Amy Parker nói, vừa cầm tay bạn, - nhưng tôi là một trong những kẻ ngu đần. Tôi cũng chẳng thể trả lời chị O'Dowd được, khi thời điểm tới.

- Chị O'Dowd à? Bây giờ chị ấy ở đâu? - Doll Quigley hỏi, vừa sửa lại mái tóc.

- Chị ấy mất rồi. - Amy Parker nói.

Doll bắt đầu lục lọi trong túi giấy, nhai một quả táo màu da cam rất ngon.

- Những thứ này cũng hay đây, - bà nói, - bao giờ tôi cũng thích của ngọt. Hồi tôi còn nhỏ các bà sơ thường bảo đó là tội lỗi lớn nhất của tôi.

Bà mỉm cười.

Hãy phạm tội đi, Doll ạ, Amy định nói, và để bạn mình lên thiên đường theo cách ấy.

Rồi Amy Parker trở về nhà trên xe buýt thật êm, mọi người đều thờ, vã mồ hôi, ùa cợt và đau đầu. Bà đánh rơi tiền rất lâu trước khi người soát vé đến, nhưng chẳng sao. Bà ngồi yên. Suốt thời gian đó bà nghĩ đến lưỡi dao đôi xoáy vào người Doll Quigley và bà O'Dowd. Vậy thì sự tra tấn nào còn lại đây? Bà tự hỏi và sợ hãi, mặc dù bà đang đi về nhà với chồng mình, một người đàn ông trầm lặng, và có lẽ sẽ chịu đựng được đến giờ phút cuối cùng, rồi sẽ nói một điều gì đó. Anh Stan sẽ biết, bà tự nghĩ.

Thế là bà yên tâm. Bầu trời mùa đông xanh xao cứ trôi qua, mọi cơ thể trong ô tô buýt cùng chạy. Vì bà là một phụ nữ hời hợt và dâm dăng, nên khi nói ra những lời thú tội cuối cùng, Amy Parker đã sớm nghĩ đến người đàn ông từng là người tình của mình, với hai bắp chân đầy tàn hương, và cái nịt đã thắt vào như thế nào. Bà đã ghét y làm sao. Bà đã muốn tóm những người đàn ông khác và đưa với họ trong biển sâu của đam mê đến dường nào, rồi quên tên họ, chỉ nhớ những đường nét, những đôi mắt của họ, qua lăng kính,

vào một mùa đông nào đó, lúc về già, sau khi khuôn mặt họ trở về trong tâm trí.

Bầu trời xanh xao trôi qua chiếc xe buýt đang đi về nhà.

- Ô, - bà già hiền lành nói, khi mọi người đều nhìn bà. - Ban nãy tôi đánh rơi đồng hào đâu đó đằng sau, ô tô chật quá không cúi xuống tìm được. Có lẽ nó ở dưới chân ai đó.

Mọi người bèn khua chân, tìm kiếm, và pha trò về bà cụ già mất tiền.

Cuối cùng họ tìm được.

- Đây rồi, bà ơi. - Một người đàn ông nhiệt tình nói. - May chứ không thì phải cuốc bộ về nhà.

Mọi người cười rộ lên.

Bà già mỉm cười, nhưng cúi mắt xuống không nhìn những người chung quanh mà bà cảm thấy xấu hổ phải đi cùng. Thình thoảng sự giận dỗi của bà lóe lên như ánh điện. Và khoảng trời cuối cùng trôi qua. Muộn rồi. Cổ áo của bà được trang trí bằng một mẫu lông thỏ, bây giờ bà kéo nó ngang cổ họng, phòng bất cứ lưỡi dao nào có thể đâm xuyên vào. Và như thế bà cảm thấy được bảo vệ đôi chút. Thế rồi họ đến nơi.

## CHƯƠNG 25

Thelma Forsdyke gọi điện cho chồng từ một hiệu may quần áo, nơi nàng đã đau khổ một cách lố bịch về một chi tiết đơn giản của chiếc váy quan trọng. Hộp điện thoại được bọc lớp vải gio, sặc mùi thuốc lá và mùi nước hoa của các bà khác. Thelma không dùng nước hoa, vì sợ dị ứng viêm xoang, và bây giờ nàng đang cau mày, gõ gõ lên cái vật hình chữ T ở máy điện thoại, cái đang cùng bao cái khác âm mưu chống lại nàng.

- Ôi, anh Dudley, - nàng nói sau khi đã khá vất vả. - Em mệt nhoài cả chiều nay ở hiệu may đây, với Germaine, anh ạ, cái áo đáng lẽ xong rồi thế mà vẫn chưa xong.

- Ờ, ờ, ờ. - Dudley Forsdyke nói, hay là tiếng ai dội lại trong ống nghe.

- Và thế là em quyết định đi ăn một cái gì tại câu lạc bộ, rồi đi nghe một buổi hòa nhạc em vừa thấy quảng cáo.

Nàng nói, rất rành mạch với một sự tự tin do kinh nghiệm lâu năm. Người ta chỉ nắm vững một điều nào đó khi đã quên là mình học điều đó như thế nào. Thế đấy, cuối cùng Thelma Forsdyke đã quên hẳn.

- Được thôi, em ạ, - Dudley Forsdyke nói. - Nếu em nghĩ vậy.

Và Forsdyke tiếp tục ăn tối với sự hững hờ giống như khi có mặt nàng, có lẽ hơi nhanh hơn, để thoát khỏi hơi thở cổ nén của chị hầu đứng tuổi.

- Em cảm thấy đi xem cũng tốt - Thelma nói và mỉm cười vào máy với vẻ nhạy cảm rất riêng. - Buổi hòa nhạc này rất hay.

Và mình chưa thể về nhà được, nàng gõ nhẹ vào ống nghe, mình không thể, hay đúng hơn, sẽ không, chưa thể. Cứ như nàng khiếp đảm về một trách nhiệm nào đó mà cuộc sống đột nhiên trao tới.

- Thôi, tạm biệt em. - Người chồng luật sư nói, không chờ đợi gì nữa, lúc bây giờ hay mãi mãi sau này. - Chúc em vui vẻ, - ông nói, xưa nay vốn tôn trọng lý thuyết.

Thelma Forsdyke cúp máy không nói gì nữa. Mời chồng đến thăm bố luôn là một điều nhục nhã. Thế là nàng cầm đôi găng tay khốn khổ bước ra khỏi cửa hiệu sang trọng. Nhưng nhìn thẳng về phía trước. Sự phiền nhiễu khiến nàng nghi ngờ về cái lịch sự kệt cớm. Đương nhiên nàng vẫn trả tiền váy, nhưng nàng sẽ mặc nó với vẻ duyên dáng quê mùa đặc biệt của nàng.

Nàng là một phụ nữ gầy gò có tuổi, trang phục màu đen. Bít tất của nàng cực kỳ đắt nhưng chẳng giúp được gì cho nàng khi đi, đặc biệt lúc bước xuống bậc cấp, nàng duỗi thẳng hai chân, chậm rãi đặt đôi bàn chân xuống, như thể tin chắc rằng nếu không cẩn thận có thể ngã.



Từ ngày Madeleine Fisher, bạn của nàng, chết, Thelma cảm thấy ngày càng cô đơn và nhận thấy máu tuần hoàn không tốt. Không phải là tình bạn đã làm cho máu nàng chảy, mà nó thường hay dừng lại trong tĩnh mạch bằng cách tăng thêm sự ngu dốt của nàng về những cơ chế của hành vi được coi là cần thiết. Mặc dù cho đến lúc này không ai nhận thấy điều đó. Ngay cả bà Fisher bạn của nàng, người về cuối đời bắt đầu sống nội tâm.

Thế là bà Fisher đã chết. Chết như thế nào, đến nay bà Forsdyke vẫn chưa thông suốt, vì thực tế là từ trước đến giờ nàng chưa bao giờ được ông Fisher hoặc bất cứ ai trong gia đình Fisher ưu ái tiếp đón, một đôi lần đã bị buộc phải ngồi nhìn bàn ghế. Vì thế sẽ không bao giờ nàng biết chắc được là bạn mình chết có đơn giản là bởi tuổi già hay không. Bà Forsdyke đi dọc theo đường phố ban đêm, tay cầm một chiếc túi da cá sấu.

Tại câu lạc bộ, trước mặt một số phu nhân, nàng ăn một ít cá tẩm bột chiên.

- Tối mai chúng ta sẽ gặp lại nhé. - Bà Owens-Johnson nói.

- Nhất định rồi, - bà Forsdyke mỉm cười nói, vẻ hiểu biết.

Và thắc mắc không rõ bà Fisher có hủy mất sự vinh quang của nàng bằng cú đấm nào không. Bởi vì đây là lần đầu tiên gia đình Forsdyke ăn tối tại Phủ Thủ tướng, với những người dân khác cùng đẳng cấp với họ, cũng giàu có và cơ cực ngang họ. Thế là suốt ngày họ cứ ngồi nghĩ về quần áo.

Nhưng trong khi đó bà Forsdyke đang ngồi một mình tại buổi hòa nhạc. Khi đàn đã lên dây, một trận mưa vàng tuôn rơi khỏi đôi vai nàng. Chưa bao giờ nàng hoàn hảo, thậm chí cả bây giờ, khi mắt cá chân bắt chéo nhau, làn da trắng nổi gân xanh, mà bao nhiêu năm nay chẳng có ích gì nữa. Nàng chờ đợi những thú vui tế nhị và trang nhã. Dạ dày nàng không đầy thức ăn. Thần kinh nàng ổn định.

Chưa bao giờ mình cảm thấy dễ chịu hơn, nàng tự nhủ, trừ chiếc váy làm mình khó chịu, đáng ra *phải* xong rồi, Germaine chán quá đi mất.

Có một vài tiết mục âm nhạc trong chương trình bà Forsdyke cạch không bao giờ nghe nữa, thậm chí còn ghê tởm. Rồi một người Do Thái nghiêm nghị có mí mắt đen với một chiếc vĩ cầm được mời lên chơi một bản concerto. Bà Thelma cuộn tờ chương trình thành một ống hình xilanh nhỏ nhất; bà cũng muốn bản thân giá có thể thu lại nhỏ hơn, siết đôi cùi tay lại chặt hơn, và bó hẹp bộ đùi căng cứng của mình. Được ép lại như thế, nàng sẽ có thể bay bổng theo nốt nhạc tung hoành. Nhưng nàng không thể làm được gì cho tâm hồn mình. Tâm hồn vẫn thả neo nằm đáy. Nó như một quả bóng bay buộc vào một cành xương. Song, nó sẽ vật lộn một cách cao quý.

Người Do Thái bắt đầu chơi đàn, thoát tiên tha thiết chạm vào da thịt của âm nhạc. Nó vẫn trong tầm của ông và của mọi người. Thelma Forsdyke cúi đầu, mái tóc lúc này đã hoa râm, và phụng tưng những lời tán tỉnh. Nàng băn khoăn không rõ mình có thể biểu thị sự âu yếm nào, nếu có dịp. Một cái gì đó không đậm dặt mà siêu phàm, đứng đưa trong cơn gió thiêng liêng của âm nhạc. Dĩ nhiên âm nhạc

là tình yêu của nàng. Ngay cả khi lược bỏ những gì là đạo đức giả, mà chúng rất nhiều, thì vẫn còn những ngôn từ mạnh mẽ giản dị nàng có thể sở hữu và hiểu đến tận sự im lặng cuối cùng của tính giản dị ấy. Nếu nàng mở miệng ra thì âm nhạc sẽ đi theo cuồng hống chui vào. Bây giờ nàng ngồi cúi người xuống, trong một tư thế rất lúng túng, trên chiếc ghế thẳng đứng. Để nghe âm nhạc. Đây là giai đoạn làm tình của âm nhạc, khi các tua dải bò quanh bầu ngực theo những khuôn mẫu trang trọng.

Người Do Thái vẫn kéo đàn. Nhiều khó khăn lớn hơn vẫn còn. Dù ông có chơi đến trăm lần với trình độ điêu luyện, thậm chí thiên tài, vẫn có những đoạn khiến ông kinh hãi mỗi khi tiếp cận, mồ hôi vã ra ở bả vai, ở khoeo đầu gối, đúng vào lúc ông biết họ đã kiệt sức. Như đã đoán trước, ông đã bắt đầu vật lộn với âm nhạc, mặc dù máu chưa bắt đầu ộc ra khỏi đôi mắt màu vàng của ông.

Âm nhạc đã chinh phục những con người có đủ dũng khí để chơi, và trong một vài trường hợp cả những ai đang nghe. Thelma sụp mí xuống trước sự tấn công này, choáng váng, sợ hãi trước sự cao quý đang đến gần. Hầu như tất cả mọi người đều có thể được nâng lên, ở một thời điểm nào đó trong đời, đến tận những đỉnh cao mà họ không màng tới. Vì thế những người đàn bà này nhìn ngơ ngác và lùi lại. Sự nhận thức tình thế của nàng - một sự nhận thức mà gần như tức khắc nàng được phép quên đi - quá rõ ràng và mãnh liệt, đến nỗi nước mắt nàng chảy giàn giụa. Hai bàn tay nàng trầy xước, không phải vì các móng tay, mà vì những đỉnh cao sừng sững này.

Vừa đúng lúc ấy âm nhạc tóm lấy và gần như ném người Do Thái xuống dưới chân người chỉ huy dàn nhạc. Một số người cười khẩy về hành động ngông cuồng kia. Nhưng Thelma Forsdyke, lúc này đã suy sụp và khiếp đảm, chỉ đánh rơi tờ chương trình cuộn tròn xuống sàn, khiến những người ngồi cạnh nhíu mày. Nàng là một người đàn bà khốn khổ mặc tuyền màu đen, đeo hai viên kim cương nhỏ xíu ở vành tai xanh tái.

Sau đó nàng nghe, hay được người khác chơi cho nghe, một cách buồn bã. Nàng bị xây xát trong não nề vì những cảnh lá âm nhạc. Mọi khuôn mặt đều chín muồi và sẵn sàng rụng khỏi cành. Nàng đang đi qua những cánh đồng cỏ. Dạ dày của nàng mỏng dính và xuôi xuống. Đó là một nỗi buồn riêng tư hoặc căn bệnh riêng tư, đã nhiễm vào âm nhạc và nàng không thể chịu đựng nổi. Các khiếm khuyết của nàng lộ rõ và phơi bày bộ mặt thật của chúng.

Nàng bắt đầu lén cựa quậy trong chiếc ghế không thoải mái, và ước gì được đi ra ngoài bằng cách nào đó, nhưng điều này rõ ràng là không thể được.

Và những bông hoa violet. Nàng đang đứng trên con đường bê tông vỡ ở cạnh nhà, trên đó những bụi kim ngân xương xấu mọc sum suê, cao vồng lên, quệt vào cạnh ngôi nhà. Tất cả cạnh nhà ấy đều xanh màu lá violet. Người bố đang đứng đấy, nàng nhìn thấy, ông cụ không cạo râu sáng nay, hay là? Hay là? Ôi bố ơi, nàng bắt đầu kinh sợ bởi vì trước đây nàng chưa bao giờ nói ra điều ấy, chưa bao giờ.

Chẳng ai để ý đến nỗi khắc khoải của người khác, bởi vì nó không thể nhìn thấy được trong những con người kín đáo, ngay cả

khi toàn bộ hạch dây thần kinh bị cắt.

Mình phải đi ra ngoài, Thelma Forsdyke thầm nói.

Cuối cùng nàng đã làm như thế. Khi cuộc biểu diễn xuất sắc sắp kết thúc, nàng len qua đầu gối mọi người, mút một viên kẹo thơm mang theo trong túi.

Bà Forsdyke dần dần hiểu rõ ngôi nhà kỳ lạ mình sống. Với đồ gỗ màu trắng lấp lánh và kiến trúc đồ sộ, chòong chành giữa biển lá màu xanh thẫm và ánh trắng, bởi vì vào cái đêm lạnh ấy có gió thổi, ngôi nhà nom giống như một chiếc tàu, nàng nhìn nó thật lâu trước khi đi vào cái lối nhỏ nối nó với đất liền. Hai bàn chân nàng in những nốt trắng trên những tấm ván khô, và hầu như ngay lập tức một bóng đen mở cánh cửa thủy tinh, bước ra ngoài hành lang tiến về phía nàng, được soi sáng bởi con mắt màu đỏ của điều xì gà.

- Anh đấy phải không, Dudley? - Nàng hỏi.

- Anh đây. - Ông trả lời.

Họ cảm thấy lúng túng. Dĩ nhiên, quan hệ giữa hai người cũng chỉ có vậy.

- Anh thử ra câu lạc bộ để gặp em, - ông nói, - nhưng em đã đi rồi.

- Em đã bảo với anh là em đi nghe hòa nhạc mà, - người đàn bà nói, cao giọng.

Tất cả những việc này đều xảy ra dưới ánh trăng, ánh trăng đã gột sạch các dấu vết năm tháng trên khuôn mặt và dấu vết của môi trường trên cơ thể họ.

- Bên nhà gọi điện đến, - Dudley nói, vốn tính hiền lành thừa hưởng từ những người đàn ông tử tế.

- Vâng. - Nàng trả lời thật nhanh qua cái mồm nhỏ xíu. - Bó đấy. - Nàng không hỏi.

- Hửn thế, - Dudley Forsdyke nói. - Ông cụ mất chiều này.

Ta phải là gì bây giờ? Thelma tự hỏi. Cái khoảnh khắc cao quý mà vừa rồi nàng được nâng lên bằng âm nhạc, sẽ không lặp lại trong suốt một đời người.

- Ôi trời ơi, ôi trời ơi, - nàng đã học cách nói như thế, vừa bước đi trên đôi chân gầy guộc, bước chân bà yếu ớt dọc theo các đồ gỗ trong nhà.

- Thế còn tang lễ? - Nàng hỏi.

- Anh đoán là chiều mai. - Dudley Forsdyke nói.

- Em sẽ xuống nhà, - nàng nói. - Ngày mai. Sáng sớm. Em sẽ lái xe. Em thích đi một mình hơn, anh Dudley ạ. Rồi anh sẽ hiểu. Dọc đường sẽ mua hoa.

Được bó lại phẳng phiu và nền nã.

- Nhưng còn bữa tiệc. - Nàng bỗng chững lại. - Tại Phủ Thủ tướng.

- Phải rồi. - Dudley nói.

Một cách lịch thiệp, hay thô bạo, ông sẽ chẳng giúp đỡ gì nàng.

Có lẽ tang lễ ở nông thôn, những tang lễ nhỏ của những người bình thường, không quan trọng, mà kéo lê thê qua những bãi cỏ vàng trên ô tô thuê và trong nhiều thứ quần áo kinh khiếp, thường kết thúc nhanh. Thelma ẻo lả nghĩ vậy.

Ngày hôm ấy đối với nàng có quá nhiều điều xảy ra. Nàng vào phòng ăn và uống một ly xôđa.

Vào buổi sáng, nàng đủ hồi phục để khóc than cho bố cũng như chính mình. Tội nghiệp bố. Nàng nhớ lại đôi bàn tay quấy rầy của ông cụ, đôi bàn tay của một người lao động. Nhớ lại những sự im lặng của ông mà mình không sao xâm nhập được, không phải nàng đã thực sự cố gắng, mà nhiều khi nàng nghi là nó chứa đựng một cái gì đó có giá trị.

Sự kinh khủng làm mờ đi suy đoán sâu xa hơn khi nàng lái xe qua phong cảnh ngoại ô. Dẫu sao những giờ phút khai trí sẽ chẳng dành cho nàng.

Khi gần đến ngôi nhà có người chết, một nỗi kinh hoàng xâm chiếm hồn nàng, tuy những cành hồng trần trụi vẫn đang run rẩy dưới đàn chim và đất ẩm bốc hơi sau trận sương giá. Nàng bước ngược lên con đường mòn, không gắn bó với ngôi nhà trong đó nàng đã sinh ra.

Một người đàn bà mặc tạp dề đi đến cửa ra vào. Đó là người vợ góa của Ray, người Thelma hầu như không quen biết. Nàng nghĩ

rằng tên người đó là Elsie. Nàng có một khuôn mặt màu kem, bệch và khá nặng nề, từ đáy tóc được cặp ngược lên theo cái mốt chẳng bao giờ thay đổi. Đó là một phụ nữ xấu xí. Tuy nhiên vàng trán thoáng, rộng gợi lên một sự thanh thần bao la.

- Mẹ thế nào? - Thelma hỏi.

Tuy rằng, sau khi nói ra điều ấy, nàng nhận thức được mình không có quyền hành gì trong cái nhà này cả.

- Mẹ ở trong bếp, đang nướng bánh. - Elsie trả lời.

Người vợ của Ray chẳng ngạc nhiên về chuyện gì.

- Cô vào với mẹ chứ?

- Có. - Thelma nói. - À, có ít hoa tôi vừa mua.

Elsie vội ra lấy xe vào, ôm hoa trong hai bàn tay vuông vắn, để mang lại thêm vẻ quan trọng cho người phụ nữ mảnh mai này. Lúc đó hai người đang đứng trên bậc thềm, hít thở cái mùi khó chịu của hoa cúc vạn thọ dập nát. Nhưng những bông hoa rất to và đắt tiền.

- Ôi, hoa đáng yêu làm sao! - Elsie nói, vì Thelma.

Và cô yêu thực sự, bởi vì, lạ thay, đó là thiên hướng của cô.

Ngược lại, Thelma vẫn không chắc chắn về chiều hướng cuộc sống đang đi theo, và quá lắm nàng để mặc cho người ta dắt đi.

Trong khi theo Elsie vào nhà, ngôi nhà, mặc dù sự kiện trọng đại vừa xảy ra, vẫn được mở rộng bốn bề đón chim, lá và nắng ập vào



lục lọi, tìm kiếm, Thelma hoàn toàn không tồn tại nữa.

Ngày ông chết, Stan Parker đang mò mẫm phía sau vườn hoặc ngòai không. Phần lớn là ngòai, mặc một chiếc áo khoác mà bà cụ buộc ông phải mặc, cái áo vải tuyết đã cũ, bạc màu, bởi vì ánh nắng trong sáng, chói phác, thường rút lui một cách nhanh chóng và bội bạc khỏi vùng lân cận, ngay tức khắc để lộ ra những giếng lạnh không đáy, những vũng xanh của chiều tối. Thế là ông cụ ngòai đó, choàng áo và đội mũ lưỡi trai. Ông có một chiếc gậy màu đen, ai đó đã lấy nó ra từ chỗ lâu không dùng đến; và nay ông đi với chiếc gậy hoặc tựa nó vào ghế, kể từ ngày ông lên cơn đột quỵ cách đây mấy tháng.

Amy Parker không nói về chuyện đó. Chẳng ai nói về những cơn đột quỵ, nhất là khi chúng quật vào những người trong gia đình. Bà đưa cho ông cụ chiếc gậy, mỗi khi nó không ở trong tầm tay của ông, đưa trả lại như thể một vật vô hình. Giản dị biết bao khi Stan, một người đàn ông to lớn, ngã xuống với sự đồng tình của Chúa, và nằm đấy, tan vỡ. Gia đình Finlayson cũng có mặt ở nhà họ lúc bấy giờ. Jack và Merle trước đó đã đến vì một chuyện gì đó và để trò chuyện. Lúc ấy vào khoảng mười một giờ. Bà vừa mới rót trà. Họ quay lại nhìn Stan một lúc lâu, và tự hỏi phải làm gì, không phải cho lúc bấy giờ, vì nâng một người đàn ông dậy thì dễ thôi, mà cho mãi mãi. Hình như họ phải có một phương hướng nào đó cho tương lai. Chỉ có hiện tại là không chịu chờ đợi. Bản thân nó tiềm tàng cả tương lai. Và, vì chẳng ai bảo ai, Jack Finlayson đành bước tới và nâng Stan dậy. Mọi việc đều đơn giản như thế. Bà cụ không khóc hay làm gì cả. Bà cụ theo dõi việc xảy ra.

Nhưng sau đó rõ ràng là bà đâm hoảng sợ. Bà không muốn gặp ai cả, ngộ nhỡ phải giải thích một điều gì đó mà bản thân bà không rõ.

Dĩ nhiên cái tin về ông Parker được truyền khắp nơi vì gia đình Finlayson có mặt tại đây. Họ phải kể lại những gì họ nhìn thấy, vì trong đời họ chưa bao giờ có một chuyện huyền ảo như thế xảy ra. Nhưng có những người khác quanh đây lại bắt đầu tránh nhà Parker sau chuyện này. Phần lớn mọi người không muốn bàng quan trước cái chết, đặc biệt là cái chết tự nhiên của người già. Nhưng sẽ khác nếu nó rơi xuống đầu anh từ trên trời, giữa đường chẳng hạn, hay bởi một người lạ nào đó, điều ấy có thể gây kích thích đôi chút.

Bà cụ vui mừng là mọi người để mặc mình, hoặc bó hẹp sự quan tâm của họ vào lòng tử tế xã giao. Do vậy bà có thể quan sát chồng mình một cách yên bình, và trong thời gian còn lại, chuyên tâm vào việc tìm hiểu xem ông có thực sự yêu mình, xem thử ông có bao giờ ý thức được rằng bà đã gây cho ông những vết thương to lớn mà ông phải chịu, và để xem vào thời điểm cuối cùng này liệu còn có thể yêu một người đúng mức người ấy phải được yêu hay không.

Về phần ông cụ, ông sẽ hài lòng được ngồi trong ánh nắng hơi lạnh, nhưng được quần người thật cẩn thận. Chẳng bao lâu sau ông sẽ chống gậy đi cà nhắc. Đôi khi ông sẽ đi xuống lán xường, và xê dịch các dụng cụ từ chỗ này sang chỗ khác. Theo sau là con chó mực kia.

Hắn đó là con chó cuối cùng của Stan, bản thân nó cũng cao tuổi lại bị lở loét và ngứa ngáy.

- Con chó nào cũng mến Stan, - vợ ông cụ nói, nhíu lông mày một cách bi thảm. - Chúng đi theo ông ấy khắp nơi. Con chó lông đỏ hỏi chúng tôi mới tới đây ấy, tôi không bao giờ chịu nổi, một con chó la cà chẳng bao giờ để cho tôi sờ vào người. Một con chó con nào đó ông đã nhặt được khi còn trẻ. Hãy xem con chó này đi. Chẳng còn chiếc răng nào. Vàng ệch. Hơi thở nó kinh lắm, thật thế. Nhưng Stan chẳng chịu quăng nó đi. Ông ấy hiểu nó, tôi đoán thế, nếu có bất cứ cái gì để hiểu.

Và con chó, lúc đó đang nhìn lên qua đôi mắt màu sữa, nhe răng qua cái mõm màu hoa cà mà từ đó các nếp nhăn chạy dài xuống, có lẽ nó hiểu Stan chẳng? Thỉnh thoảng bà cũng muốn du nó một cái, nếu nó không lờ lói đến thế. Nhưng bà vẫn đặt những bát sữa cho nó trên cỏ, rồi vội vàng đi ngay trước khi nhận thấy chi tiết nổi khổ của con vật.

Con chó nằm bên Stan, gặm gặm vào chỗ giữa ngón chân. Đó là một con chó trầm lặng. Phía sau cổ nó nom hiền lành và vô dụng. Một cú đấm cũng dễ dàng quật ngã được nó.

Chiều hôm ấy chiếc ghế tựa của ông lão được đặt ở đám cỏ sau nhà trông tiêu điều vào những ngày đầu đông. Đằng sau nhà, chẳng thể gọi đó là sân cỏ được, các lùm cây mà bà lão suốt cả đời đã cắm xuống, chứ không thể gọi là trồng, tạo thành một vòng tròn. Lúc đầu khu vườn cũng có chút thiết kế này nọ, dù là kiểu hình thành từ hoang dã. Rõ ràng là ông lão đang ngồi giữa vườn, từ chỗ giữa này cây cối tỏa ra, cùng với những chuyển động nghiêm trang của sự sống, bên ngoài chúng là một khu vườn rau bát ngát, cỏ dại mọc đầy trong những tháng ông lão bị bệnh, phô bày những bộ xương

xác xơ của bắp cải, những khóm hành giống khăng khiu như những chiếc que. Tất cả là vòng tròn của trung tâm, và bên kia là thế giới của những vòng tròn khác, hoặc giả những biệt thự đồ thám hình lười liềm, hay những vạt đất bỏ không, trên đó mấy chú thỏ ngồi quan sát rất lâu cảnh trừu tượng nào đó, trong một cánh đồng chưa gieo mạ. Vòng tròn cuối cùng là chiếc bát vàng lạnh lẽo của mùa đông, chứa đựng mọi thứ vật chất và hữu hình, mà ông lão thỉnh thoảng nhấp nháy đôi mắt ướt nhìn vào, không nhận thức được rằng ông là trung tâm của nó.

Cái ý đồ to lớn và toàn thắng mà ông ngày càng nhận thức được một cách huyền bí khiến ông cựa mình trong chiếc ghế, oán giận sự đột nhập của một chàng trai nhảy qua rào, đang tiến về phía ông, giẫm lên các luống rau chứ không phải đường mòn; chàng quá tự tin sẽ hoàn thành sứ mệnh của mình bằng các biện pháp và phương cách trực tiếp.

Trong suốt thời gian này Stan Parker thu mình lại. Ông không muốn chuyện trò với bất cứ ai. Da ông mỏng dính, hầu như có thể nhìn xuyên qua, dưới ánh sáng nhất định. Đôi mắt ông thu lại thành một hình dáng thô sơ, qua đây quan sát một loạt các vật có khả năng có thực.

Khi chàng trai bước đến chỗ ông lão, ông cố tình không ngẩng lên, mà chỉ nhìn chiếc giày đang đến gần và giẫm nát những lớp cỏ ba lá màu nâu. Chàng trai lập tức tuôn ra những lời thao thao bất tuyệt, nhắm vào chiếc cúc trên cái mũ lười trai của ông lão.

- Tôi chỉ muốn nói chuyện một chút, thưa ông. Tôi đi ngang qua đây và nom thấy ông đang ngồi chơi vào ngày đẹp trời như thế này.

- Anh ta nói.

Thưa ông, anh ta nói rất cung kính. Có lẽ là một loại sinh viên nào đó. Nhưng ông cụ rụt cổ lại, nhăn nhúm như cổ rùa.

- Thưa ông, khi nhìn thấy ông, tôi muốn kể cho ông câu chuyện về Kinh Phúc âm, - chàng thanh niên nói, - và của Chúa. Tôi muốn kể cho ông những gì tôi đã trải qua, và nói cho ông biết làm sao có thể cứu rỗi được những linh hồn ít có khả năng nhất.

Ông cụ rất khổ sở.

- Tôi xưa là một công nhân đường sắt. Tôi không rõ ông có biết gì về điều kiện trong các trại công nhân đường sắt không, - chàng thanh niên nói, những gì đã trải qua chứa đầy trong mắt anh, lấn át cả sứ mệnh hiện tại của anh, tức là ông cụ.

Nhà truyền giáo trẻ bắt đầu tự trình bày một cách hết sức trần trụi.

- Rượu chè và trác táng suốt các cuối tuần, - anh nói. - Chúng tôi phải đi xuống trại định cư gần nhất và chở rượu về. Phần lớn là rượu vang. Chúng tôi đập vỡ cổ chai mà tu, chúng tôi khát khao thứ đó. Phụ nữ cũng sẽ đi theo, vì họ biết rõ trại ở đâu. Có cả phụ nữ da đen.

Ông lão vô cùng khổ sở.

Khi chàng thanh niên đã kết thúc cơn cực khoái, anh giơ hai bàn tay ra, bảo là anh đã quỳ gối như thế nào, và ân phúc đã ban xuống ra sao.

- Điều này cũng có thể xảy đến với ông. - Anh ta nói, quỳ một gối xuống, mồ hôi chảy ra khắp các lỗ chân lông.

Ông cụ háng giọng:

- Tôi không chắc là người ta có ý định cứu rỗi tôi.

Nhà truyền giáo mỉm cười với tính hoài nghi của tuổi trẻ. Chẳng có điều tinh tế nào thoát nổi bánh xe lăn của lòng tin.

- Ông không hiểu. - Anh ta mỉm cười nói.

Nếu anh hiểu được, ở cái tuổi của anh, những cái mà tôi vật lộn suốt đời, thì quả là một điều kỳ diệu, ông cụ nghĩ thầm.

Ông cụ nhỏ toẹt xuống đất trước mặt anh ta. Ông đã ngồi trong một tư thế khá lâu, và cảm thấy sức nặng của đờm dãi òa trên ngực.

- Tôi già quá rồi, - ông nói một cách bàng quan.

Ông mệt lắm rồi và chỉ muốn được yên thân.

- Nhưng vinh quang của sự cứu rỗi, - nhà truyền giáo cứ khẳng khẳng, mái tóc của anh gọn sóng đều đặn, - vinh quang lớn lao này dành cho tất cả mọi người, chỉ cần chìa bàn tay ra.

Ông cụ sốt ruột. Ông chẳng nói điều gì nữa. Vinh quang lớn lao đang lấp lánh giữa ban trưa. Ông cụ chưa gì đã hơi lóa mắt.

- Ông không ngoan cố chứ, ông bạn?

- Nếu tôi không ngoan cố thì tôi đã không ở đây, - ông cụ nói.

- Ông không tin vào Chúa ư? - Nhà truyền giáo hỏi, anh bắt đầu nhìn quanh và cảm thấy cần phải kích thích thêm những lời thú tội. - Tôi có thể đưa cho ông xem một ít sách, - anh ngập dãi.

Lúc này ông cụ đã bị dồn vào thế chân tường lâu quá rồi, ông bỗng nhìn thấy rõ, có lẽ là do tính ương ngạnh của ông, chứ không bằng chính đôi mắt của ông. Ông đã sáng trí.

Ông cầm cái gậy chỉ vào cục đờm, và nói:

- Chúa đấy.

Trong khi cục đờm lấp lánh dữ dội trên mặt đất.

Chàng trai hơi nhú mày. Đúng là gặp đủ loại người.

- Này, - anh ta nói. - Tôi sẽ để lại cho ông mấy tập sách này. Cứ thong thả. Đọc qua đi. Có mấy cuốn nhẹ nhàng thôi.

Tật xấu của bản thân đang giày vò anh ta. Anh ta phải đi đến cuối con đường.

Sau khi anh ta đi rồi và mấy cuốn sách đạo bay phần phật trong lùm cây thấp, con chó đen ngừi ngừi một cuốn với cái đầu mũi khô khốc, ông già tiếp tục nhìn cục đờm nom như viên ngọc. Một niềm thông cảm trĩu mền dâng lên trong ngực ông. Ngay cả những sự kiện mờ nhạt nhất, tởm lợm nhất trong đời ông cũng hiện lên rõ rệt. Dưới ánh sáng kia. Họ còn để cho mình sống trong yên bình và thông cảm thế này bao lâu nữa? Ông băn khoăn tự hỏi.

Nhưng vợ ông đã đến ngay.

- Này anh Stan, - bà đến gần nói. Ông biết đây là bà, cái chân đau của bà đang giẫm lên cỏ. - Nói ra anh chẳng tin đâu, vừa rồi em đang cào xới quanh lán, trong đám cỏ dại, nơi trước kia có bụi hồng mà ta đã chuyển về cạnh nhà ấy, bụi hồng bạch ấy mà, thế anh có biết em tìm thấy cái gì không? Chính cái nạo con bằng bạc mà bà Erbey cho em hôm cưới ấy. Đây anh xem.

- À! - Ông nói.

Cái vật vờ vắn này là cái gì thế? Ông chẳng còn nhớ nữa.

Những cảnh bóng tối đang lướt qua khuôn mặt ông, khiến ông không nhìn thấy rõ. Hương violet thoang thoảng lành lạnh.

- Thế mà ta cứ đổ riệt cho cái ông bán thuốc nước ấy, - Amy Parker nói.

Mặt bà nom hớn hở. Bản thân bà tâm địa chẳng ra gì nên hay nghĩ xấu về người khác. Nhưng đôi khi, tuy là hiếm, con người cũng được giải tội.

- Dĩ nhiên, - bà nói, - bây giờ nó bạc thếch rồi và chẳng dùng được nữa. Mà ta thì có bao giờ dùng nó đâu.

Bà đang đi bỗng quay lại, cầm hai tay chồng như thể cầm những vật vô tri vô giác, và nhìn thẳng vào mặt ông, nói:

- Anh có cần thứ gì không, anh Stan?

- Không. - Ông nói.

Bà có thể cho ông cái gì nào?



Bản thân bà cũng bắt đầu nghi ngờ điều này. Bà bỏ đi, thơ thẩn qua vườn tìm một việc gì đó để làm.

Những bóng râm màu xanh mát dịu bắt đầu lọt xuống qua kẽ lá cây óng ánh. Một vài tảng đá to được để nằm trong vườn bao nhiêu năm nay, hoặc giả vì chúng nặng quá không xô dịch được, hay, có lẽ đúng hơn, vì chẳng ai biết đến, nom to lớn đồ sộ trong ánh sáng màu đồng nặng nề. Một mặt có các dáng hình lỏng lẻo hòa tan, mặt khác có những huy hoàng khoáng chất lờ mờ hiện ra.

Stan Parker lại bắt đầu đi. Trên hai chân. Tuy hông của ông đã cứng đờ.

Ta tin ở chiếc lá này, ông cười vang, lấy gậy chọc vào chiếc lá.

Chùm lông đuôi bám bụi của con chó về mùa đông lê theo sau ông lão. Ông cụ bước chậm chậm, nhìn vào những vật kì diệu được trên trái đất này, hay ánh nắng chói chang không sao sờ mó được. Lúc này nó đang chứa đựng trong mắt ông.

Khi ông đến được phía nhà có bụi kim ngân quấn queo mọc sum suê đang cào vào cạnh nhà, và đi qua chỗ ấy, vợ ông đứng trên bậc thềm, hỏi:

- Gì thế anh?

Gương mặt bà lộ vẻ sợ hãi.

Ta tin, ông tự nhủ, vào các vết nứt trên con đường mòn. Trên đó đàn kiến đang tụ tập, cố sức trèo lên một dốc đứng, cố ráng sức.

Giống như mặt trời đau đớn trong bầu trời băng giá. Quay cuồng và quay cuồng.

Nhưng cố ráng sức. Nhưng hân hoan. Đến nỗi cả người ông run lên. Bầu trời bây giờ đã mờ đi. Trong khi đứng chờ thịt trên người rã dần, ông nguyện cầu cho trí óc được minh mẫn hơn, và điều đó hiển nhiên như một bàn tay. Rõ ràng chỉ có số Một, chứ không phải con số nào khác, là đáp án cho mọi con tính.

- Anh Stan, - vợ ông thét lên và chạy đến, vì bà thực sự sợ mình bị bỏ rơi.

Hai người níu chặt vào nhau trong giây lát trên con đường mòn bê tông nứt vỡ, hai tâm hồn giằng co với nhau. Nếu làm được thì bà đã kéo ông trở về, để chia sẻ cái án sắp tới của bà, mà lúc ấy bà không thể dự tính được, ngoài hình phạt biệt giam. Thế là bà ôm chặt lấy ông với tất cả sức lực và ý chí. Nhưng ông thoát dần khỏi tay bà.

- A... a... - Bà thét lên khi ông nằm xuống con đường mòn.

Bà nhìn ông.

Ông không thể bảo bà rằng bà sẽ không tìm thấy điều ấy trên gương mặt của ông. Bà đã xa quá rồi.

- Sẽ ổn thôi. - Ông nói.

Bà ôm lấy đầu ông và nhìn vào đó mấy phút sau khi còn có chút gì để nhìn.

Amy Parker không khóc nhiều, bởi vì từ trước bà đã hình dung chuyện này. Bà lão đảo đứng lên, nay bà đã là một bà lão nặng nề, và đi qua vườn, lòng trĩu mẩn, chân mang một chiếc bít tất rách, để gọi mọi người đến giúp đỡ về vật chất. Bà hứa hẹn với mình niềm an ủi lớn từ việc này. Và ở thằng cháu nội, con trai của Elsie, trong đôi mắt nó cuộc đời u ám, bí ẩn của bà cuối cùng sẽ trở nên trong suốt.

Bà đi vòng qua góc nhà trống trải. Khóc thút thít cho những gì còn lại của tình yêu và thói quen đang vীu chặt lấy bà. Stan đã chết. Chồng ta. Trong khu vườn bát ngát.

## CHƯƠNG 26

Rốt cuộc còn có cây cối. Chúng vẫn đứng đầy trong mương rãnh đằng sau nhà, trên một mảnh đất cằn cỗi chẳng ai buồn trồng trọt. Ở đây um tùm bụi cây, những ngọn roi và đầy những điều bí mật công khai. Nhưng vẫn còn cây, khá nhiều cây, những cây còn sống sót khỏi lưỡi rìu, những cây phẳng phiu, một công trình điêu khắc. Vào những buổi sáng thanh bình sau khi sương giá đã tan, những cây này đứng đầy, tràn trề ánh sáng và ẩm ướt, màu trắng và xám tro, một vài cây màu thịt người.

Trong rừng cây bụi chẳng còn gì nữa, ngoài những dây phục linh nhỏ, màu đỏ tía của chúng nổi bật trên những màu tối hơn. Chỉ có yên lặng và một con thằn lằn đá. Và một con chó mới chết gần đây giòi bọ chưa kịp xâm nhập. Con chó bám đầy bụi nằm đầy, mõm lệch sang một bên trên hai chân trong dáng dấp bình dị của cái chết.

Lát sau, một chú bé xanh xao, chân hơi dài, đi đến rừng cây bụi. Nó lang thang tha thẩn ở đây, cọ trán vào vỏ cây. Nó bẻ cành cây chắt thành những đống nhỏ thành nhiều kiểu khác nhau. Nó viết nguệch ngoạc trên cát và mong đợi tìm thấy đá quý trên bề mặt sỏi đá.

Chú bé khăng khiu, thân hình phát triển quá dài so với chiếc quần đùi và cánh tay áo, đã từ ngôi nhà chết chóc xuống đây, vì nó không chịu đựng nổi nữa. Thế là ông nó đã chết rồi. Một cụ già nó yêu, nhưng chỉ từ xa, giữa đám vô bào. Cái chết làm thằng bé khiếp sợ, song ngay sau đó nó bình tâm lại và lĩnh hội tất cả mọi chi tiết lạ lùng, lý thú. Rồi nó bắt đầu cảm thấy nghẹt thở. Ta phải làm gì đây? Nó tự nhủ.

Do vậy nó đi đến rừng cây bụi. Nó mang trong túi một mảnh thủy tinh mà bà cho. Nó nằm ngửa trên đất cát, trên xơ rế cây và lá cây đang phân hủy; và nhìn qua mảnh thủy tinh vào sự bí hiểm màu đỏ thẫm của thế giới.

Nó sẽ làm gì?

Nó sẽ làm một bài thơ, nó tự nhủ, lê cái đầu từ bên này sang bên kia trên cát, nhưng mà chưa, thế thì làm cái gì? Sự bất lực, và đồng thời khả năng về bài thơ chưa viết, cứ giày vò nó. Bầu trời đỏ thẫm lướt trên khuôn mặt nó, và những thân cây nom giống những con rắn màu đỏ tía. Nó sẽ làm được một bài thơ về cái chết. Những dòng chữ dài dành cho những dịp này, những chữ cẩm thạch của từ điển, những từ bằng giấy trong các bẫy chuột sẽ trang trí cho bài thơ của nó. Nó hơi hoảng sợ về chuyện đó. Nhưng dĩ nhiên nó không tin vào điều đó, không thực sự tin. Nó không thể tin cái chết. Hoặc chỉ tin khi đi qua một phòng lớn tối tăm, trong đấy một chiếc áo khoác ngoài cũ dang hai cánh tay áo ra ôm choàng lấy nó. Thế thì cái chết phần nào có thể tin được vì nó vẫn còn vương mùi sự sống.

Vậy thì nó sẽ làm một bài thơ về cuộc sống, về tất cả cuộc sống, về những gì nó không hề biết, nhưng đã biết, về tất cả mọi người,

ngay cả những người khép kín, những người cởi mở trên đường nhựa và tàu hỏa. Nó sẽ cho tàu hỏa chạy trên đường ray bạc, những con người vẫn mơ hồ trên giá đỡ, chẳng mấy chốc sẽ tỉnh giấc và sờ soạng tìm tiền bạc, bộ răng. Những mẫu ý nghĩ nhỏ nhiều màu sắc mà nó chợt nảy ra, rồi nhìn ngắm hồi lâu, sẽ đi vào trong bài thơ của nó, cả những bức điện khẩn, những mảnh vụn của các lá thư bị xé rơi ra khỏi những làn kim loại. Nó sẽ viết về những cửa sổ mà nó đã nhìn vào bên trong. Giấc ngủ, dĩ nhiên, cái chần lờng vệt màu xanh phân cách cuộc đời này với cuộc đời khác. Bài thơ của nó đang thành hình. Bài thơ mang mùi bánh mì, và trí tuệ xam xám của tuổi trẻ, và những quả kim quất của bà nó, và những cô gái có bím tóc vàng đang tâm sự chuyện tình đằng sau bàn tay họ, và dòng máu đập thành thạch, và những quả táo đỏ, và một áng mây trắng nho nhỏ sẽ phồng to thành một con ngựa giẫm lên cả bầu trời sau khi gom gió bên trong.

Trong khi bài thơ dâng lên trong người nó, nó không chịu nổi bài thơ, đúng hơn, không chịu nổi cái vốn dĩ là sự bất lực của nó. Một lát sau, không biết làm gì ngoài việc kẻ nguệch ngoạc trên những thân cây đã bị kẻ nguệch ngoạc, nó trở lại cái nhà trong đấy ông nó đã chết, mang theo sự vĩ đại của ông, một điều vẫn còn là một bí mật.

Để rồi rốt cục còn lại những cây là cây. Đứa bé đi qua các thân cây, đầu cúi xuống trong khi hình vóc lớn lên. Nảy ra những chồi tư tưởng xanh lục. Vì thế, rốt cục, chẳng hề có kết thúc.

**HẾT**

## CHÚ THÍCH

[1] Laocoön: Trong thần thoại Hy Lạp là người thành Troy, ông cùng hai con trai bị các thần phái rắn biển tấn công.

[2] Joie de vivre (tiếng Pháp): niềm vui sống.

[3] Tên một món thịt viên sốt cà chua Hy Lạp.

[4] Tên một món thịt viên Hy Lạp.

[5] Thuốc điều trị hạ huyết áp, viêm mũi, viêm xoang.

[6] Trích bài thơ *On Wenlock Edge* của A.E. Housman, nhà thơ người Anh nổi tiếng thời Edward.

[7] George Gordon Byron (1788-1824), nhà thơ lớn nước Anh.

## **MỤC LỤC**

Cây Người

PHẦN MỘT

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

PHẦN HAI

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG 11

CHƯƠNG 12

CHƯƠNG 13

PHẦN BA

CHƯƠNG 14

CHƯƠNG 15

CHƯƠNG 16

CHƯƠNG 17

CHƯƠNG 18

CHƯƠNG 19

PHẦN BỐN



CHƯƠNG 20  
CHƯƠNG 21  
CHƯƠNG 22  
CHƯƠNG 23  
CHƯƠNG 24  
CHƯƠNG 25  
CHƯƠNG 26  
CHÚ THÍCH